

ĐẢNG BỘ KHỐI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HÀ NỘI
ĐẢNG ỦY ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



KỶ YẾU KHOA HỌC

CHÍNH LUẬN VỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG
TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG NĂM 2025

(Lưu hành nội bộ)



Tháng 5 năm 2025



ĐẢNG BỘ KHỐI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HÀ NỘI
ĐẢNG ỦY ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

KỶ YẾU KHOA HỌC

CHÍNH LUẬN VỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG
TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG NĂM 2025

(Lưu hành nội bộ)

HÀ NỘI, THÁNG 5 NĂM 2025

MỤC LỤC

GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC - CHỦ THỂ QUAN TRỌNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG KỶ NGUYÊN MỚI.....	1

PGS.TS. Lê Kim Ngọc

Chi bộ Viện Kế toán - Kiểm toán

CHỦ ĐỀ: CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG.....	6

Lê Thị Thu Mai

Chi bộ Khoa Marketing, Trường Kinh doanh

BẢO VỆ NHỮNG GIÁ TRỊ KHOA HỌC CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG TÌNH HÌNH MỚI.....	13

TS. Đặng Huy Ngân

Chi bộ khoa Khoa học cơ sở

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG.....	21

Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Trịnh Hoài Sơn, Trần Thị Bích Hạnh

Chi bộ Khoa Hệ thống thông tin quản lý

CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO "DĨ BẤT BIẾN, ỨNG VẠN BIẾN" CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI MỚI	33

Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Nguyễn Hồng Quân, Trần Quang Yên

Chi bộ Khoa Hệ thống thông tin quản lý, Trường Công nghệ

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN SỐ.....	47

PGS.TS. Hà Sơn Tùng, PGS.TS. Nguyễn Kế Nghĩa,

TS. Đặng Thị Kim Thoa

Chi bộ Khoa QTKD, Trường Kinh doanh

XÂY DỰNG PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO CHUYỂN ĐỔI DỰA TRÊN NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG	56

Nguyễn Đức Nhân

Phó Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch Hội Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân; Chi ủy viên Chi bộ Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực.

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG.....	69

TS. Cao Quốc Quang

Chi bộ Khoa Thống kê

TINH GỌN BỘ MÁY, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ QUỐC GIA TRONG BỐI CẢNH KỶ NIỆM 50 NĂM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC VÀ HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIV	79

Phạm Thị Thanh Nhân

Chi bộ Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực

SV. Phạm Đỗ Mai Chi, SV. Bùi Thị Thanh Xuân

Lớp Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực 64

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG HIỆU QUẢ: BẢO VỆ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO, LIÊM CHÍNH, HÀNH ĐỘNG	94

Đinh Viết Hoàng

Chi bộ Khoa Khoa học Quản lý, Trường Kinh tế và Quản lý công

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH KINH TẾ ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC GẮN VỚI BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG KỶ NGUYÊN MỚI.....	108

Trần Trọng Đức

Chi bộ Viện Thương mại và Kinh tế Quốc tế

ĐẤU TRANH, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KHU VỰC TƯ NHÂN - CHỦ TRƯỞNG ĐÚNG ĐẮN CỦA ĐẢNG.....	117

Chi bộ Viện Phát triển Bền vững

GIỮ VỮNG NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG KỶ NGUYÊN SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO, THÁCH THỨC VÀ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP CHO MÔI TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....	130

Chi bộ Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên

THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TINH GỌN BỘ MÁY TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NHẪM MỤC TIÊU ĐƯA ĐẤT NƯỚC VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI GẮN VỚI ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC LUẬN ĐIỀU SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH	139

Chi bộ Khoa Công nghệ thông tin

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ TOÀN CẦU HÓA ĐẾN QUÁ TRÌNH THỰC THI QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	153

Nguyễn Trung Tuấn

Chi bộ Khoa Công nghệ thông tin

NHẬN DIỆN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRÊN CÁC LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG, VĂN HÓA, GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	167

Nguyễn Ngọc Tuấn

Chi bộ Khoa Công nghệ thông tin

CẢI CÁCH BỘ MÁY HÀNH CHÍNH: CHỦ TRƯỞNG ĐÚNG ĐẮN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC.....	176

Tống Thị Hảo Tâm

Chi bộ Khoa Công nghệ thông tin- Trường Công Nghệ

XÂY DỰNG PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRONG THỜI ĐẠI CHUYỂN ĐỔI SỐ	185

Tống Thị Minh Ngọc

Chi bộ khoa Công nghệ thông tin

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, CẢM QUYỀN CỦA ĐẢNG; ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG; ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO, CẢM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	190

Phạm Minh Hoàn

Chi bộ Khoa Công nghệ thông tin

ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG CÁC LUẬN ĐIỀU, QUAN ĐIỂM LỆCH LẠC, SAI TRÁI NHẪM GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG THỜI ĐẠI KỶ NGUYÊN SỐ.....	200

Lưu Minh Tuấn

Chi bộ khoa Công nghệ thông tin

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ VAI TRÒ NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN	204

Triệu Khánh Toàn

Chi bộ Khoa Ngoại ngữ Kinh tế, Trường Kinh tế và Quản lý Công,

AN NINH DÂN SỐ: NỀN TẢNG BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA.....	207

Ngô Quỳnh An, Trần Huy Phương

Chi bộ khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực

KẾT HỢP CÙNG CỐ, LAN TỎA GIÁ TRỊ ĐÚNG ĐẮN VÀ ĐẤU TRANH, PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI TRONG TUYÊN TRUYỀN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG VÀ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỦA MỖI CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC.....	221

Chi bộ Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE

CÔNG TÁC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY: PHƯƠNG THỨC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	228

Vũ Hoàng Nam

Chi bộ Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI: KIÊN ĐỊNH, SÁNG TẠO, PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	234

Phạm Vũ Anh

Chi bộ Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI	237

Phạm Đan Khánh

Chi bộ Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE

SỨ MỆNH THANH NIÊN TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC	240

Giang Thị Kim Anh

Chi bộ Văn phòng Đảng – Đoàn thể

BỒI DƯỠNG THỂ HỆ CÁCH MẠNG TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC	255

Giang Thị Kim Anh

Chi bộ Văn phòng Đảng – Đoàn thể

VAI TRÒ CỦA THANH NIÊN TRONG VIỆC NHẬN DIỆN, PHÊ PHÁN CÁC BIỂU HIỆN LỆCH LẠC, LỆCH CHUẨN TRONG XÃ HỘI VÀ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG.....	267

TS. Vũ Trí Tuấn

Bí thư Đoàn Thanh niên

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG	278

TS. Vũ Trí Tuấn

Bí thư Đoàn Thanh niên

SV. Phạm Trọng Bình

Viện Đào tạo tiên tiến, chất lượng cao và POHE

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐOÀN VIÊN, THANH NIÊN TRONG VIỆC ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH THÔNG QUA BỒI DƯỠNG LÒNG YÊU NƯỚC, TỰ HÀO, TỰ TÔN DÂN TỘC BẰNG CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG TRỰC TUYẾN.....	287

TS. Vũ Trí Tuấn

Chi bộ Khoa Khoa học quản lý

**TĂNG CƯỜNG ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN
VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI.....298**

TS. Nguyễn Xuân Thắng

Chi bộ Viện Đào tạo Sau đại học

**NGUỒN LỰC VÀ ĐỘNG LỰC ĐẦU TƯ NHẪM THÚC ĐẨY TĂNG
TRƯỞNG CAO TRONG KỶ NGUYÊN MỚI 307**

PGS.TS. Phạm Văn Hùng

Bí thư chi bộ, Khoa Đầu tư

**PHÁT TRIỂN KHU VỰC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRONG NỀN
KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 321**

TS. Nguyễn Phúc Hải

Chi bộ Khoa Kinh tế học

**SINH VIÊN KHOA MARKETING ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
THÍCH ỨNG VỚI BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TÍCH CỰC
TRONG NHIỆM VỤ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG
TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG 336**

Huỳnh Văn Khải

Chi bộ khoa Marketing

**BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH_ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN
LIÊN QUAN 343**

Vũ Nam

Chi bộ Khoa Du lịch và Khách sạn, Trường Kinh doanh

**BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SÁNG TẠO 353**

Đào Minh Ngọc

Chi bộ Khoa Du lịch và Khách sạn, Trường Kinh doanh

**THANH NIÊN VIỆT NAM VÀ CUỘC ĐỐI THOẠI VĂN HÓA CỦA 361
THẾ GIỚI SỐ 361**

Trần Việt An

Chi bộ Khoa Marketing

Giang Thị Kim Anh

Văn phòng Đảng Đoàn thể

SV. Bế Ngọc Trâm, SV. Đinh Lê Anh Thư, SV, Hồ Quỳnh Trang

Đại học Kinh tế Quốc dân

CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG.....	373

Chi bộ Trung tâm ứng dụng Công nghệ thông tin

XÂY DỰNG NIỀM TIN KHOA HỌC VÀO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH CỦA THẾ HỆ TRẺ TRONG KỶ NGUYÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ	379

Chi bộ Phòng Quản lý Đào tạo

GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC - CHỦ THỂ QUAN TRỌNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

PGS.TS. Lê Kim Ngọc

Chi bộ Viện Kế toán - Kiểm toán

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò then chốt của việc giữ vững và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng – chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh – trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, với khát vọng trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI. Trên cơ sở nhận diện các thách thức tư tưởng trong thời đại số, đặc biệt trong môi trường giáo dục đại học, bài viết đề xuất những định hướng cụ thể đối với đội ngũ giảng viên – lực lượng nòng cốt trong việc hình thành bản lĩnh chính trị và ý thức công dân cho thế hệ trẻ. Thông qua các hoạt động thực tiễn tại Đại học Kinh tế Quốc dân, bài viết khẳng định vai trò không thể thay thế của giảng viên trong sự nghiệp bảo vệ nền tảng tư tưởng và hiện thực hóa khát vọng phát triển dân tộc.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác – Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đảng Cộng sản Việt Nam; nền tảng tư tưởng; giảng viên đại học; sinh viên; giáo dục chính trị tư tưởng; Đại hội XIII; khát vọng phát triển.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, thế giới chứng kiến những biến đổi sâu sắc về kinh tế, chính trị, xã hội và đặc biệt là hệ giá trị tư tưởng. Đối với Việt Nam, đây là giai đoạn bản lề để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước hùng cường vào giữa thế kỷ XXI. Để đạt được mục tiêu ấy, việc giữ vững và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng – chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh – cần được xác định là nhiệm vụ trung tâm, xuyên suốt trong chiến lược phát triển bền vững quốc gia. Đặc biệt, trong môi trường đại học – nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao – giảng viên giữ vai trò then chốt trong công tác tư tưởng, góp phần xây dựng thế hệ trẻ có bản lĩnh chính trị vững vàng, lý tưởng cách mạng và tinh thần trách nhiệm xã hội.

2. Nền tảng tư tưởng – Cội nguồn sức mạnh của cách mạng Việt Nam

Suốt hơn 90 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là nền móng lý luận vững chắc, là kim chỉ nam cho mọi đường lối, chính sách,

đồng thời là nguồn động lực tinh thần to lớn của toàn dân tộc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nền tảng tư tưởng có vai trò định hướng cho mục tiêu và con đường phát triển của sự nghiệp cách mạng Việt Nam Chủ nghĩa Mác – Lênin đã cung cấp những nguyên lý khoa học về sự vận động, phát triển của xã hội loài người, giúp Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ mục tiêu cách mạng là giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, và hướng tới chủ nghĩa cộng sản. Tư tưởng Hồ Chí Minh đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc "Việt Nam hóa" chủ nghĩa Mác – Lênin, đề cao độc lập dân tộc, gắn liền với chủ nghĩa xã hội; từ đó đưa ra con đường cách mạng Việt Nam riêng biệt nhưng phù hợp với quy luật tiến bộ của nhân loại.

Một nền tảng tư tưởng vững chắc đã giúp quy tụ được lòng dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân – yếu tố then chốt của mọi thắng lợi cách mạng. Tư tưởng Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.” Sự đoàn kết đó không thể hình thành nếu không có một điểm tựa tư tưởng chung.

Nền tảng tư tưởng đã khơi dậy niềm tin, ý chí và tinh thần cách mạng. Trong những giai đoạn khốc liệt nhất của lịch sử, từ chống Pháp, chống Mỹ đến vượt qua khủng hoảng và phát triển kinh tế – xã hội, chính nền tảng tư tưởng đã củng cố niềm tin, tiếp thêm ý chí chiến đấu cho quân và dân Việt Nam. Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, còn tư tưởng Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò con người, sức mạnh của nhân dân, từ đó thôi thúc hành động.

Lịch sử cách mạng Việt Nam là minh chứng sinh động cho sức mạnh của nền tảng tư tưởng ấy: từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, đến Đại thắng mùa xuân năm 1975 và công cuộc đổi mới toàn diện từ năm 1986 đến nay. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu “kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giữ vững và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng”. Đây vừa là nguyên tắc lý luận, vừa là bài học thực tiễn trong tiến trình cách mạng.

3. Những thách thức trong kỷ nguyên số đối với nền tảng tư tưởng

Bước vào thời đại số với sự phát triển mạnh mẽ của internet, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo và toàn cầu hóa, nền tảng tư tưởng của Đảng đang phải đối mặt với nhiều thách thức chưa từng có. Việc nhận diện rõ những thách thức này là điều cần thiết để giữ vững định hướng tư tưởng và tiếp tục phát triển con đường cách mạng Việt Nam

một cách đúng đắn, phù hợp với thời đại.

Trong kỷ nguyên số, thông tin không còn bị giới hạn trong phạm vi quốc gia mà lan tỏa nhanh chóng và rộng khắp toàn cầu. Các thế lực thù địch đã lợi dụng internet và mạng xã hội để phát tán thông tin sai lệch, xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ lãnh tụ, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và nền tảng tư tưởng của cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, thông qua các nền tảng như YouTube, Facebook, TikTok..., các nội dung phản động được ngụy trang dưới dạng bình luận xã hội, giải trí, gây ra sự hoài nghi và mất phương hướng cho một bộ phận không nhỏ người dân, nhất là thanh niên. Điều này đe dọa đến niềm tin chính trị, sự ổn định xã hội và nguy cơ “xói mòn” nền tảng tư tưởng trong đời sống thực tiễn.

Kỷ nguyên số khuyến khích cá nhân phát triển, tạo điều kiện để người trẻ thể hiện bản thân, tiếp cận nhiều giá trị mới. Tuy nhiên, cùng với đó là sự lan rộng của tư tưởng thực dụng, coi nhẹ lý tưởng cách mạng, xem chính trị và tư tưởng là thứ xa vời. Một bộ phận thanh niên ngày nay có xu hướng “sống nhanh”, “sống gấp”, đặt mục tiêu vật chất lên hàng đầu, ít quan tâm đến lịch sử dân tộc, ít tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh hay lý luận Mác – Lênin. Đây là một nguy cơ lớn làm suy giảm tính tiếp nối và kế thừa tư tưởng cách mạng trong thế hệ tương lai.

Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và công nghệ số đã đưa văn hóa ngoại lai du nhập ồ ạt vào Việt Nam. Nhiều giá trị văn hóa phương Tây không phù hợp với truyền thống và lý tưởng cách mạng đang dần len lỏi vào đời sống giới trẻ, dẫn đến sự xung đột giá trị và tư tưởng. Trong nội bộ một số cán bộ, đảng viên, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về tư tưởng chính trị cũng có chiều hướng gia tăng. Họ dễ bị lung lay lập trường, xa rời nền tảng tư tưởng cách mạng nếu thiếu bản lĩnh chính trị và sự rèn luyện thường xuyên. Đây là nguy cơ trực tiếp đối với sự vững mạnh của tổ chức Đảng và hệ tư tưởng lãnh đạo.

Một trong những thách thức lớn hiện nay là nền tảng tư tưởng cách mạng nếu không được đổi mới hình thức và nội dung truyền tải sẽ ngày càng xa rời đời sống thực tiễn, đặc biệt trong thế giới công nghệ số, nơi con người quen với hình ảnh, tốc độ nhanh, tính trực quan. Nếu các giá trị tư tưởng được trình bày theo lối giáo điều, khô khan, khó tiếp cận thì sẽ khó thu hút người trẻ – đối tượng then chốt trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển tư tưởng cách mạng. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hiện đại hóa việc giáo dục lý luận, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác tư tưởng.

Công tác giáo dục tư tưởng trong kỷ nguyên số đang đối mặt với nhiều trở

ngại như phương pháp giảng dạy chưa theo kịp thói quen tiếp nhận thông tin mới, nội dung truyền tải chưa hấp dẫn, thiếu tương tác, người học dễ bị phân tán bởi lượng thông tin khổng lồ và đa chiều trên mạng. Nếu không có đổi mới căn bản, giáo dục lý luận sẽ mất dần sức thuyết phục và hiệu quả, dẫn đến khoảng trống về niềm tin tư tưởng trong một bộ phận nhân dân.

4. Giảng viên đại học – Chủ thể quan trọng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng

Giảng viên đại học là người truyền bá, giáo dục tư tưởng chính trị cho thế hệ trẻ, giúp sinh viên – đặc biệt là tầng lớp trí thức tương lai – hiểu đúng, tin tưởng và vận dụng tư tưởng cách mạng vào thực tiễn. Đây là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng vì sinh viên là nhóm dễ bị tác động bởi thông tin đa chiều, dễ bị “nhiều loạn nhận thức” nếu thiếu định hướng tư tưởng đúng đắn. Giảng viên chính là người “gạn đục khơi trong”, hướng dẫn tư duy phản biện tích cực, dựa trên nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trong môi trường học thuật, giảng viên có lợi thế về lý luận, khả năng tiếp cận thông tin và kỹ năng phản biện. Do đó, họ có vai trò rất lớn trong việc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng – lý luận, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc, nhất là trên không gian mạng – nơi đang diễn ra cuộc chiến tư tưởng ngầm nhưng quyết liệt. Giảng viên không chỉ phản bác mà còn lan tỏa giá trị tích cực, khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm và lý tưởng cách mạng trong sinh viên.

Bên cạnh giảng dạy, giảng viên đại học còn tham gia nghiên cứu khoa học, đóng góp vào quá trình phát triển lý luận của Đảng. Những công trình nghiên cứu của họ có thể bổ sung, làm sáng rõ thêm những khía cạnh của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới. Sự kết hợp giữa nghiên cứu và giảng dạy giúp nền tảng tư tưởng không bị “bảo thủ” mà luôn được làm mới, gần gũi với thực tiễn, qua đó tăng tính thuyết phục với người học.

Trong môi trường học thuật cởi mở, vai trò của giảng viên là không thể thay thế. Tại Đại học Kinh tế Quốc dân, nhiều sáng kiến đã được triển khai nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị như đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ, mô hình lecture – seminar, học qua tình huống... giúp sinh viên tiếp cận lý luận chính trị một cách sinh động và thực tiễn. Các cuộc thi như “*Olympic các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*”, “*Hội thi ánh sáng soi đường*” đã trở thành diễn đàn lý tưởng để trao đổi, lan tỏa niềm tin lý tưởng trong sinh viên. Nhiều giảng viên Đại học Kinh tế Quốc dân đã tích cực viết bài phản biện các quan điểm sai trái trên các tạp chí uy tín. Tất cả cho thấy đội ngũ giảng viên không chỉ là người dạy, mà còn là người dẫn đường, truyền cảm hứng, củng cố niềm tin và lý

tưởng cho sinh viên – những chủ nhân tương lai của đất nước; giúp sinh viên hiểu đúng – tin sâu – hành động mạnh mẽ vì mục tiêu phát triển quốc gia theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

5. Kết luận

Giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay là một nhiệm vụ chiến lược, xuyên suốt và cấp thiết. Trong đó, giảng viên đại học – đặc biệt là các nhà giáo dục lý luận chính trị – chính là lực lượng nòng cốt, vừa là “người gieo mầm tư tưởng”, vừa là “chiến sĩ tiên phong” trên mặt trận đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng. Phát huy vai trò của giảng viên đại học không chỉ góp phần củng cố niềm tin chính trị cho thế hệ trẻ, mà còn là chìa khóa để thực hiện thành công khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong thế kỷ XXI.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập I–II). NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2019). Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.
3. Nguyễn Phú Trọng. (2021). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tạp chí Cộng sản.
4. Nguyễn Thị Thanh Tâm. (2024). Vai trò của giảng viên lý luận chính trị ở các trường đại học trong việc phản bác các luận điệu xuyên tạc, sai trái về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tạp chí Cộng sản https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/891002/view_content#
5. Phan Hải Hồ. (2024). *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh mới*. Tạp chí Cộng sản https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/da-tranh-phan-bac-cac-luan-dieu-sai-trai-thu-dich/chi-tiet/-/asset_publisher/YqSB2JpnYto9/content/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-da-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-trong-boi-can-h-moi

CHỦ ĐỀ: CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Lê Thị Thu Mai

Chi bộ Khoa Marketing, Trường Kinh doanh

Trong kỷ nguyên số, chuyển đổi số đã trở thành một xu thế tất yếu, mang tính cách mạng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, kinh tế, chính trị và văn hóa. Việt Nam, với tinh thần đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, đã xác định chuyển đổi số là một trong những trụ cột quan trọng nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và tăng cường sức mạnh quốc gia. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội to lớn, chuyển đổi số cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trên không gian mạng – một nhiệm vụ trọng yếu, quyết định sự ổn định chính trị và phát triển bền vững của đất nước.

Bài viết này sẽ làm rõ định nghĩa chuyển đổi số, đường lối của Đảng về chuyển đổi số, vai trò của chuyển đổi số trong phát triển đất nước, đồng thời phân tích những tác động tiêu cực khi công nghệ số bị lạm dụng, ảnh hưởng đến nền tảng tư tưởng của Đảng. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các bài học kinh nghiệm và giải pháp nhằm bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng trong thời kỳ chuyển đổi số.

1. Khái quát về chuyển đổi số

1.1. Khái niệm chuyển đổi số

Chuyển đổi số (digital transformation) là quá trình ứng dụng công nghệ số vào tất cả các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và xã hội nhằm thay đổi căn bản cách thức vận hành, tạo ra giá trị mới, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh. Đây không chỉ đơn thuần là việc số hóa dữ liệu hay tự động hóa quy trình, mà còn là sự thay đổi toàn diện về tư duy, văn hóa, mô hình kinh doanh và phương thức quản lý.

Theo FptDigital (2022), chuyển đổi số được hiểu là “quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số”. Trong khi đó, các chuyên gia công nghệ số nhấn mạnh chuyển đổi số là sự chuyển đổi đột phá, tạo ra các mô hình mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

Chuyển đổi số không chỉ là vấn đề công nghệ mà còn là sự thay đổi về tư duy, chiến lược và văn hóa tổ chức. Đây là một cuộc cách mạng toàn diện, đòi hỏi sự đồng bộ giữa con người, công nghệ và quy trình để tạo ra những giá trị mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

1.2. Các thành phần cốt lõi của chuyển đổi số

Chuyển đổi số bao gồm ba trụ cột chính:

- **Chuyển đổi về công nghệ:** Ứng dụng các công nghệ tiên tiến như điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), blockchain,... để số hóa và tự động hóa các quy trình, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới.
- **Chuyển đổi về quy trình:** Tái cấu trúc các quy trình làm việc, quản lý, sản xuất dựa trên công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả, giảm chi phí, tăng tốc độ và tính minh bạch trong hoạt động.
- **Chuyển đổi về con người và văn hóa:** Thay đổi tư duy, nâng cao kỹ năng số và xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, thích ứng với môi trường số. Đây là yếu tố quyết định thành công của chuyển đổi số.

1.3. Chuyển đổi số trong bối cảnh quốc tế và Việt Nam

Trên thế giới, các quốc gia phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước EU đã coi chuyển đổi số là chiến lược quốc gia, tạo ra bước đột phá trong phát triển kinh tế và nâng cao vị thế quốc tế. Việt Nam cũng không đứng ngoài xu thế này. Chính phủ Việt Nam đã xác định chuyển đổi số là một trong ba trụ cột phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Việt Nam đã và đang tập trung xây dựng các nền tảng số quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số và công dân số. Những bước đi này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

2. Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về chuyển đổi số

2.1. Chuyển đổi số trong các văn kiện của Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm nhận thức tầm quan trọng của chuyển đổi số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021), chuyển đổi số được xác định là một trong những đột phá chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng về chuyển đổi số, trong đó đáng chú ý là:

- **Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019** về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh chuyển đổi số quốc gia là nhiệm vụ trọng tâm.
- **Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3-6-2020** phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
- **Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024** phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, nhằm xây dựng hạ tầng số, ứng dụng công nghệ hiện đại phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo.
- **Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024** của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Những văn kiện này thể hiện sự quyết tâm của Đảng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số, đồng thời nhấn mạnh việc bảo vệ nền tảng tư tưởng trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh mẽ.

2.2. Mục tiêu và yêu cầu chuyển đổi số theo Đảng

Mục tiêu chuyển đổi số theo Đảng là xây dựng nền kinh tế số, xã hội số, chính phủ số, đồng thời nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trên không gian mạng. Việc chuyển đổi số phải đảm bảo phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc và nền tảng tư tưởng của Đảng. Yêu cầu chuyển đổi số theo định hướng của Đảng đặt ra như sau:

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, điều hành, tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng.
- Tăng cường bảo vệ an ninh mạng, an toàn thông tin, ngăn chặn các âm mưu, thủ đoạn phá hoại tư tưởng chính trị trên không gian mạng.
- Phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên trong việc làm chủ công nghệ số, nâng cao nhận thức và kỹ năng số.

3. Vai trò của chuyển đổi số trên không gian mạng đối với sự phát triển đất nước và đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Thứ nhất, chuyển đổi số tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển đổi số tạo ra sự thay đổi căn bản trong phương thức sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước và đời sống xã hội. Qua việc ứng dụng công nghệ số, các doanh nghiệp có thể

nâng cao năng suất, giảm chi phí, mở rộng thị trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Các ngành kinh tế số như thương mại điện tử, tài chính số, y tế số, giáo dục số phát triển mạnh mẽ, góp phần tăng trưởng GDP. Ngoài ra, chính phủ số giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, thuận lợi. Xã hội số thúc đẩy công dân số, nâng cao trình độ dân trí, thu hẹp khoảng cách số, đảm bảo công bằng xã hội.

Thứ hai, chuyển đổi số giúp tăng cường công tác tư tưởng, chính trị trên không gian mạng. Không gian mạng là môi trường quan trọng để Đảng tuyên truyền chủ trương, chính sách, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chuyển đổi số giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này thông qua các nền tảng số, mạng xã hội, các ứng dụng truyền thông đa phương tiện. Chuyển đổi số cũng giúp xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu chính xác, kịp thời phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, góp phần giữ vững nền tảng tư tưởng, ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ ba, chuyển đổi số giúp thúc đẩy đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý của Đảng. Việc áp dụng công nghệ số giúp Đảng đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và khả năng dự báo, phản ứng nhanh với các tình huống. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên được thực hiện hiệu quả hơn nhờ dữ liệu số.

4. Một số trường hợp thực tiễn về việc công nghệ số bị lạm dụng, ảnh hưởng đến nền tảng tư tưởng chính trị của đảng viên

4.1. Phát tán tin giả, tin xuyên tạc trên mạng xã hội

Trong những năm gần đây, mạng xã hội trở thành nơi phát tán nhanh chóng các thông tin sai lệch, tin giả, xuyên tạc về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ví dụ, trong đợt đại dịch COVID-19, nhiều thông tin giả mạo về tình hình dịch bệnh, vaccine, biện pháp phòng chống được lan truyền rộng rãi, gây hoang mang dư luận, làm giảm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Các tin giả này không chỉ ảnh hưởng đến nhận thức của người dân mà còn tác động tiêu cực đến tư tưởng của một bộ phận đảng viên, làm giảm sự thống nhất trong nội bộ Đảng, gây khó khăn cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

4.2. Tuyên truyền quan điểm phản động, thù địch qua không gian mạng

Một số tổ chức, cá nhân lợi dụng không gian mạng để tuyên truyền các quan điểm phản động, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, kích động biểu tình, gây mất ổn định chính trị xã hội. Ví dụ, các trang mạng, nhóm trên Facebook,

YouTube đã phát tán các video, bài viết có nội dung xuyên tạc, bôi nhọ lãnh tụ, phủ nhận thành tựu cách mạng, kích động chống đối. Việc tiếp nhận những thông tin này ảnh hưởng trực tiếp đến tư tưởng chính trị của một số đảng viên, nhất là những người chưa đủ bản lĩnh chính trị, làm suy yếu niềm tin vào đường lối của Đảng.

4.3. Lệ thuộc vào mạng xã hội, giảm khả năng tiếp nhận thông tin chính thống

Sự phổ biến của mạng xã hội khiến một bộ phận đảng viên và cán bộ chủ chốt có xu hướng tiếp nhận thông tin chủ yếu qua các kênh mạng xã hội, thiếu kiểm chứng, dẫn đến tiếp nhận thông tin thiên lệch, sai sự thật. Điều này làm giảm hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, ảnh hưởng đến đạo đức, phong cách và nhận thức của đảng viên. Một số trường hợp còn sử dụng mạng xã hội để chia sẻ quan điểm cá nhân không phù hợp với đường lối của Đảng, gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và hình ảnh của tổ chức Đảng.

5. Bài học kinh nghiệm và giải pháp đề xuất

5.1. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn trên, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm giúp bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng trong thời kỳ chuyển đổi số.

Một là, do chuyển đổi số vừa là cơ hội vừa là thách thức, đảng viên cần có nhận thức đúng đắn về chuyển đổi số và tác động của nó, từ đó có thể chủ động ứng phó, tận dụng các lợi thế công nghệ để phát triển đất nước và bảo vệ nền tảng tư tưởng.

Hai là, các cơ quan quản lý Đảng từ trung ương đến địa phương cần quản lý, kiểm soát thông tin trên không gian mạng là nhiệm vụ trọng yếu. Không gian mạng là “mặt trận tư tưởng” mới, nơi diễn ra các cuộc đấu tranh tư tưởng, chính trị. Do đó, việc kiểm soát, ngăn chặn các thông tin sai lệch, xuyên tạc, phản động là vô cùng quan trọng để giữ vững niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ba là, cần tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng và kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên. Để đảng viên không bị ảnh hưởng bởi các thông tin tiêu cực, cần nâng cao nhận thức, kỹ năng phân tích, đánh giá thông tin, đồng thời giáo dục lòng trung thành với lý tưởng cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bốn là, cần phát huy vai trò của các tổ chức, lực lượng trong đấu tranh trên không gian mạng. Các tổ chức Đảng, đoàn thể, lực lượng công an, an ninh mạng cần phối hợp chặt chẽ để phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng công nghệ số phá hoại tư tưởng chính trị.

5.2. Giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trên không gian mạng trong thời kỳ chuyển đổi số

Xuất phát từ các bài học kinh nghiệm rút ra từ các tình huống thực tiễn, tác giả đề xuất một số giải pháp sau nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trên không gian mạng trong thời kỳ chuyển đổi số.

5.2.1. Hoàn thiện hạ tầng công nghệ số và hệ thống quản lý thông tin của Đảng

- Xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia về công tác Đảng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn để giám sát, phát hiện sớm các biểu hiện lệch chuẩn trên không gian mạng.

- Phát triển các nền tảng truyền thông số chính thống, tăng cường tính hấp dẫn, tương tác để thu hút cán bộ, đảng viên và nhân dân.

5.2.2. Đào tạo, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên

- Tổ chức các khóa đào tạo về chuyển đổi số, an toàn thông tin, kỹ năng phân tích, đánh giá thông tin trên mạng.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về tác hại của tin giả, quan điểm sai trái, thù địch, nâng cao cảnh giác tư tưởng.

5.2.3. Xây dựng “thế trận lòng dân” trên không gian mạng

- Phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, báo chí, mạng xã hội trong việc tuyên truyền, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

- Tạo môi trường mạng lành mạnh, khuyến khích cán bộ, đảng viên tích cực tham gia đấu tranh tư tưởng.

5.2.4. Tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng

- Cơ quan Đảng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ ngành liên quan phối hợp chặt chẽ trong quản lý, kiểm soát thông tin trên mạng.

- Xây dựng cơ chế xử lý nghiêm minh các hành vi lợi dụng công nghệ số để phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng.

5.2.5. Đổi mới phương thức công tác tư tưởng, chính trị trên nền tảng số

- Ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Phát triển các ứng dụng, phần mềm hỗ trợ công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tạo sự tương tác, hấp dẫn.

Nhìn chung, chuyển đổi số là xu thế tất yếu, mang lại nhiều cơ hội phát triển cho đất nước và công tác Đảng. Tuy nhiên, chuyển đổi số cũng đặt ra những thách thức lớn đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trên không gian mạng. Việc nhận diện rõ vai trò, thách thức và áp dụng các giải pháp đồng bộ, hiệu quả là yêu cầu cấp bách để giữ vững niềm tin, bản sắc và sự lãnh đạo của Đảng trong kỷ nguyên số, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam phát triển bền vững, hiện đại và văn minh.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2024), “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng”, Tạp chí Xây dựng Đảng, số 3/2024.
2. Báo Nhân Dân (2024), “Chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền”, <https://nhandan.vn/chuyen-doi-so-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-tuyen-truyen-post846716.html>
3. Bộ Chính trị (2019), Nghị quyết số 52-NQ/TW về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
4. FptDigital (2022), “Chuyển đổi số: Định nghĩa, vai trò và cách thực hiện hiệu quả”, <https://digital.fpt.com/tu-van/chuyen-doi-so.html>
5. ICT Vietnam (2025), “Vai trò của chuyển đổi số trong truyền thông chính sách góp phần xây dựng hệ giá trị quốc gia Việt Nam”, <https://ictvietnam.vn/vai-tro-cua-chuyen-doi-so-trong-truyen-thong-chinh-sach-gop-phan-xay-dung-he-gia-tri-quoc-gia-viet-nam-68317.html>
6. Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

BẢO VỆ NHỮNG GIÁ TRỊ KHOA HỌC CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TS. Đặng Huy Ngân

Chi bộ khoa Khoa học cơ sở

Tóm tắt: Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Đảng ta luôn lấy chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động. Các thế lực thù địch thì luôn ra sức xuyên tạc giá trị, tính khoa học, tính cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lê nin nhằm chống phá cách mạng Việt Nam. Do vậy việc nghiên cứu những giá trị khoa học của chủ nghĩa Mác- Lê nin có tầm quan trọng đặc biệt đồng thời chúng ta cần không ngừng bổ sung, phát triển tư tưởng, lý luận trên cơ sở thực tiễn đời sống; chủ động ứng phó, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng; bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin bằng thành quả của thực tiễn cách mạng.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác-Lê nin, triết học Mác, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

1. Mở đầu

Triết học Mác - Lênin là một trong những thành tố cốt lõi tạo nên hệ thống lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác, bên cạnh kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. Nó không chỉ là thế giới quan và phương pháp luận của giai cấp công nhân mà còn là kim chỉ nam lý luận cho sự nghiệp cải tạo xã hội, giải phóng con người và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh hiện nay, khi thế giới đang đối mặt với nhiều biến động, sự trỗi dậy của các quan điểm phản động, phi Marxist cùng những diễn biến phức tạp trong không gian mạng, thì việc bảo vệ và phát triển những giá trị khoa học của triết học Mác - Lênin càng trở nên cấp thiết.

2. Giá trị khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng

2.1. Thế giới quan duy vật và tính thống nhất vật chất của thế giới

Chủ nghĩa duy vật biện chứng do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng tạo đã khẳng định một luận điểm cốt lõi: thế giới thống nhất ở tính vật chất. Quan điểm này đã giúp triết học thoát khỏi sự chi phối của chủ nghĩa duy tâm, đồng thời cung cấp một nền tảng khoa học để lý giải thế giới một cách khách quan và toàn diện. Nó đã khắc phục được những hạn chế của chủ nghĩa duy vật chất phác thời cổ đại và chủ nghĩa duy vật siêu hình. V.I.Lênin khẳng định 'Triết học của Mác là một chủ nghĩa duy vật triết học

hoàn bị, nó cung cấp cho loài người và nhất là giai cấp công nhân những công cụ nhận thức vĩ đại' (V.I.Lênin 2005c:54).

2.2. Phép biện chứng duy vật - hạt nhân phương pháp luận khoa học

Phép biện chứng duy vật không chỉ phản ánh đúng quy luật vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy, mà còn đóng vai trò là phương pháp luận phổ quát, định hướng cho nhận thức và cải tạo thực tiễn. Hai nguyên lý (mối liên hệ phổ biến và sự phát triển), ba quy luật (mâu thuẫn, lượng - chất, phủ định của phủ định) cùng sáu cặp phạm trù nền tảng của thế giới vật chất đã tạo nên một hệ thống lý luận thống nhất, sâu sắc và thuyết phục.

2.3. Gắn lý luận với thực tiễn - tính cách mạng của triết học Mác

Một đặc điểm nổi bật của triết học Mác là tính gắn bó chặt chẽ với thực tiễn. C.Mác từng nhấn mạnh: "Các nhà triết học chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới". Triết học không chỉ để tư duy, mà còn là vũ khí tinh thần trong sự nghiệp cách mạng và giải phóng con người. Từ khi ra đời cho đến nay triết học Mác không đứng ngoài cuộc sống; trái lại, luôn gắn liền với cuộc đấu tranh vì lợi ích của nhân dân lao động, trước hết là giai cấp công nhân, đưa cuộc đấu tranh giai cấp của nhân dân lao động phát triển từ tự phát đến tự giác, có tổ chức chặt chẽ, điều mà các lý luận khác đã không thể làm được. Theo C.Mác, với triết học duy vật biện chứng thì không có gì là tuyệt đối, là vĩnh viễn không thay đổi; do đó, triết học duy vật biện chứng của ông luôn nhìn thẳng vào sự thật, hướng về thực tiễn để hướng dẫn, giải quyết những vấn đề cơ bản và bức thiết do thực tiễn cuộc sống đặt ra. Chính vì thế, triết học duy vật biện chứng của C.Mác có khả năng tự đổi mới và phát triển, trở thành kim chỉ nam cho hành động, soi đường và hướng dẫn nhân loại tiến bộ không ngừng tìm kiếm và nhận thức chân lý.

C.Mác phản đối quan điểm cho rằng triết học chỉ quan sát hiện thực, không có quan hệ gì với hoạt động thực tiễn và sự biến đổi của chế độ xã hội. Trong Lời nói đầu Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen, C.Mác đã trình bày một tư tưởng rất quan trọng về mối liên hệ giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng. Ông cho rằng, lý luận cách mạng phản ánh yêu cầu, địa vị lịch sử và hoạt động đấu tranh của giai cấp cách mạng; nhưng chỉ bằng lý luận không thôi thì không thể xóa bỏ được áp bức, bóc lột, bất công; muốn giải phóng toàn nhân loại cần phải gắn lý luận cách mạng với thực tiễn đấu tranh cách mạng; lý luận phải nhận thức được vai trò to lớn của quần chúng và phải có khả năng thâm nhập vào quần chúng; chỉ khi nào lý luận thâm nhập được vào quần chúng, được quần chúng kiểm nghiệm, thì lý

luyện mới trở thành vũ khí tinh thần, thành sức mạnh vật chất. “Giống như triết học thấy giai cấp vô sản là vũ khí vật chất của mình, giai cấp vô sản cũng thấy triết học là vũ khí tinh thần của mình, và chỉ cần sấm sét của tư tưởng đánh một cách triệt để vào cái mảnh đất nhân dân còn nguyên vẹn ấy là việc giải phóng người Đức thành con người sẽ hoàn thành [...] Đầu não của sự giải phóng ấy là triết học, trái tim của nó là giai cấp vô sản. Triết học không trở thành hiện thực nếu không xóa bỏ giai cấp vô sản; giai cấp vô sản không thể xóa bỏ được bản thân mình nếu không làm cho triết học biến thành hiện thực” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995a: 589-590).

3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử - nền tảng phân tích xã hội

3.1. Sản xuất vật chất là cơ sở phát triển xã hội

C.Mác đã chứng minh rằng, sản xuất vật chất là hoạt động cơ bản nhất của con người, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Trên cơ sở đó, ông xây dựng học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chỉ ra quy luật khách quan của sự thay thế các hình thái xã hội từ thấp đến cao. Sản xuất vật chất là một quá trình, trong đó con người sử dụng công cụ lao động tác động trực tiếp hoặc gián tiếp vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên để tạo ra của cải xã hội nhằm thỏa mãn nhu cầu tồn tại và triển của con người. C.Mác đã luận chứng và chỉ ra rằng, sản xuất vật chất có vai trò vô cùng quan trọng, nó là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội. Vai trò này thể hiện ở chỗ: một là, sản xuất vật chất tạo ra những tư liệu sinh hoạt nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của con người. Vượt qua các quan điểm duy tâm về lịch sử, C.Mác đã xuất phát từ những con người hiện thực và đi đến kết luận: “tiền đề đầu tiên của mọi sự tồn tại của con người, và do đó là tiền đề của mọi lịch sử, đó là: người ta phải có khả năng sống đã rồi mới có thể “làm ra lịch sử”. Nhưng muốn sống được thì trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa. Như vậy, hành vi lịch sử đầu tiên là việc sản xuất ra những tư liệu để thỏa mãn những nhu cầu ấy, việc sản xuất ra bản thân đời sống vật chất” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995b: 39-40). Như vậy, sản xuất vật chất là yêu cầu khách quan của sự sinh tồn, bởi lẽ để tồn tại và phát triển thì trước tiên con người phải thỏa mãn các nhu cầu vật chất tối thiểu như: ăn, uống, chỗ ở, mặc,... Nghĩa là, để tồn tại và phát triển con người cần phải tiến hành lao động sản xuất ra của cải vật chất. Hai là, sản xuất vật chất tạo ra những mối quan hệ nhất định của quan hệ nhất định của con người với nhau. Trong quá trình sản xuất, con người buộc phải thiết lập quan hệ kinh tế (quan hệ vật chất giữa người với người), từ đó hình thành nên các quan hệ xã hội khác (quan hệ giữa người với người về chính trị, đạo đức, pháp luật, tôn giáo,...). C. Mác chỉ rõ: “việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp và chính mỗi một giai đoạn

phát triển kinh tế nhất định của một dân tộc hay một thời đại tạo ra một cơ sở, từ đó mà người ta phát triển các thể chế nhà nước, các quan điểm pháp quyền, nghệ thuật và thậm chí cả những quan niệm tôn giáo của con người ta” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995c: 500). Ba là, sản xuất vật chất là cơ sở của mọi sự tiến bộ xã hội. Bốn là, sản xuất vật chất sáng tạo ra bản thân con người. Ph.Ăngghen khẳng định chính “lao động đã sáng tạo ra bản thân con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002b: 641). Nhờ lao động sản xuất mà con người hình thành các phẩm chất xã hội (có ngôn ngữ, có nhận thức, có tư duy, có tình cảm, có đạo đức...), nhờ đó con người cải tạo giới tự nhiên, sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần, đồng thời sáng tạo ra chính bản thân mình.

C.Mác đã xuất phát từ phương thức sản xuất để nghiên cứu sự vận động, biến đổi và phát triển của lịch sử xã hội loài người; từ đó vạch ra các quy luật vận động và phát triển khách quan của xã hội.

3.2. Phương thức sản xuất - chìa khóa lý giải tiến trình lịch sử

Phương thức sản xuất là sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, là động lực chủ yếu làm thay đổi cơ cấu kinh tế, giai cấp và thiết chế xã hội. Việc phát hiện ra mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng đã tạo nên bước ngoặt lớn trong lý luận khoa học xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, các quy luật vận động và phát triển cơ bản nhất của xã hội loài người được C.Mác phát hiện và trình bày một cách có hệ thống, bao gồm quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất (trong đó lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất); quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội (trong đó cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, kinh tế xét đến cùng quyết định chính trị); quy luật về đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp đối kháng; quy luật về vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử; quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội (trong đó tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, ý thức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội).

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội – viên đá tảng của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Bằng phạm trù hình thái kinh tế - xã hội, C.Mác đã thực hiện sự phân kỳ lịch sử xã hội loài người theo một tiến trình nối tiếp nhau từ thấp đến cao của các hình thái kinh tế - xã hội: cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội; trong đó có sự thống nhất giữa các quy luật phổ biến với quy luật đặc thù của lịch sử. Ông kết luận: “sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên” (C.Mác và Ph.Ăngghen 2002d: 24). Điều đó

có nghĩa sự vận động của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Toàn bộ lịch sử vận động và phát triển của xã hội loài người là sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội và các hình thái kinh tế - xã hội sau bao giờ cũng phát triển cao hơn hình thái kinh tế - xã hội trước đó. Sự vận động và phát triển liên tục của xã hội loài người là do các quy luật nội tại của đời sống xã hội quy định, trước hết và cơ bản nhất là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. VI.Lênin đánh giá: “trong xã hội học, tư tưởng đó về chủ nghĩa duy vật, tự bản thân nó, cũng đã là một tư tưởng thiên tài rồi” (V.I.Lênin 2005a: 161). Như vậy, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đã cung cấp những cơ sở khoa học cho việc phân kỳ lịch sử, làm sáng tỏ quá trình tiến hóa của xã hội loài người.

3.3. Lao động bị tha hóa và mục tiêu giải phóng con người

Một đóng góp quan trọng khác là phân tích hiện tượng lao động bị tha hóa dưới chủ nghĩa tư bản. Từ đó, triết học Mác xác định mục tiêu tối thượng là giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bóc lột để hướng đến xã hội công bằng, tự do, hạnh phúc. Khi nghiên cứu về con người và bản chất con người, C.Mác đã khẳng định con người là thực thể sinh học – xã hội, con người khác biệt với con vật ngay từ khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình, con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người, con người vừa là chủ thể vừa là sản phẩm của lịch sử, và bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội. Triết học Mác đề cao vai trò tích cực của con người. Theo C.Mác, con người không chỉ có năng lực nhận thức các quy luật khách quan, mà còn biết vận dụng các quy luật tự nhiên và xã hội để cải tạo giới tự nhiên theo hướng có lợi cho cuộc sống của con người; cải tạo xã hội theo hướng ngày càng tiến bộ, dân chủ, hiện đại và văn minh hơn; đồng thời cải tạo chính bản thân con người theo hướng ngày càng hoàn thiện, thông minh và hạnh phúc hơn.

4. Những thách thức đối với triết học Mác - Lênin trong tình hình mới

Trong thời đại toàn cầu hóa, công nghệ số và sự phát triển mạnh mẽ của internet, các thế lực thù địch đang sử dụng nhiều chiêu thức tinh vi để xuyên tạc, phủ nhận giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự tấn công không chỉ đến từ các học giả phương Tây mà còn từ những kẻ cơ hội chính trị trong nước và nước ngoài. Chúng lợi dụng không gian mạng để lan truyền thông tin sai lệch, làm nhiễu loạn tư tưởng, gây mất phương hướng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là giới trẻ. Không gian mạng là nơi mà con người có thể tự do đăng tải quan điểm, tự do chia sẻ thông tin, thể hiện quan điểm riêng mà không bị giới hạn

về thời gian và không gian. Mạng xã hội có thể kết nối rất đông đảo thành viên, dung lượng thông tin lớn, tốc độ lan truyền thông tin rất nhanh và rộng, khả năng tương tác thông tin mạnh, tức thời. Người thực hiện tấn công trên không gian mạng có thể “ẩn danh”, khó phát hiện, nếu bị phát hiện thì các chế tài quy định về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực này, cho đến nay, vẫn chưa đủ mạnh. Do những đặc điểm này, không gian mạng được các tổ chức, nhóm, cá nhân mang tư tưởng phản động khai thác để tuyên truyền chống phá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Các hình thức truyền thông rất đa dạng: bằng hình ảnh - văn bản - bài viết - âm nhạc - video - podcast... Có bài công khai, trắng trợn; có bài còn giả danh các trang thông tin của Đảng, Chính phủ, các cơ quan truyền thông lớn hoặc núp dưới những tư tưởng tiến bộ để tấn công phá hoại. Nhiều luận điểm, điểm được tuyên truyền trong các trang mạng này đi ngược lại tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời chứa đựng tính chất độc hại, phản động, làm sai lệch thế giới quan và nhân sinh quan, làm mất đi những định hướng giá trị đúng đắn. Có những bài viết vừa ca ngợi, vừa phân tích, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách “tích cực”, nhưng lại cài trong đó những thông tin sai lệch, bôi nhọ, làm cho người tiếp cận thông tin có thể hiểu sai, nghi ngờ, hoang mang, mất niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng của dân tộc. Nếu không ngăn chặn kịp thời thì hành động này sẽ ngấm dần, làm thay đổi nhận thức và thế giới quan của nhiều người.

5. Nhiệm vụ bảo vệ và phát triển triết học Mác - Lênin

5.1. Đẩy mạnh đấu tranh lý luận và tư tưởng

Đấu tranh lý luận là mặt trận trọng yếu. Cần tích cực tổ chức các diễn đàn học thuật, hội thảo, tọa đàm để phản bác các luận điểm sai trái, làm rõ sự phi khoa học, phản động của các quan điểm xuyên tạc, đồng thời khẳng định giá trị và tính thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đặc biệt, cần phát huy vai trò của các nhà khoa học, giảng viên lý luận chính trị trong việc cung cấp kiến thức và truyền cảm hứng nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác.

5.2. Phát triển lý luận gắn với thực tiễn đổi mới

Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là giữ gìn những nguyên lý bất biến, mà còn phải biết vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển phù hợp với điều kiện mới. Chính thực tiễn đổi mới thành công của Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn, tính thực tiễn và sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là yêu cầu thực tiễn xã hội, vừa là yêu cầu nội tại của học thuyết Mác - Lênin. Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã căn dặn rằng,

hệ thống lý luận của các ông là hệ thống mở, không phải là tuyệt đích, mà cần được tiếp tục hoàn thiện. Trong thực tiễn đấu tranh bảo vệ và vận dụng chủ nghĩa Mác ở nước Nga, V.I.Lênin nhấn mạnh: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống” (V.I.Lênin 2005a: 437).

5.3. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng

Cần xây dựng lực lượng chuyên trách, có trình độ lý luận vững vàng và kỹ năng truyền thông hiện đại để đấu tranh trực diện trên mạng xã hội. Cùng với đó là tăng cường tuyên truyền giáo dục tư tưởng chính trị trong nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, để tạo thành "thế trận lòng dân" vững chắc. Trong cuộc đấu tranh lý luận, các thế lực thù địch luôn tìm cách đưa ra những chiêu thức mới, những luận điệu và cách thức chống phá mới. Vì vậy, khi phản bác chúng, cần vận dụng linh hoạt nhiều hình thức đấu tranh (bút chiến, đối thoại, phát huy vai trò của lĩnh vực báo chí, xuất bản, văn hóa, nghệ thuật,...). Mặc dù thực tiễn cuộc sống phong phú và cục diện cuộc đấu tranh rất phức tạp, tạo nên nguồn tư liệu phong phú, nhưng chúng ta còn thiếu vắng những tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu tham gia mặt trận đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

6. Vai trò của Đảng trong bảo vệ và phát triển triết học Mác - Lênin

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động. Trong các văn kiện Đại hội Đảng, nhất là Đại hội XIII, Đảng ta đã nhấn mạnh yêu cầu kiên định và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, coi đó là điều kiện tiên quyết đảm bảo sự vững mạnh của Đảng và thành công của sự nghiệp đổi mới.

7. Kết luận

Việc bảo vệ những giá trị khoa học của triết học Mác - Lênin trong tình hình mới không chỉ là trách nhiệm của riêng giới lý luận hay tổ chức Đảng, mà là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Chúng ta bảo vệ triết học Mác không chỉ bằng lời nói, mà bằng chính hành động đổi mới, bằng kết quả thực tiễn của sự nghiệp phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong hành trình ấy, mỗi cán bộ, đảng viên cần thấm nhuần sâu sắc tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; không ngừng rèn luyện, học tập, đấu tranh và sáng tạo để lý luận ấy luôn đồng hành cùng thời đại, cùng dân tộc và nhân loại tiến bộ.

Tài liệu trích dẫn

1. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995a. *Toàn tập*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995b. *Toàn tập*, tập 3. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật.
3. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995c. *Toàn tập*, tập 19. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật.
4. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2002b. *Toàn tập*, tập 20. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật.
5. C.Mác và Ph.Ăngghen. 2002d. *Toàn tập*, tập 23. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2019. Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX). Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
8. Hồ Chí Minh. 2011a. *Toàn tập*, tập 7. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
9. Hồ Chí Minh. 2011b. *Toàn tập*, tập 11. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
10. Hồ Chí Minh. 2011c. *Toàn tập*, tập 15. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
11. Nguyễn Phú Trọng. 2022. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
12. V.I.Lênin. 2005a. *Toàn tập*, tập 15. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
13. V.I.Lênin: 2005b. *Toàn tập*, tập 29. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
14. V.I.Lênin. 2005c. *Toàn tập*, tập 42. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Trịnh Hoài Sơn

Trần Thị Bích Hạnh

Chi bộ Khoa Hệ thống thông tin quản lý

I. MỞ ĐẦU

Thế giới đang bước vào kỷ nguyên số với những biến đổi sâu sắc và toàn diện. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển bùng nổ của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật... đã và đang làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số trở thành xu thế tất yếu, là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số.

Tại Việt Nam, chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 [1] đã xác định rõ mục tiêu kép: vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Chuyển đổi số mang lại nhiều cơ hội to lớn cho sự phát triển đất nước, nhưng đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức, đặc biệt là trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và an ninh quốc gia. Không gian mạng đã trở thành môi trường hoạt động quan trọng của con người, là địa bàn chiến lược mới trong đấu tranh chính trị, tư tưởng. Các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội chính trị đã và đang triệt để lợi dụng không gian mạng để chống phá cách mạng Việt Nam, trong đó có việc công kích, xuyên tạc, phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng ta xác định: "Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" là một trong những bài học kinh nghiệm cơ bản, có ý nghĩa sống còn

đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Vì vậy, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 [2] của Bộ Chính trị về "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới" đã khẳng định: "Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị".

Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển đổi số, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng đang đứng trước nhiều thách thức mới. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội và các nền tảng số đã tạo ra môi trường thông tin phức tạp, đa chiều, khó kiểm soát. Các thế lực thù địch đã triệt để lợi dụng những tiến bộ của công nghệ số để đẩy mạnh các hoạt động chống phá, xuyên tạc, phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng với những phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt.

Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu đề tài "Chuyển đổi số và những yêu cầu đặt ra với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng" có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu này nhằm làm rõ bản chất, đặc điểm của chuyển đổi số và tác động của nó đến việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; phân tích những thách thức đặt ra trong bối cảnh chuyển đổi số; từ đó xác định những yêu cầu và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng trong thời gian tới.

II. TỔNG QUAN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

II. 1. Khái niệm và đặc điểm của chuyển đổi số

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ thông tin đơn thuần mà là sự thay đổi căn bản trong mọi hoạt động của con người và xã hội.

Chuyển đổi số có những đặc điểm nổi bật sau: (1) Tính toàn diện và sâu rộng: diễn ra trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; (2) Tính đột phá và sáng tạo: tạo ra những thay đổi mang tính đột phá, phá vỡ các mô hình truyền thống; (3) Tính kết nối và tương tác: tạo ra một thế giới kết nối, trong đó con người, máy móc, thiết bị và hệ thống được kết nối với nhau; (4) Tính mở và không giới hạn: mở ra những khả năng

mới, không bị giới hạn bởi các rào cản truyền thống; (5) Tính liên tục và không ngừng phát triển: là một quá trình liên tục, không có điểm kết thúc cụ thể; (6) Tính dựa trên dữ liệu: lấy dữ liệu làm trung tâm; (7) Tính tự động hóa và thông minh: tận dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, máy học, Internet vạn vật để tự động hóa các quy trình.

Ngôi nhà chuyển đổi số quốc gia của Việt Nam được xây dựng trên bốn trụ cột chính: thể chế số, hạ tầng số, kinh tế số và xã hội số. Chiến lược chuyển đổi số quốc gia của Việt Nam được thể hiện qua Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025 [5], định hướng đến năm 2030. Đến năm 2025, Việt Nam phấn đấu thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử, kinh tế số đạt 20% GDP.

II.2. Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống những quan điểm, lý luận cơ bản làm cơ sở cho đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [4], "Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động".

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học và cách mạng do C.Mác, Ph.Ăngghen sáng lập và được V.I.Lênin phát triển trong điều kiện lịch sử mới. Chủ nghĩa Mác - Lênin bao gồm ba bộ phận cấu thành có quan hệ hữu cơ với nhau: triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học. Chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là một học thuyết giáo điều, bất biến mà là một học thuyết mở, luôn được bổ sung, phát triển dựa trên thực tiễn phong phú của cách mạng thế giới và tinh hoa trí tuệ của nhân loại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm nhiều nội dung phong phú, trong đó có những nội dung cơ bản như: tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng dân tộc; tư tưởng về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh; tư tưởng về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về văn hóa, đạo đức.

Nền tảng tư tưởng của Đảng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam: (1) Là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng; (2) Là cơ sở lý luận cho đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; (3) Là nền tảng tinh thần, đạo đức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo nền tảng tư tưởng của Đảng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, thể hiện ở những nội dung như: vận dụng sáng tạo trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; vận dụng sáng tạo trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vận dụng sáng tạo trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; vận dụng sáng tạo trong đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển.

III. THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

III.1. Thách thức từ sự phát triển của công nghệ số và không gian mạng

Trong bối cảnh chuyển đổi số, sự bùng nổ thông tin trên không gian mạng đã tạo ra những thách thức to lớn đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Theo Báo cáo Tổng quan về internet và mạng xã hội 2023 [3], Việt Nam có 77,93 triệu người dùng internet, chiếm 79,1% tổng dân số. Số lượng người dùng mạng xã hội cũng khoảng 70 triệu, tương đương với 71% tổng dân số. Thời gian trung bình truy cập mạng xã hội là 2 tiếng 31 phút/người/ngày.

Sự gia tăng người dùng cũng như sự phổ biến của internet và mạng xã hội là một chỉ số đánh giá sự phát triển của internet và mạng xã hội ở Việt Nam thời gian qua nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn những rủi ro về an ninh mạng. Không gian mạng với đặc tính "ảo", dễ ẩn danh, không bị giới hạn bởi vị trí địa lý, thông tin đa dạng và chưa được cơ quan chức năng kiểm chứng, đã tạo điều kiện cho các thế lực thù địch, phản động và các phân tử xấu lợi dụng để tuyên truyền, xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ.

Sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ mới đã tạo ra những thách thức mới trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Các thế lực thù địch có thể lợi dụng trí tuệ nhân tạo như là một công cụ, phương tiện để thực hiện mưu đồ chống phá cách mạng nước ta, với nhiều cách thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Công nghệ deepfake - một công nghệ sử dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra các video, hình ảnh giả mạo có độ chân thực cao - cũng đang trở thành một thách thức lớn.

Sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội trong những năm gần đây đã tạo ra những tác động sâu sắc đến đời sống xã hội, trong đó có nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Mạng xã hội với đặc tính mở, tương tác hai chiều, lan truyền nhanh chóng đã trở thành một kênh thông tin quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức, tư tưởng của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Mạng xã hội còn tạo ra hiệu ứng "phòng vang" (echo chamber) và "bong bóng lọc" (filter bubble), khiến người dùng chỉ tiếp xúc với những thông tin, quan điểm phù hợp với quan điểm sẵn có của mình, hạn chế khả năng tiếp nhận các quan điểm đa chiều, từ đó dễ dàng bị dẫn dắt, thao túng tư tưởng.

III. 2. Thách thức từ các thế lực thù địch và các luận điệu xuyên tạc

Trong thời gian qua, lợi dụng những thế mạnh và tính mở của không gian mạng, các thế lực thù địch, phản động trong nước và ngoài nước, bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, không ngừng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc, bóp méo, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, với âm mưu hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

Các phương thức, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên không gian mạng ngày càng tinh vi, đa dạng và phức tạp, có thể khái quát thành một số phương thức, thủ đoạn chính sau:

Thứ nhất, xuyên tạc, hạ thấp, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thứ hai, tập trung công kích, xuyên tạc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ ba, bóp méo, hạ thấp, phủ nhận thành quả đổi mới của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thứ tư, lợi dụng tôn giáo, dân tộc để chống phá Đảng, Nhà nước.

Thứ năm, đẩy nhanh, lan rộng quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Các luận điệu xuyên tạc chủ yếu của các thế lực thù địch nhằm vào nền tảng tư tưởng của Đảng bao gồm: (1) Xuyên tạc, phủ nhận giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin; (2) Xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; (3) Xuyên tạc, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; (4) Xuyên tạc, phủ nhận thành tựu đổi mới của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; (5) Xuyên tạc, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. 3. Hạn chế trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng

Bên cạnh những thách thức từ bên ngoài, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng còn gặp phải những hạn chế, bất cập từ chính nội tại của hệ thống chính trị.

Trong công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, còn tồn tại những hạn chế như: nội dung tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng còn chưa phong phú, hấp dẫn, thuyết phục; phương thức tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng còn chưa đổi mới, sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ số và không gian mạng; đội ngũ làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng còn thiếu và yếu; cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng còn thiếu và lạc hậu; công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng còn chưa chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả.

Trong công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, còn tồn tại những hạn chế như: công tác nắm bắt, phát hiện, đánh giá các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng còn chưa kịp thời, đầy đủ, chính xác; nội dung đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng còn chưa sắc bén, thuyết phục, hiệu quả; phương thức đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng còn chưa đổi mới, sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ số và không gian mạng; đội ngũ làm công tác đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng còn thiếu và yếu; công tác phối hợp giữa các lực lượng trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng còn chưa chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả.

IV. YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

IV.1.5 Yêu cầu về nhận thức và tư tưởng

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng đòi hỏi phải nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của nhiệm vụ này. Cần nhận thức rõ rằng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách mà là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị.

Cần nâng cao bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các

cấp, cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Cần nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên không gian mạng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, các thế lực thù địch đã và đang triệt để lợi dụng không gian mạng để chống phá cách mạng Việt Nam với những phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Vì vậy, cần thường xuyên cập nhật, nắm bắt âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch để có biện pháp đấu tranh, phản bác kịp thời, hiệu quả.

IV.2. Yêu cầu về tổ chức và phương thức hoạt động

Đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số. Cần rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, từ trung ương đến địa phương, trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Xây dựng và phát triển lực lượng chuyên trách về công nghệ thông tin và an ninh mạng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc xây dựng và phát triển lực lượng chuyên trách về công nghệ thông tin và an ninh mạng là yêu cầu cấp thiết. Lực lượng này không chỉ có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng mà còn tham gia tích cực vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

IV. 3. Yêu cầu về nội dung và phương thức

Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng là yêu cầu quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số. Nội dung tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cần phong phú, đa dạng, hấp dẫn, thuyết phục, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn. Phương thức tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cần đổi mới, sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ số và không gian mạng.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Nội dung đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cần sắc bén, thuyết phục, hiệu quả, dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn. Phương thức đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cần đổi mới, sáng tạo, phù hợp với

xu thế phát triển của công nghệ số và không gian mạng.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Cần tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là công nghệ số, để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Cần ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây... trong công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

IV. 4. Yêu cầu về chính sách và pháp luật

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số. Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về thông tin, báo chí, xuất bản, internet, mạng xã hội... để tạo hành lang pháp lý vững chắc cho công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng là yêu cầu cấp thiết. Cần chủ động, tích cực tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế về an ninh mạng, quản lý internet, mạng xã hội... để chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi các mô hình tiên tiến và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

Tăng cường đầu tư nguồn lực cho công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Cần bố trí đủ nguồn lực về con người, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ... cho công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Đặc biệt, cần ưu tiên đầu tư cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

V. IẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

V. 1. Tăng cường nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng

Để nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nội dung tuyên truyền, giáo dục cần tập trung vào việc làm rõ vai trò, tầm quan trọng của việc bảo vệ nền tảng tư

tưởng của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc; những thách thức đặt ra trong bối cảnh chuyển đổi số; trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và người dân trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Để nâng cao bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu của cán bộ, đảng viên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên cần không ngừng học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ; rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh; nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Để nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên không gian mạng, cần thường xuyên cập nhật, phổ biến thông tin về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cần tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn... để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong việc nhận diện, đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận của các thế lực thù địch trên không gian mạng.

V. 2. Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng

Để đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động, cần rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, tránh chồng chéo, trùng lặp.

Để tăng cường phối hợp giữa các lực lượng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, từ trung ương đến địa phương. Cần thành lập các tổ, nhóm liên ngành để xử lý kịp thời, hiệu quả các vấn đề phát sinh trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Để xây dựng, phát triển lực lượng chuyên trách về công nghệ thông tin và an ninh mạng, cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, am hiểu sâu về công nghệ thông tin, an ninh mạng và có bản lĩnh chính trị vững vàng. Cần trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ hiện đại cho lực lượng này để họ có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

V. 3. Đổi mới nội dung và phương thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng

Để đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, cần xây dựng nội dung tuyên truyền, giáo dục phong phú, đa dạng, hấp dẫn, thuyết phục, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn. Nội dung tuyên truyền, giáo dục cần tập trung vào việc làm rõ giá trị khoa học, cách mạng và thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; những đóng góp của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cần xây dựng nội dung đấu tranh, phản bác sắc bén, thuyết phục, hiệu quả, dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn. Nội dung đấu tranh, phản bác cần tập trung vào việc làm rõ bản chất sai trái, phản khoa học, phản cách mạng của các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận của các thế lực thù địch; đồng thời, khẳng định, bảo vệ những giá trị đúng đắn, tích cực của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Để tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là công nghệ số. Cần ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây... trong công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Cần xây dựng các nền tảng số, ứng dụng di động, trang thông tin điện tử... để cung cấp thông tin chính thống, định hướng dư luận xã hội.

V. 4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng

Để hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng, cần rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về thông tin, báo chí, xuất bản, internet, mạng xã hội... Cần xây dựng các quy định cụ thể về quản lý, sử dụng internet, mạng xã hội; về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, chia sẻ thông tin trên không gian mạng; về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

Để tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng, cần chủ động, tích cực tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế về an ninh mạng, quản lý internet, mạng xã hội... Cần tăng cường hợp tác với các nước,

các tổ chức quốc tế trong việc chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nhân lực... trong lĩnh vực an ninh mạng, quản lý internet, mạng xã hội.

Để tăng cường đầu tư nguồn lực cho công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng, cần bố trí đủ nguồn lực về con người, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ... Cần ưu tiên đầu tư cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Cần đầu tư xây dựng các trung tâm nghiên cứu, phân tích, dự báo tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trên không gian mạng.

V. 5. Xây dựng và nhân rộng các mô hình hiệu quả trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng

Mô hình "Thế trận lòng dân" trên không gian mạng là mô hình huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Mô hình này dựa trên nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Mô hình Câu lạc bộ lý luận trẻ và các trang mạng xã hội chính thống là mô hình tập hợp, đoàn kết những người trẻ có trình độ lý luận chính trị, am hiểu công nghệ thông tin, có khả năng viết, nói, tranh luận... để tham gia tuyên truyền, phổ biến chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Mô hình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giám sát và phản bác thông tin xấu độc là mô hình sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để giám sát, phát hiện, phân tích và phản bác các thông tin xấu độc, sai sự thật trên không gian mạng. Mô hình này giúp tự động hóa quá trình giám sát, phát hiện, phân tích thông tin trên không gian mạng, từ đó giúp các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện, xử lý các thông tin xấu độc, sai sự thật.

VI. KẾT LUẬN

Chuyển đổi số đang tạo ra những biến đổi sâu sắc và toàn diện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, mang lại nhiều cơ hội to lớn cho sự phát triển đất nước, nhưng đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức, đặc biệt là trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và an ninh quốc gia. Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng đang đứng trước nhiều thách thức mới.

Đề nâng cao hiệu quả bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng trong bối cảnh chuyển đổi số, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: tăng cường nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động; đổi mới nội dung và phương thức; hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường hợp tác quốc tế; xây dựng và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng trong bối cảnh chuyển đổi số là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị. Đây là cuộc đấu tranh lâu dài, phức tạp, đòi hỏi sự nỗ lực, quyết tâm cao và sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả của các cấp, các ngành, các địa phương.

Với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự quản lý hiệu quả của Nhà nước, sự tham gia tích cực của nhân dân và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, chúng ta tin tưởng rằng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng trong bối cảnh chuyển đổi số sẽ đạt được những kết quả tích cực, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển bền vững của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thủ tướng Chính phủ, "Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030," Hà Nội, Việt Nam, ngày 03 tháng 6 năm 2020.
- [2] Bộ Chính trị, "Nghị quyết số 35-NQ/TW về Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới," Hà Nội, Việt Nam, ngày 22 tháng 10 năm 2018.
- [3] "Báo cáo Tổng quan về internet và mạng xã hội 2023," 2023.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam, "Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam," Hà Nội, Việt Nam.
- [5] "Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030."

CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO "DĨ BẤT BIẾN, ỨNG VẠN BIẾN" CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI MỚI

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Nguyễn Hồng Quân

Trần Quang Yên

Chi bộ Khoa Hệ thống thông tin quản lý, Trường Công nghệ

Trong tiến trình lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, triết lý ngoại giao luôn giữ vai trò trọng yếu, là nhân tố quyết định sự trường tồn của đất nước. Từ thời đại Hồ Chí Minh, một triết lý ngoại giao đặc thù đã được hình thành, trở thành định hướng nền tảng cho đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta - triết lý "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Lời dạy ngắn gọn nhưng sâu sắc này được Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn cụ Huỳnh Thúc Kháng vào ngày 31/5/1946 trước chuyến công du sang Pháp tham dự hội nghị Fontainebleau: "Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong Cụ dĩ bất biến, ứng vạn biến". Lời dạy ấy đã trở thành một di sản tư tưởng vô giá, là tinh hoa được kết tinh từ hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Triết lý "dĩ bất biến, ứng vạn biến" - giữ vững cái không đổi để ứng phó với muôn điều biến đổi - mang tính biện chứng sâu sắc. Trong đó, "bất biến" là những nguyên tắc cốt lõi, những giá trị nền tảng, những lợi ích quốc gia, dân tộc không thể nhân nhượng hay đánh đổi; "vạn biến" là sự linh hoạt, mềm dẻo trong phương pháp, cách thức và sách lược nhằm đạt được mục tiêu "bất biến" đó. Triết lý này không chỉ thể hiện tư duy chiến lược sắc sảo của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà còn phản ánh bản sắc ngoại giao Việt Nam - kiên định về nguyên tắc, nhưng uyển chuyển trong sách lược.

Trong bối cảnh thế giới hiện nay với những biến động lớn lao và phức tạp, triết lý "dĩ bất biến, ứng vạn biến" càng trở nên ý nghĩa và mang tính thời sự. Thế giới đang đối mặt với những thay đổi mang tính bước ngoặt như cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, sự gia tăng của các vấn đề an ninh phi truyền thống, cùng những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng... Trong tình hình đó, việc vận dụng sáng tạo triết lý "dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong đường lối ngoại giao của Đảng Cộng sản Việt Nam là một nhiệm vụ cấp bách, nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

của Tổ quốc, đồng thời tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Bài viết này tập trung phân tích chính sách ngoại giao "dĩ bất biến, ứng vạn biến" của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn mới, làm rõ các yếu tố "bất biến" - những nguyên tắc cốt lõi xuyên suốt trong đường lối đối ngoại của Đảng, đồng thời phân tích yếu tố "vạn biến" - tính linh hoạt và sáng tạo trong chính sách ngoại giao của Việt Nam trước những biến chuyển nhanh chóng của tình hình quốc tế và khu vực.

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA TRIẾT LÝ "DĨ BẤT BIẾN, ỨNG VẠN BIẾN" TRONG CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO VIỆT NAM

1.1. Nguồn gốc và ý nghĩa của triết lý "dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Triết lý "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh được mọi người biết đến lần đầu tiên vào ngày 31/5/1946, trong một bối cảnh lịch sử đặc biệt khó khăn và phức tạp của cách mạng Việt Nam. Khi đó, chính quyền cách mạng non trẻ vừa mới ra đời chưa đầy một năm sau Cách mạng Tháng Tám thành công, đang phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách từ cả trong và ngoài nước.

Về đối nội, đất nước đang phải đối mặt với "giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm". Nạn đói hoành hành khiến hàng triệu người dân lâm vào cảnh đói khổ, nền kinh tế kiệt quệ sau nhiều năm chiến tranh và bị thực dân bóc lột. Về đối ngoại, tình hình càng phức tạp hơn khi quân Tưởng chiếm đóng miền Bắc, quân Anh và Pháp đã vào miền Nam, đe dọa nền độc lập vừa giành được của dân tộc.

Trong bối cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phải sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau để tìm kiếm giải pháp hòa bình cho dân tộc. Trước khi lên đường, Người đã có lời căn dặn cụ Huỳnh Thúc Kháng, lúc đó đang là Quyền Chủ tịch nước: "Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong Cụ dĩ bất biến, ứng vạn biến".

Trong triết lý này, "bất biến" là những nguyên tắc, những giá trị cốt lõi, những mục tiêu chiến lược không thể thay đổi. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, "bất biến" chính là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là lợi ích tối cao của quốc gia dân tộc. Người đã từng khẳng định: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành" [7], [11].

"Vận biến" là khả năng ứng phó linh hoạt, mềm dẻo để phục vụ mục tiêu "bất biến". Đó là sự linh hoạt trong sách lược, trong phương pháp, trong cách thức tiến hành để đạt được mục tiêu chiến lược. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì phải linh hoạt" [7], [11].

Mối quan hệ giữa "bất biến" và "vận biến" trong tư tưởng Hồ Chí Minh là mối quan hệ biện chứng, trong đó "bất biến" là mục tiêu, là định hướng, còn "vận biến" là phương tiện, là con đường để đạt được mục tiêu đó. "Bất biến" và "vận biến" không đối lập, mâu thuẫn với nhau mà bổ sung, hỗ trợ cho nhau.

1.2. Sự kế thừa và phát triển triết lý "dĩ bất biến, ứng vận biến" trong đường lối đối ngoại của Đảng qua các thời kỳ

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo triết lý "dĩ bất biến, ứng vận biến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào đường lối đối ngoại. Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 và Tạm ước ngày 14/9/1946 là những ví dụ điển hình về việc vận dụng triết lý này. Khi ký Hiệp định Sơ bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chấp nhận để quân đội Pháp ra Bắc thay quân Tưởng với những điều kiện nhất định, nhằm tránh phải đối phó với hai kẻ thù cùng một lúc.

Bước vào thời kỳ đổi mới từ năm 1986, Đảng ta tiếp tục vận dụng sáng tạo triết lý "dĩ bất biến, ứng vận biến" trong đường lối đối ngoại. Đại hội VI của Đảng (1986) đã đề ra đường lối đối mới toàn diện đất nước, trong đó có đổi mới tư duy đối ngoại với phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" [1], [9].

Từ năm 1995 đến nay, Việt Nam bước vào giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng. Việc gia nhập ASEAN (1995) đánh dấu tiến trình hội nhập khu vực của Việt Nam. Sau đó, Việt Nam tiếp tục tham gia APEC (1998), ký Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ (2000), gia nhập WTO (2007), tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP... Đại hội XIII của Đảng (2021) tiếp tục khẳng định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Như Học viện Ngoại giao đã phân tích, đây là sự vận dụng linh hoạt triết lý "dĩ bất biến, ứng vận biến" trong bối cảnh mới của quan hệ quốc tế [10].

2. YẾU TỐ "BẤT BIẾN" TRONG CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2.1. Độc lập, tự chủ và "Vi lợi ích dân tộc" là tư tưởng cốt lõi xuyên suốt

Trong suốt tiến trình lịch sử của cách mạng Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ luôn là yếu tố "bất biến" hàng đầu trong chính sách ngoại giao của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt từ khi Đảng ra đời đến nay, không phụ thuộc vào sự thay đổi của tình hình quốc tế và khu vực.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi". Lời dạy này của Người đã trở thành kim chỉ nam cho chính sách ngoại giao của Việt Nam trong suốt quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa là một yếu tố "bất biến" khác trong chính sách ngoại giao của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là nguyên tắc cơ bản, xuất phát từ bản chất giai cấp của Đảng và mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam. Như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh, "Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là điểm cốt yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là nền tảng vững chắc của đường lối cách mạng Việt Nam" [4].

"Đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết" là một nguyên tắc cốt lõi, xuyên suốt trong chính sách ngoại giao của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là yếu tố "bất biến" quan trọng, định hướng cho mọi hoạt động đối ngoại của Việt Nam. Đại hội XIII của Đảng (2021) khẳng định: "Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi" [1].

2.2. Các nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là một nguyên tắc cơ bản, "bất biến" trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Nguyên tắc này xuất phát từ lịch sử đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam và từ những bài học đau thương về mất nước, mất chủ quyền trong quá khứ.

Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau là một nguyên tắc cơ bản khác trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Nguyên tắc này xuất phát từ sự tôn trọng độc lập, chủ quyền của các quốc gia và từ kinh nghiệm lịch sử của Việt Nam trong

đấu tranh chống lại sự can thiệp của các thế lực ngoại bang.

Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực và giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình là những nguyên tắc cơ bản, "bất biến" trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Nguyên tắc này xuất phát từ truyền thống hòa hiếu của dân tộc Việt Nam và từ kinh nghiệm đau thương về chiến tranh trong lịch sử.

Bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau là một nguyên tắc cơ bản, "bất biến" trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Nguyên tắc này xuất phát từ truyền thống nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam và từ mong muốn xây dựng một thế giới công bằng, dân chủ và văn minh.

2.3. Các cam kết quốc tế cơ bản của Việt Nam

Không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác là những cam kết quốc tế cơ bản, "bất biến" của Việt Nam. Các cam kết này xuất phát từ đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Việt Nam và từ mong muốn xây dựng một khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định và phát triển.

3. YẾU TỐ 4 "VẠN BIẾN" - TÍNH LINH HOẠT TRONG CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI MỚI

3.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực mới đặt ra những thách thức và cơ hội cho Việt Nam

Thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại với nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Trật tự thế giới đang trong quá trình chuyển đổi từ đơn cực sang đa cực, với sự nổi lên của nhiều trung tâm quyền lực mới. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh kiềm chế lẫn nhau quyết liệt, giành vị thế và lợi ích. Như cựu Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch đã nhận định từ nhiều năm trước, "Thế giới đang chuyển từ đối đầu sang đối thoại, từ chiến tranh lạnh sang hòa hoãn, từ cục diện hai cực sang đa cực" [14].

Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, ngày càng trở nên quyết liệt và toàn diện, từ kinh tế, thương mại, công nghệ đến địa chính trị, an ninh, quân sự. Cuộc cạnh tranh này đã và đang tác động sâu sắc đến cục diện thế giới và khu vực, đặt ra nhiều thách thức cho các nước vừa và nhỏ, trong đó có Việt Nam. Viện Nghiên cứu Chiến lược đã phân tích rằng "Việt Nam cần có chiến lược thích ứng linh hoạt trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ-Trung ngày càng gay gắt" [20].

Các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng nổi lên và trở thành mối quan tâm hàng đầu của cộng đồng quốc tế. Đó là những thách thức về biến đổi khí hậu,

thiên tai, dịch bệnh, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh mạng...

3.2. Sự linh hoạt trong đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế

Một trong những biểu hiện rõ nét nhất của yếu tố "vạn biến" trong chính sách ngoại giao của Việt Nam là việc mở rộng quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia trên thế giới. Đây là một thành tựu đáng kể, thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo trong chính sách đối ngoại của Việt Nam [2].

Trong số 194 quốc gia mà Việt Nam có quan hệ ngoại giao, có 32 quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện. Đây là những đối tác quan trọng, có vị trí, vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam [2].

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, Việt Nam đã thể hiện sự linh hoạt, khéo léo trong việc duy trì quan hệ cân bằng, hài hòa với các nước láng giềng và các cường quốc. Với Trung Quốc, Việt Nam duy trì quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, với phương châm "16 chữ vàng" và tinh thần "4 tốt" [2], [6]. Với Hoa Kỳ, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác toàn diện (2013) và tiếp tục làm sâu sắc hơn quan hệ này.

3.3. Sự linh hoạt trong tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực

Việc gia nhập ASEAN vào năm 1995 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Từ đó đến nay, Việt Nam đã tham gia tích cực vào các hoạt động của ASEAN và đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng Cộng đồng ASEAN. Theo Thông tấn xã Việt Nam, "Sau 25 năm gia nhập ASEAN, Việt Nam đã chuyển mình từ một thành viên mới sang vai trò chủ động, tích cực đóng góp vào sự phát triển của Hiệp hội" [17].

Sau gần 12 năm đàm phán, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007. Đây là một dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, mở ra nhiều cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bên cạnh ASEAN và WTO, Việt Nam cũng tích cực tham gia vào các cơ chế đa phương khác, như Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM)... Việt Nam đã hai lần được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (2008-2009, 2020-2021), thể hiện uy tín và vị thế ngày càng cao của Việt Nam trên trường quốc tế [2], [5].

3.4. Sự linh hoạt trong giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ

Việt Nam đã thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ với các nước láng giềng. Việt Nam đã ký kết và thực hiện nhiều hiệp định về biên giới trên đất liền với các nước láng giềng, như Hiệp ước về biên giới trên đất liền với Trung Quốc (1999), Hiệp ước về biên giới trên đất liền với Lào (1977) và Campuchia (1985, 2005)... [3]

Vấn đề Biển Đông là một trong những thách thức lớn nhất đối với chính sách đối ngoại của Việt Nam. Trước những diễn biến phức tạp ở Biển Đông, Việt Nam đã thể hiện sự linh hoạt, khéo léo trong việc đàm phán và giải quyết tranh chấp.

Trong vấn đề Biển Đông, Việt Nam đã kết hợp khéo léo giữa đấu tranh ngoại giao với tăng cường hợp tác quốc tế về biển. Việt Nam đã kiên quyết phản đối các hành động vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam ở Biển Đông, đồng thời cũng tích cực thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực ít nhạy cảm.

4. MỘT SỐ VÍ DỤ TIÊU BIỂU VỀ VIỆC VẬN DỤNG TRIẾT LÝ "DĨ BẤT BIẾN, ỨNG VẠN BIẾN" TRONG CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO VIỆT NAM

4.1. Bình thường hóa và phát triển quan hệ với Hoa Kỳ

Quá trình bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ là một ví dụ điển hình về việc vận dụng triết lý "dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong chính sách ngoại giao của Việt Nam. Sau khi chiến tranh kết thúc vào năm 1975, quan hệ giữa hai nước rơi vào tình trạng đối đầu và cấm vận. Tuy nhiên, với tư duy đổi mới và tầm nhìn chiến lược, Đảng và Nhà nước ta đã quyết định thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ.

Quá trình này diễn ra qua nhiều bước, bắt đầu từ việc hợp tác giải quyết vấn đề tù binh chiến tranh và người mất tích trong chiến tranh (MIA) vào cuối những năm 1980. Năm 1991, hai nước đã thống nhất "lộ trình" bình thường hóa quan hệ gồm 4 giai đoạn. Năm 1994, Hoa Kỳ dỡ bỏ lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam. Và ngày 11/7/1995, Tổng thống Bill Clinton chính thức tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam [5], [8], [16].

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung ngày càng gay gắt, Việt Nam đã thể hiện sự linh hoạt, khéo léo trong việc duy trì quan hệ hợp tác kinh tế-thương mại sâu rộng với cả hai cường quốc. Với Hoa Kỳ, Việt Nam đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 10 của Mỹ, trong khi Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng từ chỉ vài trăm triệu USD vào

năm 1995 lên hơn 90 tỷ USD vào năm 2020 [13], [19].

Mặc dù quan hệ Việt - Mỹ đã có những bước phát triển vượt bậc, Việt Nam vẫn kiên định nguyên tắc độc lập, tự chủ trong quan hệ với Hoa Kỳ. Việt Nam không để bị lôi kéo vào chiến lược bao vây, kiềm chế Trung Quốc của Hoa Kỳ, đồng thời cũng không để quan hệ với Hoa Kỳ bị chi phối bởi quan hệ với Trung Quốc hay bất kỳ nước nào khác. Như cựu Thứ trưởng Ngoại giao Trần Quang Cơ đã từng nhận định, "Việt Nam cần giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ trong quan hệ với các nước lớn, không để bị lôi kéo vào các cuộc cạnh tranh chiến lược" [15].

4.2. Quan hệ với Trung Quốc: "16 chữ vàng" và "4 tốt"

Quan hệ Việt - Trung có lịch sử lâu đời và đặc biệt, với nhiều điểm tương đồng về chế độ chính trị, con đường phát triển và văn hóa. Sau một thời gian căng thẳng vào cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980, quan hệ hai nước đã được bình thường hóa vào năm 1991.

Kể từ đó, quan hệ Việt - Trung đã có những bước phát triển quan trọng. Năm 1999, hai nước đã đề ra phương châm "16 chữ vàng" (láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai) và tinh thần "4 tốt" (láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt) để định hướng cho quan hệ song phương [2], [6].

Một trong những thành tựu quan trọng trong quan hệ Việt - Trung là việc giải quyết thành công vấn đề biên giới trên đất liền và phân định vịnh Bắc Bộ. Sau nhiều năm đàm phán, hai nước đã ký kết Hiệp ước về biên giới trên đất liền vào năm 1999 và Hiệp định về Phân định vịnh Bắc Bộ vào năm 2000 [3].

Mặc dù quan hệ Việt - Trung đã có nhiều tiến triển tích cực, vấn đề Biển Đông vẫn là một thách thức lớn trong quan hệ song phương. Trước những diễn biến phức tạp ở Biển Đông, Việt Nam đã thể hiện sự linh hoạt, khéo léo trong việc xử lý vấn đề này.

4.3. Tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã tích cực tham gia đàm phán và ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)... [19]

Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Các hiệp định này giúp Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, tiếp cận công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Bên cạnh những cơ hội, việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng đặt ra nhiều thách thức cho Việt Nam. Các hiệp định này đòi hỏi Việt Nam phải thực hiện nhiều cam kết sâu rộng, không chỉ về mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ mà còn về đầu tư, sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường, mua sắm chính phủ...

4.4. Ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, với nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai, lũ lụt, hạn hán... Đặc biệt, khu vực đồng bằng sông Cửu Long - vựa lúa của cả nước - đang phải đối mặt với nguy cơ nước biển dâng, xâm nhập mặn, sạt lở đất... [12]

Đại dịch COVID-19 là một thách thức an ninh phi truyền thống lớn đối với Việt Nam và thế giới. Đại dịch không chỉ gây ra khủng hoảng y tế mà còn dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội, đòi hỏi sự hợp tác quốc tế chặt chẽ để ứng phó [13].

An ninh mạng đang trở thành một thách thức lớn trong thời đại số. Các cuộc tấn công mạng, tội phạm mạng, gián điệp mạng... ngày càng gia tăng cả về số lượng và mức độ tinh vi, đe dọa an ninh quốc gia, an toàn xã hội và quyền riêng tư của người dân.

5. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN DỤNG TRIẾT LÝ "DĨ BẤT BIẾN, ỨNG VẠN BIẾN" TRONG CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO VIỆT NAM THỜI GIAN TỚI

5.1. Tiếp tục kiên định các nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, Việt Nam cần tiếp tục kiên định nguyên tắc độc lập, tự chủ và "Vì lợi ích dân tộc" trong chính sách đối ngoại. Đây là yếu tố "bất biến", là nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động đối ngoại của Việt Nam.

Bên cạnh việc giữ vững độc lập, tự chủ và "Vì lợi ích dân tộc", Việt Nam cũng cần tiếp tục duy trì các cam kết quốc tế cơ bản, như không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác.

5.2. Nâng cao năng lực dự báo và ứng phó với các thay đổi của tình hình quốc tế

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường, việc nâng cao năng lực dự báo và ứng phó với các thay đổi của tình hình quốc tế trở nên hết sức quan trọng. Để làm được điều này, Việt Nam cần tăng cường nghiên cứu, phân tích tình hình quốc tế một cách toàn diện, sâu sắc và kịp thời.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích tình hình quốc tế và khu vực, Việt Nam cần xây dựng các kịch bản và phương án ứng phó với các tình huống có thể xảy ra. Các kịch bản và phương án này cần được xây dựng một cách khoa học, toàn diện, có tính dự báo cao và khả thi trong thực tiễn.

5.3. Phát huy vai trò của ngoại giao trong bảo vệ và phát triển đất nước

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, ngoại giao đóng vai trò quan trọng trong việc phục vụ phát triển kinh tế. Ngoại giao kinh tế trở thành một trong những trụ cột chính của ngoại giao Việt Nam, góp phần quan trọng vào công cuộc đổi mới và phát triển đất nước.

Bên cạnh việc phục vụ phát triển kinh tế, ngoại giao cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia. Đây là nhiệm vụ truyền thống, cốt lõi của ngoại giao, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường.

Ngoại giao cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam. Vị thế quốc tế không chỉ là sự công nhận, tôn trọng của cộng đồng quốc tế mà còn là sức mạnh mềm, là nguồn lực quan trọng để bảo vệ và phát triển đất nước. Như Báo Nhân Dân đã nhận định, "Đối ngoại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trên trường quốc tế" [18].

5.4. Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại

Để vận dụng hiệu quả triết lý "dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong chính sách ngoại giao, Việt Nam cần xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, trong đó phát huy sức mạnh tổng hợp của ba trụ cột: đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Để xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, Việt Nam cần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ngoại giao chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động đối ngoại trở nên hết sức quan trọng. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại.

KẾT LUẬN

Triết lý "dĩ bất biến, ứng vạn biến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành một di sản tư tưởng quý báu, là kim chỉ nam cho đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Từ một câu nói tưởng chừng đơn giản khi Người trao đổi với cụ Huỳnh Thúc Kháng vào ngày 31/5/1946, triết lý này đã trở thành một nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt, một phương pháp luận sắc bén trong hoạch định và triển khai chính sách ngoại giao của Việt Nam.

Qua phân tích về chính sách ngoại giao "dĩ bất biến, ứng vạn biến" của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời đại mới, chúng ta có thể thấy rõ giá trị và tầm quan trọng của triết lý này. "Bất biến" là kiên định những nguyên tắc cốt lõi, những giá trị nền tảng, những lợi ích căn bản của quốc gia dân tộc, như độc lập, tự chủ, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, ổn định chính trị, chế độ xã hội chủ nghĩa... "Vạn biến" là linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, trong phương pháp, trong cách thức tiến hành để đạt được mục tiêu "bất biến" đó trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực luôn thay đổi.

Những thành tựu đạt được trong việc vận dụng triết lý "dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong chính sách ngoại giao của Việt Nam là rất đáng ghi nhận. Việt Nam đã mở rộng quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia trên thế giới, trong đó có 32 quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện. Việt Nam đã tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế và khu vực, như ASEAN, APEC, WTO... Việt Nam đã giải quyết thành công nhiều vấn đề biên giới, lãnh thổ với các nước láng giềng, đồng thời kiên quyết bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của mình ở Biển Đông. Việt Nam đã tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, như CPTPP, EVFTA, RCEP... Việt Nam đã ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống, như biến đổi khí hậu, đại dịch COVID-19, an ninh mạng...

Để tiếp tục vận dụng sáng tạo triết lý "dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong chính sách ngoại giao trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục kiên định các nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại, như giữ vững độc lập, tự chủ và "Vì lợi ích dân tộc", duy trì các cam kết quốc tế cơ bản. Đồng thời, Việt Nam cần nâng cao năng lực dự báo và ứng phó với các thay đổi của tình hình quốc tế, phát huy vai trò của ngoại giao trong bảo vệ và phát triển đất nước, xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại.

Có thể khẳng định, triết lý "dĩ bất biến, ứng vạn biến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại mới. Đây là một di sản tư tưởng quý báu, một phương pháp luận sắc bén, một nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt trong hoạch định và triển khai chính sách ngoại giao của Việt Nam. Việc tiếp tục vận dụng sáng tạo

triết lý này sẽ góp phần quan trọng vào việc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021.
- [2] Bộ Ngoại giao Việt Nam, Sách Trắng Ngoại giao Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới, 2018.
- [3] Bộ Quốc phòng Việt Nam, Sách Trắng Quốc phòng Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 2019.
- [4] Nguyễn Phú Trọng, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021.
- [5] Phạm Bình Minh, Ngoại giao Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020.
- [6] Vũ Khoan, Ngoại giao Việt Nam: Truyền thống và hiện đại. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018.
- [7] Nguyễn Dy Niên, Hồ Chí Minh với ngoại giao Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2015.
- [8] Lê Văn Bàng, Ngoại giao Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017.
- [9] Nguyễn Mạnh Cầm, Ngoại giao Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2016.
- [10] Học viện Ngoại giao, Giáo trình Ngoại giao Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019.
- [11] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020.
- [12] Viện Quan hệ Quốc tế, Việt Nam trong bối cảnh quốc tế mới. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021.
- [13] Bộ Ngoại giao Việt Nam, Báo cáo Tổng kết công tác đối ngoại năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021. Hà Nội, 2021.
- [14] Nguyễn Cơ Thạch, Thế giới trong 50 năm qua và 50 năm tới. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1998.

- [15] Trần Quang Cơ, Hồi ức và suy nghĩ. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2003.
- [16] Nguyễn Đình Bin, Ngoại giao Việt Nam 1945-2015: Những chặng đường. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 2015.
- [17] Thông tấn xã Việt Nam, Việt Nam trong ASEAN: 25 năm một chặng đường. Hà Nội: Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2020.
- [18] Báo Nhân Dân, "Đối ngoại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc," 2021. [Trực tuyến]. Có sẵn tại: <https://special.nhandan.vn/doi-ngoai-VN-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc/index.html>
- [19] Bộ Công Thương, Báo cáo tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đối với kinh tế Việt Nam. Hà Nội, 2020.
- [20] Viện Nghiên cứu Chiến lược, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Báo cáo Chiến lược: Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung. Hà Nội, 2021.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

PGS.TS. Hà Sơn Tùng

PGS.TS. Nguyễn Kế Nghĩa

TS. Đặng Thị Kim Thoa

Chi bộ Khoa QTKD, Trường Kinh doanh

Tóm tắt: Trong kỷ nguyên số, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, dựa trên chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là nhiệm vụ chiến lược để thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII và chuẩn bị cho Đại hội XIV. Đội ngũ giảng viên trong các trường đại học Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong giáo dục lý luận, định hướng tư tưởng, tuyên truyền giá trị cách mạng, và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Thông qua giảng dạy lý luận chính trị, lồng ghép tư tưởng vào môn chuyên môn, nghiên cứu lý luận, và hoạt động ngoại khóa, họ trang bị cho sinh viên kiến thức, bản lĩnh chính trị, và kỹ năng phân tích thông tin. Tuy nhiên, giảng viên đối mặt với thách thức từ sự bùng nổ thông tin trên mạng xã hội, nguy cơ "tự diễn biến", và yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy. Bài viết phân tích vai trò đa dạng của giảng viên, đánh giá thách thức, và đề xuất giải pháp như đổi mới giảng dạy, ứng dụng công nghệ số, tăng cường hoạt động thực tiễn, và phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội. Qua đó, bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của giảng viên trong xây dựng thế hệ trẻ bản lĩnh, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam; Nền tảng tư tưởng; Đấu tranh phản bác; Kỷ nguyên số; Giảng viên đại học.

1. Tầm quan trọng của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng trong kỷ nguyên số

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, dựa trên chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là kim chỉ nam cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh đất nước đang nỗ lực thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, chuẩn bị cho Đại hội XIV, và kỷ niệm các sự kiện chính trị trọng đại năm 2025, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng trở thành nhiệm vụ sống còn. Kỷ nguyên số, với sự bùng nổ của công nghệ thông tin và mạng xã hội, mang lại cơ hội

phát triển kinh tế - xã hội nhưng cũng đặt ra thách thức nghiêm trọng đối với công tác tư tưởng. Các thế lực thù địch và cơ hội chính trị lợi dụng không gian mạng để tung ra các luận điệu xuyên tạc lịch sử cách mạng, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, và kích động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc dưới các chiêu bài "tự do ngôn luận", "xã hội dân sự", hay "phi chính trị hóa lực lượng vũ trang".

Trong cuộc chiến tư tưởng này, đội ngũ giảng viên tại các trường đại học Việt Nam đóng vai trò nòng cốt, không chỉ trong việc giảng dạy lý luận chính trị mà còn qua việc lồng ghép các giá trị cách mạng vào các môn chuyên môn, định hướng tư tưởng cho sinh viên, và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái. Với vị trí là những nhà giáo dục tiếp cận trực tiếp thế hệ trẻ – lực lượng kế thừa sự nghiệp cách mạng, giảng viên có trách nhiệm trang bị kiến thức, bản lĩnh chính trị, và kỹ năng phân tích để sinh viên vững vàng trước những thông tin sai lệch. Tuy nhiên, họ cũng đối mặt với nhiều thách thức, từ sự đa chiều của thông tin trên mạng xã hội, nguy cơ "tự diễn biến", đến yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy để phù hợp với thời đại số.

Bài viết này phân tích vai trò đa dạng của đội ngũ giảng viên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đánh giá các thách thức họ đang đối mặt, và đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm phát huy hiệu quả công tác này. Qua đó, bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng một thế hệ trẻ bản lĩnh, trung thành với lý tưởng cách mạng, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược của Đảng, hướng tới một Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Vai trò của đội ngũ giảng viên trong các trường đại học trong bảo vệ nền tảng tư tưởng

Đội ngũ giảng viên tại các trường đại học Việt Nam, bao gồm cả giảng viên lý luận chính trị và giảng viên các môn chuyên môn, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Với vai trò là những nhà giáo dục, nhà nghiên cứu, và người truyền cảm hứng, họ không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn định hình tư tưởng, bản lĩnh chính trị, và ý thức trách nhiệm xã hội cho sinh viên. Trong bối cảnh kỷ nguyên số, khi thông tin đa chiều và các luận điệu sai trái lan truyền nhanh chóng, vai trò của giảng viên càng trở nên thiết yếu. Dưới đây là các khía cạnh cụ thể của vai trò này.

Thứ nhất, giáo dục lý luận chính trị để trang bị kiến thức nền tảng. Giảng viên lý luận chính trị chịu trách nhiệm giảng dạy các môn học cốt lõi như Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Những môn học này giúp sinh viên hiểu

rõ giá trị khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp cách mạng. Thông qua bài giảng về tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên học được các giá trị đạo đức cách mạng như "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", từ đó xây dựng ý thức trách nhiệm xã hội. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mỗi năm, hơn 1,5 triệu sinh viên trên cả nước học các môn lý luận chính trị, cho thấy tầm quan trọng của giảng viên trong việc lan tỏa nền tảng tư tưởng của Đảng đến thế hệ trẻ.

Thứ hai, lồng ghép tư tưởng vào các môn chuyên môn. Không chỉ giảng viên lý luận chính trị, giảng viên các ngành chuyên môn như kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, hay công nghệ thông tin cũng góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng bằng cách tích hợp các giá trị cách mạng vào bài giảng. Giảng viên kinh tế có thể phân tích thành tựu của công cuộc Đổi mới từ năm 1986 để khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tương tự, giảng viên công nghệ thông tin có thể hướng dẫn sinh viên xây dựng các nội dung số tuyên truyền về lịch sử cách mạng hoặc tư tưởng Hồ Chí Minh, như các video ngắn trên YouTube hoặc TikTok. Những cách tiếp cận này giúp sinh viên nhận thấy sự gắn bó giữa lý luận và thực tiễn, từ đó củng cố niềm tin vào con đường cách mạng của Đảng.

Thứ ba, định hướng tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái. Trong kỷ nguyên số, sinh viên tiếp cận đa dạng nguồn thông tin, bao gồm cả các luận điệu thù địch như phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc lịch sử cách mạng, hoặc kích động chia rẽ dân tộc dưới chiêu bài "tự do ngôn luận". Giảng viên đóng vai trò như những "người gác cổng tư tưởng", hướng dẫn sinh viên nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái. Trong các buổi thảo luận, giảng viên có thể sử dụng dữ liệu về tăng trưởng kinh tế Việt Nam (GDP tăng trung bình 5-8% mỗi năm trong giai đoạn 2021-2024, một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới) để bác bỏ luận điệu cho rằng Đảng "không đủ năng lực lãnh đạo". Bằng cách khuyến khích sinh viên phân tích thông tin một cách khoa học và khách quan, giảng viên giúp họ xây dựng lập trường chính trị vững vàng, tránh bị lôi kéo bởi các luận điệu sai lệch.

Thứ tư, tuyên truyền và lan tỏa giá trị cách mạng. Giảng viên không chỉ giảng dạy trong lớp học mà còn tham gia tổ chức các hội thảo, tọa đàm, và phong trào sinh viên để lan tỏa các giá trị của nền tảng tư tưởng. Các hoạt động như "Sinh viên với tư tưởng Hồ Chí Minh", "Tìm hiểu lịch sử Đảng", hay các buổi tọa đàm về Nghị quyết Đại hội XIII thường có sự tham gia của giảng viên trong vai trò diễn giả, cố vấn, hoặc giám khảo. Tại nhiều trường đại học, các buổi hội thảo về tư tưởng Hồ Chí Minh đã

thu hút hàng ngàn sinh viên, tạo cơ hội để giảng viên giải thích các chủ trương, chính sách của Đảng, từ đó củng cố niềm tin và sự đồng thuận trong thế hệ trẻ. Những hoạt động này không chỉ khơi dậy tinh thần yêu nước mà còn giúp sinh viên tự hào về truyền thống cách mạng của dân tộc.

Thứ năm, nghiên cứu và phát triển lý luận. Giảng viên đại học, đặc biệt là những người tham gia nghiên cứu khoa học, đóng góp vào việc bảo vệ và vận dụng sáng tạo nền tảng tư tưởng thông qua các công trình nghiên cứu và bài viết. Họ công bố các bài báo trên các tạp chí uy tín như Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Lý luận Chính trị, nhằm phản bác các quan điểm sai trái và đề xuất cách áp dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới. Nhiều nghiên cứu đã phân tích cách tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc được áp dụng trong chính sách xây dựng nông thôn mới, góp phần bác bỏ các luận điệu chia rẽ khối đại đoàn kết. Những công trình này cung cấp luận cứ khoa học cho công tác giảng dạy, tuyên truyền, và đấu tranh tư tưởng.

Thứ sáu, kết nối thực tiễn để tăng cường bản lĩnh chính trị. Giảng viên phối hợp với các tổ chức như Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, và cơ quan tuyên giáo để đưa sinh viên tham gia các hoạt động thực tiễn, như thăm di tích lịch sử, tham gia chiến dịch truyền thông, hoặc làm việc với các cơ quan Đảng. Các chương trình "Về nguồn" do Đoàn Thanh niên tổ chức đã đưa hàng ngàn sinh viên đến các địa điểm lịch sử như Pác Bó, Tân Trào, hoặc Khu di tích K9, nơi họ được nghe giảng viên phân tích ý nghĩa của các sự kiện cách mạng. Những trải nghiệm này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vai trò của Đảng trong thực tiễn, từ đó tăng cường bản lĩnh chính trị và niềm tin vào nền tảng tư tưởng.

Tóm lại, đội ngũ giảng viên trong các trường đại học là lực lượng nòng cốt trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, không chỉ qua giảng dạy mà còn thông qua định hướng, tuyên truyền, nghiên cứu, và kết nối thực tiễn. Vai trò đa dạng của họ góp phần xây dựng một thế hệ trẻ bản lĩnh, trung thành với lý tưởng cách mạng, sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

3. Thách thức đối với đội ngũ giảng viên trong kỷ nguyên số

Mặc dù đóng vai trò quan trọng, đội ngũ giảng viên trong các trường đại học đối mặt với nhiều thách thức trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đặc biệt trong bối cảnh kỷ nguyên số. Những thách thức này xuất phát từ cả yếu tố khách quan và chủ quan, đòi hỏi sự đổi mới mạnh mẽ để đảm bảo hiệu quả công tác.

Thứ nhất, sự bùng nổ thông tin trên không gian mạng. Mạng xã hội và internet đã trở thành nguồn thông tin chính của sinh viên, nhưng đồng thời cũng là nơi lan truyền các luận điệu sai trái, tin giả, và nội dung xuyên tạc. Một số bài viết, video clip trên YouTube hoặc TikTok thường bóp méo sự thật về các cuộc kháng chiến hoặc thành tựu của Đảng, gây nhiều loạn tư tưởng trong giới trẻ. Giảng viên phải cạnh tranh với những nguồn thông tin này để định hướng sinh viên, nhưng không phải lúc nào cũng thành công do sự hấp dẫn và lan truyền nhanh chóng của nội dung số.

Thứ hai, nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Một bộ phận sinh viên thiếu lý tưởng cách mạng, chạy theo lối sống thực dụng, hoặc bị ảnh hưởng bởi các luận điệu thù địch như "tự do ngôn luận" hay "xã hội dân sự" được các thế lực phản động bóp méo. Theo báo cáo của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" vẫn tồn tại trong một số nhóm thanh niên, đặc biệt ở các đô thị lớn, nơi tiếp cận thông tin quốc tế nhiều hơn. Giảng viên cần nỗ lực để định hướng tư tưởng cho những sinh viên này, nhưng điều này đòi hỏi thời gian và phương pháp phù hợp.

Thứ ba, hạn chế về phương pháp giảng dạy. Một số bài giảng, đặc biệt là các môn lý luận chính trị, còn khô khan, nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn, khiến sinh viên khó tiếp thu. Việc giảng dạy lịch sử Đảng đôi khi chỉ tập trung vào các mốc sự kiện mà không liên hệ với các vấn đề đương đại, dẫn đến sự thiếu hứng thú từ sinh viên. Điều này làm giảm hiệu quả trong việc truyền đạt nền tảng tư tưởng và định hướng tư tưởng.

Thứ tư, áp lực từ chuyển đổi số. Kỷ nguyên số yêu cầu giảng viên làm chủ công nghệ, xây dựng nội dung số hấp dẫn để cạnh tranh với các kênh thông tin khác. Tuy nhiên, nhiều giảng viên, đặc biệt là những người lớn tuổi, còn hạn chế về kỹ năng sử dụng công nghệ, như sản xuất video, quản lý nền tảng học trực tuyến, hoặc tương tác trên mạng xã hội. Điều này khiến họ gặp khó khăn trong việc thu hút sinh viên và phản bác các quan điểm sai trái trên không gian mạng.

Thứ năm, yêu cầu đổi mới tư duy. Thế hệ sinh viên hiện nay, thuộc thế hệ Z, có tư duy cởi mở, thích khám phá, và đòi hỏi cách tiếp cận sáng tạo. Giảng viên cần đổi mới tư duy, cập nhật kiến thức, và hiểu rõ tâm lý của sinh viên để thiết kế các bài giảng phù hợp. Tuy nhiên, việc đổi mới này đòi hỏi sự đầu tư lớn về thời gian, nguồn lực, và đào tạo.

Những thách thức trên đòi hỏi đội ngũ giảng viên phải không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực, và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức để vượt qua, từ đó phát huy hiệu quả vai trò trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

4. Phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của đội ngũ giảng viên là đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong kỷ nguyên số, các thế lực thù địch sử dụng không gian mạng để lan truyền các luận điệu nguy hiểm, đòi hỏi giảng viên phải thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ.

Các luận điệu sai trái phổ biến bao gồm:

- Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng: Các thế lực thù địch cho rằng Đảng "độc quyền" hoặc "lỗi thời", không đủ năng lực dẫn dắt đất nước trong thời đại toàn cầu hóa.
- Xuyên tạc lịch sử cách mạng: Một số bài viết, video trên mạng bóp méo sự thật về các cuộc kháng chiến, vu khống lãnh đạo Đảng, hoặc phủ nhận thành tựu của công cuộc Đổi mới.
- Kích động chia rẽ dân tộc: Dưới chiêu bài "tự do ngôn luận", "xã hội dân sự", hoặc "tự do internet", các thế lực thù địch kích động chia rẽ khối đại đoàn kết, gây mất đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo, và vùng miền.

Vai trò của giảng viên trong phản bác:

- Sử dụng luận cứ khoa học và thực tiễn: Giảng viên tích hợp nội dung phản bác vào bài giảng, sử dụng dữ liệu và ví dụ cụ thể để bác bỏ các luận điệu sai trái. Ví dụ, khi giảng về Đổi mới, giảng viên có thể phân tích tăng trưởng kinh tế Việt Nam (từ một nước nghèo trở thành quốc gia thu nhập trung bình) để khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng.
- Tổ chức thảo luận và phân tích: Trong các buổi học, giảng viên khuyến khích sinh viên thảo luận về các vấn đề thời sự, như lịch sử Đảng hoặc chính sách phát triển, để họ tự phân tích và phản bác các quan điểm sai trái. Ví dụ, một buổi thảo luận về tư tưởng Hồ Chí Minh có thể giúp sinh viên nhận diện các luận điệu xuyên tạc về "đoàn kết dân tộc".
- Hướng dẫn kỹ năng phân tích thông tin: Giảng viên dạy sinh viên cách kiểm chứng nguồn thông tin, phân biệt tin giả, và đánh giá nội dung một cách khách quan. Điều này đặc biệt quan trọng trong kỷ nguyên số, khi sinh viên dễ bị ảnh hưởng bởi các

bài viết, video thiếu căn cứ trên mạng xã hội.

Tính chiến đấu trong giáo dục đại học là yếu tố cốt lõi để bảo vệ nền tảng tư tưởng. Giảng viên không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn phải là những "chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng", góp phần xây dựng "thế trận lòng dân" để bảo vệ Đảng và đất nước. Bằng cách kết hợp giảng dạy, nghiên cứu, và tuyên truyền, họ giúp sinh viên xây dựng niềm tin vững chắc vào con đường cách mạng, từ đó vô hiệu hóa các âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

5. Giải pháp phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên

Để vượt qua thách thức và phát huy tối đa vai trò của đội ngũ giảng viên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần triển khai các giải pháp đồng bộ, khả thi, và phù hợp với bối cảnh kỷ nguyên số.

Thứ nhất, đổi mới phương pháp giảng dạy. Giảng viên cần tăng cường tính thực tiễn bằng cách lồng ghép các ví dụ thực tế vào bài giảng. Khi giảng về tư tưởng Hồ Chí Minh, có thể phân tích cách các giá trị "cần, kiệm, liêm, chính" được áp dụng trong chính sách xóa đói giảm nghèo. Đồng thời, áp dụng các phương pháp giảng dạy tương tác, như thảo luận nhóm, phân tích tình huống, hoặc học qua dự án, để thu hút sinh viên. Các dự án khi thực hiện yêu cầu sinh viên xây dựng video tuyên truyền về lịch sử Đảng có thể kích thích sự sáng tạo và hứng thú học tập.

Thứ hai, ứng dụng công nghệ và truyền thông số. Giảng viên cần làm chủ công nghệ để xây dựng các bài giảng số, video clip, và nội dung trên mạng xã hội. Sản xuất các video ngắn về tư tưởng Hồ Chí Minh hoặc thành tựu của Đảng để đăng tải trên YouTube, TikTok sẽ thu hút sự chú ý của sinh viên. Các nền tảng học trực tuyến, như Moodle hoặc Google Classroom, cũng có thể được sử dụng để mở rộng phạm vi giáo dục lý luận, đặc biệt trong bối cảnh học trực tuyến ngày càng phổ biến.

Thứ ba, tăng cường hoạt động thực tiễn. Giảng viên cần phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, và các cơ quan tuyên giáo để tổ chức các hoạt động như hội thảo, tọa đàm, hoặc phong trào sinh viên về bảo vệ nền tảng tư tưởng. Cuộc thi "Tìm hiểu lịch sử Đảng" hoặc các chiến dịch truyền thông về Nghị quyết Đại hội XIII có thể thu hút sinh viên tham gia. Ngoài ra, đưa sinh viên tham gia các chương trình thực tế, như thăm di tích lịch sử hoặc làm việc với cơ quan Đảng, sẽ giúp họ hiểu rõ hơn vai trò của Đảng trong thực tiễn.

Thứ tư, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên. Các trường đại học cần tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng giảng dạy, ứng dụng công nghệ, và cập nhật kiến thức lý luận cho giảng viên. Các khóa học về sản xuất nội dung số hoặc phân tích thông tin trên mạng xã hội sẽ giúp giảng viên đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số. Đồng thời, khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu, viết bài chính luận, và công bố trên các tạp chí uy tín để phản bác quan điểm sai trái.

Thứ năm, phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội. Giảng viên cần hợp tác chặt chẽ với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, và các tổ chức Đảng để tổ chức các phong trào thi đua, chiến dịch truyền thông, và hoạt động ngoại khóa. Chiến dịch truyền thông trên mạng xã hội về tư tưởng Hồ Chí Minh, với sự tham gia của giảng viên và sinh viên, có thể lan tỏa mạnh mẽ các giá trị cách mạng. Các trường đại học cũng nên xây dựng mạng lưới liên kết để chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực trong giáo dục tư tưởng.

Những giải pháp trên, nếu được triển khai đồng bộ, sẽ giúp đội ngũ giảng viên phát huy tối đa vai trò trong bảo vệ nền tảng tư tưởng, góp phần xây dựng một thế hệ trẻ bản lĩnh, sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp cách mạng.

Kết luận

Đội ngũ giảng viên trong các trường đại học Việt Nam là lực lượng nòng cốt trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đóng vai trò không thể thay thế trong giáo dục, định hướng, và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái. Trong kỷ nguyên số, vai trò của họ càng trở nên quan trọng khi sinh viên đối mặt với sự bùng nổ thông tin và các âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Thông qua giảng dạy, nghiên cứu, tuyên truyền, và kết nối thực tiễn, giảng viên không chỉ trang bị kiến thức mà còn xây dựng bản lĩnh chính trị cho thế hệ trẻ, giúp họ trở thành lực lượng kế thừa trung thành với lý tưởng cách mạng.

Để phát huy hiệu quả vai trò này, cần sự chung tay của các cấp ủy Đảng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan tuyên giáo, và toàn xã hội trong việc hỗ trợ giảng viên đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ, và nâng cao năng lực. Với sự nỗ lực này, đội ngũ giảng viên sẽ tiếp tục là ngọn lửa truyền cảm hứng, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược của Nghị quyết Đại hội XIII, và xây dựng một Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch*, Hà Nội, 2018.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Báo cáo tổng kết công tác giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học giai đoạn 2015-2020*, Hà Nội, 2021.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương, *Báo cáo về công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng*, Hà Nội, 2023.
5. Nguyễn Phú Trọng, “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, số 5/2021.

XÂY DỰNG PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO CHUYỂN ĐỔI DỰA TRÊN NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

Nguyễn Đức Nhân

*Phó Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch Hội Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân;
Chi ủy viên Chi bộ Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực.*

Tóm tắt: Trong bối cảnh biến động hiện nay, lãnh đạo hiệu quả đóng vai trò then chốt để Việt Nam tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức. Phong cách lãnh đạo chuyển đổi, tập trung vào truyền cảm hứng, động viên và đổi mới, là khuôn khổ phù hợp để giải quyết các vấn đề hiện tại. Dựa trên nền tảng tư tưởng Mác - Lênin và Hồ Chí Minh, phong cách này giúp xây dựng môi trường làm việc với sự tin tưởng, nhiệt huyết và chính trực. Báo cáo nghiên cứu khám phá cách áp dụng lãnh đạo chuyển đổi để thúc đẩy phát triển quốc gia, cải cách hành chính, và ứng phó với chiến tranh thương mại. Sự kết hợp giữa truyền thống tư tưởng cách mạng và mô hình lãnh đạo hiện đại sẽ là chìa khóa để đạt được mục tiêu phát triển trong bối cảnh mới.

Từ khóa: tư tưởng của Đảng, lãnh đạo chuyển đổi, kỷ nguyên vươn mình

1. Giới thiệu chung

Bối cảnh kinh tế - chính trị Việt Nam hiện nay đang chứng kiến những biến động sâu sắc, tạo ra một giai đoạn phát triển đầy hứa hẹn nhưng cũng không ít thách thức. Việt Nam đang bước vào một kỷ nguyên mới, thường được gọi là "kỷ nguyên vươn mình". Thuật ngữ "vươn mình" hàm ý một sự chuyển động mạnh mẽ, quyết liệt, tự tin để vượt qua những thách thức, thực hiện khát vọng và đạt được những thành tựu to lớn. Kỷ nguyên này được kỳ vọng sẽ đưa đất nước lên một vị thế mới trên trường quốc tế, với sự thịnh vượng và phát triển toàn diện.

Song song với khát vọng vươn lên, Việt Nam đang tiến hành các cải cách hành chính quan trọng, trong đó có quá trình sáp nhập các tỉnh. Mục tiêu của việc sáp nhập này là nhằm tối ưu hóa nguồn lực, tăng cường sức mạnh kinh tế và nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra những yêu cầu không nhỏ về việc tái cấu trúc bộ máy hành chính, ổn định đời sống người dân và tạo ra sự đồng thuận trong các đơn vị hành chính mới.

Bên cạnh những cơ hội và thách thức nội tại, Việt Nam còn phải đối mặt với những diễn biến phức tạp từ môi trường quốc tế, đặc biệt là tình hình chiến tranh

thương mại. Các cuộc chiến thương mại này không chỉ tác động tiêu cực đến quan hệ quốc tế mà còn gây ra những hệ lụy kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, chuỗi cung ứng và chi phí sản xuất.

Trong bối cảnh đầy biến động này, vai trò của lãnh đạo trở nên vô cùng quan trọng. Lãnh đạo hiệu quả là yếu tố then chốt giúp Việt Nam tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức và đạt được các mục tiêu phát triển quốc gia. Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức rõ sự cần thiết của một nền quản trị năng động và hiện đại để đưa đất nước tiến lên. Điều này đòi hỏi một phong cách lãnh đạo không chỉ quản lý các hoạt động hiện tại mà còn phải có khả năng truyền cảm hứng, tạo động lực và dẫn dắt sự thay đổi một cách hiệu quả.

Phong cách lãnh đạo chuyển đổi (Transformational Leadership), với trọng tâm là truyền cảm hứng và động viên người theo dõi hướng tới một tầm nhìn chung, thúc đẩy sự đổi mới và phát triển cá nhân, có thể là một khuôn khổ phù hợp để giải quyết những thách thức mà Việt Nam đang phải đối mặt. Phong cách này nhấn mạnh việc xây dựng một môi trường làm việc dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau, tin tưởng, nhiệt huyết, chính trực, tận tâm và đổi mới.

Nghiên cứu này nhằm mục đích khám phá cách các nguyên tắc của phong cách lãnh đạo chuyển đổi có thể được phát triển và áp dụng hiệu quả trong bối cảnh đặc thù của Việt Nam, dựa trên nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Báo cáo sẽ phân tích sự tương đồng giữa các giá trị cốt lõi của Đảng và các nguyên tắc của lãnh đạo chuyển đổi, đồng thời xem xét cách phong cách lãnh đạo này có thể góp phần vào sự phát triển quốc gia, quá trình sáp nhập tỉnh và ứng phó với chiến tranh thương mại. Những nội dung trên mở ra một hướng nghiên cứu sâu rộng, giúp làm rõ được mối liên hệ giữa truyền thống tư tưởng cách mạng của Đảng với các mô hình lãnh đạo đột phá hiện đại, từ đó tạo điều kiện tiếp cận và giải quyết các vấn đề trong công tác lãnh đạo và quản trị trong bối cảnh mới.

2. Cơ sở bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò then chốt trong việc duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước, như đã được nhấn mạnh trong nội dung được cung cấp. Dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ tư tưởng này không chỉ mang tính cách mạng mà còn chứa đựng giá trị khoa học sâu sắc, trở thành kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. Trong đó, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam,

với mục tiêu cao nhất là phụng sự nhân dân và sự nghiệp cách mạng, từ đó tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển của xã hội. Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng không chỉ là nhiệm vụ chính trị hàng đầu mà còn là trách nhiệm lịch sử của Đảng và toàn thể nhân dân Việt Nam. Đây là yếu tố cốt lõi để củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời ngăn chặn mọi âm mưu chống phá từ các thế lực thù địch. Ngay từ khi thành lập, Đảng đã khẳng định vai trò không thể thay thế của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh như là nền tảng lý luận vững chắc, dẫn dắt cách mạng Việt Nam vượt qua muôn vàn thử thách.

Trong bối cảnh hiện nay, khi các thế lực thù địch ngày càng triệt để sử dụng không gian mạng như một công cụ lợi hại để lan truyền thông tin sai lệch, xuyên tạc sự thật và bôi nhọ Đảng cũng như Nhà nước Việt Nam, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Những kẻ thù địch này không ngừng tận dụng các công nghệ hiện đại tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) để tạo ra những nội dung giả mạo, gây ra sự hoang mang và chia rẽ trong dư luận xã hội. Đồng thời, các vấn đề nội tại như tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên càng làm gia tăng áp lực lên công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng. Để đối phó hiệu quả với những thách thức phức tạp này, Đảng đã xác định một số giải pháp trọng tâm, bao gồm việc kiên định giữ vững và không ngừng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho toàn bộ đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân; tích cực chủ động phản bác các luận điệu sai trái, thù địch; đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò nêu gương của các cán bộ, đặc biệt là những người giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt, nhằm củng cố và tạo dựng niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng.

Bên cạnh những thách thức từ bên ngoài, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng phải đối mặt với những vấn đề nội tại nghiêm trọng, đặc biệt là tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên. Tình trạng này không chỉ làm suy yếu sức mạnh của Đảng từ bên trong mà còn làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, tạo ra những lỗ hổng để các thế lực thù địch lợi dụng, xuyên tạc. Khi những người có trách nhiệm trong công tác phòng, chống tham nhũng lại có hành vi tham nhũng, điều này sẽ gây ra những phản ứng tiêu cực trong xã hội, làm xói mòn niềm tin vào hệ thống chính trị (TS. Phan Hải Hồ, 2024). Hiện tượng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, như đã được chỉ ra, cho thấy sự suy yếu trong nhận thức và kiên định với các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh,

đây là một nguy cơ tiềm ẩn đối với sự vững mạnh của nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng trong tình hình mới. Một trong những ưu tiên hàng đầu là việc kiên định giữ vững và không ngừng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước và bối cảnh quốc tế. Đảng đặc biệt chú trọng đến việc tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho toàn bộ cán bộ, đảng viên và nhân dân, giúp nâng cao nhận thức về vai trò và giá trị của nền tảng tư tưởng, cũng như khả năng tự bảo vệ trước những luận điệu sai trái, thù địch. Đồng thời, Đảng chủ trương tích cực và chủ động phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên mọi mặt trận, đặc biệt là trên không gian mạng. Vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là những người giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt, được xem là một biện pháp quan trọng để củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Đảng cũng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng trên không gian mạng, cũng như việc ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, đặc biệt là AI và Big Data, vào công tác giám sát, phát hiện và xử lý thông tin xấu độc (PGS. TS Lê Hải Bình, 2024).

Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới đã khẳng định đây là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, lâu dài và cấp bách. Nghị quyết này đã định hướng rõ ràng cho việc đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong nội bộ Đảng. Mục tiêu chính của Nghị quyết là bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố và tăng cường niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, bảo vệ nhân dân và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nghị quyết nhấn mạnh sự cần thiết phải làm cho hệ tư tưởng của Đảng thấm sâu vào đời sống chính trị, tinh thần của xã hội. Nghị quyết đã đề ra năm nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện mục tiêu này, bao gồm hoàn thiện hệ thống pháp luật, đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật, nâng cao hiệu quả tuyên truyền và triển khai đồng bộ các giải pháp đấu tranh.

Sự thống nhất trong nội bộ Đảng là một yếu tố quyết định sức mạnh lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Một nền tảng tư tưởng vững chắc, dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong toàn Đảng. Khi có sự thống nhất

cao trong Đảng, việc triển khai các chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng sẽ được thực hiện một cách hiệu quả, góp phần vào sự ổn định và phát triển của đất nước. Ngược lại, sự chia rẽ trong nội bộ Đảng sẽ làm suy yếu vai trò lãnh đạo, giảm sút sức chiến đấu và tạo cơ hội cho các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá (PGS. TS Nguyễn Vĩnh Thanh, 2021). Vì vậy, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng cũng đồng nghĩa với việc bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, tạo nên sức mạnh nội tại to lớn để vượt qua mọi khó khăn và thách thức.

3. Đặc điểm của phong cách lãnh đạo chuyển đổi

Phong cách lãnh đạo chuyển đổi được đặc trưng bởi khả năng kích thích đổi mới, sáng tạo và thúc đẩy quá trình học hỏi không ngừng của các thành viên trong đội nhóm. Những nhà lãnh đạo theo kiểu này luôn chủ động giải quyết mọi vấn đề và sẵn sàng chịu trách nhiệm, đồng thời truyền cảm hứng để từng cá nhân phát triển theo hướng tích cực. Họ chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp bằng cách khuyến khích nhân viên hướng tới lợi ích chung, thay vì chỉ tập trung vào lợi ích cá nhân, đồng thời thể hiện sự công bằng, chính trực và luôn làm gương trong tiêu chuẩn đạo đức. Bên cạnh đó, họ cung cấp đầy đủ huấn luyện và hỗ trợ cần thiết, tạo điều kiện để nhân viên có thể tự đưa ra các quyết định và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Hơn nữa, phong cách lãnh đạo này còn tập trung vào việc thúc đẩy sự hợp tác qua giao tiếp cởi mở, lắng nghe tích cực, khả năng thích ứng nhanh cùng tư duy cởi mở nhằm đáp ứng hiệu quả các thay đổi trong môi trường làm việc hiện đại (Bass & Riggio, 2005).

Phong cách lãnh đạo chuyển đổi mang đến nhiều ưu điểm nổi bật, đặc biệt là cách tiếp cận quản lý linh hoạt, cho phép nhân viên tự do thử nghiệm, đề xuất ý tưởng và phát triển các phương pháp sáng tạo, từ đó tạo ra giá trị chung cho tổ chức thay vì chỉ tập trung vào lợi ích cá nhân. Phong cách này khuyến khích sự phát huy vai trò của từng cá nhân trong việc đưa ra các ý tưởng mới, phù hợp với môi trường kinh doanh thay đổi nhanh chóng và giúp tổ chức vượt qua thách thức. Hơn nữa, nó góp phần xây dựng niềm tin và sự gắn kết thông qua giao tiếp cởi mở và tôn trọng lẫn nhau, đồng thời tạo ra một môi trường làm việc tích cực nhờ vào sự hỗ trợ và động viên của nhà lãnh đạo, từ đó nâng cao hiệu suất làm việc.

Tuy nhiên, nếu tầm nhìn của lãnh đạo quá rộng lớn, nhân viên có thể cảm thấy quá tải, kiệt sức và không thích nghi tốt, đồng thời luôn tồn tại nguy cơ sự không đồng thuận với tầm nhìn được đề ra. Phong cách này đòi hỏi các nhà lãnh đạo phải có tầm nhìn chiến lược sâu sắc, khả năng truyền cảm hứng và kỹ năng giao tiếp xuất sắc – những yếu tố không phải lúc nào cũng sẵn có. Ngoài ra, trong những tổ chức

đang gặp khủng hoảng hoặc cần sự ổn định, sự phụ thuộc quá mức của nhân viên vào lãnh đạo có thể gây khó khăn cho việc duy trì sự phát triển bền vững. Một điểm nữa là để tạo ra môi trường khuyến khích sự sáng tạo, tổ chức cần phải đầu tư đáng kể vào cơ sở vật chất, thiết bị và các chương trình đào tạo cho nhân viên.

Qua một góc nhìn so sánh, lãnh đạo chuyển đổi và lãnh đạo giao dịch (transactional leadership) là hai phong cách lãnh đạo đối lập nhau về cách thức tiếp cận và tạo động lực cho nhân viên. Trong khi lãnh đạo giao dịch chủ yếu sử dụng hệ thống phần thưởng và hình phạt để thúc đẩy hành động của cấp dưới, nhằm tập trung vào việc giám sát hiệu suất theo các mục tiêu ngắn hạn và duy trì sự tuân thủ, thì lãnh đạo chuyển đổi lại nhấn mạnh việc giao tiếp cởi mở, truyền cảm hứng và củng cố tích cực. Nhà lãnh đạo chuyển đổi tạo động lực thông qua sự nhiệt tình, khích lệ nội tại và cam kết lâu dài, góp phần phát triển sự sáng tạo và tinh thần tự chủ của nhân viên. Mặc dù phương pháp giao dịch có thể đem lại hiệu quả trong một số trường hợp nhất định, nó lại không thực sự khơi dậy lòng trung thành và khả năng đổi mới của cá nhân, điều mà phong cách chuyển đổi hướng tới nhằm tạo ra giá trị bền vững cho tổ chức, khách hàng và cộng đồng.

Phong cách lãnh đạo chuyển đổi đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy thành công của tổ chức thông qua nhiều cơ chế khác nhau (Jun & Lee, 2023). Các nhà lãnh đạo chuyển đổi thúc đẩy sự đổi mới và truyền cảm hứng cho những cách suy nghĩ mới. Họ khuyến khích tư duy đổi mới bằng cách nhấn mạnh những kinh nghiệm và cơ hội phát triển mới. Họ trao quyền cho nhân viên đóng góp ý tưởng và kỹ năng giải quyết vấn đề của họ, thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới. Kích thích trí tuệ bao gồm việc thách thức các nhóm suy nghĩ một cách phê phán, khám phá những ý tưởng mới và tìm kiếm các giải pháp sáng tạo. Họ tạo ra một môi trường khuyến khích sự sáng tạo và học hỏi. Các nhà lãnh đạo chuyển đổi nuôi dưỡng tư duy cải thiện và phát triển, coi trọng những ý tưởng mới và xem xét chúng một cách chu đáo. Họ xây dựng văn hóa đổi mới. Họ kích thích tư duy của những người theo dõi, dẫn đến sự phát triển của những ý tưởng sáng tạo. Họ khuyến khích những người theo dõi theo đuổi mục tiêu bằng cách sử dụng các phương pháp tiếp cận sáng tạo. Họ thách thức hiện trạng và khuyến khích việc thực hiện và ứng dụng những ý tưởng mới. Phong cách lãnh đạo chuyển đổi là một yếu tố bối cảnh quan trọng quyết định hành vi đổi mới.

4. Xây dựng phong cách lãnh đạo chuyển đổi dựa trên nền tảng Tư tưởng của Đảng

Trong bối cảnh hiện nay, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ đòi hỏi sự kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn yêu cầu xây dựng một phong cách lãnh đạo chuyển đổi dựa trên những giá trị cốt lõi đó, nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Phong cách lãnh đạo chuyển đổi mang lại một cách tiếp cận hiện đại, trọng tâm vào việc truyền đạt tầm nhìn sâu sắc và đầy cảm hứng, giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ ràng con đường cách mạng được định hướng bởi những giá trị truyền thống quý báu của Đảng.

Đồng thời, những nhà lãnh đạo chuyển đổi không chỉ quản lý mà còn khơi dậy động lực, tạo nên sức mạnh nội tại cho đội ngũ thông qua sự nhiệt huyết, niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào chủ nghĩa xã hội, từ đó giúp họ vượt qua các thử thách trong thời đại hội nhập và biến động. Song song với đó, sự đổi mới và sáng tạo được coi là kim chỉ nam để ứng dụng sáng tạo các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn, thể hiện qua việc cải tiến nội dung tuyên truyền, áp dụng các công nghệ hiện đại nhằm phản bác các quan điểm sai lệch, từ đó khẳng định vị thế tiên phong của hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, xây dựng niềm tin và sự gắn kết giữa Đảng và nhân dân luôn là yếu tố then chốt; các nhà lãnh đạo chuyển đổi cần đặt lợi ích chung lên hàng đầu, hành động minh bạch và làm gương, qua đó tạo dựng một môi trường đoàn kết chặt chẽ, nơi mỗi cá nhân đều cảm thấy mình là một phần không thể thiếu của quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Sự kết hợp của tầm nhìn, truyền cảm hứng, đổi mới sáng tạo và sự gắn kết này không chỉ là công cụ quản lý hiệu quả mà còn là phương pháp mạnh mẽ để bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, đảm bảo rằng những giá trị cách mạng và khoa học sẽ tiếp tục soi sáng và dẫn dắt con đường phát triển của dân tộc. Một số vấn đề được thảo luận chi tiết hơn dưới đây.

Thứ nhất, về tầm nhìn và giá trị cốt lõi. Lãnh đạo chuyển đổi nhấn mạnh vào việc truyền đạt một tầm nhìn rõ ràng và đầy cảm hứng. Tương tự, nền tảng tư tưởng của Đảng dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là kim chỉ nam định hướng cho mọi hành động. Một nhà lãnh đạo chuyển đổi trong Đảng cần không ngừng khẳng định và làm sáng tỏ giá trị cốt lõi của tư tưởng này, giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ và tin tưởng vào con đường cách mạng. Một nhà lãnh đạo chuyển đổi trong Đảng luôn truyền đạt một tầm nhìn rõ ràng và đầy cảm hứng, giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu và tin tưởng vào con đường cách mạng. Ví dụ,

một lãnh đạo cấp bộ phận có thể tổ chức các buổi tọa đàm, lớp học chính trị và gặp gỡ trực tiếp với cá nhân để giải thích và làm sáng tỏ các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó, lãnh đạo không chỉ nhấn mạnh về mục tiêu xây dựng xã hội công bằng, dân chủ mà còn khắc sâu niềm tin rằng mọi hành động của Đảng đều hướng tới lợi ích chung của nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ hai, về truyền cảm hứng và động lực. Những nhà lãnh đạo chuyển đổi không chỉ quản lý mà còn truyền cảm hứng, giúp các thành viên trong tổ chức cảm thấy được nạp năng lượng và sẵn sàng cống hiến. Tương tự, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đòi hỏi sự nhiệt huyết và khả năng truyền cảm hứng từ các lãnh đạo. Họ cần khơi dậy niềm tự hào dân tộc, niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và ý chí vượt qua thách thức. Lãnh đạo chuyển đổi luôn nỗ lực truyền cảm hứng và khơi dậy năng lượng tích cực cho tổ chức. Ví dụ, trong một cuộc họp định kỳ, nhà lãnh đạo có thể kể lại những câu chuyện về những chiến công hào hùng, những nỗ lực không ngừng của các đồng chí đi đầu trong công tác cải cách, thúc đẩy niềm tự hào dân tộc và sự nhiệt huyết vượt qua khó khăn. Những câu chuyện này được truyền tải một cách nhiệt tình, tạo động lực để mỗi thành viên cảm nhận được trách nhiệm và khát khao cống hiến cho sự nghiệp chung, từ đó giúp bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ ba, về đổi mới và sáng tạo. Lãnh đạo chuyển đổi khuyến khích đổi mới và tìm kiếm các giải pháp sáng tạo. Trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng, điều này có thể được thể hiện qua việc đổi mới nội dung và phương pháp tuyên truyền, sử dụng công nghệ hiện đại để phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đồng thời, cần vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn, phù hợp với bối cảnh mới. Phong cách lãnh đạo chuyển đổi khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo như một phương thức để vượt qua các thách thức hiện đại. Ví dụ, để phản bác những thông tin sai lệch và quan điểm thù địch trên mạng xã hội, các nhà lãnh đạo có thể kết hợp công nghệ số vào tuyên truyền chính trị. Họ sáng tạo ra các chiến dịch truyền thông đa phương tiện, ứng dụng di động và nền tảng trực tuyến nhằm cung cấp thông tin minh bạch, giải thích rõ ràng những giá trị của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhờ đó, tư tưởng cách mạng được truyền tải sinh động, dễ hiểu và phù hợp với bối cảnh hiện đại, đồng thời khuyến khích mọi người cùng đóng góp ý kiến, sáng tạo ra các giải pháp mới cho các vấn đề đang diễn ra trong xã hội.

Cuối cùng, về xây dựng niềm tin và sự gắn kết. Một nhà lãnh đạo chuyên đổi luôn đặt lợi ích của tổ chức lên hàng đầu, xây dựng niềm tin và sự tôn trọng từ các thành viên. Tương tự, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cần sự gắn kết chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân. Điều này đòi hỏi các lãnh đạo phải nêu gương, minh bạch và luôn hành động vì lợi ích chung. Một nhà lãnh đạo chuyên đổi luôn đặt lợi ích chung của tổ chức lên hàng đầu, thông qua các hành động minh bạch và gương mẫu để xây dựng niềm tin vững chắc giữa Đảng và nhân dân. Ví dụ, trong các cuộc họp báo, tọa đàm mở hoặc các sự kiện giao lưu, lãnh đạo công khai chia sẻ thông tin, giải thích quyết định và lắng nghe ý kiến đóng góp từ mọi tầng lớp cán bộ, đảng viên. Chính những hành động này đã tạo nên một không khí tin cậy, khuyến khích sự đoàn kết và gắn bó, từ đó giúp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, làm tăng uy tín và sức mạnh nội tại của tổ chức.

5. Áp dụng Phong cách Lãnh đạo Chuyên đổi trong các Bối cảnh Quan trọng hiện nay

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập ngày càng sâu rộng, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ dừng lại ở sự duy trì, bảo tồn chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh theo một khuôn mẫu cố định, mà còn đòi hỏi một sự “đổi mới từ bên trong” thông qua phong cách lãnh đạo chuyên đổi. Điều này thể hiện qua việc lãnh đạo không chỉ đơn thuần là quản lý mà còn là nghệ thuật truyền cảm hứng, khơi gợi niềm tự hào dân tộc và nghị lực vượt qua khó khăn. Họ không chỉ trở thành những người chỉ đạo chính sách mà còn là những người truyền đạt tầm nhìn xa, góp phần xây dựng một hệ thống chính trị gắn kết, nơi mà các giá trị truyền thống được sống động hóa trong mỗi hành động cụ thể.

“Kỷ nguyên vươn mình”: Dẫn dắt Phát triển Quốc gia

Khái niệm “kỷ nguyên vươn mình” không chỉ là lời kêu gọi tiến bước mà còn là biểu hiện của ý chí và khát vọng mạnh mẽ hướng tới tương lai tươi sáng. Trong giai đoạn này, các cải cách và đổi mới được kỳ vọng tạo ra những bước đột phá trong mọi lĩnh vực, từ quản lý nhà nước đến kinh tế xã hội. Các nhà lãnh đạo chuyên đổi phải biết cách tận dụng công nghệ hiện đại để cập nhật và lan tỏa các giá trị cách mạng, cũng như kịp thời phản ứng trước những biến động từ bên ngoài, chẳng hạn như những căng thẳng trong bối cảnh thương mại toàn cầu, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc. Chính sự linh hoạt này giúp đơn giản hóa các quy trình, chống lại các quan điểm sai lệch, và tạo ra một thông điệp thống nhất, mạnh mẽ trong nội bộ và đối ngoại.

Các nhà lãnh đạo chuyển đổi có thể truyền cảm hứng cho một tầm nhìn chung về sự tiến bộ quốc gia dựa trên hệ tư tưởng của Đảng bằng cách khai thác các mục tiêu dài hạn của Đảng về một đất nước giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh. Tầm nhìn này cần nhấn mạnh sự trẻ hóa quốc gia, dựa trên những thành tựu đã đạt được đồng thời nắm bắt sự đổi mới và phát triển bền vững. Các nhà lãnh đạo có thể sử dụng động lực truyền cảm hứng để khơi dậy lòng tự hào dân tộc và mục đích tập thể trong việc hiện thực hóa tầm nhìn này. Bản thân câu chuyện về “kỷ nguyên vươn mình” có thể đóng vai trò là cốt lõi của tầm nhìn truyền cảm hứng, và các nhà lãnh đạo chuyển đổi có thể khuếch đại thông điệp này bằng cách kết nối nó với cuộc sống hàng ngày và khát vọng của người dân Việt Nam.

Các nhà lãnh đạo chuyển đổi có thể nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc bằng cách làm nổi bật lịch sử phong phú, di sản văn hóa và những thành tựu đã đạt được của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Họ có thể khuyến khích sự tham gia của người dân bằng cách nhấn mạnh giá trị của những đóng góp cá nhân vào sự phát triển quốc gia, phù hợp với nguyên tắc “dân là gốc” của Đảng. Kích thích trí tuệ có thể được sử dụng để khuyến khích giải quyết vấn đề sáng tạo và đổi mới từ mọi thành phần xã hội để đóng góp vào sự tiến bộ quốc gia. Quan tâm cá nhân bao gồm việc ghi nhận và đánh giá cao những tài năng và quan điểm đa dạng của người dân, nuôi dưỡng ý thức hòa nhập và đồng sở hữu trong dự án quốc gia

Đề án Sáp nhập cấp tỉnh, cấp xã

Đề án sáp nhập cấp tỉnh, cấp xã năm 2025 là một ví dụ điển hình cho những thay đổi mạnh mẽ trong cấu trúc hành chính, đòi hỏi sự thích ứng và định hướng lại từ góc nhìn lãnh đạo. Trong thời kỳ này, những nhà lãnh đạo chuyển đổi cần sáng tạo không chỉ trong chính sách mà còn trong cách thức truyền đạt giá trị cách mạng đến được từng cá nhân trong hệ thống và cộng đồng. Việc cải cách hành chính không chỉ nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý mà còn là cơ hội để tái khẳng định bản sắc dân tộc, góp phần củng cố niềm tin và sự gắn bó giữa Đảng và nhân dân.

Quá trình sáp nhập cấp tỉnh, cấp xã có thể vấp phải sự phản đối do lo ngại về những thay đổi hành chính, an ninh việc làm và mất bản sắc địa phương. Các nhà lãnh đạo chuyển đổi có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng sự đồng thuận bằng cách truyền đạt một tầm nhìn rõ ràng về lợi ích của việc sáp nhập, nhấn mạnh sức mạnh kinh tế được tăng cường và các dịch vụ công được cải thiện. Động lực truyền cảm hứng có thể giúp vượt qua sự phản đối bằng cách nuôi dưỡng ý thức về một tương lai chung và bản sắc tập thể cho các tỉnh thành đã sáp nhập. Quan tâm cá nhân bao gồm việc giải quyết những lo ngại cụ thể của các cá nhân và cộng đồng

bị ảnh hưởng bởi việc sáp nhập, cung cấp hỗ trợ và đảm bảo một quá trình chuyển đổi công bằng.

Tầm nhìn thống nhất cho các tỉnh thành đã sáp nhập nên bắt nguồn từ các nguyên tắc cốt lõi của Đảng về phục vụ nhân dân và thúc đẩy phát triển xã hội chủ nghĩa. Tầm nhìn này có thể làm nổi bật các cơ hội để tăng trưởng kinh tế, cải thiện cơ sở hạ tầng và nâng cao dịch vụ xã hội cho cư dân của các đơn vị hành chính mới. Kích thích trí tuệ có thể khuyến khích các phương pháp tiếp cận sáng tạo để tích hợp các cấu trúc hành chính và thúc đẩy sự hợp tác giữa các cán bộ từ các tỉnh thành trước đây riêng biệt.

Ứng phó với Chiến tranh Thương mại và Biến động Toàn cầu

Trong một thế giới kinh tế đầy biến động, chiến tranh thương mại và các biện pháp trừng phạt kinh tế đang đặt ra những thách thức không nhỏ cho mọi quốc gia. Chính trong bối cảnh đó, các nhà lãnh đạo chuyển đổi với tầm nhìn sâu sắc cần làm gương, không chỉ trong việc định hướng chính sách ứng phó mà còn phải tạo nên sức mạnh nội tại cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Sự gắn kết được xây dựng dựa trên nền tảng của sự minh bạch, lợi ích chung và tinh thần đoàn kết sâu sắc, từ đó giúp hệ thống chính trị vững chắc trước áp lực ngoại lai và những biến động không lường trước được.

Chiến tranh thương mại và sự biến động kinh tế toàn cầu đòi hỏi một nền kinh tế có khả năng thích ứng và đổi mới cao. Các nhà lãnh đạo chuyển đổi có thể thúc đẩy điều này bằng cách khuyến khích kích thích trí tuệ, thúc đẩy một văn hóa thử nghiệm và học hỏi trong các doanh nghiệp và viện nghiên cứu. Động lực truyền cảm hứng có thể tạo niềm tin và khả năng phục hồi khi đối mặt với áp lực kinh tế bên ngoài, khuyến khích các doanh nghiệp khám phá các thị trường mới và phát triển lợi thế cạnh tranh.

Các nhà lãnh đạo chuyển đổi có thể duy trì sự ổn định quốc gia trong thời kỳ hỗn loạn bằng cách truyền đạt rõ ràng các chiến lược của chính phủ và truyền cảm hứng về sự tin tưởng và tự tin vào khả năng của Đảng trong việc vượt qua các thách thức. Ảnh hưởng lý tưởng là rất quan trọng trong việc thể hiện sự lãnh đạo đạo đức và cam kết bảo vệ lợi ích quốc gia trên hết. Giao tiếp cởi mở và minh bạch, một khía cạnh quan trọng của lãnh đạo chuyển đổi, có thể giúp xây dựng niềm tin của công chúng bằng cách thông báo cho người dân về những thách thức và phản ứng của chính phủ. Quan tâm cá nhân bao gồm việc hiểu và giải quyết những lo ngại của các thành phần dân cư khác nhau bị ảnh hưởng bởi sự biến động kinh tế, cung cấp hỗ trợ và nguồn lực khi cần thiết.

6. Kết luận

Qua sự kết hợp giữa tầm nhìn chiến lược, nghệ thuật truyền cảm hứng, sự đổi mới sáng tạo và khả năng gắn kết bền chặt giữa Đảng và nhân dân, nền tảng tư tưởng của Đảng được bảo vệ và phát triển một cách toàn diện. Sự chuyển đổi ấy không chỉ giúp Việt Nam vững vàng đối phó với những thách thức trong cấu trúc hành chính, kinh tế, và thương mại mà còn khẳng định vị thế tiên phong của hệ thống chính trị trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

Phong cách lãnh đạo chuyển đổi, khi được xây dựng trên nền tảng tư tưởng vững chắc của Đảng Cộng sản Việt Nam, có tiềm năng to lớn trong việc dẫn dắt đất nước vượt qua những thách thức và tận dụng những cơ hội trong kỷ nguyên vươn mình. Sự phù hợp tự nhiên giữa các giá trị cốt lõi của Đảng như phụng sự nhân dân, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với các nguyên tắc của lãnh đạo chuyển đổi như ảnh hưởng lý tưởng, động lực truyền cảm hứng, kích thích trí tuệ và quan tâm cá nhân tạo ra một khuôn khổ mạnh mẽ để các nhà lãnh đạo truyền cảm hứng về tầm nhìn phát triển đất nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc và thúc đẩy sự tham gia của người dân vào các mục tiêu quốc gia.

Điều này đặt ra câu hỏi cho mỗi người: làm thế nào để những nguyên tắc cách mạng, dù có được định hình từ quá khứ, có thể liên tục được làm mới và ứng dụng sáng tạo trong bối cảnh hiện đại, để mỗi bước tiến của đất nước không chỉ là sự phát triển về mặt kinh tế mà còn là sự tiến bộ của cả văn hóa và tinh thần dân tộc?

Danh mục Tài liệu tham khảo

1. Bass, B., & Riggio, R. (2005). *Transformational leadership: Second edition*. . DOI: 10.4324/9781410617095.
2. K, J., & J., L. (2023). Transformational Leadership and Followers' Innovative Behavior: Roles of Commitment to Change and Organizational Support for Creativity. *Behav Sci (Basel)*, 13(4), 320. doi:10.3390/bs13040320
3. PGS. TS Lê Hải Bình. (2024, Tháng 6 20). *Yêu cầu đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới*. Retrieved from Tạp chí Lý luận Chính trị: <https://lyluanchinhtri.vn/yeu-cau-doi-voi-cong-tac-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-trong-tinh-hinh-moi-6159.html>
4. PGS. TS Nguyễn Vĩnh Thanh. (2021, Tháng 3 27). Giá trị, sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay và một số yêu cầu đặt ra đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng thời kỳ mới. Retrieved

from Tạp chí Cộng sản: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/dau-tranh-phan-bac-cac-luan-dieu-sai-trai-thu-dich/chi-tiet/-/asset_publisher/YqSB2JpnYto9/content/gia-tri-suc-song-cua-chu-nghia-mac-le-nin-tu-tuong-ho-chi-minh-trong-thoi-dai-ngay-nay-va-mot-so-yeu-cau-dat-ra-d

5. TS. Phan Hải Hồ. (2024, Tháng 2 16). *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh mới*. Retrieved from Tạp chí Cộng sản: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/dau-tranh-phan-bac-cac-luan-dieu-sai-trai-thu-dich/chi-tiet/-/asset_publisher/YqSB2JpnYto9/content/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-dau-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-trong-boi-canhh-moi

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

TS. Cao Quốc Quang

Chi bộ Khoa Thống kê

Tóm tắt: Chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi sâu rộng mọi lĩnh vực của đời sống, trong đó không gian mạng trở thành một mặt trận tư tưởng quan trọng. Các thế lực thù địch lợi dụng internet để xuyên tạc, chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra yêu cầu cấp thiết về bảo vệ tư tưởng trong thời đại số. Giảng viên đại học, với vai trò là lực lượng trí thức nòng cốt, có trách nhiệm tiên phong trong việc giáo dục lý luận chính trị, định hướng tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Bài viết phân tích tác động của chuyển đổi số, vai trò của giảng viên, đồng thời đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, định hướng.

Từ khóa: Chuyển đổi số, giảng viên đại học, bảo vệ nền tảng tư tưởng, không gian mạng, đấu tranh phản bác.

1. Mở đầu

Chuyển đổi số với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) và mạng xã hội đã tạo ra những thay đổi mang tính cách mạng trong mọi lĩnh vực của đời sống. Theo số liệu thống kê của Bộ khoa học và công nghệ, tính đến tháng 1/2024 Việt Nam hiện có 78,44 triệu người dùng internet, tương đương 79,1% dân số, với thời gian sử dụng trung bình gần 7 giờ mỗi ngày¹. Không gian mạng không chỉ là công cụ để kết nối mà còn là một mặt trận tư tưởng quan trọng, nơi các thế lực thù địch, phản động lợi dụng để tuyên truyền, xuyên tạc và phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh – nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, giảng viên đại học, với vai trò là những trí thức tiên phong, đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục lý luận chính trị, định hướng tư tưởng cho sinh viên và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái trên không gian mạng. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ

¹<https://mst.gov.vn/internet-viet-nam-ba-muoi-nam-phat-trien-than-toc-197241227122858638>

nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” đã nhấn mạnh nhiệm vụ này, trong đó đội ngũ giảng viên được xác định là một trong những lực lượng nòng cốt. Bài viết này sẽ phân tích tác động của chuyển đổi số đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, vai trò của đội ngũ giảng viên đại học, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả của sứ mệnh này trong thời đại số.

2. Chuyển đổi số và những thách thức đối với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Chuyển đổi số là quá trình ứng dụng công nghệ số để thay đổi mô hình hoạt động, quy trình và cách thức tương tác trong các lĩnh vực của đời sống. Tại Việt Nam, chiến lược chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 đã xác định rõ mục tiêu phát triển kinh tế số, chính phủ số và xã hội số. Không gian mạng, với sự phát triển của các nền tảng số, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data), đã trở thành một môi trường quan trọng trong việc kết nối, chia sẻ thông tin và định hình nhận thức của cộng đồng.

2.1. Cơ hội từ chuyển đổi số

Chuyển đổi số mang lại nhiều cơ hội to lớn cho công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Không gian mạng, với đặc điểm lan truyền thông tin nhanh chóng và phạm vi tiếp cận rộng sẽ là công cụ hiệu quả để tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Các nền tảng chính thống hiện nay như: fanpage Thông tin Chính phủ có khoảng 5,4 triệu người theo dõi thường xuyên với lượng truy cập hàng ngày lên đến 15-20 triệu người, thuộc top 10 các website bằng tiếng Việt có nhiều người truy cập nhất²; trang Facebook VTV24 đạt mốc 8,6 triệu người theo dõi; hay kênh YouTube của Báo Nhân Dân có 3,5 triệu người đăng ký;... đã chứng minh hiệu quả trong việc lan tỏa thông tin tích cực, định hướng dư luận xã hội và phản bác các luận điệu sai trái.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số cũng tạo điều kiện để đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị (Điền Văn Dân, 2023). Các công cụ như học trực tuyến, số hoá hay trí tuệ nhân tạo (AI) giúp giảng viên tiếp cận sinh viên một cách sáng tạo, sinh động và hiệu quả hơn. Tại Đại học Kinh tế quốc dân, theo chia sẻ của PGS.TS Trần Thị Thu Hoài, “các môn học Lý luận chính trị đã giảng dạy theo hình thức kết hợp tổ chức game hóa các nội dung kiến thức lịch sử, tổ chức cho sinh viên đi xem các vở kịch lịch sử liên quan đến Bác Hồ hay chia nhóm để đến các di tích cách mạng, di

²<https://tienphong.vn/cong-thong-tin-dien-tu-chinh-phu-nam-trong-top-10-website-tieng-viet-co-nhieu-nguoi-truy-cap-post1691467>.

tích lịch sử trong thành phố... Bên cạnh đó, các nội dung kiến thức căn bản nhất, quan trọng nhất đều được đưa lên hệ thống LMS nhằm tạo sự trọn vẹn trong thu nhận kiến thức đồng thời lôi cuốn được sinh viên ham thích tìm hiểu, khám phá các học phần lý luận chính trị, qua đó góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào nền tảng tư tưởng của Đảng.”³

Hơn nữa, chuyển đổi số còn mở ra cơ hội để giảng viên tham gia tích cực vào mặt trận tư tưởng số. Các bài viết, video, hình ảnh hoặc bình luận trên mạng xã hội của giảng viên có thể tiếp cận hàng triệu người, góp phần lan tỏa thông tin chính thống và phản bác các quan điểm sai lệch. Các fanpage chính thống được thành lập trong các trường đại học quy tụ hàng triệu sinh viên và cựu sinh viên theo dõi sẽ là những kênh tuyên truyền hữu ích, nơi giảng viên, sinh viên phối hợp đăng tải các bài viết định hướng, thu hút được nhiều lượt tương tác.

2.2. Thách thức từ không gian mạng

Bên cạnh những cơ hội, không gian mạng cũng đặt ra nhiều thách thức nghiêm trọng đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Các thế lực thù địch có thể lợi dụng tính mở, tự do và ẩn danh của internet để phát tán thông tin xấu độc, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng cũng như kêu gọi “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”.

Theo thống kê, tính đến năm 2024 các cơ quan an ninh đã phát hiện hơn 3.000 trang mạng và tài khoản xã hội và gần 100 hội, nhóm trên mạng xã hội Facebook thường xuyên đăng tải thông tin chống Đảng, Nhà nước Việt Nam, kích động gây rối an ninh, trật tự, kích động biểu tình, bạo loạn, thực hiện “cách mạng màu”, “cách mạng đường phố” trong đó nhiều trang được điều hành từ nước ngoài bởi các tổ chức như Việt Tân, Tuổi trẻ yêu nước,...⁴

Nhiều vụ việc điển hình đã được đăng tải, chia sẻ, tương tác số lượng lớn gây ra những dư luận và hậu quả xấu như: Vụ quân nhân Trần Đức Đô, sinh năm 2002, cấp bậc Binh nhì, là học viên đào tạo Tiểu đội trưởng Công binh, thuộc Đại đội 14, Tiểu đoàn 4, Trường Quân sự Quân khu 1. Trần Đức Đô chết do tự tử nhưng bị kẻ địch tung tin do bị chỉ huy, đồng đội giết để xúi giục công dân không tham gia nghĩa vụ quân sự⁵; việc triển khai tiêm vaccine ngừa COVID-19 hiệu Vero Cell của

³<https://ussh.vnu.edu.vn/vi/nckh/nhom-nghien-cuu-manh/can-doi-moi-trong-viec-giang-day-cac-hoc-phan-ly-luan-chinh-tri-19452.html>

⁴<https://namcan.camau.dcs.vn/phap-luat-noi-chinh/phong-chong-xam-pham-an-ninh-quoc-gia-tren-khong-gian-mang-124171>

⁵<https://tienphong.vn/dien-tien-vu-binh-nhi-tran-duc-do-tu-vong-post1350903.tpo>

Sinopham Trung Quốc để kích động người dân không tiêm vừa phá hoại chương trình phòng ngừa dịch bệnh chống lại các chủ trương của Nhà nước, gây mất đoàn kết giữa chính quyền với nhân dân, trong nội bộ nhân dân, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh trật tự, tính mạng, sức khỏe của nhiều người.

Ngoài ra, sự phát triển của các nền tảng số như TikTok, YouTube và Twitter còn làm gia tăng nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và sinh viên. Theo một nghiên cứu của Ban Thư ký Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam, khi khảo sát 26.300 sinh viên trên cả nước về “Lối sống và định hướng giá trị của sinh viên hiện nay” thì có tới 85,1% sinh viên lựa chọn “lên mạng xã hội” là việc họ làm hàng ngày, trong đó với mục đích giải trí chiếm tỷ lệ cao nhất với 91,4%.⁶ Điều này cho thấy, kênh thông tin mà sinh viên tiếp nhận chủ yếu thông qua mạng xã hội nhưng để phân biệt được thông tin chính thống và thông tin sai lệch cũng là vấn đề khó khăn đặt ra đối với bản thân mỗi sinh viên. Chính vì vậy, giảng viên cần phải đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng tư tưởng và trang bị kỹ năng phân tích thông tin cho sinh viên.

3. Vai trò của giảng viên đại học trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa mạnh mẽ, các thế lực thù địch ngày càng gia tăng hoạt động chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Trước thực tế đó, đội ngũ trí thức, đặc biệt là giảng viên đại học – những người trực tiếp tham gia giáo dục, truyền bá tri thức và định hướng tư tưởng cho thế hệ trẻ – càng có vai trò đặc biệt quan trọng. Không chỉ là người truyền đạt kiến thức, giảng viên còn là lực lượng tiên phong trong đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, bảo vệ vững chắc hệ giá trị cách mạng. Đây vừa là trách nhiệm chính trị, vừa là biểu hiện cụ thể của tinh thần yêu nước và lòng trung thành với lý tưởng của Đảng.

3.1. Người truyền đạt lý luận chính trị và định hướng tư tưởng

Giảng viên đại học, đặc biệt là những người giảng dạy các môn lý luận chính trị, có vai trò quan trọng trong việc truyền đạt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đến sinh viên – lực lượng trẻ, năng động và dễ bị tác động bởi thông tin trên không gian mạng. Theo V.I. Lênin, “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng”. Giảng viên không chỉ cung cấp kiến thức lý luận mà còn phải định hướng tư tưởng, giúp sinh viên nhận diện và phản bác các luận điệu sai

⁶https://doanthanhvien.vn/tin-tuc/hoi-sinh-vien-viet-nam/hon-85_-sinh-vien-duoc-khao-sat-len-mang-xa-hoi-hang-ngay-voi-muc-dich-gi

trái, thù địch. Ví dụ, trong bài giảng về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, giảng viên có thể phản bác quan điểm cho rằng chế độ nhất nguyên chính trị là “vừa đá bóng, vừa thổi còi” bằng cách phân tích thực tiễn: sự lãnh đạo của Đảng đã đưa Việt Nam từ một nước nghèo nàn, lạc hậu trở thành quốc gia có thu nhập trung bình với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 6-7% mỗi năm trong hai thập kỷ qua và vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế. Những phân tích này không chỉ củng cố niềm tin của sinh viên vào Đảng mà còn trang bị cho họ khả năng tự bảo vệ trước các luận điệu xuyên tạc.

Với việc chuyển đổi số, giảng viên cần đổi mới phương pháp giảng dạy, kết hợp công nghệ số để tăng tính hấp dẫn và tương tác như sử dụng video, bài giảng trực tuyến hoặc các diễn đàn thảo luận trên mạng. Hơn nữa, giảng viên còn có thể lồng ghép các nội dung thực tiễn vào bài giảng để tăng tính thuyết phục. Chẳng hạn, khi giảng về tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng viên có thể sử dụng các video, hình ảnh, câu chuyện về sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ hoặc các thành tựu kinh tế - xã hội gần đây như việc Việt Nam trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Những ví dụ này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tính đúng đắn của nền tảng tư tưởng của Đảng.

3.2. Chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, giảng viên đại học còn là những “chiến sĩ” trên mặt trận tư tưởng số. Giảng viên cần chủ động tham gia viết bài, công bố các công trình khoa học và sử dụng mạng xã hội để lan tỏa thông tin tích cực, phản bác các quan điểm sai trái. Theo Nghị quyết số 35-NQ/TW, việc giảng viên tham gia viết bài trên các tạp chí chính thống, tham gia các cuộc thi chính luận hoặc sử dụng mạng xã hội để định hướng dư luận là nhiệm vụ bắt buộc, góp phần lan tỏa ý thức trách nhiệm trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Một dẫn chứng thực tiễn là hoạt động của Ban Chỉ đạo 35 huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Ban này đã sử dụng mạng xã hội để đăng tải các bài viết chính thống, phản bác thông tin sai lệch, thu hút sự tham gia của hơn 60.000 người dân trên địa bàn tính đến năm 2024.⁷ Các trường đại học có thể học hỏi mô hình này, sử dụng các fanpage, nhóm mạng xã hội của trường để tuyên truyền, định hướng dư luận sinh viên. Hiện nay tại Đại học Kinh tế Quốc dân, fanpage của trường với hơn 504 ngàn người theo dõi, ngoài những thông tin về hoạt động của nhà trường như tình hình đào

⁷<https://vanquan.langson.gov.vn/tin-tuc-su-kien/van-hoa-xa-hoi/su-dung-mang-xa-hoi-de-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-dau-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-cach-lam-hay.html>

tạo, hợp tác đào tạo, thông tin tuyển sinh,...có thể thấy rất nhiều thông tin về các điển hình tích cực, đặc biệt là thông tin truyền thông về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thu hút hàng ngàn lượt tương tác từ sinh viên và giảng viên.

Ngoài ra, đội ngũ giảng viên của các nhà trường còn có thể tham gia các diễn đàn trực tuyến, viết bài cho các tạp chí uy tín như Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Lý luận Chính trị hoặc các trang báo điện tử như Nhân Dân, Quân đội Nhân dân. Những bài viết này không chỉ giúp lan tỏa thông tin chính thống mà còn góp phần nâng cao uy tín của giảng viên trong cộng đồng học thuật và xã hội.

3.3. Người nêu gương trong sử dụng không gian mạng

Trong thời đại chuyển đổi số, giảng viên cần trở thành hình mẫu về sử dụng công nghệ số một cách văn minh và hiệu quả, đồng thời cần nêu gương trong việc sử dụng không gian mạng một cách “thông thái” và có trách nhiệm. Theo nghiên cứu của Bộ Thông tin và Truyền thông, đã có một số cán bộ, đảng viên vô tình chia sẻ thông tin sai lệch hoặc bình luận thiếu kiểm chứng gây ảnh hưởng tiêu cực đến dư luận. Bên cạnh đó cũng có những cá nhân do nhận thức chưa đúng mực đã đăng bài, cung cấp thông tin sai sự thật nhằm bôi nhọ sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Dẫn chứng từ tác phẩm “Cán bộ, đảng viên ứng xử với mạng xã hội” của tác giả Vân Tâm, Tạp chí Sổ tay xây dựng Đảng có đoạn viết:

“Vào tháng 5-2019, một đảng viên là nguyên phó bí thư chi bộ, trưởng một khoa của Trường Chính trị Trần Phú (tỉnh Hà Tĩnh) đã bị kỷ luật cách chức vì có hành vi sử dụng mạng xã hội đăng tin sai sự thật, xúc phạm lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Từ bài viết này, trang cá nhân của đảng viên trên có những bình luận xuyên tạc sự thật với những từ ngữ thiếu văn hóa, xúc phạm đến lãnh đạo Đảng, Nhà nước, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự bản thân, uy tín của tổ chức Đảng và nhà trường, gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên và dư luận xã hội.

Vào tháng 3-2019, một đảng viên là phó viện trưởng một viện thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã viết, đăng tin, bài sai sự thật, không đúng với quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên mạng xã hội (facebook) và bị Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ khỏi Đảng. Trước đó 1 năm, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Đà Nẵng cũng đã thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo đối với đảng viên này cùng với nội dung như trên.”

Như vậy, có thể khẳng định giảng viên cần tuân thủ các quy định của Đảng như không phát tán thông tin bí mật, không đăng hay chia sẻ nội dung xấu độc và tích cực lan tỏa thông tin chính thống. Giảng viên có thể phối hợp với các tổ chức Đoàn

để xây dựng các fanpage đăng tải các bài viết định hướng, tạo môi trường số tích cực cho sinh viên nhằm thu hút sự tham gia đông đảo của các tầng lớp sinh viên trong nhà trường. Ngoài ra, giảng viên cũng có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên kỹ năng số và tư duy phản biện để nhận diện thông tin sai lệch trên không gian mạng, hướng dẫn sinh viên cách sử dụng mạng xã hội một cách có trách nhiệm như kiểm chứng nguồn thông tin, không chia sẻ nội dung chưa xác thực và tham gia bình luận định hướng trên các nền tảng số.

4. Giải pháp nâng cao vai trò của giảng viên đại học trong bảo vệ nền tảng tư tưởng

Trước sự gia tăng phân hóa tư tưởng và thông tin trên không gian mạng, vai trò của giảng viên đại học ngày nay không còn dừng lại ở việc truyền đạt tri thức, mà còn trở thành người định hướng giá trị, dẫn dắt tư duy và nhận thức cho sinh viên. Tuy nhiên, để thực sự phát huy vai trò đó, cần có những giải pháp đồng bộ giúp giảng viên thích ứng với thời đại số, nâng cao năng lực chuyên môn và bản lĩnh chính trị. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy, trang bị kỹ năng công nghệ và tăng cường phối hợp với các tổ chức truyền thông không chỉ là yêu cầu cấp thiết, mà còn là điều kiện tiên quyết để giảng viên trở thành “người gác cổng tư tưởng” trong môi trường đại học. Dưới đây là một số giải pháp cụ thể nhằm hiện thực hóa mục tiêu đó.

4.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị

Để đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số, giảng viên cần đổi mới phương pháp giảng dạy, kết hợp lý luận với thực tiễn và ứng dụng công nghệ số. Các công cụ như video, podcast, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), xây dựng bài học trực tuyến,... có thể được sử dụng để làm bài giảng đa dạng và sinh động hơn. Chẳng hạn, một bài giảng về tư tưởng Hồ Chí Minh có thể sử dụng tư liệu lịch sử, âm thanh, hình ảnh và các bài kiểm tra tương tác trên nền tảng học trực tuyến như Moodle hay Canvas, qua đó khơi dậy hứng thú học tập ở sinh viên.

Ngoài ra, giảng viên cần tăng cường tính đấu tranh trong bài giảng, lồng ghép các nội dung phản bác quan điểm sai trái. Chẳng hạn, khi giảng về chủ nghĩa xã hội, giảng viên có thể phân tích sự sụp đổ của Liên Xô không phải do sai lầm của chủ nghĩa Mác - Lênin mà do những hạn chế trong vận dụng lý luận, từ đó khẳng định tính đúng đắn của con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đồng thời, giảng viên cần sử dụng các ví dụ thực tiễn, như thành tựu kiểm soát dịch COVID-19 của Việt Nam để minh họa cho vai trò lãnh đạo của Đảng.

4.2. Nâng cao năng lực số và lập trường chính trị

Việc nâng cao năng lực số cho giảng viên là một yêu cầu tất yếu trong thời đại số hóa. Giảng viên cần được trang bị về kỹ năng sử dụng công nghệ số, từ quản lý nội dung trên mạng xã hội, phân tích dữ liệu đến nhận diện và xử lý thông tin xấu, độc. Các trường đại học nên tổ chức các khóa bồi dưỡng về an ninh mạng, kỹ năng phản bác luận điệu sai trái và sử dụng AI trong giảng dạy. Nhiều trường đại học như Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đã tiên phong tổ chức các khóa đào tạo về an ninh mạng cho giảng viên và sinh viên, mang lại hiệu quả tích cực, giúp họ nhận diện các chiến dịch tuyên truyền chống phá trên không gian mạng.⁸

Bên cạnh đó, giảng viên phải không ngừng rèn luyện lập trường chính trị, tránh “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trước những thông tin sai lệch. Các trường đại học cần tổ chức các buổi sinh hoạt chính trị chuyên đề, hội thảo định kỳ với sự tham gia của chuyên gia từ các cơ quan trung ương nhằm góp phần định hướng nhận thức tư tưởng cho đội ngũ giảng viên.

4.3. Tăng cường phối hợp với các tổ chức và cơ quan truyền thông

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không phải là nhiệm vụ đơn lẻ mà cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và các cơ quan chức năng. Các trường đại học cần tăng cường phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông để xây dựng tài liệu giảng dạy, cập nhật thông tin chính thống, tổ chức các buổi tuyên truyền, tập huấn về tư tưởng – chính trị. Ngoài ra, việc hợp tác với các tổ chức Đoàn, cơ quan báo chí và Ban Chỉ đạo 35 để thành lập các nhóm “tác chiến số” gồm giảng viên và sinh viên sẽ góp phần tạo nên một mặt trận vững chắc trên không gian mạng trong việc phản bác và xử lý các thông tin sai lệch.

4.4. Phát huy vai trò của sinh viên trong đấu tranh trên không gian mạng

Sinh viên là lực lượng đông đảo, nhiệt huyết và thường xuyên sử dụng mạng xã hội, do đó là một lực lượng tiềm năng trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thông qua các hoạt động như viết bài, bình luận hoặc chia sẻ thông tin chính thống. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, cả nước hiện có hơn 2,2 triệu sinh viên, là nguồn lực quan trọng để lan tỏa thông tin tích cực.⁹

Những hoạt động như Cuộc thi chính luận lần thứ Tư năm 2024 do Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội tổ chức là môi trường rèn luyện tư duy

⁸<https://opsa.hpu2.edu.vn/tap-huan---boi-duong-ky-nang-su-dung-mang-xa-hoi-va-nhan-dien-phong-tranh-toi-pham-lua-dao-tren-mang-xa-hoi>.

⁹<https://tuoitre.vn/toan-can-h-giao-duc-viet-nam-nam-hoc-2024-2025-2024090510153954.htm>

phản biện và khả năng đấu tranh tư tưởng rất hiệu quả. Khi sinh viên được trao quyền và định hướng đúng đắn, họ sẽ trở thành những “người truyền lửa” tích cực trong công cuộc bảo vệ lý tưởng của Đảng trên không gian mạng.

5. Kết luận

Chuyển đổi số đã mở ra cả cơ hội và thách thức trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Giảng viên đại học, với vai trò là người truyền đạt lý luận, chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng số và người nêu gương trong sử dụng không gian mạng, đóng vai trò then chốt trong việc giữ vững trận địa tư tưởng trong thời đại số. Để thực hiện hiệu quả sứ mệnh này, giảng viên cần đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực số, phối hợp với các tổ chức và phát huy vai trò của sinh viên.

Những nỗ lực này không chỉ góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng mà còn củng cố niềm tin của nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ vào con đường cách mạng mà Đảng đã lựa chọn. Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, giảng viên đại học cần tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong, sáng tạo và trách nhiệm, góp phần xây dựng một không gian mạng lành mạnh, tích cực và an toàn cho sự phát triển bền vững của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt *"Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*.
2. Điền Văn Dân (2023), *Chuyển đổi số trong giảng dạy môn lý luận chính trị ở các cơ sở giáo dục đại học hiện nay*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, 10/2023.
3. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về *"Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới"*.
4. Nguyễn Hữu Cần - Lương Thanh Duy (2022), *Vận dụng phương pháp của V.I. Lênin trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản 6/2022.
5. Phan Hải Hồ (2024), *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh mới*, Tạp chí Cộng sản 2/2024.

6. Phan Hồng Vân (2022), *Phát huy vai trò của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, 11/2022.
7. Vân Tâm (2019), *Cán bộ, đảng viên ứng xử với mạng xã hội*, Tạp chí Sổ tay xây dựng Đảng (đoạt Giải A - Giải báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng (Giải Búa liềm vàng) lần thứ IV - năm 2019).
8. V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, t. 6, tr. 36.
9. Bài viết trên các trang web truy cập trong bài:
¹<https://mst.gov.vn/internet-viet-nam-ba-muoi-nam-phat-trien-than-toc-197241227122858638>
²<https://tienphong.vn/cong-thong-tin-dien-tu-chinh-phu-nam-trong-top-10-website-tieng-viet-co-nhieu-nguoi-truy-cap-post1691467>.
³<https://ussh.vnu.edu.vn/vi/nckh/nhom-nghien-cuu-manh/can-doi-moi-trong-viec-giang-day-cac-hoc-phan-ly-luan-chinh-tri-19452.html>
⁴<https://namcan.camau.dcs.vn/phap-luat-noi-chinh/phong-chong-xam-pham-an-ninh-quoc-gia-tren-khong-gian-mang-124171>
⁵<https://tienphong.vn/dien-tien-vu-binh-nhi-tran-duc-do-tu-vong-post1350903.tpo>
⁶https://doanthanhvien.vn/tin-tuc/hoi-sinh-vien-viet-nam/hon-85_-sinh-vien-duoc-khao-sat-len-mang-xa-hoi-hang-ngay-voi-muc-dich-gi
⁷<https://vanquan.langson.gov.vn/tin-tuc-su-kien/van-hoa-xa-hoi/su-dung-mang-xa-hoi-de-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-dau-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-cach-lam-hay.html>
⁸<https://opsa.hpu2.edu.vn/tap-huan---boi-duong-ky-nang-su-dung-mang-xa-hoi-va-nhan-dien-phong-tranh-toi-pham-lua-dao-tren-mang-xa-hoi>.
⁹<https://tuoitre.vn/toan-can-h-giao-duc-viet-nam-nam-hoc-2024-2025-2024090510153954.htm>

TINH GỌN BỘ MÁY, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ QUỐC GIA TRONG BỐI CẢNH KỶ NIỆM 50 NĂM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC VÀ HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIV

Phạm Thị Thanh Nhân

Chi bộ Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực

SV. Phạm Đỗ Mai Chi

SV. Bùi Thị Thanh Xuân

Lớp Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực 64

Tóm tắt: Cải cách bộ máy hành chính và quản trị quốc gia là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh Việt Nam kỷ niệm 50 năm thống nhất đất nước và hướng tới Đại hội Đảng XIV. Cần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, giảm thủ tục hành chính và tạo môi trường làm việc minh bạch, công bằng. Việc sáp nhập các đơn vị hành chính, cải tổ bộ máy phải thực hiện đồng bộ để tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý. Đồng thời, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính là yếu tố quan trọng, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao tính minh bạch. Cuối cùng, cần tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ đủ năng lực và phẩm chất, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững.

Từ khoá: Cải cách hành chính; tinh gọn bộ máy; quản trị quốc gia; Đại hội Đảng lần thứ XIV.

1. Đặt vấn đề

Năm 2025 đánh dấu 50 năm thống nhất đất nước (1975-2025) - một cột mốc lịch sử đặc biệt quan trọng trong hành trình xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. Đây không chỉ là thời điểm để nhìn lại chặng đường đã qua, mà còn là dịp để đánh giá toàn diện về hiệu quả của hệ thống quản trị quốc gia, từ đó kiến tạo những định hướng cải cách thể chế phù hợp với bối cảnh và yêu cầu phát triển mới.

Trong suốt hành trình đổi mới, đặc biệt từ sau Đại hội VI (1986), Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu về cải cách hành chính và tổ chức bộ máy nhà nước. Tuy nhiên, theo đánh giá của nhiều cơ quan nghiên cứu và hoạch định chính sách, bộ máy hiện nay vẫn tồn tại nhiều hạn chế mang tính hệ thống: chồng chéo, chồng chéo chức năng, thiếu liên kết giữa các cấp các ngành, đồng thời hiệu quả thực thi công vụ còn chưa tương xứng với kỳ vọng của xã hội. Báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương tại

Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (2017), đã thẳng thắn chỉ ra: “Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị còn cồng kềnh, nhiều đầu mối, nhiều tầng nấc trung gian; chức năng, nhiệm vụ chưa rõ ràng, trùng lặp; hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn thấp”.¹⁰

Đặc biệt, trong bối cảnh thế giới bước vào kỷ nguyên của chuyển đổi số, cách mạng 4.0 thì Việt Nam không chỉ cạnh tranh về chính trị cũng như các yêu cầu quản trị nguồn lực hiện đại mà còn phải đổi mới tư duy và mô hình tổ chức quyền lực. Một nhiệm vụ trọng tâm được Đảng và nhà nước xác định là tinh gọn bộ máy nhà nước và nâng cao hiệu quả quốc gia. Việc tinh gọn bộ máy, sắp xếp lại hệ thống hành chính không đơn thuần là cắt giảm về số lượng mà phải hướng đến mục tiêu tối ưu hóa hiệu lực quản trị và hiệu quả phục vụ nhân dân. Tại Hội nghị Chính phủ với địa phương tháng 1/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh: “*Phải xây dựng bộ máy thực sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt nhất cho nhân dân và sự phát triển đất nước*”.¹¹

Thực tế, trong nhiệm kỳ 2021 – 2026, chính phủ đã thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy hành chính, giảm số lượng bộ, ngành từ 22 xuống còn 17, tương ứng với việc giảm 5 bộ, ngành và đạt tỷ lệ giảm 22.7%. Đây là bước đi quan trọng nhằm giảm thiểu sự chồng chéo, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.¹²

Đồng thời, việc xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả cũng được chú trọng. Theo đó, Nhà nước đóng vai trò trung tâm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam, sử dụng các công cụ, phương thức phù hợp để huy động mọi nguồn lực trong xã hội, ban hành và tổ chức thực hiện các quyết sách, mục tiêu chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm đưa quốc gia phát triển theo hướng theo hướng hiện đại và hiệu quả.¹³

Việc tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia không chỉ là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay mà nó còn là tiền đề quan trọng hướng tới Đại hội Đảng lần thứ XIV. Đại hội XIV của Đảng đang đến gần và được kỳ vọng sẽ là

¹⁰ Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017), Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

¹¹ Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (2023), Thủ tướng: Phải xây dựng bộ máy thực sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

¹² Báo Tin Tức – TTXVN. (2025). “Trung ương thống nhất tinh gọn bộ máy của Chính phủ còn 17 bộ, ngành và 5 cơ quan trực thuộc.” <https://baotintuc.vn/thoi-su/trung-uong-thong-nhat-tinh-gon-bo-may-cua-chinh-phu-con-17-bo-nganh-va-5-co-quan-truc-thuoc20250125061803574.htm>

¹³ Tạp chí Cộng sản. (2024). “Thực hiện quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả để đất nước vươn mình bước vào kỷ nguyên mới”. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/1058902/thuc-hien-quan-tri-quoc-gia-hien-dai%2C-hieu-qua--de-dat-nuoc-vuon-minh-buoc-vao-ky-nguyen-moi.aspx>

“điểm hẹn chính trị” quan trọng để thúc đẩy một làn sóng cải cách thể chế mới, lấy trọng tâm là đổi mới mô hình quản trị quốc gia, hiện đại hóa tổ chức bộ máy, chuyển đổi cách thức vận hành quyền lực nhà nước.

Trước yêu cầu mới của sự nghiệp phát triển đất nước, vấn đề then chốt đặt ra là: Làm thế nào để tổ chức lại bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn mà không làm giảm năng lực điều hành? Làm sao để hiệu quả quản lý nhà nước thực sự nâng cao, phục vụ thiết thực cho mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2045 – khi Việt Nam phấn đấu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao?

2. Nội dung chính

2.1. Thực trạng bộ máy và quản trị quốc gia hiện nay

Trong những năm qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực cải cách tổ chức bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Các chủ trương như sáp nhập các cơ quan có chức năng tương đồng, tinh giản biên chế, cải cách thủ tục hành chính và đẩy mạnh chuyển đổi số đã được triển khai mạnh mẽ. Theo Bộ Nội vụ, từ năm 2015 đến nay, cả nước đã tinh giản hơn 84.000 biên chế công chức và viên chức, sắp xếp lại gần 5.000 đơn vị hành chính cấp xã và cấp huyện, đồng thời giảm 12% tổ chức trung gian thuộc các cơ quan nhà nước.¹⁴

Song song với đó, chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 đặt mục tiêu rõ ràng: xây dựng bộ máy hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân. Nhiều địa phương như Quảng Ninh, Hà Nội, Đà Nẵng... đã đi đầu trong việc triển khai mô hình chính quyền điện tử, xây dựng trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh và số hóa quy trình xử lý thủ tục hành chính.

Bảng 1: Cải cách hành chính ở một số địa phương giai đoạn 2021 - 2030

Địa phương	Mô hình chính quyền điện tử	Chương trình triển khai	Kết quả đạt được
Quảng Ninh	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh	- Xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. - Số hóa quy trình thủ tục hành chính.	- Giảm bớt thủ tục hành chính, giảm thiểu sự can thiệp của con người. - Tăng cường minh bạch và hiệu quả.

¹⁴ Bộ Nội vụ (2023), Báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2015–2023, tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về cải cách hành chính.

Địa phương	Mô hình chính quyền điện tử	Chương trình triển khai	Kết quả đạt được
Hà Nội	Cổng dịch vụ công trực tuyến, chính quyền điện tử	- Triển khai cổng dịch vụ công trực tuyến. - Tăng cường ứng dụng công nghệ vào giải quyết thủ tục hành chính.	- Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính qua mạng đạt 90%. - Hơn 4 triệu hồ sơ được xử lý qua dịch vụ công.
Đà Nẵng	Trung tâm phục vụ hành chính công, số hóa hồ sơ	- Thực hiện số hóa hồ sơ hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công. - Đào tạo cán bộ công chức về công nghệ.	- Tiết kiệm thời gian, tăng cường tính hiệu quả. - Nâng cao năng lực sử dụng công nghệ của cán bộ.

Nguồn : Tổng hợp của nhóm tác giả

Tuy nhiên, bên cạnh những chuyển biến tích cực đã đạt được trong quá trình cải cách bộ máy và hiện đại hóa quản trị, nhiều tồn tại và bất cập vẫn đang là rào cản lớn đối với việc nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia. Những vấn đề này không chỉ mang tính cục bộ mà còn tồn tại dai dẳng ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, diễn hình trên một số phương diện quan trọng như tổ chức bộ máy, năng lực thực thi, cơ chế phối hợp và hiệu lực chính sách.

Thứ nhất, mặc dù đã sáp nhập một số đơn vị và giảm đầu mối, tình trạng chồng chéo chức năng, trùng lặp nhiệm vụ giữa các bộ, ngành trung ương và chính quyền địa phương vẫn phổ biến. Báo cáo giám sát của Ủy ban Pháp luật Quốc hội chỉ ra: “Nhiều cơ quan có chức năng, nhiệm vụ tương tự vẫn hoạt động song song; sự phối hợp giữa các cấp, ngành còn lỏng lẻo, gây lãng phí nguồn lực và kéo dài thời gian xử lý công việc”.¹⁵ Báo cáo của Bộ Nội vụ năm 2023 cho thấy, ở cấp trung ương, nhiều bộ, ngành vẫn còn tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”, khi một cơ quan vừa xây dựng chính sách, vừa trực tiếp tổ chức thực hiện và kiểm tra, thanh tra. Ở cấp địa phương, nhiều sở, ban, ngành có chức năng tương đồng hoặc bị phân tán, dẫn đến phân tán nguồn lực và kém hiệu quả. Điều này thể hiện trong nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới về quản lý đầu tư công, mà Tác giả Brumby đã sử dụng để so sánh hiệu quả và hiệu suất đầu tư công của một số quốc gia, trong đó có Việt Nam cho thấy, chất lượng các khâu trong quy trình quản lý đầu tư công ở Việt Nam đều yếu hoặc trung bình, trong đó có 5/8 khâu yếu hoặc kém nhất. Tình trạng này tồn tại do nhiều

¹⁵ Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (2022), Báo cáo giám sát chuyên đề về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương.

nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là do yếu kém trong quản lý nhà nước.¹⁶

Bảng 2: So sánh chất lượng quản lý nhà nước giữa các quốc gia¹⁷

Chức năng quản lý đầu tư công.	Chilê	Ai-len	Hàn Quốc	Brazil	Belarus	Trung Quốc	Việt Nam	Nigeria
Định hướng, lập dự án và sàng lọc ban đầu	Tốt	Tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Trung bình	Trung bình	Trung bình
Đánh giá dự án chính thức	Tốt	Tốt	Tốt	Trung bình	Trung bình	Tốt	Trung bình	Yếu
Đánh giá thẩm định độc lập	Tốt	Tốt	Tốt	Yếu	Khá tốt	Trung bình	Yếu	Yếu
Lựa chọn dự án và lập ngân sách	Tốt	Tốt	Tốt	Yếu	Trung bình	Trung bình	Yếu	Yếu
Triển khai dự án	Tốt	Khá tốt	Tốt	Khá tốt	Trung bình	Yếu	Yé	Yếu
Điều chỉnh dự án	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Yếu
Hoạt động dự án	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Yếu	Yếu	Yếu	Yếu
Đánh giá và kiểm toán sau khi hoàn thành dự án	Khá tốt	Tốt	Khá tốt	Trung bình	Yếu	Yếu	Yếu	Yếu

Nguồn: NQ Toàn, 2018

Thứ hai, biên chế công chức, viên chức tuy đã có xu hướng giảm theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị quyết số 18-NQ/TW, nhưng vẫn còn tình

¹⁶ Nguyễn, T. H. M. (2016). Quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam.

¹⁷ NQ Toàn, “Đánh giá công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước tại Việt Nam”, Tạp chí Kinh tế Xây dựng, tr. 14-21, 2018.

trạng “hành chính hóa” đơn vị sự nghiệp, “sự nghiệp hóa” cơ quan hành chính. Tính đến năm 2023, cả nước có khoảng 2,45 triệu cán bộ, công chức, viên chức (chưa tính lực lượng vũ trang), trong đó khối hành chính khoảng 250.000 người. Việc tinh giản biên chế chưa gắn chặt với cơ cấu lại đội ngũ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công vụ.

Thứ ba, trong một số trường hợp, việc giảm đầu mỗi tổ chức không đi kèm với việc phân rõ thực quyền và trách nhiệm giải trình, dẫn đến tình trạng hình thức: “giảm tên gọi, giữ nguyên quyền lực”. Một số vụ việc vi phạm trong bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ thời gian qua cho thấy lỗ hổng lớn trong cơ chế kiểm soát quyền lực nội bộ và thiếu minh bạch trong đánh giá kết quả công vụ.¹⁸

Thứ tư, chưa có hệ thống đánh giá hiệu quả công vụ một cách định lượng và khách quan, dẫn đến việc phân bổ nguồn lực, bố trí nhân sự còn dựa nhiều vào yếu tố hành chính – niên chế thay vì năng lực thực tiễn. Trong báo cáo Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI 2023), một trong những chỉ số giảm điểm rõ nét nhất là tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của chính quyền.¹⁹

Thứ năm, bộ máy hành chính hiện nay vẫn vận hành chủ yếu theo lối mòn truyền thống – nặng về thủ tục, thiếu linh hoạt và chưa dựa trên dữ liệu, trong khi yêu cầu của một nền quản trị hiện đại là phải nhanh, minh bạch, tương tác đa chiều với người dân và doanh nghiệp. Chuyển đổi số mới chủ yếu dừng ở mức độ số hóa quy trình, chưa tạo ra đổi mới trong phương thức ra quyết định và cung ứng dịch vụ công dựa trên dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI).

Những hạn chế trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và lòng tin của nhân dân. Vì vậy, cải cách tổ chức bộ máy hành chính là một yêu cầu cấp bách và lâu dài, đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, quyết liệt hơn trong thời gian tới, nhất là trong bối cảnh cả hệ thống chính trị đang hướng tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV với quyết tâm xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam ngày càng trong sạch, vững mạnh, hiện đại.

2.2. Kinh nghiệm quốc tế và mô hình tổ chức hiệu quả: Hàm ý cho Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, nhiều quốc gia đã tiến hành cải tổ mạnh mẽ bộ máy hành chính theo

¹⁸ Tổ chức Hướng tới Minh bạch (Transparency International Vietnam), Chỉ số cảm nhận tham nhũng Việt Nam 2022, Hà Nội.

¹⁹ Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES), Báo cáo Chỉ số PAPI 2023.

hướng tinh gọn, hiện đại và linh hoạt. Những mô hình thành công như Singapore, Hàn Quốc hay Nhật Bản cho thấy: bộ máy quản trị quốc gia hiệu quả không chỉ được đo bằng số lượng đơn vị bị cắt giảm mà quan trọng hơn, nằm ở việc tái cấu trúc theo chức năng, ứng dụng công nghệ số và đề cao trách nhiệm giải trình.

Singapore là ví dụ tiêu biểu cho mô hình quản trị quốc gia tinh gọn mà hiệu quả. Quốc đảo này, với quy mô dân số chỉ hơn 5 triệu người, nhưng liên tục đứng đầu các bảng xếp hạng toàn cầu về hiệu quả chính phủ điện tử, chất lượng dịch vụ công và kiểm soát tham nhũng. Theo Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Singapore xếp hạng nhất về năng lực tổ chức khu vực công.²⁰ Cấu trúc bộ máy hành chính tại đây được xây dựng trên nguyên tắc “ít nhưng tinh”: số lượng đầu mối thấp, chức năng rõ ràng, trách nhiệm cá nhân được quy định cụ thể cho từng vị trí công vụ. Công nghệ được sử dụng rộng rãi trong mọi hoạt động, từ cung cấp dịch vụ công đến đánh giá hiệu quả công chức. Bên cạnh đó, Singapore cũng đặc biệt chú trọng cơ chế bảo vệ và khuyến khích cán bộ dám nghĩ, dám làm, coi đó là chìa khóa thúc đẩy cải cách bền vững.²¹

Tại Hàn Quốc và Nhật Bản, cải cách bộ máy hành chính diễn ra trên nền tảng quản trị đa cấp, trong đó chính quyền trung ương đóng vai trò định hướng chiến lược, còn chính quyền địa phương được trao quyền mạnh mẽ trong việc ra quyết định và tổ chức thực thi. Tuy nhiên, phân quyền không đồng nghĩa với buông lỏng kiểm soát. Hai quốc gia này đều dựa trên các hệ thống dữ liệu mở, minh bạch và có khả năng giám sát hiệu quả theo thời gian thực. Ở Hàn Quốc, hệ thống “Hệ thống dữ liệu mở của chính phủ” (Open Government Data) giúp người dân có thể truy cập công khai thông tin từ các cơ quan nhà nước, góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình. Trong khi đó, Nhật Bản phát triển mô hình “Trung tâm dịch vụ một cửa” (One-stop service centers) tại địa phương, cho phép cung cấp các dịch vụ công liên thông, thuận tiện và được điều chỉnh dựa trên phản hồi trực tiếp từ người dân.²² Tính đến tháng 3 năm 2024, 17 thành phố tại Nhật Bản đã triển khai dịch vụ "Municipal DXSaaS services counter", hỗ trợ chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công tại địa phương.²³

²⁰ World Economic Forum (2023), Global Competitiveness Report.

²¹ Government of Singapore (2023), Public Service Transformation Report, Civil Service College.

²² OECD (2022), Open Government Data Review: Korea and Japan, OECD Publishing.

²³ Digital Agency. (2024). *Municipal DX services counter: One-stop, no writing service*. Truy cập từ <https://www.digital.go.jp/en/policies/cs-dx>

Bảng 3: Tóm tắt mô hình tổ chức hành chính hiệu quả ở một số quốc gia Châu Á

Quốc gia	Mô hình	Thông tin chính	Nguồn
Singapore	Mô hình quản lý khu vực công hiệu quả với số hóa và cấu trúc chức năng rõ ràng.	Xếp hạng thứ 1 về năng lực khu vực công và năng lực cạnh tranh toàn cầu, sử dụng công nghệ số mạnh mẽ trong dịch vụ công.	IMD. (2024). <i>Global Competitiveness Ranking</i> . Strait Times.
Hàn Quốc	Quản trị phân cấp với dữ liệu mở và tích hợp AI.	Ra mắt chính sách Dữ liệu Mở Chính phủ từ năm 2013, cung cấp hơn 77.000 bộ dữ liệu; dẫn đầu trong phát triển AI dựa trên dữ liệu.	Open Gov Partnership. (2019). <i>Open Government Data Policy</i> . Gov Insider.
Nhật Bản	Trung tâm dịch vụ một cửa và số hóa chính quyền địa phương.	Phát triển Trung tâm Dịch vụ Một cửa để cung cấp dịch vụ công dễ dàng hơn; số hóa dịch vụ chính quyền địa phương.	Startup Support Tokyo. (2024). <i>Digital Governance in Japan</i> . Digital Gov Japan.

Nguồn: Tổng hợp từ nhóm tác giả

Việc lựa chọn Singapore, Hàn Quốc và Nhật Bản để tham chiếu không chỉ bởi đây là những nền hành chính hiện đại tiêu biểu tại châu Á, mà còn vì những mô hình cải cách của họ có nhiều điểm tương đồng với định hướng mà Việt Nam đang theo đuổi. Singapore là hình mẫu của một bộ máy tinh gọn nhưng hiệu lực cao – điều Việt Nam đang hướng tới trong tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW. Hàn Quốc nổi bật với quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ, phù hợp với chiến lược Chính phủ số giai đoạn 2021–2030 của Việt Nam. Nhật Bản, với kinh nghiệm xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và cải cách công vụ trên nền văn hóa trách nhiệm, cung cấp nhiều gợi mở cho nỗ lực nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính của ta. Ba quốc gia – ba mô hình – nhưng đều chia sẻ tinh thần đổi mới toàn diện, có thể truyền cảm hứng thực tiễn cho tiến trình cải cách của Việt Nam.

Từ những kinh nghiệm quốc tế đó, có thể rút ra nhiều hàm ý thiết thực cho tiến trình cải cách bộ máy nhà nước tại Việt Nam. Trước hết, tổ chức bộ máy nên được tái cấu trúc theo chức năng, thay vì chia cắt theo địa giới hành chính truyền thống.

Cách tiếp cận này giúp giảm thiểu sự chồng chéo, trùng lặp chức năng, đồng thời tăng cường khả năng phối hợp và phản ứng nhanh với biến động. Tiếp đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ không chỉ trong số hóa thủ tục mà hướng đến quản trị dựa trên dữ liệu lớn – nơi các quyết định được đưa ra trên cơ sở phân tích dữ liệu thực tế, phản ánh đúng nhu cầu và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Cuối cùng, không thể thiếu một khung pháp lý bảo vệ và khuyến khích cán bộ dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm. Bởi lẽ, không có sự an toàn chính trị và pháp lý, cán bộ khó có thể mạnh dạn hành động vì lợi ích công.

Việt Nam đang đứng trước ngưỡng cửa của một làn sóng cải cách hành chính mới. Những mô hình quốc tế không thể sao chép máy móc, nhưng hoàn toàn có thể cung cấp những chỉ dẫn và cảm hứng để xây dựng một nền hành chính hiện đại, hiệu quả và thực sự phục vụ nhân dân.

2.3. Định hướng và giải pháp cải cách hướng tới Đại hội Đảng XIV

Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, việc tinh gọn bộ máy và hiện đại hóa quản trị quốc gia không chỉ là yêu cầu khách quan, mà còn là một chiến lược phát triển mang tính đột phá, tạo nền tảng cho khát vọng vươn lên mạnh mẽ nhân kỷ niệm 50 năm thống nhất đất nước. Định hướng cải cách cần được xây dựng trên những quan điểm chỉ đạo rõ ràng, nhất quán và giải pháp cụ thể, khả thi.

Quan điểm chỉ đạo

Thứ nhất, lấy hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp làm thước đo. Bộ máy công quyền không còn chỉ là công cụ thực thi quyền lực nhà nước, mà phải trở thành một thiết chế phục vụ hiệu quả, linh hoạt, minh bạch, hướng đến sự hài lòng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp – những chủ thể trung tâm của phát triển bền vững. Một trong những điểm nhấn trong cải cách hành chính hướng tới Đại hội XIV là việc triển khai phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Ngày 11/12/2023, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 1001/QĐ-BNV²⁴, quy định rõ phương pháp này trong giai đoạn 2023–2026. Theo đó, việc đo lường được thực hiện trên ba khía cạnh chính: (1) đánh giá nhận định của người dân về chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính, bao gồm cả việc tiếp cận thông tin chính sách, thái độ công chức, trải nghiệm hành chính công; (2) đo lường sự hài lòng của người dân trong việc xây dựng và thực thi chính sách công, với các tiêu chí như trách nhiệm giải trình, sự tham gia của người dân,

²⁴ Bộ Nội vụ, Quyết định 1001/QĐ-BNV ngày 11/12/2023, “Ban hành Phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2023–2026”

chất lượng và hiệu quả thực hiện; và (3) xác định nhu cầu, mong đợi của người dân, bao gồm yêu cầu về minh bạch, tăng cường công nghệ, và nâng cao năng lực, tinh thần phục vụ của đội ngũ công chức. Việc triển khai đo lường này là một phần trong tinh thần của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021–2030²⁵, trong đó nhấn mạnh “lấy người dân làm trung tâm”, và xác định “mức độ hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo quan trọng để đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ công”. Có thể thấy, đo lường sự hài lòng không chỉ là công cụ phản ánh hiệu quả phục vụ, mà còn là nền tảng để thiết kế lại bộ máy hành chính theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm giải trình rõ ràng.

Thứ hai, bảo đảm tinh gọn nhưng không làm “loãng” trách nhiệm. Việc tinh gọn tổ chức bộ máy không đồng nghĩa với việc giảm nhẹ trách nhiệm hay buông lỏng quản lý. Ngược lại, càng tinh gọn, cơ cấu tổ chức càng cần rõ ràng về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực. Tinh giản biên chế, giảm tầng nấc trung gian phải đi đôi với việc xác định rõ trách nhiệm cá nhân hóa, bảo đảm mỗi vị trí công tác, mỗi cá nhân trong bộ máy đều phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình. Cùng với đó, việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức trong bộ máy là yếu tố không thể thiếu. Việc này không chỉ giúp tăng cường hiệu quả công việc mà còn ngăn ngừa tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm. Nghị quyết số 18-NQ/TW²⁶ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã khẳng định, việc giảm bớt cấp trung gian phải đi đôi với việc bảo đảm không làm giảm hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, giúp bảo đảm sự hoạt động thông suốt và hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ công vụ. Bên cạnh đó, để đảm bảo sự minh bạch, công bằng trong công tác đánh giá và phân bổ công việc, cơ chế đánh giá kết quả công việc là một yếu tố quan trọng. Theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP²⁷, việc đánh giá cán bộ, công chức sẽ dựa trên hiệu quả công việc thực tế, không chỉ đánh giá năng lực mà còn tạo điều kiện khuyến khích sự sáng tạo và chủ động trong công việc. Việc đánh giá đúng năng lực sẽ giúp nâng cao chất lượng đội ngũ công chức và tạo động lực cho những cá nhân xuất sắc.

Thứ ba, cải cách hành chính phải gắn liền với chuyển đổi số, không thể tách rời. Quản trị quốc gia hiện đại không thể thiếu vai trò của dữ liệu, nền tảng số và trí tuệ nhân tạo. Chính phủ điện tử, chính quyền số phải trở thành công cụ trọng yếu giúp

²⁵ Chính phủ, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021, “Về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021–2030

¹² Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 18-NQ/TW về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

¹³ Chính phủ, Nghị định số 56/2015/NĐ-CP, “Về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức”.

Nhà nước chuyển từ “quản lý” sang “đồng hành” cùng người dân và doanh nghiệp. Việc xây dựng Chính phủ số, chính quyền số là một trong ba trụ cột quan trọng của Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, bên cạnh kinh tế số và xã hội số. Theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2025 hình thành Chính phủ số, với các chỉ tiêu cụ thể như: 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4; 100% cơ quan nhà nước có nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh được xử lý trên môi trường mạng²⁸. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 1232/QĐ-BTTTT ngày 27/6/2022, phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030. Theo đó, đến năm 2025, Việt Nam phấn đấu thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu khu vực ASEAN về chỉ số chính phủ điện tử; đến năm 2030, hoàn thành xây dựng Chính phủ số, với tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GDP và hạ tầng số thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới²⁹. Đặc biệt, việc triển khai Đề án 06/QĐ-TTg³⁰ ngày 6/1/2022 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử đã tạo nền tảng quan trọng cho việc số hóa thủ tục hành chính, giúp người dân, doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công trực tuyến một cách thuận tiện, nhanh chóng. Như vậy, cải cách hành chính gắn liền với chuyển đổi số không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là giải pháp chiến lược để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” trong giai đoạn mới.

Giải pháp cụ thể

Để thực hiện thành công mục tiêu xây dựng tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hiệu quả và hiện đại, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, thiết kế lại tổ chức theo nguyên tắc “đa chức năng – một đầu mối – trách nhiệm cá nhân hóa”. Tổ chức bộ máy hành chính cần chuyển từ mô hình phân tán, trùng lặp chức năng sang tích hợp chức năng, giảm tầng nấc, xác định rõ cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm trong từng lĩnh vực. Việc cá nhân hóa trách nhiệm của người đứng đầu là yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả điều hành và ngăn chặn tình trạng né tránh trách nhiệm.

¹⁴Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 942/QĐ-TTg, về “Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

²⁹ Bộ Thông tin và Truyền thông, Quyết định số 1232/QĐ-BTTTT, Phê duyệt “Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030”.

³⁰ Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 06/QĐ-TTg, Phê duyệt “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

Thứ hai, áp dụng mạnh mẽ mô hình đánh giá bằng kết quả đầu ra (KPI). Việc đánh giá công chức, viên chức cần dựa trên kết quả công việc thực chất, không chỉ dừng ở hình thức hay quy trình. Các chỉ số KPI nên gắn liền với mức độ hài lòng của người dân, chất lượng dịch vụ công và mức độ hoàn thành mục tiêu được giao. Qua đó, tạo cơ sở khách quan để khen thưởng, kỷ luật và tinh giản biên chế.

Thứ ba, đẩy mạnh tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập theo hiệu quả. Cần chuyển từ mô hình cấp phát ngân sách sang cơ chế đặt hàng, khoán chi theo đầu ra. Các đơn vị sự nghiệp cần có quyền tự chủ trong tổ chức, nhân sự và tài chính, đi đôi với trách nhiệm giải trình về hiệu quả hoạt động. Tăng cường kiểm tra, đánh giá định kỳ để duy trì, sáp nhập hoặc giải thể các đơn vị không đáp ứng yêu cầu.

Thứ tư, ban hành Luật về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước hiện đại. Một khung pháp lý thống nhất là điều kiện tiên quyết để đổi mới bộ máy nhà nước. Luật này cần làm rõ các nguyên tắc tổ chức, quy định về phân cấp, phân quyền, trách nhiệm người đứng đầu và cơ chế giám sát. Qua đó, tạo hành lang pháp lý minh bạch, ổn định và lâu dài cho cải cách hành chính.

Thứ năm, xây dựng cơ chế bảo vệ người dám nghĩ – dám làm – dám chịu trách nhiệm. Cần có quy định cụ thể nhằm khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám đổi mới vì lợi ích chung, tránh tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm. Đồng thời, cần có tiêu chí minh bạch để phân biệt đổi mới sáng tạo với hành vi vi phạm, từ đó vừa khuyến khích đổi mới, vừa siết chặt kỷ cương hành chính.

3. Kết luận

Cải cách bộ máy hành chính và quản trị quốc gia hiện nay là yếu tố then chốt giúp đất nước phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Kỷ niệm 50 năm ngày thống nhất đất nước không chỉ là dịp nhìn lại chặng đường đã qua mà còn là thời điểm để hướng tới tương lai, đối mặt với những thách thức mới trong phát triển quốc gia. Trong bối cảnh đó, cải cách hành chính không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là sứ mệnh nhằm xây dựng một nền hành chính minh bạch, hiệu quả và phục vụ nhân dân.

Để đạt mục tiêu này, cần tái cấu trúc hệ thống tổ chức, nâng cao năng lực quản lý và hoàn thiện cơ chế giám sát nhằm ngăn ngừa tham nhũng, lãng phí. Theo Transparency International (2020), cải cách bộ máy nhằm tăng hiệu quả quản lý và giảm tham nhũng là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững. Đổi mới tư duy và phương thức làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức cũng đóng vai trò đặc biệt quan

trọng.³¹

Một yếu tố không thể thiếu là ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhằm tăng hiệu quả công việc, đơn giản hóa thủ tục và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới (2019) cho thấy các quốc gia áp dụng công nghệ trong cải cách hành chính đạt được nhiều cải thiện rõ rệt về hiệu quả và mức độ hài lòng của người dân.³²

Cải cách hành chính không chỉ là tinh giản bộ máy mà còn là đổi mới phương thức quản trị, thúc đẩy sáng tạo trong cơ quan nhà nước. Theo Tạp chí Quản lý nhà nước (2022), để cải cách hiệu quả, cần nâng cao năng lực quản lý và xây dựng cơ chế kiểm soát nội bộ rõ ràng. Điều này góp phần tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và củng cố lòng tin của người dân.³³

Cuối cùng, cải cách hành chính cần gắn với các mục tiêu phát triển bền vững. Một nền hành chính hiện đại, minh bạch và phục vụ tốt người dân là nền tảng để đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội. Các chuyên gia Liên Hợp Quốc (2020) nhấn mạnh rằng cải cách quản trị là yếu tố không thể thiếu để hiện thực hóa các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Đại hội Đảng XIV cần đề ra định hướng rõ ràng và thực hiện các giải pháp cải cách quyết liệt để xây dựng bộ máy hành chính hiệu quả, gần dân, phục vụ dân – nền tảng để đất nước tiếp tục vươn lên trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo Tin Tức – TTXVN. (2025). “Trung ương thống nhất tinh gọn bộ máy của Chính phủ còn 17 bộ, ngành và 5 cơ quan trực thuộc.” <https://baotintuc.vn/thoi-su/trung-uong-thong-nhat-tinh-gon-bo-may-cua-chinh-phu-con-17-bo-nganh-va-5-co-quan-truc-thuoc20250125061803574.htm>
- [2] Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017), *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.*
- [3] Bộ Nội vụ (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2015–2023, tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về cải cách hành chính.*

³¹ Tổ chức Minh bạch Quốc tế. (2020). Chỉ số cảm nhận tham nhũng 2020. <https://www.transparency.org/en/cpi/2020>

³² Ngân hàng Thế giới. (2021). Việt Nam số hóa: Con đường đến tương lai. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/259751629470978457/pdf/Taking-Stock-Digital-Vietnam-The-Path-to-Tomorrow.pdf>

³³ Tạp chí Quản lý nhà nước. (2022). Cải cách hành chính: Thực tiễn và thách thức. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/11/30/cai-cach-hanh-chinh-thuc-tien-va-thach-thuc/>

- [4] Bộ Nội vụ, *Quyết định 1001/QĐ-BNV ngày 11/12/2023*, “Ban hành Phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2023–2026”.
- [5] Bộ Thông tin và Truyền thông, *Quyết định số 1232/QĐ-BTTTT*, Phê duyệt “Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030”.
- [6] Chính phủ, *Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021*, “Về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021–2030”.
- [7] Chính phủ, *Nghị định số 56/2015/NĐ-CP*, “Về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức”.
- [8] Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (2023), *Thủ tướng: Phải xây dựng bộ máy thực sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*.
- [9] Digital Agency. (2024). *Municipal DX services counter: One-stop, no writing service*. <https://www.digital.go.jp/en/policies/cs-dx>
- [10] Government of Singapore (2023), *Public Service Transformation Report*, Civil Service College.
- [11] Nguyễn, T. H. M. (2016). *Quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam*.
- [12] Ngân hàng Thế giới. (2021). *Việt Nam số hóa: Con đường đến tương lai*. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/259751629470978457/pdf/Taking-Stock-Digital-Vietnam-The-Path-to-Tomorrow.pdf>
- [13] NQ Toàn, “Đánh giá công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước tại Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế Xây dựng*, tr. 14–21, 2018.
- [14] OECD (2022), *Open Government Data Review: Korea and Japan*, OECD Publishing.
- [15] Tạp chí Cộng sản. (2024). “Thực hiện quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả để đất nước vươn mình bước vào kỷ nguyên mới”. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/1058902/thuc-hien-quan-tri-quoc-gia-hien-dai%2C-hieu-qua--de-dat-nuoc-vuon-minh-buoc-vao-ky-nguyen-moi.aspx>
- [16] Tạp chí Quản lý nhà nước. (2022). *Cải cách hành chính: Thực tiễn và thách thức*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/11/30/cai-cach-hanh-chinh-thuc-tien-va-thach-thuc/>
- [17] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 06/QĐ-TTg*, Phê duyệt “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022–2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

- [18] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 942/QĐ-TTg*, về “Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030”.
- [19] Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES), *Báo cáo Chỉ số PAPI 2023*.
- [20] Tổ chức Hướng tới Minh bạch (Transparency International Vietnam), *Chỉ số cảm nhận tham nhũng Việt Nam 2022*, Hà Nội.
- [21] Tổ chức Minh bạch Quốc tế. (2020). *Chỉ số cảm nhận tham nhũng 2020*. <https://www.transparency.org/en/cpi/2020>
- [22] Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (2022), *Báo cáo giám sát chuyên đề về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương*.
- [23] World Economic Forum (2023), *Global Competitiveness Report*.

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG HIỆU QUẢ: BẢO VỆ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO, LIÊM CHÍNH, HÀNH ĐỘNG

Đinh Viết Hoàng

Chi bộ Khoa Khoa học Quản lý, Trường Kinh tế và Quản lý công

Tóm tắt: Trong bối cảnh yêu cầu đổi mới mô hình quản trị và xây dựng nền hành chính hiện đại, mô hình Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định là định hướng chiến lược nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị công. Bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận của mô hình này từ góc nhìn quản trị công hiện đại, phân tích quan điểm chỉ đạo của Đảng thể hiện qua các văn kiện chính thức, đồng thời phản bác các cách hiểu sai lệch, xuyên tạc về ba trụ cột: kiến tạo – liêm chính – hành động. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất bốn nhóm giải pháp trọng tâm gồm: hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực công vụ, thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát xã hội. Kết luận khẳng định rằng phát triển Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động không chỉ là yêu cầu cải cách kỹ trị mà còn là lựa chọn chính trị đúng đắn, phù hợp với định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: quản trị công, nhà nước kiến tạo, nhà nước liêm chính, hiệu quả quản lý, cải cách hành chính, chính sách công

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và các thách thức phi truyền thống ngày càng gia tăng, yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện chất lượng thể chế và thúc đẩy phát triển bền vững đặt ra cấp thiết đối với mọi quốc gia. Đối với Việt Nam, tiến trình phát triển kinh tế - xã hội trong nhiều năm qua đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao vị thế quốc gia và đời sống nhân dân. Tuy nhiên, mô hình quản trị hiện hành vẫn bộc lộ một số tồn tại, như tính quan liêu, kém hiệu lực trong tổ chức thực thi chính sách, sự phân tán về trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, tình trạng đạo đức công vụ chưa cao và niềm tin xã hội có dấu hiệu suy giảm trong một số lĩnh vực.

Trước thực tiễn đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định một cách nhất quán và rõ ràng về định hướng phát triển Nhà nước trong thời kỳ mới. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII nêu rõ yêu cầu phải “xây dựng và hoàn thiện Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng” và nhấn mạnh đến việc “phát triển Nhà nước kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân” như một định hướng chiến lược mang tính đột phá (ĐCSVN, 2021, tr. 173). Đây không chỉ là sự tiếp thu tinh hoa lý luận quản trị công hiện đại mà còn là quá trình đổi mới tư duy về vai trò của Nhà nước trong mô hình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, phù hợp với đặc điểm chính trị, thể chế và văn hóa quản trị đặc thù của quốc gia.

Sự cần thiết phải xây dựng một Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động xuất phát từ ba yêu cầu cơ bản. Thứ nhất, đó là yêu cầu khách quan từ sự vận động nội tại của tiến trình cải cách hành chính nhà nước. Trong giai đoạn 2011–2020, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) cho thấy mặc dù có sự cải thiện về minh bạch và cung ứng dịch vụ, song người dân vẫn phản ánh hiện tượng những nhiễu và thiếu trách nhiệm giải trình tại một số cấp cơ sở. Thứ hai, trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng khốc liệt, yêu cầu xây dựng một bộ máy công quyền có khả năng dẫn dắt phát triển, tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi và bảo đảm sự vận hành trơn tru của thể chế thị trường ngày càng trở nên quan trọng. Và thứ ba, đây là xu thế chung của quản trị nhà nước hiện đại, nơi mà vai trò của Nhà nước không còn là “chủ thể bao cấp” mà là “nhà thiết kế thể chế”, “người dẫn dắt phát triển” thông qua chính sách hiệu quả, dịch vụ công chất lượng và hệ thống pháp luật tiên tiến.

Tuy nhiên, việc tiếp cận và triển khai mô hình Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động ở Việt Nam hiện nay vẫn gặp một số rào cản cả về nhận thức và thực tiễn. Có những biểu hiện ngộ nhận hoặc hiểu sai khái niệm này, thậm chí xuất hiện các quan điểm xuyên tạc rằng đây là sự “nhập khẩu mô hình phương Tây”, không phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa. Một số nơi triển khai còn mang tính hình thức, biến khẩu hiệu thành báo cáo, mà chưa thực sự chuyển hóa thành thay đổi hành vi tổ chức và chất lượng điều hành. Điều này dẫn đến nguy cơ làm lệch hướng mục tiêu cải cách thể chế, làm giảm hiệu quả chỉ đạo, điều hành và suy giảm niềm tin vào năng lực của bộ máy công quyền.

Trên cơ sở đó, bài viết này hướng đến việc làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của mô hình Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động tại Việt Nam; phân tích các biểu hiện sai lệch, ngộ nhận hoặc xuyên tạc về mô hình này trong diễn ngôn chính sách và thực hành quản trị; đồng thời đề xuất một số giải pháp mang tính định hướng nhằm hiện thực hóa hiệu quả mô hình trong điều kiện cụ thể của nước ta. Phạm vi bài viết tập trung vào bối cảnh cải cách quản trị công ở Việt Nam từ năm 2016 đến nay, đặc biệt là sau khi khái niệm này được chính thức sử dụng trong các văn kiện Đảng,

các chương trình cải cách hành chính của Chính phủ và các hoạt động xây dựng chính sách ở cấp bộ, ngành và địa phương.

Bài viết được cấu trúc thành sáu phần. Phần đầu tiên đặt vấn đề nghiên cứu, làm rõ tính cấp thiết, mục tiêu và phạm vi tiếp cận. Phần thứ hai trình bày cơ sở lý luận về quản trị công hiện đại và mô hình Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động. Phần ba phân tích quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với việc xây dựng mô hình Nhà nước mới. Phần bốn làm rõ những biểu hiện sai lệch trong nhận thức và thực thi, đồng thời phản bác các quan điểm xuyên tạc. Phần năm đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản trị công trong khuôn khổ mô hình này. Cuối cùng, phần sáu tổng kết lại nội dung và đưa ra một số khuyến nghị chính sách để hiện thực hóa Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động một cách thực chất và bền vững.

2. Cơ sở lý luận về quản trị công và mô hình Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động

Quản trị công (public governance) là một trong những khái niệm trung tâm trong lý luận và thực tiễn cải cách nhà nước hiện đại. Trong khi khái niệm “governance” (quản trị) có thể được hiểu rộng với nghĩa là hệ thống các cơ chế, quy trình và thể chế nhằm định hướng và điều phối hành vi của các tác nhân trong xã hội (OECD, 2011), thì “quản trị công” nhấn mạnh tới vai trò của nhà nước trong việc thực hiện các chức năng công thông qua các nguyên tắc như trách nhiệm giải trình, minh bạch, hiệu quả và sự tham gia của người dân. Khác với quản lý công truyền thống (public administration), vốn đặt trọng tâm vào quyền lực mệnh lệnh - kiểm soát từ cấp trên xuống dưới, quản trị công nhấn mạnh tính tương tác đa chiều giữa Nhà nước, thị trường và xã hội dân sự, hướng đến một hệ thống quản lý có khả năng thích ứng, hợp tác và định hướng phát triển.

Sự chuyển đổi từ quản lý công sang quản trị công là kết quả của những thay đổi căn bản trong cách tiếp cận vai trò của nhà nước trong bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và dân chủ hóa đời sống xã hội. Cách tiếp cận này không phủ nhận vai trò chủ đạo của Nhà nước, mà yêu cầu Nhà nước tái cấu trúc lại phương thức hoạt động theo hướng tạo lập khung thể chế, bảo đảm công bằng, nâng cao chất lượng dịch vụ công và khuyến khích sự tham gia của người dân vào quá trình ra quyết định. Trong báo cáo “Governance and Development” (World Bank, 1992), quản trị hiệu quả được xác định là “năng lực của nhà nước trong việc xây dựng chính sách có chất lượng và thực thi chính sách hiệu quả”.

Từ cơ sở lý luận đó, mô hình “Nhà nước kiến tạo phát triển” (developmental state) nổi lên như một dạng thức quản trị công đặc thù, trong đó Nhà nước giữ vai trò

chủ động trong việc định hình chiến lược phát triển, điều tiết thị trường và hỗ trợ các ngành kinh tế mũi nhọn. Khái niệm này được nhấn mạnh trong các nghiên cứu về các quốc gia Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan giai đoạn hậu Thế chiến II, nơi mà Nhà nước không chỉ là “người bảo vệ luật chơi” mà còn là “nhà thiết kế thể chế” nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa nhanh chóng (Evans, 1995).

Theo kinh nghiệm quốc tế, mô hình Nhà nước kiến tạo có bốn đặc trưng cơ bản: (1) có tầm nhìn phát triển dài hạn và năng lực hoạch định chính sách chiến lược; (2) có bộ máy hành chính hiệu quả, gắn kết và liêm chính; (3) tạo lập thể chế khuyến khích sáng tạo, cạnh tranh lành mạnh và thu hút đầu tư; (4) chủ động điều phối các nguồn lực và huy động sự tham gia của khu vực tư nhân và xã hội. Mặc dù có nguồn gốc từ các quốc gia tư bản phát triển muộn, mô hình này đang ngày càng được điều chỉnh để phù hợp với các quốc gia có thể chế chính trị khác nhau, trong đó có Việt Nam.

Tại Việt Nam, mô hình Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động được xác định là một định hướng chiến lược trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Từ sau Đại hội XII và đặc biệt trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, khái niệm này được sử dụng chính thức như một nguyên tắc định hướng trong cải cách thể chế và đổi mới quản trị quốc gia. Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: “Tiếp tục đổi mới, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân” (ĐCSVN, 2021, tr. 173). Đây là sự kết hợp hài hòa giữa tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước “của dân, do dân, vì dân” và tiếp thu có chọn lọc lý luận quản trị công hiện đại trên cơ sở giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Khái niệm “liêm chính” trong mô hình này không đơn thuần là phẩm chất đạo đức cá nhân mà phải trở thành nguyên tắc hoạt động của cả hệ thống công quyền, thông qua cơ chế kiểm soát quyền lực, minh bạch hóa quy trình ra quyết định và tăng cường trách nhiệm giải trình. Trong khi đó, “hành động” không chỉ là năng lực thực thi mà còn là cam kết chính trị về sự chuyển biến kịp thời và hiệu quả, loại bỏ tình trạng trì trệ, hình thức và chông chéo trong quản lý nhà nước. Do đó, Nhà nước kiến tạo không chỉ là khái niệm lý thuyết mà đòi hỏi sự chuyển hóa sâu sắc trong nhận thức, cấu trúc thể chế và hành vi tổ chức.

Để hiểu rõ hơn mô hình Nhà nước kiến tạo, cần phân biệt với mô hình Nhà nước quản lý truyền thống. Nhà nước quản lý (managerial state) thường vận hành theo cơ chế hành chính – mệnh lệnh, với hệ thống pháp lý khép kín, cơ quan công quyền đóng vai trò chi phối hoàn toàn quy trình chính sách. Trong mô hình này, hiệu

quả được đo lường chủ yếu bằng sự tuân thủ quy định và mức độ kiểm soát hành vi của công chức, đôi khi dẫn đến hiện tượng “cứng nhắc”, thiếu năng động. Ngược lại, Nhà nước kiến tạo đề cao vai trò của Nhà nước trong việc tạo điều kiện và kích hoạt sự phát triển của xã hội, khuyến khích hợp tác công – tư, đồng thời áp dụng linh hoạt các nguyên tắc thị trường trong quản lý công nhằm tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao chất lượng phục vụ.

Các luận điểm trên cho thấy Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động không phủ định vai trò kiểm soát của Nhà nước, mà tái định vị vai trò đó trong một khuôn khổ mới – nơi Nhà nước là người định hướng chiến lược, người kiến tạo thể chế, người hành động phục vụ và là người gìn giữ các giá trị đạo đức công. Việc vận dụng mô hình này tại Việt Nam không chỉ có giá trị về mặt học thuật mà còn là nền tảng cho những chuyển biến chính sách quan trọng trong cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ, tổ chức cung ứng dịch vụ công và quản lý phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quản trị công hiện đại

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã không ngừng đổi mới tư duy quản trị nhà nước nhằm thích ứng với bối cảnh phát triển mới của đất nước và xu thế toàn cầu. Từ Đại hội XII và đặc biệt là Đại hội XIII, Đảng ta đã xác định rõ quan điểm cần phát triển một mô hình Nhà nước hiện đại, có khả năng dẫn dắt phát triển, thúc đẩy dân chủ, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân và bảo đảm công bằng xã hội. Trong đó, ba phẩm chất cốt lõi của mô hình Nhà nước hiện đại được nhấn mạnh là: kiến tạo – liêm chính – hành động. Đây là sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức công vụ, đồng thời tiếp thu có chọn lọc lý luận quản trị công hiện đại để cụ thể hóa yêu cầu đổi mới căn bản phương thức quản lý nhà nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định rõ định hướng phát triển Nhà nước trong giai đoạn mới: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam... xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát triển Nhà nước kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân” (ĐCSVN, 2021, tr. 173). Quan điểm này cũng được thể chế hóa và triển khai cụ thể thông qua các nghị quyết trọng điểm như Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW (ngày 25/10/2017) về tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, minh bạch. Đây là những văn kiện có ý nghĩa nền tảng, đánh dấu sự chuyển dịch từ cách tiếp

cận hành chính – mệnh lệnh truyền thống sang mô hình quản trị công hiện đại, dân chủ và phát triển.

Trong định hướng này, “kiến tạo” là khái niệm trung tâm, thể hiện vai trò chủ động của Nhà nước trong việc xây dựng thể chế, kiến thiết môi trường phát triển và thúc đẩy động lực xã hội. Nhà nước không còn chỉ là người cung cấp dịch vụ công đơn thuần hay điều tiết thị trường theo hướng can thiệp hành chính, mà trở thành “người dẫn dắt” có trách nhiệm thiết lập khuôn khổ thể chế thuận lợi, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực tư nhân và đổi mới sáng tạo. Tinh thần này được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021–2030, trong đó xác định một trong những đột phá chiến lược là hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, hội nhập, khơi thông mọi nguồn lực và tạo dựng niềm tin xã hội.

Cùng với đó, “liêm chính” được xác định là một nguyên tắc xuyên suốt trong đạo đức công vụ và quản lý nhà nước. Không chỉ dừng lại ở việc phòng, chống tham nhũng, liêm chính còn bao hàm yêu cầu xây dựng một nền hành chính “trong sạch, gương mẫu, lấy phục vụ làm mục tiêu, lấy hiệu quả làm thước đo và lấy sự hài lòng của người dân làm tiêu chuẩn đánh giá”. Trong văn kiện Đại hội XIII, Đảng nhấn mạnh yêu cầu: “Đẩy mạnh công khai, minh bạch, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xác định rõ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm sai phạm; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp” (ĐCSVN, 2021, tr. 176). Theo báo cáo của Thanh tra Chính phủ, năm 2022 đã phát hiện và xử lý kỷ luật trên 300 cán bộ trong các vụ việc liên quan đến lợi ích nhóm, vi phạm đạo đức công vụ – cho thấy quyết tâm hiện thực hóa mục tiêu liêm chính trong quản trị nhà nước.

Yếu tố thứ ba, “hành động”, thể hiện cam kết chính trị về một bộ máy công quyền linh hoạt, nhanh nhạy, hiệu quả, biết đổi mới và biết thích ứng. Đây là phản ứng trước thực trạng trì trệ, thụ động, ngại chịu trách nhiệm vốn tồn tại trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức. Tinh thần hành động đòi hỏi không chỉ cải tiến quy trình thủ tục mà còn thay đổi văn hóa tổ chức – từ tư duy phục vụ bị động sang tư duy phục vụ chủ động, từ “xin – cho” sang “hỗ trợ – đồng hành”. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (2020) và Luật Đầu tư công sửa đổi (2019) đã góp phần rút ngắn quy trình lập pháp và phân bổ vốn đầu tư, tạo cơ chế chính sách linh hoạt hơn cho địa phương và các cơ quan hành chính hành động quyết liệt hơn.

Mô hình Nhà nước kiến tạo, liên chính, hành động ở Việt Nam được tiếp cận và hiện thực hóa trên cơ sở định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Đây là điểm khác biệt quan trọng so với mô hình quản trị công ở các nước phương Tây, nơi mà Nhà nước chịu sự ràng buộc của chủ nghĩa đa nguyên chính trị và thị trường hóa mạnh mẽ khu vực công. Trong khi đó, ở Việt Nam, Đảng là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội, do đó yêu cầu đặt ra là phải bảo đảm tính chính trị – tư tưởng vững vàng, đi đôi với hiệu quả kỹ trị. Quản trị công hiện đại theo định hướng XHCN không đơn thuần là công cụ kỹ trị, mà phải phục vụ cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh – như được xác định trong Cương lĩnh phát triển đất nước năm 2011 (bổ sung, phát triển năm 2011) và Văn kiện Đại hội XIII.

Tư duy quản trị này cũng thể hiện tính nhân văn sâu sắc của mô hình phát triển Việt Nam, nơi Nhà nước không chỉ bảo đảm quyền lợi của các chủ thể kinh tế mà còn chăm lo an sinh xã hội, bảo vệ người yếu thế và bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ công. Việc xây dựng một Nhà nước kiến tạo, liên chính, hành động không đồng nghĩa với việc thu hẹp vai trò của Nhà nước, mà là tái định vị vai trò đó trên cơ sở đề cao pháp quyền, đạo đức công vụ và tinh thần phục vụ nhân dân. Đây là bước chuyển từ “quản lý hành chính” sang “quản trị công hiện đại”, từ “quyền lực tập trung” sang “quyền lực kiểm soát và phục vụ”, vừa giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, vừa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cạnh tranh toàn cầu.

Như vậy, quan điểm của Đảng về quản trị công hiện đại, với ba trụ cột kiến tạo – liên chính – hành động, không chỉ là định hướng lý luận mà còn là nguyên tắc chỉ đạo thực tiễn cải cách nhà nước ở Việt Nam trong giai đoạn mới. Việc bảo vệ và hiện thực hóa quan điểm này đòi hỏi sự đồng thuận chính trị cao, quyết tâm hành động mạnh mẽ, và trên hết là một hệ thống công vụ đủ năng lực, đủ liên chính và đủ khát vọng cống hiến cho sự phát triển bền vững của quốc gia.

4. Những biểu hiện sai lệch, xuyên tạc và phản bác

Việc phát triển mô hình Nhà nước kiến tạo, liên chính, hành động tại Việt Nam là một bước tiến quan trọng trong tư duy quản trị hiện đại. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai và hiện thực hóa mô hình này, vẫn tồn tại không ít nhận thức sai lệch, cách hiểu không đầy đủ, thậm chí bị xuyên tạc bởi một số quan điểm cố tình bóp méo nội hàm chính sách nhằm gây hoài nghi, làm giảm hiệu lực lãnh đạo của Đảng và niềm tin vào thể chế chính trị. Những biểu hiện này không chỉ tồn tại trong luận điệu của một số thế lực thù địch mà còn hiện diện trong tư duy hành chính thực tiễn tại một bộ phận cán bộ công quyền, gây cản trở nghiêm trọng cho tiến trình cải cách nhà nước.

Một trong những cách hiểu sai phổ biến là cho rằng “Nhà nước kiến tạo” đồng nghĩa với việc rút lui vai trò của Nhà nước ra khỏi đời sống kinh tế - xã hội, trao toàn bộ quyền quyết định và điều hành cho khu vực tư nhân hoặc thị trường. Quan điểm này dựa trên sự nhầm lẫn giữa “kiến tạo” (developmental/enabling state) và “thu hẹp chức năng” (minimal state). Trên thực tế, Nhà nước kiến tạo không phải là Nhà nước đứng ngoài thị trường, mà là Nhà nước định hướng, thiết kế thể chế, bảo đảm ổn định vĩ mô và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển trong khuôn khổ pháp luật. Theo Báo cáo Nghiên cứu Cải cách thể chế của Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2017), Nhà nước kiến tạo đóng vai trò “người tổ chức luật chơi”, “người khơi thông thị trường” và “người thúc đẩy đổi mới sáng tạo” – những vai trò đòi hỏi năng lực hành động tích cực và năng động từ phía Chính phủ, chứ không phải thụ động đứng ngoài.

Tại Việt Nam, mô hình Nhà nước kiến tạo được Đảng xác định trên cơ sở giữ vững vai trò chủ đạo của Nhà nước trong định hướng phát triển, nhưng đồng thời “xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để phát huy vai trò của thị trường và các chủ thể xã hội khác, đảm bảo tính toàn diện và hiệu quả trong phát triển” (Văn kiện Đại hội XIII, tr. 167). Do đó, việc đồng nhất Nhà nước kiến tạo với sự buông lỏng quản lý, hoặc chủ trương “phi nhà nước hóa” hoạt động công, là hoàn toàn sai lệch với định hướng chiến lược của Đảng.

Một ngộ nhận khác cần được phản bác là quan điểm cho rằng “liêm chính” chỉ là khẩu hiệu hình thức, thiếu căn cứ triển khai trong thực tế. Nhận định này thường xuất phát từ sự hoài nghi về hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng, hoặc từ thực tế rằng vẫn còn một bộ phận cán bộ, công chức vi phạm đạo đức công vụ. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng “liêm chính” trong mô hình Nhà nước hiện đại không phải là khẩu hiệu đơn lẻ, mà là nguyên tắc xuyên suốt trong thiết kế thể chế, tổ chức bộ máy và hành vi công vụ.

Thực tiễn gần đây cho thấy Đảng và Nhà nước đã có những bước đi mạnh mẽ trong thể chế hóa nguyên tắc liêm chính. Đáng chú ý, công tác kiểm tra, giám sát và xử lý cán bộ vi phạm được đẩy mạnh, với nhiều vụ việc lớn được phát hiện và xử lý nghiêm minh trong các lĩnh vực tài chính, y tế, giáo dục, đầu tư công. Báo cáo của Ban Nội chính Trung ương năm 2023 cho thấy, từ 2021 đến giữa 2023, đã xử lý kỷ luật hơn 1.200 cán bộ, trong đó có hàng chục cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý. Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã mở rộng phạm vi giám sát và tăng cường xử lý trách nhiệm người đứng đầu. Những kết quả này không chỉ chứng minh quyết tâm chính trị cao, mà còn là bằng chứng rõ ràng về việc liêm chính đang được chuyển hóa thành hành động thực tiễn, không dừng ở lời nói hay khẩu hiệu.

Một dạng xuyên tạc tinh vi khác là cho rằng mô hình “Nhà nước hành động” đồng nghĩa với việc gia tăng sự can thiệp hành chính vào đời sống xã hội và hoạt động của doanh nghiệp, đi ngược lại nguyên tắc tự do kinh doanh và cải cách thủ tục hành chính. Quan điểm này đánh tráo khái niệm giữa “hành động tích cực” và “can thiệp quan liêu”. Trên thực tế, Nhà nước hành động là Nhà nước biết nhận diện vấn đề nhanh, có phản ứng chính sách linh hoạt, dám chịu trách nhiệm, không trì trệ. Đây là biểu hiện của tinh thần cải cách, hành động quyết liệt và phục vụ kịp thời, chứ không phải sự lạm quyền hay can thiệp tùy tiện.

Cụ thể, từ sau Nghị quyết 02/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Chính phủ đã yêu cầu các bộ, ngành ban hành kế hoạch hành động cụ thể hằng năm, với các chỉ tiêu lượng hóa rõ ràng. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2022 ghi nhận sự cải thiện đáng kể ở nhiều địa phương như Quảng Ninh, Hải Phòng, Bình Dương – nơi các mô hình “chính quyền phục vụ”, “một cửa điện tử” hay “hành chính công số hóa” được triển khai bài bản, thể hiện rõ tinh thần hành động và phục vụ nhân dân. Những kết quả đó là minh chứng cho thấy “Nhà nước hành động” không phải là sự gia tăng quyền lực hành chính, mà là sự chuyển đổi từ quản lý hành chính thụ động sang quản trị công hiệu quả, lấy kết quả làm thước đo.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng các luận điểm cho rằng Nhà nước kiến tạo là mô hình rút lui, rằng liêm chính là khẩu hiệu, hay hành động là hình thức can thiệp đều là sự xuyên tạc bản chất mô hình quản trị công hiệu đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Việc bảo vệ quan điểm của Đảng về Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động là không chỉ cần thiết về mặt chính trị, mà còn cấp thiết về mặt học thuật và thực tiễn triển khai chính sách. Đây không chỉ là trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo mà còn là nghĩa vụ của các nhà khoa học, nhà giáo, trí thức và công dân có trách nhiệm với tương lai đất nước.

5. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị công ở Việt Nam hiện nay

Việc phát triển mô hình Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động tại Việt Nam không chỉ đòi hỏi định hướng chính trị đúng đắn mà còn cần một hệ thống giải pháp đồng bộ về thể chế, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và cơ chế giám sát. Trong bối cảnh yêu cầu nâng cao chất lượng điều hành, hiệu lực thể chế và sự tham gia của công dân ngày càng cao, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị công cần được thiết kế theo hướng tích hợp giữa đổi mới từ bên trong hệ thống hành chính và thúc đẩy từ bên ngoài thông qua sự tham gia của xã hội. Dưới đây là bốn nhóm giải pháp trọng tâm:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và quy trình xây dựng chính sách theo hướng công khai, minh bạch và khoa học. Thể chế là nền tảng cốt lõi của quản trị công. Một hệ thống thể chế không nhất quán, chồng chéo, thiếu minh bạch sẽ tạo ra rào cản trong thực thi chính sách, làm suy yếu tính hiệu quả và liêm chính trong quản lý nhà nước. Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2015–2020 của Bộ Tư pháp cho thấy hơn 1.200 văn bản có dấu hiệu mâu thuẫn, chồng chéo, gây khó khăn cho thi hành. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là cần tiếp tục hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy theo hướng lấy phản biện xã hội và bằng chứng khoa học làm nền tảng.

Chính phủ cần tăng cường áp dụng phương pháp đánh giá tác động chính sách (RIA – Regulatory Impact Assessment) trước khi ban hành văn bản pháp luật, đồng thời mở rộng không gian cho tham vấn công khai, đa chiều từ doanh nghiệp, người dân và các tổ chức nghiên cứu. Việc thể chế hóa đầy đủ các chủ trương lớn của Đảng trong các văn kiện, đặc biệt là tinh thần cải cách thể chế theo hướng “kiến tạo và phục vụ” như nêu trong Văn kiện Đại hội XIII, cần được thực hiện với trách nhiệm cao hơn từ phía các cơ quan chủ trì xây dựng luật và nghị định.

Thứ hai, tăng cường năng lực thực thi chính sách, nâng cao đạo đức công vụ và chất lượng đội ngũ cán bộ. Quản trị công hiệu quả không chỉ là vấn đề thiết kế chính sách mà còn phụ thuộc lớn vào năng lực tổ chức thực hiện. Hiện nay, chất lượng đội ngũ công chức vẫn còn không đồng đều, một bộ phận thiếu tinh thần trách nhiệm, chưa chủ động đổi mới, ngại va chạm và né tránh trách nhiệm. Báo cáo Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI 2022) cho thấy sự hài lòng của người dân về dịch vụ công vẫn chưa ổn định, đặc biệt ở các khâu hành chính cấp xã.

Để nâng cao năng lực thực thi, cần đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, nhất là trong khâu tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá công chức. Việc áp dụng nguyên tắc cạnh tranh công bằng, minh bạch trong thi tuyển và bổ nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý cần được mở rộng. Đồng thời, cần hoàn thiện hệ thống đánh giá công vụ theo kết quả đầu ra (result-based performance), thay vì chỉ dựa trên thâm niên hoặc hình thức. Bên cạnh đó, cần tăng cường giáo dục đạo đức công vụ, tinh thần liêm chính và trách nhiệm xã hội cho cán bộ công chức ngay từ đào tạo ban đầu trong các trường hành chính và tiếp tục thông qua bồi dưỡng thường xuyên.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào quản lý nhà nước. Chuyển đổi số là công cụ chiến lược giúp nâng cao hiệu quả, minh bạch và khả năng phản ứng chính sách của bộ máy nhà nước. Việc xây dựng chính phủ số, xã hội số đã được Đảng và Chính phủ xác định là một trong ba trụ cột trong tiến trình chuyển đổi

số quốc gia đến năm 2030. Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết đến cuối năm 2023, có trên 95% dịch vụ công mức độ 4 đã được cung cấp trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ mà không cần tiếp xúc trực tiếp với cán bộ hành chính.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số trong khu vực công vẫn còn tồn tại các thách thức như thiếu đồng bộ hệ thống dữ liệu, mức độ liên thông giữa các cơ quan còn thấp, và năng lực số của cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu. Do đó, cần thúc đẩy xây dựng hạ tầng số dùng chung, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia đồng bộ, tăng cường chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành và địa phương. Bên cạnh đó, cần chú trọng bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ công chức, đồng thời bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng trong vận hành hệ thống chính phủ điện tử.

Thứ tư, đẩy mạnh cơ chế giám sát xã hội và tăng cường vai trò của trường đại học, viện nghiên cứu và giới trí thức. Quản trị công hiện đại không thể tách rời khỏi sự tham gia của người dân và xã hội. Việc giám sát độc lập từ cộng đồng không chỉ tạo áp lực minh bạch đối với hệ thống công quyền mà còn giúp phát hiện bất cập, cung cấp thông tin hai chiều và củng cố lòng tin công chúng. Đặc biệt, vai trò của giới trí thức, nhà nghiên cứu và các trường đại học trong phân tích chính sách, phản biện xã hội, đánh giá thực thi và kiến tạo giải pháp là vô cùng quan trọng.

Cần tạo điều kiện cho các trường đại học, nhất là những trường có thế mạnh về quản lý công, chính sách công, được tham gia sâu vào quá trình xây dựng và giám sát thực hiện chính sách công ở các cấp. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng thể chế mà còn giúp phát triển đội ngũ trí thức phục vụ sự nghiệp đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho các hình thức giám sát xã hội như hội nghị đối thoại, đánh giá của tổ chức xã hội, truyền thông công dân – để người dân thực sự là chủ thể trong tiến trình quản trị công.

Hện thực hóa mô hình Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động đòi hỏi một hệ thống giải pháp đồng bộ, trong đó cần sự phối hợp chặt chẽ giữa cải cách thể chế, phát triển nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ và mở rộng dân chủ. Chỉ khi thiết kế lại toàn bộ hệ sinh thái quản trị công theo hướng lấy phục vụ người dân làm trung tâm, lấy hiệu quả thực chất làm tiêu chuẩn đánh giá, thì mô hình quản trị công hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa mới có thể vận hành thành công và bền vững.

6. Kết luận và kiến nghị

Việc phát triển mô hình Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động là một bước chuyển tư duy quan trọng của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong quá trình xây dựng

nền hành chính hiện đại, dân chủ và hiệu quả. Mô hình này không chỉ phản ánh yêu cầu nội tại của tiến trình cải cách thể chế và hành chính công, mà còn là sự tiếp thu có chọn lọc các giá trị tiến bộ của lý luận quản trị hiện đại, trên nền tảng giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng.

Trong bối cảnh phát triển hiện nay, khi Việt Nam đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen – từ yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giải quyết các vấn đề xã hội phức tạp, đến cạnh tranh chiến lược toàn cầu và yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng – thì việc thiết kế lại mô hình Nhà nước theo hướng kiến tạo, liêm chính, hành động không chỉ là một giải pháp kỹ thuật hành chính, mà thực chất là một lựa chọn chiến lược, quyết định chất lượng quản trị quốc gia trong tương lai. Đó là mô hình Nhà nước không can thiệp hành chính cứng nhắc, không thụ động phục vụ, mà là chủ động kiến thiết thể chế, bảo đảm môi trường phát triển công bằng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo hiệu quả. Đây chính là nội dung cụ thể hóa các yêu cầu “Nhà nước pháp quyền”, “Nhà nước của dân, do dân, vì dân” trong điều kiện mới.

Tuy nhiên, để hiện thực hóa hiệu quả mô hình này trong thực tiễn, cần phải có những giải pháp và kiến nghị cụ thể nhằm tạo nền tảng thể chế, nguồn lực và cơ chế giám sát đồng bộ. Trên cơ sở phân tích các nội dung đã trình bày trong bài viết, có thể đưa ra một số kiến nghị chính như sau:

Thứ nhất, về thể chế, cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh các lĩnh vực liên quan đến tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước theo tinh thần “kiến tạo và phục vụ”. Cần rà soát và sửa đổi các luật hiện hành như Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật... để khắc phục tình trạng chồng chéo, bất cập trong thẩm quyền và quy trình. Đặc biệt, cần thể chế hóa rõ ràng các nguyên tắc quản trị hiện đại như: phân định trách nhiệm, quản lý theo kết quả, bảo đảm trách nhiệm giải trình và minh bạch hóa quá trình xây dựng chính sách công. Việc áp dụng bắt buộc đánh giá tác động chính sách, tham vấn rộng rãi, và kiểm tra hậu thực thi chính sách cần được quy định chặt chẽ hơn trong hệ thống pháp luật.

Thứ hai, về nguồn lực, cần đầu tư đúng mức và hiệu quả cho phát triển đội ngũ cán bộ công chức, viên chức – những người trực tiếp hiện thực hóa mô hình Nhà nước kiến tạo. Điều này không chỉ là vấn đề đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng kỹ trị mà còn là xây dựng văn hóa công vụ dựa trên giá trị liêm chính, trách nhiệm và phụng sự nhân dân. Cần sớm xây dựng hệ thống đánh giá công vụ dựa trên kết quả đầu ra, thay thế cho lối đánh giá hình thức, mang tính bình quân. Ngoài ra, nguồn lực tài chính phục

vụ hiện đại hóa nền hành chính – nhất là hạ tầng chuyên đổi số, dữ liệu mở, hệ thống hành chính điện tử – cần được phân bổ theo tiêu chí đầu tư công hiệu quả, ưu tiên cho các bộ ngành và địa phương có năng lực cải cách thực chất.

Thứ ba, về cơ chế giám sát và phản biện, cần mở rộng không gian và điều kiện để các chủ thể ngoài nhà nước tham gia giám sát quá trình quản trị công. Cần hoàn thiện pháp lý và tạo điều kiện thực chất cho các hình thức giám sát xã hội, giám sát cộng đồng, báo chí điều tra, truyền thông công dân và phản biện chính sách từ các tổ chức xã hội – nghề nghiệp. Đồng thời, cần khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, đặc biệt là các trường đào tạo chính sách công và quản lý nhà nước, đóng vai trò tích cực trong phân tích, tư vấn và đánh giá hiệu quả quản trị. Việc xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Nhà nước – nhà trường – doanh nghiệp – người dân sẽ tạo nên “tứ giác quản trị” hiệu quả, góp phần hoàn thiện mô hình Nhà nước kiến tạo trên nền tảng khoa học và thực tiễn.

Như vậy, trong điều kiện hiện nay, xây dựng và vận hành mô hình Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động không phải là lựa chọn tùy ý, mà là con đường tất yếu để bảo đảm sự phát triển bền vững, công bằng và hiệu quả của đất nước. Thành công của mô hình này không chỉ thể hiện ở chất lượng chính sách hay độ hài lòng của người dân, mà còn ở chỗ nó củng cố và lan tỏa niềm tin vào Đảng, vào Nhà nước và vào chính tương lai của nền hành chính phục vụ, dân chủ và hiện đại mà Việt Nam đang hướng tới.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Nội chính Trung ương. (2023). *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022–2023*. Hà Nội: Văn phòng Ban Nội chính Trung ương.
2. Bộ Tư pháp. (2020). *Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2015–2020*. Hà Nội: Bộ Tư pháp.
3. Bộ Thông tin và Truyền thông. (2023). *Báo cáo chuyển đổi số quốc gia năm 2023*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2017). *Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
7. Evans, P. (1995). *Embedded autonomy: States and industrial transformation*. Princeton, NJ: Princeton University Press.
8. Ngân hàng Thế giới. (1992). *Governance and development*. Washington, DC: World Bank.
9. Ngân hàng Thế giới. (2017). *World development report 2017: Governance and the law*. Washington, DC: World Bank.
10. OECD. (2011). *Government at a glance 2011*. Paris: OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/gov_glance-2011-en
11. Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES), Trung tâm Công tác lý luận Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). (2023). *Báo cáo Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2022*. Hà Nội.

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH KINH TẾ ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC GẮN VỚI BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Trần Trọng Đức

Chi bộ Viện Thương mại và Kinh tế Quốc tế

Tóm tắt: Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên mới, đòi hỏi các chính sách kinh tế vừa khơi thông động lực tăng trưởng vừa giữ vững nền tảng tư tưởng Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng đã đặt ra mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao bền vững; tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế số; hoàn thiện thể chế..., đồng thời kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh đó, nghị quyết 35 nêu yêu cầu “xây đi đôi với chống” để bảo vệ tư tưởng trước luận điệu xuyên tạc. Bài viết khẳng định mối quan hệ biện chứng kinh tế - tư tưởng được khẳng định: kinh tế vững mạnh nuôi dưỡng niềm tin; tư tưởng vững chắc định hướng phát triển nhân văn, tự chủ. Đồng thời, đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện chính sách kinh tế nhằm phát triển đất nước gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên mới như đẩy mạnh phát triển bền vững, nâng cao nguồn nhân lực hay tăng cường giáo dục chính trị - tư tưởng, bồi đắp niềm tin, đoàn kết toàn dân, tạo xung lực “kép” - phát triển kinh tế bền vững và bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng.

Từ khóa: chính sách kinh tế, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển kinh tế

Việt Nam đang bước vào một kỷ nguyên mới đầy khát vọng dân tộc, đòi hỏi sự phát triển vượt bậc về kinh tế đồng thời kiên định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự cân bằng giữa hai yếu tố này có ý nghĩa then chốt đối với sự phát triển bền vững và thịnh vượng của quốc gia trong bối cảnh thế giới đầy biến động. Để định hình chính sách kinh tế phù hợp với kỷ nguyên mới, việc phân tích các văn kiện quan trọng của Đảng là vô cùng cần thiết. Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra nhiều chủ trương lớn về phát triển kinh tế, được thể hiện tập trung trong Báo cáo Chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Các văn kiện này nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển từ phát triển chủ yếu theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững. Sự thay đổi này xuất phát từ sự nhận thức rằng mô hình tăng trưởng trước đây dựa nhiều vào khai thác tài

nguyên và lao động giá rẻ đã đến giới hạn và cần được thay thế bằng một mô hình dựa trên năng suất, đổi mới sáng tạo và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

Đại hội XIII cũng đặc biệt nhấn mạnh việc tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dựa trên việc “đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo”.³⁴ Mục tiêu cụ thể là kinh tế số chiếm 20% GDP vào năm 2025 và khoảng 30% GDP vào năm 2030. Điều này cho thấy sự quyết tâm của Đảng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số như một động lực then chốt cho tăng trưởng kinh tế, tạo ra những ngành nghề mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Về cơ cấu nền kinh tế, Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: "Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế. Cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công. Cơ cấu lại, phát triển lành mạnh các loại thị trường, nhất là thị trường các yếu tố sản xuất để huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực"³⁵. Đặc biệt nhấn mạnh đến cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp nói chung, phát triển lực lượng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh và tăng cường gắn kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước để tạo sự chuyển giao công nghệ và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp trong nước. Đảng cũng chủ trương phát triển khu vực kinh tế tư nhân để thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, với mục tiêu đến năm 2030 có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp và tỷ trọng đóng góp của khu vực này vào GDP đạt 60% - 65%.

Bên cạnh các văn kiện Đại hội, các nghị quyết gần đây của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị cũng định hướng quan trọng cho phát triển kinh tế. Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thể hiện sự quan tâm của Đảng đến phát triển cân bằng giữa các vùng miền, khai thác tiềm năng và lợi thế của từng vùng, đồng thời bảo đảm an ninh quốc phòng. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục khẳng định vai trò then chốt của khu vực kinh tế tư nhân và đề ra các mục tiêu cụ thể cho sự phát triển của khu vực này. Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng cho thấy sự chuẩn bị tích cực cho giai đoạn phát triển mới, trong đó các

³⁴ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021

³⁵ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021

chính sách kinh tế sẽ tiếp tục được hoàn thiện và điều chỉnh.

Ngoài ra, Đảng ta nhấn mạnh tầm quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác-Lênin đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”³⁶, bao gồm cả việc hoạch định và thực hiện các chính sách kinh tế. Chính vì vậy, hoàn thiện chính sách kinh tế phải luôn gắn liền với củng cố, phát huy nền tảng tư tưởng - đó là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững đất nước. Trong dòng chảy phát triển hiện nay, lời dạy của Bác nhắc nhở rằng mọi bước đi kinh tế, dù là cải cách thể chế, thúc đẩy chuyển đổi số hay mở rộng quan hệ thương mại, đều phải neo vào nền tảng tư tưởng như chiếc mỏ neo giữ con thuyền quốc gia không trôi dạt giữa “biển lớn” toàn cầu hóa. Khi lập trường cách mạng được gìn giữ vững chắc, độc lập dân tộc mới không bị xói mòn bởi sức ép quyền lực mềm; còn lý tưởng xã hội chủ nghĩa mới không bị pha loãng thành mục tiêu lợi nhuận thuần túy. Thực tiễn những thập kỷ qua cho thấy: chính tinh thần kiên định ấy đã cho phép Việt Nam vận dụng linh hoạt “ngoại giao cây tre” - thân vươn chắc chắn giữa biến động, cành lá uyển chuyển đón gió mới, để vừa hội nhập rộng mở, vừa giữ trọn bản sắc và mục tiêu vì con người. Từ đó, mỗi chính sách kinh tế trở thành minh chứng sống động cho sức sống của nền tảng tư tưởng: càng phát triển, càng củng cố niềm tin xã hội, càng làm sáng rõ con đường độc lập, tự chủ và nhân văn mà Bác đã chọn cho dân tộc.

Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới đã chỉ rõ những nguy cơ và thách thức đối với nền tảng tư tưởng của Đảng. Các thế lực thù địch không ngừng tìm cách xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chống phá đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên cũng là một thách thức không nhỏ. Nghị quyết 35 đề ra nhiều giải pháp để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, trong đó nhấn mạnh việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tăng cường tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, Nghị quyết cũng chỉ rõ sự cần thiết phải gắn kết chặt chẽ giữa "xây" và "chống", trong đó "xây" là cơ bản, "chống" phải quyết liệt và hiệu quả.

Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là

³⁶ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr. 21

mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định rằng khi sự phát triển kinh tế mạnh mẽ và bền vững sẽ tạo ra cơ sở vật chất vững chắc để củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và tính đúng đắn của nền tảng tư tưởng. Khi đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, sự đồng thuận xã hội sẽ tăng lên, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng. Chính việc gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và giữ vững nền tảng tư tưởng, đạo đức cách mạng đã giúp Việt Nam vượt qua nhiều thử thách, vươn lên mạnh mẽ trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2024, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước. Theo đó, quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD; GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), với vốn giải ngân năm 2023 đạt mức kỷ lục. Xuất khẩu nông sản cũng đạt những đỉnh cao mới. Bên cạnh đó, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể, và các chỉ số về giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ.

Về kinh tế số, năm 2024 là năm phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế (kinh tế số ngành, lĩnh vực), quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững". Tỷ trọng kinh tế số trong GDP (ước tính) đạt 18,3%. Tăng trưởng 20% so với năm 2023. Nếu tiếp tục duy trì tốc độ này thì Việt Nam sẽ hoàn thành mục tiêu KTS chiếm 20% GDP vào năm 2025. Trong đó: Công nghiệp ICT chiếm tỷ trọng 9,33% (tương đương 51%), Kinh tế số ngành, lĩnh vực chiếm tỷ trọng 8,97% (tương đương 49%). Không gian phát triển KTS ngành, lĩnh vực còn rất lớn trong thời gian tới. Công nghiệp công nghệ số: Tỷ trọng kinh tế số ICT chiếm 10,07% GDP; Doanh thu dự kiến 3.949.469 tỷ đồng (~154,76 tỷ USD, tính theo tỷ giá 25.520 đồng/USD), tăng 12,3% so với năm 2023 (137 tỷ USD); Kim ngạch xuất khẩu phần cứng, điện tử ước đạt 133,2 tỷ USD, tăng 10,4% so với năm 2023; Tính đến ngày 31/11/2024, số doanh nghiệp công nghệ số đang hoạt động là 74.000 doanh nghiệp, trong đó, tính đến cuối năm tăng lên 1.900 doanh nghiệp có doanh thu từ thị trường nước ngoài, tăng 26,67% so với năm trước (1.500 doanh nghiệp), với tổng doanh thu khoảng 11,5 tỷ USD tăng 53,3% so với năm trước Tỷ lệ Giá trị Việt Nam/Doanh thu lĩnh vực Công nghiệp ICT ước đạt 31,8%, tăng 3,1% so với năm 2023; Là 1 trong 6 quốc gia trên thế giới làm

chủ được công nghệ 5G. Số hóa các ngành kinh tế: Tỷ trọng kinh tế số ngành, lĩnh vực chiếm 8,23% GDP; Số lượt doanh nghiệp tiếp cận Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx) của Bộ TT&TT là: 1.305.765; Số lượng doanh nghiệp SME sử dụng nền tảng của Chương trình SMEdx: 407.712, chiếm hơn 43% tổng số doanh nghiệp SME trên cả nước.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với không ít thách thức. Nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình vẫn còn hiện hữu do năng suất lao động tăng trưởng chậm và sự phụ thuộc vào đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp trong nước, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, có trình độ công nghệ còn hạn chế. Biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên nghiêm trọng. Tình trạng già hóa dân số cũng đặt ra những thách thức mới cho thị trường lao động và hệ thống an sinh xã hội. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những vấn đề về bất bình đẳng xã hội và sự phân hóa giàu nghèo.

Trong bối cảnh đó, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong tương lai tập trung vào mục tiêu trở thành một nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045. Để đạt được mục tiêu này, Việt Nam xác định cần đẩy mạnh chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực, phát triển kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, xây dựng nền kinh tế dựa trên tri thức, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việt Nam đã có những kinh nghiệm quý báu trong việc điều chỉnh chính sách kinh tế để phù hợp với hệ tư tưởng chủ đạo. Quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dưới thời kỳ “Đổi Mới” năm 1986 là một minh chứng rõ nét. Sự thay đổi này thể hiện sự linh hoạt và khả năng thích ứng của Đảng trong việc vận dụng các cơ chế thị trường để thúc đẩy phát triển kinh tế, đồng thời vẫn kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng kinh tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với trọng tâm là nâng cao đời sống nhân dân và xây dựng một quốc gia độc lập, tự cường, luôn là kim chỉ nam cho các chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam.

Tổng Bí thư Tô Lâm và các lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước đã nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hoàn thiện chính sách kinh tế trong kỷ nguyên mới. "Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc" được lãnh đạo Đảng xác định là giai đoạn phát triển đột phá, tăng tốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc. Các nhà lãnh đạo cũng đặc biệt chú trọng đến việc phát triển một nền kinh tế tự chủ và độc lập, đồng thời tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế. Chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và đổi mới sáng tạo được xác định là những ưu tiên hàng đầu để đạt

được sự phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Lãnh đạo Đảng và Nhà nước cũng không ngừng nhấn mạnh sự cần thiết phải kiên định phương hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường, đảm bảo rằng sự tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, mọi người dân đều được hưởng thành quả của sự phát triển. Vai trò của khu vực kinh tế tư nhân được đánh giá cao như một động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng luôn được coi là nhiệm vụ then chốt, đòi hỏi sự kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng.

Bối cảnh quốc tế và khu vực có tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế và việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở Việt Nam. Toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển của kinh tế tri thức mang lại nhiều cơ hội để Việt Nam tiếp cận công nghệ mới, mở rộng thị trường và thu hút đầu tư. Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải đối mặt với những thách thức từ sự cạnh tranh kinh tế toàn cầu ngày càng gay gắt, nguy cơ chiến tranh thương mại và bất ổn tài chính. Các xu hướng toàn cầu về phát triển bền vững và biến đổi khí hậu đòi hỏi Việt Nam phải có những điều chỉnh chính sách phù hợp. Khu vực Đông Á và ASEAN, với sự năng động kinh tế và quá trình hội nhập sâu rộng, mang lại nhiều cơ hội hợp tác và phát triển cho Việt Nam. Tuy nhiên, tình hình địa chính trị phức tạp và sự cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc trong khu vực cũng đặt ra những thách thức không nhỏ. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cũng gặp nhiều khó khăn do sự tiếp xúc với các hệ tư tưởng và giá trị khác nhau, sự lan truyền thông tin đa chiều trên không gian mạng và các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Dựa trên những phân tích trên, để hoàn thiện chính sách kinh tế nhằm phát triển đất nước gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên mới, một số khuyến nghị đề xuất như sau:

Thứ nhất, tăng cường đầu tư vào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, dữ liệu lớn (Big Data) và thương mại điện tử. Đây là những trụ cột của nền kinh tế số, giúp tăng năng suất lao động và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, khuyến khích sự hợp tác giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong các ngành kinh tế và quản lý nhà nước. Điều này không chỉ tạo ra động lực tăng trưởng mới mà còn nâng cao năng lực

cạnh tranh và sự tự chủ của nền kinh tế, đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường hiện đại, minh bạch và công bằng, đảm bảo môi trường kinh doanh không có sự phân biệt giữa KTTN, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Điều này đồng nghĩa với việc bảo vệ quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền cạnh tranh bình đẳng, giúp doanh nghiệp tư nhân phát triển mạnh mẽ hơn, đồng thời thu hút đầu tư trong nước và quốc tế. Giảm thiểu các rào cản gia nhập thị trường, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường khả năng tiếp cận vốn, công nghệ và thông tin cho doanh nghiệp tư nhân. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn mạnh, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân sẽ tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân và đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế quốc gia, củng cố niềm tin vào sự năng động và hiệu quả của nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, ưu tiên các dự án phát triển kinh tế thân thiện với môi trường, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và các công nghệ sạch. Thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, giảm thiểu chất thải và ô nhiễm. Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả và bền vững. Ứng phó chủ động với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sống cho người dân. Phát triển bền vững không chỉ đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế trong dài hạn mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ các giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc, phù hợp với mục tiêu phát triển vì con người của Đảng.

Thứ tư, tiếp tục đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và đối tác thương mại, tránh phụ thuộc quá mức vào một thị trường hoặc đối tác cụ thể. Nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ Việt Nam trên thị trường quốc tế. Tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết và chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam tiếp cận vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, đồng thời nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

Thứ năm, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế. Đấu tranh mạnh mẽ với các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tăng cường giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Sử dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông, đặc biệt là mạng xã hội, để lan tỏa những giá trị tốt đẹp của nền tảng tư tưởng của Đảng và những thành tựu phát triển

kinh tế - xã hội của đất nước. Công tác tư tưởng và tuyên truyền hiệu quả sẽ góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển của đất nước.

Thứ sáu, thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo, người yếu thế và các đối tượng chính sách. Mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, giáo dục và các dịch vụ công cộng khác. Tạo cơ hội việc làm và tăng thu nhập cho người dân ở mọi vùng miền. Đảm bảo an sinh xã hội và giảm bất bình đẳng không chỉ thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa mà còn tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và tăng cường niềm tin của nhân dân vào Đảng.

Việt Nam đang đứng trước những cơ hội to lớn để vươn mình trở thành một quốc gia phát triển, thịnh vượng trong kỷ nguyên mới. Để đạt được mục tiêu này, việc hoàn thiện chính sách kinh tế là một nhiệm vụ cấp thiết, đòi hỏi sự đổi mới, sáng tạo và phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế. Đồng thời, việc bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là nền tảng vững chắc cho sự ổn định chính trị và định hướng phát triển của đất nước. Mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ nền tảng tư tưởng cần được nhận thức sâu sắc và thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự đồng lòng của toàn dân tộc và việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo các bài học kinh nghiệm từ quá khứ và thế giới, Việt Nam hoàn toàn có khả năng đạt được cả mục tiêu phát triển kinh tế mạnh mẽ và củng cố vững chắc nền tảng tư tưởng, mở ra một tương lai tươi sáng cho dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình. Việc hoàn thiện chính sách kinh tế để phát triển đất nước gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên mới là một nhiệm vụ phức tạp nhưng vô cùng quan trọng. Phân tích các nghị quyết của Đảng, tình hình kinh tế - xã hội hiện tại, kinh nghiệm quốc tế và quan điểm của lãnh đạo cho thấy Việt Nam đang đi đúng hướng trong việc xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, để đạt được những mục tiêu đầy tham vọng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát huy vai trò của kinh tế tư nhân, chú trọng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hội nhập quốc tế một cách chủ động và hiệu quả. Đồng thời, công tác tư tưởng và tuyên truyền cần được tăng cường để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, tạo sự đồng thuận trong xã hội và củng cố niềm tin của nhân dân vào con đường phát triển mà Đảng đã lựa chọn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] 10 DẤU ÁN NỔI BẬT TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023 (2023). Xây dựng chính sách
- [2] Ảnh hưởng của hội nhập kinh tế quốc tế đối với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ở Việt Nam (2024). Tạp chí Kinh tế và Dự báo
- [3] Chi bộ 3 - Đảng bộ Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (2024). Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ Tư. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam
- [4] Kinh tế Việt Nam nhìn lại sau gần 40 năm đổi mới (2024). - VnEconomy Emagazine
- [5] Nghị quyết số 10-NQ/TW (2017). Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII
- [6] Ngô Tuấn Nghĩa (2021). Quan điểm mới về xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Tạp chí Cộng sản
- [7] Những thành tựu nổi bật của Việt Nam trong tiến trình đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước (2025). Đại sứ quán Áo
- [8] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
- [9] Vũ Đăng Minh và Hoàng Diễm Hạnh (2024). Một số giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới. Xây dựng Đảng
- [10] Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng và phát triển kinh tế Việt Nam (2020). Tạp chí Tài chính
- [11] Mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (2015). Tư liệu Văn kiện Đảng.
- [12] Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội (2024). Báo Nhân dân.
- [13] Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội góp phần hiện thực hóa bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (2023). Tạp chí Cộng sản.
- [14] Bảo đảm sự gắn kết giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội (2024). Báo Nhân dân.
- [15] Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay (2020). Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động.

ĐẤU TRANH, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KHU VỰC TƯ NHÂN - CHỦ TRƯỞNG ĐÚNG ĐẮN CỦA ĐẢNG

Chi bộ Viện Phát triển Bền vững

Tóm tắt: *Hành vi tham nhũng có tính chất phức tạp và không ngừng biến đổi, không chỉ trong khu vực công do nhà nước quản lý xảy ra tình trạng tham nhũng mà ngay cả khu vực tư nhân nhân cũng xảy ra tình trạng tham nhũng, vì vậy để nhận định đúng về tham nhũng để phòng chống tham nhũng là một trong những chủ trương hàng đầu của một quốc gia*

Từ khóa: *Tham nhũng; chủ trương của Đảng*

1. Giới thiệu

Do tính chất phức tạp, đa dạng và không ngừng biến đổi của hành vi tham nhũng, hiện vẫn chưa có một khái niệm thống nhất về tham nhũng được thừa nhận chung trên toàn thế giới. Đến nay, các quốc gia và tổ chức quốc tế có những cách tiếp cận khác nhau khi định nghĩa về tham nhũng. Từ quan điểm cho rằng căn nguyên của tham nhũng là sự lạm dụng quyền lực công, Ngân hàng Thế giới định nghĩa : “Tham nhũng là việc lạm dụng chức vụ công để tư lợi”. Tương tự, cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc xác định: “Tham nhũng là việc lạm dụng vị trí công hay tư để tư lợi một cách trực tiếp hoặc gián tiếp”. Tuy nhiên, từ quan điểm cho rằng cần mở rộng khái niệm tham nhũng tới khu vực tư nhân nhân, Ngân hàng Phát triển châu Á định nghĩa: “Tham nhũng là sự lợi dụng chức vụ công hoặc tư để tư lợi”. Cũng theo hướng này, tổ chức Minh bạch Quốc tế định nghĩa: “Tham nhũng là hành vi lạm dụng thẩm quyền được giao để tư lợi”. Như vậy có thể thấy phạm vi của các định nghĩa về tham nhũng của các tổ chức đã nêu có sự khác biệt, trong đó có định nghĩa chỉ giới hạn vấn đề tham nhũng ở khu vực công (khu vực nhà nước), còn một số định nghĩa khác mở rộng khái niệm tham nhũng sang cả khu vực tư nhân (khu vực ngoài nhà nước). Những cách hiểu trên cũng gây ra những tranh luận nhất định ở Việt Nam, khi Đảng và Nhà nước chủ trương mở rộng cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng sang khu vực ngoài nhà nước, sau một thời kỳ chỉ giới hạn trong khu vực công. Trong tác phẩm “*Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*”. Có Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng cũng khẳng định sự cần thiết phải mở rộng cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước, xem đó là một trong

những bước tiến mới về nhận thức của Đảng trong lĩnh vực này. Vậy cơ sở lý luận, thực tiễn của chủ trương quan trọng này là gì? Bài viết này góp phần trả lời câu hỏi đó.

2. Khái niệm, các biểu hiện và hậu quả của tham nhũng trong khu vực tư nhân

2.1 Khái niệm tham nhũng trong khu vực tư nhân

Trong những thập niên gần đây, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế của những quốc gia đang chuyển đổi nói riêng đã và đang chứng kiến sự vươn lên và phát triển ngày càng mạnh mẽ của khu vực tư nhân, đặc biệt là những doanh nghiệp, tập đoàn tư nhân lớn. Cùng với sự gia tăng về quy mô phát triển của khu vực tư nhân, sự điều tiết của nhà nước có xu hướng ngày càng thu hẹp lại, tất cả đang đặt ra những thách thức lớn đối với việc bảo đảm tính liêm chính của khu vực tư nhân, và rộng hơn là của nền kinh tế quốc gia.

Tuy nhiên, khác với việc phòng, chống tham nhũng trong khu vực công, nhận thức về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư nhân có phần hạn chế và thường được pháp luật của các quốc gia điều chỉnh muộn hơn so với khu vực công, vì một số nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, do quan niệm phổ biến cho rằng, tham nhũng chủ yếu gắn liền với việc lạm dụng quyền lực nhà nước, vì thế, tham nhũng trong khu vực tư nhân dù có xảy ra nhưng thường không nhức nhối, gây bức xúc trong dư luận. Bên cạnh đó, vì lợi nhuận, các doanh nghiệp luôn chú ý áp dụng các biện pháp cần thiết để giữ gìn uy tín của doanh nghiệp mình, nên ngay cả khi phát hiện tham nhũng, các doanh nghiệp có xu hướng chỉ xử lý nội bộ hoặc tự thỏa thuận, dàn xếp mà không qua con đường tư pháp để đảm bảo uy tín cho doanh nghiệp trước công chúng. Điều này khác với tâm lý phổ biến “cha chung không ai khóc” trong điều hành, quản lý ở khu vực công.

Thứ hai, ngay trong nội bộ khu vực tư nhân, chi phí không chính thức được doanh nghiệp chi trả để dành được những ưu thế không chính đáng được coi như một sự đầu tư cần thiết vì mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Trong khi chức năng của khu vực công là đem lại các giá trị công, dịch vụ công và đại diện cho lợi ích công thì khu vực tư nhân thường cho rằng họ chỉ phải chịu trách nhiệm với các cổ đông của mình.

Thứ ba, quan niệm truyền thống thường cho rằng, tham nhũng chủ yếu được khởi xướng bởi “bên cầu” (demand-side), tức là cán bộ, công chức và trong quan hệ này, doanh nghiệp tư nhân chỉ đóng vai trò là “bên cung” (supply-side). Trong bối cảnh có sự giao thoa, gắn kết và dịch chuyển giữa hai khu vực công và khu vực tư nhân khiến việc xác định nội hàm và ngoại diên của hai khu vực này ngày càng khó

xác định, các quốc gia thường ưu tiên tập trung chống tham nhũng có trọng tâm, trọng điểm, trước hết kiểm soát tham nhũng trong khu vực công để phù hợp với những nguồn lực trước mắt.

Tuy nhiên, cần thấy rằng, tính chất, mức độ nguy hiểm và mục đích của hành vi tham nhũng ở cả khu vực công và tư cơ bản là giống nhau, dù có một số khác biệt về:

(i) *Chủ thể thực hiện hành vi*: trong khi chủ thể thực hiện hành vi tham nhũng trong khu vực công thường được quy định là người có chức vụ, quyền hạn nhất định thì chủ thể này trong khu vực tư nhân lại là những cá nhân không mang quyền lực nhà nước;

(ii) *Bản chất quyền hạn, thẩm quyền bị lạm dụng*: quyền hạn, thẩm quyền trong hành vi tham nhũng ở khu vực tư nhân không mang tính quyền lực nhà nước mà chỉ là một số quyền và trách nhiệm cụ thể để thực hiện công việc được giao phụ trách;

(iii) *Phạm vi, quy mô của quyền lực và quyền hạn mà chủ thể nắm giữ và lạm dụng*: hành vi tham nhũng trong khu vực tư nhân thường giới hạn trong các hoạt động kinh tế, tài chính, thương mại và hoạt động kinh doanh, tức là có phạm vi hẹp hơn rất nhiều so với ở khu vực công.

Thêm vào đó, như đã đề cập, trong bối cảnh sự điều tiết của nhà nước đối với nền kinh tế có xu hướng ngày càng thu hẹp lại, trong vấn đề tham nhũng, đôi khi vai trò cung - cầu được hoán đổi cho nhau giữa công chức và doanh nghiệp tư nhân. Đó là khi doanh nghiệp không phải là nạn nhân mà chủ động là tác nhân cho tham nhũng để trục lợi. Vì vậy, xử lý tham nhũng trong khu vực tư nhân cũng góp phần chống tham nhũng trong khu vực công. Đặc biệt, việc hàng loạt vụ bê bối tham nhũng có liên quan đến khu vực tư nhân bị phanh phui trong 190 những năm gần đây ở nhiều nước đã khiến cộng đồng quốc tế nhận thấy “mảng tối” ẩn giấu của quyền lực, và thực tế là tham nhũng trong khu vực tư nhân gây ra những hậu quả cho nền kinh tế nặng nề không kém tham nhũng trong khu vực công. Theo PriceWaterhouseCoopers, một trong 04 công ty kiểm toán lớn nhất trên thế giới, bắt đầu có sự thay đổi rõ rệt trong cách thế giới nhìn nhận về hành vi gian lận và tham nhũng.

2.2 Các dạng tham nhũng trong khu vực tư nhân

Theo một nghiên cứu của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI) công bố vào năm 2018, tham nhũng trong khu vực tư nhân thường biểu hiện dưới những hình thức sau:

Hối lộ: Hối lộ trong khu vực tư nhân có thể được thực hiện bởi một người điều hành doanh nghiệp hoặc nhân viên doanh nghiệp đối với một cá nhân hoặc pháp nhân

đối tác. Thực chất đó là các khoản thanh toán bí mật cho người quản lý hoặc nhân viên của công ty đối tác để những người đó giúp công ty đưa hối lộ loại trừ các đối thủ cạnh tranh khác. Người quản lý và nhân viên các công ty có thể lợi dụng ảnh hưởng và thẩm quyền của mình để yêu cầu được hối lộ hoặc nhận các khoản “lại quả” từ các đối tác tiềm năng.

Tham ô: Tham ô tài sản (hay còn gọi là biển thủ) xảy ra khi một doanh nghiệp ủy quyền cho một cá nhân nào đó quản lý tài sản hoặc tài chính và người này đã lợi dụng niềm tin của công ty để chuyển tiền hoặc tài sản đang quản lý cho chính họ để trục lợi cá nhân mà không được sự đồng ý của công ty.

Thông đồng: Thông đồng (hay câu kết) được hiểu là một thỏa thuận giữa các đối thủ cạnh tranh để điều chỉnh về giá và phân chia thị trường để đôi bên cùng có lợi. Ví dụ, quan chức và doanh nghiệp có thể thỏa thuận tăng giá trị đầu tư, cắt xén nguyên liệu, rút ruột công trình...

Mua bán thông tin nội bộ: Mua bán thông tin nội bộ là việc nhân viên của công ty nhận tiền và trao thông tin mật của công ty mình cho công ty khác. Việc có được những thông tin nội bộ của doanh nghiệp khác sẽ tạo lợi thế cho các đối thủ cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là khi tham gia đấu thầu.

Tặng quà: Việc nhận quà tặng trong quá trình làm việc có thể được coi là nhận hối lộ hoặc nhận tiền hoa hồng bí mật khi mà sau đó người nhận quà tặng chủ ý gây ảnh hưởng hoặc tác động không chính đáng đến quá trình ra quyết định của công ty mình theo hướng có lợi cho tổ chức, cá nhân tặng quà.

Xung đột lợi ích: Là tình huống mà trong đó tồn tại mâu thuẫn giữa trách nhiệm với công việc và lợi ích cá nhân của người quản lý hoặc nhân viên trong doanh nghiệp, mà có thể dẫn đến hành động bỏ qua trách nhiệm công việc để đạt được lợi ích cá nhân của người quản lý hoặc nhân viên đó.

2.3 Hậu quả của tham nhũng trong khu vực tư nhân

Tham nhũng trong khu vực tư nhân cũng gây ra những hậu quả về nhiều mặt:

Thứ nhất, ở tầm vĩ mô, tham nhũng trong khu vực tư nhân cũng là một trở ngại lớn cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế quốc gia, do nó có tác động tiêu cực đến tính cạnh tranh lành mạnh, công bằng của thị trường. Tham nhũng trong khu vực tư nhân cũng cản trở việc thu hút đầu tư nước ngoài vì các nhà đầu tư không thể dự báo được những chi phí không chính thức có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của họ ở quốc gia đó.

Thứ hai, tham nhũng trong khu vực tư nhân gây ảnh hưởng đến chính sự phát triển của những doanh nghiệp có liên quan. Nhiều nghiên cứu cho thấy những doanh nghiệp tư nhân dính líu đến tham nhũng có mức độ tăng trưởng chậm hơn so với những doanh nghiệp kinh doanh liêm chính. Điều này là bởi tham nhũng đã tàn phá hình ảnh, uy tín của các doanh nghiệp, và khiến các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp vừa và nhỏ, phải chịu áp lực lớn từ các chi phí không chính thức trong hoạt động kinh doanh.

Thứ ba, tham nhũng trong khu vực tư nhân ảnh hưởng đến hiệu quả phòng, chống tham nhũng trong khu vực công, bởi nó làm đạo đức công vụ xuống cấp và hệ thống hành chính trở nên bất công khi hối lộ trở thành thói quen và được mặc nhiên chấp nhận. Khi tình trạng tham nhũng hoành hành trong khu vực tư, các doanh nghiệp sẽ dần biến đổi, từ chỗ chỉ là nạn nhân của nạn tham nhũng sẽ chủ động trở thành “tác nhân” của tham nhũng khi móc nối với những chủ thể trong khu vực công để cùng nhau trục lợi bất chính. Ở mức độ nghiêm trọng nhất, sẽ xuất hiện tình trạng doanh nghiệp tư nhân “lũng đoạn” chính sách công (state capture) và chủ nghĩa tư bản thân hữu (crony capitalism), từ đó gây hỗn loạn nền kinh tế và hệ thống chính trị, đồng thời gây thất thoát phần lớn nguồn thu nhập và tài sản quốc gia.

Thứ tư, đối tượng chịu thiệt hại nặng nề nhất của tham nhũng trong khu vực tư nhân chính là người dân đóng thuế vì phải bỏ tiền ra nhiều hơn để nhận lại những sản phẩm, dịch vụ chất lượng thấp hơn, thậm chí là không bảo đảm độ an toàn. Về lâu dài, điều này ảnh hưởng tiêu cực tới nhận thức của người dân về giá trị, chuẩn mực xã hội nói chung. Khi văn hóa “muốn gian lận, hãy chi đậm” trở thành “luật chơi” ăn sâu vào tiềm thức của doanh nghiệp tư nhân thì thay vì nỗ lực đem đến những sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt với giá thành phải chăng nhất cho xã hội, các doanh nghiệp sẽ chỉ quan tâm đến việc hối lộ, gian lận để giành lợi thế cạnh tranh trong kinh doanh mà không quan tâm đến lợi ích của người tiêu dùng và của xã hội.

3. Thực trạng, ý nghĩa của việc mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng sang khu vực tư nhân ở Việt Nam

3.1 Thực trạng tham nhũng trong khu vực tư nhân ở Việt Nam

Trong vài năm gần đây đã có một số nghiên cứu về thực trạng tham nhũng trong khu vực tư nhân ở Việt Nam. Có thể tóm tắt một số kết quả chính như sau:

Tham nhũng trong quan hệ giữa doanh nghiệp và khu vực công

Báo cáo khảo sát của Thanh tra Chính phủ năm 2013 về “Tham nhũng, hối lộ trong hoạt động của doanh nghiệp: Thực trạng và giải pháp” cho thấy, tham nhũng

trong mối quan hệ giữa doanh nghiệp và nhà nước thường được biểu hiện ở hai nhóm hành vi cơ bản, đó là “chi phí không chính thức” và “quan hệ nhóm lợi ích”.

Chi phí không chính thức: Theo kết quả khảo sát kể trên, 80% số doanh nghiệp được phỏng vấn cho rằng đây là thực trạng “rất phổ biến” (37%) và “phổ biến” (43%). Chi phí không chính thức gây ra áp lực lớn trong hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp (“khá tốn kém cho doanh nghiệp” (60%) và “tạo ra môi trường kinh doanh không công bằng giữa các doanh nghiệp” (57%)). Tuy nhiên, đáng chú ý là chỉ 30% số trường hợp doanh nghiệp đưa hồi lộ là do công chức gợi ý, những nhiều; 70% số trường hợp là do doanh nghiệp chủ động thực hiện. Lý do là bởi 32% doanh nghiệp cho rằng chi trả chi phí không chính thức là cách nhanh nhất để được việc; 26% tin rằng chi phí này nhỏ hơn so với lợi ích mang lại và 18% cho rằng không có những khoản chi trả này thì không giải quyết được công việc. Nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu quản trị xã hội và Đại sứ quán Anh (2017) cho thấy, các doanh nghiệp cho biết tỷ lệ chi trả chi phí không chính thức không có chiều hướng giảm mà tăng đều qua các năm: 50% (2013), 64,5% (2014) và 66% (2015). Khảo sát gần đây nhất của VCCI cho thấy 59% doanh nghiệp tự hiểu “luật bất thành văn” khi đấu thầu mua sắm công phải chi “hoa hồng”, với mức phổ biến là 3-7% giá trị gói thầu.

Quan hệ nhóm lợi ích: Kết quả nghiên cứu của Thanh tra Chính phủ năm 2012 cho thấy, gần 40% doanh nghiệp cho rằng mục tiêu của nhóm lợi ích là dùng quan hệ để trục lợi; 80% số doanh nghiệp cho rằng “nhóm lợi ích” đem lại “lợi thế kinh doanh không chính đáng” cho một hoặc một số ít doanh nghiệp, tạo nên môi trường kinh doanh bất bình đẳng, không minh bạch, tăng mức độ rủi ro của thị trường. Đáng chú ý là có tới 54,6% doanh nghiệp đồng ý với nhận định là: trong mối quan hệ “nhóm lợi ích”, doanh nghiệp thường có vai trò “chủ động” và là tác nhân gây ra tham nhũng, chỉ có 20,3% không đồng ý về nhận định này.

Đánh giá của các cơ quan chức năng cho thấy những năm gần đây tội phạm về kinh tế, tham nhũng gắn với “lợi ích nhóm” (móc ngoặc giữa doanh nghiệp tư nhân và quan chức nhà nước) có chiều hướng gia tăng (theo báo cáo của Chính phủ, loại án này tăng 33,33% vào năm 2022); nhiều vụ án tham nhũng gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nhất là trong các lĩnh vực y tế, đất đai, đấu thầu, đấu giá, chứng khoán...

Tham nhũng trong quan hệ giữa các doanh nghiệp trong khu vực tư. Hình thức biểu hiện phổ biến của tham nhũng trong hoạt động kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong khu vực tư nhân ở nước ta hiện nay đó là: (i) Hồi lộ thương mại; (ii) Trả tiền “hoa hồng” cho các hợp đồng kinh doanh; và (iii) Gửi giá trong đàm phán kinh doanh.

Hối lộ: Theo kết quả báo cáo của ITBI, phần “lại quả” mà các doanh nghiệp thường trích lại cho đối tác phần lớn là dưới 5% giá trị hợp đồng; trong một số trường hợp là trên 10%, trong đó, mức “lại quả” trong ngành dịch vụ được cho là cao hơn sản xuất và thương mại.

Trả tiền hoa hồng: Cũng theo kết quả khảo sát trên, 61,6% doanh nghiệp được hỏi cho rằng hình thức trả tiền “hoa hồng” trong các giao dịch với đối tác kinh doanh là phổ biến; gần 40,5% doanh nghiệp được hỏi trả lời là có chính sách hoa hồng cho các đối tác.

Tham nhũng trong nội bộ doanh nghiệp.

Báo cáo của Thanh tra Chính phủ (2012) chỉ ra rằng, tham nhũng trong nội bộ doanh nghiệp được biểu hiện dưới 07 hình thức sau: (i) Tình trạng ăn chia, hối lộ trong quan hệ giữa công ty mẹ với công ty con, chi nhánh; (ii) Tình trạng các cấp quản lý trong doanh nghiệp lạm dụng quyền hạn, sử dụng phương tiện, tài sản vào mục đích cá nhân; (iii) Tình trạng các cấp quản lý lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gian lận, tham ô tiền bạc, tài sản; (iv) Tình trạng người điều hành không phải là chủ sở hữu của doanh nghiệp thì thường lạm quyền, gây thiệt hại cho lợi ích của doanh nghiệp; (v) Bố trí người thân tín vào các vị trí quản lý quan trọng để vô hiệu hóa các cơ chế kiểm soát nội bộ, che đậy hành vi lạm quyền của người điều hành; (vi) Giao dịch với các doanh nghiệp “sân sau” để thỏa thuận gửi giá, “lại quả” làm thiệt hại tới lợi ích của doanh nghiệp; (vii) Tình trạng người phụ trách nhân sự của doanh nghiệp nhận hối lộ khi tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng lương cho người lao động trong các doanh nghiệp quy mô lớn. Điều đáng chú ý là, Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do VCCI công bố hằng năm cho thấy, trong khi doanh nghiệp không gặp khó khăn trong việc nhận diện các hình thức tham nhũng giữa khu vực tư nhân và khu vực công nhưng lại chưa nhận diện được tham nhũng trong chính nội bộ doanh nghiệp của mình.

3.2 Ý nghĩa của việc mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng khu vực tư nhân nhân ở Việt Nam

Từ thực trạng trên cho thấy chủ trương mở rộng phòng, chống tham nhũng sang khu vực tư nhân của Đảng và Nhà nước là rất đúng đắn. Việc này không trái với chủ trương phát triển kinh tế tư nhân của Đảng, mà nhằm mục đích để kiểm soát, ngăn ngừa việc lợi dụng chủ trương đó làm những điều bất minh, bất chính.

Đi sâu hơn nữa trong vấn đề này, có thể thấy việc mở rộng phòng, chống tham nhũng sang khu vực tư nhân ở Việt Nam có những ý nghĩa sau đây:

Thứ nhất, đáp ứng yêu cầu hoàn thiện môi trường kinh doanh minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước với khu vực tư nhân nhân.

Trong những năm qua, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX “Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân”, kinh tế tư nhân ở nước ta đã không ngừng phát triển, đóng góp ngày càng lớn vào sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ở thời điểm năm 2017, kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng 39 - 40% GDP; thu hút khoảng 85% lực lượng lao động của nền kinh tế, góp phần quan trọng trong huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu ngân sách nhà nước, tạo việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội.

Mặc dù vậy, sự phát triển của khu vực tư nhân nhân ở nước ta trong thời gian qua cũng bộc lộ những hạn chế lớn, trong đó có tình trạng tham nhũng trong khu vực tư nhân diễn biến phức tạp: “Vi phạm pháp luật và cạnh tranh không lành mạnh trong kinh tế tư nhân còn khá phổ biến... Xuất hiện những quan hệ không lành mạnh giữa các doanh nghiệp của tư nhân và cơ quan quản lý nhà nước, can thiệp vào quá trình xây dựng, thực thi chính sách để có đặc quyền, đặc lợi, hình thành “lợi ích nhóm”, gây hậu quả xấu về kinh tế - xã hội, làm suy giảm lòng tin của nhân dân”. Tình trạng tham nhũng có thể xem là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc: “Kinh tế tư nhân chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng của kinh tế tư nhân có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Kinh tế tư nhân có quy mô nhỏ,... trình độ công nghệ, trình độ quản trị, năng lực tài chính, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh thấp;... năng lực hội nhập kinh tế quốc tế còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của các chuỗi giá trị sản xuất khu vực và toàn cầu...”.

Trong bối cảnh trên, việc mở rộng phòng, chống tiêu cực sang khu vực tư nhân sẽ đáp ứng được yêu cầu hoàn thiện môi trường kinh doanh minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước theo hướng tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế được tự do kinh doanh theo pháp luật, bình đẳng, cùng có lợi, đồng thời phòng ngừa hiệu quả những hành vi hối lộ và tham nhũng khác xảy ra trong khu vực tư.

Thứ hai, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, xử lý những hành vi tham nhũng trong khu vực tư.

Sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân trong thời gian qua đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của nền kinh tế - xã hội. Dù vậy, như đã đề cập, tình trạng tham ô, nhận hối lộ, đưa hối lộ, môi giới hối lộ, biển thủ công quỹ, chạy dự án,

doanh nghiệp “sân sau”... vẫn diễn ra khá phổ biến ở khu vực kinh tế tư nhân, gây ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của nền kinh tế và an ninh, trật tự xã hội. Việc mở rộng phòng, chống tham nhũng sang khu vực tư nhân sẽ giúp ngăn ngừa, xử lý hiệu quả những hành vi tham nhũng, tiêu cực trong khu vực này, từ đó góp phần bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước trong thời gian tới. Thứ ba, đáp ứng yêu cầu thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam về phòng, chống tham nhũng. Như đã đề cập, vấn đề phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư nhân đã được nêu rõ trong UNCAC và nhiều điều ước, thỏa ước quốc tế khác. Là một thành viên của UNCAC (từ năm 2009), Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện công ước, trong đó bao gồm các điều khoản của công ước về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư nhân mà đã nêu ở mục trên.

3.3 Những yêu cầu tiếp tục đặt ra với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư nhân nhân ở Việt Nam

Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã chủ trương mở rộng phòng, chống tham nhũng sang khu vực tư nhân nhân, khi xác định rõ, cần xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng; phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước của kinh tế tư nhân, đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực, nhất là phòng, chống mọi biểu hiện của “chủ nghĩa tư bản thân hữu”, quan hệ “lợi ích nhóm”, thao túng chính sách, cạnh tranh không lành mạnh để trục lợi bất chính”. Để thực hiện chủ trương nêu trên của Đảng, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017) đã bổ sung nhiều quy định về phòng, chống tham nhũng trong các tổ chức, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước. Cụ thể, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã bổ sung một chương riêng (Chương VI) với 5 Điều khoản (từ Điều 78-82) quy định về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư, chia thành hai nhóm quy phạm đó là: (i) Nhóm quy phạm về xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng (Mục 1 Chương VI, gồm các Điều 78 và 79, trong đó quy định về việc xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa tham nhũng trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác); (ii) Nhóm quy phạm về áp dụng Luật phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước (Mục 2) gồm các Điều 80, 81, 82, trong đó quy định về việc áp dụng các biện pháp phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước, việc thanh tra và phát hiện vi phạm. Bộ luật

hình sự năm 2015 đã mở rộng chủ thể thực hiện tội phạm tham nhũng sang khu vực ngoài nhà nước, theo đó chủ thể thực hiện tội phạm tham nhũng không chỉ là người có chức vụ trong khi thực hiện “công vụ” mà còn là người có chức vụ trong khi thực hiện “nhiệm vụ” tại các doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước (Điều 352 - Khái niệm tội phạm về chức vụ). Điều 353 Bộ Luật hình sự năm 2015 quy định phạm vi các tội phạm tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước bao gồm: Tội tham ô tài sản (Điều 353), Tội nhận hối lộ (Điều 354), Tội môi giới hối lộ (Điều 365), và Tội đưa hối lộ (Điều 364). Ngoài Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Bộ luật hình sự năm 2015, vấn đề phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư nhân còn được quy định rải rác và gián tiếp ở một số văn bản pháp luật khác, cụ thể như Luật doanh nghiệp, Luật tiếp cận thông tin... Các quy định nêu trên thể hiện một bước tiến lớn trong việc mở rộng phòng, chống tham nhũng sang khu vực tư nhân trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Mặc dù vậy, trong bối cảnh hiện nay, vẫn cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật nói riêng, và các hoạt động phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư nhân nói chung. Đối chiếu với những khuyến nghị chung của một số tổ chức quốc tế về kiểm soát tham nhũng trong khu vực tư, có thể nêu một số gợi ý như sau:

Thứ nhất, về các biện pháp phòng ngừa: Hướng dẫn lập pháp thực hiện UNCAC khẳng định, việc tăng cường tính công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp được coi là những biện pháp hiệu quả để phòng ngừa tham nhũng trong khu vực tư. Vì vậy, Nhà nước nên có các biện pháp để triển khai thực hiện hiệu quả các Điều 78 và 79 của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 để bảo đảm tất cả các doanh nghiệp tư nhân đều phải xây dựng và áp dụng cơ chế kiểm soát nội bộ, đặc biệt là các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc ứng xử. Bên cạnh đó, cũng cần tăng cường các chuẩn mực kế toán và kiểm toán trong khu vực tư nhân và khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân công khai các cơ chế, quy tắc, chuẩn mực về phòng, chống tham nhũng của mình nhằm tạo thêm kênh giám sát, đảm bảo doanh nghiệp hoạt động minh bạch và có trách nhiệm giải trình.

Thứ hai, về phạm vi điều chỉnh của pháp luật phòng, chống tham nhũng đối với khu vực tư. Theo UNODC, phạm vi điều chỉnh của pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với khu vực tư nhân cần đủ rộng và có tính bao quát, do tham nhũng ngày càng phức tạp, đa dạng và biến đổi không ngừng. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với khu vực tư nhân phải cùng lúc điều chỉnh cả hành vi hối lộ chủ động (đưa hối lộ) và hối lộ bị động (nhận hối lộ), được thực hiện trực tiếp hay gián tiếp, gắn với bất cứ lợi ích không chính đáng nào mà có thể hữu hình hoặc vô hình,

là vật chất hay phi vật chất, cho người đó hoặc một bên thứ ba². Chủ thể thực hiện hành vi tham nhũng trong khu vực tư nhân cũng cần được quy định đủ rộng để điều chỉnh hành vi của tất cả các cá nhân đã chỉ đạo, quản lý hoặc làm việc cho khu vực tư nhân dưới bất cứ tư cách nào, bao gồm cả tư cách những người trung gian. Đây cũng là quy định trong các điều khoản có liên quan của UNCAC. Đối chiếu với những khuyến nghị trên, có thể thấy Nhà nước nên tiếp tục nghiên cứu mở rộng hơn nữa phạm vi điều chỉnh của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư, đặc biệt là quy định về chủ thể thực hiện hành vi tham nhũng mà hiện cơ bản vẫn còn bó hẹp trong những người có chức vụ, quyền hạn.

Thứ ba, về trách nhiệm hình sự của pháp nhân: Theo các tổ chức quốc tế, quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân là cần thiết đối với những loại tội phạm phức tạp như tham nhũng. Pháp luật sẽ đảm bảo tính răn đe cao khi đồng thời cho phép truy cứu trách nhiệm hình sự của cả pháp nhân và cả thể nhân. Hiện tại, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) của Việt Nam đã quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân (Điều 2), nhưng mới chỉ giới hạn với pháp nhân thương mại. Điều này chưa phù hợp với thực tiễn và làm giảm hiệu quả phòng, chống tham nhũng trong những cơ quan, tổ chức ở khu vực tư nhân mà không phải là pháp nhân thương mại. Vì vậy, Nhà nước nên nghiên cứu quy định trách nhiệm hình sự của mọi pháp nhân trong khu vực tư.

Thứ tư, về chế tài. Theo các tổ chức quốc tế, những chế tài đối với hành vi tham nhũng trong khu vực tư nhân cần hiệu quả, tương xứng và nghiêm khắc bởi những thiệt hại mà hành vi tham nhũng do các chủ thể tư nhân gây ra cũng rất lớn. Việc quy định chế tài tương xứng và nghiêm khắc sẽ là cơ sở để trừng trị và nâng cao hiệu quả răn đe của pháp luật với những hành vi tham nhũng trong khu vực tư nhân. Vì vậy, Nhà nước nên nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện các quy định về chế tài đối với hành vi tham nhũng trong khu vực tư nhân cho phù hợp với đặc thù của các doanh nghiệp, đặc biệt là chế tài hành chính và dân sự.

Thứ năm, về phạm vi tài phán: Theo các tổ chức quốc tế, trong bối cảnh thương mại quốc tế phát triển ngày càng mạnh mẽ, pháp luật về phòng, chống tham nhũng cần mở rộng phạm vi điều chỉnh ra ngoài lãnh thổ quốc gia. Hiện tại, Bộ luật hình sự năm 2015 của Việt Nam đã quy định (lần đầu tiên, tại Điều 364) về hành vi và xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi đưa hối lộ cho công chức nước ngoài. Tuy nhiên, Nhà nước nên bổ sung cơ chế phòng ngừa, phát hiện và ban hành các văn bản pháp luật giải thích và hướng dẫn áp dụng quy định mới này.

Thứ sáu, về bảo vệ người tố cáo trong khu vực tư: Bảo vệ người tố cáo tham

những có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát hiện, phòng ngừa và xử lý tham nhũng, vì vậy, đây là vấn đề được UNCAC và các tổ chức quốc tế nhấn mạnh đặc biệt. Tuy nhiên, hiện tại pháp luật của nhiều quốc gia mới chủ yếu hướng vào việc bảo vệ người tố cáo tham nhũng trong khu vực công mà ít chú ý đến bảo vệ người tố cáo tham nhũng trong khu vực tư. Ở Việt Nam, Điều 49 Luật tố cáo năm 2018 quy định khá đầy đủ về các biện pháp bảo vệ người tố cáo, không phân biệt người tố cáo trong khu vực công hay khu vực tư. Dù vậy, cần thấy rằng do tính chất đặc thù của khu vực tư, nếu chỉ có những quy định chung thì người tố cáo tham nhũng trong khu vực tư nhân có thể không được bảo vệ hiệu quả bằng người tố cáo tham nhũng trong khu vực công. Vì vậy, Nhà nước nên tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện khung pháp luật để bảo vệ hiệu quả người tố cáo tham nhũng trong khu vực tư.

4. Kết luận

Phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư nhân là việc làm rất cần thiết, góp phần quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng nói chung ở các quốc gia. Không chỉ vậy, đấu tranh phòng, chống tham nhũng cũng là một trong những điều kiện bảo đảm cho sự phát triển thành công, lành mạnh, bền vững của khu vực kinh tế tư nhân cũng như của toàn bộ nền kinh tế của quốc gia. Chính vì vậy, việc mở rộng phòng, chống tham nhũng ra khu vực tư nhân đã được thực hiện ở nhiều quốc gia và đã được quy định trong Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng. Đây cũng là một vấn đề được nhiều tổ chức liên chính phủ, phi chính phủ quốc tế khuyến khích. Ở Việt Nam, chủ trương mở rộng cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước được Đảng nêu ra trong Nghị quyết số 10-NQ/TW (năm 2017), sau đó được thể chế hóa trong Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Thực tế ở nước ta từ khi đổi mới đến nay, đặc biệt là trong mấy năm gần đây, đã chứng minh chủ trương này là hoàn toàn đúng đắn. Tương tự như ở khu vực công, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở khu vực tư nhân cũng rất quyết liệt, khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự kiên trì, nỗ lực, quyết tâm không chỉ của nhà nước, mà còn của cả khu vực tư nhân nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp. Thêm vào đó, cần phải có một hệ thống pháp luật hợp lý, hoàn chỉnh. Đây chính là những yêu cầu đặt ra trong thời gian tới nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư nhân ở nước ta./.

Tài liệu tham khảo

- Thực thi quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về hành vi đưa hối lộ cho công chức nước ngoài*, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, ngày 01/3/2018, tại <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=2635>, truy cập ngày 01/3/2023.
- Xem Nguyễn Mai Trang: *Pháp luật về bảo vệ người tố cáo của một số nước trên thế giới*, <http://noichinh.vn/ngghien-cuu-trao-doi/201711/phap-luat-ve-bao-ve-nguoi-to-cao-cua-mot-so-nuoc-tren-the-gioi-303202/>, truy cập ngày 01/3/2023.
- Xem Krista Lee-Jones, TI: *Regulating Private-to-Private Corruption* (Điều chỉnh tham nhũng trong khu vực tư, 2018, tr.4.
- Xem UNODC: *Legislative guide for the implementation of the UNCAC* (Hướng dẫn lập pháp thực thi UNCAC), 2006, tr.38.
- Ban Tuyên giáo Trung ương - Ban Kinh tế Trung ương: *Một số điểm mới của Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”*, mục 2 đoạn 3, tại *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, ngày 11/8/2017.

GIỮ VỮNG NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG KỶ NGUYÊN SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO, THÁCH THỨC VÀ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP CHO MÔI TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Chi bộ Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, thế giới chứng kiến những bước tiến vượt bậc của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI). Những thành tựu này không chỉ tạo ra cơ hội phát triển to lớn mà còn đặt ra những thách thức sâu sắc đối với công tác tư tưởng và lý luận. Không gian mạng trở thành mặt trận mới, nơi các thế lực thù địch không ngừng gia tăng hoạt động chống phá, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, gieo rắc hoài nghi, làm xói mòn niềm tin của nhân dân. Trước tình hình đó, việc giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên số là nhiệm vụ cấp thiết và mang ý nghĩa sống còn. Đặc biệt, trong thời kỳ "kỷ nguyên vươn mình", khi đất nước ta đang nỗ lực khẳng định vị thế trên trường quốc tế, yêu cầu đổi mới phương thức đấu tranh tư tưởng, tận dụng công nghệ hiện đại, nâng cao sức mạnh nội sinh và bản lĩnh chính trị càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Bài viết gồm 3 nội dung: phần 1 khẳng định nền tảng tư tưởng của Đảng là nhất quán qua nhiều thời kỳ; phần 2 phân tích cách thách thức đặt ra trong bối cảnh mới về công nghệ, trí tuệ nhân tạo, đặc biệt trong môi trường học sinh, sinh viên; phần 3 đề xuất một số giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời đại số và môi trường đại học.

1. Nền tảng tư tưởng của Đảng đã không ngừng được khẳng định, bảo vệ và phát triển

Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang là nền tảng tư tưởng, cơ sở lý luận vững chắc cho sự nghiệp cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời cũng là kim chỉ nam cho hành động của Đảng trong mọi giai đoạn lịch sử. Qua các thời kỳ, Đảng ta đã luôn duy trì và phát triển nền tảng này, không ngừng củng cố vững chắc hệ thống lý luận để phù hợp với từng giai đoạn, từng tình hình mới của đất nước và thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ năm 1927 đã khẳng định trong cuốn "Đường cách mệnh" rằng, để Đảng vững mạnh và lãnh đạo thành công, thì phải "giữ chủ nghĩa cho vững," nghĩa là giữ vững nền tảng lý luận mà Đảng đã chọn, giữ vững sự chân chính, cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Với những quan điểm này, Hồ Chí Minh đã đặt ra

yêu cầu quan trọng đối với Đảng là phải nắm vững lý luận, không ngừng cập nhật và phát triển lý luận đó, để từ đó có thể giải quyết được những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Nền tảng tư tưởng này không chỉ là sự kế thừa các lý thuyết của các nhà lý luận trước đó mà còn được tiếp thu, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của cách mạng Việt Nam, với mục tiêu cao nhất là giành lại độc lập cho dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam. Hồ Chí Minh và các thế hệ lãnh đạo của Đảng đã chỉ rõ rằng chủ nghĩa Mác-Lê nin không phải là một hệ thống lý thuyết tĩnh, mà là một phương pháp luận cách mạng để giải quyết các vấn đề thực tiễn của xã hội, do đó cần phải luôn luôn vận dụng, chỉnh lý, bổ sung để phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia, mỗi thời kỳ.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã khẳng định tầm quan trọng của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng này, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương năm 1930 đã chỉ rõ rằng, Đảng phải giải thích cho công nhân về mục đích và đường lối của Đảng, để họ nhận thức rằng Đảng Cộng sản là Đảng của mình và cần phải bảo vệ Đảng. Điều này thể hiện rõ một quan điểm cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là Đảng phải luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, từ đó không chỉ có được sự ủng hộ mà còn nhận được sự bảo vệ, xây dựng từ chính những thành phần trong xã hội.

Qua từng kỳ Đại hội của Đảng, vấn đề bảo vệ nền tảng tư tưởng được nhấn mạnh và phát triển thêm. Đại hội III của Đảng năm 1960 đã khẳng định nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi đảng viên là phải bảo vệ Đảng, bảo vệ vai trò lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng. Đảng yêu cầu đảng viên phải tỉnh táo, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu đả kích hoặc làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng, dù là dưới hình thức nào. Điều này một lần nữa khẳng định sự kiên định trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cũng như xác định vai trò lãnh đạo tối cao của Đảng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Cũng vào thời điểm đó, tình hình quốc tế có những biến chuyển mạnh mẽ. Cuối những năm 1980, sau sự sụp đổ của các chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, Đảng ta đã có những đánh giá sâu sắc về những nguyên nhân thất bại của các Đảng cộng sản ở những quốc gia này. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự suy yếu và sụp đổ của các chế độ xã hội chủ nghĩa là việc các Đảng và nhà nước đã buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng, không duy trì được sự kiên định với lý tưởng chủ nghĩa xã hội, dẫn đến sự mất niềm tin của đảng viên và nhân dân vào Đảng và lý tưởng mà mình theo đuổi.

Trước tình hình đó, Đảng ta đã kịp thời có những quyết sách đúng đắn, thể hiện qua Nghị quyết Trung ương 6 khóa VI, trong đó khẳng định rằng công cuộc đổi mới ở Việt Nam không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm sao để thực hiện mục tiêu đó một cách hiệu quả hơn, đồng thời giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng. Đảng ta đã nhận diện rõ những sai lầm trong cải cách của một số quốc gia xã hội chủ nghĩa, như việc thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng và dân chủ hóa không giới hạn. Những quyết sách này đã giúp Việt Nam tránh được những sai lầm nghiêm trọng, đồng thời giữ vững được ổn định chính trị, bảo vệ thành quả cách mạng và tiếp tục con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân đã lựa chọn.

Nghị quyết Trung ương 7 khóa VI đã nhấn mạnh sự cần thiết phải giáo dục trong Đảng và trong nhân dân kiên trì mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, cũng như phải quán triệt các nguyên tắc đổi mới của Đảng. Đặc biệt, Đảng đã đưa ra những định hướng rõ ràng trong công tác tư tưởng, nhằm tránh những sai lầm đã xảy ra ở các quốc gia xã hội chủ nghĩa khác, đồng thời kiên quyết phản đối những luận điệu sai trái về đa nguyên chính trị, đa đảng và dân chủ hóa không giới hạn. Chính những quyết sách này đã giúp Đảng ta bảo vệ được vững chắc nền tảng tư tưởng của mình, cũng như giữ vững sự lãnh đạo của Đảng trong mọi tình huống.

Trong khi tình hình quốc tế có nhiều biến động, Đảng ta vẫn kiên định với con đường xã hội chủ nghĩa và coi chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng bất di bất dịch. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Đại hội VII năm 1991 đã tiếp tục khẳng định điều này, dù vào thời điểm đó, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã làm nhiều người nghi ngờ về tính đúng đắn của con đường mà Việt Nam đang theo đuổi. Tuy nhiên, Đảng ta vẫn giữ vững niềm tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đồng thời khẳng định rằng con đường mà Việt Nam đi là đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân, và sẽ tiếp tục duy trì và phát triển chủ nghĩa Mác-Lê nin cùng tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trải qua các giai đoạn lịch sử, Đảng ta đã luôn duy trì và củng cố nền tảng tư tưởng của mình, không chỉ bảo vệ mà còn phát triển nó trong bối cảnh mới. Đặc biệt, trong giai đoạn hội nhập quốc tế, Đảng ta tiếp tục khẳng định rằng nền tảng tư tưởng này không chỉ có ý nghĩa trong việc giữ vững sự lãnh đạo của Đảng mà còn giúp Việt Nam vững bước trên con đường phát triển bền vững. Cũng chính vì lý do đó, Đảng ta đã không ngừng đổi mới tư duy, tiếp cận những quan điểm mới trong lý luận, nhưng luôn kiên định với chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là nền tảng vững chắc để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng ta cũng đặc biệt chú trọng đến công tác tư tưởng, nhất là việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước những tác động từ bên ngoài. Đảng yêu cầu các cơ quan báo chí, các tổ chức chính trị-xã hội và toàn thể đảng viên phải tham gia vào công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đặc biệt, trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (2012) và khóa XII (2016) về xây dựng Đảng, Đảng ta đã chỉ ra các nguy cơ từ sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trong bối cảnh hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và sự gia tăng của các thế lực thù địch, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng càng trở nên cấp bách. Đảng ta đã tiếp tục nhấn mạnh vai trò quan trọng của công tác tư tưởng trong việc giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ mục tiêu xã hội chủ nghĩa và phát triển đất nước. Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách, nhưng Đảng ta vẫn nhất quán khẳng định rằng chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ luôn là nền tảng vững chắc, là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng, đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục tiến lên, hướng tới mục tiêu xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định vai trò lãnh đạo của mình trong mọi giai đoạn của cách mạng. Sự kiên định trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đã giúp Đảng duy trì được sự thống nhất, ổn định chính trị, và tạo ra sức mạnh tổng hợp trong công cuộc xây dựng đất nước. Từ đó, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, và khẳng định được vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế. Nhìn lại chặng đường đã qua, có thể thấy rằng việc bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng là một yếu tố quyết định đến thành công của cách mạng Việt Nam, và sẽ tiếp tục là yếu tố quan trọng giúp đất nước phát triển bền vững trong tương lai.

2. Thách thức đặt ra từ công nghệ, AI và mạng xã hội trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với trọng tâm là công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) đã tạo ra một môi trường truyền thông hoàn toàn mới, nơi thông tin được sản xuất, lan truyền với tốc độ chưa từng có. Các thế lực thù địch, phản động đã nhanh chóng lợi dụng sự phát triển này để gia tăng hoạt động chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, thông qua việc lan truyền tin giả (fake news), tạo lập nội dung xuyên tạc bằng deepfake và chatbot AI.

Theo Báo cáo của Liên hợp quốc về tác động của công nghệ số đối với an ninh chính trị (United Nations, 2022), việc sử dụng công nghệ deepfake trong các chiến dịch tuyên truyền chính trị đã tăng 900% chỉ trong vòng ba năm từ 2019 đến 2022. Điều này tạo ra nguy cơ rất lớn trong việc làm giả các phát ngôn lãnh đạo, xuyên tạc chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Không gian mạng hiện nay cũng chứng kiến hiện tượng "bong bóng thông tin" (information bubbles) và "buồng vọng" (echo chambers), nơi người dùng chỉ tiếp xúc với thông tin phù hợp với định kiến sẵn có, dễ dàng bị dẫn dắt bởi các quan điểm sai lệch, cực đoan. Báo cáo "Digital 2024: Global Overview" của DataReportal cho biết, hơn 73% người dùng Internet toàn cầu từng tiếp cận ít nhất một nội dung tin giả mỗi tuần, trong đó thông tin chính trị chiếm tỷ lệ cao nhất (DataReportal, 2024).

Đặc biệt, sự phát triển của các công cụ AI tạo nội dung như ChatGPT, Midjourney, Sora AI... càng khiến việc sản xuất và phổ biến thông tin giả trở nên dễ dàng hơn, với chi phí cực thấp và độ tinh vi cao, gây khó khăn lớn trong công tác kiểm duyệt và phản bác. Nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" từ việc tiếp nhận thông tin sai lệch trên mạng xã hội không còn là nguy cơ tiềm ẩn mà đã trở thành hiện tượng thực tế cần được nhận diện rõ ràng và đấu tranh quyết liệt.

Đảng ta cũng đã thẳng thắn chỉ ra những nguy cơ tiềm ẩn đối với nền tảng tư tưởng trong kỷ nguyên số. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị đã xác định những phương thức chống phá như sử dụng truyền thông đại chúng, đặc biệt là xuất bản báo chí ở nước ngoài, sản xuất băng, đĩa hình chuyển về trong nước; tài trợ cho một số cơ quan báo chí nước ngoài chuyên chống phá Việt Nam (như VOA tiếng việt, RFA, RFI, BBC việt ngữ) để nói xấu Việt Nam; sử dụng internet và truyền thông xã hội để chống phá; lợi dụng các sai sót trong quản lý để kích động biểu tình trái phép và xuyên tạc; ...

Mạng xã hội hiện nay trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của người dân Việt Nam, đặc biệt là sinh viên. Theo một nghiên cứu gần đây, gần như tất cả sinh viên Việt Nam đều sử dụng mạng xã hội, với Facebook là nền tảng chiếm ưu thế. Điều này phản ánh sự lựa chọn của sinh viên đối với các nền tảng mang lại khả năng tương tác cao, giúp họ vừa giải trí, vừa tham gia vào các hoạt động xã hội và chính trị. Thống kê mới nhất từ DataReportal cho thấy, đến đầu năm 2024, Việt Nam có tới hơn 72 triệu tài khoản người dùng mạng xã hội, trong đó, nhóm tuổi từ 18-34 chiếm gần 60% tổng số người sử dụng. Điều này chỉ ra rằng sinh viên nằm trong nhóm đối tượng sử dụng mạng xã hội nhiều nhất hiện nay. Tuy nhiên, sự phổ biến của mạng xã hội cũng đặt ra những thách thức lớn đối với việc bảo vệ nền tảng tư

tưởng của Đảng. Mạng xã hội trở thành công cụ mà các thế lực thù địch lợi dụng để phát tán thông tin sai lệch, bịa đặt, hoặc đưa ra những quan điểm lệch lạc, nhằm xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Những thông tin này thường nhắm đến giới trẻ, đặc biệt là sinh viên, để gieo rắc nghi ngờ, tạo ra các cuộc thảo luận theo chiều hướng tiêu cực, thổi phồng sai lầm của các lãnh đạo, đảng viên, và cổ xúy cho những tư tưởng ngoại lai, phản động. Chính vì vậy, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và nâng cao khả năng nhận thức, phân biệt thông tin chính xác của sinh viên là một nhiệm vụ cấp bách trong bối cảnh mạng xã hội ngày càng phát triển mạnh mẽ.

3. Giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời đại số và môi trường đại học

Trong bối cảnh thời đại số hiện nay, khi công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) đang phát triển mạnh mẽ, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trở thành một nhiệm vụ quan trọng hơn bao giờ hết, đặc biệt trong môi trường đại học. Để đảm bảo rằng thế hệ sinh viên không chỉ tiếp thu những kiến thức lý thuyết mà còn hiểu và áp dụng được các tư tưởng này vào bối cảnh xã hội hiện đại, chúng ta cần phải thực hiện các giải pháp đồng bộ và sáng tạo. Dưới đây là những giải pháp chủ yếu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời đại số, đặc biệt là trong môi trường đại học.

a. Đổi mới công tác giảng dạy và học tập trong bối cảnh số hóa

Một trong những yếu tố quan trọng nhất để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là *đổi mới công tác giảng dạy* trong môi trường đại học. Trong bối cảnh công nghệ ngày càng phát triển, các phương thức giảng dạy truyền thống không thể đáp ứng đủ nhu cầu học tập của sinh viên, đặc biệt là trong các môn học lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, cần thiết phải đổi mới chương trình giảng dạy, từ nội dung đến phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp với thời đại số mà vẫn giữ được bản sắc tư tưởng của Đảng.

- Chương trình giảng dạy linh hoạt và cập nhật: Các môn học về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cần được cập nhật thường xuyên, bổ sung những vấn đề thời sự có liên quan đến sự phát triển của xã hội hiện nay. Chương trình giảng dạy không chỉ giới hạn trong việc học thuộc các nguyên lý lý thuyết mà phải lồng ghép các bài học thực tế, các vấn đề mới nổi trong xã hội như phát triển bền vững, công bằng xã hội, và ứng dụng công nghệ vào quản lý xã hội. Sinh viên cần hiểu rõ cách mà các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh có thể

được ứng dụng vào việc giải quyết các vấn đề hiện đại.

- Phương pháp giảng dạy sáng tạo và sử dụng công nghệ: Việc giảng dạy các môn lý luận chính trị cần phải được làm mới bằng các phương pháp sáng tạo và hấp dẫn. Công nghệ có thể được ứng dụng trong việc thiết kế các bài giảng trực tuyến, sử dụng video, bài giảng trực quan, các ứng dụng học tập di động và các nền tảng học trực tuyến để sinh viên có thể học tập mọi lúc, mọi nơi. Các phương pháp như thảo luận nhóm, tình huống giả định, học qua các dự án thực tế có thể được áp dụng để giúp sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn phát triển khả năng tư duy phản biện và sáng tạo.

- Khuyến khích việc học chủ động và nghiên cứu cá nhân: Bên cạnh việc giảng dạy các kiến thức lý thuyết, cần khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu và tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học. Các hoạt động như hội thảo khoa học, nghiên cứu tình huống, tổ chức các nhóm nghiên cứu giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích và tổng hợp thông tin, đồng thời rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và áp dụng các tư tưởng của Đảng vào các bài toán thực tế.

b. Phát triển các hoạt động nghiên cứu và học thuật chuyên sâu

Môi trường đại học không chỉ là nơi truyền thụ kiến thức mà còn là nơi phát triển nghiên cứu khoa học. Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cần được thực hiện thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phải trở thành đối tượng nghiên cứu không chỉ trong các lớp học mà còn trong các công trình nghiên cứu, hội thảo khoa học, và các hoạt động học thuật chuyên sâu.

- Khuyến khích nghiên cứu lý luận và thực tiễn: Các nghiên cứu về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cần không chỉ giới hạn trong lý thuyết mà còn phải hướng đến ứng dụng thực tiễn. Các sinh viên, học giả, và giảng viên có thể tham gia vào các dự án nghiên cứu nhằm làm rõ các khía cạnh thực tế của các lý thuyết này trong bối cảnh phát triển của xã hội hiện đại. Những công trình nghiên cứu này có thể bao gồm các vấn đề như phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường, công bằng xã hội, và các vấn đề quốc tế mà Đảng và Nhà nước đang phải đối mặt.

- Tạo cơ hội giao lưu học thuật quốc tế: Một giải pháp quan trọng khác là khuyến khích các giảng viên và sinh viên tham gia vào các hội thảo quốc tế, diễn đàn học thuật để giao lưu, học hỏi từ các nền tảng lý thuyết khác và đưa các tư tưởng của Đảng vào các nghiên cứu quốc tế. Đây là cơ hội tốt để phát triển và bảo vệ các giá trị tư tưởng của Đảng trong môi trường toàn cầu hóa và giúp sinh viên mở rộng tầm

nhìn, nhìn nhận các vấn đề xã hội và chính trị dưới góc độ quốc tế.

- Định hướng nghiên cứu ứng dụng: Các nghiên cứu khoa học không chỉ để làm rõ lý thuyết mà còn phải đưa ra các giải pháp thiết thực, từ đó tạo ra các ứng dụng trong thực tế. Các nghiên cứu này có thể giải quyết những vấn đề cấp bách như đói nghèo, bất bình đẳng xã hội, quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên, hay các vấn đề quốc tế như hội nhập kinh tế và chính trị toàn cầu. Để làm được điều này, các trường đại học cần xây dựng các chương trình nghiên cứu ứng dụng, hợp tác với các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và doanh nghiệp để nghiên cứu và phát triển các giải pháp dựa trên các tư tưởng của Đảng.

c. Tăng cường tuyên truyền và phổ biến tư tưởng trong cộng đồng sinh viên

Một trong những giải pháp quan trọng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là tăng cường tuyên truyền và phổ biến tư tưởng này đến đông đảo sinh viên, học viên trong các trường đại học. Tuyên truyền không chỉ là nhiệm vụ của các giảng viên mà còn cần sự tham gia của sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ học thuật, và các phương tiện truyền thông hiện đại. Bảo vệ tư tưởng của Đảng trong thời đại số đòi hỏi việc sử dụng các công cụ truyền thông mới mẻ và hiệu quả.

- Tổ chức các câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa: Các câu lạc bộ học thuật về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các tổ chức chính trị, xã hội có thể là nơi sinh viên gặp gỡ, trao đổi và học hỏi về các tư tưởng này. Các câu lạc bộ này có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hội thảo, chương trình giao lưu với các chuyên gia, các nhà nghiên cứu để sinh viên có thể tiếp nhận kiến thức một cách đa dạng và sâu sắc. Các hoạt động này không chỉ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về lý thuyết mà còn làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước và trách nhiệm công dân.

- Phát triển tài liệu học tập trực tuyến: Trong thời đại số, các tài liệu học tập trực tuyến trở thành công cụ đắc lực để tuyên truyền và phổ biến các tư tưởng của Đảng. Các video giảng dạy, tài liệu điện tử, bài viết chuyên sâu, blog học thuật và các tài liệu nghiên cứu trực tuyến có thể được phát triển và phân phối rộng rãi đến sinh viên. Việc sử dụng nền tảng học trực tuyến như các website, ứng dụng học tập, kênh YouTube, hoặc các mạng xã hội sẽ giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và chia sẻ kiến thức về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Sử dụng mạng xã hội và truyền thông: Mạng xã hội như Facebook, Instagram, Twitter, hay các nền tảng video như YouTube có thể trở thành công cụ mạnh mẽ trong việc tuyên truyền các giá trị tư tưởng của Đảng. Các chiến dịch truyền thông có thể được triển khai thông qua các bài viết, video, chương trình podcast để

sinh viên và công chúng có thể hiểu rõ hơn về các lý thuyết này, cũng như cách chúng tác động đến các vấn đề xã hội, chính trị và kinh tế hiện nay.

- Các chương trình đào tạo và tư vấn nghề nghiệp: Ngoài việc tuyên truyền tư tưởng chính trị trong học thuật, các trường đại học cũng có thể tổ chức các chương trình tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên, trong đó các giảng viên sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cách ứng dụng các tư tưởng của Đảng trong công việc, nghề nghiệp và cuộc sống. Các chương trình này có thể kết hợp với các buổi chia sẻ về giá trị của công bằng xã hội, phát triển bền vững, tư duy chính trị và xã hội, từ đó giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về trách nhiệm và vai trò của mình trong việc xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Kết luận

Trong thời đại số, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, đặc biệt trong môi trường đại học. Các giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ giúp sinh viên hiểu sâu sắc các lý thuyết mà còn giúp họ áp dụng những lý thuyết đó vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Để làm được điều này, cần phải đổi mới công tác giảng dạy, phát triển nghiên cứu khoa học, tăng cường tuyên truyền và phổ biến thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại, cũng như xây dựng môi trường học tập và nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng công nghệ. Đây là những bước đi cần thiết để bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện đại.

THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TÍNH GỌN BỘ MÁY TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NHẪM MỤC TIÊU ĐƯA ĐẤT NƯỚC VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI GẮN VỚI ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC LUẬN ĐIỀU SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH

Chi bộ Khoa Công nghệ thông tin

Tóm tắt: Chuyển đổi số (CDS) đã trở thành xu thế tất yếu, là quá trình thay đổi tổng thể hành vi và nhận thức của không chỉ các cá nhân và tổ chức bao gồm cả các tổ chức trong hệ thống chính trị. Nghiên cứu này nhằm làm rõ bản chất, đặc điểm của CDS và mối quan hệ biện chứng với tinh gọn bộ máy tổ chức hệ thống chính trị; ý nghĩa của việc triển khai đồng bộ, những thách thức nếu thiếu sự phối hợp, và đề xuất giải pháp đảm bảo việc thực thi hai cuộc cách mạng theo quyết sách của Đảng cộng sản Việt Nam thành công rực rỡ. Đồng thời nghiên cứu cũng xây dựng căn cứ lý luận vững chắc đập tan luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch.

1. MỞ ĐẦU

Thế giới đang bước vào kỷ nguyên số với những biến đổi sâu sắc và toàn diện. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển bùng nổ của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật... đã và đang làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội. Chuyển đổi số (CDS) đã trở thành xu thế tất yếu, là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. CDS đã và đang mang lại những giá trị tích cực cho không chỉ các tổ chức thực hiện mà còn đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của quốc gia.

CDS cũng đang trở thành một động lực quan trọng trong việc nâng cao năng suất làm việc của khu vực công tại Việt Nam. Việc áp dụng công nghệ số không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình làm việc mà còn cải thiện hiệu quả cung cấp dịch vụ công và tăng cường sự hài lòng của người dân. Dù vậy, với mục tiêu trở thành nước phát triển vào năm 2045, Việt Nam cần xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiệu quả, minh bạch và hiện đại hơn nữa. Do đó, tinh gọn bộ máy hành chính trở thành trọng tâm cải cách giai đoạn 2021–2026, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ.

Trong giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đồng thời khởi xướng hai cuộc “cách mạng” lớn: tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị quyết

số 56-NQ/TW ngày 25/11/2024 và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024. Đây không chỉ là hai nhiệm vụ song song mà còn gắn bó chiến lược, tương hỗ chặt chẽ với nhau. Cả hai cùng hướng tới mục tiêu xây dựng một nền hành chính hiệu quả, linh hoạt, hiện đại, tạo động lực đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Tuy vậy thực tế triển khai cả hai quyết sách lớn này của Đảng và nhà nước sẽ không tránh khỏi các khó khăn thách thức. Bên cạnh đó, định hướng chiến lược này của Đảng và Nhà nước còn phải đối mặt với những luận điệu xuyên tạc từ các lực lượng chống phá thù địch bên ngoài.

Xuất phát từ thực tiễn trên, việc nghiên cứu đề tài ***Thúc đẩy chuyển đổi số và tinh gọn bộ máy tổ chức hệ thống chính trị nhằm mục tiêu đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên phát triển mới gắn với đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch*** có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu này nhằm làm rõ bản chất, đặc điểm của CDS và mối quan hệ biện chứng với tinh gọn bộ máy tổ chức hệ thống chính trị; ý nghĩa của việc triển khai đồng bộ, những thách thức nếu thiếu sự phối hợp, và đề xuất giải pháp đảm bảo hai cuộc cách mạng cùng thành công rực rỡ, đồng thời xây dựng căn cứ lý luận vững chắc đập tan luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch.

2. TỔNG QUAN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TINH GỌN BỘ MÁY TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

2.1. Khái niệm và đặc điểm của chuyển đổi số

Chương trình CDS Quốc gia giai đoạn 2025-2030 coi “***chuyển đổi số***” là việc tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào mọi lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội, thay đổi cách thức vận hành, phương thức làm việc và mô hình kinh doanh nhằm tạo ra giá trị mới, nâng cao hiệu quả và tối ưu hóa nguồn lực. Báo cáo của OECD (2020) lại cho rằng CDS là một quá trình thay đổi sâu rộng về kinh tế và xã hội thông qua việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật số để tối ưu hóa quy trình, sản phẩm và dịch vụ, đồng thời tạo ra các giá trị mới. Báo cáo của McKinsey & Company (2019), CDS không chỉ là về công nghệ. Đó là về việc tạo ra một nền văn hóa chấp nhận sự thay đổi, cho phép các tổ chức thích nghi và duy trì khả năng cạnh tranh trong một thế giới ngày càng số hóa.

CDS có những đặc điểm nổi bật sau: (1) Tính toàn diện và sâu rộng: diễn ra trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; (2) Tính đột phá và sáng tạo: tạo ra những thay đổi mang tính đột phá, phá vỡ các mô hình truyền thống; (3) Tính kết nối và

tương tác: tạo ra một thế giới kết nối, trong đó con người, máy móc, thiết bị và hệ thống được kết nối với nhau; (4) Tính mở và không giới hạn: mở ra những khả năng mới, không bị giới hạn bởi các rào cản truyền thống; (5) Tính liên tục và không ngừng phát triển: là một quá trình liên tục, không có điểm kết thúc cụ thể; (6) Tính dựa trên dữ liệu: lấy dữ liệu làm trung tâm; (7) Tính tự động hóa và thông minh: tận dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, máy học, Internet vạn vật để tự động hóa các quy trình.

Khung CDS quốc gia của Việt Nam được xây dựng trên bốn trụ cột chính: thể chế số, hạ tầng số, kinh tế số và xã hội số. Chiến lược CDS quốc gia của Việt Nam được thể hiện qua Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 [1] và Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025 [2], định hướng đến năm 2030. Đến năm 2025, Việt Nam phấn đấu thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử, kinh tế số đạt 20% GDP.

2.2 Tinh gọn bộ máy tổ chức hệ thống chính trị

Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đóng vai trò then chốt trong bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hệ thống này đã góp phần giữ vững ổn định, phát triển đất nước và nâng cao đời sống nhân dân. Việc liên tục đổi mới, kiện toàn bộ máy là điều kiện quyết định cho những thành tựu của gần 40 năm đổi mới. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo quyết liệt việc cải cách tổ chức bộ máy hành chính, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW. Nhiều Nghị định, văn bản đã được ban hành để hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước. Trong đó, Bộ Nội vụ đã xây dựng, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhiều văn bản quy phạm pháp luật cần thiết để bảo đảm tiến độ cải cách.

Một số kết quả đạt được về tinh gọn bộ máy tổ chức

Trong quý I/2025, Nghị quyết về cơ cấu tổ chức của Chính phủ, cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (2021 - 2026) và kiện toàn 06 chức danh thành viên Chính phủ (gồm: 02 Phó Thủ tướng và 04 Bộ trưởng). Cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 17 bộ, ngành (gồm: 14 bộ và 3 cơ quan ngang Bộ), giảm 5 bộ, ngành so với trước đây. Về tổ chức bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, giảm 13/13 tổng cục và tổ chức tương đương, giảm 519 cục và tổ chức tương đương, giảm 219 vụ và tổ chức tương đương, giảm 3.303 chi cục và tương đương chi cục.

Đối với các địa phương, 63 tỉnh và thành phố theo chỉ đạo chung của Chính phủ đã giảm 343 cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh; 1.454 cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp huyện. Bên cạnh đó, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cũng như chính quyền địa phương đã giảm rất rõ rệt.

Gần đây nhất, Nghị quyết số 60-NQ/TW, đề ra chủ trương tinh gọn bộ máy và xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh và xã), chấm dứt cấp huyện từ 01/7/2025. Đồng thời, sắp xếp lại đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội vào Mặt trận Tổ quốc, tinh gọn hệ thống Tòa án và Viện kiểm sát. Sau sắp xếp, cả nước còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh.

2.3. Mối quan hệ tương hỗ chiến lược giữa hai trụ cột chuyển đổi số và tinh giản bộ máy tổ chức hệ thống chính trị trong quyết sách chiến lược của Đảng

2.3.1 Chuyển đổi số thúc đẩy cho tinh giản bộ máy

Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thực sự là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy mạnh mẽ CDS tạo bứt phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế” là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ.

Thật vậy, ứng dụng công nghệ số giúp tự động hóa quy trình, giảm thủ tục và nhân sự, tinh giản bộ máy hành chính. Dữ liệu số và AI hỗ trợ ra quyết định nhanh, chính xác, nâng cao hiệu quả quản trị. Chuyển đổi số là động lực giúp bộ máy "vừa giảm, vừa mạnh", thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Chương trình CDS quốc gia đang đặt mục tiêu về CDS cơ quan nhà nước đến 2025 bao gồm việc nâng cao xếp hạng chính phủ điện tử, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan, mở dữ liệu với người dân và doanh nghiệp. Đến nay, một số kết quả ấn tượng đã được ghi nhận. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đã kết nối 4 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn kết nối các hệ thống thông tin phục vụ chính phủ số. Cơ sở dữ liệu quốc gia đã được triển khai và có những kết quả nhất định 7 cơ sở dữ liệu quốc gia gồm CSDL quốc gia về Dân cư (do Bộ Công an chủ trì); CSDL Đất đai quốc gia (Bộ Tài nguyên và Môi trường); CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, CSDL quốc gia Thống kê tổng hợp về Dân số (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); CSDL quốc gia về Tài chính; CSDL quốc gia về Bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội VN); và cơ sở dữ

liệu về cán bộ, công chức, viên chức đã kết nối đồng bộ dữ liệu với 96 bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương, trong đó 70 bộ, ngành, địa phương đã đồng bộ dữ liệu (đạt 100%) [5] .

Trong lĩnh vực hành chính công, CDS trong nền công vụ đang định hình lại cách các cơ quan trong khu vực công vận hành và tương tác với người dân. CDS trong nền công vụ đã làm thay đổi văn hóa, quy trình và tư duy của các cơ quan trong khu vực công để hướng đến phục vụ người dân tốt hơn.

2.3.2. Tinh gọn bộ máy tổ chức là nền tảng thúc đẩy CDS

Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai CDS, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Tinh gọn bộ máy là nền tảng **thể chế và tổ chức** để các đột phá về công nghệ – số hóa được triển khai hiệu quả. Bộ máy gọn nhẹ, thông suốt giúp loại bỏ các tầng nấc trung gian, giảm thủ tục rườm rà, qua đó tạo môi trường thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ mới và thúc đẩy sáng tạo. Thật vậy, bộ máy cồng kềnh, chồng chéo không chỉ gây lãng phí nguồn lực mà còn kìm hãm sự phát triển, khiến nhiều chủ trương, chính sách chậm đi vào cuộc sống. Muốn đổi mới sáng tạo phát huy tác dụng, trước hết bộ máy thực thi phải đổi mới, tinh gọn.

CDS và tinh gọn bộ máy hành chính công là hai quá trình không thể tách rời, cùng hướng tới mục tiêu xây dựng một nền hành chính hiện đại, hiệu quả và phục vụ người dân tốt hơn. Việc triển khai đồng bộ hai quá trình này sẽ góp phần nâng cao năng suất làm việc, giảm chi phí và tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

3. THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆC THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TINH GỌN BỘ MÁY TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ GẮN VỚI ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC LUẬN ĐIỀU SAI TRÁI THÙ ĐỊCH

3.1. Thách thức trong việc thực hiện chuyển đổi số

Chuyển đổi số trong khu vực công ở Việt Nam thể hiện quyết tâm hội nhập và cải cách, nhưng vẫn gặp nhiều thách thức, đặc biệt về tính đồng bộ và thực thi. Các báo cáo gần đây đã chỉ ra: sự thiếu đồng bộ giữa các hệ thống công nghệ của các Bộ, ngành và địa phương, dẫn đến khó khăn trong tích hợp và chia sẻ dữ liệu. Vấn đề an ninh mạng cũng trở nên cấp bách khi hệ thống quản lý công trực tuyến đối mặt với nguy cơ tấn công mạng tinh vi. Ngoài ra, việc triển khai công nghệ mới có thể sẽ gặp phải khó khăn khi chuyển dịch từ các hệ thống quản lý truyền thống và thiếu quy định rõ ràng về quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc tích hợp công nghệ vào hệ

thông công vụ truyền thông gặp trở ngại do thiếu sự phối hợp giữa các Bộ, ngành và các cấp địa phương, dẫn đến sự chồng chéo, không nhất quán. Ngoài ra, những yêu cầu kỹ thuật và nhân lực chuyên môn để triển khai các dự án số hóa đòi hỏi phải có các chính sách đào tạo và hỗ trợ mạnh mẽ hơn.

Bên cạnh đó, quá trình thực hiện CDS cho thấy còn tồn tại khoảng cách về năng lực kỹ thuật giữa các đơn vị, nhiều cán bộ chưa được đào tạo đủ về kỹ năng số. Những hạn chế này làm chậm tiến độ CDS và tăng nguy cơ mất an toàn thông tin.

3.2. Thách thức trong việc thực hiện tinh gọn bộ máy tổ chức hệ thống chính trị

Theo đề án cải cách, từ 1/7, chính quyền địa phương còn 2 cấp (tỉnh và xã), giảm 60–70% số xã và sáp nhập còn 34 tỉnh/thành phố, tiết kiệm ngân sách và tối ưu nguồn lực. Bộ máy gọn nhẹ giúp rút ngắn thủ tục hành chính, tăng minh bạch, cải thiện phục vụ người dân, đồng thời thúc đẩy đổi mới thể chế và ứng dụng công nghệ số. Đây là bước đệm quan trọng cho phát triển hiện đại và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên quá trình này có một số thách thức cần vượt qua, bao gồm: chế độ cho người về hưu sớm, việc làm cho cán bộ dôi dư, đào tạo lại nguồn nhân lực và việc tái cơ cấu. Khi bỏ cấp huyện và giảm mạnh số lượng xã, hàng nghìn cán bộ có nguy cơ mất việc làm hoặc phải chuyển công tác khác. Nhiều cán bộ cấp huyện, cấp xã (phường) có thể chưa đáp ứng với yêu cầu, cần được đào tạo lại để phù hợp với mô hình mới.

Việc sáp nhập các đơn vị hành chính, mở rộng địa bàn có thể dẫn đến khó khăn trong quản lý, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa. Nếu triển khai không đồng bộ, có thể gây khó khăn trong tiếp cận dịch vụ công (y tế, giáo dục). Việc tái cơ cấu cũng phải lường trước những tiêu cực có thể xảy ra như bị lợi dụng để gạt bỏ cán bộ “không hợp” hoặc những bất hợp lý trong bố trí nhân sự. Ngoài ra, tâm lý lo ngại bị giảm quyền lực, ngân sách hoặc ảnh hưởng lợi ích cục bộ có thể xuất hiện.

3.3. Thách thức từ các thế lực thù địch và các luận điệu xuyên tạc

Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đang đẩy mạnh công cuộc CDS, sự gia tăng mạnh mẽ của các ứng dụng công nghệ, đặc biệt sự cởi mở trong lĩnh vực truyền thông, thể hiện quan điểm tôn trọng truyền thông và tự do ngôn luận của công dân của chính phủ Việt Nam thì mặt trái có thể dẫn đến các tư tưởng chống phá và thù địch được lan truyền trong cộng đồng. Các thế lực thù địch có thể lợi dụng mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo như là một công cụ, phương tiện để thực hiện mưu đồ chống phá cách mạng nước ta, với nhiều cách thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Công nghệ deepfake - một công nghệ sử dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra các video, hình ảnh giả

mạo có độ chân thực cao - cũng đang trở thành một thách thức lớn.

Một số luận điệu sai trái về công cuộc chuyển đổi số và tinh gọn bộ máy tổ chức

Thứ nhất: "Tinh giản bộ máy chỉ nhằm cắt giảm nhân sự, không mang lại hiệu quả thực chất."

Thứ hai: "Tinh giản bộ máy gây mất việc làm, ảnh hưởng đến đời sống cán bộ, công chức."

Thứ ba: "Sáp nhập đơn vị hành chính sẽ làm mất bản sắc văn hóa địa phương, gây chia rẽ cộng đồng."

Thứ tư: "CDS trong bộ máy nhà nước chỉ mang tính hình thức, không thực chất."

Thứ năm: "Tinh giản bộ máy sẽ làm giảm quyền lực, vai trò quản lý của Nhà nước."

Cùng với đó, là việc các thế lực thù địch, phản động trong nước và ngoài nước, bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, không ngừng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc, bóp méo, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, với âm mưu hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

Tất cả những điều này đặt ra nhiệm vụ đối với các tổ chức Đảng và chính quyền trong việc thúc đẩy các chiến lược nhằm phát triển kinh tế đồng thời gắn liền với phản bác luận điệu sai trái, thù địch.

4. YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI NHIỆM VỤ THÚC ĐẨY CDS VÀ TINH GỌN BỘ MÁY TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ GẮN VỚI PHẢN BÁC LUẬN DIỆU SAI TRÁI THÙ ĐỊCH

4.1. Mục tiêu thực hiện thành công CDS và tinh gọn bộ máy tổ chức hệ thống chính trị

Những lợi ích rất lớn từ việc thực hiện chuyển đổi số và tinh gọn bộ máy tổ chức đặt ra mục tiêu đối với các cấp Đảng và Chính quyền phải thực hiện thành công hai cuộc chuyển đổi cách mạng này. Đồng thời cần thấy được vai trò tương hỗ của hai trụ cột này để xác định các mục tiêu song hành cho cả hai. Khi tinh giản bộ máy và chuyển đổi số được triển khai song hành, sẽ tạo ra hiệu ứng cộng hưởng, thúc đẩy nền hành chính vận hành minh bạch, thông suốt. Bộ máy tinh gọn kết hợp hạ tầng số giúp tái cấu trúc thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết công việc. Mô hình quản trị mới chủ động điều chỉnh nhiệm vụ dựa trên dữ liệu thực tiễn, xây dựng hệ thống vừa tinh gọn, vừa thông minh. Đây là nền tảng để Việt Nam phát triển, hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI. Ngược lại, nếu thiếu tinh

giản bộ máy, công nghệ hiện đại sẽ khó phát huy hiệu quả do cơ cấu quan liêu, chồng chéo, khiến chuyển đổi số chỉ mang tính hình thức. Thực tiễn cũng cho thấy, nhiều chủ trương phát triển công nghệ chậm đi vào cuộc sống vì bộ máy tổ chức không theo kịp yêu cầu đổi mới.

4.2. Mục tiêu đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch

Với các luận điệu sai trái, thù địch về quyết sách CDS và tinh gọn bộ máy tổ chức của Đảng, cần đưa ra các căn cứ phản biện một cách mạnh mẽ và phù hợp với các đối tượng người nghe khác nhau.

5. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TINH GỌN BỘ MÁY TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ GẮN VỚI PHẢN BÁC LUẬN ĐIỀU SAI TRÁI THÙ ĐỊCH

Thúc đẩy công cuộc CDS và tinh gọn bộ máy tổ chức thành công chính là bằng chứng đanh thép nhất, đập tan mọi luận điệu sai trái, chống phá của các thế lực thù địch. Đảng và Nhà nước cùng cấp cấp chính quyền cần quán triệt thực hiện tốt cả nhóm giải pháp trọng tâm về CDS đồng thời cần đẩy mạnh tuyên truyền để người dân và các bên liên quan hiểu được ý nghĩa mục tiêu của các quyết sách thúc đẩy chuyển đổi này.

5.1. Nhóm giải pháp về thúc đẩy đồng thời CDS và tinh gọn bộ máy tổ chức hệ thống chính trị

Chuyển đổi số và tinh gọn bộ máy là hai nhiệm vụ trọng tâm nhằm đưa đất nước phát triển trong kỷ nguyên mới. Việc phối hợp đồng bộ hai nhiệm vụ thể hiện mục tiêu cải cách toàn diện. Để thành công, cần định hướng rõ ràng, chính sách phù hợp và giải pháp thực tiễn quyết liệt, đồng bộ. Một số giải pháp được đề xuất dưới đây đi theo quan điểm định hướng trên.

Thứ nhất là việc xác định tầm nhìn và ý chí chính trị ở mọi cấp trong Đảng và chính quyền cần được thống nhất. Tất cả các tổ chức Đảng và chính quyền phải có nhận thức chung rằng đây là hai nhiệm vụ chiến lược đặc biệt quan trọng, cần tiến hành song hành. Người đứng đầu mỗi cơ quan, đơn vị phải gương mẫu đi đầu, chỉ đạo quyết liệt cả hai hướng chuyển đổi.

Thứ hai là đồng bộ chính sách và lộ trình thực hiện. Việc xây dựng bộ chính sách để thúc đẩy CDS và tinh gọn bộ máy tổ chức cần phải chú ý liên kết với nhau. Quá trình tinh gọn cần lấy mục tiêu tinh gọn để đáp ứng CDS. Tinh gọn nhân lực chú ý đảm bảo chất lượng nhân lực phục vụ triển khai chính quyền số các cấp.

Thứ ba là, tiến trình CDS đòi hỏi phải được hỗ trợ bởi một nền tảng nhân lực phù hợp. Giải quyết thật tốt vấn đề nhân sự, thực hiện phân loại để có chính sách phù hợp (nhóm tiếp tục làm việc, nhóm chuyển đổi vị trí, nghỉ việc hoặc nghỉ hưu sớm). Tiến trình CDS cần được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân lực phù hợp, được phân loại và sắp xếp lại hợp lý. Cán bộ có năng lực sẽ được ưu tiên giữ lại, đào tạo lại để đáp ứng yêu cầu mới. Cần xây dựng đội ngũ đa năng, am hiểu công nghệ và có tinh thần đổi mới. Nhà nước phải chú trọng bồi dưỡng kỹ năng số, tạo tâm thế sẵn sàng tiếp nhận nhiệm vụ mới. Đồng thời, cần thu hút nhân tài công nghệ vào khu vực công để dẫn dắt CDS.

Thứ tư là, tiếp tục đầu tư về hạ tầng và công cụ hỗ trợ hiện đại. Việc tinh gọn bộ máy tổ chức dẫn đến việc sắp xếp lại toàn bộ đội ngũ nhân sự hiện có, giảm nhiều về mặt số lượng. Để đảm bảo kết quả và hiệu quả công việc đúng như mục tiêu kế hoạch cũng như để thúc đẩy tăng trưởng cần tăng cường đầu tư cho các hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm mọi cấp chính quyền được kết nối thông suốt. Chẳng hạn, thiết lập trung tâm điều hành thông minh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ ra quyết định, triển khai họp trực tuyến và xử lý văn bản điện tử... giúp lãnh đạo điều hành kịp thời và giảm tối đa thủ tục giấy tờ.

5.2. Nhóm giải pháp về đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái

Như đã phân tích trong phần trước, các luận điệu sai trái chống phá công cuộc phát triển kinh tế nói chung và quá trình thực hiện CDS và tinh gọn bộ máy tổ chức nói riêng đòi hỏi tổ chức Đảng các cấp cần có giải pháp mạnh mẽ để đấu tranh phản bác đồng thời bảo vệ quan điểm cũng như thành quả của Đảng.

5.2.1. Xây dựng nội dung đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái dựa trên các lập luận, tư duy khoa học và minh chứng cụ thể.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cần xây dựng nội dung đấu tranh, phản bác sắc bén, thuyết phục, hiệu quả, dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn. Nội dung đấu tranh, phản bác cần tập trung vào việc làm rõ bản chất sai trái, phản khoa học, phản cách mạng của các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận của các thế lực thù địch; đồng thời, khẳng định, bảo vệ những giá trị đúng đắn, tích cực của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Với mỗi luận điểm cần đưa ra các quan điểm phản bác và các minh chứng cụ thể thuyết phục. Cụ thể là:

Thứ nhất: "Tinh giản bộ máy chỉ nhằm cắt giảm nhân sự, không mang lại hiệu quả thực chất."

Tinh gọn bộ máy không chỉ đơn thuần là giảm số lượng người làm việc, mà còn nhằm cơ cấu lại tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả và chuyên nghiệp hóa hoạt động. Quá trình này đi kèm với việc đổi mới cách thức vận hành, ứng dụng công nghệ số và chuẩn hóa quy trình, hướng tới một nền hành chính phục vụ, hiện đại và linh hoạt. Ví dụ các kết quả đạt đã được trước đó trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021–2030 (Ban hành theo Quyết định 76/QĐ-TTg năm 2021): Không chỉ đặt mục tiêu cắt giảm biên chế 10%, mà còn yêu cầu chuẩn hóa quy trình công tác, ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh Chính phủ điện tử, từ đó nâng cao hiệu quả vận hành toàn hệ thống. Đến năm 2024, tỷ lệ các cơ quan hành chính Nhà nước cấp tỉnh, huyện ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xử lý công việc không giấy tờ đạt trên 95%.

Theo Báo cáo của Bộ Nội vụ (2024), sau 5 năm thực hiện Nghị quyết 18 - NQ/TW (2017), cả nước đã giảm 7.800 tổ chức cấp phòng, giảm gần 10% biên chế khối hành chính, nhưng song song với đó: Đã chuẩn hóa quy trình giải quyết 63% thủ tục hành chính. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương được triển khai mạnh mẽ, tăng tính minh bạch, giảm thời gian xử lý. Chất lượng dịch vụ công trực tuyến tăng đáng kể, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với dịch vụ công đạt trên 85% (khảo sát năm 2024).

Thứ hai: "Tinh giản bộ máy gây mất việc làm, ảnh hưởng đến đời sống cán bộ, công chức."

Chủ trương tinh gọn bộ máy luôn đi đôi với các chính sách hỗ trợ, đào tạo lại và bố trí hợp lý cho cán bộ dôi dư, theo hướng đảm bảo quyền lợi chính đáng. Mục tiêu của tinh giản là chọn lọc, sử dụng đúng người, đúng việc, thúc đẩy hiệu suất làm việc chứ không phải làm tổn hại đời sống cán bộ. Trên thực tế, minh chứng từ Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức tinh giản theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP cho thấy, những người thuộc diện tinh giản biên chế được hưởng chế độ thôi việc, nghỉ hưu trước tuổi với các khoản hỗ trợ về tài chính, bảo hiểm xã hội đầy đủ. Theo Bộ Nội vụ, tính đến năm 2023, đã có hơn 79.000 trường hợp được hỗ trợ chuyển đổi công việc hoặc hưởng chính sách an sinh sau tinh giản, đảm bảo không ai bị bỏ rơi. Một số địa phương, Quảng Ninh, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh sau sắp xếp tổ chức bộ máy đều triển khai các khóa đào tạo kỹ năng số, chuyển đổi nghề nghiệp cho cán bộ không còn phù hợp vị trí cũ. Tại Nghệ An, sau đợt sáp nhập xã, phường, khoảng 85% cán bộ dôi dư được sắp xếp lại công việc, số còn lại hưởng đầy đủ chế độ chính sách.

Thứ ba: "Sáp nhập đơn vị hành chính sẽ làm mất bản sắc văn hóa địa phương, gây chia rẽ cộng đồng."

Việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở khoa học, tham vấn rộng rãi và tôn trọng đặc thù văn hóa, đảm bảo hài hòa lợi ích cộng đồng. Chính phủ và các cơ quan chức năng thường tham khảo ý kiến của các chuyên gia, cộng đồng và các bên liên quan để đảm bảo rằng những giá trị văn hóa đặc thù của từng địa phương được tôn trọng và bảo vệ. Sự thay đổi về mặt hành chính không có nghĩa là bản sắc văn hóa sẽ bị xóa bỏ nếu có chính sách bảo vệ và phát triển đúng đắn. Sáp nhập nhằm nâng cao chất lượng quản trị, cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội, đồng thời giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống ở quy mô rộng hơn. Các giá trị văn hóa truyền thống có thể được bảo tồn và phát huy ở quy mô lớn hơn, giúp lan tỏa và gắn kết cộng đồng trên một diện rộng. Điều này cũng tạo ra các cơ hội để bảo vệ những nét đặc trưng văn hóa của từng địa phương mà không bị phân mảnh hay thiếu nguồn lực.

Thứ tư: CDS trong bộ máy nhà nước chỉ mang tính hình thức, không thực chất."

CDS là xu thế tất yếu, đã và đang đi vào thực chất thông qua nhiều chương trình cụ thể như: xây dựng Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư, triển khai chính phủ điện tử và hướng tới chính phủ số. Một số kết quả xử lý công việc của Cổng dịch vụ công quốc gia (DVCQG): Ra mắt từ tháng 12/2019, đến năm 2024, Cổng DVCQG đã cung cấp hơn 4.300 dịch vụ công trực tuyến. Hơn 180 triệu lượt truy cập và gần 9 triệu tài khoản đăng ký, với hàng chục triệu hồ sơ được giải quyết trực tuyến. Theo Báo cáo Chính phủ, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (giải quyết hoàn toàn online) năm 2024 đạt gần 75% tổng số thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng được công nhận về mức độ CDS quốc gia từ các tổ chức xếp hạng uy tín. Các kết quả đo lường chỉ số DTI (Digital Transformation Index) của Việt Nam trong khu vực ASEAN cho thấy nỗ lực thực chất, không phải phong trào hình thức. Theo công bố của Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), DTI cấp bộ, ngành trung ương năm 2023 tăng trung bình 7% so với năm trước. Một số đơn vị như Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông đạt DTI >80/100 điểm – mức rất cao trong thang đo CDS.

Thứ năm: "Tinh gọn bộ máy sẽ làm giảm quyền lực, vai trò quản lý của Nhà nước."

Trên thực tế, tinh gọn bộ máy nhằm tăng cường tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý Nhà nước, không phải làm suy yếu vai trò quản lý. Một bộ máy gọn nhẹ, chuyên nghiệp và ứng dụng công nghệ hiện đại sẽ quản lý xã hội tốt hơn, minh bạch hơn và phù hợp với bối cảnh kinh tế số. Chẳng hạn, Việc triển khai Cổng dịch vụ công quốc gia đã cho thấy việc số hóa và hợp nhất các dịch vụ công trực tuyến giúp Nhà nước quản lý đồng bộ, dữ liệu tập trung, theo dõi được hiệu quả giải

quyết từng vụ việc. Ngoài ra, bộ máy dù tinh gọn (ít tầng nấc hơn) nhưng lại phát huy năng lực kiểm soát, phục vụ người dân tốt hơn qua môi trường số, thay vì phải can thiệp trực tiếp bằng con người như trước.

5.2.2. Đổi mới hình thức đấu tranh phản bác các luận điểm sai trái

Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng. Các cấp tổ chức Đảng và chính quyền cần xây dựng nội dung tuyên truyền, giáo dục phong phú, đa dạng, hấp dẫn, thuyết phục, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn. Nội dung tuyên truyền, giáo dục cần tập trung vào việc làm rõ giá trị khoa học, cách mạng và thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; những đóng góp của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đối với công cuộc CDS và tinh gọn bộ máy tổ chức cần làm rõ cho người dân và các bên liên quan hiểu được mục tiêu của các chiến lược này. Các kết quả đạt được sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực phục vụ của hệ thống đối với các nhu cầu của chính người dân.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là công nghệ số. Cần ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây... trong công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Cần xây dựng các nền tảng số, ứng dụng di động, trang thông tin điện tử... để cung cấp thông tin chính thống, định hướng dư luận xã hội.

5.2.3. Xây dựng và nhân rộng các mô hình hiệu quả trong đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái

Tận dụng lợi thế của công nghệ số, đặc biệt là không gian mạng. Mô hình "Thế trận lòng dân" trên không gian mạng là mô hình huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Mô hình này dựa trên nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Mô hình Câu lạc bộ lý luận trẻ và các trang mạng xã hội chính thống là mô hình tập hợp, đoàn kết những người trẻ có trình độ lý luận chính trị, am hiểu công nghệ thông tin, có khả năng viết, nói, tranh luận... để tham gia tuyên truyền, phổ biến chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà

nước và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Mô hình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giám sát và phản bác thông tin xấu độc là mô hình sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để giám sát, phát hiện, phân tích và phản bác các thông tin xấu độc, sai sự thật trên không gian mạng. Mô hình này giúp tự động hóa quá trình giám sát, phát hiện, phân tích thông tin trên không gian mạng, từ đó giúp các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện, xử lý các thông tin xấu độc, sai sự thật.

6. KẾT LUẬN

Gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước đem đến cho nước ta những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo thế và đà để đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Trước xu thế tất yếu của cách mạng 4.0 và những thành tựu nổi bật của CDS, Đảng và Nhà nước Việt Nam cần nắm bắt được cơ hội to lớn này. Đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trên nền tảng CDS không chỉ là cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, mà còn là cuộc cách mạng thay đổi tư duy với tầm nhìn và nhận thức mới.

Thúc đẩy CDS và tinh gọn bộ máy tổ chức gắn với đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị. Đây là cuộc đấu tranh lâu dài, phức tạp, đòi hỏi sự nỗ lực, quyết tâm cao và sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả của các cấp, các ngành, các địa phương.

Với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự quản lý hiệu quả của Nhà nước, sự tham gia tích cực của nhân dân và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, chúng ta tin tưởng rằng mục tiêu tinh gọn bộ máy tổ chức hệ thống chính trị và CDS sẽ đạt được những kết quả tích cực, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển bền vững của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thủ tướng Chính phủ, "Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030," Hà Nội, Việt Nam, ngày 03 tháng 6 năm 2020.
- [2] "Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030."

- [3] Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25-10-2017, Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xii/ngphi-quyet-so-18-nqtw-ngay-25102017-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-mot-so-van-de-ve-tiep-568>
- [4] OECD Report (2023), *OECD Digital Government Index: Results and Key Findings*
- [5] Đặng, M.C. (2024) Một số thành tựu của CDS trong cơ quan nhà nước hiện nay <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/06/27/mot-so-thanh-tuu-cua-chuyen-doi-so-trongco-quan-nha-nuoc-hien-nay/>

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ TOÀN CẦU HÓA ĐẾN QUÁ TRÌNH THỰC THI QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Trung Tuấn

Chi bộ Khoa Công nghệ thông tin

1. Khái niệm Quyền lực chính trị và các đặc trưng của quyền lực chính trị

1.1. Khái niệm Quyền lực chính trị

Theo chủ nghĩa Mác-Lênin: Quyền lực chính trị là quyền lực của một giai cấp hay liên minh giai cấp nhằm thực hiện sự thống trị chính trị; là năng lực áp đặt và thực thi các giải pháp phân bổ giá trị xã hội có lợi cho giai cấp mình - chủ yếu thông qua đấu tranh giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước. *Quyền lực chính trị là bạo lực có tổ chức* của một giai cấp để trấn áp các giai cấp khác.

Từ cách tiếp cận hành vi có thể hiểu: Quyền lực chính trị là năng lực của một chủ thể chính trị buộc chủ thể chính trị khác phải hành động theo cách mà chủ thể ra lệnh mong muốn. Cách tiếp cận này chủ yếu quan tâm đến sự thay đổi hành vi, đến mục đích của việc sử dụng quyền lực trong quan hệ giữa các chủ thể.

Mặc dù có những cách quan niệm khác nhau, có thể đưa ra định nghĩa về quyền lực chính trị như sau:

Quyền lực chính trị là năng lực của một chủ thể chính trị (giai cấp, lực lượng xã hội,...) trong việc áp đặt mục tiêu chính trị của mình đối với các chủ thể khác trong xã hội nhằm hiện thực hóa lợi ích của bản thân.

Khi nói tới quyền lực, cần phân biệt ba khái niệm sau: quyền lực công, quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước.

- *Quyền lực công: là quyền lực được hình thành trên cơ sở đồng thuận của các thành viên trong cộng đồng nhằm thực hiện các hoạt động chung và bảo đảm lợi ích chung của cộng đồng, xã hội như: bảo đảm trật tự xã hội, giải quyết xung đột, phòng chống thiên tai,... Đây là thiết chế đại diện cho lợi ích của tất cả mọi thành viên trong xã hội.*

Trong các xã hội tiền nhà nước, quyền lực công là thứ quyền lực duy nhất được tổ chức nhằm gắn kết ý chí và hành động của tất cả các thành viên trong cộng đồng, bảo đảm cho cộng đồng duy trì trong trạng thái trật tự, ổn định và phát triển.

Khi nhà nước ra đời, nhà nước là chủ thể duy nhất nhân danh lợi ích của toàn xã hội để nắm giữ và thực thi quyền lực công. Lúc này, quyền lực nhà nước chính là quyền lực công.

Như vậy, quyền lực công là quyền lực chung của cộng đồng, xã hội, được hình thành dựa trên ý chí của các thành viên trong cộng đồng, xã hội và được sử dụng để bảo vệ lợi ích của tất cả các thành viên trong cộng đồng, xã hội.

- *Quyền lực chính trị: xuất hiện khi xã hội phân chia thành các giai cấp khác nhau. Nó là quyền lực của các giai cấp, các nhóm trong xã hội. Các giai cấp này đấu tranh với nhau nhằm giành, giữ và thực thi quyền lực công. Một giai cấp, để có thể trở thành giai cấp thống trị phải tập trung được sức mạnh của giai cấp mình về tư tưởng và tổ chức để tiến tới chiếm đoạt lấy quyền lực công, đặc biệt là bộ máy cưỡng chế và sử dụng nó để thực hiện sự thống trị của mình đối với toàn xã hội.*

Với sự chi phối, thao túng của giai cấp thống trị xã hội, các thiết chế quyền lực công trước đây vốn có chức năng bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng giờ lại trở thành công cụ bảo vệ cho lợi ích của một giai cấp nào đó. Đây chính là hiện tượng “quyền lực bị tha hóa” như C.Mác đã đề cập.

Quyền lực chính trị là quyền lực của một giai cấp, một lực lượng xã hội dùng để tác động đến quá trình tổ chức và thực thi quyền lực công nhằm thực hiện lợi ích của giai cấp mình.

- *Quyền lực nhà nước: là quyền lực chính trị của giai cấp nắm giữ và thực thi quyền lực công.*

Giai cấp thống trị muốn hiện thực hóa lợi ích của mình phải thông qua bộ máy nhà nước, bởi quyền lực nhà nước được đảm bảo thực thi bằng các công cụ cưỡng chế hợp pháp.

+ Về hình thức, quyền lực nhà nước bao giờ cũng thể hiện là quyền lực công - quyền lực đại diện cho tất cả các thành viên trong xã hội;

+ Nhưng về bản chất, quyền lực nhà nước lại thể hiện tính giai cấp, bởi nó được nắm giữ và thực thi bởi một giai cấp (hay liên minh giai cấp).

Từ đây, nhà nước phải thực hiện hai chức năng căn bản như chủ nghĩa Mác đã nhấn mạnh, đó là *chức năng công quyền* (hay còn gọi là chức năng xã hội) và *chức năng giai cấp* (hay còn gọi là chức năng thống trị giai cấp). Do đó, có thể nói, *quyền lực nhà nước là biểu hiện tập trung của quyền lực công và quyền lực chính trị*. Thông

qua đó, giai cấp nắm giữ quyền lực thực hiện vai trò thống trị chính trị của mình đối với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội.

Với ý nghĩa đó, *quyền lực nhà nước là quyền lực chính trị của giai cấp nắm giữ và thực thi quyền lực công*. Trong khoa học chính trị, việc phân định các khái niệm: quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước cũng có tính tương đối. Thậm chí, có nghiên cứu đồng nhất quyền lực chính trị với quyền lực nhà nước.

1.2. Các đặc trưng cơ bản của Quyền lực chính trị

Ngoài các đặc điểm chung của quyền lực, quyền lực chính trị còn có một số đặc trưng cơ bản sau:

- Tính tất yếu khách quan

Quyền lực xuất hiện từ nhu cầu của hoạt động sản xuất, phân công lao động xã hội. Đây là hoạt động cho nhu cầu sống, do vậy là hoạt động quan trọng nhất của con người. Xã hội vận động, phát triển đến trình độ nhất định dẫn đến phân hóa giai cấp và tất yếu nhà nước ra đời để điều hòa các mâu thuẫn giai cấp. Quyền lực chính trị ra đời dựa trên cơ sở khách quan hoạt động của giai cấp và nhà nước để duy trì ổn định trật tự và phát triển của xã hội. Do đó, quyền lực chính trị xuất hiện là tất yếu khách quan trong một giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử xã hội.

- Tính giai cấp

Quyền lực chính trị chỉ hình thành trong xã hội đã phân chia giai cấp và xuất hiện nhà nước. Đặc trưng này phản ánh mục tiêu thực chất của quyền lực chính trị là nhằm thiết lập, duy trì trật tự, bảo vệ và phát triển các lợi ích, mà căn bản và trước hết là lợi ích kinh tế cho giai cấp nắm quyền.

Các Mác khẳng định: “Tất cả các chính phủ, ngay cả những chính phủ chuyên chế nhất, xét cho cùng, chỉ là người thực hiện tính tất yếu kinh tế bắt nguồn từ tình hình đất nước...; họ có thể đẩy nhanh, hoặc làm chậm sự phát triển kinh tế cùng với những hệ quả về chính trị và pháp luật bắt nguồn từ sự phát triển kinh tế ấy”¹. Theo đó, quyền lực chính trị bao giờ cũng thuộc về một giai cấp, một lực lượng, một nhóm xã hội nào đó.

Ăngghen cũng kết luận rằng: “cho nên theo lệ thường, nhà nước là nhà nước của giai cấp có thể lực nhất, của cái giai cấp thống trị về mặt kinh tế”, cũng chính là giai cấp nắm sở hữu tư liệu sản xuất. Nắm được nhà nước, giai cấp này lại có “thêm được những phương tiện mới để đàn áp và bóc lột giai cấp bị áp bức”.

- Tính chính đáng

Tính chính đáng được xây dựng trên cơ sở niềm tin của người dân đối với chính quyền, thừa nhận rằng chính quyền đó xứng đáng được cầm quyền. Tính chính đáng cao cũng có nghĩa là mức độ tự nguyện cao trong sự tuân thủ, thậm chí dẫn đến tính chủ động và tự giác trong thi hành các mệnh lệnh. Điều này quy định tính hiệu lực và tính hiệu quả trong thực thi quyền lực.

Dù còn có những tranh luận về các tiêu chí khác nhau để xác định tính chính đáng chính trị, nhưng nhìn chung có một số tiêu chí được thừa nhận rộng rãi như sau:

i) *Tính đại diện lợi ích*: có thể coi là nền tảng quan trọng nhất của tính chính đáng, vì các mệnh lệnh hay sự cưỡng ép của chủ thể quyền lực đưa ra dưới danh nghĩa vì lợi ích chung của cộng đồng, xã hội. Việc các chủ thể quyền lực lạm dụng quyền lực được giao, đưa ra những quyết định không phục vụ cho mục đích chung của cộng đồng, của xã hội, mà vì lợi ích của bản thân hoặc “lợi ích nhóm” đều được coi là không chính đáng.

ii) *Tính hợp pháp và hợp lệ trong cách thức đạt quyền lực*: là vấn đề về các thủ tục, về quá trình đạt được quyền lực. Thủ tục hay cách thức nắm quyền lực trong các xã hội khác nhau cũng có sự khác biệt cơ bản. Dù thành văn như các luật bầu cử hiện đại hay bất thành văn như các xã hội nguyên thủ cổ đại, các thủ tục này luôn thể hiện sự đồng thuận, chia sẻ về cách thức nắm quyền lực của một người là xứng đáng, hợp với các giá trị mà cộng đồng tin tưởng và chia sẻ.

iii) *Tính hợp lý*: thể hiện ở việc các quyết định của chủ thể quyền lực đưa ra được dựa trên cơ sở sự tính toán khoa học. Chẳng hạn như tổ chức bộ máy nhà nước được tối ưu hóa, gọn nhẹ, vận hành một cách thông suốt và hiệu quả. Các quyết định chính sách đưa ra bởi các chuyên gia có kinh nghiệm và chuyên môn sâu.

2. Quyền lực chính trị và cơ chế thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam

Hệ thống chính trị Việt Nam được cấu thành bởi ba bộ phận cơ bản gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Mỗi bộ phận có vị trí, vai trò khác nhau và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác nhau trong hệ thống chính trị, nhưng tất cả đều hướng đến mục tiêu chung của hệ thống chính trị là xây dựng một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Các bộ phận trên gắn bó chặt chẽ với nhau, hợp thành một hệ thống chính trị thống nhất, vận hành theo cơ chế chủ đạo là “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý,

nhân dân làm chủ”.

Để hoạt động với tư cách là một hệ thống thống nhất, các thành tố trong hệ thống phải thiết lập các mối quan hệ và sự tương tác với nhau. Có thể nói, *cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” thể hiện sự thống nhất về bản chất của hệ thống chính trị Việt Nam.* Cơ chế này xác định mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; xác định vai trò, địa vị làm chủ của nhân dân trong quá trình xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

** Đảng lãnh đạo*

Toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng thực hiện chức năng lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội nhằm phát huy, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện bằng các phương thức chính như:

i) Đảng xây dựng cương lĩnh, chủ trương, đường lối chính trị, định hướng cho sự phát triển của Nhà nước và xã hội; lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng và tổ chức thực hiện thông qua bộ máy nhà nước.

ii) Đảng lãnh đạo thông qua công tác cán bộ, thống nhất lãnh đạo và quản lý công tác cán bộ của Đảng, Nhà nước. Theo nội dung này, Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú để nhân dân lựa chọn bầu vào các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị-xã hội.

iii) Đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị-xã hội, kiểm tra các tổ chức đảng, cán bộ, công chức nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện đúng Cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, những biểu hiện tiêu cực khác trong bộ máy nhà nước cũng như trong đời sống xã hội.

iv) Đảng lãnh đạo bằng sự tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Nội dung lãnh đạo này được quy định thành nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của từng chức danh quyền lực trong bộ máy Đảng và Nhà nước.

** Nhà nước quản lý*

Nhà nước là trung tâm của hệ thống chính trị, là tổ chức quyền lực công đại diện cho lợi ích của nhân dân và dân tộc. Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà

nước thuộc về nhân dân.

Trên cơ sở cương lĩnh, chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển đất nước của Đảng, Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, các chương trình, kế hoạch hoạt động và quản lý xã hội theo Hiến pháp và pháp luật. *Sự quản lý của Nhà nước không trái với các chủ trương, đường lối, nghị quyết, quy định của Đảng; đồng thời cũng không hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.*

Sự quản lý của Nhà nước lấy tiêu chí phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa, trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, xa dân, cửa quyền, hách dịch với dân.

Trong điều kiện mới, để Nhà nước thực hiện tốt vai trò và chức năng của mình theo hướng kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, đòi hỏi phải xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước; xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước.

** Nhân dân làm chủ*

Trong Hiến pháp Việt Nam, tinh thần “*tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân*” cũng được khẳng định như một nguyên tắc quan trọng nhất trong tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước. Mọi người dân, vượt lên trên sự khác biệt xã hội để hướng tới thực hiện mục tiêu chung của cả nước là xây dựng một xã hội “phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân”.

Đảng Cộng sản Việt Nam cũng “*đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.*”

Nhân dân làm chủ trực tiếp thông qua các hình thức tự quản, tự quyết định các vấn đề liên quan trực tiếp đến cuộc sống của mình ở cộng đồng, địa phương; tham gia các cuộc trưng cầu dân ý để quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước khi Nhà nước tổ chức.

Nhân dân làm chủ gián tiếp thông qua các cơ quan đại diện của mình là bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên. Với tư cách là công dân, mỗi công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân.

Những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có quan hệ trực tiếp đến đời sống của quần chúng nhân dân đều là nội dung mà người dân được biết, được bàn, được thực hiện và được kiểm tra, giám sát việc thực hiện, được thụ hưởng.

Mọi người dân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Các khiếu nại, tố cáo của người dân phải được tiếp nhận và giải quyết.

3. Xu thế Toàn cầu hóa và Cách mạng KHCN tác động tới quyền lực chính trị hiện nay

3.1. Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ

Chúng ta đang sống trong một thế giới mà sự phát triển của khoa học công nghệ đã có những bước phát triển nhảy vọt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã làm thay đổi về cơ bản phương thức sản xuất của con người và được dự báo sẽ tạo ra những thay đổi mang tính đột phá, tác động tới tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Thực tế cho thấy, sự phát triển vượt bậc về khoa học công nghệ đã thúc đẩy xã hội phát triển với những bước tiến vượt bậc. Trong xu thế công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, internet xuất hiện đã làm thay đổi căn bản những hình thức tương tác giữa người dân và chính quyền, thông qua các mô hình chính phủ điện tử, làm cho chất lượng dịch vụ của chính quyền được cải thiện đáng kể, chính quyền hoạt động ngày càng minh bạch. Hơn nữa, mạng xã hội còn tạo ra cuộc cách mạng cho các ngành thông tin truyền thông. Với đặc tính mở, tương tác cao, internet, mạng xã hội đã trở thành diễn đàn quan trọng để mọi người có thể chia sẻ thông tin. Nó trở thành yếu tố ảnh hưởng tới tư tưởng, hành vi của cá nhân, nhóm, tổ chức, thậm chí toàn xã hội. Nó đã phá vỡ giới hạn của không gian địa lý cũng như các phương thức truyền bá thông tin truyền thống.

Với thực tế này, sự ra đời của internet và mạng xã hội đã thúc đẩy quá trình xây dựng một nền chính trị dân chủ, trong đó đặc biệt tác động tới quyền được biểu đạt ý kiến và quyền được tiếp cận thông tin của người dân. Trong các hoạt động chính

trị, internet sẽ trở thành công cụ để người dân tham gia và ảnh hưởng tới các quyết định chính trị, góp phần thúc đẩy quá trình dân chủ hóa.

Từ góc độ vĩ mô, sự phát triển của internet và mạng xã hội cũng tạo ra những áp lực lên các chủ thể quyền lực chính trị ở các quốc gia. Quá trình này đồng thời đang tạo ra những thách thức cho các cơ quan quyền lực nhà nước.

3.2. *Quá trình toàn cầu hóa*

Quá trình toàn cầu hóa được thúc đẩy bởi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang nhiều đặc điểm nổi bật chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Có thể kể ra một số đặc điểm như sau:

i) *Các mạng lưới liên kết* ở cấp độ toàn cầu đã và đang xóa nhòa dần đường biên giới địa lý, làm suy yếu chủ quyền kinh tế và chính trị truyền thống của các quốc gia.

ii) *Dòng vốn đầu tư, hàng hóa, công nghệ và lực lượng lao động* chuyển dịch trên phạm vi toàn cầu. Các công ty đa quốc gia, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị. Các thách thức an ninh phi truyền thống xuất hiện nhiều hơn với các hoạt động ngày càng tinh vi, có ảnh hưởng rộng lớn hơn.

iii) Các quốc gia trên thế giới phụ thuộc lẫn nhau trên cả phương diện *kinh tế, thương mại và những vấn đề mang tính toàn cầu* như: biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, di dân...

iv) Những khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia ngày càng giảm và thói quen sinh hoạt của người dân cũng có sự thay đổi theo chiều hướng đồng nhất hóa. Quá trình toàn cầu hóa cũng có thể làm *lu mờ bản sắc văn hóa của các quốc gia*.

v) *Vai trò của các quốc gia* với tư cách là chủ thể chính trong quan hệ quốc tế cũng *bị suy giảm*. Chính sách kinh tế của các quốc gia không thể chỉ đóng khung trong phạm vi biên giới lãnh thổ của riêng mình, mà còn phải tính đến thị trường toàn cầu - những yếu tố nằm ngoài khả năng kiểm soát của các nhà nước.

Về bản chất, toàn cầu hóa chính là sự mở rộng hệ thống phân công lao động tất yếu ra toàn cầu dẫn tới sự kết nối và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng chặt chẽ. Nó tạo ra sự liên kết giữa các cá nhân, tổ chức và các quốc gia trên quy mô toàn cầu, làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong quá trình tồn tại, phát triển. Quá trình này, như Mác đã từng nhận xét là “kéo dài vô tận”

và khiến tính xã hội của quá trình tái sản xuất ngày càng cao.

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế thế giới và toàn cầu hóa là sự xuất hiện ngày càng nhiều những vấn đề có tính toàn cầu. Những vấn đề mà các quốc gia và cộng đồng quốc tế đang phải giải quyết như: dịch bệnh, môi trường, tội phạm xuyên biên giới, khủng bố... Đối với các vấn đề này, không một quốc gia nào tự mình có thể giải quyết, mà cần có sự hợp tác, tham gia của nhiều nước. Do đó, hiện nay xuất hiện ngày càng nhiều các tổ chức, các thể chế quốc tế liên kết giữa các quốc gia một cách chính thức hoặc phi chính thức để giải quyết những vấn đề vượt khỏi phạm vi quốc gia.

4- Ảnh hưởng của CM KHCN và toàn cầu hóa tới quá trình thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam

Cách mạng KHCN và quá trình toàn cầu được đặc trưng bởi một nền sản xuất toàn cầu, dẫn tới sự kết nối và phụ thuộc lẫn nhau ngày càng chặt chẽ, đa dạng, đa chiều và đa lĩnh vực giữa các quốc gia, dân tộc, giữa các cộng đồng và cá nhân. Toàn cầu hóa tác động đến nhiều phương diện của đời sống xã hội, trong đó có các tổ chức và hoạt động của quyền lực nói chung và quyền lực chính trị nói riêng. Sự phát triển của KHCN và toàn cầu hóa cũng đặt ra các thách thức đối với quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước ngày càng nhiều hơn từ nhiều nguồn khó xác định được phạm vi, không gian và đối tượng dẫn đến sự phân tán quyền lực chính trị trên phạm vi rộng lớn với nhiều trung tâm quyền lực hơn vì nhiều thay đổi trong tương quan quyền lực chính trị giữa các chủ thể quyền lực truyền thống và phi truyền thống, sự chuyển dịch quyền lực chính trị từ nhà nước ra xã hội.

4.1. Sự thay đổi tương quan quyền lực giữa nhà nước và các tác nhân phi nhà nước

Các tác nhân phi nhà nước hay còn gọi là các thực thể phi quốc gia (non - state actors) có nhiều dạng khác nhau, từ các tổ chức liên chính phủ toàn cầu và khu vực (IGO) cho đến các tổ chức phi chính phủ (NGO), và các nhóm, các phong trào chính trị - xã hội bất hợp pháp. Các tổ chức này đều nắm giữ các nguồn lực quan trọng và đủ mạnh để có thể can thiệp vào các quyết định chính trị, do vậy, đây là những chủ thể quan trọng cần phải được chú ý khi xem xét đời sống chính trị thế giới nói chung và đến sự phân bổ quyền lực chính trị nói riêng.

Từ khi nhà nước hiện đại ra đời, nó được trao cho các quyền: quyết định (quyền lập pháp), quyền thực thi các quyết định (quyền hành pháp), quyền bảo vệ tính đúng đắn các quyết định - xử phạt những ai vi phạm các quyết định công (quyền tư pháp)...;

kèm theo đó là các phương tiện công để thực hiện quyền lực với những đặc quyền. Các đặc trưng này hàm ý rằng nhà nước đóng vai trò quyết định trong đời sống chính trị của một quốc gia, có đủ quyền hạn và nguồn lực để bảo vệ những giá trị nền tảng của xã hội. Tuy nhiên, khi quá trình toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sôi động, quyền lực chính trị nói chung và quyền lực nhà nước nói riêng cũng có những biến đổi quan trọng.

Ngày nay, các tác nhân phi nhà nước thúc đẩy những chương trình nghị sự riêng và ngày càng phát huy ảnh hưởng một cách mạnh mẽ. Trong quá trình toàn cầu hóa, các quốc gia buộc phải mở cửa ra thế giới, hợp tác, giao lưu với các quốc gia trong khu vực. Đây là một xu hướng không thể tránh được trên con đường phát triển. Tuy nhiên, thực tế này cũng tạo điều kiện và cơ hội cho các IGO tham gia vào các quyết định chính trị trong nội bộ của các quốc gia.

Các tổ chức Liên chính phủ khu vực và toàn cầu (IGO) như Liên Hợp quốc, Liên minh châu Âu, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Hiệp hội quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)... có các hoạt động bao phủ hầu như mọi khía cạnh của hoạt động chính trị, xã hội và kinh tế và có thể liên kết mọi người từ các xã hội khác nhau trong mạng lưới xuyên quốc gia. Các tổ chức này hoạt động xuyên biên giới quốc gia, thúc đẩy chương trình nghị sự riêng và bằng nhiều cách khác nhau, can thiệp vào các quyết định chính trị của các quốc gia. Các tổ chức như WTO, WB, IMF đều gắn các điều kiện nghiêm ngặt vào các khoản cho vay của mình, đưa ra các đòi hỏi chính trị liên quan đến dân chủ hóa và tư nhân hóa, tức có thể phá hoại các quy tắc truyền thống về cấm can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia chủ quyền, bao gồm cả hoạt động quản lý kinh tế trong thẩm quyền lãnh thổ của các quốc gia.

Công nghệ thông tin và internet phát triển cho phép những người có cùng nguồn gốc và lịch sử, xa cách về mặt địa lý có thể cùng tham gia vào một cộng đồng ảo quy mô lớn, tạo ra hàng loạt không gian quyền lực chung vượt ra ngoài phạm vi quốc gia. Việc phân bổ quyền lực chính trị trong và ngoài nước cũng đang bị ảnh hưởng bởi các nhóm người hợp nhất với nhau trên cơ sở dân tộc, tôn giáo chung hoặc các lý do khác với quy mô và mục đích rất đa dạng. Quyền lực chính trị ngày nay không chỉ là vấn đề của các đảng chính trị và nhà nước. Bất kỳ phân tích nào về quyền lực chính trị mà chỉ tập trung vào hệ thống đảng phái và bộ máy nhà nước mà bỏ qua các tác nhân phi nhà nước khác đều sẽ không đầy đủ, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư 4.0.

4.2. Số lượng các chủ thể tham gia vào các quyết định chính trị ngày càng mở rộng

Nhà nước vốn được coi là hiện thân của tính đại diện chính trị và là chủ thể duy nhất có thể ban hành các quyết định chính trị nhân danh quyền lực công. Nhưng ngày nay, nhà nước trở thành một thể chế bị thị trường, các phong trào xã hội, người tiêu dùng và công dân xâm nhập và bản thân nhà nước cũng xâm nhập ngược vào các thể chế này. Ngày càng khó xác định ranh giới giữa các lĩnh vực nhà nước và thị trường, văn hóa và truyền thông, khu vực tư nhân và khu vực công cộng. Việc quản lý quốc gia trước đây vốn được coi là độc quyền công việc của nhà nước, giờ đã chia sẻ cho nhiều chủ thể khác, trực tiếp hoặc gián tiếp với nhiều hình thức khác nhau. Các tổ chức xã hội và các cấu trúc như gia đình, nhà thờ, các phương tiện truyền thông và các tổ chức khác như công đoàn, phòng thương mại, các hiệp hội kinh tế đều có thể tham gia vào các quyết định chính trị hoặc gây ảnh hưởng chính trị. Ngoài ra, còn có ảnh hưởng của các tổ chức kinh tế, các tổ chức phi chính phủ, các chủ thể, thể chế, cơ chế quản lý, điều tiết toàn cầu.

Các Ngân hàng xuyên quốc gia (TNB) hỗ trợ thương mại và giúp làm giảm ý nghĩa biên giới chính trị, làm cho các nền kinh tế quốc gia phụ thuộc lẫn nhau thông qua các khoản vay và đầu tư quốc tế. Sức mạnh tài chính và khả năng tiếp cận toàn cầu của các Tập đoàn đa quốc gia (MNC) đem đến cho các MNC khả năng đưa ra các quyết định về nhiều vấn đề mà các nhà lãnh đạo chính trị quốc gia ít kiểm soát được. Cuối cùng, có những quyết định chính trị trong nước, thực chất lại do những người không được người dân bầu ra, những người không phải lãnh đạo quốc gia quyết định.

Cùng lúc, các NGO ngày càng nổi bật với những hoạt động hiện đang định hình những phản ứng với những vấn đề đã từng được xác định thuộc về quyền giải quyết của chính phủ. Tổ chức phi chính phủ, các nhóm vận động toàn cầu, với khả năng chuyên môn, tính linh hoạt trong tổ chức và các cơ sở rộng rãi, đã gây ảnh hưởng đến quyết định chính trị ở mọi cấp, từ quốc tế, khu vực đến quốc gia và địa phương thông qua thiết lập các chương trình nghị sự chính trị, thúc đẩy các thay đổi có tính quy phạm, hỗ trợ các cử tri theo đuổi các chính sách mà họ ủng hộ. *Mặc dù không được người dân bầu ra nhưng những tổ chức này có thể phát triển những chuẩn tắc mới thông qua gây áp lực với các chính phủ hoặc thông qua thay đổi nhận thức của công chúng về các vai trò của chính phủ.* Trong khi các NGO đang định hình thị hiếu và các giá trị cho các thành viên, đồng thời cũng là công dân của nhà nước, *các quốc gia không thể cách ly dân chúng khỏi cuộc cách mạng khoa học công nghệ nói chung và cách mạng thông tin nói riêng và vì vậy, phải chia sẻ sân khấu chính trị của mình với những chủ thể phi truyền thống này.*

Trong từng quốc gia, sự tham gia của các tổ chức kinh tế và các tổ chức, các phong trào xã hội cũng mạnh mẽ và hiệu quả. Chúng tạo thành một hệ thống giám sát quyền lực hiệu quả, đồng thời cũng tạo ra nhiều áp lực cho nhà nước trong thực thi quyền lực chính trị. *Với trình độ ngày càng cao và nguồn thông tin, tri thức phong phú, đa dạng, người dân không nghiễm nhiên chấp nhận bất cứ sự phân phối quyền lực nào và đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với cơ sở đạo lý của quyền lực.* Cùng với sức mạnh kinh tế, sức mạnh quân sự, *tri thức đã trở thành một vấn đề trung tâm của việc thực hiện những cải cách xã hội và quyết sách chính trị;* trở thành nhân tố then chốt quyết định sự mạnh yếu và hưng suy của quốc gia, dân tộc. *Theo lôgic phát triển, tri thức là sức mạnh đặc biệt và đang trở thành một hình thái quyền lực mới, quyền lực tri thức sẽ thay thế cho các loại hình thái quyền lực truyền thống trước đây.* Vì vậy, *các chủ thể của quyền lực chính trị ngày càng phải thận trọng hơn, trau dồi tri thức, tự điều chỉnh các giá trị và chuẩn mực điều chỉnh chức năng cho phù hợp với những thay đổi của môi trường chính trị.* Chức năng của nhà nước ngày càng được quy định rõ ràng hơn và có sự chuyển đổi trong chức năng của nhà nước trong xã hội hiện đại. *Nhà nước ngày càng thiên về nhà nước dịch vụ và hỗ trợ,* ngày càng phải đóng các vai trò tích cực hơn trong các hoạt động kinh tế, xã hội. Xu hướng chuyển từ một nhà nước thuần túy cai trị sang một nhà nước cung ứng dịch vụ công và kiến tạo phát triển.

4.3. Các mối đe dọa đối với quyền lực chính trị đến từ nhiều nguồn khác nhau, khó xác định không gian, phạm vi và đối tượng

Quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra nhanh chóng mang lại những cơ hội không thể phủ nhận nhưng cũng buộc các quốc gia, các lãnh thổ, các khu vực phải đối mặt với rất nhiều nguy cơ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. *Đảng Cộng sản Việt Nam cũng khẳng định toàn cầu hóa là một tất yếu khách quan, chứa đựng nhiều thời cơ nhưng cũng có nhiều thách thức.* Sự giao thoa và tiếp biến các giá trị trong bối cảnh toàn cầu hóa tạo nên một mối liên hệ chặt chẽ giữa các quốc gia và đồng thời cũng làm cho các quốc gia phụ thuộc lẫn nhau, làm cho các nguy cơ đối với các quốc gia và khu vực trở nên phức tạp, khó lường. Ngày nay, từ các cá nhân, các tổ chức tư nhân đến những kẻ khủng bố đều được tăng cường sức mạnh để đóng một vai trò trực tiếp hơn trong nền chính trị. Thực tế này dẫn đến việc *các thách thức đối với quyền lực chính trị, đặc biệt là quyền lực nhà nước ngày càng đa dạng và khó kiểm soát.* Các thách thức đó có thể đến từ các tổ chức khủng bố, từ mạng xã hội hay từ các phong trào dân tộc tôn giáo và thách thức mọi khía cạnh của quyền lực chính trị, từ hệ tư tưởng, giá trị cốt lõi đến an ninh quốc gia truyền thống. Toàn cầu hóa cũng dẫn

đến các thách thức đối với an ninh phi truyền thống.

Chủ nghĩa khủng bố ngày càng phát triển. Nó không còn là các tổ chức hoạt động ngầm mà có thể là những thực thể mới, với một trụ sở nhà nước, một guồng máy chiến tranh với khả năng tài chính và khủng bố. Những kẻ tấn công có thể là một chính phủ, một nhóm, một cá nhân hay sự kết hợp giữa các đối tượng trên. Kẻ gây hấn có thể ẩn danh và cách xa mục tiêu tấn công hàng nghìn km. Các thể chế này sử dụng mạng xã hội để phát tán thông điệp qua biên giới, tập hợp lực lượng và truyền bá tư tưởng cực đoan, mâu thuẫn, kích động bạo lực và lật đổ chính quyền.

Gần đây, biên độ tấn công của các hacker vào các máy chủ của doanh nghiệp và các cơ quan chính phủ tăng lên. Các mạng xã hội, Facebook, Youtube,... có thể trở thành các công cụ để tuyên truyền hay để các hacker khai thác, tấn công người dùng công nghệ. Trên thế giới, số tiền hàng năm bị tội phạm máy tính lấy cắp lên tới hàng tỷ USD; chưa kể các thông tin quan trọng có thể bị đánh cắp, rò rỉ và mua bán. Số tiền này có thể được sử dụng để tài trợ khủng bố.

Nhà nước vốn là chủ thể truyền thống duy nhất phát hành tiền. Trong hầu hết lịch sử văn minh nhân loại, tiền thể hiện nền tảng của sự tin tưởng giữa người dân với các chính phủ, và giữa các cá nhân thông qua việc trao đổi mua bán. Nó cũng gần như là một biểu hiện của chủ quyền, và các đồng tiền do các cá nhân phát hành là cực kỳ hiếm. Nhưng ngày nay, dưới sự phát triển của KHCN, tư nhân cũng có thể phát hành đồng tiền có giá trị lưu thông thực tế. Các đồng tiền ảo cũng đã mang lại nguồn lực rất lớn cho các tổ chức khủng bố và cùng với tiền là công nghệ hiện đại và vũ khí cũng được đặt vào tay các tổ chức này. Với tài sản ước tính lên đến hàng tỷ USD, các tổ chức này thực sự là mối đe dọa lớn đối với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Cùng với các nhóm chính trị sắc tộc, các phong trào tôn giáo vũ trang có thể tạo ra các hoạt động xuyên quốc gia, tiêu biểu là chủ nghĩa phục hồi lãnh thổ, ly khai, kích động di cư, rời bỏ của một nhóm tôn giáo thiểu số,... tạo ra các nhóm dân tộc phân tán hoặc các cộng đồng sống ở nước ngoài nhưng vẫn duy trì quan hệ kinh tế, chính trị và tình cảm với quê hương. Các nhóm này thường tạo ra hoặc bị lợi dụng để tạo ra các bất ổn chính trị cho các quốc gia và khu vực.

Các nhà quan sát khẳng định rằng toàn cầu hóa làm suy yếu chính phủ các quốc gia không chỉ bằng cách thu hẹp các nguồn lực nằm dưới sự quản lý của nhà nước để kiểm soát tình hình kinh tế - xã hội mà còn bằng cách làm giảm tính chính danh và quyền lực của chính phủ trong mắt công chúng. Sự phổ biến của thông tin làm cho quyền lực được phân tán rộng rãi hơn, những thiết chế không chính thức có

thể phá vỡ thế độc quyền của những cơ quan nhà nước truyền thống. Tốc độ nhanh của internet cũng khiến cho tất cả mọi chính phủ có ít cơ hội kiểm soát các chương trình nghị sự. Các nhà lãnh đạo chính trị sẽ có ít thời gian tự do hơn trước khi phản ứng với các sự kiện. Nó đặt ra yêu cầu các chính khách giờ đây phải có một tri thức nền tảng, kỹ năng linh hoạt và quyết định chính xác để ứng phó kịp thời với các sự kiện đang diễn ra.

Toàn cầu hóa đang phổ biến khắp thế giới với những thước đo mới, những tiêu chuẩn mới. Những tiêu chuẩn chung đó chính là cơ sở hình thành hệ giá trị toàn cầu và sẽ đóng vai trò chi phối, kiểm soát hoạt động của con người. Do sự phân tán quyền lực này, các chủ thể nắm giữ quyền lực chính trị bị cương tỏa hơn trong cách thức sử dụng quyền lực, cùng lúc vừa phải đối mặt với sự thách thức và cạnh tranh, vừa phải chịu sự ảnh hưởng đến từ bên ngoài hệ thống chính trị tiêu chuẩn. Có hai khuynh hướng thay đổi rất rõ ràng, trái ngược nhau trong phạm vi quyền lực nhà nước hiện đại: một mặt, ngày càng có các vấn đề truyền thống do nhà nước chịu trách nhiệm điều tiết được chuyển sang tư nhân. Nhà nước và chính phủ quốc gia vẫn là chủ thể hàng đầu, không thể thay thế trong cơ cấu quyền lực chính trị hiện đại, nhưng không phải là duy nhất, toàn năng và phải gánh vác hàng loạt trách nhiệm ngày càng lớn, ngày càng nặng nề. Việc sử dụng quyền lực mang tính cưỡng bức, có tính tập trung, thứ bậc từ một trung tâm quyền lực không thể giải quyết được tất cả các vấn đề. Quyền lực cần chuyển thành quản trị hơn là cưỡng ép, tức cần sự tham gia của xã hội.

Trong bối cảnh chung đó, Việt Nam cũng chịu sự ảnh hưởng của các quốc gia và các thể chế toàn cầu trong việc thực thi quyền lực chính trị. Bản thân nhà nước cũng bị áp lực phải thay đổi cách thức tổ chức, quản lý, điều hành đối với các lĩnh vực. Quá trình ra các quyết sách chính trị cũng không thể bó hẹp và khép kín trong nhóm các nhà lãnh đạo như trước đây, mà có sự tham gia và ảnh hưởng của nhiều chủ thể khác nhau trong và ngoài nước. Để đạt mục tiêu phát triển đất nước, việc thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam ngày càng phải dựa vào sự tham gia của các khu vực ngoài nhà nước cũng như sự cộng tác của toàn xã hội. Việt Nam cần dung hòa giữa các giá trị và chuẩn mực mới từ thực tiễn với các giá trị và chuẩn mực cũ mang đậm tính hệ tư tưởng. Người dân phải được đặt vào trung tâm quá trình hoạch định và thực thi chính sách trở thành một yêu cầu mang tính nguyên tắc. Đảng cộng sản cầm quyền và Nhà nước cần cùng lúc củng cố bộ máy tổ chức trong khi cần tạo dựng sự đồng thuận trong xã hội để củng cố địa vị thống trị của mình trong xã hội. Thu hút sự tham gia mạnh mẽ của các chủ thể trong xã hội vào quá trình chính sách và thực thi công quyền.

NHẬN DIỆN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRÊN CÁC LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG, VĂN HÓA, GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Nguyễn Ngọc Tuấn

Chi bộ Khoa Công nghệ thông tin

Tóm tắt: Trong bối cảnh hiện nay, khi các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, cuộc đấu tranh tư tưởng, ý thức hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ngày càng trở nên quyết liệt, thể hiện bản chất là cuộc đấu tranh giai cấp một mất một còn. Các thế lực thù địch với mục tiêu nhất quán là xóa bỏ nền tảng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đang đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, sử dụng tấn công tư tưởng, văn hóa (rồi mở rộng ra các lĩnh vực khác bao gồm giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ) làm mũi nhọn xâm lăng nhằm làm suy yếu từ bên trong các quốc gia xã hội chủ nghĩa. Bằng nhiều phương thức tinh vi như truyền thông đại chúng, mạng xã hội, “deepfake”, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “tôn giáo”, “dân tộc”, chúng không chỉ xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn chống phá chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trên nhiều lĩnh vực, từ tư tưởng, văn hóa đến giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ. Trước tình hình đó, yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng, nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động nhận diện và đấu tranh kịp thời với các quan điểm sai trái, thù địch, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, phát huy sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhằm bảo vệ vững chắc con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Các thế lực thù địch trong việc tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay đang thể hiện rất phức tạp. Thứ nhất, là các lực lượng thù địch bao gồm cả những người nghiên cứu lý luận, thực tiễn ở các nước trong cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Ngay ở các nước Tư bản phát triển thì những nhà hoạt động chính trị thuộc giới cầm quyền có tư tưởng tư bản theo kiểu truyền thống và các nhà hoạt động chính trị thuộc giới cầm quyền có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đấu tranh lẫn nhau. Cuộc đấu tranh này không chỉ diễn ra ở đất nước chúng ta mà còn trên phạm vi thế giới. Thứ hai, là lực lượng cực đoan người Việt ở nước ngoài luôn lôi kéo, kết hợp với số chống đối, bất mãn ở trong nước lập ra các tổ chức như Việt Tân, Việt Nam phục quốc, Triều đại Việt... Thứ ba, là ngay cả một số cán bộ, đảng viên (có

những đảng viên đã từng giữ chức vụ trung, cao cấp trong bộ máy, hệ thống chính trị của nước ta) suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Lực lượng này len lỏi, phức tạp, không khó để nhận ra nhưng lại rất khó để đấu tranh. Đây là những người phản bội lại quá khứ, phản bội lại lý tưởng, và nguyên nhân của sự phản bội đó đôi khi lại bắt nguồn từ sự bất mãn, không đồng ý một số vấn đề cụ thể trong chính sách, ứng xử của những cơ quan, đơn vị nơi người đó công tác.

Trong thời gian qua, các thế lực thù địch đã tiến hành nhiều hoạt động chống phá quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực. Ngoài ra, chúng phủ nhận những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử chúng ta đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cụ thể như sau:

1. Phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng

Chủ nghĩa Mác, từ khi ra đời cho đến nay luôn luôn là mục tiêu tấn công của các thế lực thù địch. Chủ nghĩa Mác vừa ra đời, người ta đã hô hào hãy xua tan ngay các “bóng ma” đang ám ảnh Châu Âu lúc bấy giờ. Nhưng rồi hơn 170 năm trôi đi, “bóng ma” ấy không những không bị xua tan mà ngày càng thâm sâu vào hàng trăm triệu trái tim, khối óc những người lao động trên thế giới vì nó thực sự là vũ khí tư tưởng lợi hại, là kim chỉ nam cho hành động của giai cấp công nhân, nhân dân các dân tộc bị áp bức đứng lên tự giải phóng mình. Chính vì lẽ đó mà chủ nghĩa đế quốc coi chủ nghĩa Mác là mục tiêu tấn công, là đối tượng số một của các chiến lược phản động của chúng, xoá bỏ chủ nghĩa Mác là xoá bỏ thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng của chúng ta.

Theo quan điểm của giai cấp tư sản, chủ nghĩa xã hội là “sai lầm của lịch sử”, là sự đi ngược lại quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử. Khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, họ cho rằng: Chủ nghĩa xã hội đã thất bại, chủ nghĩa Mác - Lênin đã mất sức hấp dẫn toàn cầu của nó. Brêdinxki, tác giả cuốn sách *“Thất bại lớn - sự hưng vong của chủ nghĩa cộng sản thế kỷ XX”* cho rằng, chủ nghĩa Mác không phải là sản phẩm có tính tất yếu và tính khoa học của quá trình phản ánh hiện thực khách quan, mà chỉ là ý tưởng chủ quan áp đặt, vi phạm những quy luật lịch sử, rằng đó là do “một phần tử di dân nước Đức ở dòng máu do Thái suy ngẫm ra trong phòng đọc sách của Viện bảo tàng nước Anh, mọi tư tưởng cơ bản về tư biện Tây Âu, cấy ghép vào một đế quốc Âu - Á xa xôi mang truyền thống chuyên chế phương Đông, sau đó do một nhà cách mạng nước Nga, chỉ biết ghi chép sổ sách đóng vai trò là nhà phẫu thuật ngoại khoa của lịch sử dựng nên, kết quả tất yếu sẽ dẫn tới sự hoang đường”.

Theo chúng, chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, không còn thích hợp với thời đại ngày nay. Vì thế, Đảng Cộng sản Việt Nam do bế tắc về lý luận mới nêu ra tư tưởng Hồ Chí Minh, chứ thực tế làm gì có tư tưởng Hồ Chí Minh. Các luận điệu tấn công vào tư tưởng Hồ Chí Minh theo hai hướng. Một mặt, các thế lực thù địch phủ nhận nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh, cho rằng đây chỉ là “mớ lý thuyết hỗn độn nhằm đề cao, sùng bái cá nhân”, là “một di hại to lớn của lịch sử”, “Hồ Chí Minh chỉ tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin chứ không hề có tư tưởng cao siêu”... Mặt khác, chúng lại ra sức tuyên truyền, đề cao, tuyệt đối hóa tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với Chủ nghĩa Mác - Lênin, đòi đưa Chủ nghĩa Mác - Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

Chỉ một lập luận thâm hiểm như vậy, chúng nhằm vào ba đích: Phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh; phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng ta hòng dễ bề lừa gạt, lôi kéo những người mơ hồ, nhẹ dạ cả tin, bất mãn theo chúng chống lại Đảng ta. Từ phạm vi một bộ phận người, chúng hi vọng dần dần xoá bỏ ý thức hệ, nền tảng tư tưởng của toàn xã hội, hòng tước bỏ vũ khí tư tưởng sắc bén trong cuộc đấu tranh cách mạng của Đảng ta.

Để thực hiện mục tiêu bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng đánh vào những nguyên lý cụ thể của chủ nghĩa Mác. Chúng phủ nhận học thuyết giá trị thặng dư của Mác và cho rằng, trong lao động xã hội hiện đại, người công nhân không còn bị bóc lột giá trị thặng dư, không bị bóc lột lao động giống như thời kỳ lao động thủ công trước đây. Chúng phủ nhận chủ nghĩa duy vật về lịch sử, phủ nhận lý luận về các hình thái kinh tế - xã hội. Chúng cho rằng, lịch sử xã hội loài người là lịch sử phát triển qua các nền văn minh - chứ không phải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội như Mác nêu ra. Chúng phủ nhận lý luận giai cấp và đấu tranh giai cấp, phủ nhận lý luận về cách mạng xã hội, phủ nhận quy luật phát triển của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Từ việc phủ nhận những nguyên lý cụ thể như vậy, các thế lực thù địch đi đến phủ nhận toàn bộ lý luận của chủ nghĩa Mác. Theo chúng sự sụp đổ của Liên xô là sụp đổ từ gốc, sụp đổ từ lý luận về chủ nghĩa xã hội, vì vậy chúng coi việc làm chuyển hoá quan điểm tư tưởng trên phương diện lý luận, nhằm xoá bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là mũi nhọn để chúng xâm nhập vào tận sâu lòng Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chúng chủ trương “phá vỡ thể đồng nhất một khối của Đảng Cộng sản Việt Nam”, phải làm cho được việc phân tán chế độ cộng sản Việt Nam thành nhiều trào lưu đối kháng nhau và kéo theo một số phần tử đối kháng tiến bộ về phía chúng.

Đi đôi với việc đưa ra những luận điểm chống chủ nghĩa Mác - Lênin, cho đó là một giáo lý phi khoa học; chúng công kích thực tiễn xã hội chủ nghĩa là “trăm năm hoài phí”, là một “bi kịch lịch sử” hoàn toàn không có ý nghĩa”. Tổng thống Mỹ, Richard Nixon đã cho rằng, chủ nghĩa xã hội đã không còn là “lực lượng hùng mạnh” khiến cho người ta sợ hãi như trước nữa, rằng chủ nghĩa xã hội sẽ bị biến mất trên hành tinh này vào năm 2000 và cũng có nghĩa là đến năm 1999 không cần đánh mà chủ nghĩa đế quốc vẫn chiến thắng. Chúng tách những luận điểm của Lênin ra khỏi những luận điểm của Mác và cho rằng chủ nghĩa Lênin là “sai lầm lớn nhất” là nguồn gốc mọi sai lầm và sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu. Theo chúng, Việt Nam đưa “giáo lý phương Tây” vào một nước gọi là “nông dân chưa thoát khỏi mù chữ” là điều ngộ nhận, là một thứ xa xỉ tất yếu sẽ dẫn đến cảnh “nồi da nấu thịt”. Chúng hạ thần tượng Bác Hồ, xuyên tạc đời tư, phủ nhận một số tác phẩm, luận điểm và phong cách của Bác. Chúng nhận định rằng, muốn xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trước hết phải xoá bỏ thần tượng Bác Hồ. Chúng tung ra luận điệu, chủ nghĩa Mác và Bác Hồ chỉ còn tồn tại về một hình thức, theo chúng thực chất “chủ nghĩa cộng sản đã chết và chết hẳn ở Việt Nam”. Từ đó, chúng đưa ra quan điểm về con đường thứ ba: Con đường trí tuệ do sinh viên, trí thức đảm nhận trước lịch sử.

2. Sử dụng chiêu bài “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền” để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc

Việt Nam có 54 dân tộc anh em đoàn kết, bình đẳng, tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau trong chiến tranh cũng như trong thời bình. Tuy nhiên, trên thực tế vùng đồng bào dân tộc ít người của nước ta đời sống còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí chưa được cao. Lợi dụng những khó khăn của đồng bào, kẻ địch đã tiến hành mua chuộc, dụ dỗ, lôi kéo, xúi giục một số đồng bào chống chính quyền. Điển hình cho những hành động ấy là sự kiện Tây Nguyên năm 2004. Vào sáng 10/4/2004, hàng ngàn đồng bào người dân tộc thiểu số gồm người già, thanh niên, phụ nữ thuộc các thôn của 39 xã của 17 huyện tại các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai và Đắk Nông đã dùng hơn 350 máy cày, máy kéo và hàng trăm xe máy, mang theo hung khí, gây gộc và đá... kéo đến các địa điểm trung tâm của các địa phương nói trên để thực hiện các cuộc gây rối với quy mô lớn. Những người gây rối đã tạo ra tình hình hết sức căng thẳng, đe dọa cuộc sống bình yên và gây ảnh hưởng xấu đến công cuộc làm ăn của dân lành. Đằng sau đó là gì? Một "kịch bản Tây nguyên" với nhân vật "quen thuộc" là Kok Ksor (đang ở Mỹ) và những thông tin bịa đặt trắng trợn. Kok Ksor là kẻ cầm đầu cái gọi là “Quỹ người Thượng” do Mỹ giật dây.

Trong những năm đó, chúng rêu rao việc thành lập “nhà nước Đề Ga tự trị” nhằm tách Tây Nguyên khỏi Việt Nam thống nhất, chia rẽ khối đại đoàn kết vốn có của dân tộc. Không chỉ ở Tây Nguyên mà ở vùng miền núi phía Bắc, chúng cũng rêu rao luận điệu “đòi bình đẳng cho các dân tộc”, đòi thành lập “xứ Mèo tự trị”, “xứ Mường tự trị”... Sở dĩ chúng tiến hành được những hoạt động này là do quá trình truyền đạo trái phép. Chúng đã tuyên truyền những tư tưởng xấu đến đồng bào, nói xấu Đảng, nhà nước, mua chuộc bằng lợi ích kinh tế... Việc truyền đạo trái pháp luật đã làm xáo trộn và xâm hại đến truyền thống, bản sắc văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc ở địa phương; làm nảy sinh yếu tố mất đoàn kết nội bộ (giữa người theo đạo và người không theo đạo); làm đình trệ sản xuất ảnh hưởng phát triển kinh tế, trật tự xã hội ở địa phương.

Song song cùng chiêu bài “dân tộc”, chúng sử dụng “tôn giáo” để lấy cớ can thiệp vào Việt Nam. Ngày 15-9-2004, Bộ Ngoại giao Mỹ đã đưa Việt Nam vào danh sách "các nước cần quan tâm đặc biệt" về tôn giáo. Năm tháng trôi qua, tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam ngày càng thay đổi theo hướng tốt đẹp nhưng vẫn có những tiếng nói lạc lõng, phủ nhận sự thật, rêu rao: “Việt Nam vi phạm nhân quyền, tự do tôn giáo” nhất thể giới, “càng ngày càng gia tăng đàn áp tôn giáo”, “chính sách đàn áp tôn giáo vẫn không hề được cải thiện”. Chúng cũng ra sức mua chuộc một số linh mục, nhà sư như Nguyễn Văn Lý, Thích Quảng Độ... xúi giục tín đồ, nói xấu Đảng cộng sản và nhà nước Việt Nam. Vào cuối năm 2008, ở địa bàn Hà Nội xảy ra hiện tượng mất trật tự an ninh xã hội do linh mục Ngô Quang Kiệt kêu gọi giáo dân đòi lại đất của chính quyền tại 178 Nguyễn Lương Bằng và 42 nhà Chung. Lợi dụng sự kiện này, chúng tiếp tục bài ca “Việt Nam đàn áp tôn giáo”, rêu rao ủng hộ giáo xứ Thái Hà và Ngô Quang Kiệt.

Cùng với “dân tộc” và “tôn giáo”, chúng cũng sử dụng chiêu bài “nhân quyền” và “dân chủ” để chống phá ta. Trong suốt những năm từ 2001 đến nay, hạ viện Mỹ liên tiếp đưa ra những cái gọi là “dự thảo luật nhân quyền Việt Nam”, “luật nhân quyền Việt Nam”... Tất cả những “luật” này đều nhấn mạnh đến tình trạng “mất nhân quyền, dân chủ” ở Việt Nam, đều hướng tới và đặt khái niệm “nhân quyền” lên trên “chủ quyền. Các thế lực thù địch cũng đã lợi dụng và đưa các vấn đề này lên các diễn đàn quốc tế để chống lại nước ta, nhằm kích động dư luận thế giới chống lại Việt Nam.

Tinh vi hơn, chúng tổ chức các hội thảo để xem xét lại các vấn đề liên quan đến lịch sử, tuy âm thầm và lâu dài nhưng tác hại thực sự rất ghê gớm. Chúng tấn công vào nội bộ, phủ nhận các thành tựu đã đạt được của cơ quan, đơn vị, kích động để tấn công vào quá khứ.

Như vậy, trong thời gian qua các thế lực thù địch đã sử dụng các luận điệu “dân tộc”, “tôn giáo”, “nhân quyền”, “dân chủ” để phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, làm mất lòng tin của đồng bào dân tộc ít người và đồng bào tôn giáo vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước, gây ra tình trạng mất an ninh trật tự chính trị, xã hội...

3. Sử dụng các phương tiện truyền thông để chống phá ta

Để thực hiện có hiệu quả chiến lược “diễn biến hòa bình”, các thế lực thù địch đã sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng như truyền hình, phát thanh, mạng Internet, sách, báo, tạp chí xuất bản ở nước ngoài, mạng xã hội, blog, các kênh Youtube... để tuyên truyền, kích động chống phá Đảng và nhà nước Việt Nam. Các thế lực thù địch triệt để lợi dụng các phương tiện thông tin chống Việt Nam: Sử dụng 52 đài phát thanh và truyền hình có chương trình Việt ngữ, 429 tờ báo và tạp chí Tiếng Việt, 74 nhà xuất bản để tuyên truyền chống Việt Nam. Đặc biệt trong thời đại công nghệ thông tin bùng nổ như hiện nay, chúng đã dễ dàng sử dụng một phương tiện có hiệu quả đó là mạng Internet – mạng toàn cầu. Chúng tài trợ cho một số cơ quan báo chí nước ngoài có hệ thống báo mạng chuyên chống phá Việt Nam (như VOA tiếng việt, RFA, RFI, BBC việt ngữ) để nói xấu Việt Nam. Chúng đã đưa những thông tin sai lệch, xuyên tạc lên mạng, sẵn sàng mở khóa cho các đối tượng để truy cập. Tinh vi hơn, chúng tạo lập fanpage, website giả mạo một cách công khai, đăng thông tin đúng ban đầu để lấy lòng tin rồi dần chèn thông tin sai lệch...

Thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, chúng cũng truyền bá văn hóa lối sống phương Tây vào nước ta. Ảnh hưởng của văn hóa phương Tây vào các nước xã hội chủ nghĩa có nguy cơ làm biến đổi dần dần hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và làm nhạt dần chủ nghĩa Mác - Lênin. Nguy cơ biến đổi hệ tư tưởng đi liền với nguy cơ biến đổi về đạo đức, lối sống. Nhiều nơi đã bị lối sống phương Tây thu hút như: Lối sống thực dụng, đua đòi, sùng ngoại, không phù hợp với truyền thống dân tộc, làm ảnh hưởng đến các chuẩn mực xã hội, có thể làm biến dạng đạo đức và lối sống dân tộc. Ảnh hưởng của văn hóa phương Tây đến sự tồn tại, phát triển và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, làm cho những nét riêng và độc đáo của dân tộc bị biến dạng, làm cho tính riêng biệt, sắc thái độc đáo nền văn hóa Việt Nam dễ bị mai một, phai nhạt. Sự ảnh hưởng của lối sống phương Tây vào nước ta đồng thời cũng làm cho chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội... phát triển. Đối tượng mà chúng chú trọng tác động là thanh thiếu niên và trí thức, văn nghệ sĩ. Không chỉ tác động bằng những cuộc “xâm lăng văn hóa”, mà khôn khéo và mềm dẻo hơn, trong những năm qua chúng đặc biệt chú trọng đến tầng lớp học sinh, sinh viên bằng cách mở rộng đào tạo

cấp học bổng... như Tổng thống Mỹ Rigan từng tuyên bố: “Đầu tư cho học sinh-sinh viên các nước xã hội chủ nghĩa đang du học ở Mỹ là một khoản đầu tư lâu dài, hãy gây ảnh hưởng tư tưởng với họ, hun đúc họ trong lối sống và giá trị quan niệm văn minh Mỹ, chờ họ từng bước trở thành rường cột của xã hội của họ, rồi thông qua cái đầu của họ biến đất nước đó chuyển mình theo nền văn minh tư bản của ta”. Năm 2007, Michalak, Đại sứ mới được bổ nhiệm của Mỹ tại Việt Nam, phát biểu trước cộng đồng người Mỹ gốc Việt về những ưu tiên của ông tại Việt Nam. Trong buổi nói chuyện của mình, ông Michalak có nói: *"Hãy tưởng tượng, trong vòng 20 năm nữa, chúng ta sẽ thấy không chỉ tiền của chúng ta đầu tư tại Việt Nam tăng lên mà có thể chúng ta sẽ thấy 75% thành phần chính phủ Việt Nam tốt nghiệp tại Hoa Kỳ"*.

Như vậy, “thực đơn diễn biến hòa bình” qua các phương tiện thông tin đại chúng của các thế lực thù địch ngày càng đa dạng, nhiều màu sắc, luôn được “cải thiện”, lắm ngón nghề. Chúng không chỉ nói đến chính trị, mà còn nói đủ cả khoa học, văn chương, nghệ thuật, hàng hoá và cả những “suru tâm” chuyện lạ để câu khách.

4. Các quan điểm sai trái, thù địch trong lĩnh vực Giáo dục và đào tạo

Trong lĩnh vực giáo dục, các thế lực thù địch phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong giáo dục, cho rằng cần “phi chính trị hóa giáo dục”. Chúng xuyên tạc cải cách giáo dục, chương trình SGK, đòi hỏi áp dụng mô hình phương Tây một cách máy móc. Không những thế, chúng lợi dụng những vấn đề lương bổng, thi cử, quá tải học tập xuất hiện đâu đó để kích động bất mãn của giáo viên, học sinh. Vô lý hơn, chúng phủ nhận thành tựu của giáo dục Việt Nam, dù học sinh Việt Nam liên tục các năm đạt nhiều giải quốc tế (Toán, Vật lý, Tin học...).

Chúng còn lợi dụng không gian mạng, các phương tiện truyền thông để tấn công uy tín giáo viên, tung clip xuyên tạc, phóng đại hành vi cá biệt để quy chụp toàn ngành. Đồng thời, chúng cố tình bóp méo, xuyên tạc tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”, nhằm phủ nhận nỗ lực đổi mới, hiện đại hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước ta, gieo rắc tâm lý hoài nghi, dao động trong xã hội đối với định hướng phát triển giáo dục Việt Nam theo mục tiêu: dân chủ hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục với thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Các quan điểm sai trái, thù địch trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ, các thế lực thù địch phủ nhận nỗ lực đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ nội địa, cố tình so sánh lệch lạc với các

nước phương Tây nhằm hạ thấp thành tựu khoa học của Việt Nam. Chúng kích động phản đối các dự án công nghệ lớn như: phát triển điện hạt nhân, chương trình chuyển đổi số quốc gia, xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư, lắp đặt hệ thống camera thông minh ở các đô thị... Bằng cách tung tin xuyên tạc, quy chụp rằng các dự án này "xâm phạm quyền tự do cá nhân", "theo dõi người dân 24/7", chúng gieo rắc tâm lý hoang mang, bất ổn trong xã hội, cản trở tiến trình hiện đại hóa, số hóa đất nước.

Bên cạnh đó, các thế lực thù địch phủ nhận hoặc hạ thấp các thành tựu của doanh nghiệp công nghệ Việt Nam như Viettel, VinFast, BKAV, Zalo... Chúng sử dụng các chiêu bài bôi nhọ, vu khống như cho rằng sản phẩm công nghệ Việt chỉ "lắp ráp" hoặc "bắt chước", phủ nhận nỗ lực tự lực tự cường, đầu tư cho nghiên cứu phát triển (R&D) mà các doanh nghiệp này đã thực hiện. Thực tế, nhiều sản phẩm của doanh nghiệp Việt đã đạt chuẩn quốc tế, tham gia xuất khẩu và cạnh tranh thành công trên thị trường toàn cầu. Điển hình, Viettel đã có mặt tại hơn 10 quốc gia với mạng viễn thông đạt tiêu chuẩn cao; VinFast đã xuất khẩu ô tô điện sang Mỹ, Canada, châu Âu; BKAV phát triển thành công hệ thống an ninh mạng và phần mềm diệt virus được đánh giá cao.

Không chỉ vậy, chúng còn triệt để sử dụng công nghệ mới như mạng xã hội, công nghệ deepfake, các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để phát tán thông tin giả mạo (fake news), dựng các video, hình ảnh xuyên tạc nhằm gây hoang mang dư luận, làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào chiến lược phát triển khoa học, công nghệ quốc gia. Các sản phẩm deepfake tinh vi đã được một số đối tượng lợi dụng để giả mạo hình ảnh, phát ngôn của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, nhằm kích động tâm lý bất ổn trong xã hội, đòi hỏi phải nâng cao cảnh giác trong nhận diện thông tin và kiên quyết đấu tranh phản bác.

Nhằm khẳng định quyết tâm chính trị và định hướng chiến lược, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về "Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045". Nghị quyết xác định rõ: khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính để phát triển đất nước nhanh và bền vững; phấn đấu đưa Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo trong khu vực. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này là bằng chứng sinh động, đanh thép để phản bác các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận vai trò, thành tựu và tương lai phát triển khoa học công nghệ nước ta; đồng thời khẳng định quyết tâm xây dựng một Việt Nam tự cường, sáng tạo, hiện đại, hội nhập sâu rộng với thế giới.

Tóm lại, vấn đề cấp thiết vẫn là cần phải liên tục nghiên cứu một cách

chuyên sâu, có hệ thống, toàn diện, để nhận thức rõ các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, và mở rộng ra là lĩnh vực giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ trong tình hình mới để kịp thời đề xuất những giải pháp phù hợp để chủ động đấu tranh chống các phương thức, thủ đoạn trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa một cách có hiệu quả nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các giải pháp phù hợp là: Tiếp tục nâng cao nhận thức toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng; Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tăng cường quản lý, xử lý nghiêm thông tin xấu độc trên internet, mạng xã hội; Bảo vệ tuyệt đối uy tín lãnh đạo Đảng, Nhà nước, củng cố niềm tin nhân dân; Xây dựng lực lượng đấu tranh phản bác tinh nhuệ, chuyên nghiệp; đặc biệt là phát huy vai trò đội ngũ cán bộ, giảng viên trong tuyên truyền, đấu tranh lý luận./.

CẢI CÁCH BỘ MÁY HÀNH CHÍNH: CHỦ TRƯỞNG ĐÚNG ĐẮN VÌ SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Tổng Thị Hảo Tâm

Chi bộ Khoa Công nghệ thông tin- Trường Công Nghệ

Tóm tắt: Trong bối cảnh đất nước phát triển nhanh chóng, Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương cải cách bộ máy hành chính nhằm tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu lực quản lý và phục vụ nhân dân tốt hơn. Quá trình này bao gồm việc sáp nhập các đơn vị hành chính nhỏ, tiết kiệm nguồn lực, hướng tới quản lý hiện đại, chuyên nghiệp. Tuy nhiên, các thế lực thù địch đã lợi dụng để tung tin xuyên tạc, kích động chia rẽ, gây hoang mang dư luận. Trước tình hình đó, mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là giảng viên, cần gương mẫu thực hiện chủ trương, chủ động đấu tranh chống luận điệu sai trái, nâng cao nhận thức và giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, góp phần bảo vệ thành quả cải cách.

1. Căn cứ lý luận về cải cách bộ máy hành chính

Cải cách bộ máy hành chính là một vấn đề quan trọng trong quá trình xây dựng, phát triển và đổi mới của một quốc gia. Đối với Việt Nam, cải cách bộ máy hành chính không chỉ là yêu cầu cấp bách trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của đất nước, mà còn là yếu tố then chốt trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường sự phục vụ nhân dân, tiết kiệm ngân sách và bảo vệ các lợi ích quốc gia. Dưới đây là một số căn cứ lý luận quan trọng về cải cách bộ máy hành chính.

Căn cứ lý luận về cải cách bộ máy hành chính trong lý thuyết quản lý nhà nước. Quản lý hành chính công là một ngành khoa học nghiên cứu về cách thức tổ chức và điều hành các hoạt động của bộ máy nhà nước nhằm đạt được các mục tiêu phát triển xã hội, kinh tế và môi trường. Theo các học giả trong lĩnh vực quản lý công, bộ máy hành chính nhà nước phải có khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các quyết định chính sách được triển khai một cách hiệu quả.

- Tinh gọn bộ máy và giảm biên chế: Trong lý thuyết quản lý nhà nước, một bộ máy hành chính tinh gọn giúp tăng tính hiệu quả và giảm chi phí hoạt động. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh ngân sách nhà nước có hạn và yêu cầu tiết kiệm tối đa nguồn lực.

- Nâng cao hiệu quả công tác điều hành: Cải cách bộ máy hành chính giúp tối ưu hóa các quy trình làm việc, giúp các cơ quan nhà nước có thể đáp ứng nhanh chóng, chính xác yêu cầu của người dân, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ.

- Quản lý dựa trên kết quả: Các nghiên cứu quản lý hiện đại khẳng định rằng, các cơ quan hành chính cần phải dựa trên kết quả công việc, thay vì chỉ tập trung vào các chỉ số đầu vào như biên chế, số lượng nhân viên hay tài chính. Cải cách bộ máy hành chính nhằm chuyển sang mô hình quản lý hiệu quả hơn, dựa trên mục tiêu và kết quả công việc.

Căn cứ lý luận về cải cách bộ máy hành chính trong tư tưởng Hồ Chí Minh.
Tư tưởng Hồ Chí Minh về cải cách bộ máy hành chính không chỉ nhấn mạnh việc xây dựng bộ máy công quyền trong sạch, vững mạnh mà còn đòi hỏi phải nâng cao khả năng phục vụ nhân dân. Hồ Chí Minh cho rằng, bộ máy nhà nước phải là công cụ hiệu quả để phục vụ lợi ích của nhân dân, không được phép trở thành một bộ máy công kênh, kém hiệu quả.

- Đảm bảo sự trong sạch, hiệu quả của bộ máy nhà nước: Hồ Chí Minh cho rằng bộ máy hành chính phải có sự lãnh đạo chặt chẽ, có tính kỷ luật và phải luôn phục vụ lợi ích của nhân dân. Một bộ máy hành chính quá phình to sẽ dễ dẫn đến sự kém hiệu quả, tham nhũng và gây lãng phí nguồn lực quốc gia.

- Quyền lực nhà nước phải thuộc về nhân dân: Cải cách bộ máy hành chính phải đi đôi với việc đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, giúp cho các quyết định chính sách thực sự phản ánh nguyện vọng của người dân.

Căn cứ lý luận từ các mô hình cải cách hành chính quốc tế.

- Cải cách hành chính theo mô hình NPM (New Public Management): Mô hình NPM là một xu hướng cải cách hành chính được phổ biến rộng rãi trên thế giới, với mục tiêu nâng cao hiệu quả công việc, giảm chi phí, và cải thiện chất lượng dịch vụ công. Các quốc gia như Anh, Mỹ, Singapore đã áp dụng thành công các phương pháp cải cách hành chính như tinh gọn bộ máy, giảm biên chế, chuyển giao quyền lực và trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức ngoài nhà nước nhằm tăng cường hiệu quả quản lý.

- Mô hình quản trị hợp tác (Collaborative Governance): Đây là mô hình trong đó chính quyền hợp tác chặt chẽ với các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và các tổ chức tư nhân trong việc giải quyết các vấn đề của xã hội. Mô hình này giúp cải cách bộ máy hành chính trở nên linh hoạt hơn, phục vụ tốt hơn các nhu cầu của cộng đồng.

Căn cứ lý luận từ thực tiễn cải cách bộ máy hành chính ở Việt Nam. Trong suốt quá trình phát triển đất nước, cải cách bộ máy hành chính đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của đất nước trong các giai đoạn khác nhau.

- Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng: Nghị quyết này khẳng định cần phải tiếp tục cải cách mạnh mẽ bộ máy hành chính, tinh gọn, hiện đại hóa các cơ quan nhà nước, giảm bớt các đơn vị hành chính trung gian, từ đó tạo ra một môi trường quản lý công tốt hơn.

- Thực tiễn cải cách bộ máy hành chính ở Việt Nam: Các chiến lược cải cách bộ máy hành chính của Việt Nam đã được triển khai trong nhiều năm qua, từ việc sáp nhập các tỉnh, huyện, xã có quy mô nhỏ đến việc cải cách quy trình làm việc trong các cơ quan nhà nước nhằm giảm bớt thủ tục hành chính, cắt giảm các chi phí không cần thiết. Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 tập trung vào việc tăng cường tính minh bạch, chống tham nhũng, và thúc đẩy chính quyền điện tử.

Căn cứ lý luận về cải cách bộ máy hành chính trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Công nghệ số và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang thay đổi mạnh mẽ mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có bộ máy hành chính. Sự phát triển của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng số đã tạo ra cơ hội lớn để cải cách bộ máy hành chính. Các cơ quan nhà nước có thể sử dụng công nghệ để giảm bớt thủ tục hành chính, giảm thiểu sự can thiệp của con người, nâng cao tính minh bạch và giảm chi phí vận hành.

Cải cách bộ máy hành chính không chỉ là yêu cầu cấp bách đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay mà còn là yếu tố then chốt để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội bền vững. Căn cứ lý luận về cải cách bộ máy hành chính bao gồm lý thuyết quản lý nhà nước, tư tưởng Hồ Chí Minh, các mô hình quốc tế, và thực tiễn cải cách ở Việt Nam, tạo nên một cơ sở vững chắc để Đảng và Nhà nước triển khai các chính sách cải cách bộ máy hành chính một cách hiệu quả và thiết thực.

2. Thực tiễn cải cách bộ máy hành chính trong giai đoạn đầu của Việt Nam

Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của đất nước và yêu cầu mới của thời đại, Đảng và Nhà nước Việt Nam đang tiến hành cải cách mạnh mẽ bộ máy hành chính. Đây là bước đi tất yếu nhằm tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giảm biên chế, tiết kiệm ngân sách, và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong tương lai.

Một trong những giải pháp trọng tâm là việc sáp nhập các tỉnh, huyện, quận,

xã có quy mô nhỏ, giảm số lượng đơn vị hành chính trung gian. Chủ trương này không chỉ tiết kiệm nguồn lực quốc gia mà còn giúp bộ máy quản lý trở nên chuyên nghiệp, hiện đại, vận hành nhanh nhạy hơn, từ đó phục vụ nhân dân tốt hơn.

Tuy nhiên, lợi dụng quá trình này, các thế lực thù địch đã không ngừng tung ra những luận điệu xuyên tạc, kích động chia rẽ, nhằm gây hoang mang trong dư luận xã hội. Chúng xuyên tạc rằng việc sắp xếp lại đơn vị hành chính là "mất đất tổ tiên", "xóa bỏ bản sắc quê hương", "bức tử văn hóa dân tộc". Chúng kích động tâm lý vùng miền, gieo rắc suy nghĩ tiêu cực như: "tỉnh nhỏ bị thôn tính bởi tỉnh lớn", "dân tộc thiểu số sẽ mất quyền tự chủ". Thậm chí, một số luận điệu còn vu cáo rằng cải cách hành chính là "bán nước", "âm mưu xóa bỏ dân tộc này, dân tộc kia". Không dừng lại ở đó, các phần tử xấu còn tung tin thất thiệt, bịa đặt về việc "người dân sẽ mất sổ đỏ", "bị thu hồi đất trái phép" hay "bị xóa hộ khẩu" để kích động tâm lý bất ổn trong nhân dân. Chúng dựng chuyện đấu đá nội bộ, thổi phồng rằng việc sáp nhập hành chính là "tranh giành quyền lực" giữa các nhóm lợi ích trong bộ máy Đảng, Nhà nước, nhằm làm lung lay lòng tin của nhân dân. Mục tiêu của các thế lực thù địch rất rõ ràng: Làm người dân mất niềm tin vào Đảng và Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây bất ổn chính trị – xã hội, từ đó mở đường cho sự can thiệp từ bên ngoài.

Trước thực tế đó, nhiệm vụ cấp thiết đặt ra là mỗi cán bộ, đảng viên và người dân cần nhận diện đúng bản chất của quá trình cải cách bộ máy hành chính. Cần hiểu rằng đây là bước đi chiến lược nhằm phát triển đất nước bền vững, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ nhân dân tốt hơn. Chúng ta cần phân biệt rõ giữa các ý kiến góp ý mang tính xây dựng với những luận điệu xuyên tạc, kích động. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, phản bác thông tin xấu độc trên mạng xã hội, củng cố công tác tuyên truyền từ Trung ương đến cơ sở, giúp người dân nắm bắt đúng chủ trương của Đảng, Nhà nước, hiểu rõ lợi ích lâu dài của cải cách hành chính. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh giáo dục chính trị, pháp luật, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, tạo "lá chắn" vững chắc trước mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá. Với sự tỉnh táo, đoàn kết và niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc cải cách bộ máy hành chính nhất định sẽ thành công, góp phần xây dựng một Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, giàu mạnh trong thời đại mới.

3. Đại học Kinh tế Quốc dân với cải cách bộ máy hành chính

Trong bối cảnh đất nước ta đang phát triển mạnh mẽ, yêu cầu đặt ra đối với bộ máy hành chính là phải tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả hơn, đáp ứng sự vận động nhanh chóng của thời đại. Hưởng ứng chủ trương cải cách hành chính do Đảng và Nhà nước khởi xướng, Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU) không chỉ triển khai nhiều giải pháp

đổi mới mạnh mẽ trong công tác tổ chức, quản trị, đào tạo mà còn chủ động đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước những âm mưu chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Tinh gọn tổ chức, hiện đại hóa bộ máy quản lý. Nhằm thực hiện hiệu quả chủ trương tinh gọn bộ máy, NEU đã tiến hành rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các đơn vị chức năng, giảm số lượng đầu mối trung gian, nâng cao tính liên thông, phối hợp giữa các phòng, ban, khoa, viện. Triển khai bộ phận một cửa trong công tác quản lý và đào tạo. Nhà trường cũng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý đào tạo, hành chính và tài chính, hướng tới mục tiêu xây dựng trường đại học điện tử, vận hành nhanh nhạy, chuyên nghiệp, tiết kiệm nguồn lực.

Đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc giữ vững niềm tin và sự đồng thuận trong toàn trường, Đảng ủy và Ban Giám hiệu NEU đã tổ chức quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chủ trương về cải cách bộ máy hành chính tới cán bộ, đảng viên, giảng viên và sinh viên. Qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, hội nghị chính trị, nhà trường không chỉ giúp đội ngũ cán bộ, sinh viên hiểu đúng bản chất tích cực của cải cách, mà còn nâng cao tinh thần cảnh giác trước luận điệu xuyên tạc, chia rẽ của các thế lực thù địch.

Đồng hành với nghiên cứu và đào tạo gắn với yêu cầu cải cách. Song hành với đổi mới quản trị, NEU chú trọng đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về quản trị công, cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước. Thông qua việc tổ chức các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, nhà trường đóng góp nhiều luận cứ lý luận, thực tiễn cho quá trình cải cách bộ máy hành chính của đất nước. Trong giảng dạy, các giảng viên chủ động lồng ghép nội dung cải cách hành chính vào bài học, giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn về ý nghĩa, yêu cầu và những thách thức của công cuộc đổi mới.

Kiên định lập trường, đấu tranh với luận điệu sai trái. Trước tình hình các thế lực thù địch lợi dụng cải cách hành chính để xuyên tạc, kích động chia rẽ, gây hoang mang dư luận, đội ngũ cán bộ, giảng viên NEU luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm cao. Các thầy cô không chỉ nêu gương mẫu mực trong phát ngôn, hành động mà còn chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc, củng cố niềm tin cho sinh viên và đồng nghiệp vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển đúng đắn của đất nước.

Bằng những hành động cụ thể, thiết thực và sự đồng lòng, quyết tâm, Đại học Kinh tế Quốc dân đã và đang khẳng định vai trò tiên phong trong việc đồng hành

cùng công cuộc cải cách bộ máy hành chính của Đảng và Nhà nước. Với tinh thần đổi mới, bản lĩnh vững vàng và niềm tin sắt son, NEU sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển đất nước nhanh và bền vững, xứng đáng là trung tâm đào tạo, nghiên cứu hàng đầu trong thời đại mới.

4. Vai trò của cá nhân trong cải cách bộ máy hành chính

Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước Việt Nam đang đẩy mạnh cải cách bộ máy hành chính, mục tiêu là tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ nhân dân tốt hơn, với một tư duy đổi mới, hiện đại. Trong bối cảnh đơn vị công tác - Đại học Kinh tế Quốc dân đã và đang khẳng định vai trò tiên phong trong việc đồng hành cùng công cuộc cải cách bộ máy hành chính của Đảng và Nhà nước. Là một giảng viên và đảng viên, tôi nhận thấy rằng, bản thân mình có trách nhiệm to lớn trong việc thực hiện và lan tỏa những chủ trương, chính sách này, không chỉ trong phạm vi công tác chuyên môn mà còn trong vai trò tiên phong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần nâng cao niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

Giương mẫu thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đầu tiên, là một giảng viên và đảng viên, tôi cần gương mẫu thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến cải cách hành chính. Cải cách bộ máy hành chính là một trong những bước đi chiến lược của Đảng và Nhà nước để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ quyền lợi của nhân dân. Để thực hiện nhiệm vụ này, tôi cần nắm vững các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng về cải cách hành chính, đồng thời chủ động tuyên truyền, giải thích rõ ràng cho sinh viên và cộng đồng về các mục tiêu, ý nghĩa của cải cách bộ máy hành chính.

Trong công tác giảng dạy, tôi sẽ *lồng ghép nội dung về cải cách bộ máy hành chính vào các bài giảng* để sinh viên có thể hiểu sâu sắc hơn về tầm quan trọng của việc cải cách bộ máy nhà nước. Việc giảng dạy cần phải cụ thể, dễ hiểu, giúp sinh viên nhận thức rõ về việc cải cách bộ máy hành chính không chỉ là một yêu cầu cấp bách trong thời kỳ hiện đại, mà còn là yếu tố then chốt để xây dựng một đất nước phát triển nhanh chóng, bền vững và thịnh vượng. Đặc biệt, tôi cũng sẽ chú trọng đến việc khuyến khích sinh viên *phát triển tư duy phản biện*, giúp họ có khả năng phân biệt giữa thông tin chính thống và những luận điệu xuyên tạc, thông tin sai lệch.

Chủ động đấu tranh với các luận điệu sai trái, thù địch. Một trong những nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn này là chủ động đấu tranh với các luận điệu sai trái, thù địch. Các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng tình hình cải cách hành chính để kích động, xuyên tạc nhằm gây hoang mang trong dư luận xã hội, chia rẽ

đoàn kết dân tộc và phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng. Để đối phó với những âm mưu này, tôi cần không chỉ thực hiện tốt vai trò của một giảng viên trong việc hướng dẫn sinh viên nhận diện, phân biệt đúng sai, mà còn chủ động phản bác thông tin sai lệch trên các diễn đàn mạng xã hội, cộng đồng.

Bên cạnh đó, trong các sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, hay các lớp học, tôi sẽ *sử dụng các diễn đàn này để làm rõ bản chất tích cực của cải cách bộ máy hành chính và giải thích lý do tại sao những luận điệu xuyên tạc là không chính xác*, từ đó giúp sinh viên và đồng nghiệp có cái nhìn đúng đắn về quá trình cải cách. Một cách thiết thực, tôi có thể sử dụng những ví dụ từ thực tiễn để minh chứng cho việc cải cách hành chính không phải là một mối đe dọa, mà là một cơ hội để đất nước phát triển mạnh mẽ hơn.

Nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu. Với tư cách là một giảng viên, tôi có trách nhiệm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học, để đóng góp vào sự nghiệp cải cách bộ máy hành chính của đất nước. Đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản trị công và cải cách hành chính, tôi cần thường xuyên cập nhật các kiến thức mới, những thay đổi trong chính sách và pháp luật để chia sẻ với sinh viên. Bằng cách này, tôi không chỉ giúp sinh viên tiếp cận những kiến thức hiện đại mà còn giúp họ hiểu được tầm quan trọng của việc cải cách bộ máy hành chính trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ người dân.

Ngoài ra, tôi sẽ tích cực *tham gia nghiên cứu khoa học về các vấn đề liên quan đến cải cách hành chính, tìm ra những giải pháp lý luận và thực tiễn để phát triển bộ máy hành chính tinh gọn, hiệu quả hơn*. Các công trình nghiên cứu của tôi có thể đóng góp một phần vào việc xây dựng, điều chỉnh chính sách sao cho phù hợp với thực tiễn và nhu cầu phát triển của đất nước.

Giữ vững bản lĩnh chính trị và đoàn kết nội bộ. Một yếu tố vô cùng quan trọng trong quá trình cải cách bộ máy hành chính là việc duy trì bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần đoàn kết nội bộ. Trong giai đoạn này, tôi phải thể hiện rõ trách nhiệm của mình là một đảng viên, giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, tôi sẽ tạo môi trường học tập, nghiên cứu lành mạnh trong giảng đường, khuyến khích sinh viên, đồng nghiệp đồng hành cùng công cuộc cải cách, hướng tới một xã hội công bằng, văn minh.

Với vai trò giảng viên và đảng viên trong giai đoạn cải cách bộ máy hành chính, tôi cần thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, bao gồm việc *gương mẫu thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chủ động đấu tranh với các*

luận điệu sai trái, thù địch, nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu và giữ vững bản lĩnh chính trị. Bằng những hành động cụ thể và thiết thực, tôi tin rằng mỗi giảng viên và đảng viên Đại học Kinh tế quốc dân sẽ góp phần không nhỏ vào thành công chung của công cuộc cải cách bộ máy hành chính, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Trong giai đoạn cải cách bộ máy hành chính, giảng viên - đảng viên không chỉ là người thực hiện chủ trương, mà còn phải là chiến sĩ xung kích trên mặt trận tư tưởng, tuyên truyền và giáo dục thế hệ trẻ, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần vào thành công chung của đất nước.

Kết luận

Cải cách bộ máy hành chính là một bước đi quan trọng và cần thiết trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. Được Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định là một trong những ưu tiên trong giai đoạn hiện nay, việc cải cách nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm ngân sách và đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội là một chủ trương đúng đắn. Mặc dù quá trình này đối mặt với nhiều thử thách và những phản ứng từ các thế lực thù địch, nhưng với sự quyết tâm, đồng lòng của toàn dân, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên, cải cách bộ máy hành chính chắc chắn sẽ mang lại những kết quả tích cực.

Chủ trương cải cách không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực quốc gia mà còn xây dựng một bộ máy chính quyền hoạt động minh bạch, hiệu quả và chuyên nghiệp, phục vụ tốt hơn cho người dân. Trong bối cảnh tình hình đất nước đang phát triển nhanh chóng và thế giới ngày càng có những thay đổi sâu sắc, cải cách bộ máy hành chính chính là yếu tố quan trọng góp phần duy trì sự ổn định, phát triển và hội nhập quốc tế.

Mỗi cá nhân, đặc biệt là giảng viên đại học, là đảng viên, cần nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của quá trình cải cách, chủ động tham gia và đóng góp vào sự nghiệp này. Điều này không chỉ thể hiện trách nhiệm công dân mà còn giúp bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng một đất nước Việt Nam phát triển mạnh mẽ và bền vững trong thời đại mới.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Chỉ thị 11-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

3. Nghị quyết số 18-NQ/TW (2017) về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
4. Nghị quyết số 19-NQ/TW (2017) về việc cải cách hành chính trong giai đoạn mới.
5. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) – phần về cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy.
6. Văn kiện Đại hội XII, XI
7. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
8. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.
9. Quyết định số 1847/QĐ-TTg năm 2018 Phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ (trong đó gắn liền với cải cách hành chính).
10. Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021–2030 (ban hành theo Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 19/1/2021).
11. Báo cáo của Bộ Nội vụ về kết quả tinh giản biên chế giai đoạn 2015–2020 và định hướng 2021–2030.
12. Số liệu của Tổng cục Thống kê (GSO) về số lượng đơn vị hành chính trước và sau sắp xếp.
13. "Quản lý hành chính công: Những vấn đề lý luận cơ bản", Nguyễn Mạnh Hùng.
14. "Quản lý hành chính công trong thời kỳ hội nhập quốc tế" , Trần Bình Minh.
15. " Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng bộ máy nhà nước", Hồ Chí Minh.
16. "Cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam: Từ lý luận đến thực tiễn", Nguyễn Phúc Giang.
17. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới (World Bank) về cải cách hành chính công ở các quốc gia đang phát triển.
18. Báo cáo của Liên Hợp Quốc về cải cách hành chính và quản lý nhà nước.

XÂY DỰNG PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRONG THỜI ĐẠI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tổng Thị Minh Ngọc

Chi bộ khoa Công nghệ thông tin

Trong bối cảnh hiện nay chuyển đổi số đang đề cập mạnh mẽ, việc xây dựng phẩm chất chính trị cho sinh viên là nhiệm vụ cần thiết để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Bài viết muốn nói về vai trò của phẩm chất chính trị đối với sinh viên Đại học nói chung và sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân nói riêng, những thách thức trong thời đại số, và đề xuất các giải pháp cụ thể gắn với thực tiễn đào tạo nhằm nâng cao ý thức chính trị, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội của sinh viên.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới, chuyển đổi số không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là động lực thúc đẩy đất nước vươn mình trở thành quốc gia giàu mạnh. Tuy nhiên, cùng với những cơ hội to lớn, thời đại số cũng đặt ra nhiều thách thức đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đặc biệt là trong việc xây dựng phẩm chất chính trị cho thế hệ trẻ, nhất là sinh viên các trường Đại học. Là lực lượng tri thức trẻ, sinh viên đại học đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp nối và lan tỏa các giá trị tư tưởng, chính trị của Đảng. Các trường đại học là những cơ sở đào tạo hàng đầu về khoa học, kỹ thuật, kinh tế và quản lý,... việc xây dựng phẩm chất chính trị cho sinh viên không chỉ là nhiệm vụ giáo dục mà còn là trách nhiệm góp phần khẳng định bản lĩnh và trí tuệ của thế hệ trẻ trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số.

Phẩm chất chính trị của sinh viên được hiểu là sự kết hợp giữa nhận thức, tư tưởng, đạo đức, và hành động, thể hiện qua lòng trung thành với lý tưởng của Đảng, ý thức trách nhiệm với đất nước, và khả năng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Trong kỷ nguyên này, thông tin lan truyền nhanh chóng trên các nền tảng mạng xã hội, sinh viên đối mặt với nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các luồng thông tin không chính xác, đi lệch đường lối của Đảng và Nhà nước. Do đó, việc xây dựng phẩm chất chính trị cho sinh viên không chỉ nhằm nâng cao ý thức chính trị mà còn giúp họ trở thành lực lượng tiên phong trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Bài viết phân tích vai trò của phẩm chất chính trị đối với sinh viên nói chung, những thách thức trong bối cảnh chuyển đổi số, và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và chuẩn bị cho Đại hội XIV.

II. VAI TRÒ CỦA PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI SINH VIÊN

1. Khẳng định bản lĩnh tư tưởng trong môi trường đào tạo chất lượng cao

Cụ thể có thể trong môi trường Đại học Kinh tế Quốc dân, với hơn 65 năm hình thành và phát triển, là cái nôi đào tạo hàng ngàn cán bộ, chuyên gia kinh tế phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Sinh viên không chỉ được trang bị kiến thức chuyên môn mà còn được giáo dục về tư tưởng chính trị, đạo đức và trách nhiệm xã hội. Phẩm chất chính trị giúp sinh viên có được:

- Nhận thức đúng đắn về lý tưởng cách mạng: Hiểu và tin tưởng vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như đường lối đổi mới của Đảng, từ đó định hướng đúng đắn trong học tập và sự nghiệp.
- Xây dựng bản lĩnh trước các luồng thông tin phức tạp: Trong thời công nghệ số, sinh viên cần có khả năng phân biệt thông tin chính thống và những thông tin xuyên tạc để bảo vệ quan điểm của Đảng trên các diễn đàn.
- Đóng góp vào sự phát triển của đất nước: Là lực lượng trí thức trẻ, sinh viên với phẩm chất chính trị vững vàng sẽ trở thành những nhà lãnh đạo, quản lý có trách nhiệm, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước trong tương lai.

2. Góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ quan trọng trong bối cảnh các thế lực thù địch gia tăng các hoạt động chống phá. Với sinh viên, với vai trò là lực lượng trẻ, năng động, có khả năng tiếp cận công nghệ số, đóng vai trò quan trọng và có thể thực hiện:

- Lan tỏa thông tin tích cực: Sử dụng các nền tảng mạng xã hội để tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng.
- Đấu tranh với các quan điểm lệch lạc: Tham gia các diễn đàn, hội thảo trực tuyến để bảo vệ quan điểm của Đảng, đặc biệt liên quan đến các vấn đề kinh tế, hội nhập quốc tế, và phát triển bền vững.
- Thúc đẩy “thế trận lòng dân” trên không gian mạng: Góp phần xây dựng niềm tin của xã hội vào sự lãnh đạo của Đảng.

3. Đáp ứng yêu cầu của công nghệ số, chuyển đổi số

Chuyển đổi số đã thay đổi cách thức học tập, làm việc và giao tiếp của sinh viên. Tại các trường Đại học, sinh viên được tiếp cận với các công cụ số hóa trong học tập, các khóa học trực tuyến và các hoạt động ngoại khóa trên mạng xã hội. Phẩm chất chính trị giúp sinh viên một số

- Sử dụng công nghệ số một cách có trách nhiệm: Tránh bị lôi kéo bởi các thông tin giả mạo.
- Tham gia xây dựng môi trường số lành mạnh: Tích cực sản xuất các nội dung số: video, bài viết, ... để lan tỏa giá trị tư tưởng của Đảng.
- Đổi mới sáng tạo trong bảo vệ tư tưởng: Sử dụng các công nghệ số để sáng tạo các sản phẩm truyền thông chính trị hoặc bài viết trên fanpage của kênh thông tin về Đoàn Thanh niên.

III. THÁCH THỨC TRONG VIỆC XÂY DỰNG PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRONG THỜI ĐẠI SỐ

1. Sự xâm nhập của các quan điểm sai trái trên không gian mạng

Các thế lực thù địch lợi dụng mạng xã hội, các trang web và diễn đàn trực tuyến để lan truyền các thông tin sai về lịch sử. Với sinh viên với mức độ tiếp cận Internet cao, dễ bị ảnh hưởng bởi các thông tin xấu nếu thiếu bản lĩnh chính trị. Những sinh viên thiếu kỹ năng phân tích, dễ bị cuốn theo các quan điểm sai trái do thiếu hiểu biết về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Áp lực từ lối sống thực dụng và cá nhân hóa

Với sự gia tăng của các giá trị vật chất và lối sống thực dụng. Một số sinh viên dưới áp lực học tập và tìm kiếm việc làm, có xu hướng tập trung vào lợi ích cá nhân và xem nhẹ các giá trị chính trị và trách nhiệm xã hội. Điều này tạo ra nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận sinh viên.

3. Thiếu kỹ năng sử dụng công nghệ số để đấu tranh chính trị

Mặc dù sinh viên thành thạo trong việc sử dụng mạng xã hội, nhưng không phải ai cũng có kỹ năng sản xuất nội dung số để tuyên truyền hoặc phản bác các quan điểm sai trái. Việc thiếu các chương trình đào tạo chuyên sâu về truyền thông chính trị số là một hạn chế lớn trong bối cảnh hiện nay.

IV. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN

1. Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị

- Ứng dụng công nghệ số: Sử dụng các công cụ như video tương tác, bài giảng trực tuyến, và trò chơi giáo dục để minh họa các khái niệm lý luận chính trị. Ví dụ, tạo các video ngắn về tư tưởng Hồ Chí Minh trên nền tảng mạng xã hội.

- Kết hợp thực tiễn: Tổ chức các buổi thảo luận về các vấn đề kinh tế, xã hội hiện nay như chuyển đổi số, hội nhập quốc tế để sinh viên thấy được sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn.

- Mời chuyên gia: các nhà lãnh đạo, chuyên gia hoặc cán bộ tuyên giáo đến chia sẻ với sinh viên về vai trò của phẩm chất chính trị trong sự nghiệp.

2. Đào tạo kỹ năng truyền thông chính trị số

Các trường Đại học cần phối hợp với phòng ban để tổ chức các khóa học ngắn hạn về truyền thông chính trị lý luận:

- Kỹ năng sản xuất nội dung số: Hướng dẫn sinh viên cách viết bài, làm video, hoặc thiết kế infographic để tuyên truyền các giá trị tư tưởng của Đảng.

- Kỹ năng phân tích thông tin: Hướng dẫn sinh viên cách nhận diện tin giả và phản bác một cách khoa học, thuyết phục.

- Sử dụng công cụ phân tích dữ liệu: Trang bị kiến thức về phân tích dữ liệu mạng xã hội để sinh viên có thể phát hiện và đối phó với các chiến dịch chống phá trên không gian mạng.

3. Xây dựng môi trường lành mạnh ở các trường Đại học

Để tạo điều kiện cho sinh viên phát triển phẩm chất chính trị, các trường Đại học cần xây dựng một môi trường học tập:

- Phát triển các kênh truyền thông chính thức: Tăng cường nội dung trên fanpage Đoàn Thanh niên, Website, kênh YouTube chính thức để lan tỏa thông tin tích cực.

- Kiểm soát nội dung trên các nhóm sinh viên: Thành lập đội ngũ tình nguyện viên để giám sát và định hướng các nhóm sinh viên trên mạng xã hội, ngăn chặn sự lan truyền sai sự thật.

- Khuyến khích sáng tạo nội dung tích cực: Tôn vinh các cá nhân, nhóm sinh viên có sản phẩm truyền thông số tốt về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

4. Tăng cường vai trò của cấp ủy và tổ chức Đảng

Đảng ủy các cấp cần tiếp tục quán triệt Nghị quyết và cụ thể hóa vào các kế hoạch hành động:

- Giao nhiệm vụ cụ thể: Yêu cầu mỗi Chi bộ sinh viên tham gia sản xuất ít nhất sản phẩm truyền thông số về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.
- Khen thưởng kịp thời: Vinh danh các sinh viên có đóng góp xuất sắc trong các hoạt động tuyên truyền, đấu tranh chính trị.

KẾT LUẬN

Xây dựng phẩm chất chính trị cho sinh viên trong các trường Đại học trong thời kỳ chuyển đổi số là nhiệm vụ mang tính chiến lược, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đào tạo thế hệ trẻ có bản lĩnh, trí tuệ, và trách nhiệm. Trong bối cảnh thù địch gia tăng chống phá trên không gian mạng, sinh viên cần được trang bị không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn cả ý thức chính trị vững vàng để trở thành lực lượng tiên phong trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Với vai trò là một trong những trường Đại học ở Việt Nam để thực hiện các giải pháp đổi mới giáo dục, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, và xây dựng môi trường học tập lành mạnh. Thông qua các hoạt động giáo dục, ngoại khóa, và truyền thông tiếp tục khẳng định vị thế là cái nôi đào tạo những thế hệ sinh viên có phẩm chất chính trị vững vàng, sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp cách mạng trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2024). *Kết luận số 89-KL/TW ngày 28/7/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW*. Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Thu Hà (2023). “Nâng cao ý thức chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Cộng sản*. Truy cập tại: <https://www.tapchicongsan.org.vn>.

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG; ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG; ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Phạm Minh Hoàn

Chi bộ Khoa Công nghệ thông tin

Tóm tắt: Bài viết phân tích sâu sắc yêu cầu cấp thiết trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn mới; đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới phương thức lãnh đạo, phù hợp với tình hình phát triển đất nước và hội nhập quốc tế đang biến động khó lường. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp thực tiễn nhằm tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng và vai trò lãnh đạo của Đảng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện, dẫn dắt đất nước ngày càng phát triển, giàu mạnh sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

Từ khóa: Năng lực lãnh đạo của Đảng, Đổi mới phương thức lãnh đạo, Đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, Vai trò cầm quyền của Đảng, Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh

MỞ ĐẦU

Sự nghiệp cách mạng Việt Nam hơn 90 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng minh một chân lý không thể phủ nhận: Đảng ta là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Kể từ ngày thành lập (3/2/1930), Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại: thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, giải phóng hoàn toàn miền Bắc; đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay đã đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao đời sống nhân dân, và từng bước hội nhập quốc tế sâu rộng. Những thành tựu đó khẳng định nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Không có Đảng, nhân dân ta không thể giành được thắng lợi to lớn như vậy*" (Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 171).

Trong các văn kiện Đại hội Đảng, đặc biệt từ Đại hội VI (1986) đến Đại hội XIII (2021), Đảng luôn khẳng định: *"Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam"* (Văn kiện Đại hội XIII, tập I, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, tr. 20). Thực tiễn phong phú và sinh động của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng suốt hơn 9 thập kỷ qua đã chứng minh chân lý đó.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, việc nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng càng trở thành yêu cầu tất yếu.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội về kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hóa - xã hội, song đồng thời cũng đặt ra những thách thức lớn về chính trị, an ninh, và sự bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. Trước những yêu cầu mới đó, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: *"Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ là nhiệm vụ then chốt có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ ta"* (Văn kiện Đại hội XIII, tập I, tr. 174).

Đổi mới phương thức lãnh đạo ở đây không phải là thay đổi bản chất lãnh đạo của Đảng, mà là đổi mới cách thức tổ chức, chỉ đạo thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Đó là lãnh đạo bằng định hướng chiến lược, bằng chương trình, kế hoạch cụ thể; chú trọng kiểm tra, giám sát; phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội; tăng cường mối quan hệ máu thịt với nhân dân; và kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong nội bộ Đảng.

Đồng thời, sự gia tăng của các hoạt động chống phá từ các thế lực thù địch, phản động đòi hỏi Đảng phải đẩy mạnh công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về vai trò lãnh đạo, cầm quyền của mình.

Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, các thế lực thù địch triệt để lợi dụng internet, mạng xã hội để tung tin giả, xuyên tạc, bóp méo sự thật lịch sử, công kích nền tảng tư tưởng và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị, *"Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách và lâu dài của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân"*.

Công tác này đòi hỏi các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội phải chủ động, thường xuyên nắm chắc tình hình, nhận diện kịp thời

các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, từ đó xây dựng các giải pháp phản bác khoa học, sắc bén, có tính thuyết phục cao. Đồng thời, mỗi cán bộ, đảng viên cũng cần nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên định lý tưởng xã hội chủ nghĩa, chủ động tham gia đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Bài viết này nhằm làm rõ yêu cầu cấp bách và lâu dài của việc nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; đồng thời phân tích các giải pháp đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, chính trị của Đảng trong tình hình mới.

Trước những yêu cầu cấp bách đó, việc nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng phải gắn liền với xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo theo hướng khoa học, dân chủ, chặt chẽ, hiệu quả; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của tổ chức Đảng và đảng viên; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Bên cạnh đó, Đảng cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị; đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tuyên truyền phù hợp với các đối tượng, đặc biệt là thế hệ trẻ; khai thác hiệu quả công nghệ số trong công tác tuyên truyền, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: *"Kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không dao động, không lơ là, mất cảnh giác trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng"* (Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, phát biểu tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII, tháng 12/2020).

Chỉ bằng những giải pháp đồng bộ, quyết liệt như vậy, Đảng ta mới tiếp tục khẳng định và giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay.

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN VÀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1.1. Nhiệm vụ cách mạng mới đặt ra yêu cầu mới đối với Đảng

Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những thời cơ và thách

thức đan xen. Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng đòi hỏi Đảng phải tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền. Chỉ có nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền mới đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

1.2. Tác động của toàn cầu hóa và các xu hướng chính trị mới

Toàn cầu hóa, cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ, đang làm thay đổi sâu sắc cục diện thế giới và khu vực trên nhiều phương diện: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, an ninh. Theo Báo cáo Phát triển Thế giới 2023 của Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2023), toàn cầu hóa đã tạo ra sự kết nối kinh tế - thương mại chưa từng có giữa các quốc gia, làm mờ ranh giới truyền thống về không gian và thời gian. Công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), và công nghệ sinh học, đang tái định hình cách các xã hội sản xuất, giao tiếp và vận hành (Diễn đàn Kinh tế Thế giới - WEF, 2023).

Trong bối cảnh đó, các giá trị, chuẩn mực truyền thống của nhiều dân tộc, trong đó có Việt Nam, đang bị thách thức bởi những giá trị mới mang tính toàn cầu hóa như chủ nghĩa cá nhân, tự do sáng tạo, đa dạng văn hóa và quyền con người. Tổ chức UNESCO trong Báo cáo "Reimagining Our Futures Together" (2021) nhấn mạnh rằng sự giao thoa giữa các hệ giá trị buộc các nền văn hóa phải không ngừng thích ứng để tồn tại và phát triển. Điều này dẫn tới yêu cầu cao hơn về năng lực hội nhập, nhưng đồng thời cũng đặt ra nguy cơ xói mòn bản sắc văn hóa truyền thống nếu không có những giải pháp phù hợp.

Song song với sự thay đổi về giá trị, các hình thức và phương thức lãnh đạo, quản trị xã hội cũng đang biến đổi mạnh mẽ. Các mô hình quản trị hiện đại ngày càng đề cao tính minh bạch, sự tham gia của người dân, ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý nhà nước (Liên Hợp Quốc, Báo cáo E-Government Survey 2022). Các khái niệm như chính phủ số, xã hội số, công dân số không còn là viễn cảnh xa vời mà đã và đang trở thành xu thế tất yếu trên toàn cầu. Trong khi đó, những phương thức lãnh đạo theo kiểu áp đặt, mệnh lệnh từ trên xuống đang dần tỏ ra kém hiệu quả trước yêu cầu dân chủ hóa và sự phát triển của xã hội tri thức.

Trước những thách thức đó, Đảng ta đứng trước yêu cầu cấp bách phải đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo để vừa giữ vững vai trò cầm quyền, vừa thích ứng với yêu cầu mới của thời đại. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (2021) nhấn mạnh:

"Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là yêu cầu khách quan để Đảng ta nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu trong điều kiện mới" (Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội XIII, tập I, tr. 194). Các nội dung trọng tâm của đổi mới bao gồm: đẩy mạnh thực hành dân chủ trong Đảng và trong xã hội; tăng cường công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, quản lý; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát; phát huy vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Như vậy, toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang không chỉ mang lại cơ hội phát triển mà còn đặt ra những thách thức to lớn về mô hình lãnh đạo, quản trị xã hội. Việc Đảng ta chủ động đổi mới phương thức lãnh đạo vừa là sự tiếp nối truyền thống cách mạng, vừa là sự khẳng định bản lĩnh chính trị trong việc thích ứng linh hoạt, sáng tạo với những chuyển biến nhanh chóng của thời đại.

1.3. Sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động

Các thế lực thù địch tăng cường xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, kích động “đa nguyên chính trị”, “đa đảng đối lập”, thúc đẩy “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Những luận điệu đó, nếu không được đấu tranh kịp thời, sẽ làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Do đó, công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, quyết liệt.

II. THỰC TRẠNG NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN VÀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG HIỆN NAY

2.1. Những kết quả nổi bật đạt được

Trong những năm qua, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng được củng cố và nâng cao, thể hiện rõ trên nhiều phương diện quan trọng.

Trước hết, Đảng đã lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, với phương châm "Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân", bảo đảm quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp (Văn kiện Đại hội XIII, 2021). Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật tiếp theo đã cụ thể hóa nguyên tắc này, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Đảng chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải cách tư pháp, xây dựng nền hành chính nhà nước chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ nhân dân

(Nghị quyết số 27-NQ/TW, 2022 về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới).

Thứ hai, trong lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng đã kiên trì đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh quốc gia. Từ năm 2016 đến 2020, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 6,78%/năm, thuộc nhóm cao nhất thế giới; năm 2022, GDP Việt Nam tăng trưởng 8,02%, mức cao nhất trong hơn một thập niên (Tổng cục Thống kê, 2023). Đảng đã định hướng chiến lược phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, đổi mới sáng tạo, thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIII và các nghị quyết chuyên đề như Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019) về chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ ba, trong lĩnh vực chính trị - quốc phòng - an ninh - đối ngoại, Đảng giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được củng cố vững chắc. Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII nêu rõ: “Tình hình chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững, chủ quyền quốc gia được bảo vệ” (Văn kiện Đại hội XIII, Tập I, tr. 145). Về đối ngoại, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện với nhiều nước lớn, tham gia sâu rộng vào các tổ chức quốc tế và khu vực, đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (2020–2021).

Thứ tư, Đảng lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ. Trong văn hóa, Đảng nhấn mạnh xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (Nghị quyết số 33-NQ/TW, 2014). Giáo dục và đào tạo được đổi mới căn bản, toàn diện theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW (2013), với nhiều thành tựu: tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi đạt trên 95%; Việt Nam xếp hạng cao trong các kỳ đánh giá PISA quốc tế. Ngành y tế đạt nhiều tiến bộ, nhất là trong phòng, chống đại dịch COVID-19. Về khoa học - công nghệ, Việt Nam liên tục được xếp hạng cao về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), năm 2023 xếp thứ 46/132 nền kinh tế (Báo cáo GII 2023).

Về phương thức lãnh đạo, Đảng đã đổi mới mạnh mẽ từ phương thức chỉ đạo trực tiếp, cụ thể sang lãnh đạo thông qua cương lĩnh, chiến lược, định hướng lớn, ban hành nghị quyết và giám sát việc thực hiện. Điều này được thể hiện rõ trong việc ban hành hàng loạt nghị quyết Trung ương, các chiến lược quốc gia dài hạn, như Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021–2030, Chiến lược quốc phòng Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045. Phương thức lãnh đạo mới bảo đảm tính tổng thể, định hướng dài hạn, đồng thời trao quyền chủ động hơn cho các cơ quan nhà nước và địa phương.

Cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" ngày càng được cụ thể hóa rõ ràng, hiệu quả hơn. Đảng nhấn mạnh phải tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng). Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh quyết liệt, toàn diện, tạo chuyển biến tích cực trong hệ thống chính trị và lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Những thành tựu đó là minh chứng cho năng lực lãnh đạo khoa học, bản lĩnh chính trị vững vàng, sự sáng tạo và tinh thần đổi mới không ngừng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và những thách thức mới.

2.2. Một số hạn chế, bất cập

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, vẫn còn một số hạn chế, yếu kém cần khắc phục:

- Một số tổ chức đảng chưa thực sự vững mạnh; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một bộ phận tổ chức cơ sở đảng còn yếu.
- Công tác xây dựng Đảng ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.
- Phương thức lãnh đạo có lúc, có nơi còn nặng về mệnh lệnh hành chính, chưa thực sự dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ; chưa phát huy hết vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Công tác kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục; kỷ luật Đảng đôi khi chưa nghiêm.
- Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch còn hạn chế về phương thức, thiếu chiều sâu và tính thuyết phục trong một số tình huống.

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là:

- Nhận thức chưa đầy đủ, thiếu sâu sắc về yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền trong điều kiện mới.
- Công tác tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở một số cấp còn bất cập.
- Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo chủ chốt, còn biểu

hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; thiếu ý chí phấn đấu, nể nang, né tránh, ngại va chạm.

- Chưa chú trọng đúng mức đến việc đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm cá nhân và tập thể trong lãnh đạo, quản lý.

III. YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC NÂNG CAO NĂNG LỰC, ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

3.1. Yêu cầu đặt ra

- Đổi mới phương thức lãnh đạo phải nhằm mục tiêu tăng cường vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

- Phải nâng cao hiệu quả lãnh đạo bằng đổi mới nội dung, phong cách và phương pháp làm việc; phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Phải gắn nâng cao năng lực lãnh đạo với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; kiên quyết đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

3.2. Những nguyên tắc cơ bản cần bảo đảm

- Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với Nhà nước, quân đội, công an và toàn xã hội.

- Kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân; lấy sự hài lòng của nhân dân làm thước đo chủ yếu cho hiệu quả lãnh đạo của Đảng.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; nhất là cán bộ cấp chiến lược.

- Chủ động, tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong nội bộ.

IV. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH

4.1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống lý luận về Đảng cầm quyền: Bám sát thực tiễn đổi mới, phát triển đất nước và bối cảnh quốc tế để bổ sung, phát triển lý luận về

Đảng cầm quyền trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

- **Chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín:** Thực hiện nghiêm các nguyên tắc trong công tác cán bộ; kiên quyết chống chạy chức, chạy quyền; bảo đảm công khai, minh bạch trong công tác tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ.

- **Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng:** Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ, đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm kỷ luật Đảng, không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

- **Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức:** Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với đấu tranh phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

4.2. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

- **Lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, định hướng lớn, nghị quyết:** Tăng cường vai trò hoạch định chiến lược của Đảng; hạn chế tình trạng bao biện, làm thay công việc của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

- **Đổi mới phong cách, lề lối lãnh đạo:** Chuyển mạnh từ lối lãnh đạo mệnh lệnh hành chính sang phong cách lãnh đạo dân chủ, khoa học, thuyết phục; đề cao tinh thần đối thoại, tranh luận trong nội bộ và với nhân dân.

- **Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:** Thể chế hóa cơ chế nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

- **Tăng cường công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân:** Đặt người dân vào vị trí trung tâm trong mọi quyết sách; thường xuyên đối thoại với nhân dân để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kịp thời điều chỉnh chính sách.

4.3. Tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

- **Chủ động nhận diện và đấu tranh ngăn chặn thông tin xấu, độc trên không gian mạng:** Xây dựng lực lượng chuyên trách và cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

- **Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng:** Thường xuyên cập nhật tình hình mới, tổ chức các chiến dịch truyền thông giáo dục chính trị tư tưởng

cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

- **Phát triển hệ thống lý luận và luận cứ phản bác:** Tổ chức nghiên cứu, xây dựng hệ thống luận cứ khoa học, sắc bén để phản bác hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng.

- **Kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”:** Đấu tranh phản bác phải gắn chặt với tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, mô hình hay, cách làm sáng tạo, từ đó củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

V. KẾT LUẬN

Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo và kiên quyết, kiên trì đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về vai trò lãnh đạo của Đảng là yêu cầu sống còn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam hiện nay. Trước bối cảnh mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen, Đảng ta cần tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn mạnh mẽ hơn nữa; xây dựng một Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; đủ sức lãnh đạo đất nước phát triển nhanh, bền vững; giữ vững độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội; xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân và sự kỳ vọng của thời đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Ban Chấp hành Trung ương (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tập I, II.

- Bộ Chính trị (2022), Kết luận số 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- Nguyễn Phú Trọng (2018), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- Trần Đức Lượng (2020), Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- Trần Thị Nhẫn (2025), Đảng Cộng sản Việt Nam 95 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Tạp chí lịch sử Đảng, <https://tapchilichsudang.vn/dang-cong-san-viet-nam-95-nam-lanh-dao-cach-mang-viet-nam.html>.

ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG CÁC LUẬN ĐIỀU, QUAN ĐIỂM LỆCH LẠC, SAI TRÁI NHẪM GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG THỜI ĐẠI KỶ NGUYÊN SỐ

Lưu Minh Tuấn

Chi bộ khoa Công nghệ thông tin

Chúng ta đã biết rằng, trải qua lịch sử dựng nước và giữ nước, Đảng cộng sản Việt Nam đã sáng suốt lãnh đạo toàn dân tộc thực hiện tốt các mục tiêu, định hướng đề ra và đã trở thành di sản vô giá, truyền thống quý báu, một động lực to lớn để dân tộc ta vượt qua khó khăn để tồn tại và phát triển.

Thực tiễn cho thấy, Đảng cộng sản Việt Nam đã thống nhất lãnh đạo xuyên suốt và nhất quán trong toàn bộ hệ thống chính trị nói chung và là cơ sở cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhờ có sự lãnh đạo tài tình của Đảng mà dân tộc ta đã đạt được những kết quả thành công to lớn. Đảng lãnh đạo trên cơ sở truyền thống đoàn kết, nhân ái, khoan dung, độ lượng của người dân Việt Nam. Mặt khác, Đảng cũng tiếp thu và vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về đoàn kết, tập hợp và tổ chức lực lượng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh của toàn dân tộc trong xây dựng và phát triển đất nước là minh chứng sinh động cho sức mạnh của toàn dân tộc trong những năm qua. Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh để phù hợp với tình hình, yêu cầu và nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng, kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội để xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh hiện nay, đặc biệt là trong kỷ nguyên số thì đường lối lãnh đạo càng có vai trò quan trọng trong chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng.

Trong suốt thời gian dựng nước và giữ nước, Đảng đã lãnh đạo, đưa ra đường lối đúng đắn, sáng suốt, nhờ đó Chính phủ đã có sự điều hành kịp thời, chỉ đạo quyết liệt và sự vào cuộc tích cực, đồng bộ của toàn bộ hệ thống chính trị của đất nước, sự đồng tình, hưởng ứng nhất trí cao, cùng với sự ủng hộ mạnh mẽ của toàn dân cả nước, đồng bào ở nước ngoài, nhân dân ta đã vượt qua được những khó khăn rất lớn, khắc phục được những tác động tiêu cực do dịch bệnh như dịch COVID-19, thiên tai, bão lụt như bão Gagi, hạn hán xảy ra. Các kết quả đó là những minh chứng thuyết phục,

khẳng định các ưu điểm của chế độ; truyền thống đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân, yêu nước, lòng vị tha, nhân ái và ý chí quật khởi, kiên cường của toàn dân tộc ta.

Có thể nhận thấy, càng trong các điều kiện khó khăn, thử thách cao thì truyền thống, ý chí của nhân dân ta càng tăng lên gấp nhiều lần, đây là động lực, nguồn lực to lớn mà không một thế lực nào vô hình hay hữu hình nào có thể cản nổi trong xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, đất nước phát triển đi lên, toàn nhân dân ta phát triển hùng cường, thịnh vượng.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định rằng: “Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam”.

Đạt được thành tựu đó là nhờ chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch đi ngược với sự phát triển của đất nước mà Đảng ta đặc biệt quan tâm, Một số kết quả tốt đẹp đạt được có thể kể đến như sau.

Một là khả năng lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng trong đấu tranh phản bác các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch có chất lượng ngày càng được nâng cao. Nhờ đó, đảng viên, cán bộ và quần chúng nhận thức được đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước. Đảng đã quán triệt rõ công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị, là trách nhiệm của toàn dân tộc nhằm đấu tranh hiệu quả với những luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch, góp phần tạo nên sức mạnh tổng lực của toàn hệ thống chính trị, đồng thời kết hợp với sức mạnh của toàn dân tộc. Dựa trên cơ sở quán triệt về tư duy, nhận thức để xác định rõ những tác động tiêu cực và tính chất nguy hại của những luận điệu, thù địch quan điểm sai trái đối với trật tự, an toàn, an ninh xã hội; nhận biết rõ các luận điệu thù địch, các quan điểm sai trái để có chủ trương, biện pháp chỉ đạo ngăn chặn phù hợp; phân biệt được sự khác biệt của luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch với sự nhận thức phiến diện, lệch lạc với ý kiến phê bình, thiếu xây dựng. Từ đó, có phương thức đấu tranh phù hợp, cách thức phản biện khoa học và các giải pháp áp dụng đạt được hiệu quả cao.

Hai là các giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được sử dụng đa dạng để đấu tranh phản bác các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch. Luôn luôn dựa trên

giá trị thực tiễn để làm phương thức đấu tranh, nhưng đảm bảo được tính thuyết phục, khách quan; đồng thời sử dụng các biện pháp đấu tranh vừa mềm dẻo, vừa cương quyết, nhưng vẫn đảm bảo tính dân chủ. Các biện pháp khoa học, kỹ thuật được áp dụng để nhận diện, đấu tranh và xử lý kịp thời các thông tin xuyên tạc, nội dung xấu, độc, vu khống, luận điệu sai trái. Công cụ pháp lý được sử dụng hiệu quả để bảo đảm tính bình đẳng, tuân thủ, khách quan trước pháp luật; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa làm công cụ về thể chế để đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Ba là các phương thức, giải pháp được Đảng ta đã sử dụng có tính kết hợp vừa xây dựng vừa phòng chống. Các phương thức này có sự kết hợp với đấu tranh phản bác các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch nhưng vẫn bảo đảm các giá trị về tinh thần cách mạng; trong đó, xây là chủ yếu và phòng chống là quan trọng, cấp bách, đã được quan tâm, thường xuyên triển khai thực hiện. Đảng ta đã trưởng thành từ nhân dân nhờ xác định rõ những trọng tâm cốt lõi về mặt bản chất và Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với toàn dân tộc, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình và phục vụ nhân dân. Do đó, Đảng ta đã xây dựng được niềm tin của nhân dân theo tinh thần dân tin thì Đảng còn và ngược lại bằng nhiều phương thức khác nhau. Phương châm của Đảng luôn quán triệt quan điểm làm gì thì cũng lấy dân làm gốc, từ đó xây dựng và củng cố vững chắc thế trận trong lòng dân, Đảng ta đã dựa vào nhân dân, thông qua sự ủng hộ, bằng sức mạnh của nhân dân để hình thành tổ chức và lực lượng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch. Thực tế là nhân dân đã thẳng thắn bày tỏ quan điểm, tinh thần yêu nước, ủng hộ Đảng và chế độ thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn. Trong thời gian qua, nhiều tài khoản mạng xã hội đã tham gia tích cực vào công tác thông qua các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, có thể kể đến như: Nhóm đấu tranh chống luận điệu xuyên tạc, tiếng nói thế hệ trẻ,....

Bốn là kết hợp cùng lúc nhiều phương thức, giải pháp, như đấu tranh, phản biện bằng việc sử dụng các biện pháp mạnh như xử lý không có vùng cấm, không chấp nhận lợi ích nhóm, lợi dụng chính sách; tuyên truyền, phổ biến với giáo dục ý thức cách mạng; đấu tranh, phản bác với nêu gương; đấu tranh, phản biện với chứng minh, đối chứng, so sánh chứng cứ thật, giá trị thật; chủ nghĩa yêu nước.

Tóm lại, có thể nói trong quá trình phát triển của đất nước, công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện phòng, chống luôn có sự phối hợp nhịp nhàng giữa Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện

công tác phòng, chống có hiệu quả cao. Các chủ chương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước đều được triển khai tốt, kịp thời. Có thể nói, với việc vận dụng sáng tạo, Đảng đã mang lại kết quả cao trong phát triển đất nước.

Tuy nhiên, để đạt được các kết quả cao hơn nữa thì:

Các cấp đảng cơ sở, chính quyền các cấp cần quan tâm đào tạo các cán bộ tham gia công tác phòng, chống các quan điểm sai trái đạt chất lượng cao hơn nữa

Cần thực hiện tốt hơn nữa các chế độ đặc biệt cho các cán bộ tham gia công tác của Đảng.

Cần có những giải pháp hỗ trợ kịp thời cho người dân gặp khó khăn về kinh tế.

Tăng cường công tác tuyên truyền và đôn đốc nhân dân thực hiện tuân thủ các quy định, chính sách của Đảng và nhà nước đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] <https://thuvienphapluat.vn>

[2] <https://truongleduan.quangtri.gov.vn>

[3] <https://accgroup.vn>

[4] <https://dms.gov.vn>

[5] <https://vass.gov.vn>

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ VAI TRÒ NÊU GUƠng CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

Triệu Khánh Toàn

Chi bộ Khoa Ngoại ngữ Kinh tế, Trường Kinh tế và Quản lý Công,

Xuyên suốt quá trình lịch sử 95 năm lãnh đạo Cách mạng Việt Nam - Đảng Cộng sản Việt Nam luôn phải đối mặt với vô vàn khó khăn, thử thách, những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động không ngừng gây nhiễu thông tin, bóp méo sự thật, kích động, thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhằm làm lung lạc niềm tin vào Đảng và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới và khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó lường, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Cách mạng Việt Nam.

Đề kiên định với con đường phát triển mà toàn Đảng, toàn dân đã lựa chọn thì việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ rất quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển của Đảng ta. Đó cũng là bảo vệ Nhà nước và bảo vệ chế độ, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Nghị quyết 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII đã đưa ra những định hướng cơ bản “về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trong hình thức mới”. Công tác này đã được triển khai bài bản, hệ thống, nhất quán từ trung ương đến địa phương. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của vấn đề cần nâng cao nhận thức của toàn thể đội ngũ cán bộ, Đảng viên. Đó là:

- Nhận thức đầy đủ, sâu sắc những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nghiêm túc thực hiện quy định về nêu gương của cán bộ, Đảng viên; tự giác tu dưỡng rèn luyện, nâng cao trình độ lý luận, chính trị, bồi dưỡng đạo đức cách mạng của người Đảng viên dù ở bất kỳ cương vị công tác nào.

- Luôn tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối của Đảng, đồng thời luôn kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, những phần tử cơ hội, bất mãn. Tỉnh táo, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi phát ngôn, chia sẻ nhận định, đánh giá về vấn đề, sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội. Coi đó là trách nhiệm của mỗi Đảng viên.

- Nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, đặc biệt là khi tham gia các trang mạng xã hội.

- Nghiêm túc thực hiện điều lệ, các quy định kỷ luật của Đảng bộ, chi bộ mình từ những việc làm đơn giản nhất.

- Đối với mỗi cán bộ, Đảng viên, để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng còn phải xuất phát từ những hành động cụ thể gắn với công việc và cuộc sống hàng ngày như thực hành tiết kiệm, không xa hoa lãng phí; không gây mất đoàn kết nội bộ; là công dân gương mẫu ở mọi nơi mọi lúc.

Thực tiễn cách mạng nước ta qua các thời kỳ đã chứng minh, trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào, dù ở vào tình thế khó khăn, nguy hiểm nhất, nhưng nếu đội ngũ cán bộ, Đảng viên phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu, không quản ngại gian khổ, hy sinh, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân thì sức mạnh lãnh đạo của Đảng sẽ được bảo đảm, niềm tin của nhân dân đối với Đảng sẽ được nâng lên; góp phần đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Để làm tốt việc đó, chúng ta cần:

- Chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của cán bộ, Đảng viên trong trách nhiệm nêu gương để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thực tiễn cho thấy nơi nào cán bộ, Đảng viên nhận thức đúng đắn vị trí, tầm quan trọng của việc nêu gương thì vai trò, trách nhiệm của cán bộ, Đảng viên sẽ được phát huy tốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị.

- Không ngừng tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc nêu gương của cán bộ, Đảng viên để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Căn cứ vào tình hình thực tế, đặc điểm và thực trạng của đội ngũ cán bộ, Đảng viên của mỗi Đảng bộ, chi bộ để xác định đúng mục tiêu, phương hướng, nội dung, biện pháp thực hiện.

- Nêu cao vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, các cấp ủy trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Người đứng đầu cấp ủy chính là người tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Người đứng đầu phát huy tốt vai trò, trách nhiệm nêu gương sẽ tạo hiệu ứng tốt trong việc tuyên truyền, động viên cán bộ, Đảng viên, cấp dưới noi theo. Người đứng đầu phải thực sự là tấm gương về phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, nói đi đôi với làm, chăm lo đến lợi ích chính đáng của nhân dân, của cấp dưới, từ đó sẽ lôi cuốn, thúc đẩy Đảng viên noi theo.

- Liên tục phát huy tốt vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong giám sát việc nêu gương của cán bộ, Đảng viên.

Để nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đạt hiệu quả cao, phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức Đảng và Đảng viên trong việc chấp hành điều lệ Đảng, Nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng. Trong công tác này, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có vai trò rất quan trọng, vì người dân tiếp xúc trực tiếp với cán bộ, Đảng viên trong quá trình giải quyết các công việc phát sinh trong đời sống xã hội. Họ có thể “biết” những điều mà cấp trên có thể chưa biết. Chính vì vậy, cần phát huy tốt vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội và nhân dân trong giám sát việc nêu gương của cán bộ, Đảng viên. Thực hiện tốt những quy định của trung ương về dân chủ ở cơ sở và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhằm phát huy vai trò của nhân dân trong giám sát cán bộ, Đảng viên, tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Kết lại, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ. Đó là trách nhiệm của mọi công dân Việt Nam, đặc biệt là cán bộ, Đảng viên như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Tài liệu tham khảo:

- Quy định số 101-QĐ/TW ngày 7/5/2012 của Ban Bí thư “về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, Đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”.

- Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị “về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, Đảng viên”.

- Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị, ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”.

- Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị, ban hành “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị-xã hội và người dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”.

AN NINH DÂN SỐ: NỀN TẢNG BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA

Ngô Quỳnh An

Trần Huy Phương

Chi bộ khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực

Tóm tắt: Bài viết xây dựng khung phân tích ảnh hưởng của an ninh dân số tới an ninh quốc gia trong bối cảnh địa chính trị biến động. Thông qua cách tiếp cận đa ngành kết hợp lý thuyết địa chính trị, an ninh quốc gia toàn diện và phát triển bền vững, nghiên cứu chỉ ra rằng dân số tác động đến an ninh quốc gia qua nhiều khía cạnh: quy mô và cơ cấu dân số ảnh hưởng đến tiềm lực quốc phòng; phân bố dân cư hợp lý đóng vai trò trong bảo vệ biên giới và chủ quyền lãnh thổ; chất lượng dân số quyết định năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng với chiến tranh công nghệ cao; "lợi tức dân số" tăng cường sức mạnh kinh tế. Thách thức lớn gồm già hóa dân số, mất cân bằng giới tính, di cư không kiểm soát. Bài báo đề xuất giải pháp: duy trì quy mô và cơ cấu dân số hợp lý, nâng cao chất lượng dân số, ứng phó với già hóa dân số, và thực hiện di dân lao động bền vững.

Từ khóa: an ninh dân số; an ninh quốc gia; khả năng thích ứng.

MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh biến động địa chính trị, cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc và gia tăng thách thức an ninh phi truyền thống, bảo vệ an ninh quốc gia đã trở thành ưu tiên hàng đầu. Trong khi quan điểm truyền thống thường chỉ tập trung vào các yếu tố quân sự, ngoại giao hay kinh tế, nhưng bỏ qua yếu tố nền tảng: dân số. Đảm bảo an ninh dân số không chỉ là mục tiêu phát triển xã hội mà còn là nền tảng chiến lược an ninh quốc gia dài hạn.

Nhiều quốc gia đã sử dụng chính sách dân số như công cụ chiến lược để củng cố vị thế và bảo vệ lợi ích quốc gia. Trung Quốc từng khuyến khích tăng dân số tạo "sức mạnh con người", Israel thu hút người Do Thái định cư để củng cố sự hiện diện dân số, còn Nga triển khai các chương trình khuyến khích sinh đẻ đối phó với suy giảm dân số. Theo Goerres và Vanhuysse (2021), xu hướng già hóa dân số châu Âu đặt ra thách thức về khả năng duy trì bền vững chính sách phúc lợi.

Trước những biến động dân số nhanh chóng đang định hình lại các khía cạnh xã hội, kinh tế và chính trị, nghiên cứu về an ninh dân số như nền tảng bảo vệ an ninh

quốc gia trở nên cấp thiết. Michael và Wertman (2024) nhận định dân số đang ngày càng được chú ý trong nghiên cứu quan hệ quốc tế và an ninh. Già hóa, di cư và biến động cơ cấu dân số đang tạo ra những thách thức lớn cho an ninh quốc gia.

Bài viết xây dựng khung lý thuyết về mối quan hệ giữa an ninh dân số và an ninh quốc gia dựa trên cách tiếp cận toàn diện, từ an ninh quốc phòng, địa chính trị lãnh thổ, phát triển kinh tế-xã hội đến ứng phó với các thách thức toàn cầu, đồng thời đề xuất định hướng chiến lược và giải pháp cụ thể cho việc xây dựng chính sách an ninh dân số phục vụ hiệu quả cho mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA AN NINH DÂN SỐ

2.1. Khái niệm "An ninh dân số"

Mối quan hệ giữa dân số và an ninh có nguồn gốc từ thời cổ đại với các triết gia như Khổng Tử, Plato và Aristotle. Thời Trọng thương coi dân số lớn là sức mạnh quốc gia, trong khi Malthus (1798) cảnh báo tăng trưởng dân số không kiểm soát dẫn đến nghèo đói và xung đột. Tuy nhiên, khái niệm "an ninh dân số" mới xuất hiện vào cuối những năm 1970 trong bối cảnh xung đột Trung Đông. Belarus đầu tiên luật hóa khái niệm này năm 2002, định nghĩa là "trạng thái bảo vệ phát triển kinh tế-xã hội khỏi các đe dọa nhân khẩu học".

Trường hợp tối ưu thì an ninh dân số hướng đến trạng thái bền vững về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội. Theo Paul Demeny (2003), phát triển bền vững dân số bảo đảm an ninh quốc gia dài hạn, vì cấu trúc dân số ảnh hưởng đến năng lực quốc phòng và ổn định xã hội. Tuy nhiên, mục tiêu tối ưu dân số thường đem lại định hướng chính sách khó đạt được toàn diện.

Các định nghĩa về an ninh dân số có sự khác biệt trong trọng tâm: một số nhấn mạnh bảo tồn thông số dân số phù hợp, số khác tập trung vào bảo vệ lợi ích quốc gia khỏi các mối đe dọa, hoặc xem xét tác động của thể chế xã hội. Tuy nhiên, Botev (2024) chỉ ra rằng những khái niệm này thường bị ảnh hưởng bởi hệ tư tưởng hơn là dựa trên bằng chứng thực tế. Chúng có xu hướng an ninh hóa quá mức các thay đổi dân số bằng cách xem đây là mối đe dọa hiện hữu, đồng thời mang tính giản lược khi giả định rằng biến động dân số tự nó tạo ra rủi ro, trong khi thực tế còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thể chế, chính sách và khả năng thích ứng xã hội. Cùng một mô hình dân số có thể được xem là "bùng nổ dân số trẻ" đe dọa trong bối cảnh này nhưng lại là "lợi tức dân số" trong bối cảnh khác. Điều này cho thấy không phải bản thân xu hướng dân số là vấn đề, mà là khả năng thích ứng của xã hội mới tạo nên thách thức thực sự.

Botev (2024) đề xuất khái niệm thay thế - "thích ứng nhân khẩu học": "*Khả năng của các xã hội và cộng đồng trong việc dự đoán, giảm thiểu, và thích ứng với sự thay đổi dân số để quốc gia và người dân có thể phát triển hết tiềm năng trong một thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính kiến tạo về nhân khẩu học, xã hội, kinh tế, chính trị và môi trường.*" Cách tiếp cận này có khả năng khắc phục những hạn chế trước đây bằng cách: (i) Nhấn mạnh vào khả năng thích ứng và chủ động đối phó với biến động dân số thay vì xem nó như mối đe dọa cần phải phòng vệ; (ii) Đưa ra thông điệp tích cực hơn về khả năng phục hồi của dân số; (iii) Tránh an ninh hóa quá mức động lực dân số; (iv) Có thể áp dụng ở cả cấp độ quốc gia, cộng đồng và cá nhân/gia đình. Cách tiếp cận này thừa nhận tầm quan trọng của động lực dân số và khả năng thích ứng, đồng thời ghi nhận phúc lợi và quyền con người là trung tâm của xã hội hiện đại, tạo nên cách tiếp cận thích hợp hơn trong việc hài hòa lợi ích cá nhân, cộng đồng và xã hội.

2.2. Khái niệm và các yếu tố cấu thành an ninh quốc gia

An ninh quốc gia là trạng thái ổn định, phát triển bền vững của quốc gia, trong đó chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia và các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân được bảo đảm (Buzan, 1991). Khái niệm này đã phát triển từ cách tiếp cận truyền thống tập trung vào an ninh quân sự đến cách tiếp cận toàn diện. An ninh quốc gia bao gồm nhiều thành tố: an ninh chính trị đảm bảo ổn định hệ thống chính trị; an ninh quân sự liên quan đến năng lực phòng thủ; an ninh kinh tế tập trung vào ổn định nền kinh tế và an ninh lương thực; an ninh xã hội giải quyết vấn đề dân tộc và bất bình đẳng; an ninh môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu; an ninh thông tin bảo vệ hạ tầng mạng; an ninh văn hóa bảo vệ bản sắc dân tộc; an ninh đối ngoại xây dựng quan hệ quốc tế hòa bình; và an ninh con người đảm bảo quyền con người và an sinh xã hội.

2.3. Cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa an ninh dân số và an ninh quốc gia

2.3.1 Lý thuyết nền tảng

a. Lý thuyết địa chính trị về dân số và không gian sinh tồn

Lý thuyết địa chính trị cổ điển của Ratzel (1844-1904) xác định dân số là yếu tố cốt lõi của "không gian sinh tồn" quốc gia. Quốc gia cần dân số đủ lớn, phân bố hợp lý để chiếm lĩnh, khai thác và bảo vệ lãnh thổ. Mackinder (1860-1947) thì nhấn mạnh tầm quan trọng của cân bằng giữa dân số và tài nguyên trong xác định sức mạnh quốc gia. Quốc gia có dân số phù hợp với tài nguyên sẽ có lợi thế chiến lược. Trong khi đó, Brzezinski (1928-2017) khẳng định vai trò của dân số trong "bàn cờ địa chính

trị toàn cầu", cho rằng thay đổi nhân khẩu học có thể ảnh hưởng đến cán cân quyền lực toàn cầu.

b. Lý thuyết an ninh quốc gia toàn diện và vai trò của dân số

Lý thuyết an ninh quốc gia toàn diện (thập niên 1990) mở rộng khái niệm an ninh vượt phạm vi quân sự, bao gồm an ninh kinh tế, xã hội, môi trường và con người. Trong khung lý thuyết này, dân số là thành tố cốt lõi của an ninh quốc gia toàn diện. Theo Buzan, Waever và de Wilde (1998) thuộc Trường phái Copenhagen, các yếu tố nhân khẩu học như già hóa dân số, mất cân bằng giới tính, di cư quốc tế có thể trở thành vấn đề "an ninh hóa", ảnh hưởng trực tiếp đến ổn định quốc gia. Sciubba (2011) nhấn mạnh xu hướng dân số ảnh hưởng đến cả năng lực quân sự truyền thống lẫn khả năng ứng phó với các mối đe dọa phi truyền thống.

c. Lý thuyết phát triển bền vững và an ninh con người

Báo cáo Brundtland (1987) đặt con người vào trung tâm phát triển và nhấn mạnh tầm quan trọng của cân bằng dân số với môi trường. Amartya Sen và Mahbub ul Haq (1990), với chỉ số HDI, phát triển khái niệm "an ninh con người", xem phát triển bền vững dân số là điều kiện tiên quyết đảm bảo an ninh con người - nền tảng của an ninh quốc gia thế kỷ 21. Norman Myers (2005) liên kết vấn đề dân số với "an ninh môi trường", cho rằng áp lực dân số có thể dẫn đến suy thoái môi trường và xung đột. Phát triển bền vững dân số là chiến lược then chốt giảm thiểu các mối đe dọa này.

d/ Lý thuyết về an ninh dân số và an ninh trong không gian mạng

Lý thuyết an ninh không gian mạng (Trường phái Copenhagen) giải thích cách quốc gia xác định và đối phó với các mối đe dọa liên quan đến dân số trong môi trường số. Hansen và Nissenbaum (2009) xác định việc bảo vệ thông tin và danh tính dân số trong không gian mạng là vấn đề an ninh quốc gia cốt lõi. Trong Lý thuyết sức mạnh số, Nye (2010) và Kuehl (2014) lại nhấn mạnh "nguồn lực dân số trong không gian mạng" - khả năng huy động dân số có kỹ năng số và bảo vệ họ khỏi các mối đe dọa mạng là nguồn lực quốc gia quan trọng. Mức độ phát triển kỹ năng số và khả năng đổi mới sáng tạo của dân số quyết định vị thế quốc gia trong hệ thống quốc tế số hóa.

2.3.2. Tính kiến tạo của biến đổi nhân khẩu học

Khi đề cập đến "tính kiến tạo của biến đổi dân số", các nhà nghiên cứu đang nhấn mạnh đến khả năng của những thay đổi dân số trong việc định hình lại hoặc tái

cấu trúc căn bản các khía cạnh của xã hội, nền kinh tế, công nghệ, môi trường và hệ thống chính trị. Các đặc điểm của tính kiến tạo trong biến đổi nhân khẩu học gồm: (i) Tác động sâu rộng và dài hạn; (ii) Tính không thể đảo ngược; (iii) Tạo nên thách thức và cơ hội mới; (iv) Tạo nên phân bố dân cư không đồng đều; (v) Vai trò quan trọng của bảo vệ bản sắc văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa..

2.3.3. An ninh dân số và An ninh quốc gia

2.3.3.1. Đảm bảo an ninh dân số nhằm bảo vệ an ninh quốc gia

Theo cách tiếp cận của Botev (2024), an ninh dân số là khả năng của xã hội, cộng đồng, cá nhân *dự đoán, giảm thiểu và thích ứng* với những thay đổi dân số nhằm đảm bảo quốc gia và người dân phát triển tối đa tiềm năng trong bối cảnh có nhiều biến động về nhân khẩu học, xã hội, công nghệ, kinh tế, chính trị và môi trường. Theo đó, các yếu tố cốt lõi của việc triển khai an ninh dân số bao gồm: (i) *Tính chủ động và dự báo*: Hiểu rõ quy luật và dự đoán trước những thay đổi dân số, cơ hội/thách thức gắn với những thay đổi đó; (ii) *Khả năng thích ứng*: Phát triển hệ thống đồng bộ chiến lược, giải pháp thích nghi và làm giảm chậm các thay đổi, giảm nhẹ các hậu quả và tận dụng cơ hội; (iii) *Hướng tới sự phát triển bền vững*: Mục tiêu cuối cùng là sự thịnh vượng của xã hội và người dân, với sự tương tác phức tạp giữa các yếu tố nhân khẩu học, xã hội, kinh tế, chính trị và môi trường, vì vậy các mục tiêu về ổn định dân số cũng cần nằm trong hệ thống các mục tiêu phát triển bền vững.

2.3.3.2. Tác động của an ninh dân số tới an ninh quốc gia

*** Dân số và sức mạnh quốc phòng-an ninh**

a. Quy mô và cơ cấu dân số với tiềm lực quốc phòng

Quy mô và cơ cấu dân số ảnh hưởng trực tiếp đến tiềm lực quốc phòng. Dân số đủ lớn cung cấp nguồn nhân lực cho lực lượng vũ trang và tạo nền tảng kinh tế-xã hội vững mạnh để phát triển quốc phòng. Nichiporuk (2000) chỉ ra rằng tỷ lệ sinh, tử vong và cấu trúc tuổi ảnh hưởng đến khả năng huy động quân sự. Quốc gia có tỷ lệ dân số trẻ cao (15-24 tuổi) có lợi thế duy trì lực lượng quân đội lớn, trong khi già hóa dân số làm suy giảm tiềm lực quân sự.

Việt Nam hiện có cơ cấu dân số trẻ thuận lợi với khoảng 23 triệu người trong độ tuổi 15-35, tạo nguồn lực dồi dào cho quốc phòng-an ninh. Tuy nhiên, theo dự báo, tỷ lệ người cao tuổi sẽ tăng từ 12,6% năm 2022 lên khoảng 20% vào năm 2038, đặt ra thách thức cho nguồn nhân lực quốc phòng. Việt Nam cần tận dụng hiệu quả "cơ cấu dân số vàng" để xây dựng tiềm lực quốc phòng, đồng thời chuẩn bị cho giai

đoạn già hóa dân số thông qua hiện đại hóa trang thiết bị và nâng cao chất lượng nhân lực quốc phòng.

b. Phân bố dân cư và bảo vệ an ninh biên giới, hải đảo

Phân bố dân cư hợp lý trên toàn lãnh thổ, đặc biệt tại các vùng biên giới, hải đảo và địa bàn chiến lược, đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ an ninh biên giới và khẳng định chủ quyền lãnh thổ. Sự hiện diện của dân cư tại vùng biên tạo "hàng rào dân sự" bảo vệ biên cương và là cơ sở pháp lý, thực tiễn cho việc khẳng định chủ quyền.

Weiner và Russell (2001) chỉ ra cách nhiều quốc gia sử dụng chính sách phân bố dân cư như công cụ chiến lược củng cố chủ quyền, phân tích trường hợp Israel khuyến khích định cư tại biên giới nhằm tạo cơ sở cho yêu sách chủ quyền. Nghiên cứu cũng cảnh báo mất cân bằng giữa các nhóm sắc tộc, tôn giáo có thể gây xung đột nội bộ, và di cư quốc tế có thể ảnh hưởng đến cân bằng dân tộc và ổn định xã hội.

Tại Việt Nam, chính sách phát triển kinh tế-xã hội vùng biên giới, hải đảo và các chương trình định canh định cư đóng vai trò quan trọng. Chiến lược Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến 2030 xác định phát triển kinh tế gắn với quốc phòng-an ninh và phân bố dân cư hợp lý tại các vùng biển, đảo là ưu tiên hàng đầu. Chương trình 135 và các chính sách dân tộc tập trung phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở biên giới, góp phần ổn định dân cư và tăng cường an ninh biên giới.

c. Chất lượng dân số và năng lực quốc phòng trong kỷ nguyên công nghệ

Trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0 và chiến tranh thông tin, chất lượng dân số - thể hiện qua trình độ học vấn, kỹ năng công nghệ và sức khỏe - đang trở thành yếu tố quyết định năng lực quốc phòng. Chiến tranh hiện đại đòi hỏi không chỉ số lượng mà còn chất lượng cao của nhân lực, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao, không gian mạng và tác chiến điện tử (Libicki, 2007). Vì vậy, quốc gia có dân số được đào tạo tốt về khoa học-công nghệ sẽ có lợi thế chiến lược trong chiến tranh kỹ thuật số.

*** Dân số và phát triển kinh tế - cơ sở vật chất của an ninh quốc gia**

a. "Lợi tức dân số" và tăng trưởng kinh tế

"Lợi tức dân số" là lợi thế kinh tế khi một quốc gia có tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động cao so với dân số phụ thuộc. Lúc này quốc gia có thể tận dụng nguồn nhân lực dồi dào để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, củng cố sức mạnh quốc gia. Bloom và cộng sự (2003) cho rằng "lợi tức dân số" đã đóng góp khoảng 1/3 vào tăng trưởng

kinh tế của các quốc gia Đông Á trong giai đoạn "thần kỳ kinh tế" 1965-1990. Hàn Quốc, Đài Loan và Singapore đã tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số thuận lợi thông qua đầu tư vào giáo dục, y tế và tạo việc làm, đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 6-7% trong ba thập kỷ qua.

Theo UNFPA (2020), Việt Nam đang ở giai đoạn "cơ cấu dân số vàng" với tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) chiếm khoảng 70% tổng dân số. Tận dụng hiệu quả lợi thế này sẽ giúp Việt Nam tăng cường sức mạnh kinh tế, nâng cao vị thế quốc tế và củng cố khả năng bảo vệ chủ quyền quốc gia.

b. Thách thức già hóa dân số đối với an ninh quốc gia

Già hóa dân số là xu hướng tất yếu của quá trình chuyển đổi nhân khẩu học, nhưng nếu diễn ra quá nhanh và không được chuẩn bị thích ứng, có thể gây thách thức nghiêm trọng đối với phát triển kinh tế-xã hội và an ninh quốc gia. Nhật Bản là ví dụ điển hình với tỷ lệ người cao tuổi tăng từ 10% (1985) lên 28,4% (2020) - mức cao nhất thế giới. Điều này góp phần vào tình trạng "mất mát hai thập kỷ" của nền kinh tế Nhật, với tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt khoảng 1% (2000-2020), so với 4-5% trong những thập kỷ trước.

Việt Nam đang đối mặt với tốc độ già hóa dân số nhanh. Thời gian để Việt Nam chuyển từ "già hóa" (7% dân số trên 65 tuổi) sang "già" (14%) chỉ mất khoảng 17-20 năm, trong khi các nước phát triển mất trên 100 năm, đặt ra thách thức lớn cho phát triển và an ninh quốc gia.

c. Chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh quốc gia

Trong nền kinh tế tri thức toàn cầu, chất lượng nguồn nhân lực đã trở thành yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia. Quốc gia có nguồn nhân lực chất lượng cao thường đạt vị thế kinh tế vững mạnh và bảo vệ lợi ích quốc gia hiệu quả hơn trong cạnh tranh toàn cầu.

Porter và cộng sự (2008) cho rằng năng lực cạnh tranh quốc gia phụ thuộc chủ yếu vào khả năng phát triển, thu hút và giữ chân nhân lực tài năng. Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2019) xác định chất lượng giáo dục, đào tạo và đổi mới sáng tạo là yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh dài hạn.

Singapore minh họa rõ nét mối liên hệ này. Với diện tích nhỏ và dân số 5,7 triệu người, Singapore đã trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhất thế giới nhờ các chính sách nhân khẩu học chiến lược và đầu tư mạnh vào giáo dục (Lee, 2000).

Trong kỷ nguyên số, Nye (2010) cho rằng "nguồn lực số" đã trở thành chiều kích mới của quyền lực quốc gia. Mỹ, Israel và Trung Quốc đã đầu tư mạnh vào đào tạo nhân lực công nghệ thông tin và an ninh mạng. Evans và Reeder (2010) khẳng định thiếu nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực an ninh mạng đã trở thành điểm yếu chiến lược của nhiều quốc gia.

**** Dân số và thách thức an ninh phi truyền thống***

a. Dân số và an ninh môi trường, tài nguyên

Áp lực dân số quá mức có thể dẫn đến suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên, và làm trầm trọng tác động của biến đổi khí hậu, từ đó đe dọa an ninh quốc gia và chủ quyền lãnh thổ. Với mật độ dân số cao và đường bờ biển dài, Việt Nam đang đối mặt với nhiều nguy cơ từ biến đổi khí hậu và áp lực tài nguyên. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu. Đồng bằng sông Cửu Long với 17 triệu dân đang đối mặt với nguy cơ nước biển dâng, xâm nhập mặn và sạt lở. Nếu mực nước biển dâng 1m, khoảng 40% diện tích đồng bằng có thể bị ngập, ảnh hưởng đến an ninh lương thực.

b. Dân số, di cư và an ninh xã hội

Di cư là hiện tượng nhân khẩu học ảnh hưởng sâu sắc đến an ninh xã hội và chủ quyền quốc gia. Các luồng di cư quy mô lớn có thể tạo ra thách thức an ninh phức tạp, từ xung đột xã hội đến áp lực về tài nguyên và dịch vụ công.

Di cư quốc tế gia tăng gấp 3 lần trong giai đoạn 1970-2019 - chiếm 3,5% dân số toàn cầu. Biến đổi khí hậu, xung đột và bất bình đẳng kinh tế-xã hội dự báo sẽ làm gia tăng áp lực di cư, tạo thách thức an ninh mới. Adamson (2006) chỉ ra ba cơ chế ảnh hưởng của di cư đến an ninh quốc gia: thay đổi cân bằng quyền lực giữa các nhóm dân tộc-tôn giáo, tạo mạng lưới xuyên quốc gia có thể được sử dụng cho hoạt động phi chính phủ, và làm trầm trọng căng thẳng sắc tộc-tôn giáo.

Tuy nhiên, di cư cũng mang lại lợi ích khi được quản lý hiệu quả và di dân bền vững, theo Erdal (2018), là quá trình đảm bảo lợi ích cho các bên trong hiện tại và tương lai, với cơ chế bồi thường thiệt hại khi phát sinh. Cộng đồng người ở nước ngoài đóng góp vào phát triển kinh tế quốc gia thông qua kiều hối, đầu tư và chuyển giao công nghệ, đồng thời tăng cường vị thế quốc gia.

c. Dân số và an ninh văn hóa, bản sắc dân tộc

Dân số không chỉ là yếu tố số lượng mà còn là chủ thể và môi trường bảo tồn, phát triển bản sắc văn hóa dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, việc duy

trì và phát huy bản sắc văn hóa đã trở thành khía cạnh quan trọng của an ninh quốc gia và chủ quyền văn hóa.

Huntington (1996) cho rằng văn hóa và bản sắc dân tộc sẽ trở thành động lực chính của xung đột và hợp tác quốc tế trong thế kỷ 21. Quốc gia có nền văn hóa vững mạnh và gắn kết sẽ có lợi thế trong việc duy trì ổn định nội bộ và vị thế quốc tế. Joseph Nye nhấn mạnh vai trò của văn hóa và bản sắc dân tộc như nguồn lực quan trọng của "sức mạnh mềm", với khả năng thu hút và thuyết phục phụ thuộc vào sức hấp dẫn của văn hóa và giá trị dân tộc. Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc đã đầu tư mạnh vào bảo tồn và quảng bá văn hóa. Làn sóng Hallyu không chỉ mang lại giá trị kinh tế lớn mà còn nâng cao vị thế của Hàn Quốc trên trường quốc tế. Đối với Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định "văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội" và ưu tiên "xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

d. An ninh dân số và an ninh quốc gia trên không gian mạng

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, dữ liệu dân cư trở thành tài sản chiến lược, và việc đảm bảo an toàn thông tin cá nhân trở thành nội dung trọng yếu của an ninh quốc gia. Ở Việt Nam, Luật An ninh mạng 2018 xác định dữ liệu cá nhân, thông tin nhân khẩu học, sinh trắc học là "dữ liệu quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia" và yêu cầu các nền tảng số nước ngoài phải lưu trữ tại Việt Nam để đảm bảo chủ quyền số. Theo OECD (2023), việc thiếu hiểu biết số trong một bộ phận dân cư, đặc biệt là thanh thiếu niên và người cao tuổi, khiến họ dễ bị tổn thương bởi các hình thức tấn công xã hội như giả mạo danh tính và lừa đảo trực tuyến. Những vấn đề này không chỉ là rủi ro cá nhân mà còn ảnh hưởng đến ổn định xã hội và lòng tin thể chế, từ đó tác động tới an ninh quốc gia.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC AN NINH DÂN SỐ VIỆT NAM

3.1. Duy trì quy mô và cơ cấu dân số hợp lý

Để đảm bảo an ninh dân số, cần triển khai đồng bộ các chính sách:

Duy trì mức sinh hợp lý: Cần duy trì mức sinh thay thế (khoảng 2,1-2,2 con/phụ nữ) để tránh suy giảm dân số. Thực hiện chính sách khuyến sinh linh hoạt tại các đô thị và đồng bằng có mức sinh thấp, đồng thời tiếp tục kế hoạch hóa gia đình tại vùng khó khăn có mức sinh cao. Thực hiện tốt chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em.

Điều chỉnh mất cân bằng giới tính khi sinh: Triển khai biện pháp ngăn chặn nạo phá thai chọn lọc giới tính và thực hiện truyền thông thay đổi quan niệm trọng

nam khinh nữ, nhằm đưa tỷ lệ giới tính khi sinh về mức tự nhiên vào năm 2030.

Hỗ trợ gia đình sinh con và nuôi dạy con: Áp dụng kinh nghiệm Bắc Âu về chính sách hỗ trợ gia đình toàn diện, bao gồm trợ cấp trẻ em, ưu đãi thuế, dịch vụ chăm sóc trẻ giá phải chăng, và chế độ nghỉ thai sản/phụ huynh hợp lý.

Phân bố dân cư hợp lý: Thực hiện quy hoạch tổng thể kinh tế-xã hội gắn với phân bố dân cư, giảm áp lực đô thị lớn, phát triển đô thị vừa và nhỏ, đồng thời tăng cường dân cư tại vùng biên giới, hải đảo.

Phát triển dân số vùng biên giới, hải đảo: Xây dựng chính sách đặc thù về tài chính, đất đai, việc làm, giáo dục và y tế để khuyến khích định cư lâu dài, phát triển khu kinh tế biên giới và ven biển để tạo việc làm và thu hút dân cư.

3.2. Nâng cao chất lượng dân số toàn diện

Nâng cao chất lượng dân số là ưu tiên hàng đầu trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế gay gắt và yêu cầu hiện đại hóa đất nước:

Cải thiện chăm sóc sức khỏe bà mẹ-trẻ em: Đầu tư vào hệ thống chăm sóc sức khỏe, đặc biệt tại vùng nông thôn, miền núi và vùng dân tộc thiểu số. Bảo đảm chăm sóc trước sinh, trong khi sinh và sau sinh để nâng cao chất lượng dân số từ gốc.

Cải thiện dinh dưỡng và tầm vóc: Triển khai các chương trình dinh dưỡng học đường và phòng chống suy dinh dưỡng. Đến 2030, mục tiêu chiều cao trung bình nam thanh niên đạt 168,5 cm và nữ đạt 157,5 cm.

Đổi mới giáo dục-đào tạo: Phát triển giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0. Tăng cường giáo dục STEM, kỹ năng số và ngoại ngữ từ cấp phổ thông.

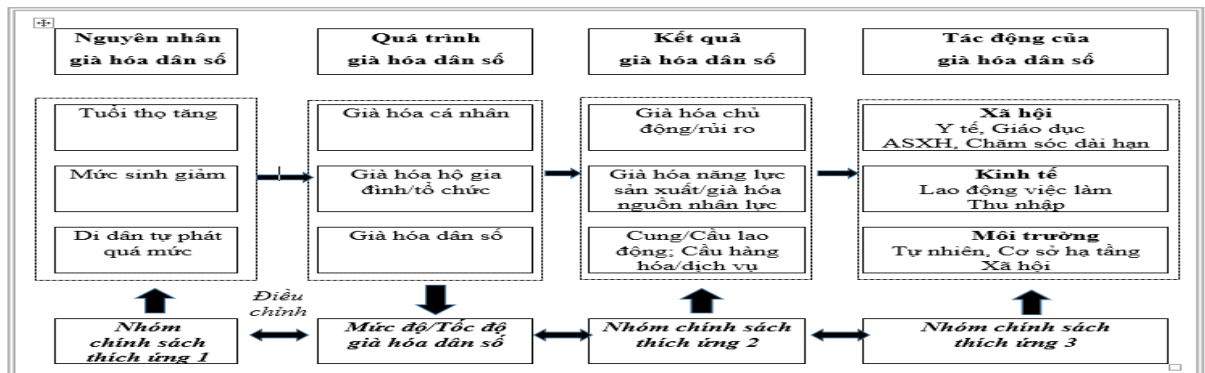
Phát triển nhân lực chất lượng cao: Tăng số cán bộ nghiên cứu khoa học (15 người/10.000 dân vào 2030). Đầu tư nhân lực trong các ngành công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo và lĩnh vực mới với giải pháp thu hút nhân tài và hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo tầm quốc tế.

Phát triển kỹ năng thích ứng và ý thức quốc phòng: Xây dựng hệ thống đào tạo nghề linh hoạt và tăng cường giáo dục ý thức quốc phòng-an ninh cho thế hệ trẻ.

3.3. Ứng phó hiệu quả với già hóa dân số

Khuôn khổ phân tích xác định 3 nhóm chính sách thích ứng già hóa được thiết kế như sau :

Hình 1. Khung phân tích chính sách thích ứng già hóa dân số



Nguồn: N.Q.An và cộng sự, 2023, tr 151

Nhóm 1 - Chính sách dân số: Nhằm ổn định mức sinh thay thế và làm chậm xu hướng giảm sinh để giảm tốc độ già hóa. Can thiệp cần thực hiện trước khi tỷ suất sinh giảm dưới ngưỡng an toàn 1,5-1,8 con/phụ nữ. Chính sách điều tiết di dân giúp cân bằng dân số giữa các vùng, góp phần giảm tốc độ giảm sinh và giảm già hóa dân số. Nâng cao chất lượng dân số và tăng tuổi thọ khỏe mạnh giúp giảm áp lực chi phí khám chữa bệnh.

Nhóm 2 - Chính sách dài hạn: Tận dụng thời kỳ cơ cấu dân số vàng, giảm thiểu nguy cơ già hóa năng lực sản xuất và các rủi ro về việc làm, thu nhập, sức khỏe của nhóm trẻ. Tạo cơ hội cho thế hệ người cao tuổi tương lai phát triển khỏe mạnh, giàu có và khuyến khích chuẩn bị cho tuổi già từ khi còn trẻ. Chính sách gồm: giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe, nâng cao tỷ lệ người có khả năng lao động, điều chỉnh tuổi lao động, chính sách việc làm cho thanh niên, hưu trí bền vững và chăm sóc sức khỏe dài hạn.

Nhóm 3 - Chính sách đối với người cao tuổi: Tập trung cải tiến sản phẩm, dịch vụ kinh tế-xã hội trở nên thân thiện với người cao tuổi, tạo điều kiện để họ tiếp tục cống hiến và duy trì cuộc sống độc lập. Bao gồm chính sách việc làm cho người cao tuổi, phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông, nhà ở thân thiện.

3.4. Phát triển nguồn nhân lực cho quốc phòng-an ninh hiện đại

Hiện đại hóa nhân lực quốc phòng thông qua các giải pháp: Nâng cao chất lượng tuyển quân kết hợp nghĩa vụ với tuyển chọn chuyên nghiệp; Đào tạo nhân lực công nghệ cao trong lĩnh vực CNTT, không gian mạng, vũ trụ, trí tuệ nhân tạo; Phát triển đội ngũ chuyên gia cho công nghiệp quốc phòng, tăng cường tự chủ về vũ khí; Đào tạo nhân lực đối phó an ninh phi truyền thống (mạng, môi trường, năng lượng, lương thực); và Hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực quốc phòng với các nước tiên tiến.

3.5. Thực hiện di dân lao động bền vững và phát huy vai trò của người Việt Nam ở nước ngoài

** Thực hiện di dân lao động bền vững cần lưu ý:*

Di dân lao động bền vững đòi hỏi cân nhắc phạm vi rộng của chi phí và lợi ích, không chỉ về tài chính, mà còn bao gồm an toàn tính mạng, sức khỏe thể chất, tinh thần cùng các lợi ích về kinh nghiệm, kỹ năng và hình thành tác phong lao động. Tính bền vững của di dân cần được đánh giá đa chiều trên các khía cạnh chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa; ở nhiều cấp độ từ cá nhân, cộng đồng đến vùng và quốc gia; xuyên suốt các giai đoạn di dân từ quốc gia xuất xứ đến điểm đến. Để thúc đẩy di dân lao động bền vững, cần hiểu rõ cơ chế tạo ra chi phí-lợi ích theo các loại hình di dân khác nhau, từ đó giảm thiểu tác động tiêu cực và tối đa hóa lợi ích. Đồng thời, cần xây dựng nền tảng chuẩn mực cân bằng giữa các bên khi lợi ích xung đột, đặc biệt khi cùng một yếu tố có thể được đánh giá khác nhau bởi các cá nhân, cộng đồng khác nhau.

** Phát huy vai trò của người Việt Nam ở nước ngoài*

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong phát triển và bảo vệ đất nước. Việt Nam cần chính sách đặc thù thu hút chuyên gia, trí thức kiều bào về nước đóng góp vào phát triển khoa học-công nghệ và kinh tế-xã hội. Cải thiện môi trường đầu tư, đơn giản hóa thủ tục và có chính sách ưu đãi sẽ thu hút nguồn lực đầu tư từ cộng đồng này vào các lĩnh vực ưu tiên. Họ còn là cầu nối văn hóa và ngoại giao nhân dân, gìn giữ bản sắc văn hóa và làm "đại sứ văn hóa" giới thiệu Việt Nam với thế giới. Tăng cường bảo hộ công dân, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và hỗ trợ hội nhập xã hội sở tại rất cần thiết. Đặc biệt, cộng đồng này có thể đóng vai trò quan trọng trong việc vận động ủng hộ lập trường chính nghĩa và tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

KẾT LUẬN

Đảm bảo an ninh dân số là nền tảng quan trọng cho an ninh quốc gia thế kỷ 21, không chỉ về quốc phòng truyền thống mà còn về năng lực cạnh tranh kinh tế, sức mạnh văn hóa và khả năng ứng phó với thách thức toàn cầu.

Việt Nam đạt nhiều thành tựu về dân số trong ba thập kỷ, tạo nền tảng phát triển kinh tế-xã hội và nâng cao vị thế quốc tế. Tuy nhiên, thách thức mới như già hóa dân số nhanh, mất cân bằng giới tính khi sinh, hạn chế về chất lượng dân số và tác động của biến đổi khí hậu đến phân bố dân cư đặt ra yêu cầu mới. Để bảo đảm dân số phục vụ hiệu quả cho an ninh quốc gia, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ: duy trì

quy mô và cơ cấu dân số hợp lý, nâng cao chất lượng dân số, ứng phó với già hóa dân số, phát triển nhân lực quốc phòng-an ninh hiện đại, thực hiện di dân lao động bền vững và phát huy vai trò người Việt ở nước ngoài.

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt, đảm bảo an ninh dân số không chỉ là mục tiêu phát triển xã hội mà còn là chiến lược an ninh quốc gia dài hạn, đầu tư vào nền tảng vững chắc cho độc lập, tự chủ và chủ quyền quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- Adamson, F. B. (2006). Crossing Borders: International Migration and National Security. *International Security*, 31(1), 165-199
- Buzan B, Ole Wæver, Jaap de Wilde, 1998, *Security, a new Framework for Analysis*, Lynne Rienner Publishers, Inc
- Bloom, D. E., Canning, D., & Sevilla, J. (2003). "The demographic dividend: A new perspective on the economic consequences of population change." RAND Corporation
- Buzan, B. (1991). *People, states and fear: An agenda for international security studies in the post-cold war era* (2nd ed.). Harvester Wheatsheaf
- Demeny, Paul. 2003. "Population policy: A concise summary," Policy Research Division Working Paper no. 173. New York: Population Council
- Erdal, Marta Bivand; Jørgen Carling; Cindy Horst & Cathrine Talleraas (2018) *Defining Sustainable Migration*, PRIO Paper. Oslo: PRIO, p.6
- Evans, K., & Reeder, F. (2010). "A Human Capital Crisis in Cybersecurity: Technical Proficiency Matters." Center for Strategic and International Studies
- Goerres, A., & Vanhuysse, P. (2021). Introduction: Political Demography as an Analytical Window on our World. In *Global Political Demography: The Politics of Population Change* (pp. 1-27). Palgrave Macmillan
- Hansen, L., & Nissenbaum, H. (2009). Digital Disaster, Cyber Security, and the Copenhagen School. *International Studies Quarterly*, 53(4), 1155-1175
- Huntington, S. P. (1996). *The Clash of Civilizations and the Remaking of World Order*. New York: Simon & Schuster
- Lee, K. Y. (2000). *From Third World to First: The Singapore Story 1965-2000*. New York: HarperCollins Publishers

- Libicki, M. C. (2007). *Conquest in Cyberspace: National Security and Information Warfare*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
- Michael E. Porter, Mercedes Delgado, Christian Ketels và Scott Stern 2008 "Moving to a new global competitiveness index" chapter 2 in *The Global Competitiveness Report 2008-2009* © 2008 World Economic Forum
- Michael, K., & Wertman, O. (2024). Introduction – The Demography-Security Nexus. *Strategic Assessment*, 27(2), 8-21
- Ngô Quỳnh An, Doãn Thị Mai Hương, 2023, *Hệ thống hóa khung chính sách thích ứng với già hóa dân số, Kỳ yếu HTQT: Ảnh hưởng của già hóa dân số đến phát triển kinh tế*, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, viện Hàn Lâm khoa học xã hội Việt Nam, ISBN: 978-604-79-3720-2
- Nichiporuk, B. (2000). *The Security Dynamics of Demographic Factors*. Santa Monica, CA: RAND Corporation.
- Nikolai Botev, 2024, *On the Concept of Demographic Security: A critical synthesis*, *Journal of Human Security Studies*. Vol 13, No 2, p45-64
- Nye, J. S. (2010). *Cyber power*. Belfer Center for Science and International Affairs, Harvard Kennedy School
- OECD. (2023). *Digital Security and Digital Literacy: Emerging Challenges*. Organisation for Economic Co-operation and Development
- Sciubba, Jennifer Dabbs. 2012. "Demography and Instability in the Developing World." *Orbis*, 56(2): 267-277.
- UNFPA Vietnam. (2020). "Tận dụng lợi tức dân số ở Việt Nam: Cơ hội, thách thức và các khuyến nghị chính sách."
- Weiner, M., & Russell, S. S. (Eds.). (2001). *Demography and National Security*. New York: Berghahn Books.

**KẾT HỢP CÙNG CỘ, LAN TỎA GIÁ TRỊ ĐÚNG ĐẮN VÀ ĐẤU
TRANH, PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI TRONG TUYÊN
TRUYỀN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN
KHÔNG GIAN MẠNG VÀ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ
TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỦA MỖI CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG
CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC**

Chi bộ Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE

***Tóm tắt:** Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và sự phát triển mạnh mẽ của không gian mạng là một nhiệm vụ sống còn, quyết định vận mệnh của cách mạng và đất nước. Nền tảng tư tưởng được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đang phải đối mặt với những thách thức từ các thế lực thù địch lợi dụng công nghệ thông tin để phát tán thông tin sai lệch. Đảng đã ban hành Nghị quyết 35-NQ/TW (2018) nhằm tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng, nhấn mạnh sự cần thiết phải kết hợp giữa "xây dựng giá trị tích cực" và "chống lại luận điệu sai trái" trong công tác tuyên truyền.*

Các giải pháp cụ thể bao gồm nâng cao nhận thức xã hội về chủ nghĩa xã hội, giáo dục thế hệ trẻ, và phát huy sức mạnh của các lực lượng truyền thông hiện đại. Đồng thời, cần tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao cảnh giác trước các quan điểm sai trái, và phát huy vai trò của toàn dân trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng.

Từ đó, chúng ta nhận thức được rằng Bảo vệ nền tảng tư tưởng là nhiệm vụ sống còn của Đảng, quyết định vận mệnh của cách mạng và đất nước và là trách nhiệm của mỗi cán bộ, Đảng viên trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Với tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, mỗi cán bộ, Đảng viên cần rèn luyện bản lĩnh, kiên định lý tưởng, đấu tranh chống suy thoái, giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh của Đảng để đất nước vượt qua mọi thách thức, vươn lên hùng cường trên con đường xã hội chủ nghĩa.

1. Kết hợp "xây dựng giá trị tích cực" và "chống lại luận điệu sai trái" trong tuyên truyền bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ, không gian mạng trở thành mặt trận tư tưởng – văn hóa mới, nơi mỗi người tiếp

cận thông tin, chia sẻ quan điểm, đồng thời cũng là nơi diễn ra những quan điểm về tư tưởng, chính trị. Việc kết hợp hiệu quả giữa "xây dựng giá trị tích cực" và "chống lại luận điệu sai trái" trong tuyên truyền bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng đã và đang trở thành nhiệm vụ cấp thiết, góp phần giữ vững định hướng tư tưởng xã hội và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là kim chỉ nam cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển như vũ bão của công nghệ truyền thông, những thế lực thù địch đang lợi dụng không gian mạng để tung ra nhiều luận điệu sai trái, xuyên tạc về Đảng và định hướng xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình đó, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết 35-NQ/TW (2018) về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Việc "xây" là việc tạo lập, phát triển các giá trị tư tưởng, lý luận vững chắc, khẳng định niềm tin vào Đảng, vào con đường phát triển của đất nước. Việc xây dựng này bao gồm việc tuyên truyền các thành tựu, chính sách của Đảng, giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ và khuyến khích sự tham gia của người dân vào các hoạt động xã hội. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng niềm tin và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bên cạnh đó, việc "chống" là việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, ngăn chặn những thông tin xấu độc, xuyên tạc sự thật. Điều này bao gồm việc phát hiện, xử lý kịp thời các thông tin sai lệch, đồng thời nâng cao khả năng nhận thức của người dân để họ có thể tự bảo vệ mình trước những thông tin xấu. Việc kết hợp "xây" và "chống lại luận điệu sai trái" giúp tạo ra một thế trận vững chắc trong công tác tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Nó không chỉ giúp nâng cao nhận thức của người dân mà còn tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc đấu tranh với các thế lực thù địch. Nghiên cứu của Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách về thông tin và truyền thông cho thấy rằng việc kết hợp này giúp tăng cường hiệu quả tuyên truyền và bảo vệ tư tưởng.

Để thực hiện hiệu quả việc "xây", cần tăng cường tuyên truyền chính xác, sinh động về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước bằng ngôn ngữ hiện đại, dễ hiểu, gần gũi với các tầng lớp nhân dân. Đa dạng hóa hình thức thể hiện cũng là một yếu tố quan trọng, sử dụng infographic, video ngắn, livestream, podcast để tăng tính lan tỏa, nhất là đối với giới trẻ. Từng nội dung cần được thiết kế hút mắt, có dẫn chứng, trích dẫn tin cậy. Khai thác sức mạnh của người trẻ, trí thức, người có sức ảnh hưởng yêu nước cũng là một

cách hiệu quả để tạo điều kiện cho họ trở thành người truyền động, lan tỏa giá trị tốt đẹp của Đảng, nhà nước và văn hóa dân tộc Việt Nam. Các mô hình hay, cách làm sáng tạo như fanpage "Thông tin Chính phủ" đang tiếp cận được nhiều tầng lớp nhân dân.

Về phần "chống lại luận điệu sai trái", việc nhận diện mối nguy từ các thế lực thù địch, những đối tượng thường đánh vào niềm tin, làm lệch lạc sự thật, bóp méo lịch sử, kích động chia rẽ đoàn kết. Phương thức đấu tranh cần sử dụng lý luận chính xác, chứng cứ sống động, phản biện văn minh, không cực đoan. Từng vụ việc cần được phân tích bình tĩnh, chống bằng cách "vạch rõ - nói hay". Phát huy vai trò của pháp luật và công nghệ cũng là một giải pháp hiệu quả; Luật An ninh mạng là công cụ hữu hiệu trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng. Trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn giúp sớm phát hiện và ngăn chặn thông tin độc hại, từ đó bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng một cách hiệu quả hơn. Thực tiễn đấu tranh cũng cho thấy những vụ việc như xuyên tạc về đại dịch, các vụ án chính trị, hay bôi nhọ các cá nhân là lãnh đạo đã được xử lý quyết liệt, cho thấy sự vào cuộc mạnh mẽ của các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ sự thật và đấu tranh với các luận điệu sai trái.

Để thực hiện hiệu quả việc kết hợp "xây" và "chống lại luận điệu sai trái", cần có những giải pháp đồng bộ. Trước hết, việc tuyên truyền tích cực là rất quan trọng. Sử dụng và kiểm duyệt các kênh truyền thông hiện đại như mạng xã hội, blog, video để lan tỏa thông tin tích cực về thành tựu của Đảng và Nhà nước. Các bài viết, video phỏng vấn, và các chương trình truyền hình có thể được sử dụng để giới thiệu các tấm gương điển hình trong xã hội. Việc này không chỉ giúp nâng cao nhận thức mà còn tạo ra sự đồng thuận trong xã hội.

Tiếp theo, cần phát triển lực lượng truyền thông Đảng thế hệ mới, với những người trẻ, nhạy bén, hiểu công nghệ, có tinh thần dân tộc và trách nhiệm xã hội. Họ sẽ là những người tiên phong trong việc lan tỏa các giá trị tốt đẹp của Đảng và Nhà nước.

Ngoài ra, tổ chức các chương trình giáo dục, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng cũng là một giải pháp cần thiết. Các khóa học trực tuyến có thể được phát triển để tiếp cận đông đảo người dân, từ đó tạo ra một cộng đồng có trách nhiệm trong việc bảo vệ các giá trị tư tưởng.

Cuối cùng, việc phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng như tuyên giáo, công an, trường học, doanh nghiệp công nghệ cần được thực hiện chặt chẽ. Sự hợp tác này sẽ

tạo ra một mạng lưới bảo vệ vững chắc cho nền tảng tư tưởng của Đảng, giúp nâng cao hiệu quả trong công tác tuyên truyền và đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái.

Có thể nói, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng không chỉ là trách nhiệm của cơ quan tuyên giáo hay chính quyền, mà cần sự vào cuộc của mọi công dân, đặc biệt là lực lượng trẻ. Chỉ khi kết hợp hài hòa giữa "xây" và "chống lại luận điệu sai trái", chúng ta mới có thể tạo nên một thể trận vững chắc trên không gian mạng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững độc lập – tự chủ – ổn định chính trị và phát triển bền vững đất nước trong thời đại mới.

2. Trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng của mỗi cán bộ, Đảng viên trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một nhiệm vụ sống còn, quyết định vận mệnh của cách mạng và đất nước, đồng thời là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong thời đại mới. Với tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao, mỗi cán bộ, đảng viên cần rèn luyện bản lĩnh, kiên định lý tưởng, đấu tranh chống lại sự suy thoái, giữ gìn sự trong sạch và vững mạnh của Đảng, từ đó giúp đất nước vượt qua mọi thách thức và vươn lên hùng cường trên con đường xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện nhiệm vụ này, trước tiên, cần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhằm xây dựng một "hệ miễn dịch" vững chắc về tư tưởng. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu và sự bùng nổ của công nghệ thông tin, lĩnh vực tư tưởng, lý luận đang phải đối mặt với những thách thức ngày càng gay gắt. Đảng ta đã chỉ ra rằng: "Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước ngày càng điên cuồng, quyết liệt và tinh vi hơn." Do đó, việc tuyên truyền và giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước là vô cùng cần thiết.

Thứ hai, cần đưa vào nội dung giảng dạy những tri thức cơ bản giúp học sinh, sinh viên nhận thức rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và góp phần đấu tranh với các quan điểm sai trái. Các thế lực thù địch thường tập trung vào thế hệ trẻ, xem đây là chiến lược dài hạn nhằm chuyển hóa tư tưởng của học sinh, sinh viên, làm phai nhạt lý tưởng cộng sản. Học sinh, sinh viên là lực lượng trẻ, có tri thức và nhạy bén với cái mới, do đó, họ thường là đối tượng của các hoạt động diễn biến hòa bình. Các Bộ, ban ngành liên quan như Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Công An, và Ban Tuyên giáo

Trung ương cần phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng và triển khai các nội dung giáo dục về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong sách giáo khoa, đặc biệt là ở cấp phổ thông cũng như phát hiện và ngăn chặn những âm mưu diễn biến hòa bình của lực lượng thù địch.

Cùng với đó, cần tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên, nhằm ngăn chặn và đẩy lùi những biểu hiện thoái hóa. Việc giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc và giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là rất quan trọng, giúp thế hệ trẻ nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tiếp bước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, cần nâng cao nhận thức trong toàn xã hội, đề cao cảnh giác trước các quan điểm phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Việc tổ chức thường xuyên các hoạt động học tập, quán triệt và kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng là cần thiết. Tuyên truyền nội bộ kết hợp với công khai trên các phương tiện truyền thông về âm mưu diễn biến hòa bình của các lực lượng thù địch sẽ giúp các tầng lớp trong xã hội nâng cao tinh thần cảnh giác, đủ sức “đề kháng” trước các quan điểm chống chủ nghĩa xã hội.

Cần tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ về diễn biến hòa bình và “tự diễn biến”. Việc đổi mới cách đưa thông tin, khắc phục tình trạng thiếu thông tin trong xã hội là rất quan trọng. Nhân dân cần được thông tin nhanh chóng, kịp thời, ngay cả với những vấn đề nhạy cảm như kỷ luật cán bộ sai phạm về chính trị. Nhu cầu thông tin trong thời đại ngày nay là rất lớn; những thông tin không rõ ràng chỉ làm tăng tính tò mò và dẫn đến việc người dân tìm kiếm thông tin từ các nguồn không chính thống, gây mất định hướng.

Cuối cùng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ là nhiệm vụ của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ mà còn là trách nhiệm của toàn dân. Các cấp ủy đảng cần chú trọng công tác vận động quần chúng, gắn kết mật thiết với nhân dân trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng. Cần phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lắng nghe ý kiến đóng góp của nhân dân để kịp thời điều chỉnh, bổ sung đường lối, chính sách cho phù hợp. Đồng thời, cần tích cực vận động, hướng dẫn nhân dân lý giải những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, phát huy vai trò giám sát và cảnh giác cao với các âm mưu, luận điệu xuyên tạc, phá hoại của các thế lực thù địch.

Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ trọng yếu, then chốt, quyết định sự lãnh đạo của Đảng, vận mệnh của cách mạng và đất nước. Với tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao, bằng nhiều giải pháp đồng bộ từ tuyên truyền,

xây dựng đội ngũ cán bộ, siết chặt kỷ luật đến phát huy sức mạnh toàn dân, sự nghiệp bảo vệ nền tảng tư tưởng sẽ ngày càng được củng cố và phát triển.

Mỗi cán bộ, đảng viên cần thấm nhuần sâu sắc lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao trách nhiệm và ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện, quyết tâm đấu tranh phòng chống các biểu hiện suy thoái, đi ngược lại lý tưởng cách mạng. Chỉ khi Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh thì mới xứng đáng với niềm tin của nhân dân, đủ sức lãnh đạo đất nước vượt qua mọi thách thức, vươn lên hùng cường trên con đường xã hội chủ nghĩa.

Có thể khẳng định rằng, nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của cấp ủy, tổ chức đảng và toàn bộ hệ thống chính trị là tự phát hiện và đối phó với các quan điểm sai trái và thù địch. Điều này đặc biệt quan trọng đối với mỗi cán bộ và đảng viên. Việc thực hiện tốt những nhiệm vụ này sẽ đóng góp vào việc ngăn chặn hiệu quả và giảm thiểu tác hại từ các âm mưu, chiêu trò, thủ đoạn và luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch và phản động. Đồng thời, điều này cũng góp phần ổn định tư tưởng xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và thành công trong việc thực hiện các nghị quyết của đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Tóm lại, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một nhiệm vụ không chỉ của riêng ai mà là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Chỉ khi tất cả chúng ta cùng chung tay, đồng lòng, chúng ta mới có thể xây dựng một xã hội vững mạnh, kiên định với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, từ đó góp phần vào sự phát triển bền vững của

đất nước trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Thị Thúy Kiều (2023), “Ngành Công Thương kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống” trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, Tạp chí điện tử Quản lý thị trường.
2. Phan Hải Hồ (2024), “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh mới”, Tạp chí Cộng sản.
3. Đoàn Thanh niên Bộ đội Biên phòng Tỉnh đoàn Đồng Tháp (2023), “Dựa vào nhân dân để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; huy động sự tham gia đông đảo của nhân dân trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, Tỉnh đoàn Đồng Tháp.

4. Nguyễn Thị Loan (2024), “Cuộc chiến bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng”, Tạp chí điện tử Quản lý thị trường.
5. VKSND huyện Mộc Châu (2024), “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng”, Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh Sơn La.
6. Đinh Thế Cường (2024), “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong xu thế phát triển của internet, mạng xã hội”, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị.
7. Giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng trong giai đoạn hiện nay (2023), Cổng thông tin điện tử Đảng bộ Tỉnh An Giang.
8. Thái Thị Duy Quyên (2020), “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng”, Tạp chí Cộng sản.
9. Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về việc “Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch”.

CÔNG TÁC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY: PHƯƠNG THỨC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Vũ Hoàng Nam

Chi bộ Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE

1. Mở đầu

Đất nước ta trong những năm qua dưới sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị, cùng với sự đồng tình, hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, đã khắc phục, vượt qua được những khó khăn rất lớn, những tác động tiêu cực do dịch bệnh, thiên tai, bão lụt, hạn hán xảy ra. Chính nhờ vào những chính sách hỗ trợ kịp thời, sự sáng tạo trong công tác phòng chống dịch, cùng với tinh thần tương thân tương ái, nhân dân đã chung tay giúp đỡ nhau vượt qua thời kỳ khó khăn. Các chương trình an sinh xã hội được triển khai rộng rãi, giúp đỡ hàng triệu người dân vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống. Đặc biệt, trong công tác phòng chống dịch COVID-19, Việt Nam đã nhận được sự đánh giá cao từ cộng đồng quốc tế về sự nỗ lực, chủ động, sáng tạo trong việc ứng phó với đại dịch. Những thành tựu nổi bật như tăng trưởng kinh tế ổn định, cải thiện chất lượng đời sống, tiến bộ trong công tác giáo dục, y tế, và sự vươn lên của nền khoa học công nghệ cũng chính là minh chứng cho tinh thần vượt khó, sáng tạo và khát vọng xây dựng một đất nước vững mạnh, phồn vinh. Đây là những minh chứng sinh động, khẳng định tính ưu việt của chế độ; truyền thống đoàn kết, yêu nước, lòng nhân ái và ý chí kiên cường của nhân dân ta, cũng như sự vững mạnh của hệ thống chính trị trong việc dẫn dắt đất nước vượt qua thử thách. Với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự đoàn kết toàn dân, đất nước ta sẽ không ngừng phát triển, bảo vệ và phát huy những giá trị tốt đẹp, đưa dân tộc Việt Nam vững bước vào tương lai, sánh vai cùng các quốc gia trên thế giới.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam”. Hiện nay, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày

càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa; song, con đường đất nước ta kiên định đang và sẽ tiếp tục trải qua vô vàn khó khăn, thách thức. Do đó, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là hết sức quan trọng, được Đảng ta đặc biệt quan tâm và thực tế đã và đang đạt nhiều kết quả tích cực.

2. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Quán triệt rõ, công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương, đồng thời là trách nhiệm của toàn dân nhằm đấu tranh hiệu quả với những quan điểm sai trái, thù địch, góp phần tạo nên sức mạnh tổng thể của cả hệ thống chính trị, kết hợp với sức mạnh của nhân dân. Chất lượng lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch ngày càng được nâng cao. Nhiều địa phương, đơn vị đã triển khai đồng bộ các giải pháp như xây dựng lực lượng cộng tác viên dư luận xã hội, tăng cường tuyên truyền trên các nền tảng số, sử dụng hiệu quả mạng xã hội để lan tỏa thông tin chính thống, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nhờ vậy, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận thức đúng đắn sách lược của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chủ động phòng ngừa, “tự miễn dịch” trước các luận điệu xuyên tạc, đồng thời tích cực tham gia vào việc phát hiện, phản ánh và đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc về tư tưởng chính trị, góp phần giữ vững trận địa tư tưởng, bảo vệ vững chắc niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Trên cơ sở quán triệt nhận thức, tư duy, xác định rõ tính chất nguy hại và tác động tiêu cực của những quan điểm sai trái, thù địch đối với an ninh, trật tự, an toàn xã hội; nhận diện rõ các quan điểm sai trái, thù địch để có chủ trương, biện pháp chỉ đạo phù hợp; phân định được sự khác biệt của quan điểm sai trái, thù địch với nhận thức lệch lạc, phiến diện, ý kiến phê bình, nhưng thiếu xây dựng. Từ đó, có cách thức phản biện khoa học, phương thức đấu tranh phù hợp, giải pháp áp dụng phát huy hiệu quả cao. Các cơ quan chức năng đã chủ động xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, tài liệu hướng dẫn nhận diện và phân loại thông tin sai lệch, đồng thời tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng phản bác, đấu tranh tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ làm công tác tuyên giáo, báo chí, truyền thông và quản lý nhà nước về thông tin. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong giám sát, phân tích xu hướng dư luận và kịp thời xử lý các thông tin xấu độc cũng đã góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh. Mặt khác, việc phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Trung ương với địa phương, giữa các lực lượng chuyên trách với các tổ chức chính trị – xã hội, các cơ quan truyền thông đại chúng cũng được chú trọng, tạo nên sức mạnh tổng

hợp, lan tỏa tinh thần cảnh giác cách mạng và củng cố trận địa tư tưởng vững chắc trong toàn xã hội.

Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đang được thực hiện với các giải pháp đa dạng. Giá trị thực tiễn được dùng làm cơ sở cho thực hiện các phương thức đấu tranh để luôn bảo đảm tính khách quan, thuyết phục. Các biện pháp đấu tranh dân chủ, mềm dẻo nhưng cương quyết. Đẩy mạnh áp dụng biện pháp khoa học - kỹ thuật để nhận diện, đấu tranh và xử lý kịp thời thông tin vu khống, xuyên tạc, nội dung xấu, độc, luận thuyết sai trái (phủ nhận giá trị khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh...). Các công cụ pháp lý được sử dụng hiệu quả để bảo đảm tính tuân thủ, bình đẳng, khách quan trước pháp luật. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa làm công cụ về thể chế để đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế về an ninh mạng và chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong việc phát hiện, xử lý các chiến dịch truyền thông sai lệch có tổ chức, nhằm chống lại các hoạt động can thiệp từ bên ngoài. Phát huy vai trò của báo chí, truyền thông chính thống trong việc dẫn dắt dư luận, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, phản bác có sức thuyết phục cao các luận điệu sai trái. Tăng cường tuyên truyền qua các nền tảng số, mạng xã hội với nội dung phong phú, hình thức sinh động, dễ tiếp cận, đặc biệt hướng đến giới trẻ – đối tượng dễ bị tác động bởi thông tin đa chiều. Bên cạnh đó, chú trọng giáo dục lý luận chính trị, nâng cao “sức đề kháng” tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, xem đây là một trong những biện pháp căn cơ để phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái, thù địch.

Đảng ta đã sử dụng các phương thức, giải pháp có tính bản lề, kết hợp “xây” và “chống”. Phương thức này bảo đảm các giá trị về tạo lập tinh thần cách mạng, có sự kết hợp với đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Trong đó, “xây” là chính và “chống” là quan trọng, cấp bách, đã được quan tâm, thường xuyên triển khai thực hiện. Xác định rõ trọng tâm, cốt lõi về mặt bản chất, Đảng ta đã trưởng thành từ nhân dân và “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”. Trong quá trình này, Đảng đã đặc biệt chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của toàn dân trong việc phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh trật tự. Việc tạo dựng niềm tin không chỉ dựa trên kết quả của công tác lãnh đạo, điều hành mà còn thông qua việc nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mọi tầng lớp, đặc biệt là những nhóm yếu thế. Bên cạnh đó, Đảng cũng chủ

động đổi mới phương thức lãnh đạo, đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ, nhất là trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch trong các hoạt động, đồng thời phát huy dân chủ trong mọi lĩnh vực, để nhân dân có thể tham gia đóng góp ý kiến, kiểm soát quyền lực. Từ đó, giúp cho nhân dân nhận thấy sự lắng nghe, thấu hiểu của Đảng và Nhà nước, qua đó củng cố thêm niềm tin và sự ủng hộ vững chắc của toàn xã hội đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng ta quán triệt quan điểm lấy dân làm gốc, xây dựng và củng cố vững chắc “thế trận lòng dân”, do đó đã dựa vào nhân dân, thông qua sự ủng hộ, bằng sức mạnh của nhân dân để hình thành tổ chức và lực lượng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Thông qua các diễn đàn, phương tiện truyền thông, người dân thẳng thắn bày tỏ quan điểm, tinh thần yêu nước, ủng hộ Đảng và chế độ. Trên các phương tiện truyền thông xã hội thời gian qua, nhiều tài khoản đã tham gia tích cực vào công tác này, như các trang “Đấu tranh chống luận điệu xuyên tạc”, “Chống luận điệu xuyên tạc”, “Tiếng nói thế hệ trẻ”, “Thông tin chống phản động”, “Chống phản động”... với số lượng tham gia đông đảo lên tới cả chục nghìn, trăm nghìn thành viên và người theo dõi. Những trang mạng xã hội và nhóm cộng đồng này không chỉ là nơi thể hiện sự đoàn kết, ủng hộ của người dân đối với Đảng và Nhà nước, mà còn là kênh phản bác nhanh chóng các luận điệu sai trái, thù địch, thông tin xuyên tạc, giúp lan tỏa thông tin chính thống, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Bên cạnh đó, sự tham gia đông đảo của nhân dân vào các hoạt động này cho thấy một tinh thần cảnh giác cao đối với các thế lực thù địch, đồng thời thể hiện sức mạnh của “tập thể trí thức” và “lực lượng nhân dân” trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Các nhóm, trang mạng này không chỉ cung cấp thông tin chính thống, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng dư luận, kịp thời phát hiện và xử lý các thông tin sai lệch, bảo vệ các giá trị cốt lõi của đất nước và dân tộc. Nhờ vào sự tham gia chủ động và tích cực của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ngày càng hiệu quả, tạo ra một mạng lưới bảo vệ vững chắc trong không gian mạng, góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển của đất nước.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được thực hiện kết hợp cùng lúc nhiều phương thức, giải pháp, như đấu tranh, phản bác với nêu gương; tuyên truyền, phổ biến với giáo dục ý thức cách mạng, chủ nghĩa yêu nước; đấu tranh, phản biện với chứng minh, đối chứng, so sánh (“chứng cứ thật, giá trị thật”); đấu tranh, phản

biện với sử dụng biện pháp mạnh (“xử lý không có vùng cấm”, “không chấp nhận lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm”, “trục lợi chính sách”). Bằng cách này, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ dừng lại ở việc bác bỏ các quan điểm sai trái, mà còn tạo ra một hình mẫu tích cực, khuyến khích những hành động, tấm gương điển hình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ chính trị đến văn hóa, kinh tế. Việc nêu gương được thực hiện thông qua việc làm gương mẫu của các cán bộ, đảng viên, những người có uy tín trong cộng đồng, qua đó khẳng định sự trung thực, liêm chính và trách nhiệm với đất nước.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền và giáo dục ý thức cách mạng, chủ nghĩa yêu nước cũng là phương pháp không thể thiếu trong việc xây dựng nền tảng tư tưởng vững mạnh, đặc biệt đối với thế hệ trẻ, thế hệ sẽ tiếp tục gánh vác trọng trách bảo vệ và phát triển đất nước. Tuyên truyền không chỉ giúp nâng cao nhận thức mà còn tạo động lực mạnh mẽ cho việc bảo vệ chế độ, đấu tranh với các quan điểm thù địch, xuyên tạc.

Việc áp dụng phương thức chứng minh, đối chứng, so sánh “chứng cứ thật, giá trị thật” là một trong những cách hiệu quả để phản bác các luận điệu sai trái. Bằng cách sử dụng các dữ liệu, thông tin xác thực, các minh chứng lịch sử và thực tế sống động, chúng ta có thể chứng tỏ tính đúng đắn của đường lối, chính sách của Đảng, làm rõ sự khác biệt giữa sự thật và những lời xuyên tạc. Đồng thời, việc sử dụng biện pháp mạnh, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và chính sách của Đảng là rất cần thiết, nhằm bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời ngăn chặn các hành vi lợi dụng chính sách để trục lợi, làm tổn hại đến lợi ích chung của đất nước và nhân dân. Đảm bảo công bằng, bình đẳng trong xử lý sẽ giúp củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời thể hiện cam kết không khoan nhượng đối với những hành vi làm tổn hại đến lợi ích quốc gia.

3. Kết luận

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và cấp bách, không chỉ trong giai đoạn hiện nay mà còn đối với sự phát triển bền vững của đất nước trong tương lai. Đảng ta đã và đang triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, kết hợp chặt chẽ giữa việc xây dựng và bảo vệ nền tảng tư tưởng với đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp từ cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân. Việc kết hợp các phương thức như đấu tranh, phản bác với tuyên truyền, giáo dục ý thức cách mạng, sử dụng các biện pháp khoa học – kỹ thuật và pháp lý đã tạo ra một công cụ mạnh mẽ để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thành công trong công tác này không chỉ giúp bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, mà còn giữ gìn và phát huy giá trị tốt đẹp của chế độ, khẳng định vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc dẫn dắt đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, đòi hỏi công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng phải luôn được củng cố và phát triển. Để đạt được mục tiêu này, cần có sự tiếp tục đổi mới, sáng tạo trong phương thức đấu tranh, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò của toàn xã hội, nhất là các tầng lớp nhân dân, trong việc bảo vệ và lan tỏa các giá trị tư tưởng của Đảng. Chỉ khi nền tảng tư tưởng của Đảng vững vàng, chúng ta mới có thể tiếp tục xây dựng đất nước Việt Nam mạnh mẽ, thịnh vượng và phát triển bền vững trong mọi hoàn cảnh.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI: KIÊN ĐỊNH, SÁNG TẠO, PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Phạm Vũ Anh

Chi bộ Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE

I. MỞ ĐẦU

Trong suốt chiều dài lịch sử cách mạng Việt Nam, chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã luôn là kim chỉ nam cho hành động, là nền tảng tư tưởng vững chắc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự chống phá quyết liệt từ các thế lực thù địch, việc bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ là yêu cầu cấp bách mà còn là sứ mệnh chính trị trọng yếu nhằm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ thành quả cách mạng và dẫn dắt công cuộc đổi mới thành công.

II. KHẲNG ĐỊNH GIÁ TRỊ KHOA HỌC VÀ CÁCH MẠNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Chủ nghĩa Mác – Lênin: nền tảng lý luận khoa học, cách mạng và nhân đạo

Chủ nghĩa Mác – Lênin là hệ thống lý luận toàn diện bao gồm triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học, phản ánh sâu sắc quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy. C.Mác, Ph.Ăngghen và sau này là V.I. Lênin đã luận giải sâu sắc vai trò của giai cấp công nhân trong lịch sử, chỉ ra con đường cách mạng vô sản để giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột.

Tại Việt Nam, sự vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của dân tộc đã tạo nên sức sống mới, khẳng định giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác – Lênin trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: kết tinh trí tuệ dân tộc và tinh hoa nhân loại

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống các quan điểm toàn diện, sâu sắc về cách mạng Việt Nam, gắn chặt giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nhấn mạnh vai trò của nhân dân, khối đại đoàn kết toàn dân, đạo đức cách mạng và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa lý luận Mác – Lênin với thực tiễn dân tộc Việt Nam, thể hiện tính nhân văn sâu sắc, thực tiễn và sáng tạo.

III. THÀNH TỰU VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

1. Những thành tựu nổi bật

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhất là từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới năm 1986, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn: kinh tế tăng trưởng liên tục, đời sống nhân dân cải thiện, vị thế quốc tế được nâng cao. Đây là minh chứng hùng hồn cho tính đúng đắn, sáng tạo trong vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đất nước.

2. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi

Lịch sử đã chứng minh: không có Đảng Cộng sản Việt Nam thì không có cách mạng Việt Nam thành công. Đảng ta luôn kiên định với lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nắm vững quy luật phát triển của thời đại và không ngừng đổi mới tư duy lý luận để lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thách thức.

IV. PHẢN BÁC LUẬN ĐIỀU SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH – KIÊN QUYẾT GIỮ VỮNG TRẬN ĐỊA TƯ TƯỞNG

1. Nhận diện các quan điểm sai trái hiện nay

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình", phủ nhận chủ nghĩa Mác – Lênin, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh, đòi tách tư tưởng Hồ Chí Minh khỏi nền tảng Mác – Lênin, đòi "phi chính trị hóa" quân đội, đảng hóa Nhà nước... Đây là những thủ đoạn nguy hiểm nhằm làm lung lay nền tảng tư tưởng, dẫn đến mất phương hướng chính trị.

2. Phản bác bằng lý luận và thực tiễn

Chúng ta cần nhấn mạnh:

- Chủ nghĩa Mác – Lênin là học thuyết mở, luôn phát triển cùng thực tiễn.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh giữa chủ nghĩa Mác – Lênin và truyền thống dân tộc.
- Chỉ có sự kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh mới tạo nên sức mạnh lý luận – thực tiễn cho cách mạng Việt Nam.
- Các thành tựu trong 90 năm qua là minh chứng rõ ràng cho vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

V. GIẢI PHÁP BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Tăng cường giáo dục lý luận chính trị

Cần đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống chính trị và trường học; xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy lý luận chính trị chuyên sâu, có bản lĩnh và sáng tạo.

2. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Việc học và làm theo Bác cần đi vào thực chất, trở thành tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân, chống biểu hiện hình thức, giáo điều.

3. Chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái

Phát huy vai trò của báo chí, mạng xã hội, truyền thông hiện đại để vạch trần các thủ đoạn xuyên tạc; lan tỏa niềm tin lý tưởng, tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lòng trung thành với Đảng, với chế độ.

4. Phát triển sáng tạo nền tảng tư tưởng trên cơ sở tổng kết thực tiễn

Tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

VI. KẾT LUẬN

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng chính là bảo vệ linh hồn của cách mạng, bảo vệ niềm tin của nhân dân vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không đồng nghĩa với bảo thủ, mà là kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng, đồng thời vận dụng linh hoạt, sáng tạo để phù hợp với thực tiễn mới.

Trong bối cảnh hiện nay, cần kết hợp hài hòa giữa "xây" và "chống", giữa bảo vệ lý tưởng và phản bác các luận điệu sai trái, thù địch. Đó là trách nhiệm thiêng liêng của mỗi cán bộ, đảng viên, trí thức, đoàn viên, thanh niên yêu nước, nhằm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng và đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Phạm Đan Khánh

Chi bộ Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE

Tóm tắt: Bài viết nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó, đề ra định hướng hành động, nhiệm vụ và giải pháp nhằm đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh mới hiện nay.

I. Tầm quan trọng của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã được kiểm chứng qua thực tiễn trong hơn 92 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác - Lênin, với ánh sáng chân lý vượt thời gian, đã chỉ ra con đường giải phóng dân tộc, xã hội và nhân loại, khẳng định sự xóa bỏ áp bức, bất công. Đây là khát vọng chính đáng của Nhân dân Việt Nam suốt chiều dài lịch sử, mong muốn sống trong hòa bình, độc lập, tự do, ấm no và hạnh phúc.

Ngay từ khi mới thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định mình là Đảng kiểu mới, Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Trong những giai đoạn khó khăn, Đảng ta đã chủ động đưa ra các chủ trương bảo vệ Đảng, tránh sự phân liệt về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã minh chứng cho tính đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc vận dụng sáng tạo, khoa học Chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam.

Tuy nhiên, bài học từ sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu vào đầu thập niên 90 của thế kỷ 20 cho thấy những mối nguy hiểm tiềm tàng khi một số đảng cộng sản đã xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, đánh mất bản chất cách mạng, gây ra sự tan rã của hệ thống XHCN. Các thế lực thù địch đã lợi dụng sự dao động trong tư tưởng để tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và mạng xã hội, các thế lực thù địch càng gia tăng các hoạt động chống phá, tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và Đất nước. Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trở thành nhiệm vụ sống còn, có ý nghĩa quan trọng đối với sự ổn định và phát triển của Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

II. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới:

1. Âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch:

Các thế lực thù địch, cơ hội chính trị thường lợi dụng các dịp lễ lớn, sự kiện trọng đại để gia tăng hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước. Chúng sử dụng không gian mạng, mạng xã hội như Facebook, Tiktok để tuyên truyền xuyên tạc đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Các thế lực này cũng lợi dụng những vấn đề xã hội đang được dư luận quan tâm, như tham nhũng, suy thoái đạo đức, chính trị, và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên để công kích Đảng.

Ngoài ra, các thế lực thù địch còn đẩy mạnh việc xuyên tạc cương lĩnh và đường lối lãnh đạo của Đảng, tấn công vào các vấn đề như tôn giáo, dân tộc, và những vụ việc nhạy cảm trong xã hội. Mục tiêu của họ là chia rẽ nội bộ, làm mất lòng tin của Nhân dân vào Đảng và Nhà nước, đồng thời tìm cách đẩy đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

2. Nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng:

Để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng và phản bác các quan điểm sai trái, cần thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp cơ bản:

- **Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng:** Đây là nhiệm vụ cơ bản nhất trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đảng cần tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Đồng thời, Đảng cần kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, bảo vệ sự trong sạch và sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

- **Phát hiện và xử lý kịp thời các tư tưởng đối lập:** Đảng cần chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời các tư tưởng sai lệch trong nội bộ, từ đó xử lý nghiêm minh theo pháp luật. Đồng thời, Đảng phải tăng cường lãnh đạo các hoạt động báo chí, truyền thông, và mạng xã hội để ngăn chặn các thông tin sai lệch, xuyên tạc.

- **Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái:** Đảng cần chủ động phê phán

các quan điểm sai trái, đòi "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập", bảo vệ nền tảng tư tưởng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt, Đảng cần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về lý luận chính trị, khẳng định tính đúng đắn và khoa học của đường lối lãnh đạo của Đảng.

- **Tăng cường tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận:** Đảng cần tiếp tục nghiên cứu và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch một cách khoa học, có sức thuyết phục, từ đó bảo vệ và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: "Chúng ta phải có dũng khí, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, bảo vệ cái đúng, kiên quyết can ngăn những việc làm sai." Để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chúng ta phải kiên trì, sáng tạo trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam, tăng cường đấu tranh, ngăn chặn mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
2. Nguyễn Phú Trọng (2021). Bài phát biểu tại Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hà Nội: Đài Tiếng nói Việt Nam.
3. Hồ Chí Minh (2011). Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
4. Tạp chí Cộng sản (2020). Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay. Tạp chí Cộng sản, số 108, trang 45-48.
5. Phan Văn Hòa (2020). Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
6. Ban Tuyên giáo Trung ương (2021). Báo cáo tổng kết công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Hà Nội: Ban Tuyên giáo Trung ương.

SỨ MỆNH THANH NIÊN TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

Giang Thị Kim Anh

Chi bộ Văn phòng Đảng – Đoàn thể

Tóm tắt: *Tại phiên trọng thể Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2024 - 2029, diễn ra tại Hà Nội vào sáng 18/12/2024, Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định Đảng ta luôn đặc biệt quan tâm, chú trọng công tác thanh niên, đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị chăm lo giáo dục thanh niên, chuẩn bị tiền đề vững chắc để thanh niên sẵn sàng đón kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vườn mình của dân tộc.*

Từ đó, có thể thấy rằng vai trò của đoàn viên, thanh niên rất quan trọng, “đất nước có vững bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình hay không, đến năm 2045 có sánh vai với các cường quốc năm châu như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ước vọng của toàn dân tộc hay không, phụ thuộc rất lớn vào đóng góp lực lượng thanh niên - thế hệ tương lai của đất nước, những người kế bước cha anh gánh vác nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Bài viết này nhấn mạnh đến vai trò đặc biệt quan trọng của thanh niên, đề cập đến “sứ mệnh” của lớp lớp thanh niên. Đồng thời nêu bật các nội dung cơ bản và những giải pháp chính nhằm nâng cao và phát huy “sứ mệnh thanh niên” trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vườn mình của dân tộc.

Từ khóa: *sứ mệnh thanh niên, kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình.*

1. Giới thiệu về kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vườn mình của dân tộc

Kỷ nguyên mới

Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của đất nước, mở ra một giai đoạn mới – kỷ nguyên vườn mình của dân tộc. Đây là giai đoạn phát triển mang tính chiến lược, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn xã hội phải thay đổi căn bản tư duy và hành động trong việc huy động, quản trị và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực của quốc gia, đặc biệt là nguồn lực con người và khát vọng phát triển dân tộc. Trong bối cảnh đó, việc phát huy tối đa

vai trò chủ thể của nhân dân trở thành điều kiện tiên quyết để kiến tạo nền tảng vững chắc cho kỷ nguyên phát triển mới, bởi nhân dân đóng vai trò trung tâm của sự nghiệp kiến tạo kỷ nguyên mới.

Kỷ nguyên mới là khoảng thời gian đất nước, dân tộc phải vươn lên mãnh liệt, phấn đấu thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược, tạo sự phát triển vượt bậc ở một tầm cao mới, trình độ mới, chất lượng mới, xác lập vị thế quốc gia trên trường quốc tế, tạo nền tảng cho bước phát triển đột phá kế tiếp. Kỷ nguyên tiếp nối kỷ nguyên tạo thành lịch sử phát triển liên tục, từ thấp đến cao, ngày càng hoàn thiện của một quốc gia, dân tộc.

Kỷ nguyên mới – hay còn gọi là *kỷ nguyên vươn mình của dân tộc* – là một khái niệm chính trị được Đảng ta xác định gắn liền với giai đoạn phát triển từ Đại hội XIV trở đi. Đây là thời kỳ Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển chiến lược mới, với mục tiêu đưa đất nước trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao, sánh vai cùng các cường quốc năm châu vào năm 2045 – đúng dịp kỷ niệm 100 năm thành lập nước.

“Kỷ nguyên mới là khoảng thời gian đất nước, dân tộc phải vươn lên mãnh liệt, phấn đấu thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược, tạo sự phát triển vượt bậc ở một tầm cao mới, trình độ mới, chất lượng mới, xác lập vị thế quốc gia trên trường quốc tế, tạo nền tảng cho bước phát triển đột phá kế tiếp. Kỷ nguyên tiếp nối kỷ nguyên tạo thành lịch sử phát triển liên tục, từ thấp đến cao, ngày càng hoàn thiện của một quốc gia, dân tộc”³⁷

Nhìn lại chặng đường gần 95 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc Việt Nam đã trải qua hai kỷ nguyên lịch sử đầy vinh quang. Kỷ nguyên đầu tiên (1930-1975) - kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội, là hành trình giành độc lập, tự do, mở đầu bằng sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếp nối bằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và các cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân, đế quốc; đặt nền móng cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Kỷ nguyên thứ hai (1975-2025) - kỷ nguyên thống nhất đất nước, đổi mới, phát triển, là thời kỳ của sự thống nhất đất nước, công cuộc đổi mới và phát triển toàn diện, đặc biệt từ Đại hội VI năm 1986 - thời điểm đánh dấu bước chuyển mình căn bản trong tư duy phát triển, mở cửa, hội nhập. Và đến thời điểm hiện tại, đất nước và dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên thứ ba “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, mở đầu

³⁷ GS.TS Phùng Hữu Phú, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và những yêu cầu lịch sử, Tạp chí Cộng sản, ngày 03/01/2025

là Đại hội lần thứ XIV của Đảng, đánh dấu mốc son 40 năm đổi mới (từ năm 1986 đến năm 2026).

Những thành tựu đạt được qua hai kỷ nguyên trước đã tạo thế và lực mới cho quốc gia - một Việt Nam ổn định chính trị, vững vàng trước biến động toàn cầu, từng bước khẳng định vai trò và vị thế trên trường quốc tế. Đây chính là tiền đề vững chắc để bước vào kỷ nguyên thứ ba: Kỷ nguyên vươn mình. Đây “là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao”.³⁸ Đó là yêu cầu tích hợp và nâng tầm những mục tiêu của hai kỷ nguyên trước, thể hiện sự phát triển biện chứng và toàn diện của mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”.

Để hiện thực hóa khát vọng này, Việt Nam cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển, đẩy nhanh chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực quản trị quốc gia, đồng thời khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, đoàn kết và khát vọng vươn lên trong mỗi người dân. Chỉ khi đó, “kỷ nguyên vươn mình” mới thật sự là bước phát triển mang tính bứt phá, đóng góp vào tiến trình hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực cạnh tranh và củng cố vững chắc vị thế quốc gia trong thế kỷ XXI.

Một số yêu cầu lịch sử trong kỷ nguyên mới

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là giai đoạn phát triển mang tính lịch sử, mở ra một chu kỳ mới trong tiến trình hiện đại hóa và phát triển toàn diện quốc gia. Đây không chỉ là thời kỳ tăng tốc về kinh tế - xã hội, mà còn là thời khắc chuyển mình về tư duy, quản trị và khát vọng dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, xu thế chuyển đổi số và cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt, Đảng ta đã định hướng chiến lược “đột phá kép” như một giải pháp tổng thể để kiến tạo kỷ nguyên mới: vừa chủ động tiến thẳng vào các lĩnh vực công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ số, vừa tập trung giải quyết căn cơ các điểm nghẽn cố hữu, những bất cập nội tại đang cản

³⁸ GS, TS Tô Lâm: “Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”, báo Nhân Dân, số 25193, ngày 1/11/2024, tr.2,

https://image.nhandan.vn/Uploaded/2024/tmuivppi/2024_11_01/docbao-ndhangngay-01112024-8657.pdf

trở sự phát triển đất nước.

Triết lý chính trị của “đột phá kép” - như Tổng Bí thư Tô Lâm đã xác quyết - là kế thừa bài học lịch sử quý giá của Cách mạng Tháng Tám: biết tạo ra, nhận diện và tận dụng thời cơ, đồng thời kịp thời hóa giải thách thức. Đây là một tư duy lãnh đạo có chiều sâu, phản ánh bản lĩnh và năng lực kiến tạo của Đảng trong việc hoạch định chiến lược phát triển quốc gia.

Bên cạnh đó, yêu cầu mang tính bản lề trong kiến tạo kỷ nguyên mới là đổi mới tư duy lý luận. Nếu như công cuộc đổi mới năm 1986 bắt đầu bằng sự đổi mới tư duy kinh tế - chính trị, thì ngày nay, trong bối cảnh của kỷ nguyên số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đất nước cần một cú hích tư duy tương xứng. Điều đó bao gồm cả việc tái định hình tư tưởng về phát triển, làm mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội, nâng tầm lý luận về quản trị quốc gia, nhân lực, khoa học - công nghệ và sức mạnh mềm văn hóa dân tộc. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể chủ động “đi cùng thời đại” chứ không bị kéo lại phía sau.

Kỷ nguyên mới đòi hỏi phải có bước đột phá trong cách huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực - cả vật chất và con người. Việt Nam không thiếu tiềm năng, song điều chúng ta cần chính là một thể chế quản trị hiện đại, minh bạch và hiệu quả. Tư duy quốc gia hiện đại cần được định hình rõ trong từng chính sách, từng hành động - nơi mà mỗi mét vuông đất, mỗi nguồn tài nguyên, mỗi giờ lao động và từng năng lực trí tuệ đều được trân trọng, khai phóng và phát huy. Đây không chỉ là mục tiêu phát triển, mà là trách nhiệm chính trị cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong hành trình đi tới một nước Việt Nam hùng cường, sánh vai cùng cường quốc năm châu.

Cùng với đó, bước vào kỷ nguyên phát triển mới, một yêu cầu mang tính nền tảng và cấp thiết là phát huy tối đa các động lực nội sinh của dân tộc – đặc biệt là tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường, khát vọng đổi mới sáng tạo và cống hiến của mỗi người Việt Nam. Đây chính là yếu tố tạo nên “năng lượng phát triển bền vững”, có khả năng chuyển hoá nguồn lực xã hội thành “sức mạnh kiến tạo quốc gia”.

Gần một thế kỷ qua, thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh: trong mọi giai đoạn chuyển mình quan trọng, chính tinh thần đại đoàn kết, ý chí kiên cường, lòng yêu nước và sự sáng tạo bền bỉ của nhân dân luôn là nguồn năng lượng quyết định thành công. Điều đó càng đúng hơn trong bối cảnh hiện nay, khi yêu cầu phát triển đặt ra ở tầm mức “đột phá” và “vượt trội”.

Trong kỷ nguyên mới, người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà là chủ thể trung tâm của quá trình phát triển. Do đó, một trong những thách thức lớn nhất đặt ra với hệ thống chính trị là làm sao chuyển hóa được chủ trương, chính sách và tầm nhìn của Đảng thành hành động thực chất, cảm hứng sáng tạo và niềm tin tích cực của toàn dân. Trong đó, niềm tin của nhân dân chính là biến số chiến lược. Niềm tin ấy không đến từ lời nói suông, mà được bồi đắp bằng nhận thức rõ ràng về con đường phát triển do Đảng vạch ra; bằng sự tôn trọng quyền làm chủ của người dân; bằng hiệu quả chính sách được lượng hóa trong cuộc sống hàng ngày; và bằng những tấm gương tận tụy, trong sạch, liêm chính trong bộ máy công quyền.

Những nguyên lý đã được khẳng định trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng như: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ”; “mọi chính sách phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân”; và “lấy sự hài lòng, hạnh phúc của nhân dân làm thước đo đánh giá cán bộ, công chức” - cần phải nhanh chóng được thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Cuối cùng, kỷ nguyên mới cũng đặt ra đòi hỏi cao chưa từng có đối với năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng. Đây không chỉ là bài toán về chính trị, mà còn là một bài toán về năng lực kiến tạo phát triển và năng lực thích ứng hệ thống. Đảng phải trở thành lực lượng thật sự tiêu biểu cho trí tuệ dân tộc, danh dự dân tộc, đạo đức dân tộc - một Đảng vừa mang tầm vóc của thời đại, vừa thể hiện bản lĩnh trong đổi mới và dẫn dắt chuyển hóa.

Trải qua gần một thế kỷ, lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh một chân lý: *sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là yếu tố quyết định mọi thắng lợi của dân tộc*. Trong giai đoạn hiện nay, vai trò ấy cần được nâng lên một tầm vóc mới - không chỉ là “lãnh đạo cách mạng” mà còn là kiến trúc sư trưởng của mô hình phát triển quốc gia hiện đại, văn minh, hiệu quả.

Niềm tin của nhân dân vào Đảng sẽ tiếp tục là nguồn lực trung tâm. Nhưng niềm tin đó chỉ được củng cố nếu bộ máy lãnh đạo, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, thực sự tiêu biểu về đạo đức, năng lực, tầm nhìn và sự tận tâm phụng sự nhân dân. Cán bộ phải có khả năng *thiết kế chính sách, truyền cảm hứng hành động, và làm gương trong thực tiễn*.

Đi cùng với đó là một yêu cầu không thể trì hoãn: cải cách hệ thống tổ chức bộ máy chính trị - hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tương tác cao và thích ứng nhanh với môi trường biến đổi. Đây không đơn thuần là bài toán kỹ thuật thể

chế, mà là một cuộc cách mạng toàn diện trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị - chuyển từ “quản trị theo nhiệm vụ” sang “quản trị theo mục tiêu phát triển và giá trị đem lại cho nhân dân”.

Không lâu nữa, Đại hội XIV của Đảng sẽ được tổ chức - thời gian không còn nhiều. Cần một chiến dịch tổng lực, quyết liệt, đồng bộ để tạo ra các chuyển biến thực chất về nhận thức, tư duy và hành động trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Phải khơi dậy tinh thần đổi mới và khí thế phát triển mạnh mẽ, để đến với Đại hội XIV, chúng ta có thể đồng lòng khẳng định: *Việt Nam chính thức bước vào một kỷ nguyên phát triển mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*.

2. Quan điểm của Đảng và hành động của Đoàn nhằm phát huy sứ mệnh thanh niên trong kỷ nguyên vươn mình

Phát biểu tại phiên trọng thể Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Liên hiệp Thanh niên VN lần thứ IX, nhiệm kỳ 2024 - 2029, diễn ra tại Hà Nội vào sáng 18/12/2024, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “Đảng ta luôn luôn đặc biệt quan tâm, chú trọng công tác thanh niên, đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị chăm lo giáo dục thanh niên, chuẩn bị tiền đề vững chắc để thanh niên sẵn sàng đón nhận sứ mệnh làm chủ nước nhà”.

Tổng Bí thư nhấn mạnh ý Đảng đang hoà quyện với lòng dân trong khát vọng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tổng Bí thư tiếp tục nhấn mạnh: "Sự nghiệp đó thành công hay không, đất nước có vững bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình hay không, đến năm 2045 có sánh vai với các cường quốc năm châu như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ước vọng của toàn dân tộc hay không, phụ thuộc rất lớn vào đóng góp lực lượng thanh niên - thế hệ tương lai của đất nước, những người kế bước cha anh gánh vác nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Lịch sử đã khẳng định, thanh niên Việt Nam có vai trò quan trọng, là những người khơi nguồn cho nhiều phong trào cách mạng ở nước ta. Năm 1930, Đảng ta ra đời và thành lập từ tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Đồng chí Trần Phú giữ chức Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng ta khi mới tròn 24 tuổi; đồng chí Nguyễn Văn Cừ giữ chức Tổng Bí thư của Đảng khi mới 26 tuổi; các đồng chí Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Ngô Gia Tự, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Thụ và nhiều cán bộ là lãnh đạo xuất sắc của Đảng khi còn đang tuổi thanh niên.

Trong dòng chảy lịch sử cách mạng dân tộc, đặc biệt là trong cao trào đấu tranh giành độc lập mà đỉnh cao là Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, dưới sự

lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, lực lượng thanh niên Việt Nam đã sát cánh cùng toàn dân, toàn quân, đem hết tinh thần, lực lượng, tính mạng và của cải để bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự do vừa giành được cho Tổ quốc.

Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, lớp lớp thanh niên Việt Nam đã viết nên những trang sử hào hùng bằng ý chí sắt đá và tinh thần bất khuất: *“Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”*. Với tinh thần xung kích cách mạng, lực lượng thanh niên xung phong đã *“xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”*, lan tỏa khí thế của tuổi trẻ trong các phong trào như *“Ba sẵn sàng”, “Ba đảm đang”, “Năm xung phong”, “Xếp bút nghiên lên đường ra trận”*. Từ hậu phương đến tiền tuyến, từ đồng bằng đến chiến khu, tuổi trẻ cả nước đã hiến dâng những năm tháng đẹp nhất của cuộc đời mình để góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại của dân tộc.

Hàng triệu đoàn viên, thanh niên tình nguyện lên đường nhập ngũ, tham gia lực lượng bộ đội chủ lực, dân quân du kích, dân công hỏa tuyến, không quản gian khổ, hiểm nguy. Đồng thời, cũng có hàng triệu thanh niên miệt mài lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc với những công trình trọng điểm như Gang thép Thái Nguyên, Dệt Nam Định, Thủy nông Bắc Hưng Hải, Thủy điện Hòa Bình, Nông trường Mộc Châu, phong trào Năm tấn..., tạo thành hậu phương lớn vững chắc chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Ở miền Nam, phong trào đấu tranh cách mạng của tuổi trẻ cũng diễn ra sôi nổi với những khẩu hiệu đầy quyết tâm: *“Tìm Mỹ mà diệt, tìm Ngụy mà đánh”, “Thành đồng Tổ quốc”*, thể hiện khí phách của một thế hệ thanh niên kiên trung, góp phần làm nên thắng lợi trọn vẹn của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.



Tổng Bí thư Tô Lâm phát biểu tại Đại hội Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam lần thứ IX

Sau ngày đất nước thống nhất, bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập, thanh niên Việt Nam tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong, là lực lượng xung kích, sáng tạo trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Dưới sự định hướng của Đảng, hàng loạt phong trào hành động cách mạng mang đậm dấu ấn thời đại như *“Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác”*, *“Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”*, *“Thanh niên tham gia xây dựng văn minh đô thị”*, *“Sinh viên 5 tốt”*, *“Thanh niên lập nghiệp”*, *“Tuổi trẻ giữ nước”*, *“Thanh niên xung phong vì cuộc sống cộng đồng”* đã thu hút sự tham gia tích cực của hàng chục triệu lượt đoàn viên, thanh niên trên khắp mọi miền Tổ quốc, mang lại những kết quả thiết thực và lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội.

Nhiều thanh niên, sinh viên tình nguyện không ngại gian khổ, bền bỉ lên đường đến với đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, thực hiện các hoạt động dạy học, sửa chữa nhà cửa, khám chữa bệnh, hỗ trợ bà con cải thiện điều kiện sống. Nhiều trí thức trẻ dấn thân vào các vùng kinh tế mới, đồng hành cùng nhân dân phát

triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, tạo dựng những mô hình làm giàu bền vững trên chính quê hương mình.

Lực lượng thanh niên công nhân hăng say lao động, tích cực nâng cao tay nghề, chủ động sáng tạo trong sản xuất, góp phần tăng năng suất và hiệu quả kinh tế. Thanh niên nông thôn không ngừng đổi mới phương thức canh tác, ứng dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đội ngũ trí thức trẻ, doanh nhân trẻ với khát vọng tự cường, tinh thần dám thân và ý chí vượt khó đã từng bước vươn lên khẳng định vị thế trong nhiều lĩnh vực then chốt, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Hàng chục triệu đoàn viên, thanh niên luôn nỗ lực học tập, rèn luyện, cống hiến không ngừng, trong đó có nhiều gương mặt tiêu biểu được bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Họ không chỉ là niềm tự hào của tuổi trẻ Việt Nam mà còn là nguồn cảm hứng tích cực lan tỏa những giá trị sống đẹp, tinh thần vượt khó vươn lên vì lý tưởng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân.

3. Những nội dung cơ bản của sứ mệnh thanh niên trong kỷ nguyên mới

Tại Đại hội lần thứ IX của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã gọi mở 03 vấn đề đối với thanh niên:

(1) Thống nhất nhận thức về vai trò của thanh niên trong giai đoạn cách mạng mới của Đảng, của dân tộc.

Theo Tổng Bí thư, đất nước đang trước cơ hội lịch sử bước vào kỷ nguyên mới song còn rất nhiều khó khăn, thách thức. Nguy cơ tụt hậu về kinh tế vẫn hiện hữu. Tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam giảm dần, thấp hơn nhiều nước trong khu vực, chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế. Thiếu lao động trình độ đáp ứng được nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ cao, phục vụ phát triển số...

Từ đó, Tổng Bí thư đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với các hội, các tổ chức thành viên của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam sớm đề xuất Bộ Chính trị ban hành nghị quyết về công tác thanh niên trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chiến lược huy động sức mạnh của thanh niên cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân sớm đưa đất nước sánh vai với các cường quốc năm châu.

(2) Đổi mới mạnh mẽ công tác của Đoàn - Hội, xây dựng đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội vững mạnh.

Xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của Hội, các tổ chức thành viên, tập thể của Hội, Đoàn trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, phòng chống suy thoái đạo đức, lối sống, tội phạm, tệ nạn xã hội trong thanh niên, học sinh, sinh viên. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp đồng hành, hỗ trợ, tiếp cận của Hội đảm bảo sát cánh với thanh niên.

Tập hợp đoàn kết rộng rãi thanh niên Việt Nam trong và ngoài nước để thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đi đầu, tạo thành các phong trào cách mạng thanh niên thực hiện chủ trương, chiến lược về phòng, chống lãng phí, chuyển đổi số, chống ô nhiễm môi trường, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị. Đặt thanh niên làm trung tâm, tạo sân chơi, diễn đàn để thanh niên là người hiến kế, đồng thời tham gia hoạt động. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh...

Trong cuốn “Đoàn kết, vững tin đưa đất nước vào giai đoạn mới”, Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhắc nhở Đoàn TNCS Hồ Chí Minh một số nội dung, cụ thể như sau:

Một là, cần khẩn trương triển khai việc học tập, quán triệt, tuyên truyền và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng thành những chủ trương công tác lớn của Đoàn, coi đây là kim chỉ nam để triển khai công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; xây dựng chương trình, kế hoạch, chỉ rõ những công việc cụ thể mà mỗi tổ chức đoàn, đội, mỗi thanh niên, thiếu niên, nhi đồng cần thực hiện để chung tay cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hăng hái thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần tăng cường giáo dục cho thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, đặc biệt là nuôi dưỡng hoài bão, khát vọng xây dựng đất nước và nhận thức rõ sứ mệnh, trách nhiệm của mình trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cần coi trọng giáo dục qua thực tiễn phong trào, lựa chọn phương thức giáo dục phù hợp với từng lứa tuổi. Ra sức đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội và luận điệu sai trái của các thế lực thù địch; kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, lối sống thực dụng, ích kỷ; chống tâm lý ngại khó, ngại khổ.

Ba là, cần chú ý xây dựng môi trường, điều kiện học tập, rèn luyện, lao động, giải trí để thanh niên phát triển lành mạnh, toàn diện, hài hòa cả về thể lực, trí tuệ và

tâm hồn; có tình yêu lớn và trách nhiệm cao đối với gia đình, quê hương và đất nước. Tạo động lực cho thanh niên xung kích trong học tập, lao động sáng tạo, khởi nghiệp, lập nghiệp, phát huy vai trò quan trọng trong phát triển bền vững đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, chăm lo xây dựng, củng cố tổ chức đoàn thực sự vững mạnh cả về tư tưởng, chính trị, tổ chức và hành động, thực sự trở thành đội quân xung kích của cách mạng, lực lượng nòng cốt của tuổi trẻ, đội dự bị tin cậy của Đảng.

(3) Nhiệm vụ đột phá của thanh niên trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Tổng Bí thư Tô Lâm cho rằng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thanh niên có nhiều nhiệm vụ đột phá xây dựng đất nước như: đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghệ chiến lược... Đó là những thế mạnh thuộc về thanh niên.

Tổng Bí thư khẳng định nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội là công việc khó khăn, lâu dài, phức tạp. Tương lai của chủ nghĩa cộng sản thuộc về thanh niên. Thanh niên là lực lượng xung kích, đi đầu trong công cuộc xây dựng đất nước VN dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Yêu cầu nhiệm vụ đối với thanh niên trong giai đoạn cách mạng mới rất vẻ vang, đòi hỏi hơn bao giờ hết thanh niên cần tỏ rõ vai trò của mình trong mọi hoạt động đời sống xã hội. Thanh niên cần ý thức rõ về trách nhiệm, nhiệm vụ của mình phải là lực lượng đi đầu trong học tập rèn luyện, không ngừng phấn đấu vươn lên làm chủ khoa học, công nghệ.

"Đảng, Nhà nước tin tưởng sâu sắc và rất kỳ vọng phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong nhiệm kỳ mới với khát vọng cống hiến và hoài bão lớn trong xung kích, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Kiên định con đường thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng và không thể là con đường nào khác. Tuổi trẻ Việt Nam sẽ không ngừng vươn lên tự chủ tự cường, tự hào dân tộc, nỗ lực mạnh mẽ vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ - công bằng - văn minh, sớm sánh vai với các cường quốc năm châu như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ước vọng của toàn dân tộc", Tổng Bí thư nhấn mạnh.

Bước vào kỷ nguyên mới, có thể thấy rõ sứ mệnh của thanh niên được khái quát qua những nội dung sau:

Một là, thanh niên là lực lượng xung kích, tiên phong trong sự nghiệp phát triển đất nước nhanh và bền vững. Trong bối cảnh Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới với khát vọng “đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước phát triển, thu nhập cao”, thanh niên giữ vai trò đi đầu trong đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Thanh

niên phải là lực lượng tiên phong trong tiếp thu tri thức mới, hội nhập quốc tế, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Hai là, thanh niên là chủ thể kiến tạo và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ vững chắc chế độ. Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, mạng xã hội và các xu hướng toàn cầu hóa, thanh niên có sứ mệnh không chỉ tiếp nhận, mà còn truyền bá, bảo vệ những giá trị nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Thanh niên phải là lớp người kiên cường trước các âm mưu “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Ba là, thanh niên là lực lượng trung tâm trong xây dựng xã hội văn minh, hiện đại, nhân văn. Thanh niên không chỉ làm giàu cho bản thân mà còn góp phần làm giàu cho đất nước, phát triển xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Thanh niên có trách nhiệm hình thành lối sống đẹp, lý tưởng cao cả, lan tỏa những giá trị nhân văn, nghĩa tình, trách nhiệm với cộng đồng.

Bốn là, thanh niên là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Sứ mệnh của thanh niên là liên tục học tập, rèn luyện để trở thành đội ngũ lao động có tay nghề cao, nhà khoa học giỏi, doanh nhân bản lĩnh, nhà lãnh đạo trẻ tài năng, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong môi trường cạnh tranh toàn cầu khốc liệt và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ mới.

Năm là, thanh niên là lực lượng kế thừa trung thành, sáng tạo sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc. Thanh niên hôm nay tiếp bước các thế hệ cha anh, giữ gìn và phát triển thành quả cách mạng, luôn trung thành với lý tưởng Đảng, sẵn sàng cống hiến, hy sinh vì Tổ quốc, vì nhân dân. Thanh niên có trách nhiệm nuôi dưỡng khát vọng cống hiến, chủ động chuẩn bị về phẩm chất, năng lực để sẵn sàng đảm nhận vai trò lãnh đạo, quản lý các cấp trong tương lai.

4. Những giải pháp chính trong phát huy sứ mệnh thanh niên trong kỷ nguyên mới

Trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam, thanh niên luôn giữ vai trò xung kích, là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong mọi phong trào yêu nước, cách mạng và kiến thiết đất nước. Bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ của dân tộc với khát vọng hùng cường, phồn vinh – sứ mệnh của thanh niên càng trở nên thiêng liêng, to lớn. Để phát huy cao nhất vai trò và sứ mệnh của thanh niên trong bối cảnh mới, cần đồng bộ thực hiện nhiều giải pháp quan trọng.

Trước hết, cần tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng cống hiến trong thanh niên. Việc giáo dục phải được triển khai toàn diện,

thường xuyên, liên tục bằng nhiều hình thức sinh động, gắn với thực tiễn đời sống của thanh niên. Trọng tâm là bồi dưỡng lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, ý thức trách nhiệm với đất nước, với cộng đồng; đồng thời truyền cảm hứng về khát vọng sáng tạo, đổi mới và hội nhập toàn cầu. Các chương trình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cần được đẩy mạnh trong thanh niên, để mỗi người trẻ Việt Nam luôn nhận thức sâu sắc giá trị của độc lập dân tộc, của tự do, hạnh phúc, và ý nghĩa của việc đóng góp cho sự nghiệp chung.

Thứ hai, cần xây dựng môi trường thuận lợi để thanh niên học tập, lao động, sáng tạo và cống hiến. Nhà nước, tổ chức Đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội cần phối hợp chặt chẽ trong việc kiến tạo hệ sinh thái hỗ trợ thanh niên phát triển toàn diện. Điều này bao gồm việc ban hành các chính sách hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp, đổi mới sáng tạo; phát triển mạnh hệ thống giáo dục nghề nghiệp, đào tạo kỹ năng số, kỹ năng hội nhập quốc tế; đồng thời tạo điều kiện cho thanh niên tham gia vào các chương trình thực tiễn ở vùng sâu, vùng xa, các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên là yêu cầu cấp thiết. Tổ chức Đoàn cần thực sự trở thành mái nhà chung, nơi đoàn kết, tập hợp, đồng hành và phát huy sức mạnh của thanh niên. Nội dung và phương thức hoạt động phải được đổi mới sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhu cầu của thế hệ trẻ trong thời đại số. Các phong trào hành động cách mạng như “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc” cần được phát triển sâu rộng, thực chất, hiệu quả hơn, vừa góp phần rèn luyện thanh niên, vừa đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Thứ tư, cần chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng tài năng trẻ. Việc xây dựng chiến lược quốc gia về đào tạo, sử dụng nhân tài trẻ là yêu cầu cấp bách. Các chương trình tìm kiếm, ươm mầm và phát triển tài năng trẻ trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hóa, thể thao, quốc phòng cần được đầu tư bài bản. Đồng thời, cần có cơ chế, chính sách đãi ngộ, khuyến khích tài năng trẻ phát triển sự nghiệp gắn với phục vụ Tổ quốc, tránh tình trạng "chảy máu chất xám".

Cuối cùng, đẩy mạnh hội nhập quốc tế cho thanh niên là một giải pháp quan trọng trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. Thanh niên Việt Nam cần được trang bị hành trang vững chắc về ngoại ngữ, kỹ năng hội nhập, am hiểu luật pháp và văn hóa quốc tế. Các chương trình giao lưu, hợp tác quốc tế, cử thanh niên tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế cần được mở rộng, qua đó nâng cao vị thế thanh niên Việt Nam trên trường

quốc tế và đóng góp cho sự nghiệp hội nhập, phát triển đất nước.

Kỷ nguyên mới mở ra những chân trời rộng lớn nhưng cũng đặt ra những yêu cầu cao chưa từng có đối với thế hệ trẻ Việt Nam. Phát huy sứ mệnh của thanh niên trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc chính là cách tốt nhất để bảo đảm rằng ngọn lửa cách mạng, tinh thần yêu nước, khát vọng cống hiến sẽ được truyền mãi, tiếp nối vững chắc từ thế hệ này sang thế hệ khác, làm rạng rỡ non sông đất nước Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS Phùng Hữu Phú, 2025, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc: https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK3lGf/content/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-va-nhung-yeu-cau-lich-su
2. Bài đăng trên website Trung ương Đoàn Thanh niên, 2025, Tương lai cho thế hệ vươn mình: <https://doanthanhnien.vn/tin-tuc/xay-dung-doan/tuong-lai-cho-the-he-vuon-minh>
3. Bài đăng trên website Trung ương Đoàn Thanh niên, 2025, Trực tiếp: “Sứ mệnh thanh niên trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”: <https://doanthanhnien.vn/tin-tuc/xay-dung-doan/tuong-lai-cho-the-he-vuon-minh>
4. Bài báo “Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thanh niên có nhiều nhiệm vụ đột phá” trên báo Thanh niên: <https://thanhnien.vn/trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-thanh-nien-co-nhieu-nhiem-vu-dot-pha-185241219003457198.htm>
5. Bài báo “Hà Nội quán triệt sâu rộng chủ đề Kỷ nguyên mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” trên trang Tin tức Thông tấn xã Việt Nam: <https://baotintuc.vn/viet-nam-ky-nguyen-moi/ha-noi-quan-triet-sau-rong-chu-de-ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-20241202144751107.htm>
6. Bài báo “Phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ IX” đăng tải trên Báo điện tử Chính phủ: <https://baochinhphu.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-hoi-lien-hiep-thanh-nien-viet-nam-lan-thu-ix-102241218204130301.htm>

7. Bài báo “Sứ mệnh thanh niên tiếp tục được phát huy và lan toả sâu rộng” trên báo VTV Online: <https://vtv.vn/xa-hoi/su-menh-thanh-nien-tiep-tuc-duoc-phat-huy-va-lan-toa-sau-rong-20221210214639377.htm>
8. GS. TS Tô Lâm: “Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”, báo Nhân Dân, số 25193, ngày 1/11/2024, tr.2
https://image.nhandan.vn/Uploaded/2024/tmuivppi/2024_11_01/docbao-ndhangngay-01112024-8657.pdf

BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

Giang Thị Kim Anh

Chi bộ Văn phòng Đảng – Đoàn thể

Tóm tắt: *Tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã thông qua các văn kiện quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Trong những văn kiện ấy, Đảng ta đã chỉ ra những điểm mới trong quan điểm, chủ trương của Đảng.*

Trong thời gian qua, Nghị quyết của Đại hội Đảng XIII đã được triển khai tuyên truyền một cách toàn diện đến đông đảo đảng viên, quần chúng, đoàn viên thanh niên thông qua nhiều hình thức.

Đồng thời, trong phiên trọng thể Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam nhiệm kỳ 2024 - 2029, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh Đảng ta luôn chú trọng, quan tâm đặc biệt đến công tác thanh niên, ban hành nhiều văn bản nhằm chăm lo, giáo dục thanh niên. Đó chính là việc chuẩn bị sẵn nền tảng vững chắc để thanh niên cùng bước vào kỷ nguyên vườn mình của dân tộc.

Việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng (trẻ em, thiếu niên, nhi đồng và đặc biệt là thanh niên) luôn là việc rất quan trọng và rất cần thiết trong mọi thời đại. Bởi đó là những mầm non, là tương lai của đất nước. Bài viết này nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới của đất nước. Đồng thời nêu bật các nội dung cơ bản và những giải pháp chính nhằm bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau đạt hiệu quả, đảm bảo xây dựng đội ngũ kế cận tài đức, vừa hồng vừa chuyên.

Từ khóa: *bồi dưỡng, thế hệ cách mạng, kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình.*

1. Giới thiệu về tư tưởng Hồ Chí Minh và kỷ nguyên mới của dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất, đã cống hiến trọn đời cho độc lập, tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống no ấm hạnh phúc của nhân dân. Người để lại cho Đảng ta, đất nước ta, nhân dân ta một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của Cách Mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý

giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi. Đó chính là tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về mục tiêu xây dựng về một đất nước Việt Nam hòa bình và thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Để đạt mục tiêu đó, con đường độc lập của dân tộc Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu và con đường này đúng theo lý luận Mác- Lê nin; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước cách mạng, xác định lực lượng cách mạng là toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước, xây dựng con người Việt Nam có năng lực và phẩm chất đạo đức cách mạng; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trên cơ sở quan hệ quốc tế hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển; với phương pháp cách mạng phù hợp.

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua các văn kiện làm thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh này thể hiện những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam. Sau khi Đảng ra đời, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trải qua những thử thách và được khẳng định lại.

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong Báo cáo chính trị do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trình bày, tại ***phần III – Về phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ Đại hội XIII và những năm tiếp theo*** có nhấn mạnh đến các quan điểm chỉ đạo của Đảng. Trong đó, quan điểm đầu tiên đã đề cập đến tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới trong giai đoạn tới, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta cần quán triệt trong cả nhận thức và hành động thực tiễn các quan điểm chỉ đạo cơ bản sau đây:*

(1) Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;...”



**Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng trình bày Báo cáo của
Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội XIII**

Quan điểm trên khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh có vai trò rất quan trọng, là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam soi đường cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Một trong những nội dung cốt lõi về tư tưởng của Người là chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Nội dung này đã được Người nhắc nhở trong Di chúc, rằng: "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết". Luận điểm đó chứa đựng thế giới quan khoa học của một lãnh tụ cách mạng, phản ánh tầm nhìn xa trông rộng của một nhà hiền triết, một nhà văn hóa lớn; nó đã trở thành một chân lý của cách mạng. Đó không chỉ là sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp cách mạng, vun trồng cái gốc để sự nghiệp của cha anh luôn được phát triển mà còn là tầm nhìn sâu sắc của Hồ Chí Minh đối với hiện tại và tương lai bền vững của nước nhà.

Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Kỷ nguyên mới là khoảng thời gian đất nước, dân tộc phải vươn lên mãnh liệt, phấn đấu thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược, tạo sự phát triển vượt bậc ở một tầm cao mới, trình độ mới, chất lượng mới, xác lập vị thế quốc gia trên trường quốc tế, tạo nền tảng cho bước phát triển đột phá kế tiếp. Kỷ nguyên tiếp nối kỷ nguyên tạo thành lịch sử phát triển liên tục, từ thấp đến cao, ngày càng hoàn thiện của một quốc gia, dân tộc.

Kỷ nguyên mới – hay còn gọi là kỷ nguyên vươn mình của dân tộc – là một khái niệm chính trị được Đảng ta xác định gắn liền với giai đoạn phát triển từ Đại hội XIV trở đi. Đây là thời kỳ Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển chiến lược mới, với mục tiêu đưa đất nước trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao, sánh vai cùng các cường quốc năm châu vào năm 2045 – đúng dịp kỷ niệm 100 năm thành lập nước.

“Kỷ nguyên mới là khoảng thời gian đất nước, dân tộc phải vươn lên mãnh liệt, phấn đấu thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược, tạo sự phát triển vượt bậc ở một tầm cao mới, trình độ mới, chất lượng mới, xác lập vị thế quốc gia trên trường quốc tế, tạo nền tảng cho bước phát triển đột phá kế tiếp. Kỷ nguyên tiếp nối kỷ nguyên tạo thành lịch sử phát triển liên tục, từ thấp đến cao, ngày càng hoàn thiện của một quốc gia, dân tộc”³⁹

2. Quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Đảng ta đã không ngừng tiếp thu và phát huy tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại Phần VII - Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người trong Báo cáo chính trị của Đại hội XIII. Ngay phần đầu tiên, Đảng đã nhấn mạnh: “Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên.”

Trong Thư gửi thanh niên và nhi đồng nhân dịp Tết năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng viết: "Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội". Đây nhiệt huyết, có sức sống tràn trề và năng lực sáng tạo..., đó là thể mạnh, là vốn quý của tuổi trẻ. Với tư cách là đội ngũ dự bị, lực lượng kế cận hùng hậu của cách mạng và là những người chủ tương lai của nước nhà, các thế hệ trẻ - trước hết là thanh niên, có trách nhiệm kế tục sự nghiệp cách mạng, thực hiện sứ mệnh lịch sử vẻ vang mà lớp người đi trước đã chuyển giao vào tay mình. Coi vận mệnh của nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên, Bác khẳng định, thanh niên phải trở thành một lực lượng to lớn, vững chắc trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc, phải "là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già,... là người xung phong trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hóa, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội".

Sinh ra và lớn lên trong lòng dân tộc, gắn bó máu thịt với nhân dân, Chủ tịch

³⁹ GS.TS Phùng Hữu Phú, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và những yêu cầu lịch sử, Tạp chí Cộng sản, ngày 03/01/2025

Hồ Chí Minh có lòng tin mãnh liệt vào sức mạnh cũng như năng lực sáng tạo phi thường của quần chúng nhân dân, trong đó có thế hệ trẻ. Thế hệ trẻ nói chung và trẻ em nói riêng luôn ở trong trái tim và tâm trí của Người. Lúc nào Người cũng dành muôn vàn tình thương yêu cho các thế hệ trẻ. Hơn thế nữa, Người còn gửi gắm niềm tin khi đặt trọn tương lai của cách mạng, của dân tộc vào họ. Nhân ngày khai trường của năm học đầu tiên dưới chế độ mới, Người đã gửi thư khích lệ và động viên học sinh cả nước: "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em".



Tình cảm của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định, như một logic tất yếu, việc "*Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên*" là nhiệm vụ rất quan trọng và rất cần thiết.

Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình, kết hợp với lý luận cách mạng, từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ rằng, một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Do vậy, ngay từ những ngày đầu mới thành lập chính quyền cách mạng, Người đã coi việc xóa mù chữ, tiêu diệt giặc dốt và nâng cao dân trí là một trong số

sáu nhiệm vụ cấp bách của đất nước lúc bấy giờ. Đặc biệt, Người đã đưa ra một quan điểm vừa mang tính chiến lược, vừa mang giá trị nhân văn sâu sắc mà đến nay, đã trở thành phương châm hành động của toàn xã hội nói chung, của ngành giáo dục Việt Nam nói riêng: "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người". Bởi vậy, dù bận trăm công nghìn việc, Người vẫn thường xuyên quan tâm và chăm lo sự nghiệp giáo dục của nước nhà, coi giáo dục xã hội chủ nghĩa là phương thức quan trọng nhất của sự nghiệp trồng người, là một mắt xích không thể thiếu trong chiến lược bồi dưỡng thế hệ trẻ. Nói cách khác, trọng trách to lớn của ngành giáo dục là đào tạo những người kế tục sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, theo Người, dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt; các ngành, các cấp Đảng và chính quyền địa phương phải quan tâm hơn nữa đến sự nghiệp này, phải chăm sóc nhà trường về mọi mặt, nhằm đẩy sự nghiệp giáo dục của nước ta lên những bước phát triển mới. Có thể nói, trồng người là một tư tưởng có ý nghĩa to lớn, bởi đó là kế lâu bền để phát triển đất nước. Ngày nay, khi con người được coi là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chúng ta càng cảm nhận thấy chiều sâu trong tư tưởng đó của Người.

Đối với sinh viên và học sinh, để xứng đáng là thế hệ cách mạng của đời sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi họ phải ra sức học tập. Không chỉ học tập trong nhà trường, trong gia đình mà còn cần học tập từ ngoài xã hội, qua sách vở và từ chính thực tiễn cuộc sống. Học không phải để làm quan như trong xã hội cũ, mà là "Để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh, tức là để làm tròn nhiệm vụ người chủ của nước nhà".

Một trong những triết lý sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn với thực tiễn. Vì vậy, bên cạnh quan điểm xác định giáo dục, học tập như một phương thức chủ yếu để bồi dưỡng thế hệ trẻ, Người còn đòi hỏi thế hệ trẻ phải luôn tự rèn luyện, tu dưỡng trong thực tiễn nhằm xây dựng, phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết để sau này có thể cống hiến được nhiều nhất cho quê hương, cộng đồng và xã hội. Theo Người, việc tự rèn luyện, tu dưỡng đó cần tuân theo nguyên tắc nhất quán: điều gì phải thì cố làm cho kỳ được; điều gì trái thì hết sức tránh, dù nó là nhỏ.

Năm 1947, trong "Thư gửi thanh niên", Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... Thanh niên muốn làm chủ tương lai một cách xứng đáng thì ngay từ bây giờ phải tự giác rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải tích cực làm việc để chuẩn bị cho tương lai. Việc giáo dục thanh niên không thể tách rời mà phải liên hệ chặt chẽ với những cuộc đấu tranh của xã hội,

nhằm giúp họ tránh những cái độc hại, tiêu cực và tiếp thu, học hỏi những cái hay, tiến bộ trong cuộc sống. Thanh niên phải có tinh thần sẵn sàng, đâu Đảng cần thì thanh niên có, việc gì khó thì thanh niên làm, phải đoàn kết chặt chẽ, kiên trì phấn đấu, vượt mọi khó khăn, thi đua học tập và lao động sản xuất, góp sức vào sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

3. Những nội dung cơ bản trong bồi dưỡng thế hệ trẻ

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có những con người xã hội chủ nghĩa. Muốn làm tròn trọng trách người chủ tương lai của đất nước, thế hệ trẻ phải được giáo dục, bồi dưỡng một cách thường xuyên và toàn diện. Có như vậy, họ mới hội đủ các phẩm chất, năng lực cần thiết, cả về trí tuệ lẫn bản lĩnh chính trị, cả về nhân cách, đạo đức lẫn sức khỏe, để đáp ứng những yêu cầu của công cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo đó, việc bồi dưỡng thế hệ trẻ phải tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

Một là, bồi dưỡng đạo đức cách mạng: Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong việc bồi dưỡng thế hệ trẻ, nội dung quan trọng hàng đầu là xây dựng đạo đức cách mạng, giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa và gột rửa chủ nghĩa cá nhân. Không phải ngẫu nhiên mà Người đặt tư cách đạo đức của người cách mạng là nội dung trước tiên của cuốn sách Đường cách mệnh. Tư tưởng của Người về đạo đức cách mạng chứa đựng nhân sinh quan và giá trị quan hết sức sâu sắc đối với việc xác lập nhân cách, lý tưởng cũng như chuẩn mực lối sống cho thế hệ trẻ. Đạo đức cách mạng là đạo đức mới, là phẩm chất không thể thiếu và là cái gốc của con người xã hội chủ nghĩa. Bời, cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nội dung cốt lõi nhất của đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính. Những phẩm chất này giống như bốn mùa của trời đất; nếu thiếu một trong bốn phẩm chất đó thì con người không thể trở thành người theo đúng nghĩa. Nhưng, đạo đức cách mạng không phải là cái có sẵn, không phải từ trên trời rơi xuống, mà là kết quả của sự đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày của mỗi người. Do vậy, Người cho rằng, đối với thế hệ trẻ, phải luôn nỗ lực rèn luyện đạo đức cách mạng: thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; sống trong sạch, có chí tiến thủ và đoàn kết, không kiêu ngạo; tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân; phê phán những thói hư, tật xấu; thường xuyên tiến hành phê bình và tự phê bình... để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Hai là, bồi dưỡng tri thức lý luận và văn hóa, khoa học - kỹ thuật: Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, thanh niên phải vừa có đức, vừa có tài. Bởi vì, người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó; người có tài mà không có đức sẽ trở nên vô dụng. Hơn nữa, chính sự dốt nát là một trong những nguyên nhân cơ bản kìm hãm sự phát triển: Dốt thì đại, đại thì hèn. Vì vậy, để trở thành người có trí tuệ, có tri thức, tức là có tài, bên cạnh việc trau dồi đạo đức cách mạng, thanh niên còn phải hăng hái học tập, trong đó có học tập lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nghiên cứu, học tập lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nhằm trang bị và nâng cao trình độ lý luận cách mạng - ngọn đèn soi sáng cho hoạt động thực tiễn.

Cùng với việc học tập lý luận cách mạng, các thế hệ trẻ còn phải tích cực học tập văn hóa, khoa học - kỹ thuật...; sử dụng những tri thức đó để xây dựng xã hội mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, nhiệm vụ này quan trọng hơn bao giờ hết, bởi chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu. Cụ thể hóa mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với từng cấp học, Người viết: "Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà. Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế. Tiểu học thì cần giáo dục các cháu thiếu nhi: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công". Có như vậy, thế hệ trẻ mới có thể tích lũy được những tri thức cần thiết, tạo tiền đề phát huy năng lực sáng tạo, góp phần quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội của dân tộc.

Ba là, bồi dưỡng thể chất. Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin chỉ ra rằng, tương lai của loài người hoàn toàn tùy thuộc vào việc giáo dục thế hệ trẻ phát triển toàn diện. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến sự phát triển toàn diện của thanh, thiếu niên và nhi đồng Việt Nam, trong đó có sự phát triển về mặt thể chất. Theo Người, việc giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, thực hiện đời sống mới... tất cả đều phải có sức khỏe thì mới thành công. Bởi vì, mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe, tức là cả nước mạnh khỏe. Với tinh thần đó, Người đã tự mình nêu gương sáng về rèn luyện thể dục, thể thao; đồng thời, kêu gọi tất cả mọi người, dù gái hay trai, già hay trẻ, đều phải thường xuyên rèn luyện thân thể, coi luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe vừa là trách nhiệm, vừa là bổn phận của mỗi người dân yêu nước. Đặc biệt, đối với thanh niên, Người mong muốn họ phải có sức sống dẻo dai, thể chất cường tráng, tinh thần mạnh mẽ và nghị lực lớn.

Đề có được như vậy, không có cách nào khác ngoài việc hăng hái, tích cực rèn luyện thể dục, thể thao.

4. Thực trạng và những giải pháp chính trong bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau trong kỷ nguyên mới của dân tộc

Tiếp bước cha anh, thế hệ trẻ nước nhà đã và đang tích cực “xây dựng lại đất nước ta to đẹp hơn, đàng hoàng hơn” như mong ước Hồ Chí Minh, như mong ước của Đảng ta. Những tấm gương, điển hình tiên tiến, xung kích, đi đầu trong chiến đấu, lao động, học tập và công tác, nhất là trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế đã tiếp tục khẳng định vị thế và vai trò quan trọng của thế hệ trẻ. Trên cơ sở quán triệt quan điểm xây dựng Đoàn là xây dựng Đảng trước một bước, các tổ chức cơ sở Đoàn đã phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của đoàn viên, thanh niên, sinh viên trong thi đua thực hiện các nghị quyết của Đảng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Thông qua đó, tạo môi trường thuận lợi để thế hệ trẻ trải nghiệm, tự rèn luyện mình, trưởng thành, phấn đấu, bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Nỗ lực học tập, lao động để trau dồi, nâng cao tri thức, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng sống và làm việc trong bối cảnh toàn cầu hóa; tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các chương trình hành động: “Lập thân, lập nghiệp, xây dựng đất nước phồn vinh”, “Bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an ninh”, “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng tài năng trẻ, phát triển văn hóa, thể thao”, “Công tác xã hội, bảo vệ môi trường”, “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam”, “Tuổi trẻ Việt Nam - Câu chuyện hòa bình”, “Đoàn viên phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam”...

Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ những mặt trái của nền kinh tế thị trường, do thiếu bản lĩnh và không nghiêm túc trong rèn luyện, phấn đấu, một bộ phận thanh niên đã phai nhạt lý tưởng, sống buông thả, lười học tập và tu dưỡng đạo đức, thậm chí có người đã vi phạm pháp luật, v.v.. Thực trạng này, một mặt ảnh hưởng đến tương lai của chính họ, gây cản trở sự phát triển lành mạnh của xã hội, bền vững của đất nước; mặt khác dễ bị các thế lực thù địch khai thác, lợi dụng để tiến hành chiến lược “diễn biến hòa bình”, hòng chống phá và ngăn chặn sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Hơn bao giờ hết, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân càng phải thấm nhuần lời căn dặn đầy tâm huyết của Người trong Di chúc: Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa hồng vừa chuyên.

Thực hiện di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan điểm tư tưởng của Đảng

và để thực hiện tốt chiến lược trồng người, nhằm bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau đạt hiệu quả; đảm bảo xây dựng đội ngũ kế cận tài đức, hoàn thành tốt trọng trách mà Tổ quốc và nhân dân giao phó, trong thời gian tới, các cấp ủy, chính quyền, ban, ngành chức năng từ Trung ương đến địa phương cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, Nhà nước về vị trí, vai trò của thế hệ trẻ, về “đổi mới nội dung, phương thức chính trị, tư tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ... Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015-2030”. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - Đoàn Thanh niên - xã hội trong đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ toàn diện về mọi mặt; trong đó, chú trọng nguyên tắc đào tạo gắn với bồi dưỡng, tin tưởng giao việc, tạo điều kiện để tuổi trẻ được trải nghiệm, phấn đấu và trưởng thành; xây dựng nguồn cán bộ trẻ, đảm bảo quy hoạch cho trước mắt và lâu dài, “phải khéo léo kết hợp cán bộ già với cán bộ trẻ”, “không nên coi thường cán bộ trẻ” như Người đã căn dặn.

Hai là, mỗi cơ quan, đơn vị trong từng kế hoạch, chương trình hành động phải gắn bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, tri thức lý luận với rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Đưa việc học tập và làm theo Nghị quyết của Đảng, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói chung, theo chủ đề hằng năm nói riêng thành nhu cầu tự thân của mỗi người, mỗi tổ chức cơ sở Đoàn gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, với phòng chống suy thoái về đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, góp phần xây dựng Đoàn, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh... Tích cực đấu tranh phòng, chống chủ nghĩa cá nhân, phê phán những thói hư, tật xấu, lối sống vị kỷ và cổ vũ lối sống trong sạch, có chí tiến thủ, tinh thần đoàn kết, thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình để giúp nhau cùng tiến bộ, để tuổi trẻ vững tin thực hiện ước mơ, hoài bão của mình, kiên định mục tiêu cách mạng.

Ba là, chú trọng học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tế trong đào tạo, bồi dưỡng văn hóa, khoa học - kỹ thuật, công nghệ, quân sự, ngoại ngữ, v.v.. và thường xuyên bồi dưỡng thể chất, rèn luyện thân thể cho thế hệ trẻ, để “mỗi một người dân mạnh khỏe, tức là cả nước mạnh khỏe”. Cụ thể, theo Hồ Chí Minh, ở cấp

Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà; Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế; Tiểu học thì cần giáo dục các cháu thiếu nhi: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công.

Bốn là, gắn bồi dưỡng thế hệ trẻ với các phong trào thực tiễn, nhất là tiếp tục triển khai hiệu quả 03 phong trào hành động cách mạng “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc”, các chương trình trọng tâm trong Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2022 - 2027 trong từng nhóm đối tượng và duy trì các phong trào đặc thù. Từ đó, xây dựng, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo của các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong cha mẹ, thầy cô, nhân dân và trong chính thế hệ trẻ để “làm gương mẫu cho các em trước mọi việc”. Đồng thời, bản thân mỗi người trẻ cũng phải tự học tập, tự tu dưỡng, phấn đấu ở mọi nơi, mọi lúc và suốt đời, để xây dựng tương lai cho chính mình và đi tiên phong trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giàu mạnh, bền vững.

Có quá trình chuẩn bị, bồi dưỡng thường xuyên về đức và tài cho thế hệ trẻ; có sự chuẩn bị chu đáo, thận trọng, chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ cán bộ như lời Người đã căn dặn, theo đúng quan điểm, tư tưởng của Đảng ta, đất nước Việt Nam sẽ có đủ sức mạnh nội lực, trí tuệ, đạo đức để tự tin, kiên định, vững vàng trên con đường đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quo-lan-thu-xiii-cua-3734>

2. Bài báo “Bác Hồ gửi thư cho học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên” trên Báo Quân đội nhân dân: <https://www.qdnd.vn/tu-lieu-ho-so/ngay-nay-nam-xua/15-9-1945-bac-ho-gui-thu-cho-hoc-sinh-nhan-ngay-khai-truong-dau-tien-671165>

3. Bài báo “Trồng cây và trồng người theo lời Bác Hồ dặn trên Tạp chí Tuyên giáo: <https://tuyengiao.vn/tuyen-truyen/trong-cay-va-trong-nguoi-theo-loi-bac-ho-dan-38290>

4. Bài báo “Phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ IX” đăng tải trên Báo điện tử Chính phủ: <https://baochinhphu.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-hoi-lien-hiep-thanh-nien-viet-nam-lan-thu-ix-102241218204130301.htm>

5. Bài đăng trên website Trung ương Đoàn Thanh niên, 2025, Tương lai cho thế hệ vươn mình: <https://doanthanhvien.vn/tin-tuc/xay-dung-doan/tuong-lai-cho-the-he-vuon-minh>

6. Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/chi-thi-so-42-cttw-ngay-2432015-cua-ban-bi-thu-ve-tang-cuong-su-lanh-dao-cua-dang-doi-voi-cong-tac-giao-duc-ly-162>

7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Tập 1.

8. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (2023), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2022 - 2027), NXB Thanh niên.

9. GS.TS Phùng Hữu Phú, 2025, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc: https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-va-nhung-yeu-cau-lich-su

10. Hồ Chí Minh Toàn tập, 2000, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.12. tr.107-110.

11. Hồ Chí Minh toàn tập, 2011, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.

12. Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: <https://baochinhphu.vn/toan-van-di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh-102169104.htm>

VAI TRÒ CỦA THANH NIÊN TRONG VIỆC NHẬN DIỆN, PHÊ PHÁN CÁC BIỂU HIỆN LỆCH LẠC, LỆCH CHUẨN TRONG XÃ HỘI VÀ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

TS. Vũ Trí Tuấn

Bí thư Đoàn Thanh niên

Tóm tắt: Bài viết phân tích một cách hệ thống các biểu hiện lệch chuẩn trong xã hội và trên không gian mạng hiện nay, bao gồm lệch chuẩn đạo đức, văn hóa, pháp luật và tư tưởng – chính trị. Trên cơ sở lý luận, bài viết làm rõ vai trò của thanh niên, cũng như nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến tình trạng này, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và truyền thông số. Từ đó, đề xuất các giải pháp định hướng lại hành vi xã hội theo hướng chuẩn mực, như nâng cao năng lực phản biện trong giới trẻ, phát triển hệ sinh thái truyền thông tích cực và hoàn thiện công cụ quản lý không gian mạng.

Từ khóa: Lệch chuẩn xã hội, Không gian mạng, Giá trị văn hóa, Thanh niên, Tư tưởng

I. MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, truyền thông và không gian mạng đã tạo ra những thay đổi mạnh mẽ trong đời sống xã hội, đặc biệt là về nhận thức, hành vi, chuẩn mực và giá trị sống của các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Song hành cùng những cơ hội tích cực, quá trình này cũng đặt ra nhiều thách thức đối với hệ thống giá trị truyền thống, đạo đức xã hội và nền tảng tư tưởng của Đảng – nơi luôn coi trọng sự ổn định về chuẩn mực xã hội làm nền cho phát triển bền vững.

Một trong những hiện tượng đáng quan ngại hiện nay là sự gia tăng các biểu hiện **lệch chuẩn** trong xã hội – bao gồm lệch chuẩn đạo đức, pháp luật, văn hóa và tư tưởng – cùng với sự **phổ biến của các hành vi lệch lạc** trên không gian mạng. Các hành vi như cổ súy lối sống cá nhân cực đoan, truyền bá nội dung độc hại, xúc phạm thuần phong mỹ tục, bôi nhọ lãnh đạo, xuyên tạc lịch sử... đang diễn ra với tần suất với chiều hướng gia tăng, có tính hệ thống và ngày càng khó kiểm soát. Đặc biệt, chúng thường được “ngụy trang” dưới các hình thức giải trí, sáng tạo nội dung, tự do

ngôn luận... khiến không ít người, nhất là giới trẻ, nhầm lẫn giữa sự khác biệt và sự lệch chuẩn. Tình trạng này, nếu không được nhận diện và xử lý kịp thời, không chỉ làm xói mòn các chuẩn mực xã hội đã được hun đúc qua nhiều thế hệ mà còn đe dọa trực tiếp đến nền tảng tư tưởng của Đảng – vốn là trụ cột bảo đảm cho sự đoàn kết chính trị, sự ổn định của chế độ và tính chính danh của công cuộc đổi mới. Thực tế đã cho thấy, trong nhiều trường hợp, các biểu hiện lệch chuẩn chính là vết rạn ban đầu dẫn đến hiện tượng tự diễn biến, tự chuyển hóa trong tư tưởng – điều mà Đảng ta nhiều lần cảnh báo.

Không gian mạng, với đặc trưng là tính ẩn danh, lan truyền nhanh và thiếu cơ chế kiểm duyệt hiệu quả, đang trở thành một môi trường lý tưởng để các quan điểm sai trái, biểu hiện lệch chuẩn tồn tại, phát triển, thậm chí mặc nhiên được “bình thường hóa” và hợp thức hóa. Đáng lo ngại hơn, một bộ phận không nhỏ người dân, nhất là thanh thiếu niên, chưa có đủ năng lực nhận diện, phản biện và “miễn dịch thông tin độc hại”, từ đó dễ bị chi phối về mặt tư tưởng, hành vi và thái độ xã hội.

Từ yêu cầu thực tiễn đó, bài viết này tập trung phân tích các biểu hiện lệch lạc, lệch chuẩn đang tồn tại trong xã hội Việt Nam hiện nay, đặc biệt là trên không gian mạng – cả ở cấp độ cá nhân lẫn cộng đồng; đồng thời luận giải nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên dưới góc nhìn văn hóa – xã hội – truyền thông. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra các định hướng và khuyến nghị nhằm phê phán hiệu quả các biểu hiện sai lệch, khôi phục và củng cố hệ giá trị chuẩn mực phù hợp với đặc điểm văn hóa dân tộc, yêu cầu của thời đại và định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁCH TIẾP CẬN

1. Khái niệm lệch chuẩn và phân loại lệch chuẩn xã hội

Trong nghiên cứu xã hội học, lệch chuẩn (deviance) được hiểu là những hành vi, quan điểm hoặc thái độ đi chệch khỏi các chuẩn mực, giá trị được xã hội chấp nhận và duy trì (Macionis & Plummer, 2012). Lệch chuẩn không đồng nghĩa với sự đổi mới hay sáng tạo, mà thường mang tính phủ định hoặc đối lập với hệ giá trị cốt lõi, gây tác động tiêu cực đến trật tự xã hội. Theo Durkheim (1895), lệch chuẩn là hiện tượng xã hội phổ biến trong mọi cộng đồng, nhưng trở nên nguy hiểm khi không được kiểm soát và bị “bình thường hóa” trong hành vi cộng đồng. Lệch chuẩn có thể được chia thành nhiều dạng: Lệch chuẩn đạo đức – văn hóa: Vi phạm thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa dân tộc; Lệch chuẩn pháp luật: Hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức xử lý hình sự, hoặc lan truyền nội dung trái quy định pháp

luật; Lệch chuẩn tư tưởng – chính trị: Biểu hiện thông qua các quan điểm sai trái, phản động, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc lịch sử, cổ súy tư tưởng cực đoan. Sự nguy hiểm của lệch chuẩn không chỉ nằm ở bản chất hành vi, mà ở chỗ nó có thể tạo ra hiệu ứng lan tỏa, dẫn đến sự xói mòn các chuẩn mực xã hội vốn là nền tảng để duy trì sự ổn định chính trị và trật tự xã hội.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về xây dựng chuẩn mực xã hội

Tư tưởng Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao vai trò của chuẩn mực đạo đức trong xây dựng con người và xã hội. Người khẳng định: *“Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”* (Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 292). Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về chuẩn mực xã hội đã được thể hiện rõ qua các kỳ đại hội, đặc biệt là Đại hội XIII của Đảng yêu cầu: *“Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”* (Văn kiện Đại hội XIII, 2021, tr. 163). Đảng cũng xác định yêu cầu: kiên quyết đấu tranh phản bác các biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống, tư tưởng lệch lạc, nhất là trong giới trẻ, trên không gian mạng – nơi đang bị các thế lực thù địch triệt để lợi dụng để gây hoang mang, chia rẽ và chống phá. Chuẩn mực xã hội, theo cách nhìn của Đảng, không chỉ là khuôn mẫu hành vi, mà còn là bức tường tư tưởng phòng thủ chống lại các biểu hiện sai trái, lệch lạc đang ngày càng phổ biến.

3. Không gian mạng – môi trường tạo và lan truyền chuẩn mực mới

Sự phát triển mạnh mẽ của Internet, mạng xã hội và truyền thông kỹ thuật số đã làm thay đổi căn bản cách thức hình thành, truyền bá và điều chỉnh chuẩn mực xã hội. Trên không gian mạng, một hành vi hoặc quan điểm – dù lệch chuẩn – vẫn có thể được tán dương, cổ súy bởi hiệu ứng đám đông, tạo ra hiện tượng "chuẩn mực ảo" – tức là những giá trị được mặc nhiên công nhận chỉ vì chúng phổ biến, không vì chúng đúng đắn. Castells (2009) trong nghiên cứu về quyền lực truyền thông khẳng định: *“Không gian mạng là nơi tái cấu trúc lại quyền lực xã hội thông qua sự kiểm soát diễn ngôn”*. Điều này có nghĩa rằng, nếu các diễn ngôn lệch chuẩn chiếm ưu thế, thì ngay cả giá trị phản động cũng có thể trở thành trào lưu xã hội.

Với đặc trưng phi tập trung, ẩn danh và lan truyền nhanh, mạng xã hội cho phép các biểu hiện lệch lạc xuất hiện, nhân rộng và trở nên hợp thức hóa trong nhận thức đám đông, đặc biệt là khi thiếu vắng những nội dung phản biện, định hướng

chính thống. Tình trạng “bình thường hóa cái lệch” trên mạng xã hội hiện nay tại Việt Nam là biểu hiện của sự suy giảm năng lực kiểm soát xã hội và khủng hoảng hệ giá trị trong một bộ phận thanh niên. Nhiều người trẻ Việt Nam không thể xác định chính xác ranh giới giữa “khác biệt sáng tạo” và “lệch chuẩn nguy hại” trên không gian mạng.

III. NHẬN DIỆN CÁC BIỂU HIỆN LỆCH LẠC, LỆCH CHUẨN TRONG XÃ HỘI VÀ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Một trong những biểu hiện rõ nét nhất của lệch chuẩn xã hội hiện nay là sự suy giảm chuẩn mực đạo đức trong quan hệ cá nhân và cộng đồng. Lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ, thờ ơ với cộng đồng đang có xu hướng gia tăng, đặc biệt trong một bộ phận thanh niên. Các biểu hiện như chạy theo đồng tiền bằng mọi giá, coi nhẹ tinh thần tương thân tương ái, thiếu trung thực trong học tập và công việc cho thấy sự xói mòn đáng lo ngại của hệ chuẩn mực đạo đức truyền thống. Bên cạnh đó, lệch chuẩn pháp luật cũng diễn ra phổ biến dưới hình thức vi phạm pháp luật nhẹ, nhưng lặp đi lặp lại và được "khoan dung xã hội" chấp nhận. Từ những hành vi nhỏ như vượt đèn đỏ, gian lận thương mại, nói dối trong kê khai hồ sơ, cho đến các hành vi nghiêm trọng như bạo lực học đường, trốn thuế, lợi dụng mạng xã hội để vu khống... đang cho thấy một “khoảng mờ” trong ý thức tuân thủ pháp luật của một bộ phận người dân, đặc biệt trong bối cảnh quản lý xã hội còn hạn chế ở nhiều cấp cơ sở.

Một biểu hiện không kém phần đáng lo ngại là lệch chuẩn văn hóa – thể hiện trong thói quen tiêu dùng, hành vi công cộng, ứng xử giao tiếp. Các giá trị truyền thống như khiêm tốn, tiết chế, tôn trọng người lớn tuổi, đề cao cộng đồng dường như đang bị lấn át bởi xu hướng khoe mẽ, cá nhân hóa, sính ngoại và đề cao chủ nghĩa hình thức. Biểu hiện dễ thấy là trong các lễ hội, mạng xã hội hoặc đời sống thường ngày, khi nhiều hành vi phản cảm như chen lấn, ăn mặc phản cảm nơi tôn nghiêm, ngôn ngữ thô tục... vẫn diễn ra mà không gặp phải sự phản ứng mạnh mẽ từ cộng đồng.

Về mặt tư tưởng – chính trị, lệch chuẩn thể hiện ở sự hoài nghi hoặc phủ nhận những giá trị cốt lõi của hệ thống. Một bộ phận thanh niên biểu hiện sự thờ ơ chính trị, không quan tâm đến lịch sử, lãnh tụ, hoặc bị cuốn theo các trào lưu tư tưởng lệch lạc, thậm chí thể hiện sự cổ súy cho lối sống hưởng thụ, sa hoa mà thiếu phê phán. Đây là mảnh đất màu mỡ để các quan điểm sai trái, thù địch len lỏi, gây ảnh hưởng đến nền tảng tư tưởng và định hướng phát triển xã hội.

Trên không gian mạng trong thời gian gần đây, nhiều hành vi lệch chuẩn được nuôi dưỡng trên môi trường, tái tạo và khuếch đại với tốc độ và quy mô chưa từng

có. Một trong những biểu hiện phổ biến là sự cô sùý lỗi sống lệch lạc, phi đạo đức qua nội dung số. Trên các nền tảng như TikTok, YouTube, Facebook, hàng loạt tài khoản đăng tải video phản cảm, câu view bằng hình ảnh hở hang, nội dung kích động, “giang hồ mạng”, thậm chí bạo lực hay đồi trụy – nhưng lại thu hút hàng triệu lượt xem và tương tác.

Một biểu hiện nguy hiểm hơn là sự lan truyền của thông tin sai trái, phản cảm, xuyên tạc lịch sử, phỉ báng, cổ vũ chủ nghĩa sai lệch. Những nội dung này thường nguy trang dưới dạng “thảo luận học thuật”, “phản biện xã hội”, nhưng thực chất là gieo rắc hoài nghi, xuyên tạc bản chất cách mạng của Đảng, phủ nhận công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các thế hệ lãnh đạo tiền bối. Các nhóm Facebook, diễn đàn YouTube ẩn danh được tổ chức bài bản, có xu hướng tạo “bong bóng dư luận” khiến người dùng dễ dàng bị lôi kéo và thuyết phục nếu không có năng lực phản biện.

Ngoài ra, trên không gian mạng còn tồn tại hội chứng “thần tượng lệch lạc” – khi một bộ phận giới trẻ thần tượng những nhân vật nổi tiếng bằng chiêu trò, thiếu chuẩn mực đạo đức, coi việc bất chấp luật lệ để nổi tiếng là điều đáng ngưỡng mộ. Hình tượng “idol online”, “giang hồ mạng” nhiều khi được xây dựng trên nền tảng của sự thách thức chuẩn mực, phản văn hóa, đi ngược với lý tưởng sống vì cộng đồng. Đây là một dạng lệch chuẩn nguy hiểm, vì nó không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân mà còn làm biến đổi hệ giá trị xã hội theo hướng tiêu cực.

Cùng với đó, lệch chuẩn ngôn ngữ và hành vi giao tiếp trên mạng xã hội cũng là vấn đề đáng lưu tâm. Việc sử dụng từ ngữ xúc phạm, bôi nhọ, bình luận tiêu cực, tung tin đồn thất thiệt... trở nên phổ biến, làm gia tăng “văn hóa bạo lực mạng” và gây tổn hại nghiêm trọng đến văn hóa ứng xử trong xã hội. Điều đáng nói là nhiều bạn trẻ coi đây là “chuyện thường ngày”, điều này dẫn đến quá trình bình thường hóa hành vi lệch chuẩn, làm mờ ranh giới giữa đúng – sai trong nhận thức cộng đồng.

IV. NGUYÊN NHÂN CỦA TÌNH TRẠNG LỆCH CHUẨN

Hiện tượng lệch chuẩn trong xã hội và không gian mạng không phải là sản phẩm của ngẫu nhiên hay cá biệt, mà là hệ quả tổng hợp của nhiều yếu tố, từ biến đổi cấu trúc xã hội, sự phát triển của công nghệ truyền thông, đến những khoảng trống trong công tác giáo dục và quản lý văn hóa – tư tưởng. Việc nhận diện đầy đủ các nguyên nhân giúp hình thành cơ sở khoa học cho việc xây dựng giải pháp khắc phục hiện tượng này một cách căn cơ và bền vững.

1. Nguyên nhân khách quan

Một trong những nguyên nhân khách quan chủ yếu là tác động của toàn cầu

hóa và hội nhập văn hóa, dẫn đến sự xâm nhập của các giá trị ngoại lai, trong khi hệ thống giá trị bản địa còn cần thời gian để tạo "miền dịch" và điều chỉnh. Trong điều kiện hội nhập, sự giao thoa, tương tác giữa các hệ giá trị văn hóa là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, ở nhiều trường hợp, quá trình này diễn ra trong tình trạng thiếu chuẩn bị về mặt tư tưởng – văn hóa, khiến một bộ phận người dân, nhất là giới trẻ, bị “choáng ngợp” bởi những giá trị mang tính tiêu dùng, hưởng thụ, cá nhân cực đoan, dẫn đến lệch chuẩn trong hành vi và lối sống (Inglehart & Welzel, 2005). Song song với đó, sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin và truyền thông số, đặc biệt là mạng xã hội, đã tạo ra không gian “siêu thực”, nơi chuẩn mực truyền thống bị thách thức bởi những xu hướng mới, thậm chí phản chuẩn. Với đặc điểm lan truyền nhanh, không kiểm soát chặt chẽ, mạng xã hội dễ bị các đối tượng lợi dụng để phát tán thông tin xấu độc, tạo hiệu ứng tâm lý đám đông và thúc đẩy hành vi lệch chuẩn (Castells, 2009). Trong khi đó, hệ thống pháp luật và công cụ kỹ thuật quản lý không gian mạng còn chưa theo kịp tốc độ phát triển của nền tảng công nghệ, dẫn đến tình trạng “lỏng lẻo kỹ thuật – khoảng trống pháp lý”.

Một nguyên nhân khác là tác động của kinh tế thị trường và phân hóa xã hội. Trong điều kiện cạnh tranh kinh tế khốc liệt, một bộ phận người dân sẵn sàng đánh đổi chuẩn mực đạo đức để đạt được mục tiêu vật chất. Chủ nghĩa thực dụng, bệnh thành tích, và tâm lý chạy theo sự nổi tiếng đã làm mờ ranh giới giữa đúng và sai trong nhận thức xã hội. Các giá trị như trung thực, khiêm tốn, cần cù... dần bị thay thế bởi “mưu mẹo”, “nhanh giàu”, “làm màu”, tạo nên một hệ lệch chuẩn mới mang tính lây lan trong cộng đồng, đặc biệt là qua các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội.

2. Nguyên nhân chủ quan

Trước hết, vai trò điều chỉnh của các thiết chế xã hội truyền thống như gia đình, nhà trường và cộng đồng bị ảnh hưởng trong thời đại mới. Gia đình – vốn được xem là “trường học đầu tiên” về chuẩn mực đạo đức – đang bị hạn chế ít nhiều về chức năng giáo dục hành vi do nhịp sống hiện đại, áp lực mưu sinh, và ảnh hưởng từ lối sống của nước ngoài. Trong nhiều trường hợp, cha mẹ buông lỏng giám sát con cái trong việc sử dụng thiết bị số, dẫn đến tình trạng trẻ tiếp xúc với nội dung độc hại từ sớm mà không có định hướng đúng đắn.

Bên cạnh đó, công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống trong trường học còn mang tính hình thức, nặng về khẩu hiệu, thiếu chiều sâu và chưa phù hợp với tâm lý, nhu cầu tiếp nhận của thế hệ trẻ. Việc truyền tải các giá trị chuẩn mực vẫn còn lệ thuộc nhiều vào lý thuyết sách vở, thiếu gắn kết với thực tiễn cuộc sống và môi trường

mạng – nơi giới trẻ đang dành 1 khoảng thời gian lớn để “sống”. Điều này khiến các nội dung giáo dục không đủ hấp dẫn, không khơi dậy được niềm tin nội tại, từ đó giảm hiệu quả điều chỉnh hành vi lệch chuẩn.

Một nguyên nhân đáng chú ý nữa là khoảng trống truyền thông chính thống trong việc định hướng giá trị. Trong khi mạng xã hội tràn ngập các nội dung “giải trí dễ dãi”, cổ súy cái lạ, cái sốc, thì hệ thống truyền thông chính thống lại đang gặp khó khăn trong việc đổi mới nội dung và hình thức truyền tải. Nội dung chính luận – dù đúng đắn – nhưng nếu khô khan, thiếu sáng tạo sẽ không thể cạnh tranh được với các kênh giải trí phi chuẩn mực vốn rất biết cách thu hút giới trẻ. Việc này đã tạo ra “khoảng trống định hướng”, nơi giá trị lệch chuẩn có cơ hội chiếm ưu thế trong nhận thức cộng đồng.

Cuối cùng, cần phải nói đến sự thiếu hụt kỹ năng số và tư duy phản biện trong giới trẻ. Việc không được trang bị đầy đủ năng lực phân tích, đánh giá, phản biện thông tin khiến thanh niên dễ bị dẫn dắt bởi những nội dung lệch chuẩn mà không nhận thức được mức độ nguy hại. Đây là một lỗ hổng khá lớn trong giáo dục công dân số – một trong những yếu tố quyết định năng lực miễn nhiễm với lệch chuẩn trong thời đại mạng.

V. ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC VÀ PHÊ PHÁN BIỂU HIỆN LỆCH CHUẨN

Trong bối cảnh xã hội đang chuyển mình mạnh mẽ dưới tác động của công nghệ, toàn cầu hóa và sự biến đổi giá trị sống, việc xây dựng một hệ thống giải pháp toàn diện nhằm định hướng hành vi xã hội theo hướng tích cực là yêu cầu cấp thiết. Các giải pháp này cần đồng thời xử lý biểu hiện lệch chuẩn ở cả hai cấp độ: kiểm soát – ngăn ngừa hành vi sai lệch, và xây dựng – củng cố hệ giá trị chuẩn mực.

1. Nâng cao nhận thức và bồi dưỡng hệ giá trị đúng đắn trong giới trẻ

Giải pháp căn bản nhất để khắc phục lệch chuẩn là xây dựng lại hệ giá trị xã hội trên cơ sở kế thừa truyền thống dân tộc, kết hợp với tinh thần đổi mới của thời đại. Trong đó, thanh niên cần được xác định là nhóm ưu tiên bồi dưỡng vì đây là giai đoạn hình thành thế giới quan và nhân sinh quan, đồng thời cũng là đối tượng dễ bị tác động bởi trào lưu lệch hướng. Cần đổi mới căn bản công tác giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng và trách nhiệm công dân trong nhà trường và tổ chức Đoàn – Hội. Nội dung giáo dục không nên tiếp cận theo hướng áp đặt, khô cứng, mà phải được “số hóa”, “trẻ hóa” và “thực tiễn hóa”. Việc lồng ghép các nội dung về nhận diện lệch chuẩn, xử lý thông tin độc hại, định hướng giá trị sống vào môn học chính khóa và

các hoạt động ngoại khóa sẽ giúp thanh niên có khả năng “miễn dịch tư tưởng lệch lạc”. Theo khuyến nghị của UNESCO (2021), phát triển năng lực phân tích truyền thông và đạo đức số nên được xem là kỹ năng sống thiết yếu trong thế kỷ XXI.

2. Phát triển văn hóa truyền thông tích cực và hệ sinh thái thông tin lành mạnh

Không gian mạng không thể bị bỏ trống hoặc để mặc cho các luồng thông tin tiêu cực chiếm lĩnh. Do đó, cần chủ động xây dựng một hệ sinh thái truyền thông tích cực, với nội dung hấp dẫn, hình thức hiện đại và ngôn ngữ gần gũi giới trẻ. Các cơ quan truyền thông chính thống, tổ chức Đoàn – Hội cần đầu tư vào các kênh nội dung số định hướng giá trị sống tích cực, trong đó khai thác hình thức video ngắn, infographic, podcast, minigame, meme... để tiếp cận hiệu quả với nhóm thanh niên. Một số mô hình thành công như các chiến dịch “Tôi yêu Tổ quốc tôi”, “Tự hào một dải non sông”... đã cho thấy nếu được triển khai bài bản, có sự kết hợp giữa công nghệ và nội dung chính luận, thì truyền thông định hướng vẫn có thể lan tỏa rộng rãi. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả, cần khuyến khích và hỗ trợ lực lượng sáng tạo nội dung trẻ tuổi, đặc biệt là trong sinh viên, để họ trở thành “người dẫn dắt tích cực” trên không gian mạng.

3. Hoàn thiện cơ chế pháp lý và công cụ quản lý không gian mạng

Bên cạnh giải pháp mềm, việc xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các hành vi lệch chuẩn trên mạng là vô cùng cần thiết. Nhà nước cần đẩy mạnh thực thi các quy định về xử lý thông tin sai trái, nội dung phản cảm, kích động bạo lực, kỳ thị, phân biệt... Đồng thời, cần có cơ chế giám sát và xử phạt đủ sức răn đe, kết hợp giữa công nghệ phát hiện tự động và phản hồi cộng đồng. Ngoài ra, cần khuyến khích các nền tảng số có trụ sở tại Việt Nam, hoặc hợp tác với các nền tảng quốc tế, xây dựng bộ lọc văn hóa phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam. Việc phát triển các ứng dụng, AI kiểm duyệt nội dung độc hại, kết hợp báo cáo cộng đồng, là hướng đi lâu dài để đảm bảo không gian mạng lành mạnh, hướng đến sự văn minh.

4. Phát huy vai trò của cán bộ Đoàn, sinh viên và đội ngũ "phản biện xã hội trẻ"

Một yếu tố then chốt trong đấu tranh với các biểu hiện lệch chuẩn là phát huy vai trò của thanh niên – không chỉ với tư cách là người tiếp nhận, mà là chủ thể hành động, tham gia phản bác, định hướng và xây dựng giá trị mới. Tổ chức Đoàn – Hội các cấp cần hình thành và nâng cao năng lực cho các đội nhóm “phản ứng nhanh với thông tin xấu độc”, “CLB Lý luận trẻ”, các đội truyền thông sinh viên trong trường đại học. Đội ngũ cán bộ Đoàn, giảng viên trẻ cần được bồi dưỡng kiến thức về truyền

thông số, kỹ năng phản biện, xử lý thông tin... để vừa làm gương, vừa làm người hướng dẫn thế hệ sinh viên. Trong bài “Đạo đức cách mạng” năm 1958, Hồ Chí Minh khái quát: “Nói tóm tắt thì đạo đức cách mạng là: quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng, đó là điều chủ chốt nhất. Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng. Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc. Ra sức học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ” (Hồ Chí Minh. *Toàn tập. Tập 9*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2002, tr.285). Trong điều kiện mới, đạo đức cách mạng không chỉ là lòng yêu nước, mà còn là năng lực đấu tranh tư tưởng, tinh thần cảnh giác trước cái sai, và bản lĩnh bảo vệ cái đúng trên “mặt trận không tiếng súng” – không gian mạng.

VI. KẾT LUẬN

Nhận diện, phê phán và đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc, lệch chuẩn trong xã hội và trên không gian mạng không chỉ là yêu cầu của công tác tư tưởng – văn hóa trong thời kỳ mới, mà còn là nhiệm vụ chính trị cấp thiết nhằm giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin xã hội và bảo vệ định hướng phát triển bền vững của đất nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và sự dịch chuyển giá trị sống ngày càng nhanh chóng, các hiện tượng lệch chuẩn không còn mang tính cá biệt mà đã trở thành một vấn đề xã hội có tính hệ thống, đặc biệt trong môi trường mạng – nơi chuẩn mực và phi chuẩn mực đan xen, thật và giả lẫn lộn.

Bài viết đã phân tích toàn diện các dạng thức lệch chuẩn đạo đức, văn hóa, pháp luật và tư tưởng – chính trị, cả trong đời sống thực và trên không gian mạng; đồng thời chỉ ra nguyên nhân sâu xa bao gồm cả yếu tố khách quan như toàn cầu hóa, sự phát triển của công nghệ, và yếu tố chủ quan như sự yếu kém trong giáo dục giá trị, thiếu hụt kỹ năng số và năng lực phản biện. Qua đó, có thể thấy rằng, cuộc đấu tranh với lệch chuẩn không đơn thuần là phản bác những biểu hiện sai lệch, mà quan trọng hơn là kiến tạo và củng cố hệ giá trị đúng đắn, phù hợp với đặc trưng văn hóa dân tộc, yêu cầu phát triển bền vững, và lý tưởng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Muốn làm được điều đó, trước hết cần xác định lại vị trí trung tâm của thanh niên trong trận tuyến tư tưởng – văn hóa mới. Thanh niên không chỉ là đối tượng bị tác động bởi thông tin lệch lạc, mà chính là lực lượng xung kích trong công cuộc định hình dư luận xã hội tích cực, phản bác các biểu hiện sai trái, và lan tỏa giá trị đúng

đầu. Mỗi cán bộ Đoàn, sinh viên, giảng viên trẻ – nếu được trang bị tri thức chính trị, bản lĩnh tư tưởng, kỹ năng truyền thông và tinh thần trách nhiệm – sẽ trở thành một “pháo đài tư tưởng” trên không gian mạng, bảo vệ hệ giá trị cốt lõi của dân tộc bằng chính tiếng nói, hành vi và ảnh hưởng của mình.

Đồng thời, cần xây dựng một hệ sinh thái văn hóa – truyền thông lành mạnh, trong đó các nền tảng truyền thông chính thống, hệ thống giáo dục, các thiết chế văn hóa và pháp luật cùng phối hợp để khôi phục niềm tin xã hội, nâng cao năng lực nhận diện – miễn dịch – phản biện trong cộng đồng, nhất là giới trẻ. Quản lý tốt không gian mạng là một phần, nhưng cái gốc vẫn là làm cho cái đúng trở nên hấp dẫn, lan tỏa và thuyết phục hơn cái sai. Khi giá trị tích cực lên tiếng mạnh mẽ, cái lệch chuẩn sẽ tự bị cô lập.

Trên tất cả, đây là cuộc đấu tranh về niềm tin, về nhân cách và lý tưởng. Đấu tranh với lệch chuẩn không chỉ để giữ gìn trật tự xã hội, mà là để bảo vệ con người. Trong kỷ nguyên số, đạo đức cách mạng không chỉ là sống đúng, sống tốt, mà còn là **khả năng nhận diện cái sai, phê phán cái lệch, và lan tỏa cái đúng** bằng tất cả tri thức, bản lĩnh và trái tim của người cộng sản trẻ tuổi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Castells, M. (2009). *Communication Power*. Oxford University Press.
 2. Castells, M. (2009). *Communication Power*. Oxford University Press.
 3. Castells, M. (2009). *Communication Power*. Oxford University Press.
 4. Durkheim, E. (1895). *The Rules of Sociological Method*. The Free Press.
 5. Durkheim, E. (1895). *The Rules of Sociological Method*. The Free Press.
 6. Hồ Chí Minh. (2000). *Toàn tập*, Tập 5. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
 7. Hồ Chí Minh. (2000). *Toàn tập*, Tập 9. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
 8. Inglehart, R., & Welzel, C. (2005). *Modernization, Cultural Change, and Democracy: The Human Development Sequence*. Cambridge University Press.
- Lê Thị Hà. (2023).
9. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và sự vận dụng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay*. Tạp chí Cộng sản. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/->

/2018/928202/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-dao-duc-cach-mang-cua-can-bo%2C-dang-vien-va-su-van-dung-trong-cong-tac-xay-dung%2C-chinh-don-dang-hien-nay.aspx

10. Macionis, J., & Plummer, K. (2012). *Sociology: A Global Introduction* (5th ed.). Pearson Education.
11. Nguyễn Xuân Tâm. (2023). *Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chăm lo, bồi dưỡng thế hệ trẻ và vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay*. Tạp chí Tổ chức Nhà nước. <https://tcnn.vn/news/detail/53867/Quan-diem-cua-Chu-tich-Ho-Chi-Minh-ve-cham-lo-boi-duong-the-he-tre-va-van-dung-cua-Dang-ta-trong-giai-doan-hien-nay.html>
12. Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. (2023, July 4). *Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên*. Cổng thông tin Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. <https://doanthanhnien.vn/tin-tuc/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/tang-cuong-giao-duc-ly-tuong-cach-mang-dao-duc-loi-song-cho-thanh-nien>
13. UNESCO. (2021). *Media and Information Literacy Curriculum for Educators and Learners*. Paris: UNESCO Publishing.
14. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. (2021). *Tập I*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

TS. Vũ Trí Tuấn

Bí thư Đoàn Thanh niên

SV. Phạm Trọng Bình

Viện Đào tạo tiên tiến, chất lượng cao và POHE

Tóm tắt: Chuyển đổi số đã mở ra cơ hội và thách thức cho nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trên không gian mạng. Cơ hội bao gồm tăng cường tuyên truyền qua mạng xã hội và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để giám sát thông tin. Tuy nhiên, thách thức lớn là sự lan truyền thông tin sai lệch, tấn công mạng từ thế lực thù địch, và khó khăn trong quản lý các nền tảng xuyên quốc gia. Bài viết phân tích tác động của chuyển đổi số, xác định yêu cầu và đề xuất giải pháp để bảo vệ tư tưởng chính trị trong môi trường số. Bốn đề xuất gồm: hoàn thiện khung pháp lý, ứng dụng công nghệ số, nâng cao năng lực cán bộ, và giáo dục cộng đồng. Giải pháp bao gồm xây dựng chiến lược quốc gia tích hợp bảo vệ tư tưởng, hợp tác với các nền tảng mạng xã hội, và đào tạo kỹ năng số cho cán bộ. Sự phối hợp giữa Đảng, Nhà nước, và cộng đồng là yếu tố then chốt. Cần nghiên cứu sâu hơn về AI và quản lý không gian mạng để đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời đại số.

Từ khóa: Chuyển đổi số, Nền tảng tư tưởng, Không gian mạng, Thông tin sai lệch, Trí tuệ nhân tạo

1. Mở đầu

1.1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số đã trở thành động lực then chốt thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa và chính trị trên toàn cầu. Tại Việt Nam, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà còn là chiến lược quốc gia nhằm hiện đại hóa đất nước, như được nêu trong *Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* (Chính phủ Việt Nam, 2020). Tuy nhiên, sự bùng nổ của không gian mạng, với sự phổ biến của internet và mạng xã hội, đã biến môi trường số thành một đấu trường mới cho việc lan truyền thông tin, tư tưởng

và định hướng dư luận xã hội. Theo Báo cáo Chuyển đổi số Quốc gia 2023, hơn 70% dân số Việt Nam sử dụng internet, với thời gian trung bình dành cho mạng xã hội lên đến 2,5 giờ mỗi ngày (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023). Điều này tạo ra cả cơ hội và thách thức cho nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Không gian mạng, với tính chất không biên giới và tốc độ lan truyền thông tin nhanh chóng, đã trở thành nơi mà các thế lực thù địch lợi dụng để tuyên truyền các quan điểm sai trái, xuyên tạc lịch sử và bôi nhọ uy tín của Đảng. Những vụ việc như lan truyền thông tin sai lệch về chính sách đất đai năm 2022 trên mạng xã hội cho thấy sự cấp thiết của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng trong môi trường số (Bộ Công an, 2022). Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích tác động của chuyển đổi số đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, từ đó xác định các yêu cầu và đề xuất giải pháp phù hợp để Đảng tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo trong thời đại số.

1.2. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu

Mục tiêu của bài viết là làm rõ mối quan hệ giữa chuyển đổi số và nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trên không gian mạng, đồng thời đề xuất các giải pháp cụ thể để đáp ứng các thách thức đặt ra. Để đạt được mục tiêu này, bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi nghiên cứu chính: (1) Chuyển đổi số tác động như thế nào đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng? (2) Những thách thức cụ thể nào được đặt ra trên không gian mạng trong bối cảnh chuyển đổi số? (3) Cần có những yêu cầu và giải pháp gì để nâng cao hiệu quả bảo vệ nền tảng tư tưởng trong môi trường số? Các câu hỏi này sẽ được giải đáp thông qua phân tích lý thuyết, nghiên cứu thực tiễn và tham khảo kinh nghiệm quốc tế.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, các văn kiện của Đảng, báo cáo từ các cơ quan nhà nước, và các nghiên cứu học thuật liên quan đến chuyển đổi số và bảo vệ tư tưởng. Ngoài ra, phương pháp phân tích định tính được áp dụng để đánh giá các trường hợp thực tiễn, chẳng hạn như các vụ việc lan truyền thông tin sai lệch trên mạng xã hội tại Việt Nam. Phương pháp so sánh cũng được sử dụng để tham khảo kinh nghiệm quốc tế, chẳng hạn như các mô hình quản lý không gian mạng của các nước trên thế giới.

2. Cơ sở lý luận và bối cảnh

2.1. Khái niệm và vai trò của chuyển đổi số

Chuyển đổi số được định nghĩa là quá trình ứng dụng công nghệ số vào mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, nhằm nâng cao hiệu quả, đổi mới phương thức hoạt động và tạo ra giá trị mới (OECD, 2019). Các đặc điểm nổi bật của chuyển đổi số bao gồm tự động hóa, kết nối vạn vật (Internet of Things), dữ liệu lớn (big data), và trí tuệ nhân tạo (AI). Theo Báo cáo Chuyển đổi số Quốc gia 2023, Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể trong chuyển đổi số, với 52% doanh nghiệp áp dụng các giải pháp công nghệ số và hơn 80% dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4 (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023). Những tiến bộ này không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn tạo điều kiện để hiện đại hóa các lĩnh vực như giáo dục, y tế và quản lý nhà nước.

Vai trò của chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay là không thể phủ nhận. Trong lĩnh vực chính trị, chuyển đổi số giúp tăng cường khả năng truyền thông, quản lý thông tin và tương tác với công chúng. Tuy nhiên, nó cũng làm gia tăng các rủi ro liên quan đến an ninh mạng và sự lan truyền thông tin sai lệch. Chuyển đổi số đã thay đổi cách thức dư luận được hình thành, với mạng xã hội trong 1 số trường hợp đóng vai trò trung tâm trong việc định hướng suy nghĩ và truyền thông. Do đó, việc hiểu rõ bản chất của chuyển đổi số là tiền đề để xây dựng các chiến lược bảo vệ nền tảng tư tưởng hiệu quả.

2.2. Nền tảng tư tưởng của Đảng và vai trò trong bối cảnh hiện nay

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam được xác định là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đóng vai trò định hướng cho mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước. Theo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (2021), nền tảng tư tưởng là kim chỉ nam để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đoàn kết dân tộc, và giữ vững ổn định chính trị (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển của không gian mạng, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng trở nên đặc biệt quan trọng, khi các thế lực thù địch liên tục lợi dụng môi trường số để tuyên truyền các quan điểm phản động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Nghiên cứu của Trương Thị Như (2021) trong *Lý luận chính trị* nhấn mạnh rằng “an ninh mạng là nội dung trọng tâm của an ninh quốc gia trong điều kiện mới, có mối quan hệ chặt chẽ với các vấn đề an ninh truyền thống khác như an ninh chính trị nội bộ, an ninh quân sự, an ninh văn hóa tư tưởng”. Tuy nhiên, sự bùng nổ của thông tin số hóa đã đặt ra yêu cầu mới về việc đổi mới phương thức tuyên truyền và bảo vệ tư tưởng, nhằm thích ứng với môi trường mạng phức tạp và đa dạng.

2.3. Đặc điểm của không gian mạng trong thời đại chuyển đổi số

Không gian mạng, với tính chất toàn cầu và không biên giới, đã trở thành một môi trường thông tin chiến lược trong thời đại chuyển đổi số. Các đặc trưng nổi bật của không gian mạng bao gồm tốc độ lan truyền thông tin nhanh chóng, tính ẩn danh của người dùng, và khả năng thao túng dư luận thông qua các công cụ như AI và quảng cáo số. Thông tin sai lệch trên mạng xã hội có thể lan truyền với tốc độ gấp nhiều lần so với thông tin chính xác, gây ra những tác động tiêu cực đến nhận thức xã hội. Tại Việt Nam, sự phát triển của các nền tảng mạng xã hội như Facebook, YouTube, và TikTok đã thay đổi cách thức người dân tiếp cận thông tin. Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông (2023) cho thấy rằng 65% người dùng internet tại Việt Nam sử dụng mạng xã hội để cập nhật tin tức, nhưng chỉ 40% trong số họ kiểm chứng nguồn thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023). Sự phát triển của các công nghệ như deepfake và chatbot càng làm gia tăng nguy cơ và đặt ra thách thức lớn cho công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Tác động của chuyển đổi số đến nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

3.1. Cơ hội từ chuyển đổi số

Chuyển đổi số đã mở ra nhiều cơ hội đáng kể cho nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trên không gian mạng. Với sự phát triển của các nền tảng truyền thông số, Đảng có thể tận dụng các công cụ hiện đại để tuyên truyền và phổ biến các giá trị tư tưởng một cách hiệu quả hơn. Hơn 70% dân số Việt Nam sử dụng internet, với tỷ lệ truy cập mạng xã hội đạt trên 65%. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để các thông điệp chính trị, tư tưởng được truyền tải trực tiếp đến đông đảo quần chúng thông qua các kênh như Facebook, YouTube, và Zalo. Ví dụ, các chiến dịch tuyên truyền trực tuyến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh..., chẳng hạn như các video ngắn về lịch sử cách mạng, đã thu hút hàng triệu lượt xem, góp phần củng cố niềm tin vào lý tưởng của Đảng. Bên cạnh đó, chuyển đổi số cung cấp các công cụ phân tích dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ việc giám sát và định hướng dư luận. Các hệ thống AI có khả năng phân tích xu hướng thông tin trên mạng xã hội, từ đó giúp phát hiện sớm các nội dung sai lệch hoặc xuyên tạc. Việc ứng dụng AI trong phân tích dư luận đã giúp các cơ quan chuyên trách tại Việt Nam phản ứng nhanh hơn trước các thông tin tiêu cực so với phương pháp truyền thống. Điều này không chỉ tăng cường hiệu quả quản lý thông tin mà còn tạo điều kiện để Đảng chủ động định hướng dư luận theo hướng tích cực.

3.2. Thách thức từ chuyển đổi số

Mặc dù mang lại nhiều cơ hội, chuyển đổi số cũng đặt ra những thách thức nghiêm trọng đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Một trong những vấn đề nổi bật là sự lan truyền nhanh chóng của thông tin sai lệch và xuyên tạc trên không gian mạng. Các chiến dịch thông tin giả mạo trên mạng xã hội có thể đạt tốc độ lan truyền gấp nhiều lần so với thông tin chính xác, do tính chất kích thích cảm xúc của chúng. Tại Việt Nam, các thế lực thù địch thường lợi dụng các nền tảng như YouTube, Tiktok, X... để đăng tải các nội dung bôi nhọ lãnh đạo Đảng và Nhà nước, gây hoang mang trong dư luận.

Thêm vào đó, sự phát triển của các công nghệ như trí tuệ nhân tạo và deepfake đã làm gia tăng nguy cơ thao túng thông tin. Các video deepfake có thể đánh lừa rất nhiều người xem nếu không được kiểm chứng kỹ lưỡng. Cơ quan công an Việt Nam cũng vừa triệt phá một đường dây của người Trung Quốc sử dụng deepfake để tạo các video nhạy cảm nhằm tống tiền người Việt Nam trong thời gian gần đây. Tại Việt Nam, đã có những trường hợp video giả mạo phát biểu của lãnh đạo Đảng được lan truyền, gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của Đảng. Hơn nữa, tính chất xuyên quốc gia của các nền tảng mạng xã hội như Facebook và Youtube khiến việc kiểm soát nội dung trở nên phức tạp. Các quy định pháp luật trong nước thường khó áp dụng đối với các công ty công nghệ đa quốc gia, dẫn đến tình trạng chậm trễ trong xử lý thông tin sai lệch.

3.3. Phân tích các trường hợp thực tiễn

Một số trường hợp thực tiễn tại Việt Nam đã minh họa rõ nét những thách thức từ chuyển đổi số. Vụ việc lan truyền thông tin sai lệch về chính sách đất đai trên mạng xã hội vào năm 2022 là một ví dụ điển hình. Các bài viết và video xuyên tạc trên Facebook đã kích động một số nhóm người biểu tình, gây mất ổn định tại một số địa phương. Các nội dung này được phát tán từ các tài khoản ẩn danh ở nước ngoài, sử dụng công nghệ AI để tăng cường khả năng tiếp cận. Sự việc này cho thấy sự cần thiết của việc ứng dụng công nghệ để phát hiện và xử lý thông tin sai lệch một cách kịp thời. Trên bình diện quốc tế, kinh nghiệm của Trung Quốc trong quản lý không gian mạng cũng đáng chú ý. Trung Quốc đã triển khai hệ thống “Tường lửa Vạn Lý” (Great Firewall) và sử dụng AI để giám sát nội dung trên các nền tảng như Weibo và WeChat. Hệ thống này đã giúp Trung Quốc giảm thiểu đáng kể các nội dung phản động trên mạng.

4. Yêu cầu đặt ra đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng

4.1. Hoàn thiện khung pháp lý và chính sách

Để đối phó với các thách thức từ chuyển đổi số, việc hoàn thiện khung pháp lý là yêu cầu cấp thiết. Hiện nay, Luật An ninh mạng 2018 của Việt Nam đã tạo nền tảng cho việc quản lý không gian mạng, nhưng vẫn cần bổ sung các quy định cụ thể về trách nhiệm của các nền tảng xuyên quốc gia. Các quy định hiện hành chưa đủ sức răn đe đối với các công ty công nghệ lớn như Meta hay Google khi họ chậm trễ gỡ bỏ nội dung sai lệch. Do đó, cần xây dựng các quy định chi tiết hơn, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế để đảm bảo các nền tảng này tuân thủ luật pháp Việt Nam. Ngoài ra, việc minh bạch trong kiểm duyệt nội dung cũng là yếu tố quan trọng. Một khung pháp lý rõ ràng, công khai sẽ giúp tăng cường niềm tin của người dân vào các biện pháp quản lý thông tin của Đảng và Nhà nước.

4.2. Ứng dụng công nghệ số trong bảo vệ tư tưởng

Ứng dụng công nghệ số là yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả bảo vệ nền tảng tư tưởng. Các công cụ phân tích dữ liệu lớn và AI có thể được sử dụng để phát hiện và phân loại thông tin sai lệch một cách tự động. Các hệ thống AI tiên tiến có thể xác định 90% nội dung xuyên tạc với độ chính xác cao nếu được huấn luyện đúng cách. Việt Nam cần đầu tư vào nghiên cứu và phát triển các công cụ này, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về các mẫu thông tin sai lệch để hỗ trợ quá trình phân tích. Bên cạnh đó, các giải pháp bảo mật công nghệ cao cũng cần được ưu tiên. Các cuộc tấn công mạng nhắm vào các trang thông tin chính thức của Đảng và Nhà nước đã gia tăng trong những năm gần đây. Việc triển khai các hệ thống bảo mật tiên tiến, chẳng hạn như mã hóa dữ liệu và tường lửa thế hệ mới, sẽ giúp bảo vệ các kênh truyền chính thống khỏi các mối đe dọa số.

4.3. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ

Năng lực của đội ngũ cán bộ tuyên giáo và dân vận là yếu tố quyết định trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng. Hiện nay, nhiều cán bộ chưa được đào tạo chuyên sâu về công nghệ số và kỹ năng phân tích thông tin. Hiện nay chưa nhiều cán bộ tuyên giáo và dân vận tại các địa phương hay các cán bộ chuyên trách có kiến thức chuyên sâu về quản lý không gian mạng. Do đó, cần triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu, tập trung vào các kỹ năng như sử dụng công cụ AI, phân tích dư luận, và phản bác thông tin sai lệch. Ngoài ra, việc xây dựng đội ngũ chuyên gia về không gian mạng cần được mở rộng. Các chuyên gia này không chỉ

am hiểu công nghệ mà còn phải nắm vững lý luận chính trị để có thể đưa ra các chiến lược bảo vệ tư tưởng hiệu quả. Mô hình của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an Việt Nam, chuyên xử lý các vụ việc thông tin sai lệch, có thể được nhân rộng hơn nữa.

4.4. Tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng

Giáo dục cộng đồng về nhận diện thông tin sai lệch là một yêu cầu quan trọng để bảo vệ nền tảng tư tưởng. Các chương trình giáo dục kỹ năng số có thể nâng cao khả năng phân biệt thông tin thật-giả của người dân lên rất nhiều. Tại Việt Nam, cần triển khai các chiến dịch truyền thông đại chúng, sử dụng các nền tảng như TikTok và YouTube để hướng dẫn người dân cách kiểm chứng thông tin. Đồng thời, giáo dục tư tưởng chính trị thông qua các nền tảng số cần được đẩy mạnh. Các nội dung tuyên truyền nên được thiết kế ngắn gọn, hấp dẫn, phù hợp với thị hiếu của giới trẻ – nhóm đối tượng chiếm phần lớn người dùng internet. Việc khuyến khích cộng đồng, đặc biệt là các nhà sáng tạo nội dung (content creators), tham gia phản bác thông tin sai lệch cũng là một giải pháp hiệu quả.

5. Giải pháp đề xuất

5.1. Chiến lược dài hạn

Để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời đại chuyển đổi số, cần xây dựng một chiến lược quốc gia toàn diện về quản lý không gian mạng. Chiến lược này nên tích hợp nhiệm vụ bảo vệ tư tưởng vào chương trình Chuyển đổi số Quốc gia 2030, với các mục tiêu cụ thể như phát triển công nghệ AI nội địa và xây dựng hệ thống giám sát thông tin tự động. Ngoài ra, việc thành lập các trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về không gian mạng và tư tưởng là cần thiết. Các trung tâm này có thể đóng vai trò là nơi phát triển các giải pháp công nghệ và đào tạo chuyên gia, đồng thời cung cấp dữ liệu phân tích cho các cơ quan Đảng và Nhà nước.

5.2. Giải pháp ngắn hạn

Trong ngắn hạn, Việt Nam cần tăng cường hợp tác với các nền tảng mạng xã hội như Meta, Google, và TikTok để kiểm soát nội dung sai lệch. Các thỏa thuận hợp tác nên bao gồm cam kết gỡ bỏ nội dung vi phạm trong vòng 24 giờ để hạn chế những tác động lan truyền. Đồng thời, các chiến dịch truyền thông số cần được triển khai mạnh mẽ để phổ biến tư tưởng của Đảng. Ví dụ, các video ngắn về thành tựu kinh tế - xã hội có thể được phát tán trên TikTok để thu hút giới trẻ. Các chương trình đào tạo nhanh về kỹ năng quản lý không gian mạng cũng cần được tổ chức ngay lập tức. Các khóa học này nên tập trung vào việc sử dụng các công cụ phân tích dư luận và kỹ năng phản bác thông tin, với sự tham gia của các chuyên gia từ các trường đại học và viện nghiên cứu.

5.3. Vai trò của các tổ chức và cá nhân

Sự phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, và các tổ chức xã hội là yếu tố then chốt để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tư tưởng. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương cần đóng vai trò điều phối, trong khi các tổ chức như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có thể huy động giới trẻ tham gia các chiến dịch truyền thông số. Việc khuyến khích các cá nhân, đặc biệt là các nhà sáng tạo nội dung, tham gia bảo vệ tư tưởng cũng cần được chú trọng. Các chương trình như “Đại sứ truyền thông” có thể được triển khai để tôn vinh những cá nhân có đóng góp tích cực. Báo chí và truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng dư luận. Các cơ quan báo chí cần được trang bị công nghệ hiện đại để sản xuất các nội dung chất lượng cao, cạnh tranh với các nguồn thông tin sai lệch. Các bài viết có hình thức trình bày hấp dẫn và nội dung đáng tin cậy có khả năng thu hút gấp đôi lượt tương tác so với các bài viết thông thường.

6. Kết luận

Chuyển đổi số đã mang lại cả cơ hội và thách thức đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trên không gian mạng. Trong khi các công nghệ số tạo điều kiện để tuyên truyền và định hướng dư luận hiệu quả hơn, chúng cũng đặt ra những vấn đề nghiêm trọng như sự lan truyền thông tin sai lệch, các cuộc tấn công mạng, và khó khăn trong quản lý các nền tảng xuyên quốc gia. Để đáp ứng những thách thức này, các cơ quan quản lý Nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực cán bộ, và giáo dục cộng đồng về nhận diện thông tin sai lệch.

Việc thích ứng với chuyển đổi số không chỉ là yêu cầu cấp bách mà còn là cơ hội để Đảng củng cố vai trò lãnh đạo trong thời đại mới. Sự phối hợp toàn diện giữa các cơ quan, tổ chức, và cộng đồng sẽ là chìa khóa để thực hiện nhiệm vụ này một cách hiệu quả. Trong tương lai, các nghiên cứu sâu hơn về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong bảo vệ tư tưởng và quản lý không gian mạng cần được thúc đẩy, nhằm đảm bảo rằng nền tảng tư tưởng của Đảng luôn được bảo vệ vững chắc trước những biến động của thời đại số.

7. Tài liệu tham khảo

Bộ Công an. (2022). *Báo cáo về tình hình an ninh mạng tại Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Công an Nhân dân.

Bộ Thông tin và Truyền thông. (2023). *Báo cáo Chuyển đổi số Quốc gia 2023*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.

- Chính phủ Việt Nam. (2020). *Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Truy cập từ: <https://mic.gov.vn>
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- OECD (2019), *Going Digital: Shaping Policies, Improving Lives*, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/9789264312012-en>.
- Phạm Thị Thanh Tịnh (2022). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực báo chí: Thực trạng và giải pháp. Lý luận Chính trị và Truyền thông. <http://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/ung-dung-tri-tue-nhan-cao-trong-linh-vuc-bao-chi-thuc-tr>
- Trương Thị Như (2021). Tăng cường xây dựng, hoàn thiện pháp luật về an ninh mạng ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Lý luận Chính trị. <https://lyluanchinhtri.dcs.vn/course-player/tang-cuong-xay-dung-hoan-thien-phap-luat-ve-an-ninh-mang-o-viet-nam-giai-doan-hien-nay-65a0b5ddcfac43551cf0b428?courseContentId=65a0b7314c51e5eaccd50b96&courseContentType=course-content&activeTab=course-content>

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐOÀN VIÊN, THANH NIÊN TRONG VIỆC ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH THÔNG QUA BOI DƯỠNG LÒNG YÊU NƯỚC, TỰ HÀO, TỰ TÔN DÂN TỘC BẰNG CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG TRỰC TUYẾN

TS. Vũ Trí Tuấn

Chi bộ Khoa Khoa học quản lý

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích vai trò của đoàn viên, thanh niên trong công cuộc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng – mặt trận tư tưởng mới trong thời đại số thông qua việc bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc trên bằng phương tiện truyền thông trực tuyến hiện đại, hấp dẫn và gần gũi. . Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất các giải pháp cụ thể về truyền thông, giáo dục, tổ chức lực lượng và chính sách hỗ trợ, nhằm xây dựng thế hệ thanh niên bản lĩnh, có tri thức, có khát vọng cống hiến và sẵn sàng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong môi trường số.

Từ khóa: đoàn viên, thanh niên, lòng yêu nước, đấu tranh, truyền thông trực tuyến

I. MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, không gian mạng trở thành một phần thiết yếu trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội. Song song với những tiện ích mà công nghệ số mang lại, mạng Internet cũng đang bị các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị triệt để lợi dụng để lan truyền thông tin sai trái, xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, bôi nhọ hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và các giá trị cốt lõi của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Với tính chất lan truyền nhanh, khó kiểm soát, thông tin xấu độc trên không gian mạng đang trở thành một "vũ khí mềm" nguy hiểm, tác động trực tiếp đến nhận thức, niềm tin và hành vi của một bộ phận quần chúng nhân dân, đặc biệt là giới trẻ.

Trước tình hình đó, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch không còn là trách nhiệm chính của lực lượng tuyên giáo, an ninh hay hệ thống chính trị, mà đòi hỏi sự tham gia tích cực, chủ động hơn của toàn xã hội. Trong đó, đoàn viên, thanh niên – lực lượng trẻ, năng động, am

hiệu công nghệ, chiếm tỷ lệ lớn trong không gian mạng – cần được phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò xung kích trên mặt trận tư tưởng – văn hóa mới. Không chỉ là nhóm đối tượng dễ bị tác động, thanh niên cũng chính là lực lượng có khả năng lan tỏa thông tin tích cực, phản bác thông tin sai lệch một cách hiệu quả nếu được định hướng, trang bị lý luận và hun đúc lý tưởng cách mạng một cách bài bản. Muốn vậy, đoàn viên thanh niên cần khơi dậy và nuôi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc bằng chính các công cụ quen thuộc là các phương thức truyền thông trực tuyến. Nếu như trước đây, việc này chủ yếu thông qua hệ thống trường học, báo chí, sách lý luận, thì ngày nay, nội dung đó cần được "số hóa", "trẻ hóa" và "đa dạng hóa" để tiếp cận một cách cảm xúc hơn.

Thực tế đã chứng minh rằng, mỗi khi đất nước đối diện với khó khăn, thử thách, tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc của thanh niên Việt Nam luôn được khơi dậy mạnh mẽ. Từ những chiến dịch truyền thông trong đại dịch COVID-19, cho đến các phản ứng nhanh chóng trước các luận điệu xuyên tạc về biển đảo, lịch sử, lãnh tụ..., lực lượng đoàn viên, thanh niên đã thể hiện vai trò không thể thay thế trong công cuộc gìn giữ niềm tin và ổn định xã hội.

Tuy nhiên, việc phát huy hiệu quả vai trò này vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức: thiếu kỹ năng phản biện, bị chi phối bởi lối sống thực dụng, thiếu quan tâm đến những ngày lễ ý nghĩa của Đất nước, và đặc biệt là tình trạng "vô cảm số" – thờ ơ trước các thông tin xuyên tạc nếu không ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải có cách tiếp cận mới, linh hoạt và sáng tạo hơn trong công tác tư tưởng với thanh niên.

Bài viết này nhằm phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát huy vai trò đoàn viên, thanh niên trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua truyền thông số; đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc trong giới trẻ trên không gian mạng – biến họ thành lực lượng "chiến sĩ thông tin" xung kích trong thời đại số.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1. Cơ sở lý luận

Từ những ngày đầu thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ: lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng và tinh thần tự tôn dân tộc là cội nguồn sức mạnh vô địch của dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Dân tộc ta là một dân tộc có lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một*

làn sóng vô cùng mạnh mẽ...” (Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 218). Bên cạnh đó, trong tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, thanh niên luôn được xem là lực lượng nòng cốt, chủ lực cho sự nghiệp cách mạng. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ: *“Xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam thời đại mới có lý tưởng cách mạng, đạo đức, khát vọng vươn lên, năng lực sáng tạo và bản lĩnh vững vàng trước mọi tình huống, đủ sức đảm đương sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”* (Văn kiện Đại hội XIII, Tập I, tr. 165). Từ đó có thể khẳng định, bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc và nâng cao trách nhiệm chính trị cho đoàn viên, thanh niên chính là nền tảng để họ trở thành “lá chắn mềm” trên không gian mạng, phản bác hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, sai trái, thù địch.

Sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng xã hội đã làm thay đổi căn bản phương thức tiếp cận, chia sẻ và xử lý thông tin. Theo thống kê của We Are Social (2024), Việt Nam có hơn 78 triệu người dùng Internet, trong đó trên 70% là người trẻ từ 16–34 tuổi. Facebook, YouTube, TikTok, Zalo... trở thành những nền tảng chính để thanh niên tiếp nhận và tương tác thông tin hàng ngày. Không gian mạng vì thế trở thành “mặt trận tư tưởng” mới – nơi diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa tư tưởng đúng đắn và sai trái, giữa thông tin chính thống và xuyên tạc, giữa sự thật và giả dối. Đặc biệt, các thế lực thù địch ngày càng gia tăng các hoạt động “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến, tự chuyển hóa” thông qua việc lợi dụng mạng xã hội để công kích chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc lịch sử, kích động tư tưởng ly khai, dân tộc cực đoan... Do đó, yêu cầu cấp thiết đặt ra là: phải biến không gian mạng thành nơi lan tỏa yêu nước, khơi dậy niềm tự hào dân tộc và củng cố niềm tin chính trị, trong đó thanh niên chính là lực lượng đi đầu.

2. Thực tiễn tại Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và mở rộng tiếp xúc thông tin, một bộ phận thanh niên đang có biểu hiện suy giảm niềm tin vào các giá trị truyền thống, hoài nghi về vai trò của Đảng và chế độ. Thực tế này đặt ra yêu cầu cấp bách: nếu không chủ động bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tin và lý tưởng cách mạng cho thanh niên trên nền tảng công nghệ số – nơi họ đang sống và thể hiện quan điểm – thì sẽ bỏ ngỏ một “mặt trận” quan trọng trong bảo vệ tư tưởng.

Mặc dù tồn tại những lo ngại như trên, cũng cần khẳng định rằng nhiều đoàn viên, thanh niên đã thể hiện vai trò chủ động, tích cực trong việc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua các hình thức truyền thông trực tuyến. Có thể kể đến như Chiến dịch “Tôi yêu Tổ quốc tôi” do Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên

Việt Nam phát động, thu hút hàng triệu lượt chia sẻ nội dung tích cực, cổ vũ tinh thần yêu nước qua mạng xã hội; Phong trào “Thanh niên nói không với tin giả” trong thời điểm dịch COVID-19, nơi các bạn trẻ đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm chứng, gỡ bỏ, phản bác các thông tin sai lệch; Các clip phản biện về vấn đề chủ quyền biển đảo, bảo vệ lịch sử dân tộc do các bạn sinh viên, nhà báo trẻ, giảng viên trẻ sản xuất, đã nhận được sự lan tỏa lớn trong cộng đồng mạng.

Những minh chứng đó cho thấy khi được định hướng đúng, khi có niềm tin và công cụ phù hợp, thanh niên có thể trở thành lực lượng phản bác sắc bén, hiệu quả và thuyết phục nhất trước các luận điệu sai trái, thù địch trên không gian mạng. Do đó, muốn phát huy hiệu quả vai trò của đoàn viên, thanh niên trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên môi trường số, thì phải đặt công tác giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc vào trung tâm, và phải triển khai bằng chính công cụ truyền thông hiện đại mà họ đang sử dụng hàng ngày.

III. VAI TRÒ CỦA ĐOÀN VIÊN, THANH NIÊN TRONG CÔNG TÁC ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, không gian mạng đã trở thành một môi trường đặc biệt quan trọng – vừa là kênh truyền tải thông tin, vừa là “mặt trận mềm” trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Trên mặt trận ấy, đoàn viên, thanh niên – với đặc điểm trẻ trung, linh hoạt, thích nghi nhanh với công nghệ – giữ một vai trò chiến lược và không thể thay thế.

Là lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng số

Với tỷ lệ sử dụng Internet và mạng xã hội lên tới 98% ở nhóm tuổi từ 18–35 (We Are Social & DataReportal, 2024), đoàn viên, thanh niên chính là lực lượng đông đảo nhất trên không gian mạng hiện nay. Điều này tạo ra lợi thế to lớn về mặt tiếp cận, truyền tải thông tin chính thống và lan tỏa các giá trị tích cực đến cộng đồng. Sự tham gia của thanh niên không chỉ đơn thuần là tiếp nhận thông tin mà còn ở vai trò “người lan tỏa” và “người sáng tạo nội dung”. Những tài khoản cá nhân, nhóm cộng đồng, fanpage do thanh niên vận hành đã trở thành kênh truyền thông hiệu quả để đấu tranh chống lại thông tin sai trái, từ việc phản bác luận điệu xuyên tạc về chủ quyền biển đảo đến việc bảo vệ hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, bảo vệ các chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Không chỉ lan tỏa thông tin đúng đắn, nhiều bạn trẻ còn trực tiếp phản biện các quan điểm sai lệch bằng lý lẽ thuyết phục, lập luận chặt chẽ.

Là cầu nối giữa lý tưởng cách mạng và ngôn ngữ truyền thông hiện đại

Một trong những thách thức lớn hiện nay là khoảng cách giữa tư tưởng cách mạng, lý luận chính trị truyền thống với cách tiếp cận của thế hệ trẻ trong môi trường số. Ở đây, đoàn viên, thanh niên đóng vai trò cầu nối quan trọng, có thể “phiên dịch” những giá trị cốt lõi của Đảng, của dân tộc sang ngôn ngữ phù hợp với không gian truyền thông hiện đại. Ví dụ, những clip ngắn dạng TikTok về lịch sử cách mạng, những podcast về tư tưởng Hồ Chí Minh, hay các video phỏng vấn đường phố về lòng yêu nước đã tạo được hiệu ứng lan tỏa rất lớn trên nền tảng số. Sự hấp dẫn của những nội dung này không nằm ở tính hàn lâm, mà nằm ở cách kể chuyện gần gũi, sáng tạo và mang tính tương tác cao – điều mà chính thanh niên là người thực hiện tốt nhất. Chính vì vậy, các chiến dịch truyền thông chính luận hiện đại ngày càng chú trọng huy động đội ngũ đoàn viên, sinh viên ngành báo chí, công nghệ truyền thông, công nghệ số vào vai trò nhà sáng tạo nội dung “truyền thông chính trị kiểu mới”. Đây là một biểu hiện của việc phát huy thế mạnh của thanh niên không chỉ trong việc tiêu thụ thông tin, mà còn trong việc kiến tạo diễn ngôn chính trị tích cực trong xã hội số.

Là lực lượng phòng vệ tư tưởng từ sớm, từ xa

Trong bối cảnh nhiều nội dung xuyên tạc được cài cắm tinh vi, lợi dụng tâm lý tuổi trẻ yêu cái mới, tò mò, dễ bị kích động, thì việc hình thành một lực lượng “phòng tuyến thanh niên” có năng lực nhận diện và phản ứng nhanh là điều hết sức cần thiết. Thực tế tại nhiều trường đại học, đặc biệt là các tổ chức Đoàn – Hội mạnh, đã hình thành các nhóm “phản ứng nhanh” về thông tin, có thể nhận diện, bóc tách và phản bác kịp thời các luận điệu sai trái. Các mô hình như “Câu lạc bộ Lý luận trẻ” hay Ban Tuyên giáo của Đoàn Thanh niên ĐH Kinh tế quốc dân... là ví dụ tiêu biểu cho việc tổ chức lực lượng thanh niên đấu tranh tư tưởng có bài bản và hiệu quả. Những nhóm này thông qua những nội dung giản dị, thường ngày hướng đến khơi gợi tình yêu đất nước đã không chỉ tham gia phản bác mà còn đóng vai trò cảnh báo, hướng dẫn sinh viên, học sinh kỹ năng tự bảo vệ mình trước thông tin độc hại – từ đó hình thành hàng rào tư tưởng “tự miễn dịch”, ngăn chặn từ sớm, từ xa những mầm mống lệch lạc.

Là hạt nhân xây dựng hệ sinh thái truyền thông tích cực trên không gian mạng

Cuộc đấu tranh tư tưởng trong kỷ nguyên số không chỉ là phản bác mà còn là tạo ra môi trường dư luận tích cực, lấn át các tiếng nói tiêu cực. Trong chiến lược đó, đoàn viên, thanh niên có thể trở thành hạt nhân lan tỏa các giá trị tốt đẹp – từ những

câu chuyện về người tốt, việc tốt, gương học sinh – sinh viên tiêu biểu, đến các mô hình thanh niên khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tình nguyện vì cộng đồng... Việc xây dựng hệ sinh thái truyền thông tích cực cũng đồng nghĩa với việc tạo ra nhiều “vùng sáng” để đẩy lùi “vùng tối” thông tin. Các kênh YouTube của thanh niên yêu lịch sử, fanpage của các câu lạc bộ chính luận, chiến dịch “Mỗi ngày một thông tin tích cực”... đã góp phần định hình lối sống tích cực, nâng cao năng lực miễn nhiễm với thông tin độc hại trong giới trẻ.

Trong công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay, đặc biệt là trên không gian mạng – một “trận địa” phi truyền thống nhưng đầy khốc liệt – đoàn viên, thanh niên chính là lực lượng tuyến đầu, vừa là người tiếp nhận, vừa là người phản bác, vừa là người kiến tạo nội dung. Phát huy tốt vai trò này không chỉ là nhiệm vụ của tổ chức Đoàn, mà còn là yêu cầu chiến lược của toàn bộ hệ thống chính trị trong việc củng cố trận địa tư tưởng của Đảng trong lòng thế hệ trẻ.

IV. GIẢI PHÁP BOI DƯỠNG LÒNG YÊU NƯỚC, TỰ HÀO DÂN TỘC THÔNG QUA TRUYỀN THÔNG TRỰC TUYẾN

Trong thời đại truyền thông số và xã hội thông tin, việc bồi dưỡng lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc không thể tiếp tục dựa hoàn toàn vào các phương pháp truyền thống, mà cần được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm của thế hệ trẻ – đặc biệt là qua các nền tảng trực tuyến, nơi họ dành phần lớn thời gian để tương tác, tiếp nhận và chia sẻ thông tin. Dưới đây là một số giải pháp có tính khả thi, gắn với thực tiễn và định hướng của Đảng trong công cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng trên không gian mạng.

Đổi mới công tác giáo dục chính trị – tư tưởng trên môi trường số

Giáo dục lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng trong thanh niên hiện nay cần được “số hóa”, “trẻ hóa” và “tương tác hóa” – tức là phải thích ứng với phương tiện, ngôn ngữ và thói quen tiếp cận của người trẻ. Thay vì chỉ giảng giải theo lối áp đặt, cần vận dụng linh hoạt các hình thức truyền thông số để truyền tải tư tưởng một cách hấp dẫn, gần gũi. Các mô hình như *video hoạt họa lịch sử*, *livestream tương tác*, *TikTok kể chuyện Bác Hồ*, *podcast tư tưởng Hồ Chí Minh* hay các cuộc thi sáng tạo nội dung “Tuổi trẻ với Đảng, với Tổ quốc” trên nền tảng số đã cho thấy hiệu quả rõ rệt trong việc lan tỏa tinh thần yêu nước trong giới trẻ. Thanh niên có xu thế dễ tiếp cận và ghi nhớ nội dung lịch sử, lý luận nếu được truyền tải qua video ngắn hoặc infographic thay vì văn bản khô cứng.

Phát triển đội ngũ “người truyền cảm hứng trẻ” trong lĩnh vực chính luận – truyền thông

Thanh niên ngày nay chịu ảnh hưởng mạnh từ các KOLs (Key Opinion Leaders), influencers – những người có sức hút, tầm ảnh hưởng lớn trên mạng xã hội. Việc xây dựng một đội ngũ “người truyền cảm hứng tích cực” về lý tưởng cách mạng, giá trị dân tộc trong thanh niên là giải pháp mang tính chiến lược. Thay vì chỉ dựa vào giảng viên hay cán bộ tuyên giáo, cần phát hiện, đào tạo và hỗ trợ các *sinh viên tiêu biểu, giảng viên trẻ, nhà báo trẻ, sáng tạo nội dung số* có tư duy chính luận, có sức hút trên mạng để họ trở thành “người dẫn dắt dư luận” theo chiều hướng tích cực. Đây không chỉ là giải pháp phản bác hiệu quả các quan điểm sai trái, mà còn là cách chủ động *kiến tạo dư luận xã hội lành mạnh* ngay từ trong nội bộ giới trẻ. Các chương trình Trung ương Đoàn như “Sinh viên với lý tưởng cách mạng”, “Lý luận trẻ – dẫn dắt mới” đã tạo ra một lớp thanh niên có khả năng sử dụng mạng xã hội như công cụ truyền lửa yêu nước.

Tăng cường đào tạo kỹ năng số và tư duy phản biện cho thanh niên

Một trong những nguyên nhân khiến thanh niên dễ bị ảnh hưởng bởi các quan điểm sai trái trên mạng là do thiếu kỹ năng “miễn dịch thông tin” – tức khả năng phân tích, sàng lọc, kiểm chứng và phản biện nội dung. Để bồi dưỡng lòng yêu nước đúng hướng, thanh niên cần được trang bị năng lực để tự nhận diện và phản bác các luận điệu thù địch, chứ không chỉ tiếp nhận một chiều. Do đó, cần lồng ghép việc giáo dục kỹ năng số, truyền thông số và tư duy phản biện vào chương trình đào tạo đại học, nhất là trong các ngành sư phạm, báo chí, luật, khoa học xã hội. Đồng thời, tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn về “kỹ năng bảo vệ nền tảng tư tưởng trên không gian mạng”, “ứng xử văn hóa trên mạng”, “phản biện thông minh – yêu nước văn minh” dành cho đoàn viên, hội viên. Báo cáo của UNESCO (2021) khuyến nghị rằng, giáo dục kỹ năng truyền thông số (media literacy) là nền tảng để xây dựng công dân số có trách nhiệm và ý thức quốc gia trong thời đại toàn cầu hóa.

Xây dựng các nền tảng truyền thông số “xanh” – tích cực và hấp dẫn đối với giới trẻ

Một mặt trận không thể thiếu là xây dựng hệ sinh thái truyền thông “xanh” dành cho thanh niên – tức là các kênh, nền tảng, fanpage, ứng dụng cung cấp thông tin chính xác, hấp dẫn và phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ của người trẻ. Những kênh như “*Việt Nam trong tim tôi*”, “*Di tích Nhà tù Hỏa Lò - Hoa Lo Prison Relic*”...trên Facebook, TikTok, YouTube đã chứng minh rằng truyền thông chính luận nếu được làm sáng tạo vẫn có thể đạt hàng triệu lượt tương tác. Các tổ chức Đoàn – Hội cần

đẩy mạnh xây dựng các nền tảng số chính thống của riêng mình, có đội ngũ chuyên sản xuất nội dung số chuyên nghiệp, đồng thời mở rộng hợp tác với các đơn vị công nghệ, truyền thông để cập nhật xu hướng tiếp cận mới. Hỗ trợ đoàn viên khởi nghiệp trong lĩnh vực truyền thông chính trị – xã hội cũng là hướng đi cần được xem xét.

Gắn truyền thông số với hoạt động thực tiễn để tạo chiều sâu cho giáo dục lòng yêu nước

Bồi dưỡng lòng yêu nước không thể chỉ dừng lại ở các bài đăng, video cảm động, chiến dịch hashtag, hay tổ chức xem các bộ phim lịch sử hào hùng, mà cần có sự liên kết giữa hoạt động trực tuyến và trải nghiệm thực tiễn. Việc tổ chức các hoạt động như: hành trình về nguồn – trải nghiệm di tích lịch sử, thi sáng tạo video về đất nước – con người Việt Nam, tham quan thực tế tại các đơn vị quân đội, hội nghị đối thoại với anh hùng lực lượng vũ trang, kết hợp cùng chiến dịch truyền thông online sẽ giúp thanh niên chuyển hóa nhận thức thành cảm xúc và hành động. Chính những trải nghiệm thực tế mới là thứ bồi dưỡng lòng yêu nước bền vững, và mạng xã hội chỉ đóng vai trò "công cụ tăng cường" chứ không thể thay thế toàn bộ.

Truyền thông trực tuyến đang mở ra một không gian rộng lớn để tiếp cận, giáo dục và truyền cảm hứng cho thanh niên về lòng yêu nước và tự hào dân tộc. Tuy nhiên, hiệu quả của việc này phụ thuộc vào chiến lược đồng bộ giữa nội dung – hình thức – con người – nền tảng. Muốn thanh niên trở thành lực lượng xung kích trên không gian mạng, cần xây dựng họ thành những công dân số có bản lĩnh chính trị, có kỹ năng số, có khát vọng cống hiến và quan trọng hơn hết – có niềm tin vào Đảng, vào dân tộc và tương lai đất nước.

V. KHUYẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Từ các phân tích lý luận và thực tiễn về vai trò của đoàn viên, thanh niên trong công tác đấu tranh tư tưởng trên không gian mạng, có thể thấy rõ rằng việc bồi dưỡng lòng yêu nước và tự hào dân tộc thông qua truyền thông trực tuyến là một hướng đi tất yếu, phù hợp với đặc điểm thời đại. Tuy nhiên, để hoạt động này đạt hiệu quả và lan tỏa bền vững, cần có những giải pháp đồng bộ về mặt chính sách, tổ chức và kỹ thuật từ nhiều chủ thể: tổ chức Đoàn – Hội, nhà trường, cơ quan quản lý nhà nước, cũng như bản thân thanh niên. Dưới đây là một số khuyến nghị và đề xuất cụ thể.

Tổ chức Đoàn Thanh niên các cấp cần chuyển mạnh từ tư duy tuyên truyền sang tư duy truyền thông hiện đại. Tổ chức Đoàn cần đầu tư cả về nội dung và hình thức trong hoạt động tuyên truyền trên mạng xã hội. Thay vì chỉ dừng lại ở các thông điệp cổ động một chiều, cần thiết kế các nội dung mang tính tương tác, có chiều sâu,

dễ tiếp cận, phù hợp với ngôn ngữ và thị hiếu của giới trẻ. Tổ chức Đoàn cũng cần hình thành mạng lưới KOLs, sáng tạo nội dung tích cực. Trung ương Đoàn, Thành đoàn, Tỉnh đoàn có thể chủ động phát hiện, đào tạo, và kết nối những gương mặt có ảnh hưởng trong cộng đồng thanh niên – đặc biệt là sinh viên ngành truyền thông, báo chí, công nghệ số – để họ trở thành người dẫn dắt truyền thông tích cực.

Nhà trường và tổ chức Đảng trong các cơ sở giáo dục cần tích cực đổi mới, đưa kỹ năng truyền thông chính trị – tư tưởng vào chương trình kỹ năng mềm. Ngoài kiến thức chuyên môn, sinh viên cần được trang bị kỹ năng nhận diện thông tin sai lệch, xử lý tin giả, bảo vệ quan điểm chính trị, từ đó hình thành năng lực phản biện xã hội lành mạnh. Thêm nữa, việc kết nối phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng là rất cần thiết. Khuyến khích sinh viên làm các đề tài nghiên cứu, sản phẩm truyền thông liên quan đến văn hóa dân tộc, lịch sử cách mạng, truyền thông chính trị... sẽ giúp hình thành nhận thức sâu sắc, chủ động về nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng.

Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các bộ, ngành liên quan, việc xây dựng và ban hành chiến lược quốc gia về truyền thông chính luận số dành cho thanh niên là cấp thiết. Đây là giải pháp lâu dài nhằm tạo ra khung pháp lý, định hướng và nguồn lực phát triển các hoạt động truyền thông bảo vệ nền tảng tư tưởng trong môi trường mạng, lấy thanh niên làm trung tâm. Hỗ trợ tài chính, kỹ thuật cho các dự án truyền thông do thanh niên chủ trì về truyền thông phản bác quan điểm sai trái, lan tỏa yêu nước, tự tôn dân tộc cần được quan tâm. Bộ Thông tin và Truyền thông – Bộ Giáo dục và Đào tạo – Trung ương Đoàn cần tăng cường phối hợp. Sự phối hợp liên ngành là điều kiện cần để đảm bảo hiệu quả chính sách truyền thông chính luận nhắm tới giới trẻ, đồng thời khai thác hiệu quả nền tảng công nghệ hiện đại vào công tác tư tưởng.

Đối với chính thanh niên – chủ thể của công cuộc đấu tranh tư tưởng số, mỗi đoàn viên, thanh niên phải chủ động trau dồi tri thức chính trị, bản lĩnh và kỹ năng số, cần nhận thức rõ vai trò của mình trong thời đại mới: không chỉ là người thụ hưởng thông tin, mà còn là người tham gia kiến tạo và bảo vệ giá trị dân tộc. Đồng thời, người trẻ cần giữ gìn “vệ sinh tư tưởng” cá nhân trong không gian mạng, tích cực chia sẻ nội dung tích cực, tránh bị cuốn vào thông tin kích động, cực đoan, đồng thời chủ động lên tiếng đúng lúc, đúng cách khi thấy thông tin sai trái. Cùng với đó, người trẻ cần xây dựng hình ảnh thanh niên bản lĩnh, có tri thức và trách nhiệm trên mạng xã hội. Việc mỗi bạn trẻ thể hiện niềm tự hào dân tộc, tinh thần yêu nước thông qua hành vi trực tuyến hàng ngày chính là biểu hiện rõ nét nhất của việc góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

VI. KẾT LUẬN

Trong kỷ nguyên số, khi không gian mạng đã trở thành một phần không thể tách rời của đời sống xã hội, thì cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cũng buộc phải thích ứng với điều kiện và phương thức mới. Nếu mặt trận tư tưởng truyền thống nằm ở giảng đường, hội trường, sách báo, thì mặt trận tư tưởng hôm nay đang diễn ra từng giờ, từng phút ngay trên mạng xã hội, trong từng bài viết, bình luận, đoạn video, hay dòng hashtag. Trong bối cảnh đó, đoàn viên, thanh niên – lực lượng trẻ trung, bản lĩnh và am hiểu công nghệ – cần được xác định là lực lượng chủ công, xung kích, đi đầu trong công cuộc phản bác quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Để thanh niên thực sự trở thành “chiến sĩ thông tin” của Đảng trong trận tuyến tư tưởng số, điều kiện tiên quyết là phải bồi dưỡng trong họ một lòng yêu nước chân thành, một niềm tự hào sâu sắc về dân tộc, và một bản lĩnh chính trị vững vàng. Tình yêu Tổ quốc không tự nhiên mà có, nó được nuôi dưỡng từ hiểu biết lịch sử, từ niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, và từ chính những trải nghiệm – hành động của thanh niên trong thực tiễn đấu tranh tư tưởng hiện đại.

Thông qua việc vận dụng các phương tiện truyền thông trực tuyến một cách linh hoạt, hiện đại và có định hướng, các tổ chức Đoàn – Hội, nhà trường, cơ quan quản lý nhà nước và từng đoàn viên có thể biến môi trường mạng – nơi vốn tiềm ẩn nhiều nguy cơ – thành mảnh đất màu mỡ để gieo hạt giống lý tưởng, lan tỏa yêu nước, phản bác sai trái và truyền cảm hứng hành động. Đó không chỉ là cách để bảo vệ lý tưởng xã hội chủ nghĩa, mà còn là phương thức thiết thực để xây dựng thế hệ thanh niên thời đại mới: vừa có “tâm trong”, vừa có “trí sáng”, lại có “bản lĩnh thép” trong thời đại số.

Cuộc đấu tranh trên không gian mạng hôm nay là không tiếng súng, nhưng không hề kém phần khốc liệt. Để bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng, thì mỗi đoàn viên, thanh niên cần không chỉ “hiện diện” trên không gian mạng, mà còn “hiện diện với lý tưởng”, “hiện diện với bản lĩnh” và “hiện diện với tinh thần yêu nước cao nhất”. Đó là trách nhiệm lịch sử, là sứ mệnh thời đại mà thế hệ trẻ hôm nay không thể đứng ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Lào Cai. (2024). *Thể hiện lòng yêu nước trên mạng xã hội, cách người trẻ góp phần bảo vệ Tổ Quốc*. Truy cập từ <https://baolaocai.vn/the-hien-long-yeu-nuoc-tren-mang-xa-hoi-cach-nguoi-tre-gop-phan-bao-ve-to-quoc-post389459.html>
6. Bùi Quang Huy. (2023). Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, phát huy vai trò của thanh niên và sự vận dụng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Tạp chí Cộng sản. https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/tin-tieu-diem/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-cham-lo-dao-tao-boi-duong-phat-huy-vai-tro-cua-thanh-nien-va-su-van-dung-trong-su-nghiep-doi-moi-hien-nay
2. Denzin, N. K., & Lincoln, Y. S. (2011). *The SAGE Handbook of Qualitative Research* (4th ed.). Sage Publications.
3. Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập, Tập 6*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật.
4. Tổ chức UNESCO. (2021). *Media and Information Literacy Curriculum for Educators and Learners*. Paris: UNESCO Publishing. Truy cập từ <https://unesdoc.unesco.org>
5. ThS. Nguyễn Thùy Linh, ThS. Tào Thanh Huyền. (2023). *Giáo dục ý thức dân tộc, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ Việt Nam trong xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế*. Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông. <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/giao-duc-y-thuc-dan-toc-long-yeu-nuoc-cho-the-he-tre-viet-nam-trong-xay-dung-phat-trien-dat-nuoc-va-hoi-nhap-quoc-te-p27897.html>
6. Viện Nghiên cứu Thanh niên. (2022). *Báo cáo khảo sát nhận thức chính trị của thanh niên Việt Nam trong thời đại số*. Hà Nội: Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
7. Viện Nghiên cứu Truyền thông và Phát triển (RED). (2023). *Tác động của truyền thông số đến nhận thức lịch sử và chính trị trong giới trẻ Việt Nam*. Hà Nội.
8. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. (2021). *Tập I*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
9. We Are Social & DataReportal. (2024). *Digital 2024: Vietnam Report*. Truy cập từ <https://datareportal.com/reports/digital-2024-vietnam>

TĂNG CƯỜNG ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

TS. Nguyễn Xuân Thắng

Chi bộ Viện Đào tạo Sau đại học

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò và thực tiễn giảng dạy, nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học ở Hà Nội – trung tâm giáo dục, lý luận chính trị của cả nước. Trên cơ sở nhận diện những kết quả, hạn chế và nguyên nhân, bài viết đề xuất các giải pháp đồng bộ như đổi mới nội dung – phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa và hợp tác quốc tế. Qua đó, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố bản lĩnh chính trị và định hướng lý tưởng cách mạng cho sinh viên trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác – Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lý luận chính trị; Giáo dục đại học; Trường đại học Hà Nội.

1. Giới thiệu chung

Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam, giữ vai trò trung tâm trong hệ thống chính trị, đời sống xã hội và đặc biệt là lĩnh vực giáo dục ^[10]. Trong đó, chủ nghĩa Mác – Lênin là một hệ thống học thuyết khoa học và cách mạng, phản ánh những quy luật vận động và phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy con người; đồng thời vạch ra con đường đấu tranh giải phóng cho giai cấp công nhân và các lực lượng bị áp bức trên toàn thế giới ^[11]. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của quá trình vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện lịch sử – cụ thể của Việt Nam, được Đảng ta chính thức xác lập là một bộ phận cấu thành trong nền tảng tư tưởng của Đảng. Đây là di sản tinh thần vô giá, kết tinh từ truyền thống văn hóa dân tộc, tinh hoa nhân loại, đặc biệt là ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, thể hiện trong các quan điểm xuyên suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con người, đạo đức, dân chủ, và đặc biệt là về giáo dục ^[6]. Trong lĩnh vực giáo dục, tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định rõ vai trò then chốt của giáo dục trong sự nghiệp cách mạng, với mục tiêu đào tạo con người toàn diện, vừa có đức, vừa có tài, có khả năng phục vụ đất nước.

Trong suốt quá trình phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán khẳng định chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng và toàn xã hội [5]. Việc đẩy mạnh công tác đào tạo và nghiên cứu các nội dung này trong giáo dục đại học không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận, mà còn góp phần quan trọng vào việc củng cố niềm tin chính trị, nâng cao năng lực tư duy khoa học, bản lĩnh cách mạng và tinh thần dân tộc cho đội ngũ trí thức trẻ trong thời kỳ hội nhập và đổi mới [7].

Hà Nội - Thủ đô ngàn năm văn hiến, là trung tâm chính trị, hành chính quốc gia và cũng là cái nôi của giáo dục lý luận chính trị [4]. Với hơn 60 trường đại học, học viện và hàng trăm ngàn sinh viên, Hà Nội đóng vai trò tiên phong trong việc triển khai giảng dạy, nghiên cứu và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng [8]. Chính vì vậy, bài viết này sẽ tập trung phân tích thực trạng công tác đào tạo và nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học ở Hà Nội; đồng thời đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

2. Vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong đào tạo và nghiên cứu ở các trường đại học

Chủ nghĩa Mác – Lênin được du nhập vào Việt Nam từ những thập niên đầu của thế kỷ XX, đánh dấu bước ngoặt trong phong trào giải phóng dân tộc. Sau khi giành được độc lập, việc nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác – Lênin dần được thiết lập trong hệ thống giáo dục, đặc biệt là ở bậc đại học. Tư tưởng Hồ Chí Minh, hình thành trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, được chính thức hóa thành một hệ tư tưởng riêng biệt tại Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1991 [5]. Sự kiện này đã tạo tiền đề cho việc đưa tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các trường đại học trên cả nước, trong đó có các trường đại học ở Hà Nội [9]. Trường Đại học Hà Nội là một trong những đơn vị tiên phong trong việc đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào giảng dạy và thảo luận học thuật chính thức từ năm 1997.

Qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, sự nhấn mạnh và cách diễn giải chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học ở Hà Nội đã không ngừng thay đổi nhằm thích ứng với yêu cầu của từng thời kỳ, đồng thời phản ánh rõ nét những biến động về chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước [10]. Trong giai đoạn đầu sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và đặc biệt là sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, việc giảng dạy lý luận chính trị chủ yếu tập trung vào việc truyền

bá các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, nhấn mạnh vai trò lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam ^[5], nhằm xây dựng niềm tin chính trị, củng cố tinh thần cách mạng và định hướng hành động cho thế hệ cán bộ, sinh viên thời kỳ đầu của nền giáo dục cách mạng.

Sang giai đoạn Đổi mới từ năm 1986 đến nay, với yêu cầu phát triển đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng, công tác nghiên cứu và giảng dạy lý luận chính trị đã được điều chỉnh theo hướng mở rộng phạm vi, tăng cường tính thực tiễn và hiện đại ^[12]. Cách tiếp cận đối với chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở việc tiếp thu một chiều các nguyên lý lý luận mà còn được nâng cao ở mức độ vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào thực tiễn xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Các trường đại học ngày càng chú trọng hơn đến việc tổ chức các hoạt động thảo luận, nghiên cứu tình huống thực tiễn, từ đó góp phần hình thành tư duy phản biện, năng lực phân tích và hành động chính trị đúng đắn cho sinh viên – những chủ nhân tương lai của đất nước trong bối cảnh mới ^[7].

Nhiều cơ sở giáo dục đại học quan trọng ở Hà Nội đã đóng vai trò trung tâm trong việc nghiên cứu và giảng dạy các hệ tư tưởng này ^[1]. Khoa Khoa học Chính trị thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, được thành lập từ năm 1995, là một trong những đơn vị đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về chính trị học và tư tưởng Hồ Chí Minh ^[8]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (HCMA), với tiền thân là Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, là trung tâm quốc gia đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cao và trung cấp, đồng thời là trung tâm nghiên cứu lý luận chính trị hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Các viện nghiên cứu trực thuộc HCMA như Viện Triết học, Viện Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Viện Hồ Chí Minh và Lãnh tụ Đảng, Viện Kinh tế Chính trị... đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc nghiên cứu và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chương trình đào tạo về chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học ở Hà Nội hiện nay được thiết kế một cách hệ thống và toàn diện, bao gồm các học phần trọng tâm như: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Các môn học này không chỉ đóng vai trò là trụ cột trong hệ thống giáo dục lý luận chính trị, mà còn giữ vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền tảng tư tưởng, đạo đức, nhân sinh quan và thế giới quan cho sinh viên – đặc biệt là tại Thủ đô Hà Nội, nơi tập trung nhiều cơ sở đào tạo đại học lớn và có ảnh hưởng sâu rộng đến cả nước.

Nội dung các học phần được xây dựng nhằm giúp sinh viên nắm vững những nguyên lý cơ bản của thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật, các quy luật vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Thông qua đó, sinh viên được tiếp cận với những lý luận cốt lõi về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, về đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội, cũng như tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam. Đặc biệt, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn về bản lĩnh, đạo đức, trí tuệ và tư tưởng chính trị của một lãnh tụ vĩ đại – người đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn Việt Nam, để lại một di sản tư tưởng có giá trị định hướng lâu dài cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Ý nghĩa của việc đào tạo và nghiên cứu các học phần này không chỉ nằm ở việc truyền đạt tri thức lý luận, mà còn góp phần hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng, tinh thần trách nhiệm công dân và khả năng phản biện xã hội cho sinh viên. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và những thách thức về tư tưởng, đạo đức, văn hóa ngày càng gia tăng, việc tăng cường giảng dạy, nghiên cứu các môn lý luận chính trị càng trở nên cần thiết để giúp thế hệ trẻ có nền tảng tư tưởng đúng đắn, nhận thức rõ vai trò của bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Các trường đại học ở Hà Nội, với vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả nước, có trách nhiệm tiên phong trong việc bảo vệ và phát huy nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua giáo dục lý luận chính trị một cách bài bản, khoa học và hiện đại.

3. Thực tế giảng dạy, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các Trường đại học Hà Nội

3.1. Kết quả đạt được

Công tác giảng dạy, nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học ở Hà Nội thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu tích cực. Trước hết, các trường đã xây dựng được hệ thống chương trình đào tạo tương đối bài bản, đảm bảo bao quát đầy đủ các nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh như Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh^[9]. Nội dung chương trình không chỉ hướng tới trang bị tri thức lý luận nền tảng mà còn chú trọng lồng ghép các vấn đề thời sự, thực tiễn xã hội trong nước và quốc tế, qua đó giúp người học dễ dàng liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Thứ hai, nhiều trường đại học đã chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên. Hình thức dạy học tích hợp, kết hợp giữa bài giảng lý thuyết và thảo luận, nghiên cứu tình huống, học theo dự án đang dần được áp dụng, thay thế cho lối truyền thụ một chiều truyền thống. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ thông tin và các công cụ trực quan đã góp phần làm cho các giờ học lý luận trở nên sinh động, hấp dẫn hơn, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp thu của sinh viên [12].

Thứ ba, hoạt động nghiên cứu khoa học về các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng được đẩy mạnh [1]. Nhiều giảng viên, sinh viên đã tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, góp phần bổ sung, làm sâu sắc thêm các nội dung lý luận và đóng góp ý nghĩa thực tiễn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [8]. Đồng thời, các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên đề cũng được tổ chức định kỳ tại nhiều trường, tạo diễn đàn học thuật sôi nổi, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu.

Cuối cùng, đội ngũ giảng viên lý luận chính trị ngày càng được kiện toàn cả về số lượng lẫn chất lượng, với nhiều giảng viên có trình độ sau đại học, tâm huyết với nghề và không ngừng cập nhật kiến thức mới. Đây là một yếu tố quan trọng góp phần duy trì và nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu các môn lý luận chính trị trong các trường đại học tại Hà Nội.

3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, công tác giảng dạy, nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học ở Hà Nội vẫn còn tồn tại không ít hạn chế. Một trong những vấn đề đáng lưu ý là tâm lý thờ ơ, thiếu hứng thú học tập lý luận chính trị của một bộ phận sinh viên. Nhiều sinh viên chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa và giá trị thực tiễn của việc học lý luận chính trị, xem đây là môn học bắt buộc, nặng về lý thuyết, dẫn đến tình trạng học đối phó, không chủ động trong tiếp thu và thảo luận [3].

Ngoài ra, nội dung chương trình giảng dạy tại một số trường còn thiếu tính cập nhật, chưa sát với thực tiễn đời sống chính trị – xã hội, khiến cho người học khó cảm nhận được tính thời sự và giá trị ứng dụng của lý luận. Nhiều giáo trình còn nặng tính hàn lâm, lý thuyết thuần túy, thiếu ví dụ minh họa hoặc nghiên cứu tình huống từ thực tiễn Việt Nam và thế giới [11]. Điều này cũng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận, tiếp thu kiến thức của sinh viên, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

Về mặt phương pháp, nhiều giờ giảng vẫn còn mang tính một chiều, chủ yếu truyền đạt kiến thức, thiếu sự tương tác và chưa phát huy được tính chủ động, tư duy phản biện của người học ^[12]. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy lý luận còn hạn chế, chưa tận dụng được các nền tảng trực tuyến, các công cụ hỗ trợ học tập hiện đại để nâng cao hiệu quả truyền đạt.

Từ phía giảng viên, một số trường vẫn còn thiếu đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn phong phú và khả năng cập nhật kiến thức hiện đại ^[2]. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng sư phạm, và ứng dụng công nghệ thông tin cho giảng viên vẫn chưa được thực hiện đồng bộ và thường xuyên. Điều này dẫn tới việc giảng dạy thiếu tính hấp dẫn và chưa tạo được động lực học tập cho sinh viên.

Thêm vào đó, cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy lý luận chính trị tại một số trường chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới: thiếu phòng học chức năng, thư viện điện tử, tư liệu số hóa ^[4]. Các hoạt động hỗ trợ như hội thảo, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa còn rời rạc, thiếu liên kết với nội dung học phần chính khóa. Sự thiếu quan tâm sâu sát từ lãnh đạo một số cơ sở đào tạo cũng khiến công tác giáo dục lý luận chính trị chưa thực sự được đặt đúng tầm.

Những nguyên nhân này nếu không được khắc phục một cách đồng bộ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo chính trị – tư tưởng trong nhà trường. Do đó, các giải pháp đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực giảng viên, tăng cường hoạt động thực tiễn và mở rộng hợp tác quốc tế như đã đề xuất trong mục 4 là hoàn toàn phù hợp và cần được triển khai hiệu quả trong thời gian tới.

4. Giải pháp tăng cường đào tạo, nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học Hà Nội

Để khắc phục những hạn chế đã được chỉ ra và tăng cường hiệu quả đào tạo, nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học ở Hà Nội, cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp dưới đây:

4.1. Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy

Nội dung chương trình giảng dạy cần được rà soát, cập nhật thường xuyên theo hướng hiện đại, thiết thực và gắn liền với thực tiễn phát triển đất nước. Các môn học lý luận chính trị như Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị, Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nên được thiết kế linh hoạt theo từng ngành đào tạo, giảm thiểu tính lý thuyết khô cứng, tăng cường yếu tố thực hành và phân tích tình huống thực tế.

Về phương pháp, các trường đại học cần chuyển mạnh từ phương pháp giảng dạy thuyết trình một chiều sang phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm. Việc áp dụng các kỹ thuật như thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, học theo dự án, tranh luận chuyên đề sẽ giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Đồng thời, ứng dụng công nghệ thông tin, giảng dạy trực tuyến, video minh họa và bài giảng số hóa cũng cần được đẩy mạnh nhằm tạo sự hứng thú và tăng hiệu quả tiếp thu.

4.2. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị

Một chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên lý luận chính trị lâu dài và bền vững là điều kiện tiên quyết. Các trường cần tập trung tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng những giảng viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tư duy đổi mới và giàu kinh nghiệm thực tiễn. Bên cạnh trình độ học thuật, giảng viên cần được nâng cao kỹ năng sư phạm hiện đại, năng lực công nghệ thông tin và khả năng cập nhật các vấn đề lý luận, chính trị – xã hội trong nước và quốc tế.

Để duy trì chất lượng đội ngũ giảng viên, các trường cần định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu; khuyến khích giảng viên tham gia hội thảo, diễn đàn khoa học và các hoạt động nghiên cứu thực tế. Cần tạo cơ chế khuyến khích để giảng viên lý luận tích cực học hỏi, giao lưu chuyên môn trong và ngoài nước, từ đó nâng cao trình độ và năng lực giảng dạy.

4.3. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu khoa học lý luận chính trị

Nghiên cứu khoa học cần trở thành một trụ cột quan trọng trong đào tạo lý luận chính trị. Các trường đại học nên chủ động xây dựng quỹ hỗ trợ nghiên cứu, khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia các đề tài có tính ứng dụng thực tiễn, phục vụ công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Nội dung nghiên cứu cần gắn với các vấn đề nóng bỏng của xã hội, các thách thức lý luận đặt ra trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

Cùng với đó, việc tổ chức các hội thảo khoa học, diễn đàn trao đổi học thuật, công bố công trình nghiên cứu chất lượng cần được đẩy mạnh, tạo môi trường học thuật năng động và cởi mở. Các kết quả nghiên cứu cần được đưa vào ứng dụng trong giảng dạy và đào tạo, góp phần làm sâu sắc hơn nội dung chương trình và nâng cao hiệu quả học tập cho sinh viên.

4.4. Tăng cường hoạt động ngoại khóa và thực tế

Để củng cố tri thức lý luận một cách hiệu quả, cần tăng cường các hoạt động ngoại khóa có chiều sâu như tổ chức các chuyến tham quan, thực địa tại các di tích lịch sử, bảo tàng, các cơ sở gắn liền với sự nghiệp cách mạng và tư tưởng Hồ Chí Minh. Những trải nghiệm thực tế sẽ giúp sinh viên hiểu sâu hơn về giá trị của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong lịch sử dân tộc và đời sống hiện đại.

Ngoài ra, các cuộc thi tìm hiểu kiến thức, chương trình giao lưu với chuyên gia, nhà nghiên cứu và cán bộ lý luận cũng nên được tổ chức thường xuyên nhằm khơi dậy hứng thú học tập, thúc đẩy quá trình tự học, tự nghiên cứu và phát triển tư duy chính trị – xã hội cho sinh viên.

4.5. Đẩy mạnh hợp tác và trao đổi học thuật

Các trường đại học tại Hà Nội cần chủ động mở rộng và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực lý luận chính trị. Việc thiết lập quan hệ hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trên thế giới có thể mạnh về nghiên cứu chính trị, lý luận Mác-xít sẽ tạo cơ hội học hỏi kinh nghiệm, cập nhật các kiến thức mới và phương pháp giảng dạy hiện đại.

Các chương trình trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên cần được đẩy mạnh, tạo điều kiện để đội ngũ giảng viên và sinh viên có cơ hội học tập, nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm quốc tế. Các hội thảo, hội nghị quốc tế về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cần được tổ chức định kỳ để tạo diễn đàn thảo luận, giao lưu học thuật quốc tế, qua đó góp phần nâng cao uy tín và năng lực hội nhập của các trường đại học tại Hà Nội.

5. Kết luận

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến đổi nhanh chóng, công tác tăng cường đào tạo, nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học ở Hà Nội trở thành một yêu cầu chiến lược và cấp thiết. Việc thực hiện đồng bộ và hiệu quả các giải pháp về đổi mới toàn diện nội dung, phương pháp giảng dạy, chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên chất lượng cao, thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động nghiên cứu khoa học, tăng cường các hoạt động ngoại khóa, thực tế chuyên môn và mở rộng hợp tác, trao đổi học thuật quốc tế sẽ tạo ra bước chuyển biến tích cực trong đào tạo lý luận chính trị tại Thủ đô. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, tư duy phản biện, năng lực sáng tạo của sinh viên và giảng viên, xây dựng đội ngũ cán bộ lý luận đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). Quyết định số 1234/QĐ-BGDĐT về Chương trình đào tạo các môn Lý luận chính trị.
2. Bùi, T. M. (2023). Phát triển đội ngũ giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Xây dựng Đảng.
3. Đào, T. L. (2022). Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị. Tạp chí Khoa học Chính trị.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ VII.
5. Hồ Chí Minh. (1995). *Toàn tập* (Tập 5). NXB Chính trị Quốc gia.
6. Lê, H. Q. (2020). Vai trò của lý luận chính trị trong giáo dục đại học. Tạp chí Giáo dục Lý luận.
7. Nguyễn, T. T. (2022). Giáo dục lý luận chính trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Nguyễn, V. A. (2021). Chủ nghĩa Mác — Lênin và con đường phát triển của Việt Nam hiện nay. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
9. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. (2017). Chủ nghĩa Mác — Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới của Việt Nam.
10. Phan, X. N. (2019). Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và ý nghĩa hiện nay. Tạp chí Lý luận Chính trị.
11. Trần, M. T. (2018). Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác — Lênin. Tạp chí Cộng sản.
12. Viện Hồ Chí Minh. (2020). Nghiên cứu và ứng dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục.

NGUỒN LỰC VÀ ĐỘNG LỰC ĐẦU TƯ NHẪM THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG CAO TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

PGS.TS. Phạm Văn Hùng

Bí thư chi bộ, Khoa Đầu tư

Tóm tắt: Việt Nam đã duy trì tăng trưởng kinh tế ấn tượng trong hai thập kỷ qua, trung bình 6-7%/năm. Đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân ở mức cao trong giai đoạn 2026-2030, thể hiện khát vọng phát triển nhanh để sớm đưa Việt Nam thành nước phát triển, thu nhập cao. Thực tế cho thấy, nền kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, tăng trưởng thuộc nhóm cao hàng đầu thế giới. Việt Nam xác định tăng trưởng cao là một trong những mục tiêu cần thiết để Việt Nam thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình và đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đồng thời tiến tới năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao (Ban Chấp hành Trung Ương, 2021). Bài viết này sẽ phân tích các nguồn lực và động lực nhằm thúc đẩy Việt Nam đạt được mục tiêu tăng trưởng cao và gợi mở các chính sách để đáp ứng mục tiêu này.

Từ khóa: Nguồn lực, động lực đầu tư, đầu tư, tăng trưởng, lý thuyết

1, CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NGUỒN LỰC, ĐỘNG LỰC ĐẦU TƯ CHO TĂNG TRƯỞNG

1.1. Các khái niệm

Đầu tư là một hoạt động quan trọng trong nền kinh tế, đóng vai trò thúc đẩy tăng trưởng và phát triển. Tùy thuộc vào góc độ nghiên cứu, đầu tư có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Trong kinh tế học, đầu tư liên quan đến việc tích lũy vốn nhằm gia tăng năng suất sản xuất (Solow, 1956). Trong tài chính, đầu tư là quá trình phân bổ vốn vào các tài sản tài chính nhằm tạo ra lợi nhuận (Sharpe, 1964). Theo Bodie, Kane và Marcus (2014), đầu tư là “quá trình hy sinh tiêu dùng hiện tại để thu được lợi ích trong tương lai” (Investments, 10th Edition).

Nguồn lực đầu tư (Investment Resources) được hiểu là tập hợp các yếu tố đầu vào cần thiết để thực hiện các hoạt động đầu tư nhằm tạo ra giá trị và lợi ích kinh tế trong tương lai. Đây là những yếu tố quyết định quy mô, phạm vi và hiệu quả của quá trình đầu tư.

Theo Samuelson và Nordhaus (2009), nguồn lực đầu tư bao gồm tất cả các yếu tố đầu vào được sử dụng để tạo ra tài sản hoặc dịch vụ mới. Trong khi đó, theo Bodie, Kane và Marcus (2014), nguồn lực đầu tư không chỉ giới hạn ở vốn tài chính mà còn bao gồm tài nguyên vật chất, nhân lực và công nghệ (Investments, 10th Edition).

Động lực đầu tư đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư khi phân bổ nguồn lực vào các dự án, ngành nghề hoặc khu vực cụ thể. Các yếu tố này có thể bao gồm lợi nhuận kỳ vọng, chính sách kinh tế, cơ hội thị trường, đổi mới công nghệ và rủi ro (Fama, 1970; Keynes, 1936). Theo Samuelson và Nordhaus (2009), động lực đầu tư là “tập hợp các yếu tố thúc đẩy cá nhân, doanh nghiệp hoặc tổ chức quyết định phân bổ vốn vào các hoạt động kinh tế nhằm đạt được lợi ích tài chính hoặc phi tài chính” (Economics).

Bodie, Kane và Marcus (2014) cho rằng động lực đầu tư có thể đến từ lợi nhuận mong đợi, chiến lược đa dạng hóa rủi ro, nhu cầu bảo toàn vốn hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh (Investments). Từ góc độ kinh tế học, Keynes (1936) cho rằng động lực đầu tư xuất phát từ “sự kỳ vọng về lợi nhuận tương lai” (The General Theory of Employment, Interest, and Money).

Tóm lại, động lực đầu tư là những yếu tố thúc đẩy cá nhân, doanh nghiệp và nhà nước quyết định đầu tư, nhằm tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro hoặc đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội khác.

1.2, Một số lý thuyết về động lực đầu tư thúc đẩy tăng trưởng

Việc hiểu rõ động lực nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng đòi hỏi vận dụng một số lý thuyết về động cơ kinh tế và hành vi ra quyết định. Có một số lý thuyết có liên quan gồm Thuyết kỳ vọng (Expectancy Theory), phân biệt động lực nội tại và động lực bên ngoài (Intrinsic vs. Extrinsic Motivation), Lý thuyết lựa chọn hợp lý (Rational Choice Theory), và Lý thuyết tăng trưởng nội sinh (Endogenous Growth Theory). Các lý thuyết này cung cấp khung phân tích để lý giải vì sao Chính phủ và các tác nhân kinh tế – xã hội có thể được thôi thúc bởi một mục tiêu tăng trưởng cao bất thường.

1.2.1, Thuyết kỳ vọng (Expectancy Theory)

Thuyết kỳ vọng được Vroom (1964) đề xuất, cho rằng động lực của con người được quyết định bởi kỳ vọng về kết quả và mức độ hấp dẫn của kết quả đó (Vroom, 1964). Con người sẽ nỗ lực hành động nếu tin rằng nỗ lực dẫn đến hiệu suất (expectancy), hiệu suất đem lại kết quả/phần thưởng (instrumentality), và phần thưởng đó có giá trị (value). Trong bối cảnh quốc gia, việc đặt mục tiêu tăng trưởng

hai con số có thể được xem như việc Chính phủ tạo ra một “kỳ vọng” lớn cho toàn bộ hệ thống: nếu các bộ, ngành và doanh nghiệp nỗ lực vượt bậc, họ có thể đạt được tốc độ tăng trưởng cao và hưởng những thành quả tương xứng. Theo thuyết kỳ vọng, mục tiêu càng cao và phần thưởng càng hấp dẫn thì động lực càng mạnh, miễn là người thực hiện tin tưởng mục tiêu khả thi. Như vậy, một mục tiêu “hai con số” thể hiện niềm tin mạnh mẽ vào khả năng bứt phá của nền kinh tế, qua đó khích lệ tinh thần phấn đấu của toàn xã hội.

1.2.2, Động lực nội tại và động lực bên ngoài (Intrinsic vs. Extrinsic Motivation)

Trong tâm lý học và quản trị, động lực nội tại là động lực xuất phát từ bên trong – làm điều gì đó vì sự thỏa mãn hay ý nghĩa tự thân; còn động lực bên ngoài đến từ phần thưởng hoặc áp lực như tiền bạc, danh tiếng, hay yêu cầu bắt buộc (Ryan & Deci, 2000). Hai loại động lực này đều có thể ảnh hưởng đến hành vi kinh tế. Đối với mục tiêu tăng trưởng quốc gia, động lực nội tại có thể là khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, trong khi động lực bên ngoài bao gồm phần thưởng vật chất (thu nhập, mức sống cao hơn) và sức ép cạnh tranh (nguy cơ tụt hậu, yêu cầu hội nhập). Nghiên cứu cho thấy động lực nội tại thường bền bỉ hơn về lâu dài (Ryan & Deci, 2000). Việc Chính phủ Việt Nam đề ra tầm nhìn “Đến 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao” (Ban Chấp hành Trung ương, 2021) có thể coi là khơi dậy động lực nội tại – ý chí dân tộc, trong khi mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 5 năm tới gắn với động lực bên ngoài: Vì nếu đạt được, nền kinh tế sẽ thu hút đầu tư, người dân được cải thiện thu nhập. Tất cả sẽ tạo nên một hệ thống động lực đa chiều, kết hợp cả “nội” lẫn “ngoại”.

1.2.3, Lý thuyết lựa chọn hợp lý (Rational Choice Theory):

Lý thuyết lựa chọn hợp lý giả định rằng các tác nhân kinh tế – xã hội hành xử duy lý, cân nhắc chi phí – lợi ích để đưa ra quyết định tối ưu (Coleman, 1990). Từ góc độ này, mục tiêu tăng trưởng hai con số là một quyết định có tính duy lý trên phương diện chiến lược quốc gia: Nhà hoạch định chính sách thấy rằng lợi ích dài hạn (vượt bẫy thu nhập trung bình, nâng cao phúc lợi) vượt trội chi phí, rủi ro (nợ công, lạm phát), trong bối cảnh Việt Nam đang có nhiều cơ hội như hiện nay. Nếu chỉ duy trì tốc độ 5–7% như trước, nguy cơ tụt hậu so với các nước Đông Á đi trước là rất lớn (IMF, 2023a). Đặt mục tiêu cao buộc cả hệ thống phải cải cách mạnh mẽ, nâng hiệu quả quản trị, qua đó tối ưu hóa lợi ích quốc gia.

1.2.4, Lý thuyết tăng trưởng nội sinh (Endogenous Growth Theory):

Lý thuyết tăng trưởng nội sinh nhấn mạnh vai trò vốn con người, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong thúc đẩy tăng trưởng dài hạn (Romer, 1986). Thay vì trông cậy vào yếu tố ngoại sinh, tăng trưởng bền vững đòi hỏi đầu tư nội tại vào giáo dục, R&D, thể chế. Mục tiêu tăng trưởng hai con số ở Việt Nam cũng được xây dựng trên niềm tin rằng các cải cách về thể chế, chuyển đổi số, nhân lực chất lượng cao có thể tạo hiệu ứng bùng nổ (Ban Chấp hành Trung ương, 2021a). Các văn kiện gần đây đề cập “3 đột phá chiến lược” (thể chế, hạ tầng, nhân lực gắn với công nghệ) đều phản ánh tinh thần tăng trưởng nội sinh (Quốc hội, 2023a). Nếu thực hiện tốt, Việt Nam có thể duy trì nhịp tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) đủ cao để đạt hai con số tăng GDP hàng năm.

2, THỰC TRẠNG NGUỒN LỰC, ĐỘNG LỰC ĐẦU TƯ NHẪM ĐÁP ỨNG MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG CAO TẠI VIỆT NAM

2.1 Phân tích nguồn lực đầu tư nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Việt Nam đang đề ra một mục tiêu tăng trưởng cao trong giai đoạn tới là hết sức cần thiết nhằm thực hiện khát vọng phát triển để đến 2045 trở thành nước công nghiệp phát triển, có thu nhập cao. Để đạt được tăng trưởng hai con số, Việt Nam cần những động lực đầu tư và cải cách đột phá vượt trội so với quỹ đạo thông thường (Quỳnh Nguyễn, 2025). Bên cạnh đó, Việt Nam cần huy động và phát huy tối đa mọi động lực tăng trưởng, đặc biệt là từ phía đầu tư, trong bối cảnh dư địa từ các yếu tố truyền thống như lao động giá rẻ hay khai thác tài nguyên đang dần thu hẹp. Phần này sẽ tập trung phân tích các động lực đầu tư chủ chốt, cơ hội từ nội lực và ngoại lực, các chính sách tạo đà tăng trưởng cũng như rủi ro thách thức và đề xuất giải pháp nhằm bảo đảm Việt Nam có thể đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026-2030 một cách bền vững.

2.1.1 Nguồn lực đầu tư từ các ngành kinh tế phát triển

Đầu tư bao gồm đầu tư công, đầu tư tư nhân trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) – được coi là động lực quan trọng nhất để đưa tăng trưởng kinh tế Việt Nam bứt phá trong giai đoạn tới (Nguyễn Bích Lâm, 2025). Các ngành kinh tế trọng điểm, vốn là trụ cột của GDP, sẽ đóng vai trò then chốt trong việc thu hút và hấp thụ nguồn vốn đầu tư này để tạo ra tăng trưởng cao. Trong đó, khu vực **công nghiệp chế biến, chế tạo** được kỳ vọng tiếp tục là động lực dẫn dắt tăng trưởng nhờ khả năng hấp thụ vốn và tạo giá trị gia tăng lớn (Hải Giang, 2025). Theo kịch bản mục tiêu tăng trưởng năm 2025, ngành công nghiệp – xây dựng dự kiến tăng trưởng

khoảng 9.5% (riêng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trên 9.7%) – mức cao hơn đáng kể so với khu vực khác (Hải Giang, 2025). Điều này khẳng định vai trò đầu tàu của ngành công nghiệp chế tạo trong việc kéo GDP tiến lên hai con số. Thực tế những năm qua, lĩnh vực chế tạo đã thu hút phần lớn dòng vốn FDI vào Việt Nam, đặc biệt trong các ngành điện tử, sản xuất thiết bị và dệt may. Sự hiện diện và mở rộng của các tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực này (Samsung, Intel, LG,...) đã biến Việt Nam thành một trung tâm sản xuất mới của chuỗi cung ứng toàn cầu, đóng góp lớn vào tăng trưởng xuất khẩu và GDP. Đáng chú ý là định hướng thu hút FDI cũng chuyển dần từ gia công lắp ráp sang xây dựng các trung tâm R&D và sản xuất sản phẩm công nghệ cao. Bên cạnh điện tử, ngành ô tô – với sự nổi lên của doanh nghiệp trong nước như VinFast và việc thu hút đầu tư vào xe điện, pin- cũng được kỳ vọng tạo động lực tăng trưởng mới (Quỳnh Nguyễn, 2025). Để tối đa hoá đóng góp của công nghệ chế tạo, Việt Nam cần nâng tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa. Hiện nay, giá trị gia tăng trong sản phẩm công nghiệp chế biến chỉ khoảng 22% (Tiền Phong, 2025), cho thấy dư địa lớn để phát triển công nghiệp hỗ trợ và chuyên gia công nghệ, tăng tỷ lệ nội địa hoá. Các chuyên gia dự báo nếu tận dụng cơ hội tốt từ dịch chuyển chuỗi cung ứng và phát triển các ngành như bán dẫn, AI, riêng khối công nghệ cao này có thể đóng góp khoảng 15-20% vào tăng trưởng GDP giai đoạn 2026-2030. Đây sẽ là trụ cột quan trọng để thực hiện hoá mục tiêu tăng trưởng hai con số.

Bên cạnh công nghiệp chế tạo, **khu vực dịch vụ** cũng mang lại dư địa đầu tư và tăng trưởng đáng kể. Trong cơ cấu GDP hiện nay, dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất (trên 40%) và đang trên đà mở rộng cùng với quá trình đô thị hoá và sự gia tăng của tầng lớp trung lưu. Các lĩnh vực dịch vụ như tài chính – ngân hàng, logistics, viễn thông, du lịch được xem xác định là những ngành trọng điểm cần thúc đẩy đầu tư. Đặc biệt, ngành du lịch đang phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, kéo theo nhu cầu đầu tư lớn vào hạ tầng lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí và dịch vụ lữ hành. Trong 8 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đã đón lượng khách quốc tế tăng 45.8% so với cùng kỳ năm trước, báo hiệu tiềm năng tăng trưởng vượt bậc của du lịch trong các năm tới (Ngọc Bích 2024). Sự bùng nổ về du lịch và tiêu dùng nội địa sẽ tạo động lực cho đầu tư vào các trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng cũng như thúc đẩy lĩnh vực bán lẻ. Song song, các dịch vụ hiện đại như thương mại điện tử, tài chính số, giáo dục và y tế tư nhân cũng đang thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư nhờ nhu cầu xã hội tăng cao.

Lĩnh vực **nông nghiệp công nghệ cao** tuy đóng góp tỷ trọng nhỏ hơn trong GDP nhưng cũng được coi là một trọng điểm đầu tư để tăng trưởng bền vững. Nông

ng nghiệp vẫn là sinh kế của khoảng 30% lực lượng lao động, do đó đầu tư vào nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ giúp nâng cao năng suất và giá trị gia tăng, đồng thời cải thiện đời sống nông thôn. Trong những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp đã rót vốn phát triển mô hình trang trại công nghệ cao, chế biến sâu nông sản và xây dựng chuỗi cung ứng lạnh. Nhờ đó, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực như gạo, cà phê, trái cây đều tăng mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng (Tiền Phong, 2025). Điển hình như việc ứng dụng công nghệ và giống mới đã giúp Việt Nam duy trì vị thế top đầu thế giới về xuất khẩu gạo và cà phê, đồng thời mở rộng thị trường cho trái cây nhiệt đới. Với dư địa cải thiện lớn khi mà năng suất lao động nông nghiệp hiện còn thấp và chuỗi giá trị chưa hoàn thiện, dòng vốn đầu tư vào nông nghiệp được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trong giai đoạn tới, đặc biệt tới từ khu vực tư nhân trong nước với các doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành như Vinamilk, TH... hay các quỹ đầu tư phát triển nông thôn.

Một động lực đầu tư quan trọng khác đến từ các dự án hạ tầng trọng điểm. Cơ sở hạ tầng phát triển được ví như “bệ phóng” cho các ngành kinh tế trọng điểm cất cánh. Nhận thức rõ điều này, Việt Nam đang đẩy mạnh giải ngân vốn cho hàng loạt công trình hạ tầng quy mô lớn ví dụ như đường cao tốc Bắc – Nam, cảng hàng không Long Thành, nâng cấp cảng biển,... Hiện cả nước đã và đang triển khai hơn 360 dự án đối tác công – tư (PPP) với tổng vốn khoảng 1.5 triệu tỷ đồng (tương đương 65 tỷ USD) tập trung chủ yếu vào hạ tầng giao thông, năng lượng và môi trường (Tiền Phong, 2025). Những dự án như cao tốc Bắc – Nam hiện chiếm tới 70% tổng vốn PPP hiện tại không chỉ cải thiện kết nối kinh tế liên vùng mà còn kéo theo nhiều khoản đầu tư thứ cấp vào các khu công nghiệp, khu đô thị dọc tuyến (Tiền Phong, 2025). Khi các “đại dự án” này được hoàn thành, chúng sẽ tạo hiện ứng lan toả lớn, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng dài hạn. Do đó, đầu tư vào hạ tầng được coi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, vừa để kích cầu ngắn hạn, vừa tạo nền tảng cho các ngành trụ cột tăng tốc.

Một nguồn lực và cũng là động lực quan trọng cho tăng trưởng cao của Việt nam trong giai đoạn tới là cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam – lực lượng trực tiếp triển khai các hoạt động đầu tư trong mọi ngành kinh tế. Sau gần 40 năm Đổi mới, Việt Nam hiện có gần 1 triệu doanh nghiệp đang hoạt động, đóng góp khoảng 60% GDP, 98% kim ngạch xuất khẩu và tạo việc làm cho 85% lao động (Anh Nhi, 2025). Khối doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân chính là “xương sống” của các ngành công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp. Đầu tư cho tăng trưởng hai con số vì thế trước hết phải dựa trên sự lớn mạnh của lực lượng doanh nghiệp nội địa, kết hợp với

thu hút hiệu quả các nhà đầu tư nước ngoài. Những ngành trọng điểm nêu trên sẽ là “sân chơi” chính cho các doanh nghiệp thể hiện vai trò của mình từ nhà máy sản xuất, công xưởng chế biến đến ngân hàng, hãng hàng không hay công ty công nghệ. Sức mạnh và động lực đầu tư của khu vực doanh nghiệp – thể hiện qua quy mô vốn, trình độ công nghệ, năng lực quản trị - sẽ quyết định thành công của mục tiêu tăng trưởng cao. Vì vậy, tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp thuộc các ngành trọng điểm mở rộng đầu tư, đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động chính là tạo động lực trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế vượt bậc trong giai đoạn 2026-2030.

2.1.2 Cơ hội đầu tư từ nội lực và ngoại lực

Để đạt được tăng trưởng hai con số, Việt Nam cần khai thác tối đa cơ hội đầu tư từ cả nội lực bên trong lẫn ngoại lực bên ngoài. Sự kết hợp hài hoà giữa sức mạnh nội tại của nền kinh tế với dòng vốn và công nghệ quốc tế sẽ tạo nên sức bật tổng hợp, giúp thúc đẩy tăng trưởng cao một cách bền vững (Nguyễn Bích Lâm, 2025).

Về nội lực, Việt Nam có nhiều tiềm năng chưa được khai thác hết. Thứ nhất là khu vực tư nhân trong nước, bao gồm các doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh và hợp tác xã. Khu vực này ngày càng lớn mạnh, đóng góp trên một nửa vốn tổng đầu tư xã hội (trên 55% năm 2025 theo kế hoạch) (Minh Anh, 2025). Với gần 100 triệu dân và một thị trường tiêu dùng đang mở rộng nhanh chóng, các nhà đầu tư nội địa có động lực mạnh mẽ để mở rộng sản xuất kinh doanh. Niềm tin kinh doanh cũng đang dần hồi phục sau đại dịch nhờ môi trường đầu tư cải thiện. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (cũ) nay là Bộ Tài chính, cộng đồng doanh nghiệp tư nhân đã khẳng định vai trò quan trọng, là động lực chủ yếu cho phát triển và công nghiệp hoá, đóng góp phần lớn vào GDP và tạo việc làm. Hiện nay, mỗi năm có hàng chục nghìn doanh nghiệp thành lập mới, thể hiện sự năng động của nội lực kinh tế. Nếu tháo gỡ tốt các rào cản và tạo điều kiện thuận lợi về vốn, đất đai hay thủ tục; khu vực tư nhân trong nước hoàn toàn có thể tăng trưởng ở mức 11%/năm hoặc cao hơn, trở thành “đầu tàu” kéo nền kinh tế đạt mục tiêu hai con số.

Nội lực thứ hai là nguồn vốn đầu tư công và nguồn lực nhà nước. Nhà nước vẫn nắm giữ những “nguồn lực” quan trọng như đất đai, tài nguyên và hệ thống doanh nghiệp nhà nước lớn. Việc cải cách và sử dụng hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước sẽ tạo thêm dư địa đầu tư. Hiện Chính phủ đang chủ trương “đẩy mạnh đầu tư công” nhằm dọn đường cho giai đoạn tăng trưởng cao. Tổng vốn đầu tư nhà nước dự kiến tăng thêm đáng kể vào năm 2025 (ước tính khoảng 36 tỷ USD, tăng 9% so với kế hoạch ban đầu) (Hải Giang, 2025). Các công trình hạ tầng, dự án do nhà nước dẫn dắt sẽ vừa tạo việc làm, vừa kích cầu cho doanh nghiệp tư nhân tham gia thực hiện.

Bên cạnh đó, việc cải tổ doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá và bán bớt vốn tại các doanh nghiệp không then chốt có thể huy động một lực lượng vốn lớn từ nội bộ nền kinh tế để tái đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm. Nguồn tiết kiệm nội địa của dân cư cũng rất dồi dào với tỷ lệ tiết kiệm/GDP thuộc loại cao trong khu vực (trên 30%). Nếu có cơ chế phù hợp phát triển thị trường vốn, trái phiếu, quỹ đầu tư nguồn tiền nhàn rỗi trong dân có thể chuyển hoá thành vốn cho sản xuất kinh doanh. Một nguồn lực nội tại khác là dòng kiều hối ổn định khoảng 18-20 tỷ USD mỗi năm – đây có thể coi là nguồn vốn ngoại tệ quý báu để đầu tư nhà ở, sản xuất nhỏ và hỗ trợ tiêu dùng.

Bên cạnh nội lực, ngoại lực – đặc biệt là dòng vốn và công nghệ từ nước ngoài – sẽ tiếp tục là bệ đỡ quan trọng cho tăng trưởng cao của Việt Nam. Trước hết, FDI vào Việt Nam được kỳ vọng giữ vững đà tăng trong giai đoạn 2026-2030, Việt Nam đã trở thành một điểm đến đầu tư hấp dẫn hàng đầu châu Á nhờ các lợi thế: chi phí nhân công cạnh tranh, thị trường nội địa lớn, môi trường chính trị ổn định và chính sách hội nhập sâu rộng. Nhiều tập đoàn đa quốc gia đang dịch chuyển chuỗi cung ứng và đa dạng hoá địa điểm sản xuất, trong đó Việt Nam nổi lên như một lựa chọn ưu tiên (Nguyễn Bích Lâm, 2025). Sự thay đổi chính sách của các nền kinh tế lớn, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, xu hướng “Trung Quốc +1” đã và đang kéo theo sự dịch chuyển vốn đầu tư quốc tế sang Việt Nam. Bằng chứng là bất chấp kinh tế thế giới biến động, dòng vốn FDI cam kết vào Việt Nam hằng năm vẫn đạt khoảng 30 tỷ USD, vốn thực hiện khoảng 20-22 tỷ USD/năm trong những năm gần đây. Chính phủ dự kiến thu hút và giải ngân FDI khoảng 28 tỷ USD vào năm 2025, cao hơn mức hiện tại và sẽ tiếp tục tăng trong các năm sau (Hải Giang, 2025). Đi cùng với vốn FDI là công nghệ hiện đại, kỹ năng quản trị và mạng lưới thị trường quốc tế. Nếu Việt Nam thu hút có chọn lọc những dự án FDI chất lượng cao gắn kết được với doanh nghiệp trong nước với mô hình “win-win”, điều này sẽ tạo sức bật lớn cho mục tiêu tăng trưởng cao. Cơ hội để kết nối với nguồn vốn khác thông qua hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP), nguồn vốn viện trợ phát triển (ODA) và tới là phát triển Trung tâm tài chính quốc tế.

2.2 Phân tích động lực đầu tư nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng cao

2.2.1 Động lực kinh tế

Trước hết, Việt Nam đặt mục tiêu hai con số nhằm tránh bẫy thu nhập trung bình và vươn tới nhóm nước phát triển vào 2045. Chỉ tăng 6–7%/năm sẽ khiến lộ trình kéo dài nhiều thập kỷ (UNDP, 2023). Trong khi đó, lịch sử phát triển Đông Á cho thấy Hàn Quốc, Trung Quốc từng duy trì nhiều năm trên 10%, nhanh chóng cải thiện mức sống (IMF, 2023). Việt Nam mong muốn bắt kịp những hình mẫu này. Thứ

hai, cơ cấu dân số vàng (lao động trẻ, đô thị hóa nhanh) tạo dư địa cho tăng trưởng vượt trội (OECD, 2020). Năng suất lao động Việt Nam còn thấp (khoảng 6,4 USD/giờ) nhưng đang tăng rất nhanh (tăng 64% giai đoạn 2010–2020) (OECD, 2020), cho thấy tiềm năng nâng cao hiệu quả. Thứ ba, hội nhập kinh tế với nhiều FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP) cùng dòng dịch chuyển chuỗi cung ứng “China+1” mở ra cơ hội thu hút FDI lớn (Tổng cục Thống kê, 2023a, tr. 50–58). Việt Nam cũng có thể tận dụng “thiên thời” đó để đạt tăng trưởng vượt bậc. Theo lý thuyết lựa chọn hợp lý, đây là quyết định tối ưu vì không vươn lên nhanh, sẽ bỏ lỡ cơ hội vàng (Coleman, 1990).

2.2.2 Động lực xã hội

Về xã hội, kỳ vọng nâng cao mức sống của người dân là lý do quan trọng. Dù GDP bình quân đã tăng lên khoảng mức 4.300 USD năm 2023 (World Bank, 2023), nhưng Việt Nam vẫn chỉ ở nhóm thu nhập trung bình thấp. Mục tiêu tăng trưởng hai con số hứa hẹn tốc độ cải thiện thu nhập nhanh hơn, giúp nhiều người dân tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng. Thuyết kỳ vọng ở quy mô xã hội được thể hiện: Một khi dân tin vào viễn cảnh “sớm giàu mạnh”, họ sẽ ủng hộ chính sách và góp sức thực hiện mục tiêu (Vroom, 1964). Đồng thời, tăng trưởng cao giúp tạo thêm việc làm, giảm thất nghiệp, giảm nghèo (World Bank, 2023). Ngoài ra, duy trì nhịp độ phát triển cao cũng duy trì ổn định và đồng thuận. Chính phủ hiểu rằng khi kinh tế trì trệ, mâu thuẫn xã hội dễ phát sinh. Mục tiêu cao kèm cam kết phát triển bao trùm là cách để củng cố niềm tin của dân.

2.2.3, Động lực chiến lược quốc gia

Một động lực rất quan trọng nữa đó là động lực tới từ chiến lược quốc gia khi Việt Nam hướng tới mô hình phát triển dựa trên công nghiệp hiện đại, công nghệ cao, với ba đột phá (thể chế, hạ tầng, nhân lực) theo tinh thần tăng trưởng nội sinh (Romer, 1986). Mục tiêu hai con số đặt ra để thúc đẩy đầu tư vào R&D, giáo dục đại học, chuyển đổi số, nâng TFP (Quốc hội, 2023a). Theo lộ trình, Việt Nam kỳ vọng thuộc nhóm nước công nghiệp và thu nhập trung bình cao vào năm 2030 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023). Để đạt được, phải có những năm tăng trên 10%. Đây là lựa chọn hợp lý về chiến lược nhằm khẳng định vai trò của Việt Nam trong ASEAN, cạnh tranh với các cường quốc khu vực, và xây dựng nền kinh tế đủ mạnh để bảo đảm an ninh, tự chủ.

3, MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC VÀ ĐỘNG LỰC CHO ĐẦU TƯ THÚC ĐẨY MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG CAO TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

3.1. Giải pháp về nguồn lực đầu tư

Thứ nhất, cần đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng:

Ưu tiên nguồn lực (vốn ngân sách, trái phiếu, PPP) để phát triển hệ thống hạ tầng đồng bộ và hiện đại. Tăng tốc các dự án hạ tầng giao thông quan trọng (đường cao tốc Bắc – Nam, đường sắt cao tốc, sân bay Long Thành, cảng biển nước sâu) để cải thiện kết nối vùng và giảm chi phí vận tải. Đầu tư mở rộng hạ tầng năng lượng – đặc biệt là điện lưới và năng lượng tái tạo – đảm bảo cung ứng đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt. Phát triển hạ tầng viễn thông và số (phủ sóng 5G, cáp quang) cùng hạ tầng đô thị hiện đại, tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững.

Thứ hai, đầu tư nâng cao chất lượng nhân lực, thúc đẩy R&D và đổi mới sáng tạo:

Thực hiện cuộc cải cách giáo dục và đào tạo toàn diện nhằm trang bị kỹ năng phù hợp cho lao động trong thời đại số. Đầu tư nhiều hơn cho nghiên cứu và phát triển (R&D) từ ngân sách và khuyến khích khu vực tư nhân tham gia; tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, năng lượng mới, nông nghiệp thông minh... Xây dựng cơ chế đãi ngộ để thu hút nhân tài người Việt ở trong và ngoài nước. Khuyến khích đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp: phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, quỹ hỗ trợ startup, kết nối viện trường với doanh nghiệp để thương mại hóa các ý tưởng mới. Đây sẽ là nền tảng để tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) và tạo ra các ngành nghề tương lai.

Thứ ba, tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư:

Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm các giấy phép con gây phiền hà cho doanh nghiệp. Nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của bộ máy nhà nước; ứng dụng chính phủ điện tử để giảm tiếp xúc trực tiếp và phòng chống tham nhũng vặt. Hoàn thiện khung pháp lý cho các lĩnh vực mới (kinh tế số, đầu tư mạo hiểm, năng lượng tái tạo...) để doanh nghiệp yên tâm hoạt động. Đảm bảo quyền sở hữu tài sản và trí tuệ, thực thi nghiêm pháp luật về cạnh tranh và phá sản để tạo môi trường kinh doanh lành mạnh. Một môi trường kinh doanh thuận lợi, ổn định và tiên đoán được sẽ khuyến khích đầu tư dài hạn của cả khu vực tư nhân trong nước lẫn nước ngoài.

Thứ tư, thu hút FDI có chọn lọc, thúc đẩy liên kết doanh nghiệp trong nước:

Chuyển từ số lượng sang chất lượng trong thu hút FDI – lựa chọn các dự án phù hợp với định hướng cơ cấu kinh tế (công nghệ cao, năng lượng sạch, sản xuất thông minh) và sàng lọc nhà đầu tư có năng lực, tránh dự án công nghệ lạc hậu hoặc gây ô nhiễm. Tăng yêu cầu và khuyến khích chuyển giao công nghệ trong các dự án FDI; tạo cơ chế để doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI. Phát triển công nghiệp hỗ trợ trong nước thông qua các chương trình hợp tác, hỗ trợ kỹ thuật và tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Khi doanh nghiệp nội địa liên kết chặt chẽ với FDI, công nghệ và kỹ năng sẽ lan tỏa, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế về lâu dài.

Thứ năm, đầu tư mạnh mẽ cho chuyển đổi số và phát triển kinh tế số:

Xác định chuyển đổi số là động lực đột phá trong giai đoạn tới. Nhanh chóng triển khai Chính phủ điện tử và các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao để nâng hiệu quả quản trị và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Đầu tư phát triển hạ tầng số (dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu, an ninh mạng) và xây dựng khung pháp lý cho các lĩnh vực số. Hỗ trợ khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, sản xuất và phân phối (qua đào tạo, tư vấn, ưu đãi thuế cho chuyển đổi số...). Phát triển hệ sinh thái kinh tế số bao gồm thương mại điện tử, fintech, edtech, govtech... tạo nhiều dịch vụ và trải nghiệm mới, góp phần thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư. Kinh tế số dự kiến sẽ đóng góp ngày càng lớn vào GDP, hỗ trợ Việt Nam đạt mục tiêu tăng trưởng cao.

3.2 Giải pháp về động lực đầu tư

Để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026–2030, điều kiện tiên quyết là toàn xã hội – từ người dân, doanh nghiệp đến các cấp chính quyền – phải cùng chung chí hướng và phát huy tối đa nội lực lẫn ngoại lực. Một trong những nhiệm vụ trọng yếu là khơi dậy khát vọng phát triển và nâng cao niềm tin xã hội. Chính phủ cần chủ động tạo “kỳ vọng tích cực” thông qua truyền thông nhất quán và minh bạch về triển vọng kinh tế, kết quả cải cách và cam kết chính sách. Nếu người dân và doanh nghiệp tin tưởng rằng nỗ lực hôm nay sẽ đem lại thành quả xứng đáng trong tương lai, họ sẽ chủ động hành động với tinh thần trách nhiệm. Đây là ứng dụng rõ rệt của lý thuyết kỳ vọng – trong đó sự kỳ vọng về kết quả tốt sẽ tạo ra động lực thúc đẩy hành vi. Việc lan tỏa tinh thần “dân giàu nước mạnh” và tôn

vinh những tấm gương vượt khó, sáng tạo cũng góp phần đánh thức động lực nội tại trong từng cá nhân.

Bên cạnh đó, để doanh nghiệp và nhà đầu tư thực sự có động lực đầu tư dài hạn, việc cải thiện môi trường kinh doanh cần được ưu tiên hàng đầu. Khi chi phí thủ tục thấp, rủi ro pháp lý được kiểm soát và quyền sở hữu được bảo vệ, các chủ thể kinh tế sẽ đưa ra lựa chọn hợp lý để mở rộng sản xuất – đúng với dự báo của lý thuyết lựa chọn hợp lý. Chính phủ và Quốc hội nên tiếp tục hoàn thiện luật doanh nghiệp, luật đất đai, và các quy định liên quan đến đầu tư đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Cùng với đó là hệ thống khuyến khích minh bạch, công bằng giữa các địa phương – để mỗi tỉnh, thành đều có động lực chính trị và hành chính để “chạy đua phát triển”, nâng chất lượng quản trị và thu hút nguồn lực hiệu quả hơn.

Một động lực dài hạn không thể thiếu là phát triển vốn con người và đổi mới sáng tạo. Các cơ sở giáo dục, trung tâm R&D và doanh nghiệp công nghệ cần được hỗ trợ mạnh mẽ để trở thành động lực nội sinh cho tăng trưởng – như lý thuyết tăng trưởng nội sinh nhấn mạnh. Chính phủ cần đầu tư cho giáo dục đại học, đào tạo nghề, đồng thời khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo thông qua các quỹ hỗ trợ, ưu đãi thuế và khung pháp lý linh hoạt. Khi giới trí thức và người lao động có điều kiện phát huy năng lực, họ sẽ hình thành động lực nội tại để sáng tạo, học hỏi và đổi mới không ngừng.

Bên cạnh đó, chính sách an sinh và chia sẻ thành quả tăng trưởng cần được đẩy mạnh để duy trì sự đồng thuận xã hội. Khi người dân ở mọi tầng lớp và vùng miền cảm nhận được rằng họ có cơ hội được hưởng lợi từ tăng trưởng, họ sẽ có thêm động lực đóng góp. Đây là cách để gắn lợi ích cá nhân với lợi ích quốc gia, kết hợp cả động lực nội tại (niềm tự hào, tự cường) lẫn ngoại tại (thu nhập, phúc lợi). Chính quyền các cấp nên triển khai các chương trình “đồng sáng tạo”, tham vấn rộng rãi từ cộng đồng để mỗi người dân được trực tiếp góp ý, trở thành một nguồn lực của tăng trưởng kinh tế và là một phần của quá trình phát triển ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương. (2021a). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1–2). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
2. Ban Chấp hành Trung ương. (2023a). Nghị quyết 18-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3. Bộ Công Thương. (2023). Báo cáo tình hình thu hút FDI trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo 2023. Tác giả lưu trữ nội bộ.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2023a). Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến 2045. Dự thảo trình Chính phủ.
5. Chính phủ. (2023a). Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2023. Công báo Chính phủ.
6. Coleman, J. S. (1990). *Foundations of Social Theory*. Harvard University Press.
7. IMF. (2023a). *World Economic Outlook: Countering the Cost-of-Living Crisis*. International Monetary Fund.
8. OECD. (2020). *OECD Economic Surveys: Viet Nam 2020*. OECD Publishing.
9. Quốc hội. (2023a). Thông qua Kế hoạch tài chính – ngân sách trung hạn giai đoạn 2021–2025. Báo cáo Ủy ban Kinh tế.
10. Quốc hội. (2023b). Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình phát triển kinh tế – xã hội năm 2023. Công báo Quốc hội.
11. Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Intrinsic and Extrinsic Motivations: Classic Definitions and New Directions. *Contemporary Educational Psychology*, 25(1), 54–67.
12. Romer, P. (1986). Increasing Returns and Long-Run Growth. *Journal of Political Economy*, 94(5), 1002–1037.
13. Vroom, V. H. (1964). *Work and Motivation*. Wiley.
14. WEF. (2019). *The Global Competitiveness Report 2019*. World Economic Forum.
15. World Bank. (2023a). *Vietnam at a Glance: Harnessing the Potential of a Young Workforce*. World Bank Group.
16. Hải Giang. (2025). Tạo nền tảng vững chắc để đạt tăng trưởng hai con số. Báo Chính Phủ. <https://baochinhphu.vn/tao-nen-tang-vung-chac-de-dat-tang-truong-hai-con-so-102250212091200084.htm>
17. Minh Anh. (2025). Tạo đà, tạo lực đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số. Thời Báo Tài Chính Việt Nam. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/tao-da-tao-luc-dat-muc-tieu-tang-truong-hai-con-so-172240.html>
18. Anh Nhi. (2025). Để đạt tăng trưởng hai con số, khu vực kinh tế ngoài nhà nước cần tăng khoảng 11 năm. VnEconomy.
19. Tiền Phong. (2025). Cách nào đạt tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026-2030: Phát huy sức mạnh toàn dân. Tiền Phong. <https://tienphong.vn/cach-nao-dat-tang-truong-hai-con-so-giai-doan-2026-2030-phat-huy-suc-manh-toan-dan>

tang-truong-hai-con-so-giai-doan-2026-2030-phat-huy-suc-manh-toan-dan-post1711666.tpo

20. Ngọc Bích. (2024). Lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng 24,5% trong tháng tám vừa qua. VietnamPlus. <https://www.vietnamplus.vn/luong-khach-quoc-te-den-viet-nam-tang-245-trong-thang-tam-vua-qua-post974742.vnp>
21. Lao động Thủ đô. (2023, tháng 12 12). Việt Nam hoàn toàn có thể đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% trở lên. Lao động Thủ đô.
22. Nguyễn Bích Lâm. (2025). Động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số trong kỳ nguyên mới. Chính phủ. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/dong-luc-thuc-day-tang-truong-kinh-te-hai-con-so-trong-ky-nguyen-moi-119250109111705446.htm>
23. Quỳnh Nguyễn. (2025). Tiềm năng và thách thức của Việt Nam trong mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số. VnEconomy.

PHÁT TRIỂN KHU VỰC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TS. Nguyễn Phúc Hải

Chi bộ Khoa Kinh tế học

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng phát triển và những đóng góp nổi bật của khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Khu vực này đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và đóng góp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, doanh nghiệp tư nhân còn đối mặt với nhiều hạn chế như quy mô nhỏ, sức cạnh tranh yếu và khó khăn trong tiếp cận nguồn lực. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các nhóm giải pháp đồng bộ như hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường liên kết kinh tế. Những giải pháp này nhằm phát huy tối đa vai trò của doanh nghiệp tư nhân như một động lực then chốt cho tăng trưởng nhanh và bền vững trong giai đoạn phát triển mới của Việt Nam.

Từ khóa: Doanh nghiệp tư nhân; Doanh nghiệp nhà nước; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Phát triển kinh tế.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phát triển khu vực doanh nghiệp tư nhân không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tổng Bí thư Tô Lâm trong bài viết "Phát triển kinh tế tư nhân – Đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng" trên Báo Nhân Dân đã nêu bật vai trò thiết yếu của khu vực kinh tế tư nhân trong sự nghiệp phát triển đất nước, đồng thời khẳng định định hướng nhất quán của Đảng trong việc khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân phát triển lành mạnh, hiệu quả và bền vững^[5].

Sau gần 40 năm thực hiện công cuộc Đổi mới, khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc, từ một bộ phận kinh tế bị xem là thứ yếu trở thành một trong ba trụ cột chính của nền kinh tế quốc dân. Hiện nay, Việt Nam có gần một triệu doanh nghiệp tư nhân cùng khoảng 5 triệu hộ kinh doanh cá thể, đóng góp hơn 51% GDP, trên 30% tổng thu ngân sách nhà nước và tạo việc làm cho hơn 40 triệu lao động, chiếm trên 80% tổng số lao động trong nền kinh tế. Những con

số này phản ánh rõ nét vai trò và sức sống của doanh nghiệp tư nhân trong cấu trúc nền kinh tế thị trường hiện đại.

Tuy nhiên, quá trình phát triển khu vực doanh nghiệp tư nhân vẫn đang gặp phải nhiều rào cản cả về thể chế, cơ sở hạ tầng lẫn môi trường kinh doanh. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là siêu nhỏ, còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn, đất đai, công nghệ và lao động chất lượng cao. Ngoài ra, sự bất cập trong khung pháp lý, thủ tục hành chính rườm rà, chi phí không chính thức và thiếu sự hỗ trợ hiệu quả từ các cơ quan công quyền cũng đang làm giảm động lực đầu tư, đổi mới và mở rộng sản xuất.

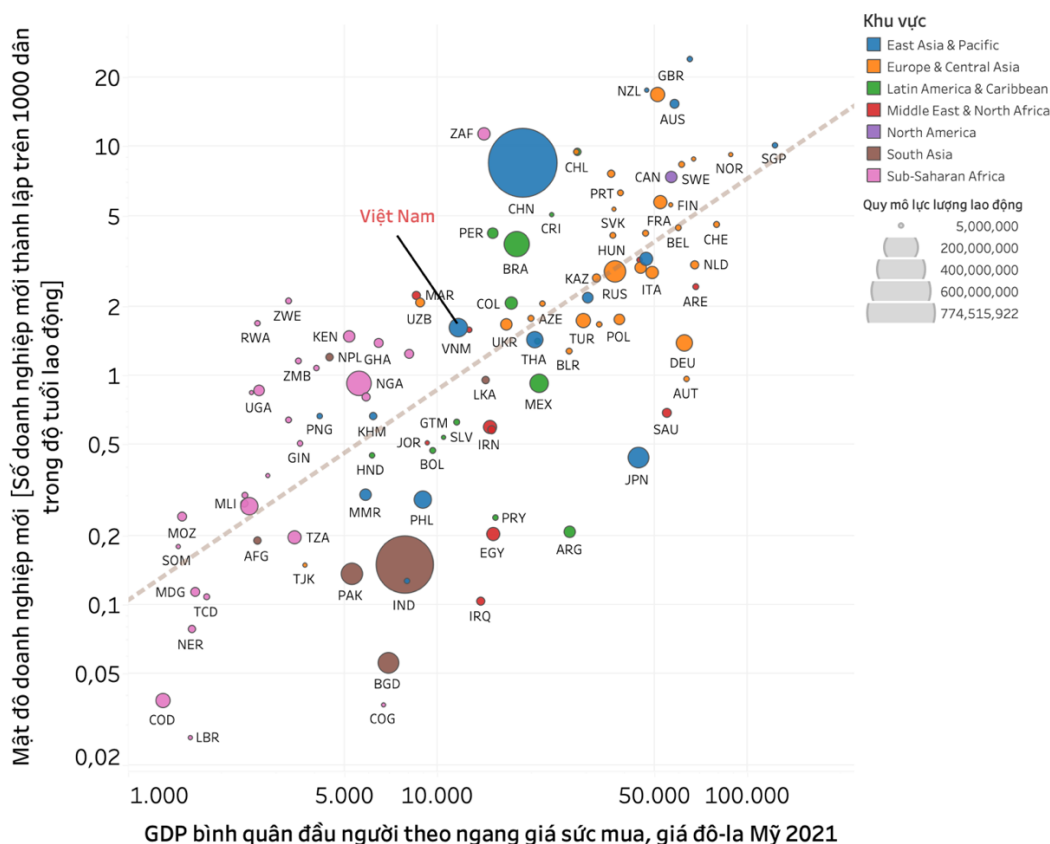
Trong bối cảnh đó, việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa càng trở nên cấp thiết. Cần xây dựng môi trường pháp lý minh bạch, công bằng, ổn định để doanh nghiệp tư nhân yên tâm phát triển lâu dài. Đồng thời, cần có cơ chế bảo đảm quyền tự do kinh doanh và quyền tài sản hợp pháp của doanh nghiệp. Việc hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng lực quản trị và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu cũng cần được chú trọng.

Bài viết này tập trung phân tích thực trạng phát triển của khu vực doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam trong thời gian vừa qua, làm rõ vai trò của khu vực này đối với tăng trưởng kinh tế, đóng góp ngân sách và tạo việc làm trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở nhận diện những thành tựu và tồn tại, bài viết đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân phát triển mạnh mẽ, hướng tới mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia xã hội chủ nghĩa có thu nhập cao trong tương lai.

2. Vị trí của khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, khu vực doanh nghiệp luôn đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo ra việc làm, gia tăng thu nhập và thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo. Hệ thống doanh nghiệp, đặc biệt là sự gia tăng của các doanh nghiệp mới, được coi là một chỉ báo quan trọng phản ánh sức sống và mức độ phát triển của nền kinh tế. Hình 1 mô tả mối quan hệ giữa mật độ doanh nghiệp mới và GDP bình quân đầu người, cho thấy tồn tại một mối tương quan chặt chẽ: những quốc gia có mật độ doanh nghiệp mới cao thường có GDP bình quân đầu người ở mức cao hơn.

Hình 1. Mật độ doanh nghiệp mới tại các quốc gia trên thế giới, trung bình giai đoạn 2017-2022



Nguồn: minh họa của tác giả từ số liệu Ngân hàng Thế giới (WB)

Đối với Việt Nam, số lượng doanh nghiệp mới thành lập trong những năm gần đây đạt mức tương đối cao so với các nước có cùng ngưỡng thu nhập trung bình. Điều này cho thấy những nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển khu vực tư nhân đã bước đầu mang lại kết quả tích cực. Tuy nhiên, khoảng cách giữa Việt Nam và các quốc gia phát triển có thu nhập cao vẫn còn khá lớn nếu xét theo tiêu chí mật độ doanh nghiệp mới trên quy mô dân số. Điều đó phản ánh thực tế rằng, mặc dù có sự gia tăng về số lượng, song chất lượng hoạt động, quy mô và sức cạnh tranh của doanh nghiệp tại Việt Nam vẫn còn hạn chế, đòi hỏi cần tiếp tục có những chính sách hỗ trợ mạnh mẽ và hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khu vực doanh nghiệp tư nhân đã và đang đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế tư nhân được xác định là một động lực quan trọng của nền kinh tế, là một bước tiến lớn về tư duy lý luận và thực tiễn, thể hiện sự vận

dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn đất nước^[2].

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng là nền kinh tế vận hành theo quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý hiệu quả của Nhà nước, lấy mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm định hướng^[3]. Trong mô hình đó, tất cả các thành phần kinh tế đều được bình đẳng phát triển, cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ pháp luật. Kinh tế tư nhân, cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và các thành phần khác, góp phần quan trọng vào tăng trưởng, ổn định và phát triển bền vững của đất nước.

Doanh nghiệp tư nhân giữ vai trò tích cực trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tăng năng suất lao động, tạo việc làm và mở rộng thị trường. Bằng sự linh hoạt, nhanh nhạy với yêu cầu của thị trường, khu vực này đóng góp thiết thực vào việc gia tăng năng lực sản xuất, phát triển công nghiệp, dịch vụ, đồng thời đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Những thành tựu này cho thấy doanh nghiệp tư nhân không chỉ đóng vai trò bổ trợ mà còn là một bộ phận cấu thành thiết yếu, thúc đẩy sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường hiện đại.

Bên cạnh đó, sự phát triển của khu vực doanh nghiệp tư nhân còn góp phần thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa thông qua việc tạo lập cơ hội việc làm, giảm nghèo, nâng cao thu nhập và cải thiện phúc lợi xã hội. Mặc dù hoạt động theo nguyên tắc thị trường, nhưng thông qua các chính sách điều tiết, định hướng của Nhà nước, khu vực này được khuyến khích phát triển theo hướng gắn kết trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và tham gia tích cực vào các chương trình phát triển bền vững quốc gia.

Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò của doanh nghiệp tư nhân không phát triển tự phát mà cần đặt trong khuôn khổ định hướng chung của quốc gia. Nhà nước giữ vai trò quản lý, điều tiết nhằm bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các thành phần kinh tế, tránh tình trạng chênh lệch giàu nghèo quá mức, bảo vệ lợi ích công cộng và an sinh xã hội^[4]. Trong đó, một nguyên tắc xuyên suốt là phát triển kinh tế tư nhân đi đôi với củng cố kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ tiến trình phát triển.

Thực tế thời gian qua cho thấy, khu vực doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam còn gặp không ít khó khăn như quy mô nhỏ, sức cạnh tranh yếu, trình độ công nghệ và quản trị hạn chế. Một bộ phận doanh nghiệp còn thiếu ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm xã hội. Vì vậy, để nâng cao vị trí và vai trò của khu vực này, Nhà nước

cần tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân.

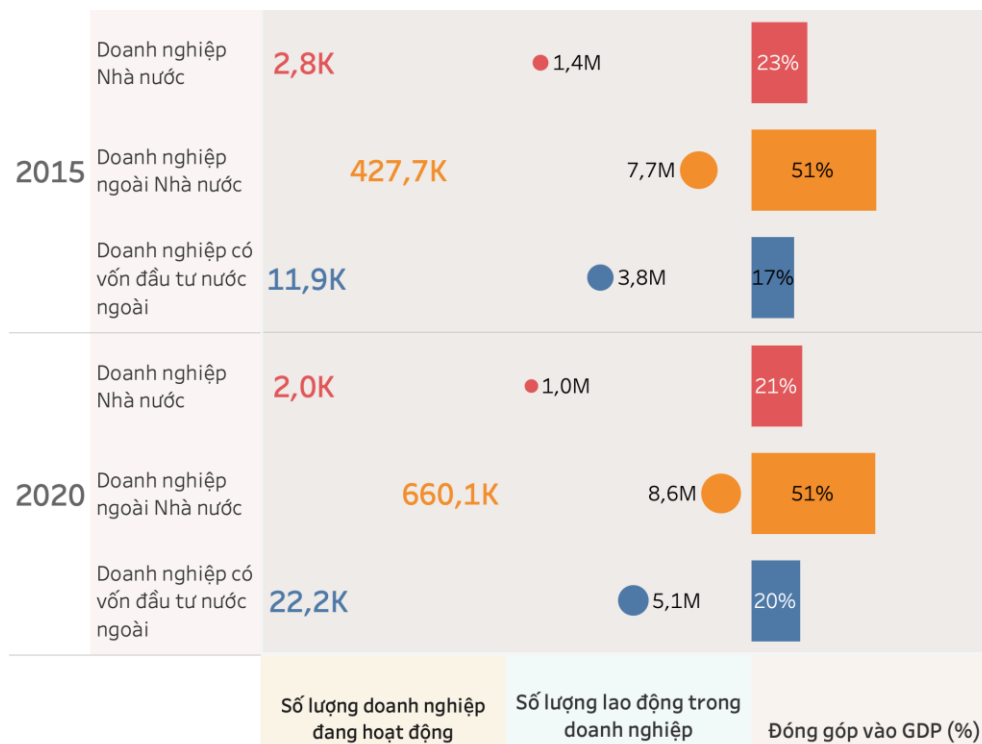
Ngoài ra, việc thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo cũng là yêu cầu cấp thiết. Hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân trong đổi mới sáng tạo, tiếp cận tài chính, đào tạo nhân lực chất lượng cao và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu sẽ giúp khu vực này phát huy tốt hơn vai trò là động lực tăng trưởng của nền kinh tế.

3. Thực trạng hoạt động của khu vực doanh nghiệp tư nhân

3.1. Đóng góp vào sản lượng và tạo việc làm

Hình 2 cho thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ về số lượng của khối doanh nghiệp ngoài nhà nước trong giai đoạn 2015-2020, từ mức 427,7 nghìn lên 660,1 nghìn doanh nghiệp. Cũng trong thời kỳ này, số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã tăng gần gấp đôi từ mức 11,9 nghìn lên 22,2 nghìn doanh nghiệp. Ở chiều ngược lại, số lượng doanh nghiệp nhà nước đã giảm từ 2,8 nghìn xuống còn 2 nghìn do chính sách cổ phần hóa, thoái vốn và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ.

Hình 2. Vai trò của hệ thống doanh nghiệp trong đóng góp vào sản lượng và tạo việc làm



Nguồn: tính toán và minh họa của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

Với sự dịch chuyển số lượng doanh nghiệp theo thành phần kinh tế như kể trên, số lượng lao động trong các doanh nghiệp cũng thay đổi theo chiều hướng tương tự. Tại thời điểm 2020, số lượng lao động trong doanh nghiệp nhà nước chỉ 1 triệu người, trong doanh nghiệp ngoài nhà nước là 8,6 triệu, trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 5,1 triệu người. Tổng thể chung, hệ thống doanh nghiệp tạo việc làm cho khoảng 14,7 triệu người – đây là con số khá khiêm tốn so với quy mô lực lượng lao động của Việt Nam là hơn 50 triệu. Điều này ngụ ý rằng số lượng lao động không chính thức ở Việt Nam là rất lớn, và họ là đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các cú sốc kinh tế khi ít được bảo vệ bởi lưới an sinh xã hội.

Dù có sự dịch chuyển đáng kể về số lượng doanh nghiệp và số lượng lao động sử dụng, nhưng tỷ trọng đóng góp của các doanh nghiệp vào GDP không thay đổi qua nhiều. Mức đóng góp của doanh nghiệp nhà nước giảm từ 23% xuống còn 21%, và mức đóng góp của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 17% lên 20%.

Tổng thể chung, có thể thấy doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh về số lượng, là hai trụ cột quan trọng đối với tạo việc làm và đóng góp đáng kể vào GDP của Việt Nam.

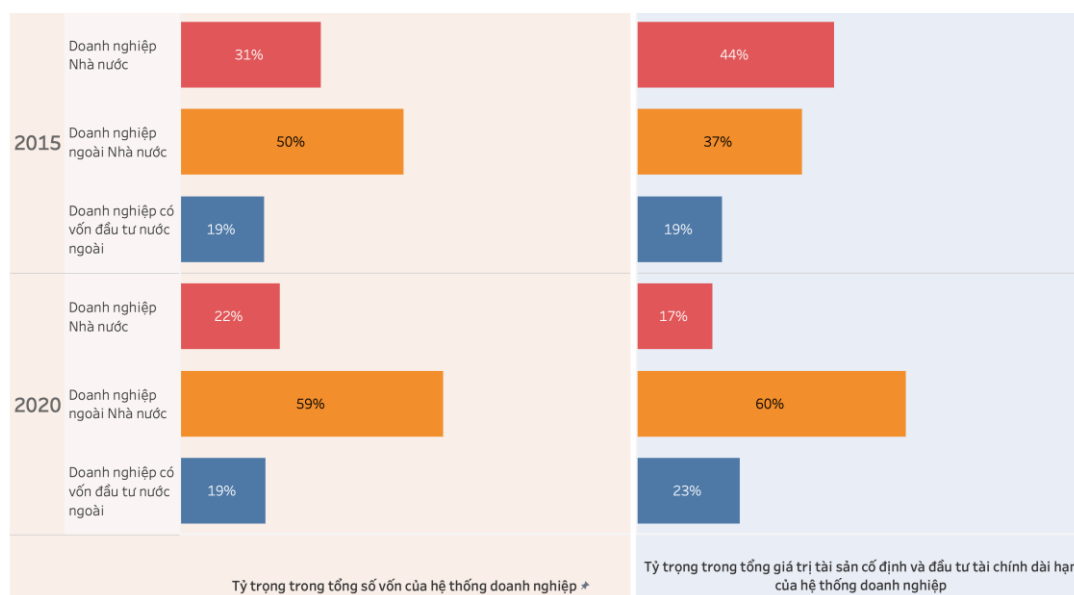
3.2. Sử dụng vốn và tài sản

Từ năm 2015 tới 2020 đã có sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu vốn và tài sản cố định trong hệ thống doanh nghiệp (xem Hình 3). Nếu như tại thời điểm 2015, doanh nghiệp nhà nước chiếm tới 31% vốn và 44% tài sản cố định của hệ thống doanh nghiệp, thì đến năm 2020, số vốn của doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 22% của hệ thống, và giá trị tài sản cố định giảm mạnh xuống mức chỉ là 17% của toàn hệ thống.

Cũng trong giai đoạn này, khối doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng tỷ lệ vốn từ 50% lên 59%, và đặc biệt là tăng tỷ lệ sở hữu tài sản cố định của hệ thống doanh nghiệp từ 37% lên 60%. Đây có thể là kết quả của quá trình cổ phần hóa, thoái vốn và cấu trúc lại khối doanh nghiệp nhà nước.

Phần nắm giữ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cả về vốn lẫn tài sản cố định, nhìn chung giữ ổn định trong giai đoạn này. Điểm thay đổi đáng kể là tỷ trọng giá trị tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong hệ thống doanh nghiệp tăng từ 19% năm 2015 lên mức 23% năm 2020.

Hình 3. Vốn và tài sản cố định trong các doanh nghiệp phân theo thành phần kinh tế

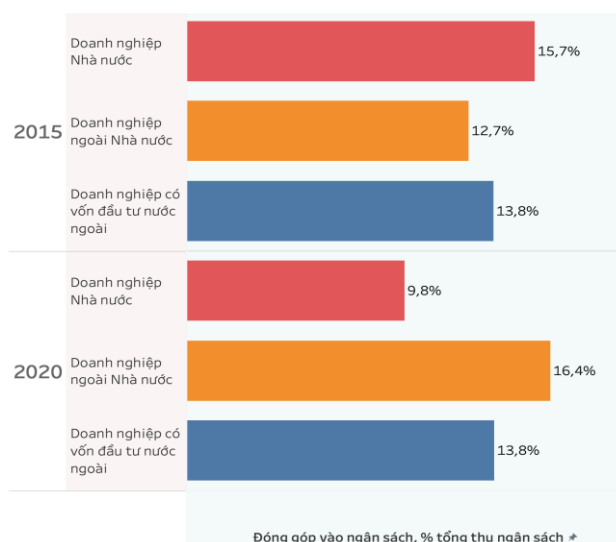


Nguồn: tính toán và minh họa của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

3.3. Đóng góp vào ngân sách

Tại thời điểm năm 2015, trong 3 thành phần kinh tế, khu vực nhà nước với số lượng doanh nghiệp không lớn nhưng đóng góp nhiều nhất vào thu ngân sách quốc gia, với tỷ lệ 15,7% tổng thu ngân sách. Tiếp sau là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tỷ lệ 13,8% (xem Hình 4).

Hình 4. Đóng góp của doanh nghiệp vào thu ngân sách theo thành phần kinh tế



Nguồn: tính toán và minh họa của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

Đến năm 2020, có thể nhận thấy sự hoán đổi vị trí của khu vực doanh nghiệp nhà nước và khối ngoài nhà nước. Doanh nghiệp ngoài nhà nước đã tăng tỷ lệ đóng

góp vào thu ngân sách từ mức 12,7% lên mức 16,4%. Trong khi đó mức đóng góp của doanh nghiệp nhà nước giảm xuống còn 9,8%.

Hình 5 thể hiện top 20 doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất Việt Nam từ năm 2017 đến năm 2021. Có thể nhận thấy sự xuất hiện khá đồng đều từ doanh nghiệp của cả 3 thành phần kinh tế.

Đối với khu vực nhà nước, nhóm doanh nghiệp nộp nhiều thuế thu nhập thuộc các ngành viễn thông (Viettel), ngân hàng (Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank), và khoáng sản (PV Gas, PVN).

Đối với khu vực ngoài nhà nước, các đại diện tiêu biểu thuộc các ngành như ngân hàng (Techcombank, VPBank, MBBank, ACB), và bất động sản (Green City Development, Gia Lam Urban).

Đại diện tiêu biểu của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong danh sách này là các doanh nghiệp đã hoạt động lâu năm trên thị trường Việt Nam như Samsung, Honda, Toyota, Heineken.

Hình 5. Top 20 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nhiều nhất Việt Nam giai đoạn 2017-2021

	2017	2018	2019	2020	2021
1	Viettel	Viettel	Viettel	Viettel	Viettel
2	Honda Vietnam	Honda Vietnam	Vietcombank	Vietcombank	Vietcombank
3	PV Gas	PV Gas	Agribank	Honda Vietnam	Green City Development
4	Vietcombank	Vietcombank	Honda Vietnam	C.P. Group	Techcombank
5	Siam city cement	Samsung Vietnam	Heineken Vietnam	Vietinbank	Vietinbank
6	Vinamilk	Airports Corp. Of Vietnam	Gia Lam Urban	Samsung Thai Nguyen	Honda Vietnam
7	Heineken Vietnam	Techcombank	Samsung Vietnam	Agribank	C.P. Group
8	Samsung Vietnam	Vinamilk	Techcombank	Techcombank	VPBank
9	Vietinbank	Heineken Vietnam	PV Gas	Heineken Vietnam	Gia Lam Urban
10	BIDV	BIDV	Vinamilk	Vingroup	Agribank
11	Airports Corp. Of Vietnam	Vinhomes	BIDV	Samsung Vietnam	Samsung Thai Nguyen
12	Agribank	Vietinbank	Samsung Thai Nguyen	Vinamilk	Vinamilk
13	Mobifone	MBBank	Airports Corp. Of Vietnam	Green City Development	MBBank
14	EVN	Toyota Vietnam	MBBank	BIDV	Heineken Vietnam
15	Phu My Hung Corp.	ACB	ACB	MBBank	Long Hung Coop
16	Hoa Phat Group	PetroVietnam	Mobifone	Gia Lam Urban	BIDV
17	MBBank	SCIC	Vietinbank	ACB	Samsung Vietnam
18	PetroVietnam	Agribank	VPBank	PV Gas	ACB
19	Toyota Vietnam	VPBank	Toyota Vietnam	The Gioi Di Dong	PV Gas
20	Techcombank	Mobifone	Vinhomes	Thai Son Invest Cons Corp.	PetroVietnam

■ Doanh nghiệp nhà nước
■ Doanh nghiệp ngoài nhà nước
■ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Nguồn: tổng hợp và minh họa của tác giả từ công bố của Tổng cục Thuế

Hình 6. Top 20 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo xếp hạng VNR500

	2007	2012	2017	2022
1	Vietsopectro	PVN	Samsung Vietnam	Samsung Thai Nguyen
2	Petrolimex	Petrolimex	EVN	PVN
3	Agribank	VNPT	PVN	EVN
4	VNPT	Samsung Vietnam	Viettel	Petrolimex
5	Petrolimex Saigon	Vietsopectro	Petrolimex	Hoa Phat group
6	Hualon Vietnam	Viettel	Agribank	Viettel
7	Japan Vietnam Petroleum	Sai Gon SJC	Binh Son Refining (BSR)	Vingroup
8	Petrolimex Quang Ninh	EVN	BIDV	Agribank
9	Vietinbank	Vinacomin	VietnamAirlines	The gioi di dong
10	Vietcombank	Agribank	Vinacomin	BIDV
11	FPT	PV Oil	Vingroup	Vinacomin
12	PV Gas	PV Gas	Trung Hai group	Binh Son Refining (BSR)
13	BIDV	Vietinbank	PV Gas	Vietinbank
14	Honda Vietnam	PVEP	Vietinbank	Masan group
15	Sai Gon SJC	Honda Vietnam	VNPT	Doji group
16	PETEC	BIDV	C.P. Group	Vietcombank
17	Canon Vietnam	VietnamAirlines	Vinamilk	C.P. Group
18	EVN HCMC	EVN NPC	Doji group	PV Gas
19	Mobifone	EVN SPC	Vietcombank	VPBank
20	Saigon Petro	Vietcombank	Masan group	Vinamilk

■ Doanh nghiệp nhà nước
■ Doanh nghiệp ngoài nhà nước
■ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Nguồn: tổng hợp và minh họa của tác giả từ danh sách VNR500

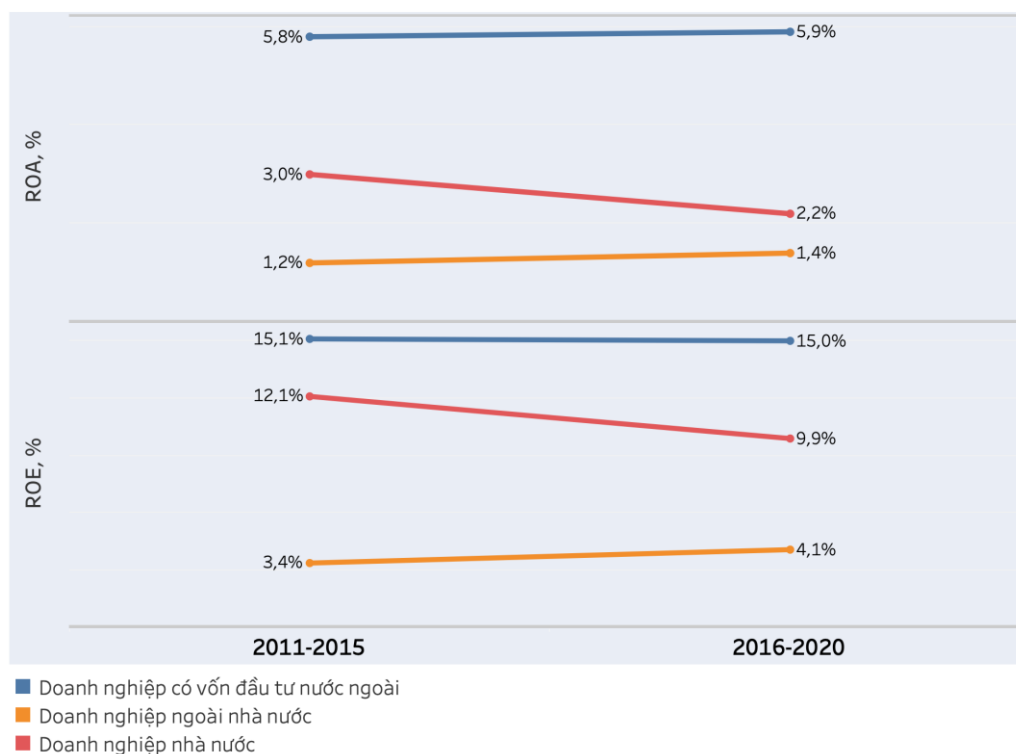
Hình 6 cung cấp danh sách các doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo xếp hạng VNR500 trong giai đoạn 2007-2022. Có thể dễ dàng nhận thấy sự thay đổi về thành phần kinh tế trong bảng xếp hạng này. Từ 2007-2012, tập đoàn FPT là đại diện duy nhất của khối doanh nghiệp ngoài nhà nước trong danh sách. Trong giai đoạn này, các doanh nghiệp nhà nước thống trị bảng danh sách. Chỉ một số ít doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như Samsung, Honda có tên trong danh sách và duy trì được vị trí trong danh sách.

Bước sang giai đoạn 2017-2022, dễ dàng nhận thấy sự xuất hiện của các doanh nghiệp tư nhân trong bảng xếp hạng. Điều này cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của khối doanh nghiệp ngoài nhà nước trong thời gian vừa qua.

3.4. Hiệu quả hoạt động

Xét theo thành phần kinh tế, hiệu quả hoạt động của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tốt hơn hẳn 2 khối doanh nghiệp còn lại (xem Hình). Nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng duy trì ổn định tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) ổn định theo thời gian.

Hình 7. ROA và ROE của doanh nghiệp phân theo thành phần kinh tế qua các giai đoạn



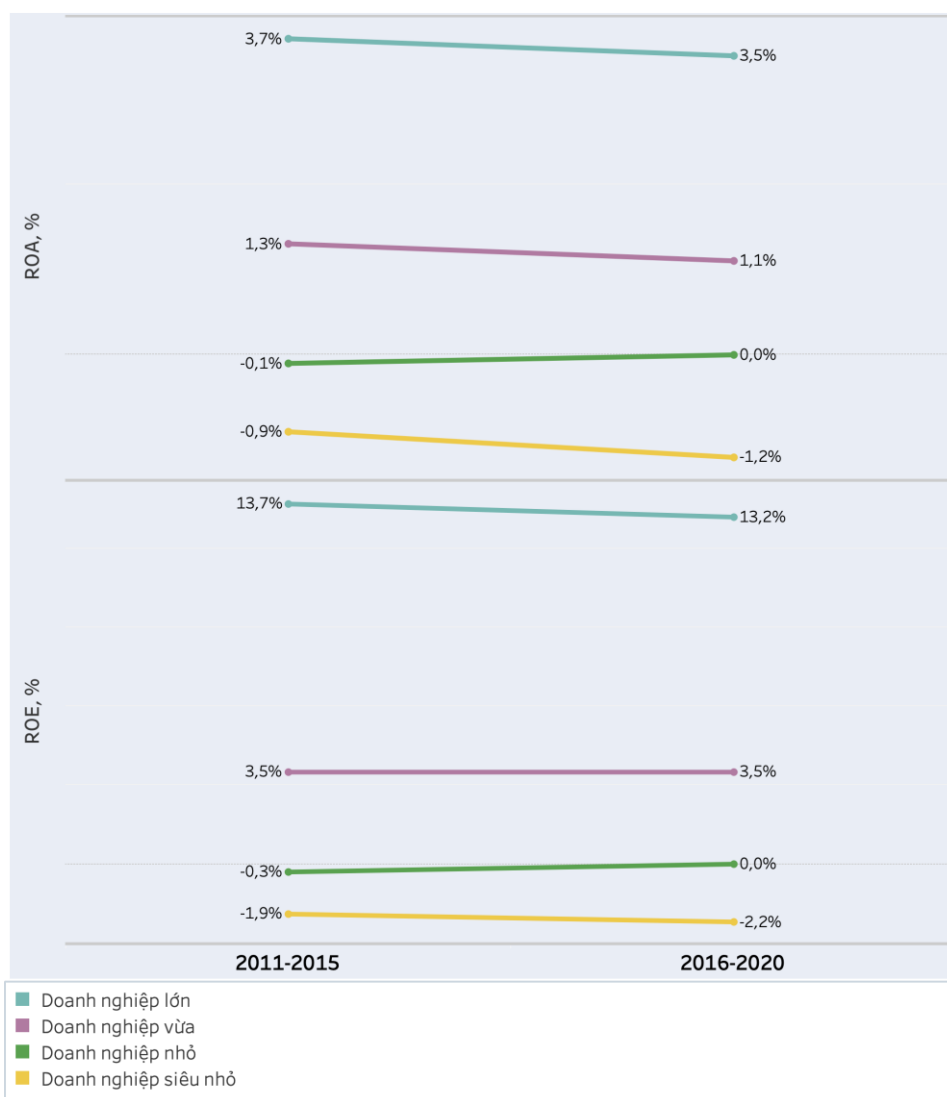
Nguồn: tính toán và minh họa của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

Các doanh nghiệp nhà nước có tỷ lệ ROA giảm từ 3,0% giai đoạn 2011-2015 xuống còn 2,2% trong giai đoạn 2016-2020. Tương tự như vậy, chỉ tiêu ROE của nhóm này cũng giảm từ mức 12,1% xuống 9,9% trong cùng thời kỳ.

Hiệu quả hoạt động của khu vực ngoài nhà nước, dù thấp hơn hai khối doanh nghiệp còn lại, nhưng cũng có những cải thiện từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020.

Xét theo quy mô doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp lớn đạt hiệu quả hoạt động ổn định và tốt hơn hẳn so với 3 nhóm doanh nghiệp còn lại (xem Hình). Trong giai đoạn 2016-2020, chỉ số ROA và ROE của nhóm này lần lượt là 3,5% và 13,2%. Kế tiếp là nhóm doanh nghiệp vừa, với ROA là 1,1% và ROE là 3,5% trong giai đoạn 2016-2020.

Hình 8. ROA và ROE của doanh nghiệp phân theo quy mô qua các giai đoạn



Nguồn: tính toán và minh họa của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

Điểm đáng quan ngại là hiệu quả hoạt động của nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ đều tiêu cực trong cả hai giai đoạn. Với nhóm doanh nghiệp nhỏ, ROA và ROE đều ở mức 0% trong giai đoạn 2016-2020. Với nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ, cả 2 chỉ tiêu này còn tệ hơn, tương ứng ở mức -1,2% và -2,2% trong cùng giai đoạn.

4. Một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển của khu vực doanh nghiệp tư nhân

Kinh tế tư nhân là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân, có vai trò thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển đất nước. Tuy nhiên, để khu vực này phát triển mạnh mẽ, bền vững và đóng góp tích cực hơn nữa vào nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần có những giải pháp đồng bộ, sâu rộng và hiệu quả.

4.1. Hoàn thiện thể chế và cải thiện môi trường kinh doanh

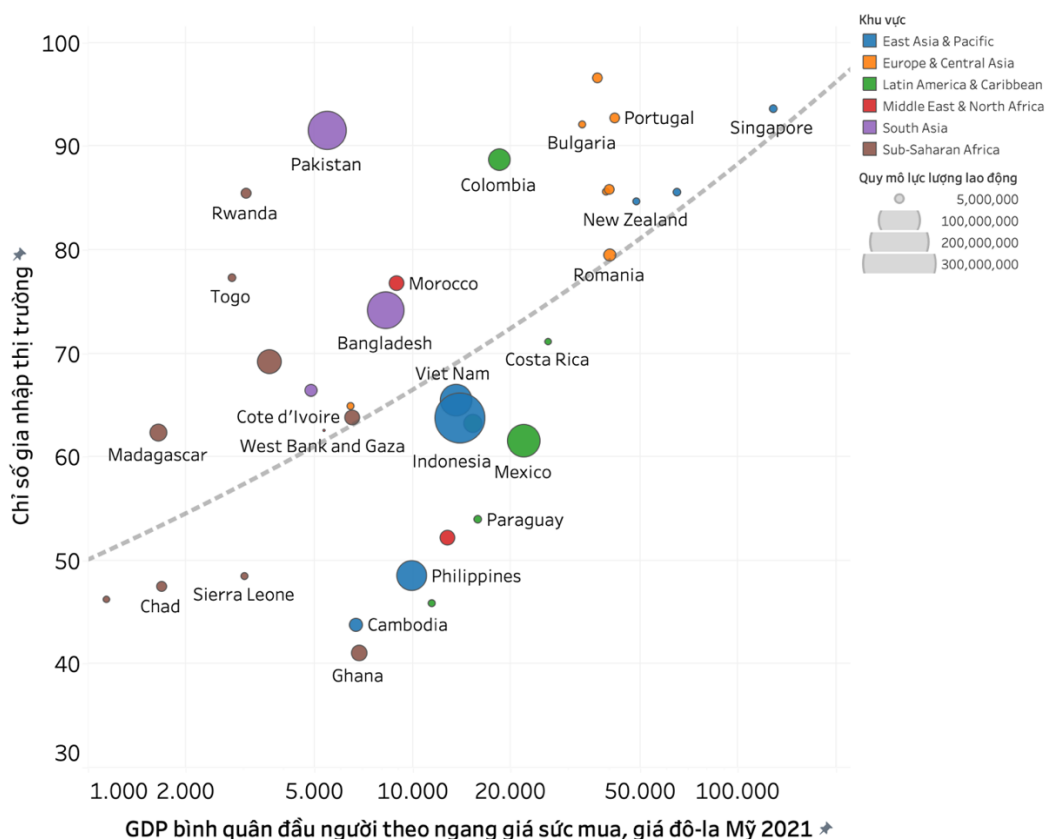
Việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền tảng để khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Trọng tâm là xây dựng khung pháp lý rõ ràng, đồng bộ, ổn định và minh bạch, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và quyền sở hữu tài sản. Đồng thời, cần xóa bỏ những rào cản không cần thiết và tình trạng phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, tạo điều kiện bình đẳng trong tiếp cận tài nguyên, đất đai và cơ hội đầu tư.

Cải cách hành chính phải được đẩy mạnh với tinh thần phục vụ, lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Việc cắt giảm thủ tục không cần thiết, chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ số vào quản lý nhà nước sẽ giúp giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Sự đơn giản hóa trong tiếp cận giấy phép đầu tư, đăng ký kinh doanh hay thủ tục thuế sẽ góp phần khơi thông nguồn lực xã hội.

Bên cạnh đó, cần phát triển đồng bộ các thị trường yếu tố sản xuất như đất đai, lao động, vốn và khoa học - công nghệ. Việc thiết lập một hệ thống tài chính đa dạng, minh bạch, giúp doanh nghiệp tư nhân dễ dàng tiếp cận vốn qua ngân hàng, quỹ đầu tư, thị trường chứng khoán hay các công cụ tài chính mới sẽ tạo động lực lớn cho đầu tư. Song song, chính sách đất đai minh bạch và ổn định là điều kiện để doanh nghiệp an tâm sản xuất, kinh doanh lâu dài.

Hình 9 thể hiện chỉ số gia nhập thị trường - một thước đo quan trọng phản ánh môi trường kinh doanh. Việt Nam ở vị trí gần đường xu hướng trung bình, cho thấy mức độ tương đối phù hợp giữa chỉ số gia nhập thị trường và GDP bình quân đầu người theo sức mua. Cụ thể, Việt Nam có GDP bình quân đầu người ở mức khoảng 13.000 USD (theo giá sức mua năm 2021), nằm trong nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Chỉ số gia nhập thị trường của Việt Nam cũng ở mức trung bình, cao hơn một số quốc gia có thu nhập tương đương như Philippines, Indonesia, Cambodia, nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với các quốc gia phát triển như New Zealand, Singapore hay Romania.

Hình 9. Chỉ số gia nhập thị trường của một số quốc gia trên thế giới, năm 2024



Nguồn: minh họa của tác giả từ số liệu Ngân hàng Thế giới (WB)

Điều này phản ánh thực tế rằng Việt Nam đã đạt được những bước tiến nhất định trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy sự gia nhập thị trường của các doanh nghiệp mới. Tuy nhiên, so với các nước có thu nhập cao, năng lực khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp tại Việt Nam vẫn còn khoảng cách đáng kể, thể hiện qua sự chênh lệch về chỉ số gia nhập thị trường và mức thu nhập.

Đáng chú ý, so với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí tương đối nổi bật, vượt qua nhiều quốc gia có quy mô dân số tương đương. Tuy nhiên, để tiến gần hơn tới nhóm các quốc gia thu nhập cao, Việt Nam cần tiếp tục cải cách mạnh mẽ thể chế kinh tế, nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển doanh nghiệp tư nhân mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

4.2. Nâng cao năng lực cạnh tranh và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tư nhân

Để doanh nghiệp tư nhân thực sự trở thành động lực tăng trưởng, cần có chính sách hỗ trợ mạnh mẽ cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh. Nhà nước nên khuyến

khích các chương trình đào tạo quản trị, tài chính, chiến lược, giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả vận hành và khả năng thích ứng với biến động thị trường. Đặc biệt, hỗ trợ về chuyển đổi số sẽ giúp doanh nghiệp tối ưu hóa quy trình, tiếp cận khách hàng mới và cải thiện năng suất.

Đổi mới sáng tạo cần được thúc đẩy thông qua hỗ trợ nghiên cứu và phát triển (R&D), bảo hộ sở hữu trí tuệ, kết nối doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học. Những doanh nghiệp tiên phong trong ứng dụng công nghệ cao cần được hưởng cơ chế ưu đãi riêng về thuế, tín dụng và đào tạo nhân lực. Ngoài ra, việc hỗ trợ phát triển thương hiệu, tiêu chuẩn hóa sản phẩm cũng giúp nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh quốc tế.

Doanh nghiệp tư nhân cần được khuyến khích liên kết với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI, tạo chuỗi giá trị trong sản xuất và phân phối. Các khu công nghiệp hỗ trợ, trung tâm đổi mới sáng tạo, cụm liên kết ngành cần được phát triển để làm nền tảng cho sự hợp tác này. Việc liên kết không chỉ giúp doanh nghiệp tư nhân tận dụng nguồn lực lớn, mà còn học hỏi kỹ năng quản trị hiện đại và chuẩn hóa hoạt động sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế.

4.3. Nâng cao nhận thức xã hội và phát huy vai trò tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp

Nhận thức đúng đắn về vai trò của kinh tế tư nhân là điều kiện để tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội. Cần tiếp tục khẳng định rằng phát triển kinh tế tư nhân là yêu cầu khách quan, phù hợp với tiến trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các cơ quan truyền thông cần tuyên truyền tích cực, tôn vinh doanh nhân tiêu biểu, để nâng cao hình ảnh và vị thế của khu vực này trong tâm thức xã hội.

Bên cạnh đó, việc phát huy vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp, phòng thương mại và các tổ chức trung gian là rất quan trọng. Những tổ chức này không chỉ đại diện cho tiếng nói chung của doanh nghiệp mà còn đóng vai trò cầu nối với cơ quan quản lý nhà nước. Họ có thể cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ pháp lý, xúc tiến thương mại và giúp doanh nghiệp cập nhật chính sách, nâng cao khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh.

Cuối cùng, cần tạo điều kiện để phát triển mạng lưới dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp như tư vấn tài chính, marketing, công nghệ và pháp lý. Đồng thời, thúc đẩy hình thành các nền tảng kết nối doanh nghiệp tư nhân với chuyên gia, nhà đầu tư và các quỹ hỗ trợ. Những nỗ lực này sẽ góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp, giúp doanh nghiệp tư nhân hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững trong môi trường kinh tế ngày càng cạnh tranh và hội nhập sâu rộng.

5. Kết luận

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, khu vực doanh nghiệp tư nhân giữ một vị trí hết sức quan trọng, vừa là lực lượng năng động trong phát triển kinh tế, vừa góp phần hiện thực hóa các mục tiêu xã hội. Sự phát triển mạnh mẽ, bền vững và đúng định hướng của khu vực này không chỉ đóng vai trò thiết yếu trong việc thúc đẩy tăng trưởng GDP, tạo việc làm và cải thiện thu nhập cho người lao động, mà còn góp phần tăng cường sức cạnh tranh quốc gia, củng cố nền tảng kinh tế độc lập, tự chủ. Đồng thời, khu vực tư nhân phát triển còn tạo ra môi trường thuận lợi để lan tỏa đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực xã hội.

Để khu vực doanh nghiệp tư nhân phát huy tốt vai trò của mình, cần có sự hỗ trợ đồng bộ, tích cực từ phía Nhà nước thông qua việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, đất đai và công nghệ. Song song với đó, các doanh nghiệp tư nhân cũng cần chủ động đổi mới tư duy, nâng cao năng lực quản trị, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tham gia tích cực vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

Với sự đồng hành chặt chẽ giữa Nhà nước và doanh nghiệp, khu vực tư nhân sẽ tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những động lực chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn mới, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tài liệu tham khảo

1. Cục Thống kê Việt Nam. Sách trắng doanh nghiệp các năm 2021, 2022, 2023.
2. Nguyễn Hồng Sơn. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Sự phát triển trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới và những vấn đề đặt ra. Tạp chí Cộng sản, ngày 02/03/2025.
3. Nguyễn Thị Ngọc Lan và Trần Thị Ngọc Thuý. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thời kỳ đổi mới. Tạp chí Lý luận chính trị, ngày 04/06/2024.
4. Phạm Thị Tuý. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tạp chí Cộng sản, ngày 18/03/2025.
5. Tô Lâm. Phát triển kinh tế tư nhân – Đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng. Báo Nhân Dân, ngày 17/03/2025.
6. World Bank. World Development Indicators.

SINH VIÊN KHOA MARKETING ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN THÍCH ỨNG VỚI BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TÍCH CỰC TRONG NHIỆM VỤ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Huỳnh Văn Khải

Chi bộ khoa Marketing

Tóm tắt: *Hiện nay, chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Không nằm ngoài xu thế đó, đẩy mạnh chuyển đổi số trở thành “vũ khí” sắc bén trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Chuyển đổi số mang đến nhiều cơ hội đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức, yêu cầu với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Là thế hệ tiên phong trong các nền tảng số, sinh viên Khoa Marketing của Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU) song song học tập cũng cần phải trau dồi, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng để giúp sức cho công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.*

Chuyển đổi số với công tác bảo vệ nền tảng trên không gian mạng

Việt Nam là một trong những quốc gia có tỷ lệ sử dụng Internet, mạng xã hội thuộc top đầu trên thế giới. Theo báo cáo Digital Việt Nam 2025 của We Are Social & Meltwater-25, ghi nhận vào tháng 2/ 2025, Việt Nam có 79,8 triệu người dùng internet, chiếm 78,8% tổng dân số (101 triệu người). So với cùng kỳ năm ngoái, số lượng người dùng internet đã tăng thêm 0,3% (223.000 người). Trung bình mỗi người dành hơn 6 giờ/ngày để truy cập internet trên các thiết bị như: Điện thoại thông minh: 95,4% (+0,9%); Laptop hoặc máy tính cá nhân: 60,1% (+7%); Máy tính bảng: 30,2% (+3,9%) (1).

Internet và mạng xã hội trở thành công cụ hữu hiệu giúp con người nắm bắt, tiếp cận thông tin mọi lúc mọi nơi. Đây cũng là “vũ khí” sắc bén trong công tác tuyên truyền, triển khai đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước đến gần hơn với nhân dân. Tuy nhiên, nó cũng trở thành công cụ hàng đầu để các thế lực thù địch, phản động gây nhiễu loạn dư luận xã hội, lôi kéo người dân tham gia vào các hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước ta.



Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. (Nguồn: Internet)

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng là trách nhiệm của toàn thể, cán bộ, đảng viên và mỗi người dân. Chiến đấu với các thế lực thù địch trên “mặt trận không có tiếng súng” đòi hỏi chúng ta phải hết sức tỉnh táo, đoàn kết, nhận diện và kịp thời phản bác luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Các thế lực thù địch, phản động tận dụng không gian mạng để chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng qua một số hình thức tinh vi như sau:

Một là, tận dụng triệt để các nền tảng mạng xã hội như: Facebook, Tiktok, Instagram để tung tin “hoả mù” với hàng loạt bài phân tích, bình luận xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hay ca ngợi chính sách, đường lối, văn hoá, đời sống của các “nước khác” gây nhận thức lệch lạc cho công chúng.

Đặc biệt, các thế lực thù địch còn lập nhiều fanpage, website để lôi kéo người dân tham gia các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước như: Việt Tân; Nhật ký yêu nước; Nước mắt tháng hè; Đô Thành Sài Gòn; Hội Anh Em Dân Chủ (2) Tại các trang mạng này chúng xây dựng kịch bản để lật ngược sự thật, bôi đen lịch sử, đề cao sự phồn vinh của chế độ Việt Nam Cộng Hoà... Thậm chí, lợi dụng mạng xã hội để bôi nhọ nhân phẩm, danh dự của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta gây hoang mang cho nhân dân.

Hai là, những kẻ “cơ hội chính trị”, chúng sẽ lợi dụng khó khăn, hạn chế trong

phát triển kinh tế - xã hội ở một số địa phương để phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta. Trong đó, chúng cũng thường xuyên đăng tải bài viết với nội dung như: nhân danh công lý, đòi quyền lợi cho nhân dân... để chiếm lòng tin của công chúng và tạo dựng “ngọn cờ” phản động.

Ba là, lợi dụng không gian mạng phát tán các văn kiện, nghị quyết, nghị định giả mạo nhằm kích động, chia rẽ nội bộ, làm lung lay lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt, các thế lực thù địch còn lan truyền các thông tin sai sự thật, đánh tráo khái niệm, phủ nhận công lao của các chiến sĩ công an, quân đội trong các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, lợi dụng mạng xã hội để xây dựng các cuộc “biểu tình online”. Cụ thể, chúng lợi dụng mạng xã hội để lôi kéo những người có bản lĩnh chính trị không vững vàng, đặc biệt người dân tộc thiểu số tham gia các hội nhóm phản động. Đồng thời, kích động họ có hành vi chống phá chính quyền địa phương và sự việc khủng bố ngày 11/06/2023 tại huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk là một minh chứng.

Năm là, tận dụng triệt để thành tựu khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo để thiết kế các sản phẩm truyền thông đa phương tiện như bài viết, ảnh, video để lan truyền các thông tin sai sự thật, suy diễn, phân tích về các đường lối, chủ trương của Đảng ta. Thậm chí, chúng còn trở thành các “nhà báo mạng” chuyên khai thác, thu thập thông tin sai phạm của một số cán bộ, đảng viên để quy chụp cho Đảng là suy thoái, biến chất.

Hoạt động chống phá của các thế lực, thù địch trên không gian mạng đang diễn ra vô cùng mạnh mẽ và không thể xem nhẹ. Trước bối cảnh chuyển đổi số như hiện nay, yêu cầu đặt ra với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng càng cấp thiết hơn bao giờ hết.

Những yêu cầu cấp thiết đặt ra với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng trên không gian mạng

Trong bối cảnh chuyển đổi số như hiện nay, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan lý luận, lực lượng chuyên trách mà của toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân. Để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này cần chú trọng đáp ứng một số yêu cơ bản sau:

Một là, nhận thức đúng vai trò của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng trên không gian mạng. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng là nhiệm vụ vô cùng cấp bách trong bối cảnh chuyển đổi số. Theo đó, cần tăng cường giáo dục lý luận chính trị, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cán bộ,

đảng viên và toàn thể nhân dân. Đặc biệt, tuyên truyền và triển khai rộng rãi bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng như: Cẩn nang phòng, chống tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng; Chấp hành tốt Luật An ninh mạng; Luật An toàn thông tin mạng....Đồng thời, triển khai linh hoạt, hiệu quả Nghị quyết số 35 - NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Kiên quyết đấu tranh phản bác luận điệu sai trái, hành vi lệch chuẩn trên không gian mạng. Các cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải là bộ phận tiên phong trong tuyên truyền, lan toả chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên mạng xã hội.



Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu đặt ra với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng là vô cùng cấp thiết (Nguồn: Viettimes)

Hai là, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước trên không gian mạng. Trong Nghị quyết số 35 - NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu rõ phải đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền chính trị. Nếu các thế lực thù địch sử dụng mạng xã hội như một “mảnh đất màu mỡ” để thực hiện các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước thì chúng ta cũng phải sử dụng mạng xã hội như một vũ khí đặc biệt để đấu tranh lại với chúng. Để làm được điều đó, cần đa dạng hoá phương thức truyền tải thông tin như: văn bản, video, infographic, podcast... để công chúng dễ tiếp nhận, thấm nhuần tư tưởng của Đảng. Đặc biệt, cần “mềm hoá” nội dung giáo dục chính trị để người tiếp cận không cảm thấy khô cứng mà được dẫn dắt tự nhiên bởi sự hấp dẫn, tính thời sự và giá trị lan toả.

Ba là, xây dựng lực lượng đấu tranh trên không gian mạng có bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn cao. Để đấu tranh với những thủ đoạn tinh vi của các thế lực thù địch, các cơ quan tổ chức nhà nước nên xây dựng và tăng cường hoạt động trên các trang tin điện tử, fanpage để chia sẻ, đăng tải các thông tin chính thống. Thông qua đó, nhân dân có thể tiếp cận chính thống để không bị lôi kéo, hoang mang bởi những tin “hoả mù” mà các thế lực thù địch đưa ra. Bên cạnh đó, cũng cần đổi mới, đa dạng hình thức truyền tải, lan toả thông tin để phù hợp với thời đại công nghệ 4.0 hiện nay.

Bốn là, đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số, văn hoá số rộng rãi cho công chúng để họ có hành vi chuẩn mực khi tham gia mạng xã hội. Cụ thể, trước khi chia sẻ, bình luận bất kỳ một thông tin nào trên mạng xã hội cần kiểm soát ngôn từ đồng thời xác minh tính chính xác của thông tin đó để trở thành người sử dụng mạng thông tin, không bị “dắt mũi” bởi các thế lực thù địch, phản động.

Năm là, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực cho các lực lượng tham gia quản lý nội dung số từ Trung ương đến địa phương. Đồng thời, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ phục vụ công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Trong đó, cần chú trọng nâng cấp hệ thống kiểm duyệt thông tin để phát hiện những luận điệu sai trái, thông tin giả mạo và kịp thời đính chính, điều hướng dư luận đến thông tin tích cực, chính xác.

Sinh viên Khoa Marketing, Đại học Kinh tế Quốc dân tiên phong trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ như hiện nay, sinh viên không chỉ là người tiếp thu tri thức mà còn là thế hệ năng động, sáng tạo, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Với khả năng nhạy bén trong khoa học công nghệ cùng bản lĩnh chính trị vững vàng, sinh viên Khoa Marketing – Đại học Kinh tế Quốc dân đã tích cực học tập, rèn luyện để tham gia vào công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Ngay từ khi còn ngồi trên ghế giảng đường, sinh viên Khoa Marketing đã ý thức được tầm quan trọng và trách nhiệm của bản thân với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Do vậy, các em luôn nghiêm túc khi tham gia học tập các môn lý luận như: Triết học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng, Pháp luật đại cương... Những môn học này sẽ là nền tảng cơ bản giúp sinh viên hình thành và nâng cao nhận thức chính trị, đặc biệt xây dựng “bộ lọc tư tưởng” để không bị lôi kéo, dụ dỗ bởi thông tin sai trái do đối tượng thù địch đưa ra. Để sinh

viên không cảm thấy khô khan với các môn học lý luận chính, giảng viên nhà trường sử dụng đa dạng các hình thức giảng dạy như: lồng ghép câu chuyện thực tế vào bài giảng, tổ chức sinh viên trải nghiệm thăm quan tại các địa danh lịch sử... qua đó sinh viên được bồi dưỡng về lòng yêu nước, tự hào dân tộc đồng thời nâng cao nhận thức, trách nhiệm với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Nhận thức rõ vai trò của thanh niên trong thời đại công nghệ với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng trên không gian mạng, sinh viên Khoa Marketing luôn cố gắng, phấn đấu “học nữa, học mãi”, cập nhật xu hướng công nghệ mới như: trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), phần mềm phân tích dữ liệu... Qua đó, ứng dụng vào xây dựng các chiến dịch truyền thông để định hướng dư luận xã hội, lan toả, chia sẻ đúng về lịch sử dân tộc, ý nghĩa cuộc cách mạng, các chủ trương, chính sách của Đảng để “dẹp loạn” những thông tin sai lệch của các đối tượng thù địch.



(Sinh viên Khoa Marketing tích cực học tập, trang bị các kiến thức và xu thế công nghệ mới nhất)

Phát huy lợi thế của mình, sinh viên Khoa Marketing – những người có khả năng truyền cảm hứng thông qua các bài viết, hình ảnh, video... đã tích cực tham gia các diễn đàn, hội nhóm trên mạng xã hội để lan toả, chia sẻ các thông tin chính thống, thậm chí lập luận sắc bén để phản bác lại các thông tin giả mạo, sai trái của các đối tượng thù địch, phản động.

Bên cạnh đó, sinh viên Khoa Marketing còn chủ động, năng nổ khi tham gia các hoạt động Đoàn – Hội, tham gia diễn đàn, hội thảo, cuộc thi viết chính luận về

bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, sáng tạo các bài viết, video trên nền tảng số tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nhờ đó, bản lĩnh chính trị của sinh viên ngày càng vững vàng, đồng thời các em rèn luyện được cho mình “cái đầu lạnh” để có hành vi chuẩn mực khi tham gia mạng xã hội.



(Sinh viên Khoa Marketing NEU trong chương trình Tập huấn nội bộ tại

Khu di tích lịch sử K9 Đá Chông, huyện Ba Vì, Hà Nội)

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng không phải trách nhiệm của riêng ai mà của cả cộng đồng, đặc biệt là sinh viên – thế hệ tiên phong trong sử dụng khoa học công nghệ. Với tất cả tri thức, bản lĩnh chính trị được rèn luyện tại Đại học Kinh tế Quốc dân, sinh viên Khoa Marketing đã và đang là những “chiến sĩ trẻ” góp phần giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong không gian mạng – “mặt trận” mới nhưng không kém phần khốc liệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 1, Báo cáo Digital Việt Nam 2025 của We Are Social & Meltwater:
<https://duonggiaphat.vn/digital-viet-nam-2025>
- 2, Danh sách các trang mạng xã hội cần tập trung đấu tranh:
<https://quanuy1hcm.org.vn/wp-content/uploads/2024/05/DS-trang-xau-doc-9.5.pdf>

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH_ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Vũ Nam

Chi bộ Khoa Du lịch và Khách sạn, Trường Kinh doanh

Mở đầu: Ngành du lịch Việt Nam đang trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Với tài nguyên thiên nhiên phong phú, di sản văn hóa đa dạng và con người thân thiện, du lịch không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn quảng bá hình ảnh đất nước ra thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là chiến lược trọng điểm, đồng thời kiên định chủ trương mở cửa, hội nhập quốc tế nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng này, góp phần nâng cao đời sống nhân dân và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển du lịch, đặc biệt việc mở cửa đón khách quốc tế cũng đặt ra nhiều thách thức lớn, đặc biệt là trong việc giữ vững và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Các thế lực thù địch lợi dụng du lịch để tuyên truyền xuyên tạc, phá hoại hình ảnh đất nước, đồng thời nguy cơ “xâm lăng văn hóa” có thể làm mai một bản sắc dân tộc. Do đó, việc xây dựng các giải pháp đồng bộ để phát triển du lịch bền vững, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và kiên định con đường xã hội chủ nghĩa là yêu cầu cấp thiết. Bài viết sẽ phân tích các thách thức, yêu cầu và đề xuất nhiệm vụ cho các đối tượng trong ngành du lịch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong quá trình phát triển du lịch quốc tế.

I. Các quan điểm và nền tảng của Đảng trong phát triển du lịch

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển du lịch được thể hiện rõ nét trong các nghị quyết, chiến lược và văn bản pháp luật, khẳng định du lịch không chỉ là ngành kinh tế mũi nhọn mà còn là lĩnh vực có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội bền vững của đất nước.

Thứ nhất, Đảng xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, có tính liên ngành, liên vùng, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác. Theo Nghị quyết số 08-NQ/TW (2017), du lịch được xem là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Mục tiêu đến

năm 2020 là du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp trên 10% GDP, tạo ra hàng triệu việc làm, thu hút lượng lớn khách quốc tế và nội địa. Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030 tiếp tục nhấn mạnh vai trò này, coi du lịch là động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội và hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại⁴⁰.

Thứ hai, Đảng đặc biệt chú trọng phát triển du lịch bền vững, bao trùm, dựa trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và các chiến lược quốc gia đều nhấn mạnh phát triển nhanh và bền vững dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, đồng thời gắn phát triển văn hóa với du lịch để bảo vệ tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau⁴¹. Nghị quyết số 08-NQ/TW cũng khẳng định bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, giá trị truyền thống tốt đẹp, bảo vệ môi trường và thiên nhiên là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển du lịch. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 định hướng chuyển đổi xanh trong ngành du lịch, giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy tiêu dùng bền vững và nâng cao năng lực chống chịu trước biến đổi khí hậu.

Thứ ba, Đảng đề ra quan điểm phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại. Việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, quảng bá và phục vụ du khách được xem là yếu tố then chốt để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành. Các chủ trương, chính sách như Chỉ thị số 16/2017/CT-TTg và Nghị quyết số 52-NQ/TW về chuyển đổi số đã được ban hành nhằm thúc đẩy phát triển du lịch thông minh, hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước và nâng cao trải nghiệm du khách. Đề án phát triển du lịch thông minh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt nhằm xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh, kết nối hiệu quả các bên liên quan, góp phần đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững.

Có thể nói, quan điểm của Đảng về phát triển du lịch là sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế mạnh mẽ, bảo vệ môi trường và văn hóa truyền thống, đồng thời đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ hiện đại. Đây là nền tảng để ngành du lịch Việt Nam phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả và vị thế trên trường quốc tế.

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phát triển du lịch:

⁴⁰https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quan-triet-va-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/823796/view_content

⁴¹ <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/828175/phat-trien-du-lich-gan-voi-bao-ton,-phat-huy-cac-gia-tri-van-hoa,-bao-ve-moi-truong,-thuc-day-su-phat-trien-ben-vung-trong-boi-canhh-moi.aspx>

Trong phát triển du lịch, nền tảng tư tưởng của Đảng là cơ sở lý luận, kim chỉ nam định hướng cho sự phát triển bền vững, toàn diện và có bản sắc của ngành du lịch. Nền tảng tư tưởng của Đảng, gồm chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là hệ thống lý luận cách mạng sâu sắc, khoa học và nhân văn, được vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Chủ nghĩa Mác-Lênin cung cấp cơ sở phân tích kinh tế - xã hội, chỉ ra con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, trong đó phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò của con người, văn hóa và đạo đức cách mạng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đây chính là kim chỉ nam để ngành du lịch Việt Nam phát triển theo hướng bền vững, có chiều sâu và phù hợp với đặc điểm văn hóa, xã hội của đất nước.

Phát triển du lịch theo nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ là khai thác kinh tế mà còn là bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định phát triển du lịch gắn liền với bảo tồn văn hóa và tăng trưởng xanh, thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong ngành du lịch. Điều này thể hiện sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc phát triển kinh tế hài hòa với văn hóa và môi trường, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững trong thời đại mới. Bên cạnh đó, nền tảng tư tưởng của Đảng còn định hướng phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Đây là biểu hiện của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới sáng tạo và phát triển toàn diện, đồng thời giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Có thể nói, nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là cơ sở vững chắc định hướng cho sự phát triển du lịch Việt Nam theo hướng bền vững, toàn diện, có bản sắc và hội nhập quốc tế. Việc bảo vệ và phát huy nền tảng tư tưởng này là yếu tố quyết định để ngành du lịch phát triển ổn định, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn phát triển du lịch Việt Nam thời gian qua:

Thực tiễn phát triển du lịch Việt Nam trong thời gian qua đã ghi nhận nhiều bước tiến quan trọng, thể hiện rõ vai trò ngày càng lớn của ngành du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Sau hơn 3 năm mở cửa trở lại từ tháng 3/2022, du lịch Việt Nam phục hồi mạnh mẽ với lượng khách quốc tế và nội địa tăng trưởng nhanh. Năm 2024, Việt Nam đón khoảng 17,5 triệu lượt khách quốc tế, đạt mức tương đương thời kỳ trước dịch COVID-19, đồng thời doanh thu du lịch liên tục tăng, góp phần

đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn⁴².

Theo các số liệu chính thức từ Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, năm 2025, ngành du lịch đặt mục tiêu đón từ 22-23 triệu lượt khách quốc tế và phục vụ 120-130 triệu lượt khách nội địa, với tổng doanh thu dự kiến đạt gần triệu tỷ đồng, thể hiện tham vọng phát triển mạnh mẽ và bền vững⁴³. Đây là kết quả của sự chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ từ Đảng, Chính phủ và các bộ ngành, cùng với sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp và địa phương trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, cải thiện chính sách thị thực, xuất nhập cảnh và đẩy mạnh quảng bá du lịch tại các thị trường trọng điểm. Trước đó, Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã đặt ra các mục tiêu cụ thể về tăng trưởng khách du lịch quốc tế và nội địa, mở rộng cơ sở lưu trú, tạo việc làm và đóng góp ngày càng cao vào GDP. Thực tế cho thấy ngành du lịch đã vượt nhiều chỉ tiêu đề ra, với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 11%/năm trong giai đoạn 2011-2020, lượng khách quốc tế tăng liên tục và doanh thu đạt mức cao, góp phần tạo công ăn việc làm cho hàng triệu lao động.

Bên cạnh đó, ngành du lịch Việt Nam đã tích cực ứng dụng chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong quản lý, quảng bá và phát triển sản phẩm du lịch, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng với xu hướng toàn cầu. Đồng thời, công tác quy hoạch phát triển du lịch cũng đã được chú trọng với việc phát triển các vùng du lịch đặc trưng, khu du lịch quốc gia và đô thị du lịch nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng từng vùng miền.

Tuy nhiên, ngành du lịch cũng đang đối mặt với nhiều thách thức như bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời phải thích ứng linh hoạt với biến động kinh tế, xã hội và xu hướng tiêu dùng mới. Do đó, việc tiếp tục hoàn thiện chính sách, tăng cường quản lý, phát triển sản phẩm đa dạng, bền vững và nâng cao chất lượng dịch vụ là yêu cầu cấp thiết để du lịch Việt Nam phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.

II. Các thách thức và yêu cầu đặt ra trong phát triển du lịch gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Các thách thức:

Các thách thức trong phát triển du lịch gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là vấn đề rất phức tạp, đòi hỏi sự nhận diện và xử

⁴² <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/du-lich-viet-nam-buoc-ngoat-vao-thoi-ky-phat-trien-moi-74767.html>

⁴³ <https://bvhttdl.gov.vn/tao-suc-bat-de-du-lich-viet-nam-dat-muc-tieu-cua-nam-2025-20250206142234114.htm>

lý đồng bộ để vừa phát triển kinh tế du lịch, vừa giữ vững định hướng chính trị, văn hóa xã hội.

Trước hết, ngành du lịch Việt Nam đang đối mặt với thách thức về an ninh tư tưởng do các thế lực thù địch lợi dụng sự mở cửa, hội nhập để tuyên truyền xuyên tạc, phá hoại hình ảnh đất nước, kích động tư tưởng chống đối, làm suy yếu niềm tin của nhân dân vào chủ nghĩa xã hội và vai trò lãnh đạo của Đảng. Việc quản lý thông tin, định hướng dư luận trong lĩnh vực du lịch còn hạn chế, chưa đồng bộ, khiến cho các luận điệu sai trái có cơ hội lan truyền, gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền tảng tư tưởng của Đảng⁴⁴.

Thứ hai, nguy cơ “xâm lăng văn hóa” ngày càng rõ nét khi các giá trị văn hóa ngoại lai, không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam có thể thâm nhập qua các sản phẩm, dịch vụ du lịch. Tình trạng khai thác du lịch chưa bền vững, thiếu kiểm soát dẫn đến biến dạng các giá trị văn hóa truyền thống, làm mai một bản sắc dân tộc. Ô nhiễm môi trường, rác thải tại các điểm du lịch nổi tiếng cũng làm suy giảm giá trị cảnh quan và văn hóa địa phương, ảnh hưởng đến hình ảnh đất nước trong mắt du khách quốc tế⁴⁵.

Thứ ba, các thách thức về chất lượng nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng và chính sách còn nhiều bất cập cũng ảnh hưởng đến việc bảo vệ nền tảng tư tưởng. Nguồn nhân lực thiếu chuyên nghiệp, chưa được đào tạo bài bản về nhận thức chính trị và văn hóa, dễ bị tác động tiêu cực từ các yếu tố bên ngoài. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch thiếu đồng bộ, quy định chính sách chưa kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hạn chế khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững⁴⁶.

Thứ tư, sự cạnh tranh gay gắt từ các điểm đến trong khu vực đòi hỏi Việt Nam phải nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển sản phẩm du lịch có bản sắc, đồng thời giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc – một trong những nền tảng tư tưởng quan trọng của Đảng. Nếu không có sự liên kết chặt chẽ giữa các ngành, các địa phương và các chủ thể trong ngành du lịch, khó có thể tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển bền vững và bảo vệ được nền tảng tư tưởng.

Có thể nói, các thách thức trong phát triển du lịch gắn liền với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là sự kết hợp của yếu tố chính trị, văn hóa, môi trường, nguồn

⁴⁴ <https://ttdn.vn/ngghien-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/du-lich-viet-nam-dang-doi-mat-voi-nhung-kho-khan-thach-thuc-nao-91790>

⁴⁵ <https://gobranding.com.vn/du-lich-viet-nam-co-hoi-thach-thuc/>

⁴⁶ <https://ttdn.vn/ngghien-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/du-lich-viet-nam-dang-doi-mat-voi-nhung-kho-khan-thach-thuc-nao-91790>

nhân lực và quản lý nhà nước. Việc nhận diện rõ các thách thức này và triển khai các giải pháp đồng bộ, từ nâng cao nhận thức chính trị, tăng cường quản lý, bảo tồn văn hóa đến phát triển nguồn nhân lực và hạ tầng kỹ thuật, là nhiệm vụ then chốt để ngành du lịch phát triển bền vững, đồng thời giữ vững và phát huy nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Một số yêu cầu đặt ra trong phát triển du lịch gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Một là, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển du lịch: Yêu cầu giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển du lịch đòi hỏi ngành du lịch phải gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời đảm bảo phát triển bền vững, có trách nhiệm và bảo vệ môi trường. Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030 xác định rõ việc phát triển du lịch phải gắn liền với bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Điều này không chỉ giúp du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn mà còn góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và phát triển toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống: Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống là yêu cầu quan trọng trong phát triển du lịch. Điều này đòi hỏi việc phát triển du lịch phải gắn liền với việc bảo vệ và tôn vinh di sản văn hóa, lịch sử của dân tộc. Luật Du lịch quy định phát triển du lịch bền vững phải gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Các sản phẩm du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng được khuyến khích phát triển để vừa khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa và cảnh quan thiên nhiên⁴⁷.

Ba là, nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân: Nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân là yêu cầu thiết yếu để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong phát triển du lịch. Điều này đòi hỏi sự quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương. Việc nâng cao nhận thức giúp họ hiểu rõ vai trò của du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời nhận diện và đấu tranh với các luận điệu sai trái, bảo vệ hình ảnh đất nước và giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc⁴⁸.

⁴⁷ <https://bvhttdl.gov.vn/chien-luoc-phat-trien-du-lich-viet-nam-den-nam-2020-tam-nhin-2030-9763.htm>

⁴⁸ <https://thinhvuongvietnam.com/Content/quan-diem-muc-tieu-va-giai-phap-phat-trien-du-lich-viet-nam-den-nam-2030-92921>

III. Trách nhiệm của các bên liên quan trong việc bảo vệ nền tảng, tư tưởng của Đảng trong phát triển du lịch

Các giải pháp và nhiệm vụ cụ thể trong việc phát triển du lịch gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được thể hiện qua việc tăng cường vai trò và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cụ thể:

1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước

Cơ quan quản lý nhà nước đóng vai trò then chốt trong phát triển du lịch gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và quy hoạch phát triển du lịch bền vững, đồng thời bảo vệ môi trường và giá trị văn hóa truyền thống. Việc tăng cường quản lý nhà nước, bảo vệ tài nguyên, đảm bảo an ninh trật tự tại các điểm du lịch cũng là nhiệm vụ quan trọng. Cơ quan quản lý cần đẩy mạnh phát triển sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao, gắn với quảng bá thương hiệu du lịch Việt Nam, đồng thời ứng dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả quản lý và trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, tăng cường liên kết giữa các bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp, phối hợp chặt chẽ để phát triển điểm đến bền vững. Cuối cùng, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và nhận thức chính trị vững vàng, góp phần xây dựng ngành du lịch phát triển toàn diện, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Đối với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu du lịch

Các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng gắn với phát triển du lịch. Thông qua việc giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nghị quyết của Đảng, các cơ sở này giúp nâng cao nhận thức chính trị, củng cố bản lĩnh tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân lực ngành du lịch, từ đó đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái, thù địch. Đồng thời, họ có trách nhiệm nghiên cứu, đào tạo và định hướng phát triển du lịch theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại, phù hợp với chủ trương của Đảng về kinh tế gắn với văn hóa và bảo vệ môi trường. Các cơ sở này còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong ngành du lịch, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, các chuyên gia của các cơ sở đào tạo, các cơ quan nghiên cứu du lịch cũng có thể tham gia tư vấn, đề xuất các chính sách, chiến lược phát triển du lịch toàn diện, giúp ngành du lịch phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, đồng thời giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

3. Các cơ quan truyền thông

Các cơ quan truyền thông về du lịch không chỉ có trách nhiệm việc tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam thông qua việc giới thiệu các điểm đến du lịch, văn hóa truyền thống và bản sắc dân tộc, góp phần định vị thương hiệu du lịch Việt Nam trên thế giới mà còn có trách nhiệm đấu tranh phản bác các thông tin sai trái, tiêu cực về du lịch Việt Nam bằng cách cung cấp thông tin chính xác, khách quan, giúp bảo vệ hình ảnh của ngành du lịch và đất nước. Trong hoạt động của mình, các cơ quan này cần được định hướng và xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, lồng ghép các hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch với các nội dung liên quan đến bảo vệ tư tưởng, nền tảng của Đảng.

4. Trách nhiệm của các doanh nghiệp du lịch

Doanh nghiệp du lịch và hướng dẫn viên du lịch giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong quá trình phát triển ngành. Doanh nghiệp phải tuân thủ pháp luật, chính sách của Đảng, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững, có trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Việc ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời góp phần thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Doanh nghiệp cần đảm bảo chất lượng dịch vụ, minh bạch trong kinh doanh và tích cực quảng bá hình ảnh du lịch Việt Nam. Trong kinh doanh du lịch, hướng dẫn viên du lịch, với vai trò là người truyền tải thông tin trực tiếp đến du khách, có trách nhiệm định hướng tư tưởng, giáo dục văn hóa, lịch sử và truyền đạt các giá trị tư tưởng của Đảng. Họ cần nâng cao trình độ chuyên môn, giữ vững lập trường, phản bác các thông tin sai lệch, góp phần bảo vệ uy tín ngành và nền tảng tư tưởng của Đảng. Qua đó, doanh nghiệp và hướng dẫn viên cùng góp phần xây dựng ngành du lịch phát triển bền vững, lành mạnh, đồng thời giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

5. Cộng đồng địa phương

Cộng đồng địa phương giữ vai trò thiết yếu trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua việc nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc trong phát triển du lịch. Việc duy trì và truyền lại các giá trị văn hóa, phong tục tập quán không chỉ giúp bảo vệ di sản văn hóa mà còn tạo nên sức hấp dẫn đặc trưng cho du lịch địa phương, đồng thời khẳng định vai trò của Đảng trong việc phát triển kinh tế gắn liền với văn hóa. Cộng đồng cần tích cực tham gia vào các hoạt động du lịch cộng đồng, chủ động hợp tác với các doanh nghiệp và cơ quan quản lý để xây dựng môi trường du lịch lành mạnh, bền vững, góp

phần nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm du khách. Bên cạnh đó, cộng đồng có trách nhiệm giám sát, phát hiện và phản ánh kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực du lịch, như khai thác trái phép, gây ô nhiễm môi trường hay các hành vi làm tổn hại đến hình ảnh du lịch, từ đó bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân và giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng trong phát triển du lịch.

Tóm lại, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong phát triển du lịch là nhiệm vụ then chốt, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ và nỗ lực không ngừng từ các cấp, các ngành và toàn xã hội. Đảng đã có nhiều nghị quyết và chỉ đạo liên quan đến phát triển du lịch và ngành du lịch Việt Nam cũng đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ trong thời gian qua. Tuy nhiên, để phát triển du lịch nhanh và mạnh hơn nữa, đồng thời bảo vệ vững chắc được nền tảng và tư tưởng của Đảng trong quá trình phát triển, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan cần bám sát đường lối, quan điểm của Đảng, phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong phát triển du lịch. Có như vậy, chúng ta mới có thể phát triển du lịch bền vững, hiệu quả, đồng thời giữ vững và phát huy nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành TW Đảng (2021), “Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc khóa XIII”.
2. Ban chấp hành TW Đảng (2014), “Nghị quyết 33/NQ-TW ngày 06/9/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu PTBV đất nước”.
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2020), “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030”.
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2024), Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
5. Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4
6. Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (2024). Báo cáo tổng kết năm 2024.
7. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.
8. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

9. https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/quan-triet-va-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/823796/view_content
10. <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/828175/phat-trien-du-lich-gan-voi-bao-ton,-phat-huy-cac-gia-tri-van-hoa,-bao-ve-moi-truong,-thuc-day-su-phat-trien-ben-vung-trong-boi-canhh-moi.aspx>
11. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/du-lich-viet-nam-buoc-ngoat-vao-thoi-ky-phat-trien-moi-74767.html>
12. <https://bvhttdl.gov.vn/tao-suc-bat-de-du-lich-viet-nam-dat-muc-tieu-cua-nam-2025-20250206142234114.htm>
13. <https://ttdn.vn/nghien-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/du-lich-viet-nam-dang-doi-mat-voi-nhung-kho-khan-thach-thuc-nao-91790>
14. <https://gobranding.com.vn/du-lich-viet-nam-co-hoi-thach-thuc/>
15. <https://ttdn.vn/nghien-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/du-lich-viet-nam-dang-doi-mat-voi-nhung-kho-khan-thach-thuc-nao-91790>
16. <https://bvhttdl.gov.vn/chien-luoc-phat-trien-du-lich-viet-nam-den-nam-2020-tam-nhin-2030-9763.htm>
17. <https://thinhvuongvietnam.com/Content/quan-diem-muc-tieu-va-giai-phap-phat-trien-du-lich-viet-nam-den-nam-2030-92921>

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SÁNG TẠO

Đào Minh Ngọc

Chi bộ Khoa Du lịch và Khách sạn, Trường Kinh doanh

Mở đầu

Trong tiến trình phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng, vừa góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra thế giới. Lập trường kiên định của Đảng Cộng sản Việt Nam là phát triển du lịch bền vững, theo hướng hội nhập quốc tế nhằm khai thác các thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đặc sắc, góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Ở bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhu cầu của khách du lịch cũng có nhiều thay đổi. Các chương trình du lịch không còn đơn thuần là tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí mà ngày càng đòi hỏi những trải nghiệm cá nhân hóa, tính sáng tạo và sự ứng dụng mạnh mẽ của các thành tựu kỹ thuật. Do đó, phát triển du lịch Việt Nam theo hướng đổi mới, sáng tạo là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, việc phát triển du lịch sáng tạo phải luôn gắn liền với việc bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam. Du lịch sáng tạo vừa phải đáp ứng các yêu cầu mới của thị trường quốc tế, vừa phải góp phần khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc, lan tỏa những giá trị cốt lõi về lịch sử, truyền thống và sự đổi mới, sáng tạo. Bài viết đề cập đến các quan điểm và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển du lịch và công nghiệp sáng tạo. Trên cơ sở đó phân tích một số thách thức, yêu cầu và đề xuất nhằm phát triển du lịch sáng tạo ở Việt Nam trên cơ sở kiên định Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xu thế hội nhập.

1. Quan điểm và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp 4.0, Đảng đặc biệt nhấn mạnh vai trò của du lịch và công nghiệp văn hóa là những lĩnh vực trọng yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế. Quan điểm định hướng này được thể hiện trong các Nghị quyết, Chiến lược, Văn kiện, Chính sách của Đảng và Chính phủ.

Chủ trương của Đảng về phát triển công nghiệp văn hóa, sáng tạo gắn với xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước được thể hiện xuyên suốt. Tại Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014, Đảng đã khẳng định *“Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Có chế độ khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội phát triển. Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa”*. Hiện nay, công nghiệp văn hóa được Việt Nam xác định gồm 12 lĩnh vực đó là: Quảng cáo, Kiến trúc, Phần mềm và các trò chơi giải trí, Thủ công mỹ nghệ, Thiết kế, Điện ảnh, Xuất bản, Thời trang, Nghệ thuật biểu diễn, Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, Truyền hình và phát thanh, Du lịch văn hóa ⁴⁹.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng cũng đã đề ra nhiệm vụ *“Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam”*. Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021 đã nhấn mạnh cần *“Khẩn trương phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh”*.

Từ các quan điểm và nền tảng định hướng nêu trên, năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 phê duyệt *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Với quan điểm các ngành công nghiệp văn hóa là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên sự sáng tạo, khoa học công nghệ và bản quyền trí tuệ nhằm khai thác tối đa các yếu tố kinh tế của các giá trị văn hóa được xác định là một trong những nhiệm vụ then chốt cho sự phát triển ở giai đoạn mới.

Ở lĩnh vực du lịch, Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng chính phủ đã đề cập rõ mục tiêu đến 2030 của ngành du lịch Việt Nam là *“phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, có giá trị gia tăng cao và tăng trải nghiệm cho khách du lịch dựa trên lợi thế về tài nguyên của từng vùng, địa phương, phù hợp*

⁴⁹ PGS.TS. Bùi Hoài Sơn (2022), Một số điểm nghẽn trong phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam, Kỷ yếu Hội nghị đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Quyết định số 1755/QĐ-TTg “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”

với nhu cầu thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của du lịch Việt Nam”, đồng thời “Chú trọng phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử, truyền thống của dân tộc; tập trung khai thác thế mạnh ẩm thực đa dạng, đặc sắc của các vùng, miền để hình thành sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt, có lợi thế cạnh tranh, góp phần tạo dựng thương hiệu nổi bật của du lịch Việt Nam”... “Tiếp tục phát triển sản phẩm du lịch đô thị, du lịch hội nghị, hội thảo, sự kiện (MICE); du lịch kết hợp mua sắm, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, giải trí, đặc biệt là giải trí về đêm”⁵⁰.

Năm 2024, Thủ tướng chính phủ ban hành Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2024 về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững trong đó có đề cập đến việc khuyến khích phát triển các loại hình du lịch văn hóa, đặc biệt là du lịch di sản, du lịch tâm linh..., xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ du lịch tại các địa điểm có di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, các bảo tàng, nhà hát, trung tâm điện ảnh, làng nghề thủ công truyền thống, khu vui chơi giải trí.... Và một trong số những nhiệm vụ trọng tâm được đặt ra đó là phải phát triển du lịch thông minh, đẩy nhanh ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và gia tăng trải nghiệm cho khách du lịch; xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh để kết nối hạ tầng dịch vụ du lịch; tăng cường ứng dụng công nghệ xanh, sạch trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ và cơ sở lưu trú du lịch, thực hiện các chính sách hỗ trợ nguồn lực cho người dân tham gia phát triển du lịch cộng đồng; gắn phát triển du lịch văn hóa với trải nghiệm đời sống cộng đồng để nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa.

Ngành Văn hóa, thể thao và du lịch đã triển khai một số Chương trình hành động và nhiệm vụ nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng trong Nghị quyết Đại hội XIII và Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Văn bản về các mô hình quản lý khu du lịch quốc gia đã được thiết lập năm 2021 và Hoàn thành lập "Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050". Tại các văn bản, chương trình hành động cụ thể này, việc phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, mang tính mới ở mỗi địa phương, mỗi vùng, phù hợp với lợi thế tài nguyên du lịch, các giá trị văn hóa đặc trưng, nổi trội, độc đáo, khác biệt được đề cập rất rõ. Cùng với đó là việc hỗ trợ phát triển các loại hình du lịch mới, mang tính sáng tạo như du lịch nông nghiệp, nông thôn; du lịch công nghiệp; du lịch chăm sóc sức khỏe; du lịch cộng đồng gắn với các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc; phát triển sản phẩm, dịch vụ du

⁵⁰ Mục 6, phần III. Giải pháp ghi tại Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng chính phủ

lịch về đêm tại các đô thị, trung tâm du lịch, các khu du lịch, điểm du lịch đông khách du lịch; phát triển các loại hình du lịch thể thao có tiềm năng, thế mạnh phát triển tại Việt Nam⁵¹.

Như vậy, trong phát triển du lịch, nền tảng tư tưởng của Đảng là cơ sở lý luận, kim chỉ nam định hướng cho sự phát triển bền vững, toàn diện và có bản sắc của ngành du lịch. Nền tảng tư tưởng của Đảng, gồm chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là hệ thống lý luận cách mạng sâu sắc, khoa học và nhân văn, được vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Chủ nghĩa Mác-Lênin cung cấp cơ sở phân tích kinh tế - xã hội, chỉ ra con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, trong đó phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò của con người, văn hóa và đạo đức cách mạng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đây chính là kim chỉ nam để ngành du lịch Việt Nam phát triển theo hướng bền vững, có chiều sâu và phù hợp với đặc điểm văn hóa, xã hội của đất nước.

Tiềm năng phát triển du lịch sáng tạo của Việt Nam

Việt Nam có nhiều điều kiện và cơ hội để phát triển du lịch sáng tạo nhờ tài nguyên du lịch phong phú với các giá trị văn hóa truyền thống đa dạng, ẩm thực hấp dẫn, thắng cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng du lịch và công nghệ thông tin phát triển nhanh cũng giúp du khách dễ dàng tiếp cận với những xu hướng mới của xã hội. Việc phát triển du lịch sáng tạo tại Việt Nam góp phần làm đa dạng và nâng cao chất lượng cho hệ thống sản phẩm du lịch, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm; bảo tồn giá trị văn hóa, thu hút sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch; phát triển thương hiệu du lịch độc đáo, thu hút khách du lịch thông qua hiệu ứng mạng xã hội. Bước đầu, đã có một số nội dung của phát triển du lịch sáng tạo đã được đề cập ở nhiều góc độ và cấp độ như chính sách, quy định của nhà nước, quy hoạch, phát triển cấp địa phương và phát triển sản phẩm du lịch sáng tạo.

Tuy nhiên, phát triển du lịch sáng tạo ở Việt Nam phải luôn song hành với việc giữ gìn và bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam bởi lẽ du lịch sáng tạo phải được đặt trong khuôn khổ định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy việc tôn vinh giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc, khơi dậy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc làm trọng tâm. Việc sáng tạo trong du lịch không chỉ để đáp ứng nhu cầu thị trường mà còn phải phục vụ mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản

⁵¹ Trích theo Chương trình hành động phát triển du lịch giai đoạn 2021 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2292/QĐ-BVHTTDL

sắc dân tộc, đồng thời đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch lợi dụng du lịch để xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ hình ảnh quốc gia. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong phát triển du lịch sáng tạo vì thế không chỉ là yêu cầu lý luận mà còn là nhiệm vụ thực tiễn cấp thiết, nhằm xây dựng ngành du lịch Việt Nam bền vững, hiện đại mà vẫn mang đậm dấu ấn bản sắc dân tộc và lý tưởng cách mạng.

2. Những thách thức và yêu cầu đặt ra trong phát triển du lịch sáng tạo gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1. Những thách thức đặt ra trong phát triển du lịch sáng tạo gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự bùng nổ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển du lịch sáng tạo trở thành yêu cầu tất yếu đối với ngành du lịch Việt Nam nhằm nâng cao sức cạnh tranh, gia tăng giá trị gia tăng và đa dạng hóa sản phẩm. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra nhiều thách thức đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thách thức đầu tiên, đáng kể nhất là nguy cơ lệch hướng trong tư duy phát triển sáng tạo. Khi phát triển du lịch chạy theo thị hiếu của thị trường khách du lịch mà không quan tâm tới các giá trị văn hóa truyền thống, phát huy bản sắc dân tộc thì sẽ rất dễ xa rời các nền tảng kim chỉ nam quan trọng. Ngoài ra, sự tác động mạnh mẽ của mạng xã hội, dữ liệu lớn và công nghệ cũng khiến cho nhiều luồng tư tưởng xuyên tạc, sai lệch, bôi nhọ hình ảnh quốc gia có thể len lỏi vào Việt Nam thông qua các hoạt động du lịch mang danh sáng tạo. Điều này có thể làm ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức của cộng đồng, của khách du lịch đặc biệt là thế hệ trẻ.

Thách thức lớn tiếp theo đó là sự hạn chế của năng lực sáng tạo nội sinh trong ngành du lịch và sự phối hợp của những lĩnh vực công nghiệp văn hóa, sáng tạo trong phát triển sản phẩm. Nếu không có định hướng thống nhất, xuyên suốt làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động, các ngành, địa phương có thể thực hiện sáng tạo với nhiều quan điểm khác biệt làm chệch hướng đi chung của toàn ngành.

Không những thế, quá trình phát triển du lịch sáng tạo còn đối mặt với nhiều thách thức khác như sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai, xu hướng sinh ngoại dẫn đến khả năng làm phai nhạt bản sắc dân tộc; tình trạng thương mại hóa một cách cực đoan các giá trị văn hóa, lịch sử và truyền thống Việt Nam; sự hạn chế về năng lực, bản lĩnh chính trị, kiến thức của nguồn nhân lực du lịch sáng tạo.

Có thể nói, các thách thức trong phát triển du lịch sáng tạo gắn liền với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là sự kết hợp của yếu tố chính trị, văn hóa, môi trường,

nguồn nhân lực và quản lý nhà nước. Việc nhận diện rõ các thách thức này và triển khai các giải pháp đồng bộ, từ nâng cao nhận thức chính trị, tăng cường quản lý, bảo tồn văn hóa đến phát triển nguồn nhân lực và hạ tầng kỹ thuật, là nhiệm vụ then chốt để phát triển du lịch sáng tạo theo hướng bền vững, đồng thời giữ vững và phát huy nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

2.2. Một số yêu cầu đặt ra trong phát triển du lịch sáng tạo gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trước những thách thức nói trên, yêu cầu đặt ra trong phát triển du lịch sáng tạo gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là phải quán triệt sâu sắc nguyên tắc: đổi mới sáng tạo mạnh mẽ nhưng kiên định bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Phát triển du lịch sáng tạo cần đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy việc tôn vinh lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc và khơi dậy lòng yêu nước làm nội dung cốt lõi. Cần đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong đội ngũ nhân lực làm du lịch, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển sản phẩm sáng tạo với bảo vệ giá trị lịch sử - văn hóa; chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch lợi dụng du lịch để xuyên tạc nền tảng tư tưởng Đảng, làm sai lệch hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Việc hoàn thiện cơ chế chính sách, tăng cường kiểm soát nội dung sáng tạo trong du lịch, và xây dựng môi trường du lịch văn minh, lành mạnh, giàu tính giáo dục sẽ là những giải pháp căn bản để vừa phát triển du lịch sáng tạo, vừa bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

3. Các giải pháp phát triển du lịch sáng tạo gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Để phát triển du lịch sáng tạo gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp cụ thể như sau:

Một là, toàn ngành du lịch cần quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác – Lênin và các quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa, du lịch. Nền tảng tư tưởng này phải luôn được lấy làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động phát triển, bảo tồn và phát huy, sáng tạo trong du lịch.

Hai là, cần thực hiện các chiến lược, hoạt động, chương trình nhằm tăng cường giáo dục chính trị, nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam cho đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nghiệp du lịch, nghệ sĩ và cộng đồng sáng tạo. Điều này sẽ giúp bảo đảm phát triển du lịch sáng tạo luôn thấm nhuần giá trị cách mạng, truyền thống dân tộc và nền tảng tư tưởng kiên định của Đảng.

Ba là, cần xây dựng và thực thi các chính sách ưu tiên phát triển các chương trình, dự án phát triển du lịch sáng tạo gắn với các hoạt động tuyên truyền giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam và của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bốn là, ngành du lịch, văn hóa và truyền thông phối hợp triển khai các chương trình ứng dụng công nghệ số trong phát triển du lịch sáng tạo ở Việt Nam nhằm nâng cao trải nghiệm du khách về những giá trị văn hóa, nhân văn của người Việt, đảm bảo sự chính thống, đúng đắn của các giá trị tư tưởng được truyền tải. Đồng thời, kịp thời đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc về lịch sử, về quốc gia, về Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm là, thực hiện tốt các nhiệm vụ có liên quan đến quy hoạch không gian văn hóa – du lịch tại các địa phương, ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch sáng tạo dựa trên di sản cách mạng và lịch sử dân tộc; tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu cho nguồn nhân lực trong ngành du lịch về kỹ năng sáng tạo nội dung gắn với bảo vệ giá trị tư tưởng, lịch sử; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm du lịch sáng tạo theo chuẩn mực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, coi đó là căn cứ quan trọng trong thẩm định và công nhận các sản phẩm du lịch mới; phát huy vai trò giám sát của toàn xã hội, nhất là các tổ chức chính trị – xã hội, trong việc kiểm tra, giám sát nội dung, hình thức các sản phẩm du lịch sáng tạo.

Kết luận

Phát triển du lịch sáng tạo gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ là yêu cầu khách quan của sự nghiệp đổi mới đất nước, mà còn là trách nhiệm chính trị của toàn ngành du lịch trong giai đoạn hiện nay. Các giải pháp và nhiệm vụ đã đề ra cần được triển khai đồng bộ, kiên trì và sáng tạo, bảo đảm sự hài hòa giữa đổi mới, hội nhập với việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và những giá trị tư tưởng cốt lõi của Đảng. Việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế du lịch và bảo vệ nền tảng tư tưởng không chỉ góp phần xây dựng ngành du lịch Việt Nam hiện đại, bền vững, mà còn củng cố niềm tin xã hội, bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng trong tình hình mới.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), Nghị quyết 33/NQ-TW ngày 06/9/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu PTBV đất nước.
2. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội

Đại biểu toàn quốc khóa XIII.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2020), Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2024), Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
5. Bùi Hoài Sơn (2022), Một số điểm nghẽn trong phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam, Kỷ yếu Hội nghị đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Quyết định số 1755/QĐ-TTg “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”
6. Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4
7. Chương trình hành động phát triển du lịch giai đoạn 2021 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2292/QĐ-BVHTTDL
8. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.
9. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

THANH NIÊN VIỆT NAM VÀ CUỘC ĐỔI THOẠI VĂN HÓA CỦA THẾ GIỚI SỐ

Trần Việt An

Chi bộ Khoa Marketing

Giang Thị Kim Anh

Văn phòng Đảng Đoàn thể

SV. Bế Ngọc Trâm

SV. Đinh Lê Anh Thư

SV, Hồ Quỳnh Trang

Đại học Kinh tế Quốc dân

Văn hóa là nền tảng tư tưởng, động lực phát triển con người trong kỷ nguyên số, đặc biệt đối với thanh niên Việt Nam. Trước xu thế số hóa mạnh mẽ, thanh niên vừa là lực lượng nắm bắt nhanh công nghệ, vừa đối diện nhiều thách thức về định hướng tư tưởng, bảo vệ bản sắc dân tộc. Để đáp ứng cơ hội và thách thức trong bối cảnh hiện nay, cần đẩy mạnh giáo dục, truyền thông sáng tạo, hoàn thiện chính sách pháp luật và tăng cường năng lực tiếp nhận thông tin có chọn lọc cho thế hệ trẻ.

Văn hóa là nền tảng tinh thần, động lực phát triển nền tảng tư tưởng của thanh niên trong kỷ nguyên số

Trong tiến trình lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, văn hóa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, hình thành bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết nội hàm khái niệm văn hóa như sau: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa...”. Từ khi Đề cương về văn hóa Việt Nam ra đời đánh dấu cho sự chú trọng về văn hoá của Đảng và Nhà nước ta, cho đến nay đã có rất nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng¹ nhằm xây dựng, phát triển văn hóa dân tộc, khẳng định vai trò của văn hóa như nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực phát triển đất nước. Thành quả cụ thể thể hiện qua các giá trị, sản phẩm văn hoá vẫn đang được lưu giữ tại 188 bảo tàng, 3.486 di tích được xếp hạng quốc gia, 288 di sản văn hóa phi vật thể được công nhận ở cấp quốc gia. Những giá trị ấy chính là sự kết tinh, lưu truyền bền bỉ qua hàng nghìn năm lịch sử, góp phần bồi đắp bản lĩnh văn hóa,

tinh thần yêu nước và lý tưởng cách mạng cho các thế hệ người Việt Nam hôm nay.

Trong thời đại mới, khi Việt Nam vươn mình mạnh mẽ ra thế giới, văn hóa trở thành một trong những nguồn lực chiến lược giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng với thế giới. Văn hóa không chỉ là di sản, mà còn là sức mạnh nội sinh giúp thanh niên khẳng định lập trường tư tưởng, bảo vệ và phát triển bản sắc dân tộc. Không chỉ vậy, thước đo sự phát triển văn hóa chính là con người – nguồn tài sản quý giá nhất của quốc gia, dân tộc. Trong đó sự hoàn thiện con người cần và chỉ có thể thực hiện được trong văn hóa và bằng văn hóa. Đảng ta đã xác định rằng xây dựng văn hóa trong Đảng và văn hóa của con người là hai nhiệm vụ thống nhất, đảm bảo mục tiêu xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

Hiện nay, quá trình chuyển đổi số diễn ra nhanh chóng với mức độ phủ sóng thông tin rộng, tốc độ lan tỏa nhanh, hình thức biểu đạt phong phú đã và đang góp phần hỗ trợ Chính phủ kiến tạo sự phát triển lành mạnh cho xã hội; giúp sự lãnh đạo của Đảng và công tác điều hành ngày càng hoàn thiện; củng cố niềm tin giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra thách thức mới, đặc biệt trong việc định hướng tư tưởng, nhận thức cho thanh niên trước các cuộc “đối thoại văn hoá” cài cắm thông tin sai lệch, âm mưu xuyên tạc, chống phá từ các thế lực thù địch nhằm bóp méo giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc.

Sự biến chuyển trong cách thức tiếp nhận và tiếp cận thông tin về văn hóa của của thanh niên Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh xã hội chuyển mình nhanh chóng, văn hóa dần bước vào không gian số hóa với tốc độ vượt bậc, cách thức tiếp cận văn hóa của thanh niên Việt Nam có sự biến chuyển rõ nét. Theo thống kê của Vnetwork Internet Security (VNIS), hơn 77% dân số Việt Nam sử dụng internet với thời lượng trung bình truy cập trực tuyến lên đến 6 giờ 38 phút mỗi ngày; cùng với đó, tỷ lệ truy cập các nền tảng số “Make in Viet Nam” so với các nền tảng số nước ngoài đạt 25,25% tăng 5,62% so với năm 2023. Đáng chú ý, khoảng 70% thanh niên chủ yếu tiếp nhận văn hóa qua mạng xã hội và các sản phẩm số (VICAS, 2022). Sự dịch chuyển mạnh mẽ này phản ánh một xu hướng tất yếu: văn hóa truyền thống đang ngày càng được “di cư” lên không gian mạng. Đại dịch COVID-19 như một chất xúc tác quan trọng thúc đẩy nhanh chóng tiến trình “số hóa” không gian văn hóa khi mà hoạt động nghệ thuật truyền thống bị gián đoạn, các sản phẩm văn hóa chuyển dịch sang hình thức trực tuyến để tiếp cận công chúng. Sự chuyển biến từ văn hóa “truyền thống” sang văn hóa “số hóa” vì thế không chỉ là một quá trình tất yếu, mà còn là phép thử cho khả năng thích nghi và tiếp nhận thông tin của thanh niên - nhóm xã hội đặc biệt có quan hệ gắn bó mật thiết

với mọi giai tầng, mọi hoạt động xã hội và giữ vai trò quyết định sự phát triển của xã hội. Các nền tảng mạng xã hội tuy mở ra cơ hội lớn cho việc lan tỏa giá trị văn hóa: đã và đang trở thành một trong những yếu tố kết nối giữa nhà nước và nhân dân, giữa quá khứ và hiện tại, giữa truyền thống và hiện đại. Tuy nhiên, hiệu quả truyền thông văn hóa không chỉ nằm ở việc “truyền đạt”, mà còn ở khả năng “tạo ảnh hưởng”; vừa đặt ra những thách thức về quản lý nội dung, ngăn chặn nguy cơ lệch chuẩn văn hóa, thậm chí là sự xói mòn bản sắc dân tộc có khả năng đi sâu vào tiềm thức của thanh niên nếu không có sự tiếp nhận thông tin có chọn lọc. Do đó, cần có những đánh giá, nhìn nhận một cách khách quan để xây dựng chiến lược phù hợp trong giai đoạn tới - giai đoạn đất nước ta bước vào “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

Các đơn vị cung cấp thông tin văn hóa chính thống như Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) hay các trang báo điện tử lớn như Vietnamnet, VnExpress, Báo Nhân Dân... đã nỗ lực thích ứng với nhu cầu và hành vi tiếp nhận thông tin mới của thanh niên hiện nay. VTV Go, VOV Media, Cổng thông tin Chính phủ, và nhiều nền tảng YouTube chính thức của các kênh báo chí đã giúp “hiện đại hóa” hình thức truyền thông văn hóa. Theo thống kê từ Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), lượng người dùng truy cập các nền tảng số của báo chí quốc gia tăng trung bình 30 - 40% mỗi năm, trong đó nhóm người dùng dưới 25 tuổi chiếm tỷ lệ đáng kể. Điều này cho thấy tiềm năng lớn trong việc kết hợp giữa nội dung văn hóa truyền thống và hình thức hiện đại để tiếp cận thanh niên.

Sự phát triển nhanh chóng của mạng xã hội đã mở ra cơ hội lớn cho việc lan tỏa văn hóa Việt Nam theo những cách thức mới mẻ, sáng tạo hơn. Các nền tảng như Facebook, YouTube, TikTok... cho phép truyền tải nội dung một cách linh hoạt, đa dạng, tận dụng được sức mạnh của hình ảnh, âm thanh, và yếu tố lan truyền tự nhiên. Một số nhà sáng tạo nội dung trẻ tuổi đã chủ động khai thác đề tài văn hóa lịch sử Việt Nam, tạo nên những sản phẩm hấp dẫn và gần gũi. Cùng với đó, các chiến dịch truyền thông văn hóa cũng bước đầu có sự chuyển mình rõ nét theo hướng đa kênh, nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận và tương tác. Các chương trình như “Ngày hội Di sản Văn hóa Việt Nam” được tổ chức đồng thời trực tiếp và livestream, các cuộc thi ảnh, clip ngắn về văn hóa dân gian cũng được tổ chức trực tuyến, tạo điều kiện cho thanh niên ở mọi miền đất nước tham gia. Đặc biệt, các hoạt động hướng tới những dịp lễ lớn như Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước được triển khai rất đa dạng: Cuộc thi video “Sinh viên Việt Nam viết tiếp câu chuyện hòa bình” chỉ sau 24 giờ phát động đã có hơn 2.500 lượt sử dụng mẫu CapCut đề

cùng lan tỏa thông điệp yêu nước bằng những hành động thiết thực của thế hệ trẻ Việt Nam; Cuộc thi trực tuyến “Kỷ niệm 50 năm giải phóng miền nam thống nhất đất nước”; MV “Đất nước trọn niềm vui”; các hoạt động với chủ đề “Sắc màu văn hóa các dân tộc Việt Nam” tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam; Chuỗi hoạt động văn hóa đặc sắc tại khu phố cổ Hà Nội; Trưng bày chuyên đề “Non sông liền một dải” tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia; Chương trình Cầu truyền hình trực tiếp “Vang mãi khúc khai hoàn”... đã thể hiện rõ nét sự đổi mới, bắt nhịp với xu thế số hóa.

Dù vậy, hiện vẫn còn tồn tại không ít thách thức lớn trong việc định hướng tiếp nhận thông tin văn hóa đối với thanh niên. Một số nội dung truyền thông vẫn còn thiếu tính sáng tạo, triển khai chủ yếu theo mô hình “truyền đạt thông tin một chiều”, thiếu cơ chế phản hồi, chưa bắt kịp ngôn ngữ và thị hiếu của giới trẻ. Một bộ phận thanh niên còn cảm thấy xa lạ, nhàm chán với các nội dung văn hóa được trình bày theo lối mòn cũ kỹ, khuôn mẫu. Theo khảo sát của Trung tâm Nghiên cứu truyền thông phát triển (RED), chỉ khoảng 36% thanh niên được hỏi cho biết họ cảm thấy “thường xuyên bị thu hút” bởi các nội dung văn hóa trên truyền hình quốc gia.

Đồng thời, sự cạnh tranh gay gắt và tính chất “mở” của mạng xã hội cũng dẫn tới nguy cơ làm lu mờ vai trò của truyền thông chính thống nếu không có sự đổi mới mạnh mẽ. Một bộ phận giới trẻ có xu hướng tiếp thu thiếu sự “lọc bỏ” những giá trị không phù hợp với văn hóa dân tộc. Một số nội dung thiếu kiểm chứng, lệch chuẩn văn hóa, hoặc pha tạp yếu tố ngoại lai thiếu chọn lọc vẫn được tiếp nhận và gây ra tác động tiêu cực đến nhận thức văn hóa của họ. Báo cáo Digital (2024) cho thấy: người Việt dành trung bình 2 giờ 32 phút mỗi ngày trên mạng xã hội, trong đó hơn 70% người trẻ thường xuyên theo dõi nội dung không kiểm duyệt, dễ gây hiểu sai hoặc làm phai nhạt bản sắc dân tộc.

Trên các nền tảng mạng xã hội, các thế lực thù địch đã mở nhiều chuyên trang về văn học, lịch sử và nghệ thuật văn hoá, từ đó phát tán những tư tưởng lệch lạc, gây ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, về lịch sử, truyền thống dân tộc, về vai trò lãnh tụ và sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam. Một số tổ chức như VOA, RFA... đã kích động thông qua hoạt động truyền thông trực tuyến đòi phát triển văn hóa tự do, cổ súy các luận điệu đòi “văn hóa phi chính trị”, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa. Các đối tượng cơ hội chính trị, tiêu biểu như Phạm Chí Dũng² lập ra “Hội Nhà báo độc lập Việt Nam” – đã lôi kéo, kết nạp thành viên và đăng tải hàng nghìn bài viết xuyên tạc, phỉ báng chính quyền, bôi nhọ uy tín của Đảng và Nhà nước. Đáng lo ngại hơn, một số văn nghệ sĩ trong nước, do thiếu cảnh giác hoặc chạy theo thị hiếu lệch lạc của một

bộ phận công chúng, đã tìm cách quảng bá những sản phẩm nghệ thuật phản động, xuyên tạc sự thật lịch sử, hạ thấp uy tín lãnh đạo Đảng, Nhà nước và lãnh tụ cách mạng tiền bối. Thậm chí, có những trường hợp cố tình tôn vinh những kẻ đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc dưới chiêu bài đấu tranh cho “dân chủ”, “nhân quyền” theo định hướng của các thế lực thù địch.

Đứng trước thực trạng đó, thế hệ thanh niên Việt Nam hôm nay có trình độ học vấn cao, khả năng tiếp cận công nghệ nhanh nhạy, cùng với lòng yêu nước, tự hào dân tộc được bồi dưỡng qua các phong trào, chiến dịch truyền thông hiện đại. Trong kỷ nguyên của dòng chảy thông tin đa dạng, việc kiểm soát tính minh bạch, chính xác, đúng đắn của những nội dung được đăng tải trên mạng xã hội là một bài toán khó, ngày càng nhiều những nội dung thiếu tính xác thực, thiếu căn cứ, lệch chuẩn xuất hiện và làm ảnh hưởng tới thế hệ trẻ. Tuy nhiên, đại đa số thế hệ thanh niên trẻ Việt Nam không vì vậy mà dễ dàng để bản thân bị tác động bởi những luồng thông tin đó, khô cổ xúy hay thờ ơ mà luôn tỉnh táo, giữ vững được lập trường quan điểm; thực hiện những hành động thiết thực, ý nghĩa, góp phần lớn vào công cuộc đẩy lùi và xóa bỏ những hiện tượng văn hóa không đúng với chuẩn mực đạo đức và xã hội. Minh chứng cho điều đó, Cuộc vận động “Mỗi ngày một tin tốt - Mỗi tuần một câu chuyện đẹp trên mạng xã hội” do Trung ương Đoàn triển khai đã nhận được rất nhiều sự hưởng ứng của giới trẻ, thực hiện mục tiêu lan tỏa rộng rãi những giá trị tốt đẹp, nêu gương hành động đẹp hoặc lên án những hành vi văn hóa tiêu cực trong xã hội. Các cuộc thi như Hội thi Olympic toàn quốc các môn Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng soi đường”; Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng...ngày càng được quan tâm và phổ biến rộng rãi, thu hút nhiều thí sinh tham dự, từ đó, lập trường tư tưởng quan điểm của thanh niên ngày càng trở nên đúng đắn, vững chắc.

Thanh niên là nguồn lực quý báu để vừa tiếp nối, vừa sáng tạo những giá trị văn hóa mới mang đậm tinh thần Việt, nhưng cũng phù hợp với ngôn ngữ toàn cầu hóa. Các chương trình như “Số hóa di sản”, “Không gian văn hóa Việt trên không gian mạng”, các chiến dịch quảng bá di sản qua mạng xã hội, các sản phẩm nghệ thuật sáng tạo dựa trên văn hóa dân gian... đang chứng minh rằng nếu có chiến lược bài bản, văn hóa Việt hoàn toàn có thể chinh phục giới trẻ, thậm chí vươn ra thế giới.

Sự tác động của chính quyền đến tư tưởng thanh niên tại trên thế giới

Nếu thế kỷ XX được xem là thời kỳ của những cuộc chiến tranh ý thức hệ, thế kỷ XXI là thời đại của những cuộc chiến tư tưởng ngầm, âm thầm nhưng đầy nguy hiểm, diễn ra ngay trong không gian mạng – nơi mỗi cá nhân đều trở thành một “trung

tâm phát sóng” và mỗi người trẻ chính là đối tượng dễ bị tác động, thao túng nhất. Vào tháng 7/2024, tại Bangladesh đã diễn ra cuộc biểu tình do các nhóm sinh viên dẫn đầu nhằm phản đối hạn ngạch việc làm của công chức với nguyên nhân sâu xa của vấn đề được cho là bắt nguồn từ nhiều bất ổn kinh tế và sự trì trệ trong tăng trưởng việc làm ở khu vực tư nhân hình thành trong nhiều thập kỷ qua. Cuộc biểu tình nhanh chóng leo thang thành bạo lực khiến hơn 400 người thiệt mạng, với các vụ tấn công vào cơ sở hạ tầng công cộng như hệ thống tàu điện ngầm, các trạm thu phí, và các tòa nhà chính phủ. Đây là ví dụ thực tế cho thấy các hành động tiêu cực khi chính quyền chưa có chiến lược rõ ràng trong xây dựng nền tảng tư tưởng vững vàng cho thế hệ trẻ, họ dễ dàng bị kích động, thao túng.

Nhiều quốc gia trên thế giới đã nhận thức rõ vai trò đặc biệt quan trọng của thanh niên trong công cuộc giữ gìn bản sắc và phát triển văn hóa dân tộc, từ đó đưa ra các chiến lược chủ động để hình thành một thế hệ trẻ có bản lĩnh tư tưởng có ý thức trách nhiệm xã hội. Trong lịch sử phát triển của các dân tộc, chưa bao giờ thông tin lại có sức lan tỏa, xâm nhập và chi phối mạnh mẽ như trong kỷ nguyên truyền thông số hiện nay.

Thực tế đáng báo động đối với thanh niên Pakistan (2023) rằng hơn 60% dân số, đang rơi vào trạng thái phân cực chính trị sâu sắc dưới tác động của mạng xã hội. Các thuật toán ưu tiên nội dung củng cố niềm tin sẵn có, tạo ra các “buồng vang tư tưởng” (echo chambers), khiến người trẻ chỉ tiếp nhận thông tin phù hợp và loại bỏ ý kiến đối lập. Trường hợp, các đảng phái chính trị như PTI của Imran Khan đã tận dụng nền tảng mạng xã hội như Facebook, Twitter, Instagram để kích động biểu tình và lôi kéo thanh niên tham gia các hoạt động phản kháng, dẫn đến bạo lực và sự chia rẽ xã hội. Hệ quả là những cuộc biểu tình bạo lực quy mô lớn, đụng độ giữa người biểu tình và lực lượng chức năng, niềm tin xã hội bị chia rẽ nghiêm trọng, lớp thanh niên bị lôi kéo vào vòng xoáy chính trị một cách cảm tính, thiếu nền tảng nhận thức đúng đắn về văn hóa, lịch sử, thể chế và lợi ích dân tộc. Nếu thanh niên bị thao túng bởi truyền thông và thuật toán mà thiếu một nền tảng vững chắc về nhận thức văn hóa, đó không chỉ là nguy cơ truyền thông, mà là một mối đe dọa chiến lược đối với sự ổn định và tồn vong của quốc gia.

Khác với thực trạng phân cực tư tưởng đang diễn ra tại một số quốc gia, Trung Quốc quốc gia tiêu biểu trong việc định hướng nhận thức văn hóa – chính trị cho thanh niên một cách bài bản, hiệu quả theo chiến lược cụ thể. Với thể chế xã hội chủ nghĩa tương đồng với Việt Nam, Trung Quốc đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng và giáo dục văn hóa trong giới trẻ, xem đây là nhiệm vụ trọng yếu nhằm củng cố nền

tăng tư tưởng và bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Theo nghiên cứu của Tsai et al. (2022), các chiến lược truyền thông trên mạng xã hội của chính phủ Trung Quốc, đặc biệt là qua các nền tảng như WeChat và Douyin đã giúp lồng ghép giá trị cốt lõi xã hội chủ nghĩa vào hệ thống giáo dục, hoạt động truyền thông và đời sống văn hóa số. Các chiến dịch như “*Thanh niên Trung Quốc thời đại mới*” và “*Tôi là người yêu nước số*” đã giúp thanh niên Trung Quốc phát triển ý thức cộng đồng mạnh mẽ, đồng thời khuyến khích tham gia các hoạt động gắn với lợi ích quốc gia và dân tộc. Chính nhờ sự định hướng kiên định và linh hoạt ấy, một bộ phận lớn thanh niên Trung Quốc hiện nay không chỉ có bản lĩnh chính trị vững vàng, mà còn chủ động bảo vệ và lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc trong không gian mạng. Trung Quốc cho thấy rằng, nếu có chiến lược rõ ràng, sự đồng bộ giữa giáo dục – truyền thông – tổ chức thanh niên, thì trong bất kỳ hoàn cảnh nào, thanh niên cũng có thể trở thành lực lượng trung thành, tiên phong và vững chắc trong bảo vệ bản sắc văn hóa và lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Không chỉ Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc cũng đã triển khai những chiến lược rõ ràng trong việc xây dựng nhận thức văn hóa cho thanh niên. Với truyền thống bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa sâu sắc, Nhật Bản đã có những chiến dịch truyền thông mạnh mẽ nhằm giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống đồng thời kết hợp với công nghệ hiện đại. Chính phủ Nhật Bản đã kết hợp với các nền tảng mạng xã hội để phát triển các chiến dịch giáo dục về lịch sử, văn hóa Nhật Bản, giúp thanh niên nhận thức sâu sắc về những giá trị di sản của dân tộc, đồng thời khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động bảo vệ văn hóa trong cộng đồng và mạng xã hội. Theo nghiên cứu của *Japan Media Review* (2023), chiến lược của Nhật Bản trong việc sử dụng các nền tảng mạng xã hội như Twitter và Instagram đã cho thấy sự kết hợp hiệu quả giữa bảo vệ bản sắc văn hóa và việc truyền tải thông điệp giáo dục qua các kênh truyền thông hiện đại. Các chiến dịch này không chỉ giúp thanh niên Nhật Bản tự hào về truyền thống mà còn trở thành lực lượng chủ chốt trong việc phát triển và bảo vệ nền văn hóa Nhật Bản trong thời đại toàn cầu hóa.

Tương tự, Hàn Quốc - một trong những quốc gia “xuất khẩu” văn hóa hàng đầu thế giới là một trong những ví dụ điển hình nổi bật về việc phát huy sức mạnh mềm trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. Theo nghiên cứu của Lee et al. (2023) trong *Korean Journal of Communication Studies*, sự kết hợp giữa giáo dục và truyền thông tại Hàn Quốc đã tạo ra một lớp thanh niên không chỉ hiểu rõ giá trị văn hóa dân tộc mà còn có khả năng sử dụng các công nghệ hiện đại để bảo vệ và phát huy những giá trị đó trong bối cảnh toàn cầu hóa. Chính phủ Hàn Quốc đã chủ động định hình một

hệ sinh thái truyền thông hiện đại, nơi các sản phẩm văn hóa như K-pop, phim truyền hình, trò chơi điện tử và nền tảng mạng xã hội được tích hợp sâu vào đời sống của thanh niên trong và ngoài nước. Thông qua hệ thống giáo dục, các chiến dịch truyền thông sáng tạo, nền tảng như YouTube, Instagram, và các mạng xã hội bản địa như Naver, KakaoTalk, thanh niên Hàn Quốc được tiếp cận các giá trị truyền thống dưới hình thức hiện đại, hấp dẫn. Nhờ đó, họ không chỉ giữ gìn bản sắc dân tộc mà còn chủ động lan tỏa nó ra thế giới. Thành công này cho thấy vai trò đặc biệt của truyền thông trong việc xây dựng nhận thức văn hóa cho thế hệ trẻ, góp phần tạo dựng một lớp thanh niên vừa toàn cầu hóa tư duy, vừa vững vàng bản lĩnh văn hóa dân tộc.

Từ bức tranh toàn cảnh trên, có thể thấy rằng, bảo vệ bản sắc văn hóa là sự chủ động chiến lược trong công tác truyền thông hướng đến thanh niên. Không quốc gia nào chấp nhận để lớp trẻ tự phát hấp thụ giá trị mà không có định hướng; bởi họ hiểu rằng, nếu để thanh niên tự định hình thế giới quan, nhân sinh quan và giá trị quan theo cách “mở cửa vô điều kiện” với văn hóa số, thì nguy cơ mất phương hướng, mất niềm tin, mất căn tính dân tộc là hoàn toàn có thật. Chính vì vậy, việc xây dựng nhận thức văn hóa trong thanh niên thông qua truyền thông là nhiệm vụ cấp thiết không chỉ của ngành giáo dục mà phải là sự kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chính trị – tư tưởng với truyền thông đại chúng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng và sự điều phối thống nhất của Nhà nước.

Giải pháp

Thứ nhất, ***tiếp tục hoàn thiện hệ thống nghị quyết, luật pháp và chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến công tác truyền thông, giáo dục và văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số.*** Việc thực thi đồng bộ và hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như *Luật Công nghệ thông tin năm 2006; Luật Xuất bản năm 2012; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Luật Báo chí năm 2016; Luật An ninh mạng năm 2018; Luật Viễn thông (sửa đổi, năm 2023); Luật Giáo dục năm 2019...* cần được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với các chiến lược phát triển văn hóa và thông tin trong môi trường số. Trên cơ sở đó, các cơ quan quản lý tiếp tục sửa đổi, bổ sung những quy định về kiểm soát nội dung văn hóa trên không gian mạng, tăng cường chế tài xử lý đối với các hành vi xuyên tạc, bôi nhọ, kích động, chia rẽ dân tộc, vi phạm thuần phong mỹ tục, gây ảnh hưởng đến an ninh tư tưởng – văn hóa. Song song với đó, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cần được triển khai đồng bộ, sâu rộng trên các nền tảng truyền thông hiện đại, đặc biệt hướng tới giới trẻ – lực lượng chủ đạo của xã hội số. Mục tiêu xây dựng thế hệ công dân trẻ có ý thức chính trị, bản lĩnh văn hóa, có khả năng nhận diện thông tin sai lệch,

góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong môi trường số.

Thứ hai, ***cần đẩy mạnh triển khai các chiến dịch truyền thông văn hóa*** dưới sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan sở ban ngành cùng các Văn nghệ sĩ thiết kế nên những chương trình mang tính sáng tạo, gần gũi với đời sống hiện đại như: các lễ hội âm nhạc kết hợp dân gian và đương đại; các cuộc thi sáng tác ca khúc, thơ văn ca ngợi quê hương đất nước; chuỗi video ngắn tái hiện nghệ thuật truyền thống trên nền tảng số; chương trình giao lưu nghệ thuật giữa các thế hệ nghệ sĩ. Tiêu biểu như chiến dịch “Tôi yêu Tổ quốc tôi” do Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam phát động, với sự tham gia của các nghệ sĩ trẻ nổi tiếng như Noo Phước Thịnh, Đông Nhi, Sơn Tùng M-TP đã tổ chức các chương trình ca nhạc, diễu hành, lễ hội văn hóa quy mô lớn, lan tỏa mạnh mẽ thông điệp yêu nước trong giới trẻ.

Sự phát triển của công nghiệp văn hóa không chỉ dừng lại ở việc bảo tồn giá trị truyền thống mà còn phải tìm cách đưa chúng đến gần hơn với thế hệ trẻ. Điển hình, MV “Bắc Bling” là một minh chứng điển hình khi khai thác những hình ảnh đặc trưng của văn hóa Bắc Bộ như trang phục quan họ, áo dài, nón quai thao, kiến trúc đình làng... nhưng được thể hiện dưới một phong cách hiện đại và tươi mới. Điều này không chỉ giúp khán giả trẻ dễ dàng tiếp cận mà còn khơi dậy niềm tự hào về bản sắc dân tộc. Không dừng lại ở những phương thức truyền thông truyền thống, Báo Nhân Dân đã thể hiện tinh thần đổi mới sáng tạo khi tổ chức Triển lãm ứng dụng tích hợp ba công nghệ hiện đại: trình chiếu ánh sáng (3D mapping), thực tế ảo tăng cường (AR) và thực tế ảo (VR). Các video, hình ảnh chia sẻ và lan tỏa rộng rãi trên Tiktok, Facebook... đem lại ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc của mọi thế hệ, nhằm tri ân thế hệ đi trước và truyền cảm hứng cho thế hệ thanh niên hôm nay.

Vì vậy, cần thông qua các hoạt động, sự kiện nghệ thuật để khơi gợi tinh thần yêu quê hương đất nước, củng cố niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng trong lòng nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Khuyến khích Văn nghệ sĩ tham gia sáng tạo nội dung trên nhiều nền tảng trực tuyến để giới thiệu, quảng bá nghệ thuật truyền thống, như chèo, tuồng, cải lương...; kết hợp, lồng ghép âm nhạc dân gian với nhạc đương đại góp phần quốc tế hoá nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc của dân tộc Việt Nam ra thế giới và dân tộc hóa văn minh nhân loại.

Thứ ba, ***đổi mới phương pháp mới, cách làm mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tuyên truyền văn hóa, giáo dục lòng yêu nước, ý chí tự lực tự cường của dân tộc tới thế hệ trẻ***. Trong bối cảnh hiện nay, việc đổi mới phương

pháp giáo dục chính trị, tuyên truyền văn hóa, giáo dục lòng yêu nước và ý chí tự lực tự cường cho thế hệ trẻ cần được triển khai theo hướng linh hoạt, sáng tạo và phù hợp với đặc điểm tâm lý của từng nhóm tuổi. Các cơ sở giáo dục cần chủ động tiếp cận các nền tảng truyền thông, tận dụng sức mạnh lan tỏa của mạng xã hội để đưa nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng đến gần hơn với học sinh, sinh viên. Cụ thể như tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa, kết hợp tham quan thực tế di tích lịch sử, bảo tàng và khuyến khích sinh viên xây dựng sản phẩm truyền thông sáng tạo như video, infographic chia sẻ trên mạng xã hội.

Đồng thời, cần tăng cường lồng ghép giáo dục chính trị với các hoạt động trải nghiệm văn hóa thực tiễn tại nhà trường thông qua việc tổ chức ngày hội văn hóa dân gian, các buổi giao lưu nghệ thuật truyền thống, sinh hoạt chuyên đề về lịch sử địa phương. Ngay trên địa bàn các trường đại học tại Hà Nội có thể phối hợp với các bảo tàng, trung tâm văn hóa tổ chức chuyên đề *"Một ngày sống cùng lịch sử"*, qua đó sinh viên được trực tiếp trải nghiệm, tìm hiểu lịch sử qua các hoạt động tương tác thay vì chỉ tiếp cận lý thuyết khô khan. Từ đó nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng gần gũi, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của công tác xây dựng con người Việt Nam thời kỳ mới.

Cuối cùng, ***tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao năng lực của thanh niên Việt Nam trên không gian mạng an toàn, hiệu quả***. Thứ ba, tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao năng lực của thanh niên Việt Nam trên không gian mạng một cách an toàn, chủ động và hiệu quả. Cần đưa nội dung tập huấn về kỹ năng truyền thông trên mạng xã hội, an toàn và an ninh mạng thành chương trình bắt buộc trong các khóa tập huấn nội bộ của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các cấp. Nội dung tập huấn cần chú trọng rèn luyện kỹ năng phân tích thông tin, tư duy phản biện, kỹ năng nhận diện và ứng phó với các hành vi xâm hại trên không gian mạng, đồng thời đào tạo phương pháp sáng tạo nội dung số lành mạnh, hấp dẫn, phù hợp với tâm lý thanh niên hiện đại.

Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, các mô hình điển hình trong xây dựng môi trường mạng an toàn, lành mạnh. Tập trung tuyên truyền các nội dung trọng tâm như: "Tạo điều kiện phát triển lành mạnh mạng xã hội Việt Nam", "Xây dựng chuẩn mực đạo đức về hành vi, ứng xử trên mạng xã hội", "Giáo dục ý thức và thói quen tích cực trong ứng xử trực tuyến", qua đó từng bước hình thành văn hóa mạng văn minh, hiện đại trong thanh thiếu niên Việt Nam.

Song song với đó, cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các

ngành, gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội trong việc phối hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam cần đóng vai trò trung tâm trong việc cung cấp thông tin chính thống, cập nhật những vấn đề mới, dự báo xu hướng vận động của internet, mạng xã hội, nhất là đối với các trào lưu mới, công nghệ mới (như trí tuệ nhân tạo, vũ trụ ảo/metaverse, nội dung số hóa tương tác...).

Bên cạnh đó, cần phát huy tối đa hiệu quả của hệ thống fanpage Facebook, Zalo, YouTube, TikTok chính thống của các tổ chức cơ sở Đoàn, Ban Tuyên Giáo... từ trung ương đến địa phương trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Huy động đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia sáng tạo nội dung, viết bài, bình luận phản bác các thông tin xấu độc; chủ động chia sẻ, lan tỏa các thông tin tích cực, nhân văn đến cộng đồng mạng, bạn bè, người thân, góp phần “phủ xanh” không gian mạng bằng những giá trị tích cực. Khuyến khích triển khai các cuộc thi sáng tác video, bài viết ngắn, chiến dịch thử thách lan tỏa thông tin tích cực gắn với các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước nhằm thu hút sự tham gia chủ động, tự nguyện từ thanh niên.

(1) Nghị quyết số 04-NQ/HNTW, ngày 14-01-1993, của Hội nghị Trung ương 4 khóa VII “Về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt”; Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16-7-1998, của Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991); Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011); Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9-6-2014, của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

(2) Đối tượng lãnh án 15 năm tù về tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống phá Nhà nước với 25 bài viết có nội dung tuyên truyền, xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân, bịa đặt, xâm phạm uy tín của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tạo lập quan hệ, ký kết hợp đồng viết bài, trả lời phỏng vấn với các trang tin điện tử, các báo đài nước ngoài với mục đích nhằm đấu tranh làm thay đổi thể chế chính trị Việt Nam hiện nay thành thể chế chính trị tam quyền phân lập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asia Maqsood Ahmad & Rabia Ashraf, *Social Media and Political Polarization in Pakistan: A Case Study of Pakistani Youth*, Journal of Language Culture and Civilization, 6/2023. (Tạm dịch: Hoạt động truyền thông trên mạng xã hội và sự phân cực chính trị tại Pakistan: Nghiên cứu tình huống về thanh niên Pakistan).
2. Bộ Thông tin và Truyền thông, *Báo cáo chuyển đổi số quốc gia năm 2024*, tháng 6/2024.
3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 458
4. Hà Anh, *Cuộc khủng hoảng nghiêm trọng ở Bangladesh*, Báo Nhân dân, ngày 08/08/2024. <https://nhandan.vn/cuoc-khung-hoang-nghiem-trong-o-bangladesh-post823246.html>
5. PGS, TS. Trương Thị Kiên, *Phát triển nội dung số của cơ quan báo chí trong bối cảnh hiện nay*, Tạp chí điện tử Lý luận Chính trị và Truyền thông, ngày 02/12/2024. <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/phat-trien-noi-dung-so-cua-co-quan-bao-chi-trong-boi-can-hien-nay-p28777.html>
6. TS. Đặng Thị Minh Nguyệt, *Một số quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa và nâng tầm văn hóa Việt Nam*, Tạp chí Cộng Sản, ngày 14/11/2022. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/826302/mot-so-quan-diem-cua-chu-tich-ho-chi-minh-ve-van-hoa-va-nang-tam-van-hoa-viet-nam.aspx
7. Thục Anh, *Người Việt dành hơn 2 giờ mỗi ngày cho mạng xã hội và các ứng dụng nhắn tin*, Báo điện tử Công lý, ngày 17/10/2023, <https://congly.vn/nguoi-viet-danh-hon-2-gio-moi-ngay-cho-mang-xa-hoi-va-cac-ung-dung-nhan-tin-401318.html>
8. Tsai, L., Wang, H., & Zhang, S. Lily Tsai, Haifeng Wang & Songying Zhang, *The Role of Digital Media in Shaping Youth Political Ideologies in China*, Journal of Contemporary China, 2022. (Tạm dịch: Vai trò của truyền thông kỹ thuật số trong việc hình thành tư tưởng chính trị của thanh niên Trung Quốc)
9. VNIS, *Thống kê Internet Việt Nam 2023*, tháng 3/2023. <https://www.vnis.vn/news/thong-ke-internet-viet-nam-2023/>

CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

Chi bộ Trung tâm ứng dụng Công nghệ thông tin

Chuyển đổi số đang là xu thế tất yếu và khách quan, diễn ra toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và trên phạm vi toàn cầu. Tiến trình này đóng vai trò trung tâm của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 đã chỉ rõ: Việt Nam xác định chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan, nhiệm vụ chiến lược đặc biệt quan trọng, cấp bách và lâu dài của toàn hệ thống chính trị và xã hội, gắn chặt với hội nhập quốc tế sâu rộng. Nội dung cốt lõi của chính sách này là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy Chuyển đổi số quốc gia, trong đó các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải tiên phong thực hiện. Chuyển đổi số được Bộ Thông tin và Truyền thông định nghĩa là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của các cá nhân, tổ chức về cách sống, làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số, hướng đến phát triển kinh tế số, xã hội số, thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội.

Trong lĩnh vực giáo dục, chuyển đổi số là quá trình ứng dụng công nghệ số vào toàn bộ hoạt động dạy và học nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng và trải nghiệm học tập. Đối với giáo dục đại học nói riêng và công tác giáo dục lý luận chính trị (GDLLCT) cho sinh viên nói chung, chuyển đổi số không chỉ là thay đổi công cụ mà còn là biến đổi căn bản về phương thức tổ chức hoạt động dạy - học và tương tác giữa người dạy - người học. Sinh viên là lực lượng xã hội quan trọng, nhân tố quyết định tương lai, xây dựng và bảo vệ tổ quốc. GDLLCT cho sinh viên có vai trò trụ cột, cung cấp nền tảng tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức công dân, tinh thần trách nhiệm, và là kênh quan trọng truyền tải quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Chuyển đổi số mang lại cả cơ hội và thách thức to lớn đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giáo dục đại học.

1. Về cơ hội và tác động tích cực, chuyển đổi số hỗ trợ đắc lực cho công tác xây dựng Đảng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên nhiều phương diện:

Thứ nhất, chuyển đổi số giúp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng. Ứng dụng công nghệ số vào chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo, cập nhật, sao lưu dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên. Chuyển đổi số hỗ trợ công tác quản lý cán bộ, đảng viên, sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, công tác kiểm tra, giám sát. Việc nghiên cứu, học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng được thực hiện hiệu quả hơn thông qua hình thức trực tuyến.

Thứ hai, chuyển đổi số giúp sự lãnh đạo của Đảng và công tác điều hành của chính quyền phát huy hiệu lực, hiệu quả cao hơn nhờ độ phủ sóng rộng, tốc độ lan tỏa nhanh, hình thức biểu đạt phong phú. Chuyển đổi số cũng giúp tăng cường tương tác "hai chiều" giữa Đảng, Chính quyền với người dân, từ đó nâng cao mức độ hài lòng, củng cố niềm tin và tạo cơ hội để người dân tham gia vào quá trình quản lý, giám sát, ra quyết định.

Thứ ba, chuyển đổi số thúc đẩy sự đổi mới trong các hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên thực tiễn. Dựa trên nền tảng số, Đảng đã sử dụng đa dạng các giải pháp đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Các công nghệ hiện đại cho phép xây dựng nhiều hoạt động, sản phẩm phong phú, đáp ứng nhu cầu đa dạng của cộng đồng.

Thứ tư, việc đưa vào sử dụng Sổ tay đảng viên điện tử được coi là bước đột phá, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Đây là nội dung cụ thể hóa chủ trương của Đảng, giúp nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng về chuyển đổi số trong công tác Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý cán bộ, đảng viên và sinh hoạt đảng. Sổ tay đảng viên điện tử có các tính năng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, quán triệt, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ năm, chuyển đổi số nâng cao khả năng tuyên truyền, phổ biến quan điểm, tư tưởng của Đảng và thúc đẩy công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho thế hệ trẻ. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn thông tin và kỹ năng sử dụng mạng xã hội cho học sinh, sinh viên (HS, SV) đã đạt được nhiều kết quả, giúp nâng cao nhận thức, điều chỉnh hành vi trên môi trường mạng, định hướng sử dụng không gian mạng hữu ích, trang bị kỹ năng chọn lọc thông tin, sử dụng mạng xã hội an toàn, đúng pháp luật.

2. Chuyển đổi số cũng đặt ra những thách thức lớn đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đặc biệt trong môi trường giáo dục đại học:

Thứ nhất, sinh viên dễ bị tác động bởi các nguồn thông tin sai lệch, phản khoa học, thậm chí xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng. Các thế lực thù địch hết sức tận dụng khoa học công nghệ với âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi, thâm độc để chống phá, liên kết, phối hợp tạo dựng kịch bản làm méo mó hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế. Sinh viên là lực lượng trẻ tuổi, non nớt, thiếu kinh nghiệm sống, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, kích động, và là một trong những đối tượng trực tiếp mà kẻ thù hướng tới. Chúng lợi dụng không gian mạng để tuyên truyền xuyên tạc, phủ nhận vai trò của Đảng, kích động "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, nhất là đối tượng trí thức trẻ.

Thứ hai, môi trường truyền thông số phức tạp, đa nguyên, đa chiều. Thông tin xấu độc, quan điểm sai trái, thù địch có thể làm xói mòn, đảo lộn hệ tư tưởng, hệ giá trị, niềm tin, đạo đức, lối sống của sinh viên. Một bộ phận không nhỏ sinh viên sa đà vào thế giới ảo, thờ ơ với chính trị, phai nhạt niềm tin, lý tưởng, lập trường tư tưởng chưa vững vàng, nhận thức mơ hồ về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Họ có thể bị ảnh hưởng bởi lối sống thực dụng, hưởng thụ, đua đòi, ăn chơi, dẫn đến suy thoái đạo đức, lối sống.

Thứ ba, công tác giáo dục lý luận chính trị trong giai đoạn chuyển đổi số còn có những hạn chế. Nội dung giảng dạy đôi lúc còn chưa kịp đổi mới, thiếu tính cập nhật thực tiễn, chưa tích hợp các vấn đề thời sự, thách thức mới. Phương pháp dạy học còn đơn điệu, thiếu tương tác, nặng về truyền thụ một chiều, chưa khai thác hết tiềm năng công nghệ số. Đội ngũ giảng viên còn thiếu kỹ năng số và phương pháp dạy học tích cực, lúng túng khi sử dụng công nghệ. Hệ thống học liệu số còn hạn chế, chưa đồng bộ, phong phú, hấp dẫn, trong khi sinh viên dễ bị chi phối bởi nội dung không kiểm chứng trên mạng xã hội.

Thứ tư, phương thức, giải pháp đấu tranh hiện nay hiệu quả chưa cao, chưa phù hợp với thực tiễn. Công tác tuyên truyền, đấu tranh trực diện đôi lúc chưa kịp thời, nhiều cán bộ, giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học chưa nắm bắt kịp với chuyển đổi số. Công tác đấu tranh phản bác, ngăn chặn thông tin xấu độc có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao; công tác nắm bắt dư luận trước sự kiện bất ngờ còn chưa kịp thời.

3. Để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp:

Một là, nâng cao nhận thức về vai trò của chuyển đổi số trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Cần xác định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ then chốt trong kiến tạo nền móng chuyển đổi số. Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định đây là nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Hai là, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GDLLCT cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số. Cần cập nhật nội dung giảng dạy theo hướng hiện đại, gắn với thực tiễn chính trị, kinh tế - xã hội, tích hợp các vấn đề thời sự, chuyển đổi số, an ninh mạng. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng linh hoạt, tương tác, cá thể hóa, khai thác hiệu quả các nền tảng học tập trực tuyến, công cụ hỗ trợ tương tác. Ứng dụng mô hình giáo dục thông minh vào GDLLCT qua mạng là cần thiết, xây dựng hệ sinh thái giáo dục lý luận chính trị thông minh bao gồm chính sách, quản lý, nền tảng công nghệ và gắn kết thông minh.

Ba là, xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên lý luận chính trị và cán bộ làm công tác tuyên truyền có đủ kỹ năng số và phương pháp dạy học tích cực. Giảng viên cần không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, nắm vững kiến thức, nhận thức sâu rộng vấn đề, kiên định lập trường tư tưởng, và là lực lượng tiên phong trong bảo vệ nền tảng của Đảng trên không gian mạng. Họ cần có kỹ năng số để sử dụng công nghệ hiệu quả trong giảng dạy, cũng như nhạy bén, kịp thời phát hiện, nhận diện và đấu tranh phản bác thông tin xấu độc trên không gian mạng bằng lý luận sắc bén. Cần bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức pháp luật mới, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao năng lực cho đội ngũ này.

Bốn là, tăng cường xây dựng hệ thống học liệu số đồng bộ, phong phú, hấp dẫn và chính thống về lý luận chính trị. Phát huy tối đa lợi thế công nghệ thông tin và mạng lưới báo chí chính thống để cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, trung thực, góp phần định hướng dư luận xã hội. Kiên quyết đấu tranh phản bác và đập tan các luận điệu sai lệch, xấu, độc. Xây dựng các chuyên trang định hướng dư luận, đấu tranh phản bác trên mạng xã hội, sử dụng công nghệ hiện đại sản xuất các ấn phẩm, nội dung lý luận đấu tranh. Tăng cường trao đổi thông tin với báo chí quốc tế, tổ chức nước ngoài về tình hình Việt Nam.

Năm là, phát huy vai trò chủ thể của sinh viên trong nhận diện và đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Sinh viên cần rèn luyện ý chí cách mạng kiên định, có bản lĩnh chính trị vững vàng, không hoang mang, không nghe theo, không bị lừa gạt bởi thông tin phản động. Họ cần nâng cao kỹ năng sử dụng không gian mạng và mạng xã hội, trở thành những "cư dân mạng" tích cực, tôn vinh cái đúng, bảo vệ lẽ phải, ủng hộ cái tích cực và lên án cái sai. Tổ chức Đoàn, Hội sinh viên có vai trò quan trọng trong tuyên truyền, giáo dục, giúp sinh viên nhận diện rõ những quan điểm sai trái, thù địch. Cần xây dựng mạng lưới các đội truyền thông với lực lượng nòng cốt là sinh viên được đào tạo chuyên sâu.

Sáu là, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ số và bảo đảm an ninh mạng. Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, đầu tư trang thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu. Làm tốt công tác bảo mật đường truyền, công thông tin, trang thông tin điện tử, tăng cường giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng để phòng, chống hiệu quả tin tặc, tạo dựng "tường lửa", bảo vệ chính trị nội bộ.

Bảy là, tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm những đối tượng sản xuất, phát tán tin giả và những trường hợp cán bộ, đảng viên, người dân đăng tải, chia sẻ thông tin sai sự thật, xuyên tạc. Đồng thời, cần có cơ chế khen thưởng, động viên đối với cá nhân, tổ chức tích cực trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Tóm lại, chuyển đổi số trong giáo dục đại học là xu thế không thể đảo ngược, mang lại cơ hội to lớn nhưng cũng đặt ra thách thức gay gắt trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Việc ứng dụng công nghệ số giúp đổi mới phương thức công tác Đảng, nâng cao hiệu quả tuyên truyền và giáo dục lý luận chính trị. Tuy nhiên, không gian mạng cũng là môi trường thuận lợi để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá, tác động tiêu cực đến nhận thức, đạo đức, lối sống của sinh viên. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và lâu dài, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị, nhà trường và chính bản thân sinh viên. Chuyển đổi số vừa là thách thức cần đối mặt, vừa là công cụ hữu hiệu cần phát huy tối đa để củng cố vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2018) Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

2. Bộ Chính trị (2019) Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019: Nghị quyết về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
3. Chính phủ (2020). Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
4. Phan Hải Hồ (2024). Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh mới. Tạp chí cộng sản tháng 2/2024
5. Trần Đức Anh (2023). Chuyển đổi số trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Báo Nhân dân ngày 9/6/2023

XÂY DỰNG NIỀM TIN KHOA HỌC VÀO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH CỦA THẾ HỆ TRẺ TRONG KỶ NGUYÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chi bộ Phòng Quản lý Đào tạo

Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức về tư tưởng, đạo đức, văn hóa. Nhất là trong giới trẻ, sự tác động mạnh mẽ của mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo (AI) đang đặt ra nhu cầu cấp thiết phải kiện toàn về niềm tin tư tưởng.

Theo thống kê của Ban Tuyên giáo Trung ương, chỉ trong năm 2023, có hơn 17.000 vụ việc xuyên tạc trên không gian mạng bị phát hiện, trong đó hơn 60% tập trung vào việc bóp méo nền tảng tư tưởng của Đảng, Nhà nước. Sự lan truyền thông tin sai lệch nhanh chóng qua các nền tảng số khiến một bộ phận giới trẻ dễ dàng tiếp nhận và tin vào những quan điểm trái chiều, xa rời sự thật lịch sử và chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong bối cảnh đó, các nghị quyết của Trung ương Đảng đã xác định rõ trách nhiệm và nhiệm vụ trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời đại số. Nghị quyết số 35-NQ/TW (2019) nhấn mạnh việc tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, trong đó đặc biệt chú trọng vào việc phòng chống xuyên tạc thông qua không gian mạng. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc phát huy vai trò của đảng viên trẻ và các công cụ số trong việc truyền tải tư tưởng chính trị đúng đắn.

Ngoài ra, kết luận số 94-KL/TW (2023) cũng nêu rõ việc đổi mới toàn diện công tác giáo dục lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt trong việc tiếp cận và ứng dụng công nghệ số. Điều này nhằm tăng cường hiệu quả giảng dạy và truyền bá tư tưởng Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp giới trẻ hiểu sâu sắc và bảo vệ những giá trị tư tưởng căn bản của Đảng trong thời đại số.

Với những định hướng chiến lược này, bài viết này sẽ làm rõ vai trò và trách nhiệm của đảng viên trẻ - đặc biệt là sinh viên, giảng viên đang công tác tại Đại học Kinh tế Quốc dân - trong việc xây dựng niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại số. Mục tiêu là tìm ra các giải pháp giúp củng cố niềm tin chính trị trong thế hệ trẻ, đồng thời phát huy vai trò của các đảng viên trẻ trong việc truyền bá những giá trị này.

Phần I: Cơ sở lý luận và thực tiễn

Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hoạt động của Đảng và toàn xã hội Việt Nam. Trong đó:

- **Chủ nghĩa Mác - Lênin** cung cấp phương pháp luận khoa học, hệ quy chiếu duy vật biện chứng để giải quyết vấn đề cách mạng.
- **Tư tưởng Hồ Chí Minh** là sự vận dụng đối chiếu sáng tạo và thực tiễn hóa của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện của Việt Nam.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta, nhân dân ta”.

Trong bối cảnh hiện nay, nhiều thế lực phản động, thù địch đang triệt để khai thác không gian mạng để lan truyền thông tin xấu, "diễn biến hòa bình", nhằm lôi kéo đối tượng, nhất là giới trẻ. Các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội, và các nền tảng số đang tạo ra những thách thức chưa từng có trong việc giáo dục lý luận chính trị, yêu cầu một sự chuyển biến mạnh mẽ trong phương thức tiếp cận giáo dục.

Phần II: Thực trạng nhận thức về nền tảng tư tưởng của Đảng trong sinh viên, giảng viên trẻ

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bổ sung và kiên toàn niềm tin vào nền tảng tư tưởng của Đảng. Nhiều người chỉ học để đối phó với kỳ thi, thiếu sự tìm hiểu sâu sắc. Ví dụ, trong một buổi thảo luận lớp học phần “Tư tưởng Hồ Chí Minh”, khi được hỏi về nội dung cốt lõi trong “Di chúc” của Bác, có đến quá nửa số sinh viên không trả lời được, hoặc nhầm lẫn sang những câu trích từ sách kỹ năng sống.

Tuy vậy, một số bạn trẻ vẫn chủ động nghiên cứu, làm video lan tỏa tư tưởng Hồ Chí Minh, tuy nhiên vẫn chỉ chiếm số ít. Trên thực tế tại một câu lạc bộ sinh viên, khi tổ chức chương trình truyền thông về “Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh với sinh viên thời đại số”, nhiều sinh viên tỏ ra thờ ơ, ưu tiên các hoạt động giải trí hơn là tham gia chương trình này. Điều đó phản ánh một bộ phận chưa ý thức sâu sắc về vai trò, giá trị nền tảng tư tưởng của Đảng trong đời sống cá nhân.

Tương tự, giảng viên trẻ tuy đã được đào tạo bài bản nhưng gặp nhiều khó khăn trong việc truyền đạt kiến thức lý luận chính trị cho sinh viên do thiếu kỹ năng truyền đạt hấp dẫn, dễ gần. Nhiều giảng viên chia sẻ rằng khi giảng bài, sinh viên không hứng thú, khiến lớp học lý luận trở nên nặng nề, kém hiệu quả.

Phần III: Vai trò, trách nhiệm của đảng viên trẻ ở Đại học Kinh tế Quốc dân

Tại Đảng bộ Đại học Kinh tế Quốc dân – với gần 60 chi bộ trực thuộc với hàng trăm đảng viên là sinh viên, giảng viên trẻ – đội ngũ đảng viên trẻ đóng vai trò quan trọng trong việc lan tỏa và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ngay trong môi trường học thuật, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đây là lực lượng trực tiếp tham gia công tác giáo dục chính trị tư tưởng, là hạt nhân nòng cốt trong các phong trào đoàn thể, và là tấm gương truyền cảm hứng cho sinh viên.

Trong thời đại số, đảng viên trẻ là lực lượng tiên phong trong các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đồng thời cũng là cầu nối giữa lý luận và thực tiễn, giữa tư tưởng Đảng và đời sống sinh viên. Với những đặc điểm năng động, sáng tạo và tiếp cận công nghệ nhanh nhạy, đảng viên trẻ cần phát huy thế mạnh để góp phần giữ gìn niềm tin chính trị trong sinh viên và cộng đồng học thuật.

Trước hết, đảng viên trẻ phải luôn gương mẫu trong học tập và rèn luyện. Họ cần chủ động tìm hiểu sâu sắc về tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin và biết cách ứng xử phù hợp trên không gian mạng. Từng hành động, lời nói và thái độ sống đều phải thể hiện được phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng.

Thứ hai, đảng viên trẻ nên là người tiên phong đổi mới cách thức truyền thông tư tưởng. Không nên chỉ giảng giải lý luận khô khan, mà cần linh hoạt sử dụng các nền tảng số, tổ chức các buổi tọa đàm, diễn đàn, làm video ngắn hoặc bài viết trên mạng xã hội để lan tỏa những thông điệp tích cực từ tư tưởng Hồ Chí Minh. Các hình thức gần gũi và sinh động này sẽ giúp tư tưởng chính trị đến với sinh viên một cách tự nhiên và hiệu quả hơn, đặc biệt trên các nền tảng như TikTok, Instagram, và YouTube.

Bên cạnh đó, đảng viên trẻ cần phát triển một số kỹ năng thiết yếu như:

- **Kỹ năng thuyết trình:** Để có thể truyền đạt tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lênin một cách lôi cuốn và thuyết phục trong các buổi tọa đàm, diễn đàn.
- **Kỹ năng truyền thông chính trị:** Sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại để xây dựng và bảo vệ hình ảnh chính trị đúng đắn, đặc biệt trong bối cảnh các thông tin sai lệch đang tràn lan trên mạng xã hội.
- **Kỹ năng quản lý mạng xã hội:** Đảm bảo các thông điệp tư tưởng được lan tỏa rộng rãi, đúng hướng và hiệu quả, đồng thời phản bác lại những thông tin sai lệch có tính chất gây hoang mang trong cộng đồng.

Thứ ba, họ phải chủ động tham gia nghiên cứu khoa học, phản biện xã hội,

nâng cao nhận thức chính trị. Khi có lập luận chặt chẽ, có hiểu biết lý luận và thực tiễn thì đảng viên trẻ mới đủ sức bảo vệ quan điểm của Đảng, phản bác thông tin sai lệch trên mạng xã hội hay trong đời sống.

Cuối cùng, đảng viên trẻ cần biết kết nối lý luận với thực tiễn ngành học và đời sống. Việc tổ chức các mô hình học tập kết hợp thực tế, lồng ghép tư tưởng Hồ Chí Minh trong giảng dạy và hoạt động ngoại khóa sẽ giúp sinh viên hiểu rõ tư tưởng ấy không phải điều trừu tượng, mà gắn liền với công việc và tương lai của chính họ.

Phần IV: Giải pháp và kiến nghị

Dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với những yêu cầu thực tiễn đặt ra tại môi trường giáo dục đại học, đặc biệt là tại Đại học Kinh tế Quốc dân – nơi tập trung đông đảo sinh viên, giảng viên trẻ có trình độ cao – việc xây dựng hệ thống giải pháp cụ thể để củng cố niềm tin chính trị cho thế hệ trẻ cần được triển khai đồng bộ, sáng tạo và bám sát thực tế.

1. Phát huy mạnh mẽ vai trò của các chi bộ, đặc biệt là chi bộ sinh viên:

Việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề định kỳ, lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm trung tâm để thảo luận các vấn đề xã hội, nghề nghiệp, khởi nghiệp... sẽ giúp lý luận đến gần hơn với đời sống của đoàn viên, sinh viên.

2. Thúc đẩy các mô hình “Sinh viên nghiên cứu lý luận chính trị” tại NEU:

Các nhóm nghiên cứu trẻ về tư tưởng Hồ Chí Minh cũng cần được nhà trường, Đoàn – Hội hỗ trợ phát triển thành các Câu lạc bộ học thuật có tính bền vững.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong việc học tập và truyền bá tư

tưởng cách mạng: Đại học có thể chủ trì phát triển nền tảng học liệu mở về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tích hợp vào hệ thống LMS (Learning Management System) của NEU. Đồng thời, khuyến khích sinh viên làm clip ngắn, infographic, bài viết sáng tạo để truyền tải thông điệp tư tưởng trên các nền tảng mạng xã hội.

4. Tăng cường phối hợp giữa các khoa chuyên môn với đơn vị sinh viên:

Lồng ghép nội dung lý luận vào chương trình đào tạo – ví dụ, đưa tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội vào các môn học về quản lý công, kinh tế học, kinh doanh bền vững.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và giao lưu tư tưởng với sinh viên các nước

có cùng nền tảng xã hội chủ nghĩa: Các diễn đàn như “Tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa” nên được tổ chức theo hướng kết hợp trực tiếp và trực tuyến, mời các học giả quốc tế, sinh viên nước ngoài cùng tham gia.

Cuối cùng, về phía đảng viên trẻ, cần tự xây dựng kế hoạch rèn luyện tư tưởng, tích cực học tập nghị quyết, đồng thời tham gia chủ động vào các phong trào phản bác luận điệu sai trái trên mạng. Từng đảng viên cần trở thành “người lan tỏa tư tưởng đúng đắn”, vừa bằng hành động thực tiễn, vừa qua lời nói, bài viết và ảnh hưởng trên môi trường số.

Kết luận

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những thời cơ và thách thức đan xen, việc xây dựng niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Đội ngũ đảng viên trẻ – đặc biệt trong môi trường đại học như Đại học Kinh tế Quốc dân – có vai trò nòng cốt trong công tác này. Với sự năng động, sáng tạo và ý chí chính trị vững vàng, đảng viên trẻ sẽ là lực lượng xung kích, góp phần giữ vững nền tảng tư tưởng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và xây dựng tương lai bền vững cho dân tộc.



KỶ YẾU KHOA HỌC

CHÍNH LUẬN VỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG
TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG NĂM 2025